

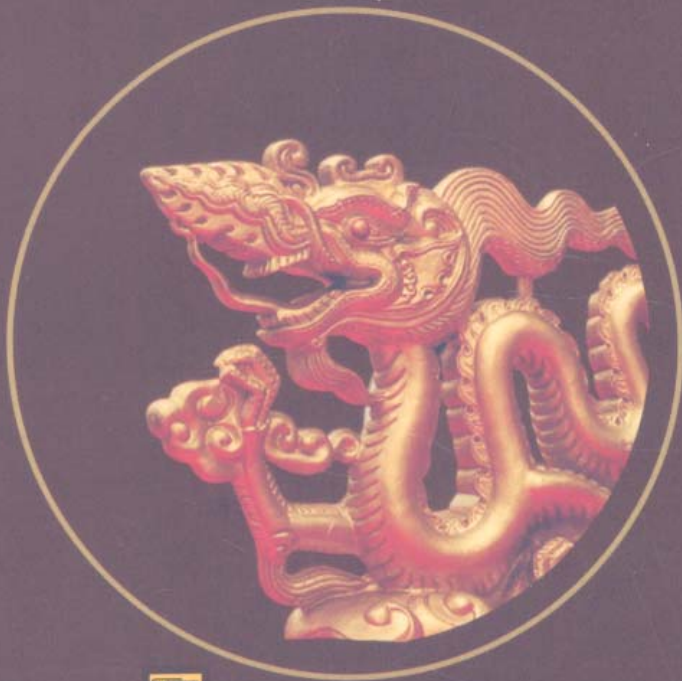


HOÀNG QUỐC HẢI

BÌNH BẮC
ĐẸP NAM

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

3



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



Nhà văn

HOÀNG QUỐC HẢI

Những tác phẩm chính:

TÁM TRIỀU VUA LÝ

(tiểu thuyết lịch sử-bốn tập)

BẢO TÁP TRIỀU TRẦN

(Tiểu thuyết lịch sử -sáu tập)

Ngoài ra ông còn là tác giả
của những tác phẩm sau:

-Chiến lũy đá (tiểu thuyết)

-Sau mùa lá rụng (tiểu thuyết)

-Chờ đến ngày mai (tiểu thuyết)

-Đêm qua làng (truyện ngắn)

-Văn hóa phong tục (khảo cứu)

-Trắng án Nguyễn Thị Lộ

(phê bình, tiểu luận)

-Tạp văn (hai tập)

...



BÌNH BẮC
ĐẸP NAM

Copyright©Hoàng Quốc Hải

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng độc quyền quyền tác giả giữa chi nhánh Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên tại Hà Nội (VanNien book) và tác giả.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng internet, kể cả lấy các ý tưởng từ trong tác phẩm này để sáng tác mà không được sự cho phép bằng văn bản của VanNien book là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của VanNien book và tác giả.



HOÀNG QUỐC HẢI

BÌNH BẮC ĐẸP NAM

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

3



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Gặp tiết đại hàn bảo các quan tả hữu

Trẫm ở trong thâm cung, sưởi lò than thú (than bằng xương động vật), mặc áo hồ cừ, vậy mà khí lạnh còn ghé gớm đến thế huống chi những người bị giam cầm trong ngục, khổ sở về gông cùm, ngay gian chưa định rõ, bụng không đủ cơm no, áo không kín thân thể, một khi gặp cơn gió bắc thổi há chẳng là vô tội mà chết oan ư? Trẫm rất lấy làm thương xót. Vậy hạ lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và mỗi ngày hai bữa cơm phát cho họ.

Lý Thánh tông

SƠ GIẢN PHẢ HỆ NHÀ LÝ

Thái tổ Lý Công Uẩn lên ngôi năm 1010, băng năm 1028.

THÁI TỔ LÝ CÔNG UẨN SINH CÁC CON:

- Lý Phật Mã còn có tên là Đức Chính nối ngôi, miếu hiệu là Lý Thái tông.
- Dực Thánh vương
- Khai Quốc vương
- Đông Chinh vương
- Vũ Đức vương

LÝ THÁI TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Nhật Tôn. Nhật Tôn nối ngôi miếu hiệu là Lý Thánh tông.
- Lý Nhật Trung

LÝ THÁNH TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Càn Đức. Càn Đức nối ngôi miếu hiệu là Lý Nhân tông.
- Minh Nhân vương

LÝ NHÂN TÔNG (không có con phải lấy con của người em trong họ là Sùng Hiền hầu Lý Dương Hoán, lập làm hoàng thái tử và cho nối ngôi).

Dương Hoán lên ngôi lấy miếu hiệu là Lý Thần tông.

LÝ THẦN TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Thiên Lộc- tuy sinh trước nhưng là con người nằng hầu nên không được lập.
- Lý Thiên Tộ được nối ngôi, miếu hiệu là Lý Anh tông.

LÝ ANH TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Long Xưởng
- Lý Long Cán

Long Xưởng làm rồi cương thường không được lập. Em là Long Cán được nối ngôi , miếu hiệu là Lý Cao tông.

LÝ CAO TÔNG SINH CÁC CON:

- Hoàng thái tử Sảm, nối ngôi miếu hiệu là Huệ tông.
- Hoàng tử Thẩm

HUỆ TÔNG SINH CÁC CON:

- Công chúa Thuận Thiên
- Công chúa Chiêu Thánh

I

Theo di chiếu hoàng thái tử Lý Nhật Tôn được quần thần phò trợ lên ngôi vua trước linh cữu của Lý Thái tông.

Thái tông là người nhân hậu nhưng cũng là người chín chu thận trọng. Cũng có thể nói bài học khi Thái tổ vừa băng hà, các hoàng đệ Đông Chinh, Dực Thánh và Vũ Đức đồng lòng nổi lên định cướp ngôi, gây đổ máu; khiến nhà vua không thể không lo việc phòng bị khi mình nằm xuống. Chính vì thế mà ngài lo gây dựng cho Nhật Tôn có đủ tư chất là một bậc trị quốc. Ngoài việc đón các thầy giỏi về Nho học dạy dỗ cho hoàng thái tử thấu đáo cái nhẽ trị loạn ở đời cùng các cung cách chăn dân, tức là sự chăm sóc nuôi vỗ cũng như sự giáo hóa về bốn phận của người dân đối với nhà, với nước. Nho đã vậy, còn Phật, Lão thì sao. Phật là hàng quốc đạo

nên phải có vị trí xứng đáng, vừa tôn trọng vừa nâng đỡ. Lại như với đạo Lão cũng đặt ngang hàng với Nho, Phật. Tuy nhiên đạo Lão từ khi nhập vào dòng văn hóa Việt tộc, nó đã mất đi tính uyên nguyên của Lão học mà thế vào đó là tính hư vô, huyền huyền. Về văn chất thì như vậy, còn đường võ công thì nhà vua đã rèn cặp cho mỗi hoàng tử phải là một người văn võ toàn tài. Họ phải biết cầm quân, phải trở thành những viên tướng giỏi. Riêng với hoàng thái tử, là người sẽ được nối ngôi tôn, phải là bậc trí tướng xuất chúng. Có thể mới tám tuổi được mọi thế lực, mới quy tụ được các bậc hào kiệt, các bậc hiền tài trong nước để đưa vào nắm giữ các nơi then máy.

Ngoài ra Thái tông còn đích thân lựa cho cung Long Đức của hoàng thái tử được những người sau này vào hàng tể thần như Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành.

Hoàng thái tử Lý Nhật Tôn là người hiếu thuận, lại cũng là người hiền đức, thông tuệ nên vừa tiếp nhận được cả sự huấn hỡ lẫn cái chí của vua cha, quyết học hành trui rèn cho tới độ quán thông. Cũng phải nói hoàng thái tử nhận được sự truyền dạy của các nho sĩ, thiền sư, đạo sĩ, cư sĩ cùng các tướng lĩnh đều là những bậc siêu tuyệt vừa có tài vừa có đức, hóa nên cái tâm của hoàng thái tử luôn được nuôi dưỡng trong bầu không khí thanh hòa. Kíp khi vua cha lâm chung thì chàng đã ngoài ba chục tuổi, ở cái tuổi mà Khổng Tử

cho là đủ tư cách làm việc lớn: tam thập nhi lập.

Lý Nhật Tôn tức vị được cả triều đình yêu trọng, dân nước hướng về. Bởi không chỉ nhà vua có đức tốt đã được người trong nước loan truyền từ lâu, mà nhà vua còn có tài. Từng cầm quân đánh dẹp và tỏ ra là một bậc tướng lĩnh vào hàng xuất chúng. Không những thế, nhà vua còn lâu thông kinh truyện và rất sành về âm luật. Ngài thường đặt lời rồi chế nhạc cho các ban nhạc vũ cung đình hát, múa. Nhưng hơn hết và cũng là điều người dân dễ nhận biết nơi vị vua này từ khi còn là hoàng thái tử, đó là tính nhân ái và lòng khoan dung.

Vừa lên ngôi, nhà vua đã xuống chiếu đốt, bỏ các hình cụ làm đau đớn và nhục mạ con người còn rơi sót nơi các cơ quan pháp luật như Đình úy ty, Đô hộ phủ sĩ sư hoặc trong các nơi giam cầm, tù ngục. Lại tha giám tô thuế cho các vùng, miền trong cả nước.

Tân quân cho nhóm họp triều quan và tuyên dụ:

- Một nước mạnh hay yếu là ở như bộ máy điều hành. Bộ máy ấy lại do nơi mỗi con người chi phối. Nếu dùng được người tài giỏi, đức độ và đặt đúng nơi đúng chỗ, đúng sở trường và năng lực thì nó phát tác diệu dụng không biết đâu mà lường. Song nếu vì mờ tối, vì bè đảng mà đưa người yếu kém bất tài, thất đức vào nắm giữ các cơ quan then máy, thì sự nguy hại cho nước cũng không biết đâu mà lường.

Nhà vua khuyến cáo: Các quan làm việc dưới triều tiên đế, ai đã xin cáo quan vào trạc tuổi trên dưới năm mươi từ tiền triều mà chưa được ân chuẩn, nay tự xét còn đủ sức gánh vác công việc vẫn muốn tại chức thì triều “Long Thụy Thái Bình” sẵn sàng tiếp nhận. Ngoài ra, ai ở chức nào vẫn cho giữ nguyên chức đó.

Tuy vậy, các bậc cố lão dù ở chức nào và công lao đến đâu, mà tuổi tác đã vào hàng thất thập, đều được nhất loạt hồi hưu. Nếu không, ta sẽ mang tội bất kính đối với các bậc trọng thân đã có nhiều cống hiến, trải thờ qua hai triều Thái tổ, Thái tông.

Để tiếp tục sự nghiệp của tiên đế, ta cần nhiều hơn nữa các bậc chân tài. Bởi vậy các khanh có trách phận phải tiến cử cho ta được nhiều người tài đức. Tức là có tài, nhưng lại phải có đức nữa.

Vì sao vậy? – Để ta nói rõ điều này cho các khanh dễ biện biệt. Bởi người đời thường hay nhầm lẫn. Ví như thấy người nào ăn nói hoạt bát, thẳng lại đưa ra dăm ba lời nói có vẻ cao siêu, bí ẩn và bảo đó là lời của các đức Khổng Tử¹, Mạnh Tử². Và khi bàn đến các điều viên

1 Khổng Tử (551 - 479 tr CN) : Nhà tư tưởng, nhà giáo dục thời Xuân Thu, người sáng lập Nho giáo, tên Khâu, tự Trọng Ni.

2 Mạnh Tử (372 - 289 tr CN), nhà tư tưởng đời Chiến quốc, tự là Mạnh Dư. Tổ tiên Mạnh Tử là công tước nước Lỗ, học trò tái truyền của Tử Tư, đại diện cho dòng chính thống của Khổng Tử.

vong lại bảo lấy ý từ Phật¹, Lão².

Thấy những người như vậy, đời thường cho là người giỏi, người tài. Cho nên nếu chưa biết rõ người ấy thì chưa nên tin những lời người ấy nói, mà hãy xem các việc người ấy đã làm. Nếu họ chưa làm được việc gì đáng gọi là ích nước lợi dân thì các lời nói kia đích thị là của kẻ xảo ngôn, kẻ lộng ngôn, kẻ loạn ngôn. Thật ra những bậc chân tài ở đời, lời nói của họ chính là các việc họ đã làm đấy. Cho nên Lão Tử nói: “Ngôn giả bất tri”. Hoặc “Tri giả bất ngôn” cũng tức là như vậy.

Kẻ nói ở đây phải hiểu là kẻ ba hoa lộng ngôn, là kẻ chẳng biết gì. Còn như người đã quá hiểu biết rồi tất chẳng cần phải nói ra làm gì!

Hoặc “Tri giả bất ngôn” cũng tức là như vậy.

Khi đã tìm được người có tài rồi, lại phải xem xét đức hạnh của họ nữa. Thế nào được gọi là người có đức hạnh? Người có đức hạnh là người lúc nào cũng đặt lợi

1 Phật: Nguyên là thái tử Tất Đạt Đa (Shiddhartha) con vua Tịnh Phạn nước Ca Tì La Vệ ở phía đông bắc Ấn Độ. Ngài mang họ Thích Ca, sau được các tín đồ tôn xưng là Thích Ca Mâu Ni (Cakya Muni) tức là bậc thánh nhân thuộc dòng họ Thích Ca.

Ngài sinh năm 565 và mất 486 tr CN là người sáng lập ra đạo Phật.

2 Lão Tử, nhà tư tưởng dưới thời Xuân thu, người sáng lập ra học phái Đạo gia của Trung Hoa cổ đại.

Theo *Sứ ký* của Tư Mã Thiên, Lão Tử liệt truyện thì họ Lý, tên Nhĩ, tự là Bá Dương, thụy là Đàm, không rõ năm sinh và mất. Tác phẩm nổi tiếng của Lão Tử có *Đạo đức kinh* khoảng 5000 chữ.

quyền của số đông, tức là lợi quyền của quốc gia, dân tộc lên trên hết. Người có đức hạnh cũng là người có lòng khoan dung, và không chỉ cảm thông mà còn biết chia sẻ và chăm sóc cho những người quan quả cô đơn, những người tứ cố vô thân, những người cùng đinh nghèo kiết, thấp cổ bé họng có oan ức cũng không biết kêu, hoặc không dám kêu cứu ở bất cứ cửa nào.

Ngừng lời, nhà vua nhìn khắp triều quan một lượt, ngài lại tiếp:

- Đó, triều “Long Thụy Thái Bình” của ta cần những người tài đức như vậy, mong các quan ráng kiếm tìm rồi tiến cử. Trong việc tiến cử có điều các quan nên biết:

- Một là có thể tự tiến cử mình vào các chức còn khuyết chưa có ai đảm nhận, hoặc vào chức nào mà mình cảm thấy sẽ làm được tốt hơn người đang giữ chức đó.

- Hai là có thể tiến cử bất cứ ai, không kể nguồn gốc xuất thân của họ thuộc hạng nào, miễn là họ có tài, có đức.

- Ba là, được quyền tiến cử cả người thân thích trong nhà, trong họ, bè bạn.

Nhưng ta cũng lưu ý các quan điều này:

- Một là những người được tiến cử phải qua kỳ khảo hạch, kỳ phúc hạch. Ta sẽ đích thân coi kỳ phúc hạch.

- Hai là phải trái qua thời kỳ thử thách là ba năm. Trong ba năm tạm quyền mà người đó tỏ lộ được chân tài, và là người có đức hạnh thì được bổ nhiệm chính thức vào chức vụ đó.

Nếu mọi việc đều hanh thông cả, thời người tiến cử sẽ được khen thưởng. Ngoài tiền bạc ra, tước còn cho tới bốn tư. Ngược lại, vì tham lam hoặc vì muốn gây bè kết cánh mà tiến cử người thân, bè bạn là những kẻ bất tài, vô hạnh vào giữ các chức quan yếu trong bộ máy quốc gia thì căn cứ vào sự gây hại hoặc gây rối của những kẻ đó khi ở chức mà trị tội cả người tiến cử lẫn người được ở chức một cách gian dối đó.

Dường như để cho triều quan nhuần thấm ý tứ các điều nhà vua vừa truyền phán, một lát lâu sau vua lại nói:

- Để các quan yên tâm, nay ta tuyên cáo danh vị từng người. Sau đó, ai thấy có điều gì như việc tự tiến cử hoặc đề cử người khác thì cứ mạnh dạn tâu lên.

Trước hết ta bổ nhiệm Lý Đạo Thành giữ chức Thái sư; Quách Thịnh Dật giữ chức Thái úy coi quân các đạo; Lý Thường Kiệt giữ chức Thiếu úy, coi cấm quân...

Nhân đây ta nhắc các ông được giữ các chức tả, hữu phúc tâm đức vào hàng tâm phúc của ta, thời phải lo trước hết chính cái tâm của các ông. Phải giữ cho cái tâm lúc nào cũng hư tĩnh, không để cho vật dục che mất

cái sáng suốt tự nhiên.

Khi tâm hư tĩnh ắt nuôi dưỡng được cái sáng suốt tự nhiên, thì có vật gì cảm đến là ứng ngay được, và cái nhẽ phải quấy tức thì hiển thị. Tâm người ta mà hư tĩnh bao nhiêu, thì cái trực giác lại càng mẫn nhuệ bấy nhiêu, và khi đó chỉ thoáng qua sự việc là phân biệt ngay được đục trong, gian tịnh. Và khi lời nói từ những cái tâm đó phát ra, là chính trực, là gần với cái lý của đạo. Ta cần những người tâm phúc như thế, giúp ta nhìn mọi việc cho sáng sửa, mạch lạc để khỏi sa vào nơi tối tăm rối rắm, chứ không phải ta cần người làm do thám để cho mọi việc lại rối tung lên.

Với các quan ở chức tả hữu gián nghị, ta rất mong nhận được những lời can nghĩa khí. Các gián quan cùng các quan phúc tâm chính là tai mắt, là đầu óc của ta, giúp ta tránh được sự hồ đồ mỗi khi ta quyết định một việc gì, cũng tức là giúp ta tránh được những điều họa hại cho dân, cho nước.

Các quan thấy đều nhận biết tấm lòng nhà vua nhân hậu và cầu thị. Nhà vua vừa dứt lời, trăm quan phủ phục đáp lễ:

- Tạ ơn hoàng thượng! Tạ ơn hoàng thượng! Hoàng thượng thiên tuế!

Nhà vua giơ chiếc kim hốt lên vẩy vẩy rồi ngài chậm rãi:

- Những điều ta vừa nói cũng như những việc ta hỏi các ông phải làm thực ra không có gì khác hơn điều các tiên đế từng nói và việc các tiên đế đã từng làm. Trong số các ông đây có người trải thờ hai triều Thái tổ, Thái tông hẳn đã được chứng kiến. Tuy nhiên, ta vẫn phải nhắc lại, bởi bộ máy công quyền là cốt tủy của một triều đại, của mọi thời đại, mà cốt tủy của bộ máy ấy lại trông cậy vào từng con người được giao phó công việc. Hóa nên việc ta sắp xếp lại các cơ quan then máy và cất cử người đảm trách tưởng như là không có gì mới, kỳ thực nó là mới đấy. Và lại việc làm này nếu được canh cải đúng đắn sẽ đem lại lợi ích cho dân, cho nước không biết bao nhiêu mà kể.

Nhà vua vừa dứt lời, các quan râm ran bàn tán, đại để mọi người đều có vẻ hài lòng về cung cách hành xử của vua mới.

Lý Thường Kiệt nói nhỏ bên tai Lý Đạo Thành:

- Hoàng thượng cử quan huynh giữ ngôi Thái sư thật là sáng suốt. Cả mấy người tả hữu gián nghị đại phu, tả hữu phúc tâm thật là đúng người, đúng việc. Tôi tiên lượng, hoàng thượng sẽ nối được đức nghiệp của các tiên đế một cách xuất sắc đây.

Lý Đạo Thành khề gật gật mái đầu chớm bạc. Ông vuốt chòm râu sợi đen chen sợi trắng rồi quay về phía Lý Thường Kiệt chậm rãi:

- Chắc quan Hoàng môn biết rõ hoàng thượng hơn bản chức. Vì rằng quan huynh được châu hầu hoàng thượng, từ thuở thiếu thời, vừa có tình cố cựu vừa có nghĩa vua tôi. Từ hồi người còn là hoàng thái tử, được vua cha cử đi đánh dẹp, người chẳng từng chọn quan Hoàng môn giữ ấn tiên phong đó sao. Cho nên bây giờ hoàng thượng trao cho quan huynh chức Thiếu úy không chỉ là thích hợp mà còn là tri kỷ nữa đấy.

Hai vị tân quan khẽ cười vui. Các quan ngồi gần đều nghe thấy và cùng chia sẻ.

Nhà vua lại hỏi:

- Các khanh thử xem việc bổ nhiệm và tái bổ nhiệm vào các chức mà ta vừa tuyên cáo như vậy còn điều gì cần bổ cứu cứ tâu báo. Lại xem có việc gì cần canh cải, các khanh cứ xướng xuất. Chẳng nhẽ triều đại mới chỉ có việc cải niên hiệu cùng việc bổ nhiệm quan chức sao. Đành rằng đó là hai việc bắt buộc đối với bất cứ một triều đình nào.

Các quan lại nhỏ to bàn luận. Bổng Văn minh diện đại học sĩ Bùi Gia Hựu xuất bân tâu:

- Bệ hạ cho nói, thần xin khải một việc sau đây.

So với nước Tống thì quả là nước ta bé thật. Nhưng so với các nước lân bang như Lão Qua, Chiêm Thành, Chân Lạp, Trảo Oa... thì ta lại là nước lớn. Chẳng như ý thức được điều này, nên khi Bộ Lĩnh lập ra triều nhà

Đình, nhà vua đã lấy Quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Nhưng cái tên ấy, thần nghe vẫn chưa thuận tai, bởi đã “đại” lại còn “cồ”. Đại và cồ đều có nghĩa chỉ một vật lớn. Vậy xin bệ hạ cho các quan bàn về quốc hiệu, rồi lấy ra một cái tên cho hợp với thể đi lên của nước mình, cả về chữ nghĩa và âm luật cũng phải thuận tai mà không ai có thể bắt bẻ vào đâu được.

Các quan đều về hòa với lời tâu của Bùi Gia Hựu. Nhà vua thấy không khí triều hội như được khuấy động hẳn lên. Thánh tông vui vẻ phán:

- Các khanh nói rất hợp ý ta. Đúng là ta phải có một quốc hiệu sao cho nó hợp với cái thể đang lên của nước mình, nhưng lại không trái truyền thống trải từ mấy ngàn năm lịch sử của người mình. Vậy chư khanh cứ bàn thảo đi rồi ta quyết.

Lời qua ý lại thì nhiều, nhưng chưa ai đưa ra được một cái tên khả ái.

Sau rốt, Thái sư Lý Đạo Thành lên tiếng:

- Tâu bệ hạ cùng chư liệt vị, như ý quan Văn minh điện đại học sĩ thì trong hai chữ trùng nghĩa ấy ta bỏ bớt đi một chữ. Ví như bỏ chữ “cồ”, còn hai chữ “Đại Việt” lấy làm tên nước, tưởng không còn chữ nào có thể hay hơn.

Tâu bệ hạ, chữ “Việt” vốn là tên của bộ tộc ta, nên không thể thay thế bằng bất cứ tên nào khác được.

Duy có chữ “Việt” thì từ xưa tới nay nhiều học giả băn khoăn không biết nên chọn bộ “mễ” hay bộ “tẩu”. Bộ “mễ” thì lấy cơ rằng, người Việt mình là dân tộc trồng lúa, sống bằng lúa gạo. Nhưng trồng lúa và sống bằng lúa gạo, thì các tộc Việt sinh sống suốt một dải phía nam sông Trường Giang ngày nay đều như thế cả, chứ có riêng gì nước mình. Thành thử theo ý thân để phân biệt với “Bách Việt” mà nay hầu hết đã bị Hán hóa, ta nên dùng bộ “tẩu”. Chính cái bộ “tẩu” này là để chỉ tộc người “Lạc Việt” chúng ta đã vượt ra khỏi Bách Việt mà người Hán đã thu tóm.

Đại Việt! Đại Việt!... Mọi người nhắc đi nhắc lại làm râm ran cả triều hội, tình vua tôi thật là gần gũi.

Trong không khí ấm áp mà đượm vẻ thiêng liêng, vua Thánh tông liền bước ra khỏi long ngai, tay nắm lại chiếc vành mũ, ngài trịnh trọng phán:

- Hỡi các khanh, việc đặt tên nước thật không thể tùy tiện theo ý thích của một người, dù người ấy là thiên tử. Cho nên ta thấy quan Văn minh diện đại học sĩ Bùi Gia Hựu nêu ra sự phi lý trong cái tên do nhà Đinh đặt như thế đủ biết trí tuệ của thời đại ấy bị hạn chế nhiều lắm.

Dừng lại giây lát nhìn khắp các triều quan, nhà vua lại nói, giọng ngài vang vọng:

- Vậy thời, nếu các khanh không còn điều gì bày

tỏ nửa thời theo ta, nhờ tàu của quan Thái sư Lý Đạo Thành là hợp hơn cả. Tên nước ta từ nay gọi là ĐẠI VIỆT, chữ Việt của ta lấy trong bộ “tẩu” thay vì bộ “mễ”.

Các giấy tờ ở trong nước, thư từ giao dịch với nhà Tống và các nước lân bang từ năm Giáp Ngọ (1054) Long Thụy Thái Bình thứ nhất, quốc hiệu nước ta là ĐẠI VIỆT.

Nhà vua vừa dứt lời, các quan đều nhất loạt đứng dậy đồng thanh hô:

- Thánh thượng thiên tuế! Thiên tuế! Thiên thiên tuế!...

Vua Thánh tông tươi cười vung chiếc kim hốt ra hiệu cho bãi triều.

II

Vừa uống xong mấy chén trà sớm, ông đồ Lê Trung Lương khoác lên mình tấm áo kếp, chân xỏ vào đôi guốc gộc tre, đảo ra vườn xem mấy nhành mai nở muộn.

Ra giêng, cái rét không còn giá buốt như hồi một, chạp. Rét tháng giêng là thứ rét ngọt, không ào ạt, nhưng nó cứ thấm dần vào da thịt khiến ta phải rùng mình bất chợt.

Vườn nhà thầy đồ Trung Lương có hai gốc mai, một gốc đào. Mai, đào thay nhau nở từ khoảng hai lăm tháng chạp tới gần hết tháng giêng.

Gốc mai phía đông cứ sau lễ tiễn ông Táo về trời thì nở bói một vài đò. Khoảng từ mừng một tới mừng tám tết thì mãn khai và lộc nảy xanh um. Còn cây đào giữa vườn sớm mừng một tết nào cũng loáng thoáng

dăm bảy chục bông hồng phớt, như những đốm lửa lập loè giữa những chồi non nhu nhú, và tới khoảng mười tháng giêng thì bùng lên thành một khối màu rực rỡ tỏa khắp sân vườn.

Gốc mai phía tây lại chỉ trở hoa vào cỡ lễ thượng nguyên. Nay đã là mười bảy, mười tám tháng giêng rồi mà cây chi mai gan góc mới khai được hơn chục bông trắng muốt như tuyết trên những cành mảnh mai màu nâu mốc. Ông đồ Trung Lương có cái thú ngắm hoa tại vườn, ngắm trên thân cành của nó. Và ông đoán hoa sẽ nảy từ khoé nách nào trên mỗi cành, từ khi nó chỉ hơi hé chiếc nụ chờ bằng đầu mũi kim từ trước đó cả tháng. Chi mai đẹp ở chỗ nó chỉ nảy thưa thớt một vài bông trên những cành gầy guộc rần rỏi như cốt cách người quân tử. Thảo nào, người ta thường ví mai như những người có chí khí cao thượng.

Làng xóm cứ khen nhà ông đa tài, đa lộc. Tài mà bà con thường khen, ấy là việc ông đồ thường cho chữ mọi người: khi thì đôi câu đối mừng thọ, lúc việc hỷ, việc hiếu. Ở cái làng Sủi này những lúc vui, buồn cần chia sẻ, bà con đều chạy đến ông xin chữ. Thật ra, chữ cho đây là chữ của thánh hiền chứ ông làm gì có chữ mà cho. Ấy vậy nhưng người ta vẫn cứ bảo ông là tài. Thôi thì xử mù, thăng chột làm vua. Ông đồ vừa nghĩ vừa cười thâm. Kể ra thì cũng đúng thôi, khắp mấy làng đây chỉ có một dúm người biết chữ. Còn đủ chữ để ngồi dạy

học thì chỉ có mỗi một mình ông; hèn gì người ta chẳng bảo ông là người tài, là đa tài. Ấy thế nhưng nhiều lúc ông cũng thấy bí. Vì rằng nhiều hoàn cảnh của người được mừng hay được viếng rất éo le. Ngôn từ mà không hợp với hoàn cảnh sẽ là sự mỉa mai; khích bác, kính chẳng bõ phiền, biến thân thành sơ, biến bạn thành thù, tội lại ở người thủ bút. Ví như viếng một người chết trẻ, chết non mà thầy hạ bút viết: "Phúc như đông hải. Thọ tựa nam sơn" thì có khác gì bởi móc nhà người ta, nói cạnh nói khố khiến thân nhân phải đau lòng mà oán giận. Và cái trướng phúng ấy sẽ nhanh chóng được hạ xuống. Được thiêu hủy đi kèm với lời mắng mỏ và chửi tục người chấp bút xỏ xiên.

Người đời đã khen ta đa tài lại còn khen ta đa lộc nữa. Đúng là nhà ta nhiều lộc thật. Dầy một vườn, nào hoa, nào lá. Suốt mấy tháng trời, vườn nhà cứ như một bức tranh lớn: hồng rực hoa đào, trắng tuyết hoa mai, lộc non, lá nõn mơn mớn xanh um cứ phờ ra trước mắt dân làng thế này ai nữ kiếm một lời khen.

Ông đồ đang mãi ngắm một nụ hoa hàm tiếu, ông có cảm giác như nó đang cựa mình. Chợt có tiếng bà đồ vừa dọn ấm chén, vừa nói băng quơ:

- Ở này ông đồ đi dâu rồi. Tôi tưởng sớm nay ông sang thăm ông đồ Gủ.

Từ ngoài vườn, ông đồ lên tiếng:

- Phải, sớm nay tôi sang thăm ông đồ bên làng Gủ. Nhưng bà thấy thằng Thoại đến chưa. Nó chưa tới, bà bảo con Khiết đi gọi giùm tôi.

- Để tôi đi gọi cho, con Khiết nó đi thả trâu chưa về.

- Dạ con đây! - Vừa về tới đầu sân, nghe mẹ nói, Khiết đã vội lên tiếng.

- Thưa thầy, con đi tìm anh Thoại thì nói thế nào ạ.

- Ờ, con bảo anh ấy tới ngay để đi cùng thầy sang làng Gủ¹. Hôm qua thầy đã bảo anh ấy xin phép thầy bu anh ấy để đi cùng thầy. Lớp học hôm nay vẫn nghỉ. Hai mươi nhăm tháng giêng mới học, thầy đã dặn các trò hồi tháng chạp, trước khi nghỉ tết rồi.

Khiết chưa kịp đi thì Thoại đã tới đầu sân. Con chó vàng từ trong gầm giường chạy bổ ra ôm lấy chân Thoại mừng cuống quýt. Rõ ra là cậu học trò này vừa gần nhà thầy vừa được thầy yêu. Cứ xem cung cách con chó nó mừng Thoại, đủ biết tình cảm của cậu học trò này đối với mọi người trong nhà.

Thoại là một thiếu niên tuấn tú, trạc mười lăm,

¹ Làng Gủ là tên nôm của làng Bảo Tháp xã Đông Cứu, huyện An Định, lộ Bắc Giang, nay vẫn là làng Bảo Tháp. xã Đông Cứu, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Đây chính là quê hương của Lê Văn Thịnh, người đỗ đầu khoa Minh kinh bác sĩ và nho học tam trường thời Lý Nhân tông (1075).

mười sáu tuổi, mắt sáng, mũi cao, trán rộng, tai dày, vành tai to và vùm. Tam đình ngũ nhạc cân đối, hài hòa. Thoại học hành vào loại giỏi được thầy đồ yêu, di đầu thầy cũng cho đi theo cấp tráp như một chú tiểu đồng. Ở làng Súi¹ này, gia đình nhà Thoại giàu vào loại nhất nhì, nhưng cha mẹ cậu ăn ở có đức có nhân cũng vào loại nhất của cả vùng này. Đại loại như những năm mất mùa đói kém, thường đem lúa gạo chẩn cấp cho những người nghèo đói trong làng, hoặc nấu cơm nắm thành từng nắm nhỏ, phát cho người hành khát qua đường. Vì thế dân làng cứ gọi vợ chồng ông là “ông bà Phúc”, lâu dần thành tên, còn cái tên cha mẹ đặt cho ông hầu như chẳng ai còn nhớ đến nữa. Cũng do ăn ở phúc đức, nên con cái nhà ông Phúc người nào cũng mặt mũi khôi ngô, đầy đặn, học hành sáng dạ. Thoại cũng vậy, học hành giỏi giang, văn bài xuất sắc nhưng lại khiêm cung, giản dị nên được thầy yêu, bạn mến.

Ông bà Phúc muốn con nên người, đã hết lòng gửi gắm và trông cậy nơi thầy đồ Lê Trung Lương. Thực tình, ông bà Phúc còn có ý nhắm nhe cô Khiết, con gái rượu của ông đồ. Đôi ba lần bà Phúc cứ giục chồng nên có nhờ với ông bà đồ, nhưng ông Phúc lại gạt đi:

1. Làng Súi là tên nôm của hương Thổ Lỗi, sau Lý Thánh tông cho đổi là hương Siêu Loại. Thời Lý, hương Thổ Lỗi thuộc quận Gia Lâm, các đời sau thuộc trấn Kinh Bắc. lộ Bắc Giang. Sau triều Mạc, triều Nguyễn lại thuộc trấn Hải Dương. Sau thuộc về tỉnh Hưng Yên.

- Vẫn biết cô Khiết với thằng bé nhà này đẹp người, đẹp nét, đẹp tuổi, đẹp đôi rồi. Nhưng bà thử tính xem, cô ấy còn nhỏ tuổi quá, sinh năm Giáp Thân (1044), thằng bé nhà mình sinh năm Nhâm Ngọ (1042). Con nhà mình năm nay mười bốn tuổi, sắp cưới vợ được rồi. Nhưng cô Khiết mới có mười hai tuổi, bên nhà ông bà đồ lại neo người quá, chính vì thế mà tôi còn băn khoăn.

- Đào ôi, ông băn khoăn cái nỗi gì. Năm nay cô ấy mười hai, sang năm thì mười ba tuổi chứ sao. Ông chẳng từng nghe: nữ thập tam, nam thập lục ư? Cứ chần chừ nhà khác họ nâng tay trên mắt của thằng bé. Người mỏng mày hay hạt như cô Khiết, ối nơi dòm ngó. Nhìn vào tận mắt ông, bà lại hỏi.

- Tôi còn nghe nói, nhà cô Khiết học hành cũng giỏi giang chẳng kém mấy cậu con trai. Việc ấy thực hư thế nào hả ông?

- Chính thế đấy bà ạ, nhà người ta là nhà học thức. Bà đồ cũng là người hay chữ lắm đấy. Vì thế, người ta phải lo cho con cái học hành, bây giờ mình xía vào là không được đâu.

- Rõ khéo, đàn bà cần gì chữ nghĩa. Nhà mình chỉ cần một đứa dâu hiền, biết lo toan, khu xử, trên dưới phân minh, sinh con đẻ cái nối dõi tông đường thế là đủ rồi ông ạ.

Ông Phúc cười khà khà.

- Bà chỉ được cái tham lam vợ vào. Nhưng lại tham một bát, bỏ một mâm. Chữ nghĩa là cái cần nhất cho con người ta ở đời thì bà lại bỏ, không cần.

Bà Phúc cười xởi lởi:

- Thế thì tôi mới là đàn bà. Khôn ngoan cũng thế đàn bà. Dẫu rằng vụng dại cũng là đàn ông. Thôi, mọi việc ông cứ nghĩ, cứ lo, tôi chỉ cần một nàng dâu như cái nhà cô Khiết con ông bà đồ Trung Lương là được.

Thoắt bà đồ đã gói ghém xong quà cáp để ông đồ đi thăm bạn. Quà lễ thật đơn sơ, một bao trà, hai khuôn bánh chè lam gói bọc kỹ trong lá chuối khô, bỏ vào chiếc tay nải nâu.

Ông đồ bữa nay vận áo dài gấm lam, quần đùi nhuộm nâu, đầu quấn khăn vành dây bằng lượt màu tím trum lên búi tóc phía sau gáy, chân đi dép da trâu. Cậu Thoại chưa đến tuổi búi tóc nhưng đầu cũng quấn khăn vành dây bằng nhiều màu lá mạ, mặc áo dài gấm màu vải thanh cát, quần đùi mộc, chân đi dép da trâu, quai ngang.

Ông đồ vóc dáng mảnh mai, mắt sáng, râu dài; tuy mới gần năm chục tuổi nhưng dân làng thường gọi ông là “cụ đồ”.

Cậu Thoại, tên đầy đủ là Nguyễn Sĩ Thoại, khoác lên vai chiếc tay nải nhẹ tênh. Thật ra ông Phúc chỉ đặt

cho con cái tên là Nguyễn Văn Thoại; nhưng ông đồ Lê Trung Lương thấy người học trò của mình vừa thông tuệ, vừa trực tính, có tư chất kẻ sĩ, nên ông cho người học trò yêu cái chữ tên lót đó.

Vừa ra khỏi nhà, hai thầy trò nhằm hướng bắc trực chỉ.

Tháng giêng, ra khỏi ngõ đã gặp khách đi chơi hội. Từng đoàn, từng đoàn cứ lũ lượt từ làng nọ chạy sang làng kia vừa kết chạ¹ vừa để xem các trò lạ của làng khác. Hai thầy trò lẫn vào trong các đoàn của khách trải hội. Trống chèo, trống vật, trống thúc du xen với tiếng reo hò cứ lẫn khuất sau các lũy tre làng rậm rạp như những dải rừng đứt nối.

Hai thầy trò vừa đi vừa nói chuyện, thuận những chuyện thơ, phú văn bài. Chuyện gì thầy gợi ra, trò cũng ít nhiều ứng đối được khiến ông đồ rất đổi hài lòng. Chợt thầy hỏi:

- Cái chí của con sau này muốn làm gì?

Sĩ Thoại bẽn lẽn:

- Thưa thầy, con chỉ muốn học thầy mãi mãi. Còn làm nghề gì, con chắc thầy sẽ chỉ cho con.

Ông đồ dừng lại, tay vịn vào vai người học trò

¹ Chạ là một từ cổ vẫn tồn tại tới trước 1945. Làng này kết nghĩa với làng khác gọi là “kết chạ”. Hai làng đã “kết cha” coi nhau như người cùng làng.

yêu, giọng nghiêm trang, ông nói dần từng tiếng:

- Con người ta sống ở trên đời là phải có chí hướng. Con định tiến thủ trong nghề nào, con phải nuôi lấy cái chí rồi suốt đời theo đó mà hành hóa thì mới mong có sự nghiệp. Còn con bảo sẽ học thầy mãi mãi thời thầy cũng phải nói thực. Tới đây ông đồ nhìn thẳng vào đôi mắt trong veo của Sĩ Thoại nói:

- Thầy sắp hết chữ rồi!

Sĩ Thoại giật thót mình, nhưng cậu chỉ nghĩ rằng thầy nói thế để cho mình nuôi chí mà học.

Chỉ vào phiến đá bên gốc cây phía trước, ông đồ bảo:

- Ngồi đây nghỉ một lát cho đỡ nhọc.

Sĩ Thoại lấy tay phủi bụi trên mặt phiến đá rồi mời thầy ngồi. Ông đồ hai ba lần bảo Sĩ Thoại ngồi cùng nhưng chàng chỉ xin phép đứng hầu thầy.

- Thầy nói thật, con đừng buồn – ông đồ nói tiếp – Con phải thấy, học hết chữ thầy là điều đáng mừng chứ. Thầy cũng không mong gì hơn có được những học trò như vậy. Chỉ riêng con thôi, còn đám cùng trang lứa với con thì làm sao đã học hết được chữ của thầy.

Gương mặt chàng thiếu niên từ buồn thiu trở nên rạng rỡ. Chàng ta xúc động quá bèn ôm lấy đầu gối người thầy học, mắt ngược nhìn thầy mà lệ cứ trào ra. Chàng lễ phép hỏi:

- Thưa thầy, sự học của con chẳng nhẽ lại kết cục ở đây sao. Con không nghĩ là thầy đã hết chữ. Hay con có lỗi gì thầy cứ quở trách, con xin đổi lỗi.

- Không phải thế đâu con. Chẳng nhẽ bấy nhiêu năm thầy trò gần gũi, con còn chưa hiểu ta sao. Hôm nay ta dẫn con đi, chính là vì việc học của con đó.

- Thưa... thầy chẳng báo con sang làng Gủ thăm bạn của thầy...

- Đúng thế, bạn thầy ở làng Gủ. Ông đồ Gủ con còn chưa nghe tiếng đồn ư? Ông đồ làng Gủ chính là thầy Lê Minh Quang đấy. Khắp trong lộ này giới lắm được vài ba người như thầy đồ Gủ thôi con ạ. Bọn ta ở trong văn trường biết nhau cả mà. Bữa nay ta đưa con sang để gửi gắm đây. Nếu hồng phúc nhà con vượng, con được nhận học với ông đồ Gủ bạn ta, thời con có cơ may thành tựu.

- Trăm sự con trông cậy nơi thầy. Nhưng sao thầy không cho thầy bu con biết ý định của thầy?

- Con ơi, cái chính là thầy Minh Quang chứ. Nếu sang Gủ hôm nay, duyên con đã hội đủ, thầy Quang nhận lời dạy con, thời thầy sẽ bàn bạc với thầy mẹ con các việc phải làm sau đó.

Khi mặt trời gần đứng bóng cũng là lúc hai thầy trò đã vào tới đầu làng Gủ.

Lại nói về thầy đồ Lê Minh Quang, tuổi tác cũng

trên dưới năm mươi như thầy đồ Sủi, nhưng tiếng tăm nổi không chỉ trong vùng mà còn vang tới cả kinh thành Thăng Long.

Ngay Thăng Long, chốn kinh kỳ văn vật là thế, mà nhiều người còn về cầu cạnh gởi con theo học thầy đồ làng Gủ. Chuyện thật mà khó tin.

Tuy vậy, thầy đồ Gủ không phải là người háo danh, nhận đông học trò, nhất là học trò con cái các nhà danh gia vọng tộc để lấy tiếng. Trường của thầy nạp số học trò không quá năm chục người, chia làm ba lớp. Chuẩn mực chọn lựa học trò của thầy trước hết là đức hạnh, sau đó là tướng mạo, cuối trót mới là đầu óc thông sáng. Ba điều đó tuy đặt cái trước cái sau, nhưng ông đồ Gủ không xem cái nào trọng hơn cái nào. Vì rằng theo ông, những người học hành thành đạt, sẽ là những người sẽ đem tài sức của mình ra giúp đời, giúp nước. Người làm quan mà thiếu đức ư, nó sẽ biến dần thành những con sâu, con mọt, rồi nó phình đại ra thành con hổ, con báo; tới nước ấy thì nó chẳng thèm hút mủ, hút máu người dân nữa mà nó ăn thịt dân, nó làm cho xã hội chao đảo, nát rối và sụp đổ. Người làm quan mà tướng mạo dị thường ư? Sẽ làm cho người dân không có thiện cảm, họ sẽ xa lánh, sợ sệt hoặt khinh thị. Vả lại như dân gian thường nói: "Trông mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo thì lòng mới ngon". Cho nên tướng mạo người làm quan, ít nhất cũng phải được như

người bình thường. Những kẻ ác độc, xảo quyệt, tham bản thường có biểu hiện trên mặt, người đời dễ nhận biết, người lương thiện nhận ra kẻ bất thiện sớm nhất. Lại nữa, người làm quan cần phải có đầu óc thông sáng. Vì nếu đầu óc u tối sẽ nhìn gà hóa cuốc, rồi suy diễn việc bé xé ra to, làm rối tung mọi việc cũng tức là làm rối loạn xã hội. Tự trung, việc kén học trò của thầy Lê Minh Quang chính là kén người có đức để rèn luyện thành các bậc chân tài cho đất nước. Việc đó nó khởi từ cái tâm của người thầy chứ có ai buộc thắt đâu. Vì vậy, những trò nào chỉ cốt học cho biết chữ và nhuyễn văn chương như những con vẹt, ắt không phải là học trò của thầy Lê Minh Quang.

Sớm nay thầy đồ Gú đang giảng cho lớp học trò lớn về cái dũng của người quân tử, bỗng có một cậu học trò ở lớp dưới chạy vào khoanh tay nói:

- Thưa thầy, nhà sắp có khách ạ.
- Khách từ đâu tới con? - Thầy hỏi lại.
- Thưa, con không biết.
- Vậy sao con lại bảo ta nhà sắp có khách?
- Dạ có con chim khách đến kêu ba tiếng.
- Nó đậu ở phương nào?

- Thưa thầy, nó đậu trên bông cau sai quả nhất của cây cau liên phòng ở phía tây vườn nhà ạ.

Thầy đồ gật gật mái đầu bạc:

- Thôi được, “đông khứ, tây lai”... “một tiếng khách xa, ba tiếng khách gần”. Ngâm nghĩ giây lát thầy gọi các học trò đến sai bảo:

- Lớp nhỡ, lớp nhỏ thầy cho nghỉ học về nhà. Lớp lớn quét dọn nhà cửa, đánh rửa khay chén, nấu nước pha trà cho thầy xong gọi gà về nhốt cho thầy một con. Khi nào khách đến, các con giết gà làm cơm cho thầy. Nhớ không được để cho gà kêu khi cất tiết đó các con.

Cất đặt xong xuôi đầu vào đấy, thầy đồ vào kỹ ngồi. Ấm nước đặt trên hỏa lò réo sôi, thầy vội pha một ấm. Nước rót để nguội cũng chẳng thấy tăm hơi khách, thầy nóng ruột ra dầu ngô ngóng mãi rồi vào kỹ ngồi chờ. Thoáng trong đầu thầy định quở cái cậu bé nghe nhầm tiếng chim kêu hoặc nhìn nhầm hương chim đậu. Vừa lúc có tiếng chó “ực” lên rồi hai con cùng chạy ra sủa phía ngoài cổng.

Ông đồ Gủ vừa chạy đến giữa sân thì thầy trò ông đồ Sủi cũng vừa bước tới. Hai bên tay bắt mặt mừng, đôi hồi không biết bao nhiêu là chuyện. Đúng là hai người ở cách nhau không xa, từ Sủi sang Gủ chỉ mấy thôi đường, bát quá hơn chục dặm, thế mà cả năm, có khi tới mấy năm chưa qua lại thăm nhau được.

Nước được một tuần, ông đồ Sủi bèn lên tiếng:

- Chẳng giấu gì tiên sinh, đầu năm còn rảnh rỗi,

đạ bên tôi cuối tháng giêng mới cho các cháu nhập học, nhân thấy trời đẹp bỗng nhớ tiên sinh, thế là thầy trò tôi lên đường. Tiện có bao chè đem biếu để tiên sinh uống thử. Lại nữa nội tướng tôi vụng về, gởi biếu tiên sinh mấy khuôn bánh chè lam của nhà làm lầy.

Ông đồ Sủi vừa buông lời thì cậu học trò Sĩ Thoại vội mở tay nải bày bánh và trà vào đĩa, hai tay nâng lên rồi đi quanh về phía trước ông đồ Gủ, khẽ đặt lên mặt bàn, cậu vòng tay cúi đầu lễ phép thưa:

- Con kính thầy.

Nhìn gương mặt thông minh, sáng sủa của cậu thiếu niên, ông đồ Gủ lấy làm cảm mến, hai ba lần bảo ngồi mà cậu vẫn chấp tay đứng cạnh phía sau ông đồ Sủi như một người hầu.

Ông đồ Gủ bèn lên tiếng hỏi:

- Thưa tiên sinh, chẳng hay công tử đây là trưởng nam của tiên sinh?

- Đa tạ tiên sinh có lòng hỏi thăm. Tôi sinh con muộn, mới được một cháu gái, tuổi Giáp Thân. Còn cậu này là học trò của tôi, quý tử của ông bà Phúc làng tôi đấy.

- Trời, quý hóa quá! Ông bà Phúc thì ở vùng này chỉ có người mù mới không biết tiếng mà thôi. Thảo nào, khi mới nhìn thấy công tử tôi đã thầm nhủ: quý tướng. Ngắm nghía gương mặt Sĩ Thoại một lát, ông đồ

Gủ bèn hỏi:

- Thưa tiên sinh, tôi chắc quý công tử học hành thông tuệ lắm. Tương người này học một biết ba bốn, nhưng cái đức của người này còn lớn hơn nữa. Tiên sinh quả là có duyên phúc nên mới có được người học trò...

Không để cho ông đồ Gủ nói hết lời, ông đồ Sủi đã lên tiếng:

- Tiên sinh quá khen, tuổi trẻ dễ ngộ nhận mà kiêu ngạo chẳng. Thưa, tôi còn nghe đồn thứ nam của tiên sinh là một bậc thần đồng. Bữa nay thầy trò tôi sang đây trước hết là vấn an quý hữu, sau có một vài việc cậy nhờ, nhưng xin tiên sinh cho thầy trò tôi được diện kiến quý công tử.

Nghe bạn nói, ông đồ Gủ trong lòng khắp khởi mừng vì tiếng tăm của con ông đã không cánh mà bay xa. Song ông cũng lo lắng. Lo ở chỗ thằng bé một tí tuổi đầu lỡ mắc bệnh vĩ cuồng thì bao nhiêu công lao nuôi dạy, rèn cặp rồi cũng đổ xuống sông, xuống bể hết. Ông đồ Gủ nhẹ nhàng nói:

- Xin tiên sinh đừng tin vào những điều ngoa truyền, thằng bé nhà tôi đúng là một gã nhi đồng hơn là một thần đồng, cháu mãi chơi lăm, tôi thường phải răn bằng đòn roi. Được, tôi sẽ gọi cháu vào hầu tiên sinh và quý công tử ngay bây giờ. Nói xong, ông đồ Gủ quay ra bảo cậu học trò lớn vẫn đang đứng hầu trà:

- Con ra gọi em Thịnh vào cho thầy.
- Vâng ạ.

Đáp lời xong người học trò rảo bước qua sân, một loáng cậu đã quay lại:

- Thưa thầy anh Thịnh bảo xin phép thầy cho anh ấy hong bộ sách, nhân hôm nay trời hửng nắng.

- Nó ở đâu? - Giọng thầy đồ Gủ hơi nặng.

- Dạ hiện anh ấy đang nằm ở ngoài nong chỗ chân đồng rơm ạ.

- Con đưa thầy cái roi mây. Tay cầm chiếc roi, nén giận để lộ ra nụ cười mỉm, ông đồ Gủ nói với bạn:

- Xin tiên sinh thứ lỗi, để tôi ra xem cháu làm sao.

Ngại vì mình đến thăm mà con bạn bị đòn, ông đồ Sủi liền bước theo chân ông đồ Gủ, chàng thư sinh Sĩ Thoại cũng lập cập bước theo thầy.

Tới chân đồng rơm, hai ông đồ cùng dừng lại chứng kiến một sự lạ: Cậu bé, con ông đồ Gủ có cái tên Lê Văn Thịnh ấy đang nằm gọn trong chiếc nong¹ phơi lúa, mặt ngửa lên trời, hai bàn tay đan chéo vào nhau làm gối, gối đầu, mắt nhắm nghiền, hàng cúc áo mở

¹ Nong là tên gọi một đồ vật dùng để phơi lúa, đan bằng tre có nhiều kích cỡ: thông thường loại trung có đường kính từ 1,5m đến 1,7m; cỡ đại để quay cối, đựng lúa đường kính tới 3 - 4 mét.

phanh trơ cái bụng căng tròn như chiếc trống cơm.

Vừa giận vừa tức cười, ông đồ Gủ hỏi:

- Con nằm làm gì đây Thịnh?

Chớp chớp hàng mi vì chói nắng, Thịnh đáp:

- Thưa thầy hôm nay trời hửng, con trốn ra đây để hong sách ạ.

Mọi người ngơ ngác nhìn chẳng thấy một cuốn sách nào, ông đồ Gủ hơi sảng giọng:

- Sách vở gì, khôn hồn đừng dậy chào lão bá đi.

Cậu bé vẫn không chịu mở mắt, chỉ hé miệng nói khê:

- Thưa thầy sách đây! - Vừa nói cậu vừa vỗ vào chiếc bụng căng tròn.

Thấy sự lạ, ông đồ Sùi ngồi sát cạp nong, lấy tay xoa bụng Lê Văn Thịnh hỏi:

- Chẳng hay cháu ta hong phơi sách gì đây?

- Thưa lão bá, cháu hong bộ Mạnh Tử ạ.

- Cha cháu, đúng là thần đồng rồi, ông đồ khen.

Quả nhời đồn không sai.

Ông đồ Gủ quát mạnh chiếc roi mây vào cạp nong đe:

- Thằng nghịch tử chỉ bẻm mép. Ngồi dậy mau, mày phải đọc hết bộ Mạnh Tử cho chúng tao coi. Sốt một chữ ăn một roi; tay ông dứ dứ chiếc roi như sắp quất vào mông cậu bé.

Lê Văn Thịnh ngồi nhồm dậy rồi cậu đứng vái hai ông. Cậu bình thân hỏi cha:

- Thưa thầy, con đọc từ thiên đầu đến thiên cuối, hay đọc ngược từ thiên cuối ngược lên, hay đọc từng thiên bất kỳ rồi ghép cho đủ mười bốn thiên ạ?

Nghe con nói, ông Lê Minh Quang biết không phải là con mình dám bẻm mép mà cậu thuộc cả bộ sách. Ông bàng hoàng hỏi:

- Nhưng ta chưa dạy con học sách này. Vậy con học vào lúc nào, con nói ta nghe.

Lê Văn Thịnh chấp tay lễ phép, cậu biết lúc này mà nói dối chỉ có nát mông thôi. Cậu lắp bắp:

- Thưa thầy, con trót dại.

- Trót dại vì bẻm mép, vì nói khoác hả. Nằm xuống đây ăn đòn.

- Thưa thầy con trót dại đã lấy trộm sách của thầy đọc. Con chỉ dám đọc một lần rồi lại để nguyên vào chỗ cũ trong kệ sách ạ. Thầy để con đọc, nếu sai sót một chữ con xin chịu đòn.

Các học trò lớn, kể cả Sĩ Thoại đều nửa tin nửa ngờ. Cái cậu bé còn để tóc trái đào, nằm duỗi chưa đủ bề rộng cái nong, da sạm vì hay bêu nắng bắt sâu bắt ve này mà là thần đồng thật ư.

Khi cậu bé sắp phải trở tài, thầy đồ Sủi liền lên tiếng:

- Xin tiên sinh hãy bớt giận, cho cháu vào trong nhà kéo nạng mới, trẻ dễ bị cảm.

Dường như chịu lời với người bạn già, thầy đồ Gủ vẫn lăm lăm chiếc roi mây trong tay đi vào trong nhà. Ông bình tĩnh phân ngôi chủ khách xong sai học trò pha trà.

Lúc này Lê Văn Thịnh vẫn khoanh tay đứng dựa cột. Sau một tuần trà, thầy Gủ mới hỏi:

- Này thằng Thịnh kia, ta hỏi lại một lần nữa, có sao phải nói thực, nếu không con biết tính ta rồi đó. Có đúng là người xem trộm sách của ta, người chỉ đọc một lần mà thuộc cả pho sách không?

- Dạ thưa thầy đúng như thế, con không dám nói sai.

Thầy đồ Gủ như đã bình tĩnh trở lại, ông chỉnh lại nếp mũ, nếp áo rồi sá ông đồ Sủi một sá:

- Cháu nó trót dại ngông nghênh, xin tiên sinh thứ lỗi. Và cũng vì tình bằng hữu, dám phiền tiên sinh hãy vì tôi khảo xét việc này xem thực hư được mấy phần.

Ông đồ Sủi vui vẻ nhận lời, ông nắm tay cậu bé Thịnh với cử chỉ thân tình, kéo cậu về phía kỹ và cho ngồi sát cạnh. Đoạn ông hỏi:

- Cháu có thể cho bác biết sách Mạnh Tử có mấy thiên tất thầy?

Lê Văn Thịnh lập tức đứng dậy khoanh tay đáp:

- Cháu thưa lão bá, sách của thầy Mạnh Kha gồm hết thảy có mười bốn thiên: Lương Huệ Vương; Công Tôn Sửu; Đằng Văn Công...

- Thôi được, thế bây giờ cháu đọc cho bác và thầy cháu cùng nghe một chương thôi. Như cháu nói là thuộc không sót một chữ, ta sợ có quá chãng. Cháu cứ đọc, chỗ nào quên một đôi chữ hoặc ngắc ngứ cũng châm chước cho qua. Vậy thời cháu đọc cho ta chương: “Công Tôn Sửu” trước đã.

- Thưa lão bá, cháu xin đọc cả hai phần thượng hạ thiên. Rồi cậu ta đọc đồng đạ:

Công Tôn Sửu vấn viết: “Phu tử đương lộ ư Tề, Quản Trọng, Yến Tử chi công, khả phục hứa hồ?”

Mạnh Tử viết: “Tử thành Tề nhân giã, tri Quản Trọng, Yến Tử di lũy...”¹

Cậu bé Lê Văn Thịnh đọc một mạch không vấp vấp, không sai sót một chữ nào khiến cả hai ông đồ và mấy cậu học trò lớn tuổi vừa vui mừng vừa khâm phục.

Thầy đồ Gủ chúa là ghét đám học trò nhuyễn văn, tức là chỉ học thuộc như vẹt mà chẳng hiểu nghĩa lý của

1 Nghĩa đoạn văn trên là: “Công Tôn Sửu hỏi Mạnh Tử rằng: “Nếu như Thầy được quyền cao chức trọng ở nước Tề, Thầy có dám hứa sẽ làm được công nghiệp như Quản Trọng, Án Anh không?” Mạnh Tử đáp: “Người đứng là dân nước Tề, nên chỉ biết có Quản Trọng, Án Anh mà thôi!”

câu văn. Ông bèn hỏi:

- Mạnh Tử viết: “Nhân tắc vinh, bất nhân tắc nhục. Kim ố nhục, nhi cư bất nhân, thị du ố thấp, nhi cư hạ giá. Như ố chi, mạc như quý đức nhi tôn sĩ, hiền giả tại vị, năng giả tại chức, quốc gia nhàn hạ, cập thị thì, minh kỳ chính bình. Tuy đại quốc, tất úy chi lữ”.

- Đoạn văn trên nói gì, con thử cất nghĩa cho ta nghe.

- Thưa thầy, thưa lão bá, theo đoạn văn trên, đức Mạnh Tử nói rằng: “Có nhân thì được hưởng niềm vinh hạnh, bất nhân thì bị nhục nhã. Hiện nay, các bậc vua chúa đều ghét sợ sự nhục nhã, nhưng vẫn ăn ở bất nhân. Như vậy có khác gì mình ghét chỗ ướt bẩn mà vẫn cứ ở chỗ thấp nhỏ. Nếu thật lòng chán ghét điều sỉ nhục muốn xa lánh nó (điều bất nhân) hãy làm những việc như quý trọng người có đức, tôn sùng các bậc sĩ phu là hạng người có học thức cao, tôn người hiền vào ngôi vị xứng đáng, người tài năng có chức phận rõ ràng. Thế thì nước nhà chắc sẽ ở vào vị thế nhàn nhã, yên bình mà di vào chăm lo sửa sang việc hành chính và tư pháp. Nếu người cầm quyền làm được các việc trên thì dẫu các nước lớn mạnh cũng phải kiêng và nể sợ nước mình”.

Lê Văn Thịnh vừa dứt lời, thầy đồ Sủi tấm tắc khen:

- Giỏi! Cháu tôi giỏi quá.

Thầy đồ Gủ khen:

- Được!

Rồi ông hỏi tiếp:

- Qua đoạn văn trên, đức Mạnh Tử khuyến cáo các bậc làm vua điều gì?

- Dạ thưa thầy, đức Mạnh Tử khuyên những người làm vua nên làm theo điều nhân nghĩa, xa lánh điều độc ác bất nhân ạ.

Ông đồ Gủ lúc này mới thật sự hả dạ. Ôn xoa đầu con mắng yêu: Từ nay con phải bỏ thói kiêu căng dị hợm đi nhé. Nếu ta còn thấy con nằm phanh bụng phơi sách nữa, ta sẽ sai người mổ bụng con ra lấy sách đó.

Hai thầy đồ và các trò đều vui cười hể hả.

III

Nhận mệnh của nhà vua phải cấp kỳ mở bạc dịch Trường cho thương cảng Vân Đồn và khai thác các mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng thuộc châu Quảng Nguyên, Thái sư Lý Đạo Thành đích thân đi thị sát các mỏ như mỏ vàng ở Vũ Kiện¹, mỏ bạc ở Hạ Liên², mỏ đồng ở Tụ Long³...

Thiếu úy Lý Thường Kiệt ra ải Vân Đồn, bởi còn có việc lập trạm vọng hải dài để quan sát động tĩnh ngoài biển, và xem xét để lập quân cảng cho hải binh giữ việc canh phòng vùng biển đảo đông bắc.

Lý Đạo Thành tính nghiêm cẩn làm việc gì cũng

1.2. Các địa điểm trên nay thuộc đất các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Hà Giang.

3.Mỏ Tụ Long hiện nay ở sâu vào đất Trung Hoa khoảng 20km từ biên giới Việt Trung. Sự mất đất này là do chính quyền thuộc địa Pháp ký hiệp ước Pháp - Thanh cuối thế kỷ 19.

xét đoán trước sau, cân nhắc lợi hại. Bởi thế khi vừa đến châu Quảng Nguyên, ông liền hỏi viên châu mục về tình trạng các mỏ từ khi Nùng Trí Cao khởi chuyện đánh Tống rồi chuốc lấy thất bại, các mỏ ấy bây giờ thuộc ai cai quản và các chức dịch trong vùng có bắt dân đến đào bới để lấy đi của quý trong lòng đất.

Châu mục cũng là một tay linh lợi, quán xuyên được mọi việc trong châu, nghe quan trên hỏi, ông liền đáp:

- Bẩm Thái sư, từ khi mẹ con Nùng Trí Cao rời bỏ đất này, mặc nhiên nó thuộc về triều đình. Hạ quan được sai bảo cai quản châu Quảng Nguyên, thì mọi thứ từ trên mặt đất đến trong lòng đất đều được nghiêm giữ, không ai dám tơ hào. Các mỏ, hạ quan đã giao hẳn cho chức dịch sở tại phải bắt dân đinh ra canh gác ngày đêm, cấm ngặt mọi người đào bới xâm phạm. Quân lính trên châu bất chợt tuần tra nhiều lần, nhưng chưa thấy có sự xâm hại.

Thái sư nhìn thẳng vào gương mặt, nhất là đôi mắt của viên châu mục lượng định xem ông ta có đủ tư cách và năng lực để ngài trao gửi công việc, một thứ công việc không chỉ đòi hỏi lòng tận tụy, mà hơn nữa là đức liêm chính. Sau một vài giây cân nhắc, Thái sư liền hỏi:

- Chẳng hay quan châu có biết trước đây mẹ con Nùng Trí Cao khai các mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng như

thế nào không? Số khoáng dinh mộ từ những vùng nào? Khoáng dinh được trả công xá hay phải làm theo chế độ tạp dịch?

- Kinh bầm đại quan, theo như chỗ hạ quan được biết thì mỗi sở khai thác có trên dưới một trăm khoáng dinh khỏe mạnh. Một phần nhỏ mộ từ Ung Châu tận bên Tàu, còn đại đởn bắt theo tạp dịch người bản châu. Họ phải làm việc quần quật suốt ngày, không được trả công, nhưng được cho ăn no đủ. Dạ bầm dân mộ từ bên kia là những người thạo nghề, phải trả công họ. Dạ, công xá cao thấp thế nào hạ quan không được biết. Dạ, hạn kỳ lao dịch của mỗi khoáng dinh là ba tháng ạ. Sau ba tháng đó mà ai xin ở lại làm việc thời được trả công. Tại mỗi mỏ khai khoáng có dăm bảy người hiểu biết cách khai mỏ, họ chỉ cho khoáng dinh biết nơi cần đào bới. Đào bới xong lại phải sàng lọc, bỏ thô lấy tinh. Thô là phân đất đá lẫn vào. Có khi phải bỏ cả mấy chục phần, thậm chí bỏ tới cả gần trăm ngàn phần mới lấy được một vài phần như vàng, bạc. Cái phần tinh ấy lại phải nấu lên rồi mới tách được bạc, được vàng nguyên chất. Bầm đại quan của nả nằm trong lòng đất thật đấy, nhưng việc lấy được nó không dễ. Nếu tính toán công xá chi li do sức người bỏ vào đấy, chắc cũng không còn được lời là mấy. Mà nếu không giám sát được chặt chẽ để bọn tham bần xà xẻo, có khi lỗ cũng nên.

- Này ông châu mục, quan thái sư nói nhẹ nhàng

vừa đủ nghe, nhưng viên châu mục cảm nhận được sự nghiêm trang trong giọng nói, cũng tức như sự hệ trọng của công việc mà ngài sắp sai bảo, - Ông châu mục nghe ta nói đây, - Thái sư nhắc lại: - Đức kim thượng vừa dụ rằng, nước nhà đang buổi thịnh hưng cần phải mở mang về mọi mặt. Do đó việc chi tiêu ngày một nhiều thêm, không thể chỉ trông đợi ở sáu sắc thuế đã quy ước từ đời Thái tổ cao hoàng đế. Bởi vậy, công thương từ nay phải được coi trọng. Mà khai khoáng là một trong những nguồn triều đình kỳ vọng. Tuy vậy, đây cũng là một việc mới mẻ, phải bắt tay vào làm rồi mới biết giá trị đích thực của nó.

Vậy thay mặt triều đình, ta giao việc này cho ông lo liệu. Ông thử nghĩ xem, có nên bắt khoáng đình làm thay tạp dịch không, hay là ta mộ dân khai khoáng, để chọn lấy người đã thạo việc, còn khoáng đình chỉ dùng vào những việc sai bảo như đốn cây, làm đường, chuyển vận. Việc này tùy ông cân nhắc, sao cho có lợi cho nước mà không thiệt cho người dân. Một khi người ta phải bỏ công sức nặng nhọc triền miên, thu được của cải chất đống, rồi cứ kìn kìn chờ đi mất hút, còn họ không được thụ hưởng một tí gì, chắc không ai còn muốn làm nữa. Còn như dùng hình phạt mà bức bách họ thì trước sau cũng sinh biến. Ông hiểu ý ta chứ? - Thái sư Lý Đạo Thành gặng hỏi, khiến viên châu mục gai lạnh cả sống lưng.

Trong khi nghe Thái sư huấn hỡ, y đã dự định hình thành những việc phải làm, và cả những điều sẽ xảy đến ngoài ý muốn. Từ lâu, viên châu mục châu Quảng Nguyên đã biết tiếng Thái sư Lý Đạo Thành là một người chính trực. Ông làm việc gì cũng chu đáo, nghiêm cẩn, không trái ý vua, nhưng cũng không mất lòng dân. Nghĩ suy giây lát, châu mục bèn nói:

- Bẩm Thái sư, hạ cấp sẽ làm theo chỉ dạy của ngài. Tức là mộ lấy những người có nghề để làm các công việc chính, còn khoáng đĩnh sẽ dùng vào các việc phụ tạp. Nhưng làm gì thì cũng phải đem lại nguồn thu cho quốc khố, còn người thạo nghề, tìm ra được nhiều vàng, nhiều bạc, đồng, kẽm phải được trả công xứng đáng. Ngay các khoáng đĩnh làm một thạo việc, ai tinh ý mà trở nên thạo nghề thì được điều chuyển sang ngạch nghề và được trả công theo thứ bậc của nghề. Bẩm Thái sư, sau đây hạ cấp sẽ bắt tay vào các công việc khai khoáng. Làm được đến đâu, làm như thế nào, trở ngại khó khăn hay thuận buồm xuôi gió, hạ cấp lập tức tâu báo ngay về phủ Thái sư.

Nghe người này nói có vẻ lọt tai, biết công việc và cả biết cách điều hành. Nhưng từ nói đến làm là cả một khoảng cách khá xa. Vì vậy, còn phải chờ xem công việc khi viên châu mục này khai triển. Lại cũng phải chờ xem khi công việc đi vào ổn định thì quốc khố được gì, khoáng đĩnh được gì, người dân tại các vùng

khai khoáng được gì. Với tính thận trọng vốn có, Thái sư nhìn thẳng vào gương mặt đang đăm chiêu của viên châu mục, ngài nói:

- Ta chắc ông sẽ làm tốt các công việc ta tin cậy trao phó. Nhưng để cả hai bên đều có trách nhiệm và tin cậy nhau trong khi thi hành công vụ, ta sẽ cho người thảo một kế ước. Phần nào thuộc về ông, phần nào thuộc về ta. Sau đó, ta lập một bộ phận thay mặt Phủ Thái sư để giám sát cũng như giải quyết tức thời các mắc mớ trong tiến trình công việc ngay bên lý sở của ông. Chẳng hay ý ông thế nào?

Viên châu mục hớn hờ chấp tay cung kính:

- Bẩm quan Thái sư, nếu được như vậy thì hạ cấp thật sự yên tâm. Còn công việc, chắc quan trên thừa biết sẽ là muôn khó. Bởi trước đây mẹ con Nùng Trí Cao khai mở với tinh thần của lũ kẻ cướp, muốn có trong tay thật nhiều của cải để mua sắm khi giời, lừa ngựa, mưu việc đại nghịch, tức là lập vương quốc riêng. Vấp phải đức Thái tông là người rắn tay nên y quay binh sang lán Tống. Với tham vọng lớn đó, nên y bắt khoáng đỉnh là những người dân binh khỏe mạnh nhất trong vùng vào việc khai mở. Y bắt họ làm ngày làm đêm đến kiệt sức. Của cải mẹ con y thu về không biết cơ man nào mà kể. Vàng bạc mẹ con y thu nhiều lên bao nhiêu thì số người bỏ mạng dưới hầm mỏ hoặc chết trong khi vận

chuyển cũng tăng lên bấy nhiêu. Cho nên thưa Thái sư, nỗi sợ hãi của người dân trong vùng đến lúc này vẫn chưa hoàn hồn. Bởi thế, kẻ hèn này đang nghĩ cách nói thế nào để người dân thoát khỏi nỗi sợ hãi ám ảnh và tin vào triều đình.

Thái sư trầm ngâm giây lát. Ông thấy viên châu mục này quả là một người sống có tình, biết thương dân. Vì vậy Thái sư nói mà thực là bày cách cho cấp dưới:

- Việc này khó mà dễ ông châu mục ạ. Cái cần nhất là hầy nói ít, hứa hẹn ít với dân thôi. Nhưng hứa với dân cái gì là phải có cái đó. Nói với dân điều gì là phải làm điều ấy. Cứ như thế thì dân sẽ tin. Chớ có nói bừa hứa hão, nói một đường làm một nẻo thì chẳng có người dân nào tin mình nữa. Nói suông, hứa hão thì đến cả vợ con mình còn chán mình nữa là dân. Ông bảo lấy gì làm thước đo lòng dân ư? Phải đo được lòng mình đã ông châu mục. Nếu ông làm việc công ích như làm việc của chính nhà ông, và ông lo cho dân như lo cho vợ con ông thì đó là thước đo lòng dân thậm chí xác đấy ông châu mục ạ. Vì sao ư? Vì ta chỉ có hai con mắt để nhìn và thấy, nhưng dân có hàng vạn, hàng ức, triệu con mắt; bởi thế các việc ta làm đều không qua được mắt họ đâu. Cho nên, nông sâu, dài ngắn, thiện ác, công tâm hay tà tâm - những điều mà kẻ cầm quyền tự xưng là công bộc của dân khi thi triển dân đều biết hết, đều cân đong

do đếm được hết, ông chớ có ngại. Hãy hết lòng vì dân đi, đừng sợ dân không tin mình, không hiểu mình. Và lại dân là ai? Chính là những người bà con gần, bà con xa của ta, họ là đồng bào của ta cả đấy. Một khi lòng mình trong sạch, hãy cứ hướng theo điều thiện mà làm, không còn gì phải băn khoăn lo ngại nữa. Dừng một lát, Thái sư Lý Đạo Thành lại tiếp: - Ta muốn cùng đi với ông tới các nơi mà ở đó ta sẽ khai mở.

Một thoáng băn khoăn, viên châu mục nói:

- Bẩm đại quan, đường sá xa xôi, rừng rậm, núi cao, thú dữ sống rải rác khắp vùng, hiểm nguy khó lường, mà không phải nơi nào ngựa cũng đi được, hạ cấp chỉ e ngài không đủ sức.

Thái sư Lý Đạo Thành cười hờn hậu. Giọng cười của ông khiến viên châu mục thấy thân cận và cảm mến ông hơn. Thái sư vỗ nhẹ vào bả vai châu mục nói vui:

- Hoàng thượng cho ta tìm Tể tướng để giúp ngài coi việc nước, chứ không phải để ta ở kinh sư hưởng nhàn; chờ quan cấp các nơi trong nước đem tiền bạc, quà cáp về biếu xén.

Châu mục cúi đầu lễ phép:

- Hạ cấp tuân lời ngài.

Lại nói Thiếu úy Lý Thường Kiệt nhận lệnh vua xong, liền tức tốc lên ngựa cùng dám tùy tùng ra thẳng châu Vạn Ninh rồi tới trang Vân Đồn.

Tối Vân Đồn trời vừa sẩm tối, Thiếu úy bèn cho tùy tùng vào tá túc tại một trại quân nằm sát bờ biển đảo. Viên đô tướng thấy có mệnh quan từ triều đình về bèn cuống quýt chào hỏi rồi sai quân pha nước. Y không biết Thiếu úy Lý Thương Kiệt là ai, chỉ biết rằng người từ triều đình tới là chuyện tối quan trọng rồi. Y cho lính đi mời viên quan châu tới để nghênh tiếp đại quan.

Bất chợt một chiếc thuyền từ ngoài biển vào, đang hạ buồm và từ từ ghé ngay vào bến đỗ của trại quân. Nhận ra thuyền của thượng cấp, viên đô tướng vội vã chạy ra bến, vừa lúc tấm ván trên thuyền lao xuống làm cầu cho khách lên bờ.

Đô tướng nhanh nhẹn nhảy lên mũi thuyền cúi đầu vái thượng cấp:

- Con kính chào quan Đông hải đô tổng quản.

Đông hải đô tổng quản bèn vỗ vào vai viên đô tướng hỏi:

- Đô tướng khỏe chứ? Ông đa lễ quá. Ta đi tuần thú ven biển ghé thăm trại tướng quân.

- Đa tạ quan Đông hải đô tổng quản, thật may cho con, ngài về đây đúng lúc quá. Con đang bán lên không biết cư xử thế nào, vội cho lính đi mời quan châu về.

- Có chuyện gì hệ trọng đây? - ông nói thử ta nghe.

- Dạ bẩm có mệnh quan từ Thăng Long về. Ngài cũng vừa tới đây, xin mời thượng quan vào nhà.

Đông hải đô tổng quản vừa đặt chân lên bậc thềm đã có người từ trong nhà bước ra và cất tiếng trước:

- Ta có lời chào Trần tướng quân. Đúng là duyên trời, ta đang mong gặp ông.

Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh giật thót mình, vì ông vừa nhận ra người chào hỏi ấy chính là ngài Thiếu úy Lý Thường Kiệt. Ông liền cúi đầu rồi chấp tay vái:

- Mệnh quan đi kinh dinh mà hạ cấp không kịp làm lễ cung nghinh, thật là đắc tội.

- Ta đi bất thường, các ông sao biết được. Vả lại việc quân, càng kín nhem càng tốt. Bởi thế, ngoài các cuộc đại duyệt hoặc nghênh đón hoàng thượng ra, các cấp bậc trong quân dù là ở vị thế cao nhất, khi đến các đạo quân hoặc các trại quân, đều coi như đi công vụ, miễn tất cả các nghi thức cung nghinh, Trần tướng quân hãy nhớ điều ta dặn. Việc này ta sẽ tâu lên hoàng thượng xin ngài ân chuẩn rồi đưa vào định chế, để có ai muốn hạch sách cấp dưới, cũng không thể tự tiện được.

Vừa phân ngôi chủ khách xong thì tiếng nhạc ngựa của quan châu đã vọng tới cùng tiếng vó ngựa bỏ dồn. Viên châu mục nhẹ nhàng xuống ngựa. Đó tướng chủ

trại quân vội chạy ra đầu trại, nghiêng mình xá quan châu một xá, rồi thưa:

- Tiểu tướng làm phiền quan châu quá đáng, xin ngài đại xá. Chẳng là có đại quan từ triều đình Thăng Long về đây kiểm việc quân. Chức tước của ngài thuộc hàng tam công, mà bị nhân chỉ là kẻ vô danh trong một trại quân nhỏ, run sợ không biết làm thế nào, nên sai quân đi thỉnh quan châu về, trước hết là để cung nghinh, sau đó là để ngài thù tiếp với mệnh quan.

Viên châu mục thoáng nhìn quanh quất rồi hỏi:

- Sao ta nghe như có tiếng Trần tướng quân đang hầu tiếp mệnh quan. Và kia, chẳng phải là thuyền của Đông hải đô tổng quản là gì? - Vừa nói châu mục vừa chỉ về phía bên thuyền.

- Dạ đúng như vậy đấy ạ. Chẳng là khi mệnh quan vừa tới, hạ cấp luống cuống vì thấy mình không đủ phẩm cấp và tư cách để hầu tiếp ngài, nên sai quân đi thỉnh quan châu. Dạ thế rồi chỉ một thoáng sau đấy, thuyền của quan Đông hải đô tổng quản đi tuần biển ghé vào. Dạ cũng là may cho hạ cấp, bây giờ lại thỉnh được ngài là biên quan cùng với quan Đông hải đô tổng quản hầu tiếp mệnh quan của triều đình, thật là thuận khi quan trên có hỏi về việc quân, việc dân chốn biên thùy đã có hai quan cùng tiếp.

Khi viên châu mục vừa ló đầu vào nhà chưa kịp

mở lời, Lý Thường Kiệt đã nói, giọng thân mật:

- Ta có lời chào quan châu. Thật là may cho ta, nếu không ta cũng phải tới dinh của ông. Thuần người cũ gặp lại nhau, quý hóa quá. Ta nhớ mấy năm trước trong chuyến đi kinh dinh vùng đông hải này cùng với tiên đế và đương kim hoàng thượng, chúng ta cũng đã có gặp nhau.

- Dạ bẩm... Dạ bẩm mệnh quan, ngài có trí nhớ thật là hoàn hảo. Hạ cấp thì chẳng thể nào quên được sự hạ cố của các bậc bề trên, nhưng đã qua tới năm bảy năm mà bề trên vẫn còn nhớ đến hạ cấp thì quả là chuyện hi hữu, khiến lũ hạ cấp dù có tận tụy đến mấy hồ dễ đáp đền công ơn bề trên.

- Chẳng cần khách sáo và đa lễ nữa, - Lý Thường Kiệt nói, còn bao nhiêu điều ta cần biết mà chưa biết được đây, cơm nước xong, vừa uống trà ta vừa nói chuyện, được chứ?

Cả hai quan châu và Đông hải đô tổng quản cùng đáp:

- Bẩm được ạ! Được ạ! Chỉ sợ mệnh quan đi đường xa nhọc mệt.

Sau một tuần nước, quan Thiếu úy mở lời:

- Trong những ngày ở đây, ta sẽ đi thăm thú để biết việc dân, việc binh từ trên bộ đến mặt biển, từ biên cương đến các hải đảo. Song trước hết ta muốn biết, mấy

năm gần đây dân trong châu Vạn Ninh có còn nhiều người bị đói, có ai phải chết vì đói không? Nạn bán lúa non, cho vay nặng lãi vào lúc giáp hạt thế nào?

Chẳng cần suy nghĩ, quan châu cũng trả lời ngay được các điều thương quan hỏi. Bởi ông là một vị quan có lối sống gần dân. Ông nói:

- Bẩm mệnh quan, dân ở vùng biên địa này sự thiếu đói vào những năm mất mùa, hoặc vào thời vụ lúc giáp hạt vẫn còn nhiều đấy ạ. Việc này lớn lắm chưa dễ chấm dứt được đâu. Dạ bởi vì dân trong vùng rừng chưa thể sống bằng nguồn lợi của rừng, dân trong vùng biển lại chưa sống được bằng nguồn lợi của biển. Cả hai dân ấy lại cùng dựa vào ít khoảnh ruộng rải rác giữa rừng với biển.

Dạ bẩm mệnh quan nạn bán lúa non vào vụ giáp hạt không còn nữa, bởi triều đình đã có lệnh cho chức dịch địa phương được phép xuất lúa kho của nhà nước cho dân vay đổi hạt. Dạ, còn chuyện cho vay nặng lãi bây giờ không dám công nhiên như trước. Tuy vậy, nó ngấm ngấm do thỏa thuận giữa người đi vay và kẻ cho vay thì chắc là vẫn còn. Chức dịch trong hương thôn chỉ biết khi việc đã vỡ lở, tức là trong làng có nhà mất vườn mất ruộng, tan nát cơ nghiệp về tay kẻ khác.

Dạ bẩm việc triều đình tha hẳn thuế điền cho các vùng sơn động, dân biên tái khiến họ cảm kích lắm; vì

thế mới không còn cảnh người chết đói nữa. Do vậy, họ hết lòng cố kết với triều đình. Chính họ mới là lực lượng canh giữ biên thùý cho cả nước suốt ngày đêm. Bao nhiêu người là bấy nhiêu cặp mắt, đôi tai lúc nào cũng hướng về phái bắc - phía biên thùý, cho nên chớ có động tĩnh gì người dân đều biết trước cả quan quân.

Dạ, triều đình chăn dân như vậy vừa được lòng dân, vừa như nuôi một đội quân lớn mà không tốn kém, thực là lưỡng lợi.

Quan Thiếu úy gật gật mái đầu khiến búi tóc của ông phía sau gáy cứ lùng bùng trong vành khăn. Với vẻ hài lòng, Lý Thường Kiệt nói:

- Việc dân như thế đã là được. Ta sẽ tâu lên hoàng thượng biết chính sách nuôi vỗ dân của tiên đế, để triều đình gia tăng sự thân dân hơn nữa.

Nhìn về phía Đông hải đô tổng quản, Thiếu úy tươi cười hỏi: - Vậy chớ việc biên cương trên bộ, trên biển có gì đáng lưu tâm không Trần tướng quân? Về phía bên kia, quân Tống có động tĩnh gì không?

Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh hơi nhú mày, dường như ông đang sắp đặt các việc ở trong đầu để trình với thượng cấp sao cho vắn tắt nhưng phải rõ ràng, đầy đủ. Đưa hai tay lên nấn lại vành mũ trên đầu cho ngay ngắn, ông nói:

- Bẩm Thiếu úy, thực tình trong mấy năm lại đây

suốt một dải biên cương Việt – Tống ở vùng đông bắc này, quân Tống dường như án binh bất động. Và có vẻ như để tránh sự nghi ngờ của bên ta, họ cứ lui binh dần vào trong nội địa. Thành thoảng có một vài bọn trộm cướp tràn sang, là do lũ người đói khổ tụ tập lại liều chết đi kiếm miếng ăn. Những vụ như thế, nếu quân ta biết được truy đuổi sang đất họ, họ còn giúp ta vây bắt. Nếu bọn kia tẩu thoát được, ta cho người sang bắt đền, họ cũng lượng xin bồi thường. Bẩm thiếu úy, đúng là họ được dụ bảo từ trên rằng tránh mọi sự đụng độ và rắc rối. Vì vậy biên quan biên tướng của họ xử sự các việc với ta rất nhũn. Dạ, bên trong họ có ẩn ý gì thì chính hạ cấp cũng còn băn khoăn. Chắc là họ đã có những bài học nhớ đời đối với các nước Liêu, Hạ trên phía bắc, phía tây thù của họ. Dạ, còn về mặt biển tuyệt nhiên không thấy hải binh của họ qua lại, chỉ có thuyền đánh cá của đám dân chài, nhưng cũng thưa vắng và chỉ dám ben khoen ven bờ biển bên Tống mà thôi.

- Cám ơn Trần tướng quân về những điều ông cho biết. Ta rất hài lòng về hai vị, chân dân giỏi, rèn quân giữ nước cũng giỏi. Các ông xứng đáng là những tướng văn tướng võ làm phen giậu vững chắc cho triều đình, giữ gìn cương thổ cũng như giữ mối bang giao giữa hai nước. Tuy vậy, ta phải lưu ý hai ông về cái ông bạn hàng xóm khổng lồ này. Phải xem xét cho thật kỹ lưỡng, việc họ lui quân vào sâu đất họ cũng như việc họ xử

nhũn trong các tranh chấp dân sự chốn biên thù. Đối sách ấy thể hiện điều gì? Có đúng là thiện chí của họ, có đúng là họ muốn hòa hiếu với lân bang? Hay đây lại như kiểu thu mình lại, co móng vuốt lại để tạo đà cho một thế nhảy xa hơn, mạnh hơn, để chụp lấy con mồi đang tung tăng đi lại trong khung cảnh yên bình và không hề nghĩ rằng cái chết đang rình rập nó.

Lý Thường Kiệt ngừng lời nhìn hai vị quan bản hạt, một lát ông lại tiếp:

- Ta có cái bệnh hay lo xa, còn các ông thường ngày xúc tiếp với họ, cho nên các ông cứ nói rõ ý mình để giúp ta biện biệt các điều chân ngụy nơi họ mà có đối sách cho sát đúng, cho hợp với thời thế.

Châu mục từ nãy vẫn chú ý lắng nghe Đông hải đô tổng quản bẩm báo các việc với thiếu úy, tức mệnh quan của triều đình về các việc quân cơ, việc biên ải, xem ra đều đúng như sự thực cả. Song le, viên châu mục có cảm nhận như vị quan lớn này còn muốn biết sâu hơn nữa về nội tình nước Tống.

Tuy chỉ làm một chức quan nhỏ nơi biên thù xa ngái, nhưng châu mục là người có học thức, biết lẽ phải quấy, biết đường tiến, lui và cũng có tham bác lịch sử, tham bác nội tình nước Tống trong mấy chục năm qua. Dù sự hiểu biết vẫn còn hạn hẹp, châu mục cũng xin nói:

- Bẩm quan Thiếu úy, nếu xét về lịch sử giữa hai nước từ hơn ngàn năm lại đây, thì bất cứ điều gì thiên triều nói đều không thể tin được, đều là giả dối hết. Còn như việc mấy năm lại đây biên quân biên tướng của họ xử nhữn với ta hoặc họ lui quân sâu vào đất của họ, tránh mọi va chạm, căng thẳng thì đó lại là sự thật. Trong các việc này họ rất thành thật chứ không thể nói họ giả dối được.

Lý Thường Kiệt và cả Trần Quang Minh mỗi người đều cảm thấy khó chịu, nhưng hai ông đã kìm được sự bực giận.

- Quan châu nói như vậy cũng có nghĩa là triều đình nhà Tống đối tốt với Đại Việt ta và các việc làm của họ với ta là chân thực, là nhân nghĩa?

Nghe Đông hải đô tổng quản hỏi có vẻ gay gắt, Thiếu úy Lý Thường Kiệt chêm vào một câu hỏi nhỏ nhằm giúp viên châu mục lấy lại bình tĩnh, ông nói:

- Ông châu mục có thể nói rõ hơn, tại sao trong quá khứ cả hơn ngàn năm thì giới thống trị Trung Hoa đối với Đại Việt ta đều giả dối, mà hiện nay lại là thành thật?

Thoáng thấy lời lẽ của các bậc bề trên có phần không hài lòng, viên châu mục trở nên dè dặt thận trọng:

- Bẩm mệnh quan, bẩm quan Đông hải đô tổng

quản, hạ cấp nói các việc ứng xử của biên quan biên tướng Tống đối với ta là rất thành thực chứ không phải giả dối. Là bởi tình thế nước họ buộc họ phải ứng xử như vậy. Vâng, nhất định họ không thể cư xử khác được. Ấy cũng bởi nhà Tống suy yếu quá. Nếu như trước đây các nhà Hán, Đường coi thường, coi khinh các nước tiếp giáp với Trung Quốc và gọi họ là tứ di, thì nay họ không sợ gì hơn là các nước di, địch. Bắc địch với Tây nhưng chính là hai nước Liêu¹, Hạ² đã làm họ phải khốn đốn, phải cắt đất cầu hòa, phải tuế cống tiền bạc, vãi vóc y hệt các nước nhỏ yếu trước đây thường niên triều cống họ. Dạ, gần đây có việc Nùng Trí Cao, một man dân nơi biên địa của nước ta, khởi có năm ngàn quân ô hợp đánh tràn sang đất Tống như đánh vào chỗ không người. Chỉ có mấy chục ngày mà quân của Trí Cao đã phá tan trại Hoàn Sơn, lấy các châu Ung, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Củng, Tâm rồi kéo thẳng quân đến vây thành Quảng Châu... Khi quay về tiến thẳng vào

1. Nước Liêu ở phía bắc Trung Quốc, nay là khu vực Mãn Châu (gồm các tỉnh Liêu Ninh, Cát Lâm, Hắc Long Giang) nhiều phen xâm chiếm Trung Hoa. Đời Tống, nước Liêu từng làm xiêu đổ triều bắc Tống. Nhà Tống phải cắt đất cầu hòa, triều cống tiền bạc, vãi vóc hằng năm. Tới cuối thế kỷ 17, các dân tộc Mãn Châu lại xâm chiếm rồi đô hộ Trung Hoa lập ra triều đại Mãn Thanh, tồn tại tới đầu thế kỷ 20.

2. Nước Hạ còn gọi là Tây Hạ, tức khu tự trị Tây Tạng cùng các tỉnh phía tây Trung Quốc ngày nay. Cùng với Liêu ở phía bắc, Hạ ở phía tây đã làm cho nước Tống suy kiệt rồi bị tiêu diệt bởi đế quốc Mông Cổ vào cuối thế kỷ 13 (1279).

thành Ung Châu giết tướng tá binh lính Tống tới mấy ngàn người; bắt dân Tống kể tới cả vạn người mang tải các vật do quân của Nùng Trí Cao lấy được.

Bẩm hai đại nhân, chỉ một man tướng của nước ta nhập đất Tống, đã khiến cả triều đình nhà Tống hoảng hốt, Tống Nhân tông bối rối phải triệu gấp viên đệ nhất dũng tướng của nhà Tống đang trấn tây thù, cự nhau với Tây Hạ là Địch Thanh, về phương nam để kinh chống với Nùng Trí Cao. Cho nên nếu “tử di” bảo ban nhau nhất tề nổi dậy xâu xé Trung nguyên thì thiên tử sẽ trở thành một tên tù binh, và thiên triều ắt phải tiêu vong chớ còn gì nữa mà dám ngông ngạo.

Dạ bẩm, nước Tống năm Nhâm Thìn (1052) ấy mạnh hơn nước Tống hiện nay rất nhiều. Vì vậy họ xử nhũn với ta, thành thật với ta là nhằm lấy lòng ta để ta không làm căng với họ như Liêu, Hạ.

Dạ, đúng là nước Tống đang ở vào cái thời mạt, suy yếu đến cùng cực; nhược bằng họ cường thịnh thì dù ta có yên phận triều cống, họ cũng không tha. Cho nên, hạ cấp chỉ muốn thừa với các bậc bề trên rằng, đối sách của nhà Tống với ta hiện nay là thành thật một cách giả dối. Sự giả dối chân thực ấy bắt nguồn từ tình thế nước họ, buộc họ không thể làm khác. Chính vì thế mới là thời cơ của nước ta đấy ạ. Dạ, nếu ta bỏ lỡ cơ hội này, chắc ngàn năm sau lịch sử vẫn còn tiếc nuối.

Nghe viên châu mục Phạm Minh Tuyên tường giải về lịch sử quan hệ Hoa – Việt cũng như bản chất giáo quyết của giới cầm quyền Trung Hoa qua các đời vừa bình dị, vừa khúc chiết lại đủ cả minh chứng khiến ai nghe cũng có thể nhận chân sự việc, khiến hai vị quan lớn đều lấy làm kinh ngạc về sức nghĩ hiểu của Minh Tuyên.

Quan Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh đang từ bực giận bỗng trở nên hài lòng:

- Ta thật không ngờ ông châu mục lại có kiến thức hơn đời như vậy, thế mà suýt nữa ta định trách ông không hiểu bản chất tráo trở của ông bạn lớn lân bang.

Thiếu úy Lý Thường Kiệt cũng không giấu nổi tình cảm của mình đối với một viên quan nhỏ chốn biên thù, ông nói:

- Ta chắc nước mình đang ở vào thời thịnh đây. Bởi lẽ có nhiều sự lạ mà không phải thời nào cũng có được. Điều thứ nhất là từ nhà vua đến hàng tam công, cho chí quan lại không phân chia thứ bậc cao thấp, phần nhiều trong số đó đều có lòng thương dân, lo cho dân. Lo cho dân cũng chính là lo cho nước. Số người đức cao vọng trọng ngày một nhiều hơn; người dân vừa được nương nhờ vừa có chỗ trông vào mà noi theo. Chính những người ấy là những tấm gương cho thiên hạ soi

ngắm để bắt chước.

Ngay một chức quan nhỏ như quan châu Phạm Minh Tuyền ở vùng biên tái khuất lấp này, cũng là một người tài đức. Tài ấy, đức ấy là tự tu thân mà có chứ đâu bởi sự đào luyện của triều đình. Quả thật, nếu ta không kinh dinh qua đây, không gặp nhau, không trò chuyện thì đâu có biết “thạch trung ẩn ngọc”¹. Biết, biết, ta biết chứ, không phải mọi người trong bộ máy công quyền đều có tài, có đức, đều thanh liêm, yêu cái thiện ghét cái ác cả. Đành rằng trong bộ máy công quyền ở mọi cấp đều có những kẻ sâu dân một nước, làm bất cứ việc gì chúng đều tính toán cân nhắc xem phần của chúng được bao nhiêu, nếu không có lợi cho bản thân thì dù chỉ thiệt bằng chiếc lông chân chúng cũng chối bỏ không làm. Những con người như thế còn nhiều, nhưng chúng không chi phối được xã hội, không trở thành xu thế của cuộc sống. Trái lại, chúng phải lên vùng như loài giời sợ ánh sáng ban ngày.

Điều thú hai ta muốn nói là trong xã hội trước đây chỉ có giới sĩ sãi, hệ thống chùa tháp làm từ thiện, nay thì trong dân chúng không chỉ người giàu có, người quyền chức mà ngay cả người nghèo cũng làm từ thiện. Một xã hội hiếu thiện đang trở thành xu thế mang tính phong tục.

¹Có nghĩa là: Trong đá có ngọc.

Điều thứ ba là ruộng đất ngày một nhiều thêm, do triều đình khuyến khích dân chúng khai hoang vỡ hóa các bãi bồi, tùy công sức bỏ ra mà miễn tô thuế cho từ năm đến mười năm, lại cho làm chủ đất ấy. Ruộng đất tăng thuế, lúa, ngô, khoai cũng nhiều thêm, người dân bớt thiếu đói.

Các nghề như sành sứ, làm muối, đúc đồng, lò rèn, khai khoáng, trồng bông, trồng dâu, chăn tằm... Nghề dệt như vải sợi, tơ lụa, gấm vóc... Nghề rừng, nghề biển... giao thương khắp các vùng trong nước và đã chớm có buôn bán với nước ngoài. Vì vậy của cải trong nước ngày một nhiều, triều đình có nhiều nguồn thu nên các mặt kinh tế, xã hội cũng được mở mang.

Điều thứ tư là đã chấm dứt được nạn quan văn không biết chữ, phải lập sổ sách bằng những cuộn dây thừng, ghi chép bằng những nút thắt buộc.

Điều thứ năm là ngoài hệ thống trường học từ các chùa làng do các nhà sư đảm nhiệm, nhiều nơi đã mở được trường học ở cấp châu, huyện, lộ. Do vậy xã hội có nhiều người không chỉ biết chữ mà còn có học thức cao, được nhận vào làm việc trong các cơ quan then máy của triều đình.

Bằng vào năm điều trên, ta cảm nhận nước Đại Việt đang trong vận hội mở mang.

Lý Thường Kiệt ngừng lời nhìn thoáng ra phía

ngoài biển thấy khoảng trời sáng lờ mờ màu sữa, tiếng sóng vỗ rì rầm nghe như tiếng trò chuyện khi gần khi xa của mấy dải rừng sú vẹt phía ven bờ. Chợt nhìn vào tận mắt hai vị quan văn võ, với vẻ hài lòng, ông nói:

- Ta vui quá mà trở nên nhiều lời, mong các ông bỏ qua, nếu có điều gì lỡ làm các ông không vừa ý.

- Thượng quan dạy quá lời. - Đông hải đô tổng quản nói. Chẳng mấy khi được bề trên răn dạy, lũ hạ cấp đâu dám không theo. Cớ điều các quan được như quan thiếu úy đây cùng quan Khu mật sử chánh chương cũng đã có đôi lần ghé châu Vạn Ninh, ghé trang Vân Đồn để kiểm xét động tĩnh biên thù, động tĩnh biển đông; cỡ như các bậc quý quan vừa tài giỏi, vừa thanh liêm, đi đến đâu cũng để lại gương sáng cho quan lại và dân chúng mãi mãi chung soi. Dạ, các bậc quan trên như vậy cũng còn hiếm lắm ạ.

- Dạ bẩm đúng như quan Đông hải đô tổng quản đã trình với quan Thiếu úy ạ, - châu mục Phạm Minh Tuyên cũng mạnh dạn lên tiếng phụ họa.

Lý Thường Kiệt gật gật mái đầu làm rung búi tóc và cả vành khăn phía sau gáy. Ông nói:

- Khuya rồi, các ông về nghỉ đi, mai sớm ta lại làm việc.

Các quan chấp tay vái quan thiếu úy. Viên đô tướng chủ trại vội thưa:

- Bẩm quan Thiếu úy, xin ngài tha tội, đây là nơi trại lính sơ sài tạm bợ, quan châu đã cho soạn sửa chỗ nghỉ của ngài, xin mời ngài về nghỉ tại dinh quan châu ạ.

Lý Thường Kiệt tỏ vẻ ngạc nhiên, ông mỉm cười vỗ vai viên đô tướng chủ trại:

- Bất tất người phải lo chuyện đó. Ta sẽ xuống thuyền ngủ với quan Đông hải đô tổng quản; quan châu cứ về lý sở, sớm mai ta sẽ đến thăm và làm việc tại dinh của ông. Ngần ngừng giây lát, thiếu úy lại nói: - Sớm mai ta muốn thăm chợ Vân Đồn. Nghe nói mai có phiên chợ chính phải không?

- Dạ đúng đấy ạ. Thưa chợ Vân Đồn một tháng có sáu phiên chính, họp vào ngày năm, ngày mười, sáu phiên xép họp vào ngày ba, ngày bảy.

Thôi được, vừa nói, Lý Thường Kiệt vừa kéo tay Trần Quang Minh đi về phía có con thuyền neo đậu dưới mép nước trước sân trại.

Đường xa, ngựa xóc, vừa đặt mình xuống sạp thuyền, sóng nhẹ vỗ mạn như lời ru dịu dịu, một thoáng Lý Thường Kiệt đã vào giấc ngủ sâu.

Sớm ra, ba vị quan lớn ăn vận như những khách thương thông dong vào chợ.

Vân Đồn là chợ của một trang, nhưng từ lâu nó đã là chợ của một vùng. Chợ vùng biển mà sản vật nhiều

hơn lại là của rừng, của núi, của đồng bằng như nhựa thông, sơn sọng, thảo quả, sa nhân, ba kích, hà thủ ô, hoài sơn, sa sâm, huyền sâm, ý dĩ, quế, hồi, cánh kiến... đựng trong các giành, các thúng, các sọt xếp từng dãy dài. Các con vật sống cũng là các vị thuốc cực quý như tắc kè, cây hương, trăn, tam xà¹, nhím... nhốt trong các lồng, loáng thoáng có vài con sơn dương, vài con gấu nhốt trong cũi đang bày bán. Các mặt hàng thổ cẩm của các dân tộc Thái, Mường, Nùng... Các loại the, lụa, gấm, vóc... đủ loại, đủ màu chất đầy các quầy trong các cửa hàng lớn. Các loại nấm hương, mộc nhĩ, đậu hạt, lạc, vừng nhiều vô kể. Nhưng nhiều hơn cả phải kể đến các loại đồ sành và gốm, sứ. Đồ sành như chum, vại, lọ, nôi, tiểu sành, bình vôi... Các đồ gốm sứ thì nhiều chủng loại, nhiều kiểu dáng và màu men khác nhau. Những bình, lọ, thố, thạp với các màu men ngọc bích mát mịn với các hoa văn như rồng giun, hoa cúc, thủy ba, men độc sắc màu da lươn khỏe khoắn. Những loại đồ gốm sứ này nhỏ như các bộ đồ trà độc ẩm, lớn như các thạp, thố; lớn hơn nữa là các đầu rồng, đầu phượng dùng trong các công trình xây dựng như đền, chùa, quán...

Về các sản phẩm biển bày bán ngoài chợ thì các loại hàng khô nhiều hơn hàng tươi, đó là cá mực, cá

1 Một hồ ba loài rắn dùng để ngâm thuốc gồm: Rắn hổ mang, rắn ráo, rắn hổ lửa.

chim, cá thu, cá đé, cá dổi, tôm hùm, tôm he, tôm báy, tôm nơn đỏ au;... Các đồ hải sản quý không bày bán ngoài chợ mà bán trong các cửa hàng lớn như hải sâm, vây cá mập, bong bóng cá thừ... Các mặt hàng này đắt chẳng kém gì đồi mối, ngọc trai.

Đồi mối, ngọc trai được bày bán trong các cửa hàng vàng, bạc, hồng ngọc, bích ngọc. Những cửa hàng này loáng thoáng có khách vào xem chứ ít khách mua.

Dạo quanh chợ một lượt, quan thiếu úy thấy hài lòng về sản vật nước mình phong phú, nghề công thương đã bắt đầu khởi sắc. Lý Thường Kiệt liền hỏi viên quan quản hạt Phạm Minh Tuyên:

- Nay ông châu mục, sao ta thấy các hàng hóa chất đầy thế kia mà không thấy thương lái?

- Bẩm Thiếu úy, lát nữa các thương lái ở ngoài thương cảng họ vào, chỉ nội chiều nay là các hàng này được chuyển hết ra ngoài đó cho các chủ tàu buôn nước ngoài.

- Nếu tàu buôn nước ngoài ăn hàng này, Lý Thường Kiệt nhìn một vòng chợ rồi khoát tay - ta e ít quá; bởi ta thường thấy tàu thuyền của họ cập bến san sát cơ mà.

- Dạ đúng như thượng quan dạy đó, những hàng bày trong chợ này và trong các nhà hàng ở phố đây chỉ được coi như hăng mẩu thôi. Nếu họ ứng bao nhiêu, các

thương lái mới cho người đi gom hàng tới khi nào đủ mớn họ mới nhổ neo.

Ba vị quan lớn vẫn thông dong tản bộ, Lý Thường Kiệt chợt trông thấy một thiếu niên đi qua trước mặt khiến ông giật mình. Và một cái gì đó khiến ông gai hết cả người, khắp sống lưng nóng ran như có một luồng khí ấm áp mới xâm nhập vào cơ thể, tựa như người tập du - già¹ đặc khí. Đó là linh giác mạch bảo khiến ông theo sát gã thiếu niên. Ông chỉ đi phía sau, kín đáo theo dõi. Thiếu niên có phong dạng của một kẻ có học, phong thái tao nhã, y phục may theo kiểu đạo sĩ: áo dài thụng quá gối, đầu quấn khăn vành dây mới giặt sau gáy, nhưng màu sắc lại là xanh chàm mà dân Nùng thường mặc.

Thiếu niên dừng lại trước mấy người bán vừng, bán lạc mua mỗi thứ dăm đấu. Trả tiền xong gã thiếu niên ngừng lên bắt gặp cái nhìn như hút lấy của Lý Thường Kiệt. Biết có người theo, chàng thiếu niên vẫn vờ như không có chuyện gì, chàng lại chuyển tới nơi người ta đang bán muối. Hàng muối thưa thoáng cả người bán lẫn người mua. Chàng mua vài đấu muối, rồi ngoắt quay sang đám mai võ ngay kế đó, trống chiêng inh ỏi, người xem quây kín vòng trong vòng ngoài. Lấn vào đám mai võ, ngoắt quay vào giữa chợ rồi vòng phía

1 Du - già tức Yoga.

sau dây phớ, cỡi dây cột ngựa nơi gốc cây vá, nháy phát lên yên cương, ra roi phi nước đại, và biến vào con đường rừng hun hút.

Là một tướng tài, võ nghệ cao cường, binh lược lâu thông từ thuở mười tám đôi mươi, vậy mà thiếu úy không theo nổi một chàng thiếu niên ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Lý Thường Kiệt đứng ngẩn ngơ phía sau đám mả vô ồn ào, ông như người mất hồn đứng nhìn toàn cảnh khu vực chợ, ba mặt tiếp rừng, một mặt tiếp biển, mệnh mang thế này biết đâu mà tìm thằng bé. Ông gặp cái nhìn như sét đánh khi chàng thiếu niên vừa mua lạc, mua vừng chọt ngừng lên và quay nửa người lại phía sau. Cặp mắt ấy, gương mặt ấy cùng cái miệng và nước da sao mà giống ông thuở mười sáu mười bảy tuổi. Có thể nói, đây là bản sao chàng thiếu niên Ngô Tuấn trước khi bước vào cấm đình.

Lý Thường Kiệt lại tự hỏi: - Hay ta lầm chăng? Thiên hạ thiếu gì người giống nhau. Chẳng qua ta luôn nghĩ đến nàng. Nghĩ đến những năm chung sống. Nghĩ đến giọt máu của ta nàng mang theo. Ta đã cố ý dò tìm khắp nẻo mà vẫn biệt vô âm tín. Nhưng muốn nói gì thì nói, thằng bé thật sự giống ta. Chắc nó đã được mẹ dạy bảo kỹ càng. Nom nó vừa kín đáo vừa cẩn trọng. Thằng bé chắc cũng là tay võ công thâm hậu nên nó phát giác sự việc rất nhanh, xử lý mau lẹ mà đánh lừa đối phương, thật là tinh tế. Ta đã chú mục dõi theo nó,

nửa bước không rời. Thăng bé thật là cao thủ, khi đối mặt với ta, nó tỏ như không hề biết chuyện gì, nên nó đánh lừa ta bằng cách đảo ra hàng muối, là chỗ thưa người để ta tin là nó vẫn không để ý đến ai cả. Thoát cái nó lẩn vào đám mây rồi không biết nó thoát ra bằng đường nào. Đôi mắt như hai vì sao làm sáng bừng cả khuôn mặt thánh thiện. Nhìn vào mặt thăng bé, ta có cảm giác như soi vào một tấm gương trung thực, nó hiển lộ tức thì gương mặt thật của khách soi gương. Ta không ngờ nhận, nhưng đúng nó thật rồi. Ta phải cảm ơn Thuần Khanh, nàng đã sinh ra và nuôi dạy nó trở thành một trang nam nhi đích thực.

Một cái gì thôi thúc ở trong lòng khiến Lý Thường Kiệt muốn vồ chớp ngay lấy thăng bé để tìm ra tung tích mẹ con nàng. Song có một cái gì đấy đã kịp ngăn ngài Thiếu úy lại.

Quan Đông hải đô tổng quản cùng quan châu mục thoát không còn thấy mệnh quan của triều đình đâu nữa, hai người sục sạo quanh chợ, lại vào các cửa hàng lớn xem đại quan có ghé đâu đó, tất cả đều không thấy bóng dáng quan trên. Hai vị bắt đầu hoảng, đã toan báo động, sai lính bỏ đi các ngã kiếm tìm. Nhưng lại nghĩ, thiếu úy là một bậc tướng tài, năm mươi sáu tuổi đã theo Khai Hoàng vương đi bình man lập công lớn. Vào chỗ muôn chết còn chẳng coi vào đâu, huống hồ ở nơi chợ búa giữa thanh thiên bạch nhật này. Bàn bạc với

nhau như vậy, hai vị lại thấy yên tâm và thung thăng lội vào giữa chợ. Bất chợt họ bắt gặp mệnh quan đang đứng ngơ ngác như người mất hồn.

Châu mục Phạm Minh Tuyên tới gần Lý Thường Kiệt vái rồi lên tiếng:

- Bẩm mệnh quan, chợ ngày thường mà cũng đông quá, thành thử lữ hạ cấp lạc mất bề trên, xin được tha tội.

Gượng cười, Thiếu úy đáp:

- Ờ, ờ ta đứng đây để kiếm hai ông mà. Xem chợ thế là được rồi, các ông định cho ta đi đâu bây giờ?

Quan châu muốn mời thượng cấp về châu lý, quan Đông hải đô tổng quản lại muốn mời thượng cấp ra đảo để ngài xem mấy cái vụng hải đài mới xây và khu vực quân cảng, khu vực giao thương.

Có đi kéo lại, nơi nào Lý Thường Kiệt cũng thấy quan yếu cần kiểm xét, bởi ông nghĩ rằng trăm nghe không bằng một thấy. Tuy vậy thời giờ hạn hẹp, nên quan Thiếu úy nhận lời ra đảo mà cáo lỗi với quan châu. Nhưng để đỡ sái, ông xướng xuất nên ăn với nhau bữa trưa ngay tại trại quân này rồi chia tay. Ai nấy đều tỏ vẻ hài lòng.

Viên đô tướng chủ trại tuy chưa được lệnh bề trên, nhưng ông vẫn cho quân soạn sửa một bữa thịnh soạn thuần đồ biển, thuần những thứ do người lính tự tay bắt

từ biển lên thết khách.

Vào tiệc, viên đô tướng chủ trại chấp tay thưa:

- Bẩm quan Thiếu úy, từ hồi quan Đông hải đô tổng quản Lý Vân Trung còn trọng trấn tại vùng này, ngài cho lệnh từ quan đến lính mỗi tháng chỉ được uống rượu hai lần vào ngày sóc, ngày vọng, mỗi người chỉ được uống hai bát. Lệnh ấy, quan đương kim Đông hải đô tổng quản vẫn còn nghiêm giữ. Vì vậy trong tiệc, hạ cấp không dám dâng rượu. Nay có mệnh quan thiếu úy, chức trùm trong quân, nếu ngài cho phép, hạ cấp xin được dâng rượu.

Lý Thường Kiệt đưa mắt nhìn Trần Quang Minh như ngầm hỏi việc đó thế nào.

Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh bèn đáp:

- Bẩm Thiếu úy, trong quân vùng này quả có chuyện đó. Còn bây giờ, nếu Thiếu úy cho phép.

Trong bụng Lý Thường Kiệt rất muốn có chén rượu để khỏa lấp nỗi buồn sáng nay. Nhưng con người nghiêm cẩn của ông lại nói:

- Lý Vân Trung là bậc tiền bối của chúng ta. Ngài đã vì nước mà phải giã từ Thăng Long ra trọng trấn biên thù, lại tự đưa mình vào cương kỷ và giữ nghiêm quân lệnh như vậy, sao ta dám tự ý làm loạn phép quân. Thôi được, chúng ta vẫn cứ uống mỗi người hai bát nước lã,

coi như được uống rượu trong tiệc cho vui.

Vào bữa, mọi người đã gắng chuyện trò vui vẻ, nhưng đúng là nước lã không vã thành rượu được nên không khí vẫn cứ trầm trầm. Ấy còn bởi Lý Thường Kiệt vẫn cứ vương vấn hình ảnh chàng trai trẻ mất hút giữa chợ sớm nay.

Dần lòng, Thiếu úy hỏi:

- Ông châu mục có biết vùng này có nhiều chùa, quán không? - Ngửng nhìn cả hai người, Thiếu úy lại hỏi: - Các vị có hay giao du với các bậc thiền sư, đạo sĩ không?

- Bẩm Thiếu úy, đây là vùng sơn lâm cùng cốc, miền biên viễn. Người dân chưa được khai hóa, ít được giáo hóa, còn u mê lắm, chưa có các bậc đại giác dẫn dắt, nên họ chưa hiểu để mà theo về đạo lớn. Họ chưa phân biệt được chính thần với tà thần, nên họ theo về tạp thần. Dạ, tức là gặp cái gì họ thờ cái đó; từ gốc cây, bến nước, thần gió, thần mưa, thần sấm, thần chớp, thần voi, thần hổ, thần chim, thần cá... Dạ, chùa chiền khắp trong vùng cũng chỉ có vài ngôi. Quán thờ Thái thượng Lão quân thì nhiều hơn, nhưng phần lớn nằm khuất lấp trong rừng sâu. Dạ, hầu hết các đạo sĩ của Đạo giáo đều ẩn tu trong các hang động. Tại đó, các vị vào rừng hái thuốc luyện đan cầu tìm sự trường sinh bất lão. Dạ, cũng có phái tu theo phép luyện công.

Bẩm các vị thiên sư, đạo sư hòa hợp nhau lắm. Họ thường có giao du thăm viếng nhau; đôi khi cả giao đấu nữa. Họ giao đấu võ thuật mỗi năm một lần vào tết trung thu. Dạ bẩm, nhiều bậc trong họ võ công đạt tới mức siêu quần. Vâng, thưa họ chỉ đấu giao hảo chứ không tranh hơn thua, nên không có chuyện lưu huyết.

Bẩm Thiếu úy, các bậc tu hành đó chưa bao giờ gây phiền phức cho người dân, cũng chưa làm điều gì cản trở công việc của các nhà chức trách từ thôn bản tới châu, quận. Tuy nhiên, các lãnh địa của họ, họ đòi phải được tôn trọng, ngay quan châu, quan lộ tại địa phương, nếu các bậc thiên sư, đạo sĩ đã bảo “không tiếp” thì đừng tìm cách vào làm gì mà sinh rắc rối.

- Các vị đã có chuyện rắc rối với các nhà tu hành bao giờ chưa?

- Dạ chưa, thường là các chức dịch rất tôn trọng họ, không gây phiền hà rắc rối, còn các vị ấy cũng chẳng làm phiền ai. Bởi họ đã lánh đời, đã xa lìa mọi dục vọng thế gian thì làm gì còn có chuyện tranh đoạt với thế gian.

- Vậy chứ các thiên sư, các đạo sĩ có hay xuống núi, có hay đi du ngoạn đó đây trong vùng không?

- Dạ bẩm Thiếu úy, quả tình việc này hạ cấp không tường lắm. Bởi ít khi các bậc cao tăng xuất lộ, mà dù họ có đi lại, mình là người phàm sao biết được, thấy

nói họ đi mây về gió. Dạ, dân chúng trong vùng đồn đại về pháp thuật của các vị ấy ghê lắm, nhất là đạo sĩ có pháp danh Thiên Tôn động chủ thường đi về bằng xe mây có chim hồng hạc kéo.

- Vậy chớ còn việc lương thảo của các vị tu hành trong rừng sâu núi thẳm ấy quan chức châu, lộ có phải cung tiến không?

- Bẩm không. Các vị ấy không nhờ vả ai cả.

Nghe nói các vị ấy thường ăn các loài củ quả sẵn có trong rừng. Mỗi ngày chỉ ăn một bát cơm vào chính Ngọ. Họ không ăn thịt cá, vì họ cấm sát sinh, chỉ ăn muối vừng muối lạc thôi ạ.

- Thảo nào sớm nay ở chợ, ta thấy một thiếu niên, nom như một nhà tu hành vận đồ màu chàm đi mua vừng, lạc, muối. Chẳng hay các vị có biết chú tiểu này?

- Dạ bẩm biết làm sao được, những nhà tu hành trong vùng này bí ẩn lắm, họ lai vô ảnh, khứ vô hình, thiếu úy nom mấy trang thiếu niên non choẹt ấy, nhưng đều là những tay cao thủ trong giới võ lâm, vì họ là đệ tử của các bậc cao tăng cả đấy. Ví như thầy trò của Thiên Tôn động chủ thì mới nghe danh, thiên hạ đã bái phục rồi.

- Các vị có nghe nói trong vùng sơn động có các sư ni tu hành không? - Lý Thường Kiệt đặt câu hỏi

mang tính dò tìm. Bởi thâm tâm ông muốn biết có phải mẹ con Tạ Thuần Khanh ẩn tu trong vùng này.

Cả châu mục lẫn Đông hải đô tổng quản đều bật cười khanh khách:

- Dạ không, lam chướng lăm, đàn bà con gái chịu sao nổi. Và lại các vị thiền sư, đạo sĩ đều lánh đục cả, - viên châu mục vừa nói vừa mỉm cười.

Lý Thường Kiệt không thăm hỏi kiếm tìm Thuần Khanh qua mấy vị quan bản hạt này nữa, nhưng trong ông sự nghi hoặc về chàng thiếu niên sáng nay chính là dấu vết về Thuần Khanh đã hé lộ.

Suốt bao nhiêu năm nay, trên khắp các nẻo đường đất nước, tới đâu ông cũng chú ý dò tìm, vậy mà vẫn biệt vô âm tín. Không hiểu tại sao ông cứ linh cảm, nằng đang nấu mình nơi cửa Phật. Vì vậy, ông không bỏ qua bất cứ một ngôi chùa nào trên các vùng đất ông đã ghé qua.

Cơm nước xong đã xế trưa, quan Thiếu úy nóng lòng muốn ra ngoài đảo, ngài muốn kiểm xét mấy cái vọng hải đài, tự mình trèo lên mà quan sát xem nó giúp ích như thế nào cho việc phòng thủ đất nước từ xa.

Châu mục Phạm Minh Tuyền đã hai ba lần lưu mệnh quan ở lại đi thị sát biên cương và hứa sẽ chấp nối dò tìm để Thiếu úy được tiếp kiến với Thiên Tôn động chủ nhưng đều bị khước từ.

- Ta sẽ trở lại vào dịp khác để cùng các ông đi khắp vùng biên địa. Các ông nên nhớ, đây là miền đất trọng yếu nhất của cả nước. Quân phương bắc tràn vào thường qua hai ngã thủy, bộ của châu Vạn Ninh. Nay nhân nước họ suy yếu, họ không đủ lực xâm lăng, cũng như quấy phá biên thù nước ta, cho nên ta phải gắng rào giậu vườn nhà cho thật chắc. Tức là ta phải bằng mọi cách làm cho dân thịnh nước cường. Vì vậy, việc lương, việc binh, việc mở mang công thương, kể cả việc giao thương với ngoại quốc, tất thấy phải làm gấp gáp. Nếu không, khi người Tống mà yên định được, họ không để cho ta yên đâu.

Ngừng lời, Lý Thường Kiệt nhìn vào tận mắt mấy người hạ cấp với vẻ thiện cảm và thông thả nói như ủy thác cho họ một sứ mệnh cao cả: - Ta sẽ quay lại cùng các ông, nay mai triều đình sẽ tăng nội lực cho biên địa, mong các ông không phụ lòng tin yêu của thánh thượng.

Hai vị được bề trên ủi rất là cảm kích, cùng đứng dậy vái Thiếu úy hai vái:

- Hạ cấp xin hứa làm tròn trách phận nơi biên địa như Thiếu úy răn dạy.

Chiều xuống, quan Đông hải đô tổng quản lại giơng buồm đưa quan thiếu úy ra các đảo Minh Châu, Quan Lạn là nơi đồn trú quân thủy của ta, lại cũng là

nơi ta mở bực dịch trường cho tàu thuyền ngoại quốc đến giao thương.

Lần này di kinh dinh ra vùng biên địa mà chủ đích của quan Thiếu úy nhằm củng cố toàn bộ quân thủy cùng các vùng biển giáp giới với Trung Hoa; lập thêm các vọng hải đài, cho quân đồn trú các nơi hiểm yếu mà qua đó thủy quân giặc có thể tràn vào nội địa nước ta.

Thuyền đi trong vịnh, núi non giăng mắc điệp điệp trùng trùng, gió quẩn, người lái cứ phải luôn tay giặt lèo cho thuyền đi theo kiểu chữ chi tựa như trẻ nhỏ chơi trò đuổi bắt.

Dường như những suy tư đau đầu về mẹ con Thuận Khanh đã tạm lắng, lúc này Lý Thường Kiệt không rời mắt khỏi từng lớp núi, từng lạch nước mà người lái thuyền dẫn dắt con thuyền luôn lách uyển chuyển như một tay quyền thuật siêu phàm đang biểu diễn hầu quyền. Chợt Thiếu úy thốt lên:

- Hay lắm! Hay lắm, Trần tướng quân.
- Dạ bẩm đại quan dạy...
- Không. Không dạy bảo gì cả. Chẳng là ta đang nghĩ về một điều, ta sẽ nói sau. Nhưng làm gì có chuyện cứ quan trên mở mồm nói điều gì là khuôn vàng thước ngọc, là dạy bảo những quan cấp dưới quyền. Lý Thường Kiệt nhìn Trần tướng quân với vẻ tinh quái, ông tiếp:
- Ta tiết lộ với ông điều này.

- Dạ, tiểu tướng đang nghe đại quan răn dạy.

- Ta tiết lộ với ông vì ta quý ông, thật ra không phải như các ông nghĩ về các quan trong triều dẫu. Làm gì có chuyện cứ quan cấp càng cao thì sự nghĩ hiểu càng bao quát rộng sâu, năng lực điều hành càng giỏi. Đúng là hoàng thượng mong có nhiều bề tôi như thế. Đúng là dân chúng trông mong có một bộ máy công quyền như thế. Đúng là trong triều đình có một số quan giỏi giang như vậy. Nhưng số đó không nhiều. Không những thế họ còn bị ngáng trở, bị kèn cựa, bị gièm pha đặt điều nói xấu bởi lũ quan nhát hèn, tham bì. Tiếc thay số này lại hơi nhiều.

Đông hái đô tổng quản tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Bẩm đại quan, lũ tiểu tướng không dám nghĩ như vậy. Nếu số đông năng lực các quan kém cỏi thì nước suy mất ạ.

- Nếu hoàng thượng tin yêu bọn người này, nghe kế của họ thì nước nguy thật. May mà hoàng thượng là bậc anh minh, có chính kiến rõ ràng, nên không dễ gì lũ người tham bần lung lạc được. Vả lại, nhà vua đang lo mở mang việc học để lựa tuyển được nhiều người có đức, có trí lực giúp rập. Hiện nay đức kim thượng đang trần trở làm thế nào để trong vòng mười mười lăm năm nữa, nước ta trở thành một quốc gia cường thịnh. Cho nên số người có trí tuệ, có tâm lực sẽ tăng dần lên để

gánh vác việc lớn quốc gia, còn lữ tham bản sẽ bị loại thải dần dần.

- Bẩm đại quan, cứ như ý tiểu tướng thì triều đình phải loại hết những người kém năng lực, kém tư chất, sự có mặt của họ chỉ như lữ tầm gửi làm hại cây chủ, tức là làm hại bộ máy công quyền, làm yếu suy thế nước.

- Đúng vậy, ta đã thấy nhiều cây chủ bị chết đứng do lữ tầm gửi quá nhiều, nó hút hết nhựa sống của cây. Nước nhà cũng thế thôi, nếu quyền lực rơi vào tay lữ tham bản, bất tài. Đúng là cần phải dọn lữ tầm gửi, nhưng thưa với Trần tướng quân, đừng có kỳ vọng diệt được hết các loài tầm gửi đâu. Mầm mống của nó khỏe mà ẩn sâu mọi nơi mọi chốn, chỉ chờ có cơ hội là nó chồi lên như lữ có gấu sau một đêm mưa. Nó luôn luôn là ẩn họa cho toàn xã hội, cho đất nước, đôi khi nó nhân danh cái thiện, cho nên không phải lúc nào cũng dễ nhận diện nó được đâu.

- Nhân đại quan nói về lữ cỏ gấu, tiểu tướng nhớ hồi còn trai trẻ, cha của tiểu tướng sai đào cái đám cỏ gấu ăn hại đất dưới gốc mấy cây hồng. Tiểu tướng cùng mấy gia nhân đào sâu một thếp mai, đến một nhánh rễ củ gấu cũng không còn nữa. Đất có củ gấu cha tiểu tướng sai đem phơi nỏ, đập vụn ra rồi nhặt từng củ một bỏ tất cả vào giành đem xuống ao rửa sạch rồi đem

phơi khô kiệt có thể đốt cháy thành than như đốt rơm rạ. Mấy năm sau cha tiểu tướng sai lấy bùn ao để cho nở rồi bón cho mấy gốc cam ngọt. Một năm sau các gốc cam cỏ gấu mọc chen chúc lá xanh mơn mớn như lá hẹ. Cha tiểu tướng hết đổi ngạc nhiên. Mãi sau mới truy ra việc đem củ gấu rửa dưới ao, cái rễ và những mầm sứt sẹo của nó theo kẽ hở của nan giành đọng dưới bùn. Khi bốc bùn lên không ngờ trong đó lại có mầm cỏ gấu.

- Đúng! Đúng quá. Cái tỉ dụ về loài cỏ gấu mà tướng quân vừa nói đó chính là sức sống của cái ác đấy. Nó chính là lũ tham quan ô lại đấy, nó như lũ yêu quái đã thành tinh, chém đầu ấy nó mọc đầu khác. Chém một đầu, nó lập tức mọc lên cả chục đầu miên man bất tận.

Hai người mê mái chuyện trò khiến hải trình trở nên ngẫn ngủ, thoát đã trông thấy tàu thuyền nước ngoài đậu san sát, chỉ còn bốn, năm hải lý nữa thuyền sẽ về bến.

Mặt trời đã rơi xuống phía sau những dãy núi dang tây, nước biển có màu xám nhờ rồi chuyển dần sang màu đen. Tàu thuyền neo đậu gần bến và các nhà trong phố biển đã lên đèn. Hàng ngàn ngọn đèn nhấp nháy như một dải Ngân hà hiện ra phía trước. Tiếng chuông chùa khoan nhặt tỏa lan trên thính không rồi chìm vào tiếng vỗ ì oạp của sóng biển.

Nghe tiếng chuông chùa lại thấy lòng chộn rộn, Lý Thường Kiệt liền hỏi Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh:

- Ta nghe như trên đảo mới có chùa?

- Bẩm Thiếu úy, chùa mới dựng được ít năm ạ. Dạ chắc thiếu úy còn nhớ chuyến thăm của tiên đế cách đây sáu, bảy năm, nhân lúc nhàn đàm thiền sư Đạo Quang có xin nhà vua chiếu cố cho dân đảo mấy ngôi chùa. Tiên đế đã hoan hỉ chấp nhận. Và sau đó ít lâu chùa được khởi dựng. Mấy nhà sư tốt nghiệp trong Đạo tràng của Thăng Long được bổ về trụ trì. Các vị vừa siêng việc Phật, vừa tận tình hoằng pháp. Dạ, không chỉ dân chúng trên đảo, mà khách thương các nước khi được tiếp kiến các vị, đều hài lòng và cảm phục lắm.

Đêm ngủ tại nhà tân khách, nghe sóng vỗ rì rầm như lời oán than của Thuần Khanh, trong lòng Lý Thường Kiệt lại trở dậy những kỷ niệm đau đớn mà từ hơn chục năm nay chàng cố quên, cố vùi sâu như một nấm mồ chôn trong tâm khảm. Thế nhưng sớm nay, khi trông thấy một thiếu niên ngoài chợ thì tất cả những kỷ niệm xưa với Thuần Khanh tức khắc òa vỡ như một tiếng sét đánh bất chợt, khiến những gì đã chôn chặt đều bật dậy phơi ra tươi rói trong óc não chàng... Nhớ lần đầu tiên hồi chẳng bảy, tám tuổi được cha cho vào chơi trong trại cấm binh, được diện kiến đức Thái tông,

ngài cứ nhìn ngắm ta mãi và với vẻ hài lòng, ngài bảo cho phép ta hàng ngày được vào trong cung chơi với hoàng thái tử Nhật Tôn, tức đức Thánh tông, đương kim hoàng thượng. Lại dụ rằng, ta hơn hoàng tử những bốn tuổi, nên được răn dạy vừa chơi vừa hầu hạ hoàng thái tử, và phải cung kính nhịn nhường chứ không phải như các bạn cùng trang lứa trong phường Thái Hòa. Năm mười ba tuổi thì cha mất đột ngột trong cuộc tuần thú Ái Châu. Mười lăm tuổi lại mất mẹ. Hai anh em nhờ vào sự chăm sóc của người cô ruột và chú dượng Tạ Đức là người khoan dung độ lượng đưa về nuôi dạy, tới khi ta lớn, lại bàn bạc với người anh gả con gái yêu là Tạ Thuần Khanh cho ta. Nàng vừa nhan sắc vừa nét na. Năm ấy, ta vừa tròn hai mươi tuổi, hạnh phúc đang nồng nàn thì Thái tông gọi vào cung dụ rằng: “Người được hoàng thái tử quý mến. Thái tử sắp nạp phi, nên muốn việc hậu cung sau này sẽ giao cho người cai quản. Hoàng thái tử với người vừa có sẵn tình bầu bạn, sau này lại thêm nghĩa vua tôi, nên Nhật Tôn muốn ban cho người một đặc ân. Thật là các người có biệt nhân với nhau. Vậy ta dụ bảo để người sớm thu xếp việc nhà, nay mai sẽ có thánh chỉ...”

Thế rồi độ một tháng sau nhà vua xuống chiếu, dụ

bảo ta vào Viện tinh thân¹, lại cho ba vạn quan tiền để báo hiếu tổ phụ, trả nghĩa phu thê.

Sau khi ở Viện tinh thân về nhà, ta cảm thấy túi hổ vô cùng. Thuần Khanh, chắc nàng khinh ta nên đã bỏ nhà ra đi và chỉ để lại một lá thư dưới gối. Đọc xong thư nàng, ta toát hết cả mồ hôi mặc dù tiết trời đang lạnh giá. Ta cảm thấy mình là một thằng đàn ông đê tiện, nhát hèn; nhân cách ta không với tới mắt cá chân nàng. Thực tình lúc ấy ta muốn tìm đến cái chết. Song ta không dám chết, vì sợ mắc tội khi quân, phải tru di tới ba họ. Chính cái sự liên lụy đó ràng buộc khiến ta không dám chết, cũng là một sự hèn vì sẵn cơ để vin vào chứ quá thực ta chỉ nghĩ đến cái thân ta chứ ta có màng tưởng đến ai.

Điều lạ lùng là trước khi sự việc xảy ra vài ba tháng, nàng đã linh cảm thấy điều chẳng lành và rủ ta bỏ phường Thái Hòa, bỏ Thăng Long đi trốn.

Tại sao phải đi trốn, trong lúc danh ta đang nổi như cồn sau mấy trận được hoàng thái tử cho làm tướng bình man. Ôi, nếu biết mọi việc diễn ra sau này như Thuần Khanh linh cảm thì ta đã cùng nàng bỏ Thăng Long mà đi biệt tích từ lâu. Sự ra đi ấy chẳng ai truy bách được vào tội lỗi gì. Dầu óc ta sao mà trì độn, để rồi

¹ Có nghĩa cơ quan chuyên làm các việc hoan, thiến bỏ bộ phận sinh dục của những người nam do triều đình tuyển chọn vào làm trong hầu cung.

gia đình tan nát, mất vợ, mất con. Thân nam nhi trở nên vô dụng, chẳng khác gì mấy đứa hoạn quan tiến thân bằng con đường triệt sản. May mà nhà vua chấp nhận sớ nguyện của ta, rằng ta sẽ suốt đời trung thành với ngài, nhưng ta chỉ làm việc quân dù ở trong cấm đình hay ngoài biên ải cũng được, chứ ta không thể làm cái việc cai quản đám gà mái ở hậu cung.

Thật ra, trong những năm qua ta cố ghìm nén lòng mình, coi như đây là số phận đã an bài. Ta tìm niềm vui trong công việc. Gấn cuộc đời và số phận mình vào sự cường thịnh của quốc gia, dân tộc. Coi mấy năm chung sống với Thuận Khanh chỉ là một giấc mơ đã thuộc về quá vãng. Tuy vậy hình ảnh nàng, gương mặt lo âu với lời nói quá quyết: "Thiếp tin rằng có một tai họa đang lớn vờn rình rập chúng ta. Nguy cấp lắm rồi. Thiếp không thể nói rõ được hình tích nó ra. Nhưng có đấy. Hay là chúng ta bỏ Thái Hòa, bỏ kinh thành đi ẩn lánh ở một vùng nào đó thật xa có được không. Chàng có tin điều thiếp đang dự cảm không..." Ôi, nàng với đầu óc mẫn tuệ như thế, ta sao theo được. Ta chỉ cảm và thấy được những gì diễn ra với năm giác quan mà thôi. Ta trọc trọc, bì so sao được với sự tế vi thanh khiết của nàng.

Lại nữa, bức thư nàng để lại. Đúng là nàng hiểu ta, nàng đi guốc vào trong bụng ta. Nàng mĩa mai ta thật cay độc. Song chỉ có nàng mới lời được ta từ trong những góc khuất lấp tối tăm ra ánh sáng. Ta nhớ như in

từng dòng, từng chữ nàng viết....

"Phu quân kính quý,

Thiếp cúi lạy rõ nước mắt mà viết lá thư này, kính mong chàng bình tâm nhā giám.

Kể từ khi thiếp được diện kiến chàng tại nhà chú Tạ Đức, cho tới khi được gá nghĩa cùng chàng, về làm dâu nhà họ Ngô. Trong con mắt thiếp, chàng đúng là một đấng trượng phu, một anh hùng mã thượng mà thiếp hằng tôn kính. Những mong loan phượng trường tồn, trăm năm đầu bạc, nào ngờ ẩn họa đang rình rập hai ta từ mọi nẻo.

Doãn duyên và bạc phúc, nên nửa đường đứt đoạn, không được nâng khăn sửa túi hầu chàng tới mãn chiều xế bóng.

Cuộc đời là sắc sắc không không, hữu hỷ thì hữu bi, hữu hợp thì hữu ly, hữu thành thì hữu bại, hữu hình thì hữu hoại... như lời kinh Phật dạy nên thiếp chẳng dám oán than gì. Mong chàng yên tâm lập nghiệp, chí lớn ắt thành.

Đúng như người xưa nói, gian nan mới biết mặt anh hùng. Chàng được như vậy chăng?

Thiếp đã coi khắp lịch sử cổ kim, chưa từng thấy một người đàn ông nào yêu gia đình vợ con bằng yêu danh vọng. Cũng chưa từng thấy một ông vua nào yêu đạo đức bằng yêu sắc đẹp đàn bà.

Trước giờ vĩnh biệt, thiếp không nỡ giấu chàng, rằng trong bụng thiếp đang mang giọt máu nhà họ Ngô.

Sau này sinh con, thiếp gắng nuôi dạy con nên người tử tế, nhưng thiếp sẽ giấu biệt danh tính hai mẹ con. Con thiếp, trước sau phải là một người lương thiện chân chính, và không bao giờ thêm dòm ngó chốn quan trường. Bởi đó là một dấu trường vừa bản thủ vừa đả mấu.

Nếu chàng còn muốn lưu giữ một chút tình, xin cho mẹ con thiếp được sống yên ổn. Nếu chàng quyết lòng tìm kiếm, mẹ con thiếp quyết chí quyên sinh.

Thư chẳng hết lời.

Kính lạy”

Lặng thầm trong giây lát, Lý Thường Kiệt khẽ nhắc lại: “... Gian nan mới biết mặt anh hùng. Chàng được như vậy chăng?” Đúng là nàng mĩa ta rồi. Lại “... chưa từng thấy một người đàn ông nào yêu gia đình vợ con bằng yêu danh vọng”. Quả là nàng khinh ta. Coi ta chỉ là một kẻ háo danh, trọng danh hơn trọng nghĩa.

Và nữa: “...Nếu chàng còn muốn lưu giữ một chút tình...”. Rõ ràng là nàng không muốn nhìn mặt ta nữa. Vậy biết tính sao đây? - Lý Thường Kiệt miên man nghĩ suốt đêm dài. Và chàng thiếp đi trong tiếng chuông sớm chùa Thiên Phúc - một ngôi chùa mới tạo dựng trên đảo mấy năm nay.

Đẹp bỏ tất cả những nỗi niềm riêng tư, những nghĩ suy tạp loạn và tự xác định mình là mệnh quan của triều đình với chức trách là một khâm sai đại thần, một

tướng đang đi kinh dinh ngoài biên thùỵ, không được phép để cái riêng xen lẫn vào, Lý Thường Kiệt nói với Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh ngay trong lúc ăn sáng:

- Tướng quân cho thuộc cấp thu xếp thuyền bè, sau đây ta đi thăm mấy cái vọng hải đài.

- Bẩm Thiếu úy, mọi phương tiện đã sẵn sàng, chờ Thiếu úy sai khiến.

Trời lặng gió, mây mù giăng kín mặt biển. Hai mươi mái chèo với bốn chục thủy thủ to khỏe đẩy con thuyền đi băng băng trong biển mây trắng xóa. Những hòn núi nhấp nhô như những chàng khổng lồ lùn tịt, chỉ nom thấy lờ mờ một khúc chòm xanh đen khi tới gần vài chục trượng. Khen thay viên thuyền trưởng thuộc luồng lạch như thuộc các đường chỉ tay của y nên đưa thuyền luồn lách một cách tài tình, cứ như bản thân con thuyền có mắt nhìn từ mọi phía.

Khoảng cuối giờ Thìn thì mây loãng dần, nhìn rõ từng trái núi, từng dãy núi như đội nước mọc lên. Và xa kia mặt trời đang dội những tia nắng hồng khiến biển dần lấy lại màu xanh.

Mặt trời vừa đứng bóng, cũng là lúc mấy lá thuyền dừng lại neo đậu dưới chân một trái núi nằm lấp ló bên dòng sông Mang.

Từ dưới nhìn lên, ngọn núi có chiều cao thẳng

dứng, nhưng những người lính biển đã vạc đá tạo thành con đường chữ chi. Gọi là con đường, nhưng nó là những bậc đá mới tạo, có khi phải xếp xây từng bậc như những bậc thang của một chiếc thang dài hun hút.

Leo đến gần đỉnh của trái núi, ta bắt gặp một phiến đá nằm ngang, bề mặt gần như bằng phẳng, rộng hơn tầm bốn chiếc chiếu đôi. Tại đó, người ta dựng một cái chòi cao ba trượng, bốn cọc được giằng néo cẩn thận, trên mái lợp lá đơn sơ bốn mặt trống trải, gác vài thanh gỗ bắc ngang, trên trái một tấm phên tre làm chỗ ngồi canh gác. Chòi có thể ngồi được bốn người, nhưng bình thường chỉ có một người ngồi trên đó canh giới. Lính canh gác ăn ở trong một chiếc hang gần chân cột chòi. Mỗi người ngồi trên chòi phải chú mục cảnh giới động tĩnh ngoài biển xa, sau nửa canh giờ thì đổi phiên.

Đông hải đô tổng quản cùng đám quân hộ vệ đã đưa quan Thiếu úy lên đến chân đài quan sát. Một lát sau cả chủ và khách cùng leo lên đài cao. Người lính gác trên chòi biết có thượng cấp lên, nhưng anh ta không ngừng dõi tầm mắt ra ngoài biển khơi.

Khi Trần Quang Minh và Lý Thường Kiệt đã ngồi sát sau lưng, người lính mới quay lại chấp tay vái:

- Con kính chào hai đại quan.

Vái xong, anh ta lại xoay mặt ra biển.

Lý Thường Kiệt tỏ vẻ hài lòng, ông nói:

- Ta có lời khen tên lính này. Phải, trong khi người lính làm nhiệm vụ, thời không gì quan trọng và thiêng liêng hơn là hoàn thành trách phận trước công việc.

Thiếu úy vin tay vào cột đứng lên nhìn về mọi phía. Ông hỏi Đông hải đô tổng quản:

- Tướng quân, có phải ông chọn ngọn núi này cao nhất và có địa thế dễ quan sát nhất để dựng vọng hải đài?

- Bẩm đúng như vậy. Chắc quan thiếu úy còn nhớ lần ngài tháp tùng Khai Hoàng vương cùng tiên đế đi kinh dinh miền biên địa châu Vạn Ninh, lúc trở về bằng đường biển, hoàng thượng và đoàn có ghé các đảo của trang Vân Đồn. Thấy địa thế lợi hại, hoàng thượng có dụ bảo phải lập mấy trạm vọng hải đài, rồi ngài còn khuyến cáo phải nối thuế cho tàu buôn nước ngoài vào nhiều hơn. Phải mở bạc dịch trường, để rộng đường giao thương với ngoại quốc, làm sao bán được nhiều sản vật của ta, và mua của nước ngoài những thứ ta cần mà người Tống không bán cho ta.

Dạ bẩm, sau dụ bảo của hoàng thượng, quan Hải binh đô tổng quản sai lữ hạ cấp phải cấp kỳ khai triển. Và anh em lữ hạ cấp phải vào trong dân hỏi han các bậc lão ngư, rồi sau đó mời các vị cùng đi xem xét địa thế, tìm chọn nơi dựng vọng hải đài.

Lý Thường Kiệt có vẻ hài lòng, chỉ tay về phía

khơi xa, Thiếu úy hỏi:

- Nếu trời quang, từ đây nhìn bằng mắt thường được bao xa?

- Bẩm như lúc này là trời đang đẹp, có thể nhìn bằng mắt thường đạt mức xa nhất từ năm đến bảy dặm biển. Dạ từ đây tới chỗ chiếc thuyền buồm trắng kia phải ngoài mười dặm biển.

- Trần tướng quân, Lý Thường Kiệt gọi Đông hải đô tổng quản với giọng thân mật: - Núi non biển đảo ở vùng này ông thuộc nằm lòng, ta chẳng cần nói với ông về địa hình làm gì. Nhưng ông trông đây, trông cái nơi người mình gọi là “sông Mang”, thực chất là một thành lũy có thể nhất nhân địch vạn tựa như Quý môn quan trên ải lũy Chi Lăng vậy. Vừa nói Lý Thường Kiệt vừa khoát tay chỉ về phía “sông Mang”, tức lạch nước đi vào các đảo Minh Châu, Quan Lạn rồi từ đó vào sâu trong cửa Lục, cửa Bạch Đằng. - Từ Vọng hải đài này, nhìn thấy tàu thuyền giặc từ biển đi vào, ta cảnh báo cho lực lượng hải binh ở phía trong phục kích. Từ cửa sông Mang này vào tới Minh Châu, Quan Lạn ta thừa sức đàn cả chục thế trận: đánh phục kích, đánh chặn đầu, khóa đuôi, đánh vỗ mặt khiến quân địch bị cắt vụn ra từng mảng, không tài gì có thể tập hợp được quân lực mà chống đỡ. Đúng là trời cho ta hình thế núi sông này để nhân sức ta lên, nếu không biết lợi dụng nó như

một thứ vũ khí để giữ nước, thì coi như ta đã phụ công của tạo hóa vậy.

- Dạ, đúng như Thiếu úy dạy, nếu không biết dùng địa hình như một thứ khí giới ưu biệt để nhân sức mạnh phòng thủ quốc gia lên thì coi như ta là một kẻ đui, điếc vậy.

- Dùng địa thế núi sông làm khí giới đánh giặc phải nói Ngô tiên chúa là người khai mở. Với thế trận cọc Bạch Đằng năm Mậu Tuất (938) đã hãm quân nam Hán vào tử địa, bắt sống Vạn vương Lưu Hoàng Tháo chém đầu, khiến cha nó là Lưu Cung khiếp sợ, cá chực vạn quân Hán bị giết, bị bắt. Từ đó nước ta đi vào tự chủ sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc. Với chiến thắng rực rỡ ấy, mặc nhiên Ngô tiên chúa trở thành đệ nhất binh gia của Đại Việt ta kể từ thượng cổ tới nay. Cũng có thể nói đây là lần đệ nhất trung hưng.

Cho nên, dương kim hoàng thượng sai bọn ta đi thăm thú hình thế núi sông trên bộ, trên biển đều nằm trong kế sách phòng thủ quốc gia, kế sách nước giàu binh mạnh, muôn dân an lạc của ngài.

Sau vài ba ngày thăm thú, kiểm xét các vịnh hải đài, các luồng lạch, cửa biển, cửa sông, Lý Thường Kiệt nói với Đông hải đô tổng quản:

- Ta hài lòng về việc canh phòng, việc cảnh giới, việc đồn đóng lực lượng hải binh cũng như việc nuôi

võ, răn dạy quân lính của ông. Ta sẽ tái lập việc này lên hoàng thượng. Cũng xin hoàng thượng ân chuẩn để đưa các chiến hạm Long, Phượng, Ngư, Xà, Hồ, Báo cùng mười đô quân thủy ra vùng đông hải cho ông có thêm sức mạnh. Các chiến hạm này tuy đóng từ năm Quý Mùi (1043) để tiên để đi đánh Chiêm Thành, kể đã hơn chục năm, nhưng vẫn còn tốt, tướng quân cứ dùng tạm. Ta tin là trong vài năm tới, do mở rộng giao thương, khai thác các mỏ vàng, mỏ bạc, quốc khố sung mãn, nhà vua sẽ tăng sức quân lên hơn nữa. Tướng quân ráng chờ.

Nghe Thiếu úy Lý Thường Kiệt nói đến đâu, nét mặt tướng quân Trần Quang Minh tươi vui đến đó. Ông chấp tay vái bề trên hai vái:

- Bẩm Thiếu úy, bấy lâu hạ cấp vẫn cứ áy náy về lực lượng quân thủy của ta dùng vào việc phòng bị mặt biển ít quá, tàu thuyền sơ sài quá. Biết thế nhưng không dám nài xin, bởi chi tiêu cho việc quân là tốn kém hàng đầu, trong khi dân nước cũng chưa phải đã hết thiếu đói.

- Tướng quân hãy tạm bằng lòng với lực lượng hiện có. Chắc không còn lâu nữa đâu, thế nước ta sẽ khác hơn nhiều.

- Dạ, hạ cấp tin ở bề trên.

IV

Sau khi đi kinh dinh các nơi trong nước về, Thái sư Lý Đạo Thành, Thiếu úy Lý Thường Kiệt đều được triệu vào điện Thiên Khánh để tâu báo các việc.

Chờ mọi người an tọa xong, trà nô dâng nước. Sau ba tuần trà, vua sai đuổi hết nội thị ra ngoài để bàn việc cơ mật.

Dự bàn ngoài Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt, vua Thánh tông còn triệu thỉnh Thái úy Quách Thịnh Dật là bậc cố lão mà nhà vua vẫn ưu ái để cho nắm giữ chức Thái úy. Thật ra thì nhà vua cho Dật giữ cái hàm Thái úy để tỏ lòng trọng thị bậc cố lão đại thần của triều trước, chứ quyền điều hành việc quân trong nước là do vua nắm, và một phần đã trao cho Thiếu úy Lý Thường Kiệt từ mấy năm nay rồi. Ngoài ra còn có quan Khu mật sứ chánh chương Mai Mạnh Minh là bậc quốc cữu cũng vào hàng lão thực, là bậc rường cột của triều đình từ thời tiên đế cũng được nhà vua triệu thỉnh.

Mai Mạnh Minh đã có sớ cáo lão từ những năm cuối triều Thái tông, nhà vua cứ dùng dằng khuyến cáo quan Khu mật sứ hãy lưu nhiệm một thời gian. Thế rồi ngài băng. Sang triều Thánh tông, ngay buổi thị triều khai hội thứ hai, quan Khu mật sứ lại dâng biểu cáo lão. Tới nay cũng đã ba bốn năm, nhà vua vẫn chưa ân chuẩn, ngài lấy cớ là việc then máy quốc gia, không thể trao vào tay một người thiếu tài kém đức được. Vì vậy nhà vua vẫn chưa cho quốc cứu hồi hưu bởi chưa kiếm được người thay.

Trước khi bàn các việc lớn quốc gia, vua hỏi Lý Đạo Thành:

- Có mấy việc, trẫm cần biết để yên tâm. Tức là sau khi tiên đế băng, trẫm đã cho các cung nữ tiền triều giải cung. Ngay ngày ấy trẫm đã lưu ý Phủ Thái sử rằng khi đã giải cung, thì mọi cung nữ đều trở về phận sự dân thường. Vì vậy, họ được phép tái lập gia đình, các xã quan cùng các viên châu mục không được phép lấy cớ vì trước đây họ là cung nữ mà làm khó cho họ, hoặc gây phiền hà cho người kết thân với họ.

Trẫm cũng lưu ý Phủ Thái sử phải cho người kiểm xét các thôn ấp nơi quê hương của các cung nữ, xem việc cấp đất ruộng cho họ làm tài sản lập nghiệp và dưỡng già, có đúng như chế độ của triều đình không, có bị đám chức dịch bớt xén, hà lạm không.

Ngừng lời nhìn mọi người, rồi với vẻ quan hoài, nhà vua lại hỏi:

- Ta nhớ, cùng với việc cho các cung nữ cung Thúy Hoa giải cung, ta cũng xuống chiếu phải đốt bỏ các hình cụ tại các ngục thất, các nơi xét xử kiện tụng để tỏ rằng triều đình nhất loạt bãi bỏ nhục hình với mọi tù nhân, tội nhân. Thật ra, việc nghiêm cấm không được tra khảo người nghi ngờ mắc tội khi lấy cung, đã ghi rõ trong luật hình được tiên đế ban hành từ năm Nhâm Ngọ (1042). Nội trong mấy việc đó, ta muốn Phủ Thái sư cho biết có được nghiêm giữ từ Thăng Long đến nơi hương ấp?

Lý Đạo Thành đưa hai tay lên nấn lại vành chiếc mũ phác đầu, rồi xem hai bên cánh chuồn có được ngay ngắn, rồi ông xốc lại cổ áo, hàng khuy gài bên nách xem có gì sơ khoáng, vội đứng dậy chỉnh lại chiếc đai áo, xong ông chấp tay vái nhà vua:

- Tâu, các việc bệ hạ hỏi, thần đều cho người đi kiểm xét hàng năm. Tâu, trong số hơn sáu chục cung nữ được giải cung, hiện đã có bốn người chết vì ốm bệnh, chín người xuất gia, mười lăm người tìm được bạn kết thân, đã yên bề gia thất; ba mươi lăm người còn lại hiện vẫn ở đứng.

Tâu, trong số họ không ai phải lâm cảnh bản hàn sa sút, bởi mỗi người đều được bệ hạ ban cho mười lăm

mẫu quốc điền, lại tha tô thuế. Ai chết di thì con cháu, họ hàng được nối đời hưởng lộc.

Dạ, kính bẫm hoàng thượng, các xā quan, các châu, lộ đều nhất nhất tuân theo dụ bảo của triều đình, không nơi nào dám kháng mệnh. Việc khoan nới hình luật cũng được nghiêm giữ như bộ hạ dā mông ân. Dạ, án chém theo luật hình vẫn chưa bỏ, nhưng vạn bất đắc dĩ mới phải dùng đến. Khi dā kết tội chém đầu đều phải đệ trình án văn lên bộ hạ duyệt phê. Tâu, các hình phạt chẻ xương, róc thịt chỉ dùng lần cuối cùng với tên Phạm Khứ Liêu vào năm Mậu Tý (1048). Vì phạm nhân mắc tội mưu phản, tiên đế giận quá mới cho y nhận hình phạt đó nhằm răn đe kẻ khác.

Vua Thánh tông chợt rùng mình rồi lấy tay phác một cử chỉ như muốn xóa đi cái hình ảnh ghê rợn cứ ám ảnh ngài tới cả chục năm nay...

- Biết! Trẫm biết vụ án ấy. Trẫm có đến dự cuộc hành hình. Chính vì thế, khi vừa lên ngôi, trẫm liền ban chiếu đốt bỏ hình cụ, bãi bỏ lối hành hình hà khắc. Một thoáng im lặng rồi bất chợt nhà vua hỏi Lý Thường Kiệt:

- Công việc khanh ra ngoài biên ải thế nào? Vọng hải đài có giúp ta nối dài tầm mắt được xa không? Việc giao thương với nước ngoài có khấm khá hơn không? Biên dân, biên tướng Tống có hỗ tương nhau sang trọng

cướp, quấy phá biên dân ta không? Sâu trong đất họ, khanh có thu lượm được tin tức gì không?

Lý Thường Kiệt lướt nhanh gương mặt các bậc bề trên, người nào cũng lộ vẻ đàng hoàng của người quân tử. Lý Đạo Thành dáng mảnh mai, rõ là một bậc văn thần nho nhã, mắt sáng, râu dài, giọng nói trong mà ấm. Giọng nói và ánh mắt của ông vừa có uy vừa có sức cảm hóa lòng người. Thái úy Quách Thịnh Dật đã mất đi cái oai hùng sổi của một vị võ tướng cân quốc thời bốn, năm chục tuổi. Nay nom ông đúng là một ông già thuần phác. Vầng trán như thấp hẳn xuống, cặp mắt lơ dờ cùi nhăn, má hóp, răng rụng, giọng nói phều phào. Còn Mai Mạnh Minh, Khu mật viện chánh chương, anh ruột của Mai Thái hậu, tuổi xấp xỉ lục tuần nhưng da dẻ tay chân ông còn săn chắc, những lời ông nói thường hợp lòng người, hợp đạo lý, tuy ở hàng quan cao nhất phẩm nhưng dường như ông không nuôi chí làm quan. Vì là chỗ bạn bè đồng học với thái tử Lý Phật Mã, lại là anh ruột của Mai hoàng hậu triều Thái tông, nhà vua tha thiết triệu hai anh em Mai Mạnh Minh, Mai Trọng Mẫn ra nhận trọng trách quốc gia. Cuối cùng chỉ có Mạnh Minh thụ chiếu, còn Trọng Mẫn vẫn một mực chối từ. Ông còn bày tỏ với vị trung sứ¹, nếu nhà vua ép quá, buộc ông phải bỏ nhà lên núi tu đạo với mấy vị đạo

1. Những người đi truyền đạt mệnh vua, xưa gọi là trung sứ.

sĩ khăn vàng¹. Mai Mạnh Minh nổi tiếng trong triều là người thanh sạch, công tâm, khiêm nhường nên ông đã tiến cử, đã lựa tuyển được một số người tài đức để nhà vua sai khiến. Vì thế ông được nhiều người kính trọng. Nay ông quyết cáo lão hồi hưu là bởi ông thấy mình giữ cửa ải này đã quá lâu. Loáng cái đã gần ba chục năm. Đành rằng làm lâu một việc, người ta sẽ quen thạo công việc. Song cũng vì thế mà nảy sinh thói tự phụ, còn đầu óc trí tuệ lại cùn nhụt đi, cứ mãi miết cắm đầu cúi cổ bước theo lối mòn bé tẹo. Đó là điều Mai Mạnh Minh đã được sư phụ răn dạy từ khi mới vào triều, mới nhậm chức khu mật sứ chánh chương. Sư phụ của Mai Mạnh Minh không ai khác ngoài thiền sư Định Hương.

Định Hương trưởng lão còn là thầy dạy của Lý Phật Mã tức vua Lý Thái tông và cả thiền sư Viên Chiếu cũng từng là đệ tử của người.

Lý Thường Kiệt lướt nhanh gương mặt và tư cách của từng người rồi vội vàng đứng dậy vái nhà vua:

- Tâu bệ hạ, các việc bệ hạ trao phó, thần đã gắng hoàn thành.

Tâu, trước hết là hai cái vọng hải đài; một ở ngọn núi cao nhất nằm ngay đầu sông Mang; một ở phía trong cửa Đồi, cũng nằm trên ngọn núi cao nhất. Dạ,

¹ Các đạo sĩ tu theo đạo Lão thường đội khăn vàng. Họ ẩn tu nơi núi rừng, hang động.

trên các mỏm núi cao ấy lại dựng một đài cao để leo lên quan sát. Tàu bệ hạ, vào ngày nắng đẹp, đứng trên vọng hải đài có thể nhìn đến tận chân trời. Dạ, đứng thế đấy, ta có cảm nhận như mặt biển và chân trời tiếp giáp nhau ở nơi tít mù xa. Thần đã nhìn thấy những chiếc thuyền buồm từ lúc nó nhấp nhô trên mặt sóng, chỉ bé bằng cái bàn tay, tới lúc nó đi sát dưới chân vọng hải đài, to lừng lững gấp mấy lần cái nhà bảy gian. Dạ, theo như viên Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh, nếu trời đẹp nhìn từ vọng hải đài có thể nhận ra tàu thuyền từ xa khoảng mười đến mười lăm dặm biển.

Dạ, tàu hoàng thượng đứng là trời mù thì gần sát chân núi cũng chẳng trông thấy gì. Nếu ta không trông thấy thì tàu thuyền địch cũng không trông thấy đường đi, ắt chúng phải đậu lại chờ tan mù. Tàu bệ hạ, rồi thần sẽ trình lên bệ hạ bản tấu, xin bệ hạ y chuẩn cho việc tăng sức mạnh của quân thủy, từ hạm thuyền đến số quân, khí giới, vọng hải đài, quân tuần tiêu, quân lưu trấn tại các nơi biển đảo xung yếu. Mặt biển là mặt lợi hại, ta phải dựa vào cái thế hiểm trở, cái thế nhất nhân địch vạn ấy để nhân sức quân lên.

- Ta cũng nghĩ như khanh, mình có cái lợi nhất là thế sông nước, đưa tre lên năm đã biết bơi. Còn người phương bắc dân du mục chỉ giỏi cỡi ngựa, bắn cung, công thành.

Ta phải khuếch đại cái sở trường của quân ta, phải khoét sâu cái sở đoản của quân địch, thời ta luôn giành phần ưu thắng mà lại nhàn sức quân. Thế còn việc giao thương? - Nhà vua chột hỏi.

- Tàu hoàng thượng, tàu thuyền nước ngoài vào nhiều không đếm xuể. Hàng hóa của ta đem bán đủ thứ, đủ loại nhiều vô kể. Thần có hỏi bên ty Bình bạc họ nói, do ta thay đổi cách đánh thuế, nên tàu thuyền nước ngoài thấy có lợi vào buôn bán ngày một nhiều. Chỉ tính năm sáu năm gần đây, số thuế đánh vào hàng hóa xuất nhập, đánh vào thuế bến cứ năm sau cao gấp đôi năm trước. Nhất là các sản vật quý lấy từ rừng do người mình mua gom, rồi bán thẳng cho khách thương ngoại quốc, chứ không qua tay đám thương nhân người Tống nữa, nên được giá lắm. Quốc khố chắc sẽ dư dả. Việc hưng thế nước, bệ hạ đỡ bị vướng tay.

Tàu bệ hạ, việc biên thù lâu nay vẫn yên tĩnh. Tuy thỉnh thoảng vẫn có vài đám cướp nhỏ từ bên Tống xâm nhập do đám dân bị bỏ dối. Chúng chỉ bắt trâu bò, lấy lúa gạo chứ không dám giết người. Gặp các việc như thế, biên quan, biên tướng ta sang cự với biên quan biên tướng họ, lại lập biên bản ghi các thiệt hại của biên dân ta bắt họ phải bồi hoàn.

Thường là các biên quan, biên tướng Tống xử rất nhũn, và họ xin bồi hoàn các thiệt hại chứ không làm

căng, không võ trắng. Bởi thế, có khi cướp sang, dân ta đánh đuổi được, không thiệt hại gì, nhưng dân vẫn cứ kéo sang bắt họ phải trừng trị kẻ gian manh và không được tái diễn nữa. Tàu bệ hạ, qua việc nhà Tống xử nhũn với ta ở biên thù, đủ biết nước họ đang gặp khó. Dạ, thần có đặt được một vài tiệm buôn ở Ung Châu, Quảng Châu, Hàng Châu, lại thuê được cá người của họ làm nội gián cho ta, kể cả việc cho người đi dò thăm vùng bắc thù, tây thù của nhà Tống xem các nước Liêu, Hạ mạnh đến mức nào, và nhà Tống đã mất đất đai như thế nào cho Liêu, Hạ.

Tàu hoàng thượng, các nơi vẫn chưa gửi kịp tin tức về chắc cũng là ngày một ngày hai thôi.

Tàu, mặt nam thù vẫn yên tĩnh, Chiêm Thành, Chân Lạp vẫn tới cống như thường lệ.

Nói xong, Thường Kiệt vái nhà vua một vái rồi an tọa.

Nghe tàu báo, nhà vua tỏ ra hài lòng, ngài phán:

- Mặt nam thù không đáng ngại. Người Chiêm thỉnh thoảng có vào cướp biên dân, bắt quá không hơn đám giặc cỏ. Mối quan ngại của ta vẫn là bắc thù, vẫn là nhà Tống kia. Nhưng ta nhắc các ông việc đưa người vào dò thăm đất họ phải thật sự kín nhem, thật sự tế vi. Phải cứ người tài cán, thao lược mà can trường, kiên trung. Đành rằng ta biết mưu toan của họ là để ta có kế

sách phòng bị, giữ nước, giữ nhà; còn như họ dò biết nông sâu của ta, là để họ lấy nước ta. Việc này từ xưa đã thế. Nay cũng thế. Và mai sau chắc vẫn là như thế. Cho nên Thái tổ cao hoàng đế đã di ngôn lại rằng: *"Cái họa phương bắc là họa muôn đời, không bao giờ được quên mà lời là với phương bắc là mất nước"*.

Vua khoát tay: - Thôi được, việc quân ta sẽ bàn kỹ với Thiếu úy, bây giờ ta muốn nghe thái sư Lý Đạo Thành tâu báo các việc về giao thương về mở mang kinh tế trong nước.

Lý Đạo Thành từ nãy vẫn chăm chú lắng nghe Thiếu úy Lý Thường Kiệt tâu báo. Ông biết Thường Kiệt và nhà vua có tình bạn, có mối giao hảo từ thời ấu thơ. Ngay việc Thường Kiệt trở thành người bất túc cũng là ý muốn của Thánh tông từ khi còn là hoàng thái tử. Vì hai người rất thân nhau. Thường Kiệt lại là một trang tuấn tú, nên hoàng thái tử Lý Càn Đức đem lòng sủng ái, muốn độc chiếm cho riêng mình. Thế mới bảo Thường Kiệt tự yêm¹ rồi cho vào coi sóc các việc trong hậu cung, làm kẻ bề tôi tin cậy ở bên mình. Nhưng Thường Kiệt là một trang nam tử khác thường, vừa thông tuệ, vừa mang chí lớn của giống đại bàng, nên không thể nuôi nhốt y ở trong lồng như một loài chim cảnh. Thực thì

¹ Tự yêm, tức là tự hoạn, thiến. Việc Lý Thường Kiệt trở thành hoạn quan đã viết kỹ trong tập II (*Còn ngựa nhà Phật*).

Thường Kiệt đã tỏ cái chí của bậc trượng phu, cái tài của một bậc thượng tướng khiến các bậc lão tướng dạn dày chiến trận cũng không thể không nể trọng. Nay phần lớn việc quân, nhà vua đã trao cho Thường Kiệt. Chợt nhớ nhà vua đang hỏi, Lý Đạo Thành phải dừng ngay ý nghĩ miên man liền chấp tay vái:

- Kính bẩm hoàng thượng, các mỏ vàng, bạc, hồng ngọc, thủy ngân, chì, thiếc, chu sa... hiện đang được gáp gáp khai đào. Đáng tiếc, ta không có thợ giỏi, nên chỉ chế lọc được vàng thô năm, sáu tuổi chứ chưa chế được vàng mười. Về giao thương thì hiện nay Vân Đồn là vùng thương cảng sầm uất nhất, như Thiếu úy Lý Thường Kiệt vừa tâu báo lên bệ hạ. Dạ, đây cũng là bạc dịch trường mà số tiền thuế triều đình thu được nhiều nhất. Dạ, để các ngành công thương được mở mang, ta đã thương thảo với nhà Tống cho hai bên mở thương điểm hoặc bạc dịch trường trên đất của nhau, rồi đem hàng hóa của mình tới đó mà mua bán, trao đổi.

Dạ, tâu bệ hạ suốt từ Quảng Nguyên qua Lạng Châu đến Vĩnh An, ta cho Tống lập tới năm thương điểm, phía ta cũng lập bằng ấy thương điểm hoặc bạc dịch trường trên đất Tống.

Những hóa vật mà người Tống ham chuộng của ta như vàng, bạc, đồng, chu sa, diêm tiêu... Nhiều khi thương lái từ Quảng Châu còn tìm đến tận Quảng

Nguyên cất hàng. Ngay cả mỏ đồng Tụ Long thương lái cũng cho người về ăn chực nằm chờ cả tháng để gom hàng. Các sản vật quý của ta như hương liệu, ngà voi, sừng tê, da hổ... còn đem đến tận Quảng Châu, Hàng Châu bán rồi mua các đồ của họ như gấm Tứ Xuyên, đồ văn phòng tứ bảo, giấy, bút, mực, các loại sách thuốc, sách Nho như Tứ thư, Ngũ kinh, sách bói toán, kinh Phật... Tâu bệ hạ, dân ta còn đem cả muối qua bên đó bán hoặc đổi hàng. Muối cứ đóng vào từng sọt, mỗi sọt hai mươi lăm cân¹. Nhưng muối chỉ đổi được vải dệt khổ hẹp. Cứ hai sọt muối đổi được một châu vải. Một châu hai mươi vuông, may vừa đủ một bộ áo quần của người lớn.

Tâu bệ hạ, trong cuộc giao thương này thì hai bên đều có lợi, đều bán được gì cần bán, mua được gì cần mua. Thật ra thì các hàng hóa thuộc loại xa xỉ như rượu, trà, đồ trang sức, các hàng gấm, vóc hảo hạng... họ bán cho ta không hạn chế, không đánh thuế. Nhưng các hàng nhu yếu mà dân ta cần như dao rựa, cuốc, cày, bông vải... họ bán cho ta rất hạn chế. Nhất là những mặt hàng có liên hệ đến việc quân thì họ cấm ngặt như lửa, ngựa khỏe mạnh từ ba đến năm tuổi, trục xe, thuốc súng, la bàn... Đó là những mặt hàng quốc cấm, nếu ai vi phạm không những hàng hóa bị tịch thu mà số tiền

¹ Hai mươi lăm cân cổ xưa tương ứng 10 kg

phạt còn gấp cả trăm lần giá trị hàng hóa.

Không những thế, hai bên đều lợi dụng việc giao thương mà cho người vào đất của nhau do thám, mua chuộc người của bên kia làm nội gián. Tàu bệ hạ, các việc trên đều diễn ra âm thầm. Dạ, ta cũng đã phát lộ được vài ba vụ của họ, như đi sâu vào đất ta phóng tài hóa để lọt được vào những nơi hiểm địa. Ấy là họ dò hỏi người mình rồi cho tiền, cho hàng hóa để dân địa phương dẫn đi. Hoặc kết bạn với người địa phương rồi qua đó mà thu thập tin tức. Dạ, tâu hoàng thượng, khi quân ta phát giác ra hình tích, thì họ chối là đi lạc, hoặc chuyện trò thăm hỏi vô tình thôi chứ không có chủ ý gì.

Tâu, với những hạng chưa gây nguy hại gì, ta chỉ cầm giữ vài ngày bắt khai báo mọi hành vi nhằm cảnh báo cho họ biết rằng, họ không thể qua mặt được người mình, sau đó gọi thợ đến họa hình rồi thả cho về.

Tâu bệ hạ, người mình chưa lần nào bị bắt quá tang, hoặc có bằng chứng khi đang do thám trên đất họ. Tuy nhiên, có vài lần bị bắt do họ nghi ngờ. Khi cầm giữ người mình, họ nạt nộ, quát thét, tổng giam trong buồng tối; trói cả chân, tay rất chặt, càng quấy cựa càng bị dây thít, càng đau. Bỏ đói, dọa giết, mớm khẩu cung. Hành hạ mãi vì không có bằng cứ gì buộc họ phải thả.

Tâu, những người được thả ấy sau này hành xử mọi việc thuận hơn, nhưng cũng phải cẩn trọng hơn.

Thánh tông có vẻ bằng lòng lắm, nhà vua mỉm cười nhìn mọi người rồi phán:

- Các khanh quả là những bầy tôi lương đồng, hành xử mọi việc đều theo phép tắc của nước, trăm có nghìn khen. Tuy nhiên đối với nhà Tống, việc dò thăm binh tình nước họ phải thật sự tế vi, kín nhem. Họ thường ý thế nước lớn làm càn, làm bậy rồi lấp liếm cho qua. Ta hơi sơ khoáng một chút là họ bắt bẻ, quở trách. Thế họ mà vững, lực họ mà cường thì cái lỗi nhỏ của ta lại chính là cái cơ tày đình để họ vin vào mà cất quân chinh phạt.

Trở lại nội tình nước nhà, trước hết Thái sư thứ nói ta nghe, việc mở mang công thương, mở mang giao thương, nguồn lợi thu về khá lên được mấy phần so với trước. Liệu ta muốn tăng sức quân, quốc khố có đáng đáng được không?

- Tâu bệ hạ, nhờ mở mang các nghề dệt như dũi, lụa, gấm, vóc do tiên đế khởi xướng, nghề đúc đồng, nghề làm đồ gốm, đồ sành sứ, nghề khai mỏ, nghề rừng, nghề biển... kể cả việc mở rộng giao thương với Trung Hoa, giao thương với các nước qua bạc dịch trường ngoài Vân Đồn nên số thu của nhà nước, nếu tính gộp lại đã tăng quá gấp hai lần cách đây gần bốn năm. Việc bệ hạ muốn tăng sức quân ắt quốc khố có thể đáng đáng gấp đôi, hoặc hơn nữa so với số chi thường năm. Nhưng

theo ý thần nên sên kiệm, bởi quân cần tinh chứ không cần nhiều. Vả lại, quốc triều ta từ khi mới mở, Thái tổ đã dùng đường lối ngụ binh ư nông là một chính sách ưu việt, vừa sên kiệm tiền bạc, lại vừa có số quân đông khi cần, và rồi mỗi người đều tự thấy trách phận của mình luôn gắn bó với nước.

Nhà vua có vẻ hơi phật ý khi nghe Thái sư tỏ ý không muốn, hoặc gần như không muốn chi nhiều tiền bạc cho việc quân.

Vàng trán hơi cau và đôi mày nhíu lại, vua phán:

- Sao ta không biết binh là việc hiểm, không thể vung vãi tiền bạc của người dân đóng thuế để mua sắm khí giới, xe ngựa, tàu thuyền một cách thái quá trong khi người dân còn thiếu đói.

Nhà vua nhìn thẳng vào đôi mắt trong veo của Lý Đạo Thành như muốn kiểm xét xem lời ông nói với cái tâm ông có là một hay nó là hai.

Dường như Thánh tông đã đọc được nỗi lòng của người tôi trung, nhà vua dịu giọng hỏi:

- Khanh có biết mấy năm nay trong dân còn có vùng nào có người chết vì đói không? Ta chỉ mong mỗi sao cho nhà nhà no đủ, khắp đất nước của ta đi về nẻo nào cũng chỉ nghe thấy tiếng hát, tiếng cười, tiếng người mẹ ru con, tiếng trẻ ẽ a học bài.

- Tâu, những điều bệ hạ mong muốn hiện đã có

trên đất nước của người. Hiện nay người thiếu ăn, đói ăn vào lúc giáp hạt vẫn còn. Nhưng người chết vì đói thì quả là không còn nữa. Bởi từ khi nhà nước cho lập kho lúa ở các vùng có nhiều người nghèo như vùng chiêm trũng, vùng đất chua mặn, vùng sơn động để cho người nghèo vay đổi hạt vào khi mùa vụ giáp hạt, đã loại bỏ được nạn cho vay nặng lãi khiến người dân nghèo phải lụn bại, đôi khi họ phải bấm bụng thà chết đói chứ không dám vay của bọn hào phú nữa.

Tâu, bệ hạ muốn cho nhà nhà no đủ, là cái lòng bệ hạ bao dung, thương dân như thương con chứ thực việc đó không thể làm được.

Dù bệ hạ có ban cho các nhà có số người bằng nhau một số ruộng như nhau, một số lúa như nhau, một số trâu bò, cày, cuốc như nhau thì vụ thứ nhất có thể họ có số lúa thu hoạch gần bằng nhau. Nhưng sang vụ thứ hai thì từ lúa đến gia súc mỗi nhà đã có phần khác nhau. Tới vụ thứ ba, tâu bệ hạ, đã có nhà phải bán ruộng, bán trâu cho nhà khác. Rồi từ đấy người giàu cứ giàu lên, người nghèo càng nghèo thêm. Tiếp vài vụ nữa, nhiều người tiêu tán hết sản nghiệp phải đem thân đi làm thuê làm mướn cho người lúc đầu lập nghiệp có tài sản được bệ hạ ban cho y hết nhau.

Bệ hạ hỏi vì sao lại như vậy? Tâu bệ hạ, ấy là vì trong đời có kẻ hay người dở, kẻ khờ người khôn, kẻ

lười biếng vụng về, người chăm chỉ khéo léo, kẻ hoang hủ, người biết tiết kiệm chi dùng. Lại còn có sự may rủi nữa, phúc phận nữa, nhân quả nữa. Cho nên tâu bệ hạ, có thể làm cho người ta nghèo như nhau, chuyện ấy tưởng không khó, nhưng làm cho người ta giàu như nhau, việc đó thế gian chưa từng có.

- Vậy thế trời sinh ra nhà nước để làm gì?

- Tâu bệ hạ, nhà nước dùng luật pháp để điều hành đất nước, điều chỉnh các mối quan hệ. Ví như luật pháp ngăn cấm không cho người giàu thả sức bóc lột người nghèo bằng tô cao, lãi nặng. Điều chỉnh mối quan hệ này nhà vua đã ban dụ: “Cấm cho vay nặng lãi. Cấm người giàu không nhân cơ hội giáp hạt, người nông phu thiếu đói mà mua lúa non giá rẻ”. Để luật này có hiệu lực và để hỗ trợ người dân nghèo nơi thôn ấp, bệ hạ cho lập các kho lúa tại các vùng dân chúng khó khăn, nhằm lúc giáp hạt, nhà nước mở kho cho dân vay, đến mùa gặt hái xong, kho thu lại. Bệ hạ làm như vậy là lưỡng lợi. Dân không phải bán lúa non, không khốn đốn khi mùa vụ giáp hạt. Kho nhà nước luôn có lúa mới, hạn chế chuột, mối, lúa gạo trong kho luôn giữ được tươi ngon.

Tâu, trời sinh ra nhà nước là để làm các việc ấy. Nhưng trời chỉ trao quyền đó cho một người biết thương dân điều hành như lòng trời mong muốn. Người đó

chính là thiên tử, là bệ hạ đó.

- Khanh đúng là người thông tuệ, kính trời, ái dân. Sở dĩ ta làm được các việc như khanh nói, là bởi triều Lý ta, khởi từ Thái tổ, khi các con của người cứ vào tuổi mười sáu là phải về các vùng quê mở phủ để được gần dân. Đến đời tiên đế thì lập cung Long Đức cho hoàng thái tử kế nghiệp ở đó. Cung này ở phía tây Long thành, kiến tạo sơ sài, xung quanh thuần những dân cư lam lũ. Hoàng thái tử ở đó, như ở chung lẩn với đám nông phu nghèo. Việc người dân ra vào cung Long Đức như ra vào nhà người hàng xóm của mình, không có gì trở ngại. Ta được ở cung Long Đức hai mươi bảy năm, nên thấu hiểu dân tình. Vì vậy, khi ta lên ngôi, ta làm ngay các việc như chư khanh đã thấy.

- Tâu, bệ hạ đúng là bậc đại giác, thân ở ngôi cao mà lòng vẫn chung lẩn với đám dân nghèo cõi cút. Thần mong bệ hạ giữ mãi tấm lòng son ấy thì đó là phúc hạnh cho dân, cho nước.

Vua Thánh tông khoát mạnh bàn tay ra phía trước rồi mỉm cười độ lượng:

- Ta hiểu ý khanh. Khanh muốn mượn nhờ Khổng Tử nhắc ta giữ lấy "cái tâm con đỏ", tức là "xích tử chi tâm" có đúng không?

- Bệ hạ quả là sáng suốt. - Lý Đạo Thành liền vái nhà vua rồi an tọa.

Thánh tông với tay lấy chiếc vò nhỏ bằng đầu ngón chân cái, gõ ba tiếng vào vai chiếc chuông chỉ to bằng hai vốc tay treo trên giá đặt trước kỷ.

Nội thị bước vào, hai tay vái, đầu cụng sàn, không nhìn mặt, chỉ nghe giọng nói cũng biết đó là viên quan hoạn:

- Kính bẩm hoàng thượng, thần xin được sai bảo.

- Người đem bình rượu Tống Nhân tông mừng ta mấy năm trước ra để mời các quan.

- Thần phụng chỉ.

Cái giọng the thé kia nói chưa dứt ba tiếng đã chạy lạch bạch ngoài hành lang như một con vịt què. Thoắt y đã quay lại, gục đầu xuống sàn nhà, miệng léo nhéo:

- Kính bẩm hoàng thượng...

Viên trung quan nói chưa dứt lời, Thánh tông đã khoát tay ra hiệu cho phép dâng rượu.

- Tạ ơn hoàng thượng! Y quay lại phía sau hét thật to:

- Mỹ nữ dâng rượu!

Gọi là hét, nhưng đám quan hoạn giọng đều khàn khàn như giọng vịt đực.

Đám ti nữ khoảng non một chục ả. ả nào cũng mặt hoa da phấn, xiêm y lộng lẫy nom như một bầy tiên nữ. Dâng rượu, múa hát hầu vua trong các buổi

tiệc hoặc lúc vua cần giải khuây, là công việc quen thạo thường hằng của đám người này.

Cũng phải nói thêm, Thánh Tông không chỉ là một vị vua anh minh mà ngài còn là một vị tướng tài ba. Nhưng hơn hết ngài là một nghệ sĩ. Ngài rất sành về thơ phú và âm nhạc. Ngài thường đặt lời rồi chế nhạc cho các vũ công, nhạc công múa hát. Sở thích của ngài là các loại vũ nhạc Champa.

Nhà vua sai đặt trước mỗi quan một chén mỹ tửu rồi khoát tay đuổi cả đám mỹ nhân và thái giám ra ngoài. Vua nói:

- Nhân bàn các điều cơ mật có quan hệ đến sự hưng vượng của đất nước, lại có mặt các bậc trọng thần, những người thân tín như chân tay, óc não của trẫm; trẫm ban cho các khanh mỗi vị một chén mỹ tửu của Tống Nhân tông gửi mừng năm trăm tức vị. Chẳng biết rượu quý đến mức nào, chỉ biết đây là sự chính thức thừa nhận của “thiên triều” với hoàng đế Đại Việt, cũng tức là chính thức thừa nhận Đại Việt là một quốc gia cùng song song trường tồn với Trung Quốc.

Đây là một thắng lợi vĩ đại, ta phải uống niềm kiêu hãnh Đại Việt vào sâu đáy dạ, cho nó thấm đẫm trong máu, trong tủy não của muôn dân. Nói xong Thánh Tông ngửa cổ dốc hết cả bát rượu vào miệng, rượu vãi tràn ra cả long bào, ngoen bên hàng ria mép. Đặt chiếc

bát men ngọc xuống kỹ, lấy mu bàn tay chùi ria mép, sau đó ngài lấy chiếc khăn gấm lau tay. Nhà vua nhìn mọi người uống, và khi cùng đặt bát xuống, các quan đồng thanh hô:

- Hoàng thượng thiên tuế! Thiên, thiên tuế!
- Đại Việt vạn tuế! Vạn, vạn tuế!

Vua Thánh Tông lấy làm mãn nguyện, vì nhà vua biết ngài đã truyền được lòng tự tôn dân tộc vào tận tâm khảm các bề tôi lương đống.

Mọi người vừa an tọa, vua lại phán:

- Các khanh nên nhớ điều ta nói đây: nếu Đại Việt không cường thịnh thời không thể buộc vua tôi nhà Tống phải đầu đốn thừa nhận sự độc lập tự chủ của chúng ta.

Thánh Tông xăm xăm bước về phía Thái úy Quách Thịnh Dật. Đặt hai tay lên bờ vai người bề tôi già, nhà vua nói, giọng rưng rưng cảm động - Khanh là cột trụ của nước, từng là bề tôi tâm phúc của tiên đế, công trùm thiên hạ. Tiếc vì tuổi đã quá cao, sức lại giảm suy, từ nay ta cho khanh về dưỡng già để hưởng nhàn. Hàm thái úy ta cho khanh giữ suốt đời. Ta muốn cho khanh không vào chầu, nhưng bất cứ lúc nào khanh muốn vào dự bàn triều chính cứ tự vào không phải xin phép, và khi vào chầu được ngồi ghế chứ không phải quỳ. Bồng lộc của khanh được chu cấp như khi còn tại triều! Vậy

chứ ý khanh thế nào?

Quách Thịnh Dật vội đứng lên vái nhà vua đáp lễ. Ông nói giọng thều thào:

- Tạ ơn hoàng thượng ban trọng ân, thần xin tuân chỉ hồi hưu, từ nay không dám nài quấy gì bệ hạ nữa. Bởi thần được trở lại gia hương là mãn nguyện rồi. Dám xin bệ hạ bảo trọng tâm thân muôn quý, và sớm sinh hoàng nam để thỏa lòng trông đợi của dân nước.

Nhà vua gật đầu đáp lễ nhưng gương mặt thoáng gọn một nét buồn. Phải chăng Quách Thịnh Dật vừa chạm vào nơi sâu kín nhất trong lòng vị quân trưởng.

Vua Thánh tông lại đến trước quan Khu mật sứ chánh chương Mai Mạnh Minh, và với một cử chỉ dường như trái với lễ vua tôi, nhưng lại hợp với tình tôn tộc. Nhà vua cúi đầu xá Mạnh Minh một xá và nói:

- Cậu thứ lỗi cho cháu. Bởi bất đắc dĩ cháu phải lưu cậu lại triều khiến cậu không vui.

Quan Khu mật chánh chương giật mình vì cử chỉ và lời nói khác thường của nhà vua. Ông lập tức quỳ lạy:

- Bệ hạ, đây là chốn triều đình, lễ vua tôi phải nghiêm giữ. Thần vì tuổi già, lại còn vì ở chức quá lâu, đầu óc trở nên trì độn, hù lạng sợ làm hỏng việc lớn quốc gia, gây phiền cho bệ hạ.

Thánh tông vừa đỡ quan khu mật sứ đứng dậy

vừa nói: - Chẳng nào quốc cữu chưa tiến cử được người thay thế xứng đáng, trăm còn chưa để quốc cữu hồi hứ.

- Thần đã tiến cử tới hai người, nhưng vì bệ hạ kỹ tính nên không chấp nhận. Song quả thực đó là những người vừa có tài vừa có đức, xin bệ hạ lưu ý cất nhắc chớ nên bỏ phí người tài.

Lần này thần lại xin tiến cử một tài năng xuất sắc vào thế chỗ cho thần, chỉ hiềm người này còn hơi trẻ. Nhưng thần xin tâu trước, người này cũng như hai người trước đều không phải con cháu hoặc người thân của thần.

- Nếu vậy thì chính là điều trăm đang mong đợi.

V

Ít lâu nay bà đồ Sui đổ bệnh. Bệnh tình không có gì
L
ngghiêm trọng. Thoạt đầu là một cơn sốt cao, đắp bao
nhiều chăn chiếu vẫn thấy lạnh. Cái lạnh buốt phát ra
từ trong gan trong ruột, trong xương trong tủy. Bà đã
phải uống nước gừng nóng, lại nhai cả một củ gừng
sống vẫn không bớt lạnh. Bà bắt Khiết, con gái bà phải
nằm đè trên chăn chiếu mà người bà vẫn cứ rung lên,
làm cho cả chiếc giường cũng rung lên.

Sau cơn sốt đột ngột đó người bà tóp lại, nom như
mở rọc mùng vắt kiệt nước. Ông đồ cắt cho bà ba thang
bỏ phế. Uống hết ba thang thuốc, bà đỡ mệt, ăn uống,
nghỉ ngơi non nửa tuần trăng bà lại cáng đáng các việc
như trước khi ốm. Việc của bà, là các việc không tên
vụn vặt, xoay quanh bếp núc, sân vườn, gà lợn... Này
nhé, cuối canh ba khi gà gáy dồn, bà dậy nấu nồi cám
lợn, đặt siêu nước, rửa ấm chén để ông kịp uống trà
sớm vào đầu giờ dần.

Sau ba chén trà, ông đồ dạo ra vườn xem ngắm mấy cây cảnh, mấy dò hoa, chiếc lồng chim hình trái đào với con cu gáy. Con gáy của ông có giọng thổ đồng rất mộc, gáy hay nhất vùng. Mà lạ, dù ông đang làm gì, kể cả ông đang giảng kinh sách thánh hiền cho đám học trò, nhưng hề nghe thấy tiếng con cu cườm cất lên, thời ông bỏ hết mọi việc, im lặng nghiêng nghiêng vành tai về phía có tiếng gáy. Mặt ông ngậy ra như đang tận hưởng mọi cung bậc của âm thanh. Cũng không hiểu vì sao mà ông đồ Lê Trung Lương mê tới say đắm tiếng gáy của loài chim cu cườm đến vậy.

Có gì khó hiểu đâu, ông đã từng bực bực với các bậc cùng trang lứa:

- Từ lâu lắm, tôi cứ đinh ninh rằng tiếng gáy của loài chim này là tiếng vọng của hồn quê, là khao khát thanh bình muôn thuở của nhân gian. Vì vậy, mỗi khi nghe tiếng chim cu gáy, tôi thấy như có một cái gì đó tế vi lắm, nó len lõi khắp trong các giác quan tôi, nó lay thức những gì thiêng liêng ẩn náu trong huyết quản tôi, khiến người tôi như mê man trong tuổi thơ quá vãng.

Sau khi thăm thú mấy cái cây và lồng chim cu với miên man bao nghĩ suy giả tưởng, ông đồ lại quay về uống nốt ấm trà lúc này đã nguội ngắt.

Ông đồ Sủi có lối thưởng trà cũng có thể gọi là chẳng giống ai.

Sáng sớm, ông dùng bộ dộc ẩm. Cho chè vào ấm vừa tráng nước sôi, ông lấy đúng ba nước rót vào chiếc chén cái, dậy nắp lại. Rồi thông thả chuyên sang chiếc chén quân bạch định. Màu nước vàng óng như mật ong, trong như hổ phách, tuyệt nhiên không có một tí cặn, một tí tẩm chè nào theo vào chén bạch định. Ông thông thả nhấp từng hụm nhỏ từ chiếc chén bé tẹo nằm gọn trong lòng tay. Dường như ông vừa uống và ngẫm nghĩ sự đời. Uống cạn ba chén nước nhỏ, ông lại chế nước sôi vào ấm và rót sang chén cái đúng hai lần rồi ông đứng dậy ra vườn.

Xem vườn tược, chim chóc xong trở vào nhà, ông uống nốt hai chén bạch định trà nguội. Tuy trà nguội, nhưng ông cũng ngồi ngay ngắn, chuyên nước ra chén bạch định, và vẫn phong thái chiêu từng hụm nhỏ.

Uống trà xong cũng vừa lúc bà đồ đặt bên cạnh ông mâm cơm sáng. Đó là chiếc mâm gỗ sơn màu cánh gián, trên đặt lồng bàn nan nhỏ như những chiếc tấm màu nâu xin như mẫu bồ hóng.

Miệng mời ông đồ dùng bữa, tay bà thu dọn bộ đồ trà. Ông mở nắp lồng bàn, mâm cơm thật là tinh khiết, đạm bạc. Một chiếc bát ăn cơm tráng vành men xanh màu ngọc úp trong một vành đĩa cùng màu, cạnh bát là đôi dưa mun đen bóng. Giữa mâm đặt đĩa cá kho bé tẹo, trên đó chỉ có một con cá bống kho khô bằng ngón

tay trở. Con cá đuối cong như sắp nhảy ra khỏi đĩa. Trên mâm còn có một bát chiết yêu canh rau tập tàng¹ nấu với một bánh trứng cáy khô, to bằng đầu quân tam cúc, mỗi bề bằng một đốt ngón tay, móng như tấm bìa sách phết cật². Canh mâm có một niêu cơm to bằng vốc tay, nếu xới hết thì vừa được miệng bát. Đó là bữa sáng của ông đồ làng Sủi.

Tuy vậy, ông xới hai lần cơm cũng mới vợ già nửa niêu, ông ăn hết cả bát canh, nhưng đĩa cá bóng thì bỏ lại khúc đầu và chút vây đuôi cùng chiếc xương ống. Bà đồ cứ cấm cúi hầu hạ ông như vậy cùng các việc cơm nước cho hai mẹ con, chăn vải con lợn, quét sân, quét nhà, làm cỏ vườn. Ngày mùa thì phơi lúa, cơm nước cho người làm.

Nhà ông bà đồ neo người lắm, nhưng vẫn cấy đủ hai mẫu ruộng. Việc chăn trâu, cắt cỏ là việc của Khiết, cô con gái chăm làm chăm học, nét na, tươi tắn. Còn việc cày bừa, cấy gặt là những việc nặng nhọc đã có một anh lực điền mượn theo thời vụ và đám học trò của ông đồ đảm nhận.

Ông dạy tới mấy lớp học trò trong ngày. Lớp nhỏ

1 Tập tàng là các loại rau mọc dai như dền cơm, rau đệu, rau sam... Các loại rau này thường mọc nơi đất sạch, nấu canh rất ngon và lành.

2 Loại giấy bản trẻ con học viết xong lấy ra bồi từ ba đến bốn lớp. Hồ được già từ quả cây còn xanh, nhựa chát. Loại bìa này vừa chống ẩm vừa chống mối rất tốt.

là lớp “Tam tự kinh” tóc còn để trái đào, khoảng từ bảy đến mười tuổi. Lớp nhỏ từ mười lăm đến hai chục tuổi. Lớp này đã môn men học Tứ thư, Ngũ kinh. Lớp lớn đã có vợ có con học sang bình giảng, học làm thơ, phú, từ, đối và cả văn sách nữa.

Ba lớp học với bốn năm chục học trò, dành rằng vất vả. Nhưng có điều ông đồ khéo thu xếp. Ông hướng cho lớp lớn dạy lớp nhỏ. Còn lớp cao, tập văn bài, đây là lớp người học để ra giúp đời. Lớp này, ông thật sự vất vả với họ. Không thuần nhất là việc học kinh văn mà điều quan yếu nhất ông muốn truyền cho họ cái tâm nhân ái và lòng trung với nước. Cho nên có nhiều điều ông đưa ra rồi thầy trò cùng bàn bạc cho đến cạn nê.

Ví như việc Lưu Bang Hán Cao tổ nói năng thô bạo tỏ ý coi thường kẻ sĩ, vị quân sư của ông ta là Trương Lương, ý tứ uốn nắn:

- Muốn dùng được kẻ sĩ chân tài, bề hạ phải thật lòng tôn kính họ. Phải lấy lễ mà cư xử với họ.

Lưu Bang cười sằng sặc:

- Ta cần gì phải thế. Ta ngồi trên mình ngựa còn lấy được thiên hạ kia mà.

- Nhưng bề hạ không thể ngồi trên mình ngựa mà trị được thiên hạ. Trương Lương đáp, rồi bó đi ở ẩn.

Đại loại những truyện như vậy được đưa ra đàm đạo. Cũng từ đây nảy sinh những đối sách trong việc

trị nước, an dân. Âu cũng là sự tập dượt của đám nho sinh trước khi trở thành những công bộc trong bộ máy công quyền.

Bà đồ sau khi hồi phục được ít ngày lại lăn ãa vào các công việc không tên quen thuộc, cứ lặp đi lặp lại, giá như bà có hai cuộc đời, hoặc như có trăm mắt trăm tay hồ dễ đã làm được hết số công việc mà các dấng mày râu thường gọi nó là việc vặt của mấy bà nội trợ. Chính những thứ việc không tên ấy với nỗi thương chồng, thương con khiến sức bà đồ xuống hẳn. Cứ chiều chiều bà gầy gầy sốt, trán xạm xấp mồ hôi, ăn không tiêu, đêm ngủ chập chờn, nhắm mắt lại là thấy hình hài ma quỷ. Bây giờ thì bà nằm bẹp không làm được cả việc nhẹ nhất như cầm chiếc chổi quét nhà nữa.

Và thế là Khiết, cô con gái cứng của ông bà đồ phải bỏ hẳn chuyện học hành để chuyên tâm vào việc nhà việc cửa, việc chăm sóc mẹ sớm hôm. Chao ôi biết bao là công việc. Việc đồng, việc nhà, trâu bò, gà lợn khiến Khiết phải thức khuya dậy sớm luôn chân luôn tay mà công việc vẫn cứ bộn bề trăm thứ.

Từ ngày bà đồ ốm nằm đậy thân hình gầy vơ, giọng nói thều thào, tóc tai bù rối, chỉ còn đôi mắt tinh anh. Bà nói chuyện với ông thuần bằng ánh mắt. Tuy vậy, ông biết hết nỗi lòng bà. Đôi khi chỉ trò chuyện bằng ánh mắt, hai ông bà đều xúc động nước mắt tràn

mi. Bà tự giận mình không chăm sóc được để ông ăn uống thất thường. Con gái nấu nướng sao hợp được ý ông từ miếng ăn miếng uống. Ông ăn ít, uống ít nhưng phải là biết cách nấu nướng, hãm pha sao cho cái gì cũng phải thơm tho, tinh sạch. Thương ông quá, nếu tôi đi trước thì ông khổ.

Sĩ Thoại từ ngày được thầy đồ Lê Trung Lương đem sang gửi gắm thầy Lê Minh Quang, bên làng Gủ, học cùng thần đồng Lê Văn Thịnh con thầy, cậu hết lòng chăm chỉ. Tuân lời thầy vừa tu trí vừa tu đức.

Thật ra thì thầy đồ Gủ rất hậu tình với Sĩ Thoại. Bởi cái tâm, cái đức của cậu làm thầy hài lòng. Ngay Lê Văn Thịnh có tính tự phụ nhưng vẫn phải nể Sĩ Thoại.

Thoại là một người trung thực, khuôn mặt cậu chính là tấm gương phản chiếu tâm hồn cậu. Một bữa Sĩ Thoại xin phép thầy về thăm cha mẹ. Tới nhà được cha mẹ cho hay bên nhà thầy Lương đang lâm vào cảnh bê bán khó khăn, bà đồ chưa chắc đã qua khỏi.

Suy nghĩ giây lâu, Sĩ Thoại mạnh dạn nói với cha mẹ:

- Thưa thầy mẹ, nhờ ơn thầy mẹ sinh thành nuôi nấng, nên con được thành người. Nhưng nhờ thầy đồ đã dạy bảo con đạo học gần mười năm con mới trở nên người có chút kiến văn. Nay thầy con chẳng may gia cảnh neo đơn, con xin phép thầy mẹ cho con tạm nghỉ

học bên thầy Gủ để con về phụ giúp cùng các anh ở bên này, phụ giúp cùng cô Khiết cho thầy con được thư thái phần nào.

Nghe con nói, ông bà Phúc thật mát dạ. Bởi biết cư xử như vậy, ắt con đã thành người tử tế.

Bà Phúc mở nắp hộp lấy khẩu trâu đưa cho ông và ý tứ hỏi :

- Con nó đã biết nghĩ như vậy thật đáng mừng. Ý ông thế nào ? Ý ông thế nào, ông cứ quyết là tôi theo.

Ông Phúc đỡ khẩu trâu, ngắm nhìn gương mặt cậu con trai. Dường như ông đang so cái thể xác to cao kia và sự lớn khôn của thằng bé liệu có tương xứng. Lập tức ông mỉm cười đáp:

- Không phải là bà theo ý tôi, mà cả tôi với bà cùng theo ý con. Nó cư xử như thế là phải đạo đấy bà ạ. Nhưng mà Thoại, ông Phúc nhìn con nói tiếp: - Con lại phải sang bên Đông Cửu, thì sang làng Gủ ấy xin phép thầy bên đó rồi mới về hầu hạ thầy bên này được.

- Vâng ạ. Xin thầy mẹ cho phép, con đi ngay bây giờ.

Sĩ Thoại lại hăm hở sang làng Gủ. Phải nói là cậu ta chạy thì đúng hơn là đi. Chẳng mấy chốc đã đến cổng nhà thầy. Cậu phải đứng lại thở một lúc rồi mới vào chào thầy.

Thấy Sĩ Thoại vừa xin phép về lúc sáng, bây giờ lại

đã sang ngay, không biết có việc lành dữ gì đây. Thầy Lê Minh Quang liền hỏi:

- Có việc gì gấp đấy con? Mau nói ta nghe.

Sĩ Thoại thuật hết đầu đuôi gia cảnh nhà thầy đồ Sủi như thế nào. Ý định của cậu ra sao. Cha mẹ đã cho phép như thế nào. Nhất nhất cậu đều nói sự thật, chẳng có thêm bớt một tẹo nào.

Nghe cậu học trò nói, thầy đồ Gủ cảm động đến chảy nước mắt. Giây lâu lấy lại bình tĩnh, thầy nói :

- Việc con hành xử như thế khiến thầy cảm phục. Phàm người ta đi học, không cốt ở ba cái chữ, ba cái tích điển để tuôn ra như những con vẹt biết chữ nhằm lèo thiên hạ, mà học là để làm người. Phàm người thầy giỏi là dạy học trò thành người tử tế, chứ không phải dạy một lũ vẹt nhuễn văn. Ta trọng thầy đồ Sủi đã dạy được những học trò như con.

Sĩ Thoại vẫn khoanh tay đứng nghe thầy nói, tựa như lúc cậu đang nghe thầy giảng bài.

Chỉ tay ra sân, thầy Lê Minh Quang nói :

- Con đi gọi thằng Thịnh lên đây. Ta chắc nó đang trốn vào chỗ nào đó đọc sách. Để ta và Thịnh cùng đi với con sang thăm ông bà đồ Sủi luôn thể.

Sĩ Thoại vừa bước đi tìm Lê Văn Thịnh vừa không tin ở tai mình nữa. Có đúng là thầy nói cả thầy và anh Thịnh cùng đi thăm thầy đồ Sủi, hay mình nghe nhầm.

Lát sau, ba thầy trò cùng lên đường. Vừa đi vừa nói chuyện, quăng dường như ngấn lại. Chẳng mấy chốc đã tới cổng nhà thầy đồ Sủi. Đâu đó vẳng ra tiếng chim cu gáy. Lại có cả tiếng giảng bài nữa. Thầy đồ Gủ ra hiệu cho Lê Văn Thịnh và Sĩ Thoại dừng lại. Tiếng thầy đồ Lê Trung Lương vẳng ra: “Phàm là người quân tử thì không nên vội và tham. Vội vã và tham lam là hay hỏng việc. Người tham lam thường ham lợi nhỏ mà bỏ mất lợi lớn. Ham cái lợi cho riêng mình mà bỏ mất lợi lớn quốc gia. Người vội vã thì hay hỏng việc. Vội vã là chỉ muốn việc mình mới làm đã phải có ngay kết quả. Có biết đâu rằng, muốn có cơm ăn phải có gạo đã. Muốn có gạo phải có lúa. Muốn có lúa phải gieo hạt, phải cày cấy, phải trải thời gian sinh trưởng, phải có mưa nắng hội đủ âm dương mới tới ngày lúa trổ, vào mẩy và chín. Người vội vã chưa cấy đã muốn gặt. Cho nên Khổng Tử mới dậy rằng: *“Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi: dục tốc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành”*. Nghĩa là: Đừng muốn mau thành công, đừng tham lợi nhỏ : muốn mau thành công thì không đạt, tham lợi nhỏ thì việc lớn không thành.

Vừa nghe dứt, Lê Văn Thịnh đã nói ngay: “Luận ngữ, thập tam thiên”¹.

Ông đồ Gủ thâm khen cậu con trai thông minh, chợt ông lại hơi buồn vì tính vội vã hấp tấp của con.

¹ Chương 13, sách Luận ngữ.

Thấy ba thầy trò thầy đồ Gủ đến đột ngột, thầy đồ Sủi hơi chột dạ, không biết đã có chuyện gì với Sĩ Thoại, người học trò cũ của ông.

Dường như thâm hiểu nỗi băn khoăn của người đồng nghiệp, ông đồ Gủ đành tường lại các việc như Sĩ Thoại đã thưa với ông. Cuối cùng ông kết lại:

- Vừa là tình cố cựu, vừa là tình đồng nghiệp, tôi cảm phục bác đã dạy được đứa học trò có đức lớn. Tôi tin rằng bác không chỉ có một, mà có nhiều học trò như Sĩ Thoại. Âm đức nhà ta lớn vậy thay. Cũng xin bác để cho Sĩ Thoại thực hiện tấm lòng của nó. Tôi tin rằng, nếu Sĩ Thoại không về giúp thầy, thì các học trò đây cũng dư sức đỡ đần thầy. Song để cho Sĩ Thoại trở về, thì nó nên được đức tốt cho các bạn không chỉ ở trường của bác mà còn cả bên trường tôi nữa. Còn về việc học của Sĩ Thoại bác khỏi lo. Tôi thấy cậu này có cái chí học để làm người tử tế, chứ không hám sự tiến thân trên đường danh lợi.

Nghe bạn nói dường hơn nhẽ thiệt, ông đồ Sủi như nở ra từng khúc ruột. Ông chấp tay vái bạn một vái :

- Đa tạ bác cư xử thật là cao thượng.

Chợt Khiết bê lên một khay với bốn bát nước chè xanh. Hai bát sứ có kê đĩa, hai bát sành không có đĩa lót. Đặt khay nước lên bàn, Khiết chấp tay vái ông đồ Gủ:

- Cháu chào lão bá. Cháu mời lão bá xơi nước.

Ngước nhìn ông đồ Sủi, Khiết lại nói:

- Con mời thầy xơi nước.

Quay về phía Sĩ Thoại và Lê Văn Thịnh, Khiết chỉ vào bàn:

- Mời hai anh xơi nước.

Uống chừng nửa bát nước, ông đồ Gủ bèn ngỏ ý:

- Xin phép tôn huynh cho thầy trò tôi được vấn an sức khỏe bà đồ. Ông nói nhỏ vào tai Sĩ Thoại: “Con đi lấy giúp thầy cái đĩa. Xong con lấy trong tay nải của thầy ba lạng bạc, thầy đã bọc làm ba bọc giấy, con đặt vào đĩa bê theo thầy”.

Bà đồ nằm bất động trên giường cầu tre bên cửa sổ dưới nhà ngang. Ba thầy trò thầy đồ Gủ bước theo thầy đồ Sủi đến tận bên giường bà đồ. Có Khiết đang ngồi xoa ngực cho mẹ, bởi bà đồ mấy bữa nay tức ngực, khó thở.

Nom vóc dáng bà đồ thật thiếu nả. Chẳng còn ai nhận ra bà ba mươi năm về trước. Ngay đến một năm về trước cũng chẳng nhận ra được nữa. Tóc trên đầu bà rụng gần hết, chỉ còn loáng thoáng ít sợi đen chen sợi trắng dài hun hút, cắt đi cũng đỡ mà búi cũng chẳng được. Vầng trán giò, đôi mắt hõm sâu, nhãn cầu như một viên bi đã lọt xuống lỗ và mắc kẹt tại đấy. Lương quyền nhô cao, má hóp, môi thâm đen khô khốc. Bà mệt không còn đủ sức nói ra lời, không đủ sức nhấc nổi bàn

tay bàn chân của mình lên nữa.

Đứng sát giường bà đồ, ông đồ Gủ nói khẽ:

- Thưa bà đồ, thầy trò chúng tôi từ Gủ sang vấn an. Thứ lỗi, chúng tôi vừa biết tin vội đi ngay không kịp mua quà cáp, thậm chí một lạng sâm cũng không có. Vậy phiền lão huynh sai học trò mua giùm chúng tôi chút quà nhỏ. Nói xong, ông đồ Gủ bê chiếc đĩa trên đặt ba lạng bạc trao cho ông đồ Sủi.

Thật khó xử, nhưng không để chối từ, ông đồ Sủi đưa hai tay đỡ nhẹ chiếc đĩa. - Đa tạ tấm lòng của lão huynh cùng hai cháu. Rồi ông trao chiếc đĩa vào tay cô Khiết: - con cất đi để mua quà cho mẹ. Đây là số bạc... Ông đồ nói chưa dứt lời, con gái ông đã nhanh nhẹn, tay đỡ đĩa bạc, miệng đỡ lời cha: - Cháu đội ơn lão bá. Xin lão bá tha lỗi, mẹ cháu mệt quá.

Ông đồ Gủ đặt tay lên vai cô Khiết như một cử chỉ an ủi. Quay vào phía bà đồ, ông nói :

- Kính bà đồ nằm nghỉ. Chúc bà đồ sớm bình phục.

- Con chào bá ! - Sĩ Thoại chào hơi to như có ý đánh thức bà đồ.

Quả nhiên đôi mắt bà hơi cử động, mi cứ dần dần ra và ánh mắt bà chợt lóe lên. Dường như bà đã nhận ra giọng nói thân quen của cậu học trò mà cả nhà bà đều yêu quý.

Sĩ Thoại nhận ra dấu hiệu này, cậu cúi đầu hơi thấp ghé tai bà nói nhỏ: - Con ở lại với bá cho tới khi nào bá khỏi con mới sang Gủ học.

Bà đồ nhìn Sĩ Thoại với ánh mắt hàm ý biết ơn. Đạo này Khiết nghĩ hẳn công việc đồng áng, kể cả việc chăn trâu, cắt cỏ đều ở nhà chăm sóc mẹ. Ông đồ đã bàn bạc kỹ với cả mấy lớp học trò. Nhất là lớp lớn, họ chia nhau ra làm các việc, từ việc nặng đến việc nhẹ. Nếu phải cày, bừa đã có các anh lớn. Chăn trâu, bằm bèo, nấu cám lợn, có các trò lớp nhỏ. Quét sân, quét nhà, nhổ cỏ vườn... đã có các em lớp nhỏ.

Những việc như nhổ cỏ, lúa, bón phân cho lúa, nhất thiết ông đồ không cho các học trò dính vào mà ông sai Khiết đi mượn người làm hoặc thuê khoán. Chỉ một mình bà đồ nằm đấy mà công việc nhà cửa, đồng áng cứ bấn loạn lên. Bao nhiêu người đàn ông thay thế, kể cả ông đồ là bậc túc nho với cả chục anh nho sinh, đầu óc chất chứa kinh luân, vẫn cứ thua một tay bà đồ.

Mấy bữa nay bệnh trạng bà đồ dường như có dấu hiệu thuyên giảm. Ngoài uống thuốc, bà đã húp được mỗi bữa lưng bát cháo. Vẫn chưa nói được. Không phải bà không nói được, mà giọng bà phát ra thuần âm gió, không ai nghe được, trừ con gái bà. Cô Khiết vừa nghe vừa đoán tựa như một người thông ngôn ít chữ.

Dường như cứ mỗi lần Sĩ Thoại bê thuốc hoặc bê cháo vào ép ăn uống, ta lại đọc được niềm vui trong ánh mắt bà đồ. Vui hơn nữa là khi cả con gái bà - cô Khiết và Sĩ Thoại cùng líu ríu chăm sóc bà.

Có lần vừa bóp trán, vừa xoa ngực cho mẹ, Khiết hỏi Sĩ Thoại:

- Cái nhà anh hôm nọ đi với anh và bác đồ Gủ sang thăm mẹ em, có phải con bác ấy không?

- Đúng anh ấy là con thầy đồ Gủ, anh Lê Văn Thịnh đấy.

- Thế có phải cái nhà anh nằm vạch bụng cóc trên chiếc nông phơi lúa, suýt ăn đòn vì nói dóc là nằm phơi bộ sách Mạnh Tử ở trong bụng chính là anh này không?

- Đúng là anh này đấy. Nhưng không phải anh ấy nói khoác dâu chị Khiết. Anh ấy nói thật đấy. Bữa ấy tôi chứng kiến mà. Chính thầy đồ nhà ta kiểm tra chứ ai. Bọn chúng tôi phải bái phục anh ta thông minh. Không phải anh ta chỉ đọc thuộc lòng như vẹt dâu, mà anh ấy còn cất nghĩa, còn bình giảng nữa kia. Nào có phải anh ấy đã được học. Đấy là anh ta chỉ lên đọc vụng thôi. Đúng là thần đồng thật đấy chị Khiết ạ.

Khiết bĩu môi tỏ ra không phục. Đoạn cô nói thủng thảng:

- Loắt choắt, cỡ ấy là nghịch như tướng cướp. Học

hành vào lúc nào, em chẳng tin. Người ấy chẳng bèn gót anh dâu. Thật mà, thày mẹ em khen anh lắm. Nhưng mà sao anh lớn thế này mà anh phải gọi thằng nhóc đen nhẻm ấy bằng anh. Nó kém tuổi anh chứ.

- Đúng rồi. Anh ấy sinh năm Bính Tuất (1046). Chị Khiết sinh năm Giáp Thân (1044). Còn tôi sinh năm Nhâm Ngọ (1042). Trong mấy người chúng ta cứ hơn kém nhau hai tuổi. Tôi lớn tuổi nhất. Anh Thịnh, nếu so tuổi, là em út.

- Anh lớn tuổi nhất. Anh lại có vẻ người lớn rồi. Tại sao anh lại gọi em là chị, gọi cái nhà cậu kia là anh?

- Vì chị và anh Thịnh là con của thầy học, nên dù ít tuổi hơn, bọn tôi vẫn cứ phải gọi thế để tỏ lễ với thầy, chứ thực tôi coi chị với Thịnh như em út tôi mà.

Khiết đỏ mặt bên lên vì sung sướng.

Những lời hai trẻ trò chuyện đều lọt tai bà đồ. Bà nằm đấy, tuy không đi lại được, không nói năng trò chuyện được, nhưng cứ thoáng nghe là bà biết liền. Trước, bà có nghe bên ông bà Phúc định đánh tiếng xin con Khiết về làm dâu, hai ông bà đồ đều mừng lắm. Nhưng chờ mãi không thấy người ta sang hỏi. Chẳng nhẽ mình là nhà gái mình lại đánh tiếng trước, cho con gái mình mất giá ư. Ở đời trâu đi tìm cọc chứ có bao giờ cọc đi tìm trâu.

Mấy hôm nay bệnh bà đồ lại tăng trầm trọng. Cứ uống thuốc vào là nôn thốc nôn tháo. Bà vẫn cứ hâm hấp sốt về chiều. Mồ hôi rịn ra dính nham nháp. Tiếng thở nặng và ngắn. Hơi thở có mùi hôi.

Ông đồ đã thấy nản vì bệnh bà không giảm mà cứ ngày một tăng. Ông bảo con gái cùng các học trò:

- Thấy biết chắc là bà đồ bị thũng phế¹. Thường bệnh như thế thầy chỉ cắt ba thang thuốc là khỏi. Vậy mà thầy đã xoay đủ cách rồi, bệnh bà vẫn cứ ngày một tăng. Ác nỗi là bà đồ mắc cả lao tâm, lao lực, thầy ân hận quá. Thầy muốn thay tay. Trò nào chịu khó lên Thăng Long, mời giúp thầy cụ lang Kinh về chẩn mạch bốc thuốc cho bà đồ. Để thầy viết một lá thư thỉnh mời. Thoại đi giúp thầy hả. Được, con đi thầy an tâm. Để thầy sang xin phép cha mẹ con cho con đi giúp và mượn luôn cỗ xe ngựa đi đón cụ lang nhân thể.

Thoại đi rồi, chỉ còn lại Khiết quanh quẩn ở bên mẹ. Bà đồ dường như không ăn, không uống, chỉ nằm thở hắt ra. Hơi thở ngắn và nặng nề. Chắc hẳn là đau nhức lắm, nhưng bà không còn đủ sức để rên la, giãy giụa nữa.

Suốt đêm ấy ông đồ cùng Khiết, hai cha con cứ ngồi nhìn ngắm bà đồ, nhìn ngắm một người thân

¹ Thũng phế là bệnh trong phổi có nước. Ngày nay ta gọi là tràn dịch màng phổi.

thương nhất của hai cha con sắp rời bỏ họ mà đi.

Trong cuộc đời, tới nay đã gần năm chục tuổi, ông đồ chưa thấy lúc nào lại bất lực đến vô vị như lúc này. Ông nhìn cái viễn cảnh khi bà đồ khuất núi, chỉ còn lại hai cha con thì nó heo hút biết dường nào. Đường xa dặm thẳng, cha già con cộc, số phận thật là éo le.

Cả nhà trông ngóng đến mỗi mắt chẳng thấy tăm hơi Sĩ Thoại và cụ lang Kính từ Thăng Long trở về nữa. Ông đồ thỉnh thoảng lại vào phòng bệnh nắm lấy tay bà đồ chẩn mạch. Ông lắc đầu và nghĩ bụng, thôi thì còn nước còn tát. Bệnh này dù có Hoa Đà¹ tái thế cũng đành bó tay.

Mãi nửa chiều Sĩ Thoại mới đưa được cụ lang Kính về nhà. Vừa gặp ông đồ, cụ đã thanh minh:

- Tôi đến hơi trễ, xin tiên sinh thứ lỗi. Trên Thăng Long cũng nhiều người bệnh trọng lắm. Thấy xe ngựa đến đón, biết là tôi đi xa, người nhà của người bệnh cứ xúm lại níu giữ không cho tôi đi. Phải cho thuốc rồi trấn an mãi bác cháu tôi mới dứt ra được.

Ở trên xe tôi đã hỏi kỹ công tử về bệnh trạng của phu nhân, xin tiên sinh cho vào phòng bệnh thăm mạch.

Cúi đầu đáp lễ và ông đồ nói vừa đủ nghe:

¹ Một danh y nổi tiếng thời cổ đại của Trung Hoa.

- Thưa cụ, cách đây một khắc tôi nghe mạch của nội tướng tôi đã thấy huyền huyền lắm rồi. Xin mời cụ vào coi giùm.

Vừa nhìn thấy gương mặt bà đồ, cụ lang Kính đã thốt lên:

- Chậm mất rồi thưa tiên sinh. Vội nắm lấy tay bà đồ, đặt ba ngón trên hệ mạch. Láy đi láy lại hết ngón nọ đến ngón kia, xem hết tay trái sang tay phải, bấm hết huyết nọ đến huyết kia rồi ông lắc đầu:

- Thưa tiên sinh, mạch phu nhân tắt rồi. Chúng ta chỉ có thể chữa được bệnh, chứ không thể chữa được mệnh.

- Dạ phải! - Ông đồ chỉ nói được hai tiếng ấy rồi gục xuống.

VI

Bà thái hậu Kim thiên Mai thị thấy trong lòng bức bối, đứng ngồi không yên bèn cho người đi triệu thỉnh người anh là quan Khu mật sứ chánh chương mới được nhà vua ân chuẩn cho hồi hưu.

Nghe tin thái hậu triệu, Mạnh Minh không biết em gái có điều gì khó xử cần đến mình đây, ông lập tức lên kiệu đến thẳng điện Nguyệt Minh.

Vừa nhìn thấy người anh, thái hậu đã nói dối:

- Hai anh em cùng ở Thăng Long mà chẳng mấy khi anh đến thăm em.

Mai Mạnh Minh cười sảng khoái:

- Nói thật với cô, suốt mấy chục năm sống trong bó buộc. Tôi vừa là tình bạn vừa là tình anh em với nhà vua. Nhưng vẫn phải giữ lễ vua tôi, nên nhận lời ra gánh vác công việc triều đình với Thái tông, chứ thực trong lòng anh vẫn cứ muốn làm một nông phu ở quê

nhà như Trọng Mẫn lại hóa hay.

- Em nghe nói anh được nhà vua cho hồi hưu rồi phải không?

- Rồi, nhà vua vừa cởi ách cho anh xong. Đang thu xếp hành lý, trả lại dinh thự, nay mai anh về quê. Định bảo đám nô bộc gói ghém xong ít sách vở, cho họ ít tiền bạc, ít đồ dùng để họ về quê. Thôi thì họ ăn ở với mình, hầu hạ mình như chân như tay, có người theo anh tới cả hai chục năm rồi còn gì. Người mới nhất cũng phải bốn năm năm. Mình còn có hưu bổng, có thực ấp, chứ họ có gì đâu.

- Nếu em không mời, ắt anh về thẳng quê chứ không ghé thăm em chứ gì?

- Đâu có, đâu có như thế. Anh định cho đám nô bộc về rồi, anh sẽ tới thăm em. Phải thăm chứ. Còn trước đây anh ít lui tới cũng là giữ cho em, giữ cả cho anh, cho cả nhà vua nữa, kéo các quan họ ghen tị anh em gận gụi, tâu hót những điều không có lợi cho người này người nọ. Nay anh là dân, còn em cũng đã vãn quyền lực, vãn cả ảnh hưởng rồi còn lo gì người ta dị nghị. Thì thế gian là vậy, họ nắm kẻ có tóc, ai nắm người trọc đầu.

- Vậy chớ anh định chở đồ đạc về theo đường sông hay đường bộ?

- Anh định đi đường bộ, đi xe ngựa cho nhanh.

- Đi xe ngựa thế anh định mấy chục chiếc cho đủ. Em thấy dinh anh nhiều đồ quý lắm kia mà.

- Anh chẳng có gì cả. Khi nhiệm sở từ quê ra kinh, anh chỉ có hai tay nải, một đựng vài bộ quần áo, một đựng vài bộ sách. Nay anh về, số quần áo ấm, chăn nệm ấm, số sách mua vào nhiều thêm thôi. Ngoài hai thứ đó bất quá chất lên một chuyến xe ngựa là đủ. Còn đồ đạc tại dinh thự, một số do bên trung thư sảnh, tức bên phủ thái sư sắm rồi phân cho các đô, đài, sảnh, viện... một số đồ đạc khác do các lộ người ta đưa về biếu. Anh đã đưa vào danh sách giao lại hết và ghi rõ: cái nào là đồ biếu, cái nào do bên phủ thái sư mua sắm. Thật ra khi mình còn tại chức, người ta đưa cái này, biếu cái kia, là người ta biếu cái cương vị đó chứ có phải người ta biếu riêng mình đâu. Điều này thì anh biết, và hồi còn tiên đế, anh cũng đã tâu báo rõ ràng các việc. Thái tông có nhẽ vì ưu ái nên người báo anh: «Cái gì người ta biếu tặng khanh là của khanh, triều đình không tính vào của công».

Tuy vậy anh chưa đem một thứ gì là đồ biếu tặng có dính dáng đến quan tước của anh về nhà. Thật ra hồi cha chúng ta còn sống, anh nói về phương cách ứng xử của mình, cha bảo: «Con nên làm như vậy cho tới khi nào còn rời bỏ quyền lực, may ra con mới giữ trọn danh tiết».

- Vậy là anh đã làm được theo ý cha. Anh đã giúp cho Thái tông yên tâm về các người nắm những trọng trách then chốt không xảy ra tai tiếng gì. Chính Thái tông đã nhiều lần nói với em điều đó. Những năm tháng cuối đời, Thái tông thường căn dặn Nhật Tôn trọng dụng lão bá. Chính vì thế mà Thánh tông cứ dùng dằng không muốn cho anh hồi hưu. Nhà vua còn nhờ em: «Mẫu hậu nói với quốc cữu, con muốn lưu lão bá tại triều ít năm nữa». Nhưng em đã nhiều lần nói: «Cái chí của lão bá muốn về từ hồi còn tiên đế kia. Vậy con ráng kiếm tìm người thay để cho lão bá hồi hưu». Anh tưởng em mà không nói vào á, để gì anh đã về được.

Mai Mạnh Minh cười vui vẻ. Hai anh em trò chuyện tự nhiên như những năm tháng còn trẻ trung nơi quê nhà. Chợt Kim Thiên tỏ vẻ lo buồn, bà nhỏ to với người anh ruột mà lúc nào bà cũng tin cậy như hồi còn tấm bé, đi đâu cũng có anh, nhờ anh che chở. Bà hỏi người anh mà không giấu nổi sự lo lắng :

- Anh Mạnh Minh à, anh bảo liệu nhà vua có sinh được con trai không ? Còn vua nào nữa, chẳng Lý Nhật Tôn nhà em đương kim hoàng thượng chứ còn ai vào đây nữa. Em lo quá. Ngay Thái tông trước khi băng cũng nói em nên tu đức, nên đi cúng đi cầu để con có thể sinh dạng hoàng nam, có người nối dõi.

- Cô cứ hay lo xa quá, nhà vua còn trẻ, mới chỉ

muộn một tí mà đã cuống lên. Vả lại đã sinh được con gái, ắt phải sinh được con trai, cô cứ yên tâm.

- Em không thể yên tâm được, năm nay nhà vua ba mươi lăm ba mươi sáu tuổi rồi, còn trẻ trung gì nữa. Tám hoàng hậu, mấy chục cung nữ, thuận đẻ ra một lũ vịt giời. Mấy năm nữa mà không sinh được hoàng nam sẽ khó mà yên ổn được chứ anh tướng. Giời ơi anh còn lạ gì. Thế anh có nhớ hồi loạn Tam vương không? Các vị hoàng thúc bây giờ tuy người đã già, người đã khuất, nhưng con cái họ còn nhan nhản ra đấy. Vả lại mối hận cũ chắc gì đã nguôi. Em sợ lắm. Anh bảo em phải làm gì bây giờ?

- Cô đã làm tất cả những gì cần làm. Giữ cho nội cung yên ổn, bề nào bậc ấy, không bề đảng, không thù hận, đám thái giám không thể lộng hành, lại sinh cho nhà vua được hai hoàng tử, hai người con hiếu thảo, giỏi giang. Bây giờ một trong hai người con ấy của cô đang là bậc vua sáng, từng bước đưa Đại Việt trở nên hùng cường. Bởi vậy cô không phải làm gì hết. Mà cô cũng không nên làm. Điều duy nhất cô có thể làm là năng đi chùa lễ Phật, vừa giải tỏa đầu óc, vừa có cơ may làm các việc thiện để trồng cây đức cho hoàng gia, cũng tức là cho cả nước đấy. Còn cô bảo sợ thì sợ cái gì. Kẻ nào dám ho he, Lý Nhật Tôn dư sức bóp nát nó thành ngàn mảnh vụn.

Nghe anh trai giảng giải, thái hậu đã thấy bình tâm. Lại nghe anh nói phải chăm đi lễ chùa, thái hậu sức nhớ đến Viên Chiếu thiền sư. Viên Chiếu là con người anh thúc bá với thái hậu, vốn lại là đồng môn với anh Mạnh Minh và với vua Thái tông, cùng là đệ tử của Định Hương trưởng lão ở chùa Tam Sơn cũng tức là Tiêu Sơn tự. Nhớ lại mối quan hệ thân thuộc đó, thái hậu bèn tỏ bày:

- Anh Mạnh Minh à, anh còn nhớ nhà sư Viên Chiếu chứ?

- Sao anh lại không nhớ, bà con với anh em mình đấy.

- Em biết rồi. Anh đi cùng em đến thăm Viên Chiếu được chứ?

- Bao giờ thì cô đi?

- Em muốn đi ngay bây giờ.

- Được thôi, tôi cùng đi với cô.

Thái hậu cùng quan cựu Khu mật sứ xuống một chiếc thuyền trên bến sông Tô Lịch. Thuyền đi về hướng Tây kinh thành, qua chùa Thánh Thọ chừng một khắc canh giờ thì dừng trước cửa chùa Cát Tường.

Thái hậu và quan Khu mật sứ vừa bước qua tam quan thì thấy tiếng chuông mõ của khóa lễ chiều vang lên.

Về thất vọng, thái hậu hỏi:

- Thế này thì chờ đến bao giờ anh Mạnh Minh?

- Cô phải bình tâm, phải đặt mình vào hoàn cảnh của mọi chúng sinh. Vào cửa Phật mọi quyền lực thế gian phải vứt bỏ ngoài cổng tam quan, còn trước Tam bảo¹ mọi người, kể cả mọi sinh vật đều bình đẳng. Chúng ta phải chờ sự tới hết khóa lễ. Nếu cô không ở lại được thì quay về. Nhưng tôi khuyên cô, nên ở lại.

- Vâng, em ở lại. - Thái hậu đáp.

Thấy khách tới, mấy vị sư bác vội ra chào hỏi rồi mời khách vào nhà phượng trưng.

Dâng mời mỗi vị khách một bát trà với, nhà chùa hỏi:

- Xin hỏi quý khách đi vắng cảnh chùa hay có việc gì cần gặp thiền sư viện chủ của bản tự?

- Dạ, chúng tôi nhờ thầy chuyển giúp lời thỉnh cầu đến thiền sư viện chủ. Nói xong, quan Khu mật sứ đưa một tờ giấy gấp tư, trong đó ông vừa viết mấy dòng gửi thiền sư Viên Chiếu.

Dang vào khóa lễ chiều, thiền sư không thể ra tiếp được, sư báo đệ tử:

- Hai người đó, một người là hoàng thái hậu, một

¹ Tam bảo nghĩa là: Phật - Pháp - Tăng, ba thứ quý nhất của đạo Phật.

người là chánh chương khu mật viện, người ra tiếp đón cho chu đáo, sửa soạn cơm chiều, xong khóa lễ ta sẽ có mặt.

Tan khóa lễ, thiên sử Viên Chiêu bước thẳng tới nhà phương trượng. Đồi bên thi lễ xong, sư liền nói:

- Để hoàng thái hậu và quý quan phải chờ lâu, tăng này thật có lỗi. Biết vậy, nhưng đối với kẻ tu hành thì trên đời không có gì quan trọng bằng việc trì tụng. Xin được đại xá! Đại xá!

Mạnh Minh vội đỡ lời:

- Đã lâu không được diện kiến đại sư, kể từ khi tiên đế Lý Phật Mã mới kế vị. Nhân chuyển tao ngộ, bản chức cùng nhà vua và đại sư về Tam Sơn thăm sư phụ, tưởng đã gần ba chục năm, chẳng hay đại sư còn nhớ?

- Nhớ! Đi với vua, với vị quan đầu triều, sao lại có thể quên, - Viên Chiêu mỉm cười đáp.

- Đại sư cứ hay cợt người. Ta không tin điều đại sư nói. Bởi trong con mắt Đạo của chư vị chân tu, thời cả cái thế giới này, các vị không coi trọng hơn một hạt bụi. Vậy thời ngôi vua và một chức quan nhỏ như ta, chẳng may khiến các vị động tâm, nói gì tới sự lưu dư ảnh. Chẳng qua đại sư nhớ, là nhớ buổi cả ba

đệ tử¹ chúng ta cùng về thăm thầy Định Hương trưởng lão chùa Tam Sơn có đúng không nào? Quan khu mật sứ vừa gặng hỏi vừa đưa mắt nhìn thiền sư một cách tinh tế.

- Đúng thế! Đúng thế! - Sư đáp.

Vừa lúc mấy chú tiểu tăng bưng vào một mâm cỗ sơn đậy lông bàn. Mâm cơm đặt giữa sập. Viên Chiếu liền nói:

- Hoàng thái hậu cùng quý quan dùng cơm. Cơm nhà chùa đạm bạc.

- Ô không, hoàng thái hậu vội nói - anh em chúng tôi đã làm phiền đại sư, lại còn được nhà chùa bố thí. Mời đại sư cùng dùng bữa.

- Đa tạ, bản tăng chỉ dùng một bữa vào lúc chính Ngọ. Chư vị cứ tự nhiên, ta vừa ăn vừa nói chuyện cho vui.

Mấy chú tiểu tăng nhanh nhẹn xới cơm rồi khoanh tay đứng hầu.

Mở lời, sư nói:

- Tăng này xuất gia từ nhỏ, nên đoạn hết nghiệp trần, mong chư vị cảm thông, chứ thực về thứ bậc thế tục,

¹ Cả ba người Lý Phật Mã (Lý Thái tông), Viên Chiếu thiền sư và Mai Mạnh Minh tuổi thiếu niên đều là học trò của thiền sư Định Hương. Viên Chiếu học trước, chỉ có Mạnh Minh và Phật Mã học cùng, nhưng họ đều là đồng môn.

các vị với tằng là chỗ thân tộc, các vị là bậc bề trên.

- Mô phật, trước Tam bảo, chúng ta đều là con của Phật cả, sao còn phân tách tằng với tục làm gì. Hoàng thái hậu nói.

- Sự hội ngộ này ắt có duyên lành gì đây, - sư nói.

Mai Mạnh Minh nhìn thái hậu rồi nhìn sư, một lát, ông nói :

- Chẳng là hoàng thái hậu có điều bất an, đang muốn thỉnh giáo thiên sư.

- Phải chăng hoàng gia phiền muộn vì chưa sinh dặng hoàng nam?

Hoàng thái hậu gai người vì cho rằng Viên Chiêu là bậc chân nhân đại giác, nếu không sao người biết hết cả ruột gan ta. Bà nói:

- Đại sư là bậc tiên tri, bậc thánh tằng, nên không gì có thể che giấu được ngài. Quả thật ta rất phiền muộn, bởi hoàng nhi đã ngoài ba chục tuổi rồi mà vẫn chưa có người nối dõi. Thái tông trước lúc đi xa cũng băn khoăn lắm. Ngài thường dụ bảo mọi người phải năng lễ bái để tỏ lòng kính cẩn Tam bảo, kính cẩn Phật Đà.

Vậy bữa nay ta tới đây xin đại sư cho lời chỉ bảo.

- Lo lễ bái chẳng bằng lo việc phước thiện.

- Thì lễ Vu lan năm nào nhà vua chẳng cho lập đàn cúng tế, chẳng đại chẩn cho thiên hạ. Lại mới đây

làm chùa Sùng Khánh báo thiên, xuất kho hơn một vạn hai ngàn cân đồng để đúc đại hồng chung, tự tay nhà vua còn viết minh văn để khắc vào chuông, rồi xây tháp Báo Thiên mười hai tầng, cao tới mười mấy trượng. Các việc đó chẳng phải là việc phước thiện sao.

Nghe hoàng thái hậu nói, thiền sư Viên Chiếu mặt đượm buồn. Sư chấp tay niệm hồng danh đức Phật:

- Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Đoạn Viên Chiếu nhìn thẳng vào Kim thiên Mai thái hậu nói: - Thế gian nhầm lẫn cứ tưởng làm chùa, đúc tượng là được phúc, là chuộc được mọi lỗi lầm nhân thế.

Làm chùa, đúc tượng là hành đạo chứ đâu phải tu đạo. Tu đạo là phải nhiếp tâm, phải xả bỏ tất cả để có cái tâm vô lậu. Khi tâm đã nhiếp phục được rồi là đạt tới cõi giác.

Lại nhìn hoàng thái hậu và quan Khu mật sử với cái nhìn nghiêm lạnh, sư nói:

- Thế gian làm chùa, đúc tượng là việc của thế gian. Người ta phải góp gom công sức, tiền bạc suốt một đời chưa chắc đủ dựng một mái tam quan. Việc xây chùa phải là việc mọi người chung lo. Đằng này nhà vua chẳng cần một sự nỗ lực xác thân nào, nếu muốn,

ngài chỉ phẩy tay ra lệnh là có ngay cả chục ngôi chùa, trong khi nhiều người dân còn đói cơm, đói thuốc, lại đói cả chữ. Chùa to, chuông lớn xa mười dặm quanh vùng nghe còn chói cả tai. Như thế là tội chứ sao lại gọi là phúc được. Vì rằng lấy của thiên hạ quy công cho một người. Nhẽ ra nhà vua ở thế nhân chủ phải lấy việc lo cho thiên hạ làm việc lo của riêng mình. Thiên hạ còn bất công thời vua chẳng ở yên mà phải lo sửa sang pháp luật, tu chính pháp độ. Hình án không nghiêm, quan xử kiện vì ăn của đút mà bênh che kẻ có tội, đẩy người lương thiện vào nơi ngục tối, chịu án chung thân thời nhà vua phải xét xem Án ngục lại¹, phải hạch tội Đò hộ phủ sĩ sư² chứ không phải bỏ qua các việc đó mà đi xây chùa, mà ngôi trì tụng.

Chùa chẳng qua là nơi cho sa môn đoàn tu tập, là nơi trì tụng, thiền quán, là nơi giảng giải kinh sách, là nơi thuyết pháp. Còn tượng trong chùa, chẳng qua là biểu thị hình ảnh Phật, những linh ảnh ấy cốt để răn kẻ tu hành như là có Phật thị hiện, Phật giám sát các hành vi của tu sĩ, của sa môn đoàn. Ý nghĩa của chùa

1 *Án ngục lại*: cơ quan xử án.

2 *Đò hộ phủ sĩ sư*: là cơ quan chuyên xét xử lại các nghi án. Tức là đã qua các tòa án xét xử, nhưng vẫn có điều ngờ vực chưa thỏa đáng. nên thu thập thêm chứng cứ và xét xử lại. Đây là cách tôn trọng quyền con người đã hình thành từ đời nhà Lý (thế kỷ 11). Tựa như ngày nay Tòa án Tối cao xử giám đốc thẩm.

và tượng chỉ có vậy thôi, chớ chùa đâu phải là nơi Phật ở. Không một ngôi chùa nào dù sang quý đến đâu lại có thể nhất được chư Phật trong đó. Xưa kia đức Thế Tôn thành đạo dưới cội bồ đề chớ có phải tại một ngôi chùa nào đâu.

Ta nói điều sau đây mong thái hậu và quan Khu mật sứ hiểu cho. Ta là kẻ xuất gia tu hành, sao ta chẳng mong có nhiều chùa lớn cho tu sĩ hành trì. Nhưng chùa phải tự dân chúng gom công góp sức, đó phải là công quả thực sự của mọi người. Chùa không nhất thiết cứ phải gõ gạch ngụy nga vàng son chói mắt. Xây những ngôi chùa như thế cho đám tu sĩ mập ú ngồi trong râm mát đọc kinh suốt cả ngày, còn xung quanh là những người dân lam lũ, cơm không đủ no bụng, áo chẳng che kín mình, nổi đời dốt nát một chữ bẻ đôi không biết, thì ngôi chùa đó chính là hiện thân của tội ác.

Lại cũng không thiếu những kẻ làm quan suốt đời chỉ để tâm vào việc hà lạm của công, hút rỗng túi xương người nghèo, tới lúc chợt tỉnh thấy mình đầy rẫy tội ác, vội vã xén bớt một phần của cải để xây chùa tạ tượng tự trấn an mình. Họ tưởng như thế là trồng cây đức, là chuộc lại lỗi lầm. Thật ra sự sám hối muộn màng và giá đối ấy, tội càng nặng thêm.

Gần đây có viên quan lớn, chức ngang đại an phủ sứ, hàm thái phó, thường được tiếng quan liêm. Năm

dầu y được về trị nhậm kinh sư, các nhà buôn cùng những kẻ xu nịnh, cầu cạnh muốn kiếm chỗ làm ăn, nhân tết đến đua nhau đem quà quý, tiền bạc đến biếu tặng. Kẻ thì tặng kiệu anh vũ, vẽ chim loan phượng, kẻ thì biếu cả một cỗ xe song mã, kẻ lựa là gấm vóc, kẻ biếu bạc biếu vàng, thôi thì chẳng thiếu một thứ gì. Y cho lập danh sách các đồ biếu đóng thành một tập thật dày nhưng không ghi rõ chủ nhân các món đồ. Tổng cộng được hai mươi một xe thuần của ngon vật lạ như vây, bóng, hải sâm, tôm hùm, cá chim, yến sào, sừng tê, da hổ, nhung hươu, gà trống thiếu, chim sâm cầm... thôi thì các sản vật trên rừng dưới biển không thiếu một vật sang quý nào. Lại thêm mã não, đồi mồi, ngọc trai, bạc, vàng cơ man nào là của nả. Những loại đồ cực quý này chất đầy hai xe. Cộng là hai mươi ba xe, y đem nộp hết cho triều đình, chứng tỏ mình là người trong sạch, liêm khiết. Trước bá quan, vua khen y là một kẻ *dầm lược, liêm khiết, tận trung*. Coi đó là tấm gương sáng cho các quan noi theo.

Ra giêng hai, y cho người đi rì tai các nhà buôn lớn: - Đại quan làm cái việc đem nộp lại triều đình các đồ biếu tặng để chứng tỏ ông là người kiên cường trong việc ngăn lấp hối lộ tận gốc. Có phải vì điều đó mà các ông sợ không dám bán buôn nữa, không dám giao thương với bên ngoài nữa. Các ông nhầm rồi, cụ lớn tôi làm vậy là để che tai bịt mắt bọn ghen ăn tức ở trong

bộ máy công quyền. Và lại hoàng thượng đã tin cần, đã tuyên dương tới sáu chữ vàng: ĐỖM LƯỢC, LIÊM KHIẾT, TẬN TRUNG.

Hoàng thượng nói như vậy giữa triều đình, thử hỏi còn kẻ nào dám cả gan dụng tới cụ lớn tới. Còn điều này các ông sao biết được, tướng công tôi không hề hé lộ danh tính một nhà buôn nào đã biếu xén, tức là hối lộ chủ tôi trong dịp tết vừa qua. Và lại nhà vua sau khi đã cho nhập quốc khố hai xe bạc vàng cùng các đồ cực quý, với hai mươi một xe sản vật quý hiếm thời lòng trung của chủ tôi có xe nào mà chớ hết. Vì vậy từ nay, chủ tôi sẽ che chở cho các ngài mặc sức bán buôn, mặc sức biến dẹt thành tròn, biến méo thành vuông. Tuy nhiên, các vị phải biết điều. Thế là từ đây, viên đại quan nọ mặc sức muốn làm gì thì làm. Kể cả việc sau này tự y cho dựng một bức tượng Phật bằng đồng lớn tới mức khi đưa tượng vào chùa, thì đầu tượng còn cao hơn cả nóc chùa hơn hai sải tay. Thế là phải rở mái ra để làm theo kiểu chồng diêm mới che được đầu tượng. Khách vào lễ chùa, dù có ngược lên cũng chỉ nhìn thấy từ rốn tượng trở xuống. Chuyện ấy đồn thổi khắp kinh thành, khắp nước. Sau đến tai vua. Nhà vua sai kiểm xét lại lai lịch và hành tung của vị đại quan này. Khi biết mọi tội lỗi xấu xa của y, vua sai chém bêu đầu ngoài cổng chợ ba ngày cho dân chúng kinh kỳ phi nhổ. Vụ này hoàng thái hậu có khi không để ý tới. Song tôi chắc quan Khu

mật sứ hẳn được hoàng thượng sai làm rõ hình tích viên quan tham và các mưu gian kế quỷ của nó.

- Dạ, đúng như thiên sư nói. Vụ này nhà vua giao cho Án ngục lại và Đô hộ phủ sĩ sư cùng làm, bên khu mật viện chúng tôi chỉ giám sát. Đúng là triều đình xử vụ này đã làm rung động cả kinh thành, rung động cả nước. Bọn quan lại tham nhũng chưa bị phát lộ còn ẩn náu trong bộ máy công quyền chắc đã chột dạ. Nhưng không dễ gì chúng đã chịu từ bỏ lòng tham. Trước mắt, chúng sẽ náu mình để chờ cơ hội. Tuy nhiên, trí óc người là có hạn, dù gian manh quỷ quyết như tên quan kia vừa giả vờ liêm khiết, vừa xây chùa dựng tượng, tượng như thế là chuộc được tội ác, là sám hối để được yên hưởng cả núi của mà trong cuộc đời làm quan y vợ vét được, và đã cố giấu vua lừa dân bằng tấm màn thưa liêm khiết. Thế nhưng dân chúng có cá triệu con mắt nhìn vào, lại được đạo trời giúp rập, thành thử dù vật nhỏ bằng cái kim cũng không che giấu nổi.

Thiên sư Viên Chiếu ngừng lời. Chiêu một hùm nước vối rồi ngược nhìn lên trần nhà, ánh nến lung linh làm những cái bóng của mấy vị khách như run rẩy trên vách tường. Đoạn sư nói, tiếng nói như tiếng vọng - Nhân- quả. Nhà Phật xem các việc trong thế gian đều không vượt ra ngoài thuyết nhân - quả. Nghĩa là ai gieo hạt gì thì được hái quả đó.

Kim thiên Mai thái hậu nghe những lời vị đại thiên sư huấn giáo, chợt bừng tỉnh. Trước đây bà lắm tướng tu đức là phải chăm đi lễ chùa, phải cúng dâng, phải bố thí.

Thấy lòng nhẹ nhõm như vừa được khai thị, thái hậu ngừng nhìn bắt gặp bức tranh “Chăn trâu”¹ vẽ hẳn vào vách tường. Trên đó có dòng chữ “VÔ SƯ TRÍ VI TÔN”. Thật lòng bà không hiểu, liền hỏi:

- Kính bạch đại thiên sư, tôi thường nghe mọi công việc, mọi nghiệp nghề đều phải học mới biết. Vì thế dân gian mới có câu: “Không thầy đố mày làm nên”, thế mà đại sư lại thờ mấy chữ “Vô sư trí vi tôn” là nghĩa thế nào?

- Đúng vậy! Đúng vậy! Hoàng thái hậu nói không sai một chút nào. Thế gian xưa nay muốn biết điều gì đều phải học cả. Phải có thầy rèn dạy, học đến nát cả óc, hồ dễ đã biết. Thế nhưng trong thế gian cũng có một số ít người tuy không học hành, song họ biết cả những điều không có trong sách, không một thầy nào có thể dạy được. Những người đó sở dĩ biết những điều mà dù người có học vấn cao cũng khó mà biết được, là do lương tri và lương năng trong họ mách bảo.

1 Sư tích này là một công án nói về tư tưởng chấp sắc, chấp không để cầu ngộ đạo. Sư thật không khởi tâm phân biệt, tâm bình thường ấy là hợp đạo.

Vậy lương tri là gì? Lương tri là tính tự nhiên trời cho, không nghĩ mà biết.

Còn lương năng là gì? Lương năng là tính tự nhiên trời cho, không học mà biết.

Tất cả những tri thức đó nhà Phật gọi là "Trí vô sư".

Quý lắm thay trí vô sư!

Cao thượng lắm thay trí vô sư!

Vô sư trí vi tôn!

Thiền sư ngưng lời đột ngột, ngài khép hai bờ mi, ngồi kiết già.

Mai thái hậu và quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh vội đứng dậy chấp tay vái đại sư rồi lặng lẽ xuống thuyền.

VII

Mãi chưa sinh được hoàng nam, nhà vua đã có phần suy nghĩ. Nhất là sau khi mẫu hậu đến thăm Viên Chiếu thiên sư, ngài nhắc đến chuyện nhân quả. Nhân quả có thể tự tay mình gieo gì mình phải gặt hái thứ đó. Lại cũng có thứ nhân quả truyền từ ông bà tổ tiên mà con cháu được hưởng niềm phúc lạc hoặc phải gánh chịu hậu quả, tựa như dân gian thường nói: Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

Nào, thứ kiểm xét xem ta đã làm những điều gì nhân ái, điều gì thất đức. Những năm còn trẻ đi dẹp lũ người man nổi loạn ở các động, các sách, đôi khi ta phải giết kẻ đầu sỏ trong đám giặc cướp, vô cơ quần tam tụ ngũ rồi đi cướp của giết người. Hoặc giả chúng cường bức dân lành phải theo chúng đi giết cả quan quân, cướp cả châu quận, giết người cướp của tràn lan khiến lương dân không thể ở yên. Ta buộc lòng phải giết những kẻ đó, tức là ta giết một người để cứu lấy muôn

người. Chẳng lẽ ta làm việc đó không phải việc thiện sao mà bảo ta gieo gió thời ta phải gặt bão. Nhìn nhận như thế là không công bằng, là lẫn lộn chính tà, là bất phân thiện ác. Nhưng than ôi, có thể, phải có thể lắm, trong khi ta giết kẻ ác có lẫn cả người thiện thì sao? Ví như những người bị chúng cưỡng bức phải theo, cưỡng bức phải làm các việc trái với lương tâm họ, chẳng hạn đốt nhà dân, cướp của dân, đôi khi cũng buộc phải giết dân nữa. Thế nhưng khi ta giết những kẻ nổi loạn, ta đã không phân biệt được kẻ cầm đầu với người bị cưỡng bức phải theo chúng.

Từ khi ta lên ngôi cửu ngũ, nối dòng đại thống, ta đã làm biết bao điều thiện đức. Nào tha tô thuế, nào soát tù, nào cấp dưỡng cho những người già cả cô đơn, nào xây chùa, đúc tượng, nào cấp độ điệp cho cả ngàn người xuất gia... Đúng là ta đã hết lòng cúng dường Tam bảo. Nhà vua cứ triền miên với các việc đã làm và tự vấn lương tâm xem có điều gì bất thiện. Kiểm xét về bản thân thấy không mắc vướng vào điều gì phải ân hận, nhà vua lại nghĩ về công việc của vua cha. Về phụ hoàng, quả nhiên ta có quyền kiêu hãnh về sự nghiệp của người. Về đức thiện và lòng nhân của người cũng khỏi cần bàn. Ngay từ khi phụ vương còn thơ ấu, các bậc túc thiện, các bậc đại lão hòa thượng đều khen người có tướng quý, có Phật tánh nên đã đặt cho người cái tên Phật Mã.

Đúng như vậy, suốt cuộc đời của phụ hoàng, người chỉ làm có hai việc lớn. Việc thứ nhất là lo cho dân nước được yên thịnh, ấm no. Việc thứ hai là lo cho nền đạo thống nước nhà ngày càng tinh tấn, dân nước mọi người, mọi nhà đều được đước tuệ của nhà Phật rọi soi tới. Nhưng có một điều mà sau này mỗi khi nhắc lại, phụ hoàng vẫn còn cảm thấy nao nao lòng dạ. Ấy là cuộc chinh phạt Champa năm Giáp Thân (1044) với trận đánh trên bờ nam sông Ngũ Bô; người Chiêm chết như ngã rạ. Quân ta chém tới hàng vạn thủ cấp, đầu người Chiêm chất cao như núi; thân người chết la liệt trên mặt đất; máu chảy lênh láng thành sông; tình thế bi thương tới mức phụ hoàng phải hạ lệnh rằng: «Kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết không tha». Phải chăng gốc gác nhân quả là ở đây? Trận thắng đáng buồn ấy quân ta còn giết vua nước họ là Sạ Đẩu, rồi thẳng tiến vào phá thành Phật Thệ, cướp bạc vàng, bắt mỹ nữ trong đó có bà My Ê là vợ vua Sạ Đẩu! Khi về tới phủ Lý Nhân, bà My Ê thấy tủi hờn bèn nhảy xuống sông tự vẫn. Dân trong vùng vớt xác bà lên mai táng, lập miếu phụng thờ.

Muốn nói thế nào thì nói chứ chuyện sát phu hiếp phụ là điều không gì có thể biện minh được. Có lẽ ta đang phải nhận cái quả mà phụ hoàng đã gieo nhân gieo hạt từ bờ sông Ngũ Bô, từ thành Phật Thệ...

Dường như trong đáy sâu tâm tưởng, Thánh tông

đang mắc vướng vào cái vòng nhân quả, nên nhà vua muốn cởi bỏ, muốn hóa giải bằng các hành vi nhân ái nhơn tiền.

Bữa nọ, sau lễ Thường tân¹ trời rét căm căm như xèo da cắt thịt. Mặc dù ngay từ đầu năm, quan Tư thiên giám đã có biểu dâng hoàng thượng nói về thì tiết năm nay mùa hè nắng nóng, mùa đông rét giá chưa từng có trong suốt một Hối² qua. Các điều mà Tư thiên giám tâu báo, quả đúng như những gì đã xảy ra trong mùa hè ngột ngạt vừa qua. Và từ chớm vào đông tới nay cũng đúng như tâu Tư thiên giám đã trình tấu. Do biết trước, nên triều đình đã kịp hạ chiếu cho các lộ, các trấn, các phủ huyện phải lo việc canh nông như việc cấy, việc gặt thế nào để tránh những ngày tháng có thì tiết khắc nghiệt, nhằm giảm thiệt hại cho mùa vụ, tránh cho dân được nạn đói vào kỳ giáp hạt. Ngoài ra còn phải lo tránh nóng, tránh rét giá cho người già, trẻ nhỏ. Vậy là vụ nóng vừa qua, số người già và trẻ nhỏ chết nóng trong cả nước chỉ có hơn một trăm. Ta chưa từng được chứng kiến cái nóng nào ghê gớm như vậy trong cuộc đời. Những trà lúa đang xanh mơn mớn, ruộng nào ruộng ấy ẩm ấp nước tràn bờ, chỉ sau năm bảy ngày nắng, nước đã bốc hơi cạn gần hết. Cua cá chết trắng cả mặt ruộng.

1 Lễ Thường tân là lễ cúng cơm mới vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

2 Hối: là một lục thập hoa giáp, đúng 60 năm.

Những vũng nước trâu đầm chỉ tới giờ mùi đã nóng bỏng, nếu ném các loại trứng gà trứng vịt chỉ nhai tàn miếng trâu là trứng chín. Cả đồng lúa đang xanh tốt là vậy bông rực đỏ như lửa rồi khô trắng như rơm.

Bờ tre, bụi dứa đều vàng rực; cây ăn quả trong vườn như cam, quýt, bưởi, hồng... quả còn non nhưng đều chín ép rồi trút rụng. Ôi, cái mùa nóng vừa qua, ta có cảm giác như mùa địa ngục. May thay nó chỉ ghé đậu trên nước ta chưa đến nửa tuần trăng. Lại mùa đông này nữa, mới đầu mùa đã rét giá căm căm. Sương muối dày đặc, giáp mặt khó nhìn thấy nhau. Sương đọng tới đâu cây lá úa vàng tới đó. Gần trưa mà sương vẫn rơi lộp độp, hạt nặng như hạt mưa rào. Ra đường, không dám đi ngựa, đi xe. Hồ Dâm Đàm và các vùng rừng rậm xung quanh ngay giữa trưa nắng cũng chẳng nhìn thấy mặt nước. Tất cả chỉ là một biển sương mênh mông. Từng đàn chim bay trên trời va vào nhau, rụng xuống mặt đất cá đồng còn đang nằm choáng, con nào con ấy mắt dờ dại như bị say.

Trong cảnh trời buốt giá như vậy, nhà vua lại nghe tâu báo mấy bữa nay án ngục lại đang xử một số vụ bên diện Thiên Khánh vẫn chưa xong. Nhà vua đang ngồi trước án đọc hàng xấp sớ, tấu từ các lộ gửi về, đọc những bản tấu, cáo của Phủ Thái sử, của các đô, đài, sảnh, viện... tâu báo về mọi mặt trong nước.

Một cơn gió lách qua khe cửa đem theo khí lạnh vào nội điện, vua khẽ rùng mình. Ngài xốc lại tấm áo hồ cừu khoác ngoài mà vẫn không đủ ấm. Nhìn lại, thấy mình đang ngồi trên tấm nệm gấm, mặc tới mấy lần áo đơn, áo kép vẫn cứ ớn ớn thịt da. Vua sai nội thị gây lò sưởi.

Một lát sau ba bốn lò than hồng đặt rải rác trong điện, không khí sức ấm hẳn lên. Giữa lúc công chúa Động Thiên và lữ a hoàn đi dạo trong hành lang đại điện, công chúa ghé nhìn qua khe cửa thấy vua cha đang ngồi trước một án thư xếp đầy giấy má, hơi nóng từ trong ngôi điện phả ra, lại thấy mấy lò than đang cháy đỏ, nàng đẩy cửa bước vào. Khẽ đi lên phía sau vua cha, công chúa ôm chầm lấy nhà vua nũng nịu:

- Con bắt đên phụ vương đấy. Phụ vương có bao nhiêu lò sưởi ấm thế này mà để con lạnh ơ là lạnh.

Nhà vua ngoái tay lại phía sau quờ lấy công chúa:
- Nào con ngồi đây với cha. Công chúa ghé ngồi vào ký cạnh cha. Lúc này nhà vua mới nhìn kỹ, thấy mặt con tái xám, môi rét thâm lại. Nhưng đâu có phải con ta thiếu đồ mặc ấm. Nào mũ lông cừu, áo lông chồn, chân đi hài gấm. Vua sai nội thị bê chiếc lò sưởi lại gần chỗ công chúa, lại sai lấy nước sâm, gừng ủ ấm cho uống. Lát sau bớt lạnh, vua nhìn công chúa với vẻ thương xót hỏi:

- Vậy chớ con ta đi đâu mà bị lạnh thế này?

- Phụ vương chẳng thấy ngày nào cũng vào giờ này, ông sư phó cho nghỉ học một khắc, con thường đi dạo với lũ a hoàn sao.

- Nhưng trời lạnh thế này con đi làm gì. Ra ngoài con bị cảm lạnh đấy. Con ốm lại khổ mẫu hậu, khổ ta thôi.

Công chúa Động Thiên vùng vằng làm nũng. Thật ra thì công chúa cũng còn nhỏ tuổi. Nom người lớn vậy nhưng vẫn như đứa con nít, chưa biết gì. Nàng nói: - Phụ vương chẳng thường dạy chị em con phải đi vào nơi thôn cùng xóm vắng, xem người nông phu họ ăn ở như thế nào, phải biết đói, biết rét mới thấu hiểu được nỗi khổ của người nghèo. Thế mà con mới chỉ đi dạo ngoài hành lang thôi, phụ vương đã sợ con ốm. Vậy chớ nay mai phụ vương có cho chị em con đi vào thôn ấp viếng thăm người nghèo không?

- Có! Ta sẽ cho các con đi, nhưng phải vào những ngày trời ấm áp, ngày đẹp trời kia.

Nhà vua nhìn con gái nhỏ hươ hai bàn tay xinh mũm mĩm trên lò sưởi, mặt tươi dần lại cùng hơi ấm, ngài chạnh nghĩ, ta và các con ta ở trong cung cấm ăn uống đầy đủ không thiếu một thức gì. Mặc thì ngoài gấm vóc ra còn có cả áo lông cừu, lông chồn, lông cáo, lại còn hài lót gấm, lót lông chồn, rồi lò sưởi ngự thế

mà còn rét như thế này. Thử hỏi những người tù giam trong ngục tối, khổ sở về gông cùm, lại chưa biết rõ ngay gian, mà cơm ăn không được no bụng, áo chẳng đủ che kín mình, gió rét căm căm vẫn phải phơi mặt ra làm quần quật các việc khổ sai, nhưng vẫn không tránh khỏi đòn roi của bọn cai ngục phũ phàng, lại cũng có kẻ chết không đáng tội, nghĩ mà xót thương cho thân phận những con người bất hạnh.

Lòng trĩu nặng, vua sai nội thị đi khẩu dụ cho hai vị viên ngoại lang Đô hộ sĩ sư là Nguyễn Trọng Hòa và Đặng Thế Tư giữa giờ mao ngày mai phải có mặt tại điện Thiên Khánh để cùng nhà vua xem án ngục lại xử kiện.

Công chúa Động Thiên nghe vua cha nói “xem xử kiện”, tính tò mò con trẻ nổi lên bèn vịn cánh tay vua cha nũng nịu:

- Phụ vương cho con đi xử kiện mấy.

Nhà vua nhìn con âu yếm, vẻ ngần ngừ giây lát, ngài ôm lấy công chúa nói giọng triu mến:

- Được! Được! Ngày mai cha sẽ cho con biết cảnh xử kiện, để con biết thêm về thân phận những người tù. Con phải biết phân biệt sự thiện ác ở đời. Phải biết yêu điều thiện, ghét điều ác, phải biết giúp đỡ và cảm thương thân phận những người nghèo khổ, đói rét, những trẻ mồ côi, những người già cả cô đơn không nơi nương tựa. Chỉ khi nào biết sống khoan dung, biết

chia sẻ điều bất hạnh với người khác khi đó con mới trở thành người thiện. Nhà vua nói như tự nói với mình. Công chúa dễ tâm lắng nghe các điều vua cha răn dạy, kỳ thực nàng vẫn không hiểu phụ vương nói gì. Nàng nũng nịu:

- Kìa phụ vương. Phụ vương nói cái gì lạ thế, “cô đơn”, “đức hạnh” với “khoan dung”... Nó là những vật gì đấy ạ, nó có đẹp không? Sao phụ vương không cho con chơi.

Nghe con nói, nhà vua chợt buồn. Con ta đã mười tuổi mà trí vẫn chưa khai, tâm chưa nở. Vậy chớ các ông sư phò, các bà nhũ mẫu đã chăm sóc, đã dạy dỗ con ta như thế nào.

Đêm ấy trước khi đi ngủ, công chúa Động Thiên dặn đi dặn lại nhũ mẫu:

- Sớm mai, nhũ mẫu nhớ đánh thức tôi dậy sớm để còn sang điện Long An theo vua cha đi xử kiện. Nhũ mẫu nhớ nhé!

Nghe giọng nói ngây thơ của công chúa, nhũ mẫu suýt bật cười. Bà hỏi lại với hàm ý trêu cợt:

- Công chúa xử kiện á?

- Đã báo phụ vương xử kiện, tôi chỉ đi xem thôi. Phụ vương cho theo đi mà. Nếu nhũ mẫu để lỡ tôi không đi được thì nhũ mẫu cùng các a hoàn phải chịu tội đấy.

Nghe ra, biết công chúa nói thật, nhũ mẫu bèn dịu dàng:

- Vậy thời công chúa phải đi ngủ ngay đi, sớm mai mới dậy kịp.

Ấn ngục lại thiết lập nơi xét xử trong đại sảnh của điện Thiên Khánh. Năm vị phán quan ngồi trên một bục cao ngăn cách với các bị cáo ở phía dưới. Các bị cáo đều mặc đồ tù cộc lốt. Áo ngắn che chưa kín bụng, tay áo chưa phủ tới khuỷu, phía dưới là một manh quần ngắn tới đầu gối. Vải thô, màu xám bần như màu đất pha bùn. Mỗi người đều mang trên cổ một cái gông bằng gỗ hình vuông to bằng chiếc mâm cơm, hai cổ tay xỏ vào hai lỗ của bàn cồng. Gông là hai mảnh gỗ có khoét ba lỗ tròn, lỗ to ốp vào cổ phạm nhân, hai lỗ nhỏ dành cho hai cổ tay, hai mảnh gỗ được ghép khít với nhau bằng mộng và then, ngoài ra còn có khóa. Chìa khóa do người coi tù giữ.

Những người tù đầu tóc bù rối, mặt mũi nhem nhuốc, thân hình gầy guộc. Người họ nom teo tóp như một con cóc chết phơi khô. Những con mắt họ đều vô hồn như đã bị luộc chín, gương mặt họ đều vô cảm như mặt con rối đắp bằng sáp. Họ rét tái tím, người co ro muốn ngồi xích lại gần nhau để lấy hơi ấm nhưng không thể được, bởi trên cổ mỗi người đều phải mang một cái gông lớn cồng kềnh.

Phía sau những người tù, đối diện với bức cao của các phán quan là hai dãy ghế kê cao quay thành hình trăng khuyết. Đây là chỗ dành cho các quan của các đài, sảnh, viện... tới dự.

Thấp hơn nữa là một dãy ghế dành cho các nhân chứng và người bị hại tức nguyên đơn.

Cửa ra vào và hành lang đại diện có quân tùy long và quân túc vệ canh gác, tuần tra.

Vua Thánh tông cùng công chúa Động Thiên leo cầu thang phía sau lên thẳng lầu cao của đại sảnh. Tại đó có bức màn thưa buông rủ, nhưng vẫn nhìn rõ từng người từng vật ở tầng dưới. Hai vị viên ngoại lang ở Đô hộ phủ sĩ sư là Ngụy Trọng Hòa, Đặng Thế Tư ngồi hai bên tả hữu nhà vua.

Một lát sau, Thái sư Lý Đạo Thành cũng lập cập vào bái yết Thánh tông. Nhà vua miễn lễ và cho ngồi bên cạnh để tiện vua hỏi công việc hoặc thái sư cần tâu báo điều gì.

Quan Thẩm hình viện người mảnh mai râu đen, dài chấm ngực, mắt sáng, lưỡng quyền cao. Ông đội mũ phước đầu viền đen, hai cánh chuồn cũng viền đen. Vành mũ phía giữa trán thêu hình lưới búa tầm sét vàng chói. Chiếc búa của thiên lôi vừa tượng trưng cho uy quyền vừa tượng trưng cho công lý. Ông vừa chỉnh lại chiếc mũ đội đầu cho ngay ngắn thì viên tùy phái vội cầm

lấy chiếc vỏ gỗ nhỏ bằng đầu ngón chân cái nâng lên và trình trọng đặt vào tay quan thẩm hình viện.

Pháp quan đỡ lấy chiếc vỏ tượng trưng cho quyền uy của pháp đình, ngài nhẹ vén tay áo thụng, rồi thông thả gõ ba lần vào chiếc chuông nhỏ treo trên giá đặt trước chỗ ngồi.

Tiếng chuông trong trẻo cứ ngân, ngân mãi tựa như một sợi tơ trời mảnh nhẹ cứ vuốt dài, dài mãi và như nó đã được treo néo lơ lửng ở thình không. Cái thanh âm u uẩn kia cứ lần quất tựa như bị giá lạnh đóng băng trong vành tai, trong óc não mọi người gây cảm giác ghê lạnh.

Đám tội đồ đang bị gông cổ kia hết thấy đều rùng mình, họ không hề biết đó là tiếng chuông lệnh của quan Thẩm hình viện mà đều run sợ và đồ rằng đó là tiếng ma quái vọng về từ cõi âm. Họ đang nghĩ về cái chết. Bởi trong bọn họ, không còn một ai dám đặt niềm tin vào công lý.

Lại gõ một tiếng chuông nữa, quan Thẩm hình viện nói đồng đạc :

- Nguyên đơn Đặng Thế Thường đứng lên!

Một người đàn ông tầm thước, râu quai nón, tóc chớm hoa râm, tuổi trạc ngoài bốn mươi, gương mặt không có vẻ gì thông tuệ nhưng cũng không hẳn là kẻ ngu đần. Ông ta có cái cằm vuông, đôi tai to, dày,

miệng rộng, môi hơi dày. Cái hãm khuyết của người này là vắng trán thấp, cặp mắt thiếu sinh khí. Vì trời lạnh, ông ta mặc nhiều lớp áo, ngoài cùng là chiếc áo dài thụng bằng gấm lam, mặt gấm cải hoa cúc dây nom trang nhã. Đó là loại gấm nội được sản từ năm Canh Thìn (1040), Càn Phù Hữu Đạo năm thứ hai đời Thái tông, do đích thân nhà vua dạy cho các cung nữ dệt, sau được truyền ra ngoài thành nghề cho dân nước và lưu truyền tới tận ngày nay. Ông ta không đội mũ mà quấn khăn vành dây trùm lên cả búi tóc sau gáy. Khăn là một thứ lượt trơn màu lam sẫm. Ông ta đứng thẳng người ngược nhìn về phía quan Thẩm hình viện, chấp tay vái dài án quan hai vái.

Quan Thẩm hình viện lướt nhìn lại án văn rồi hỏi:

- Có phải trong đơn người trình rằng lúc nửa đêm, ngày hai mươi mốt tháng bảy vừa qua có một toán cướp đã bật hồng phá cổng trước, cổng sau của nhà người sắp tràn vào đe dọa đốt nhà, cướp của, giết người thì có quan quân đến cứu có đúng không?

- Dạ, bẩm pháp quan đúng như thế ạ.

- Trong nhà người có bao nhiêu gia nhân, bao nhiêu nông nô? Những người khỏe mạnh trong hàng tráng đinh có bao nhiêu?

- Bẩm pháp quan, gia đình tiểu nhân có hai trăm

bảy chục gia nhân, ba mươi hai nông nô. Số người trong độ tuổi từ tiểu hoàng nam¹, đại hoàng nam² đến thiếu lão³ được chín mươi lăm người.

- Ngoại trừ ba mươi hai nông nô, còn sáu mươi ba người kia hằng năm người có cho họ đi tập luyện theo quốc sách “ngụ binh ư nông” của triều đình không?

- Trình pháp quan, đúng như ngài nói, mọi người trong độ tuổi phải đi tập luyện quân binh, hằng năm đều có luân phiên đi luyện tập đúng hai tháng, tiểu nhân không dám không cho họ đi. Ngay trong khuôn khổ dinh cơ, tiểu nhân cũng lập cho họ thành một đô, tựa như một đô quân.

- Vậy đô quân đó chính là gia binh để canh giữ, để chống lại trộm cướp trong dinh cơ của người?

- Bẩm pháp quan, đúng như vậy.

- Lũ cướp vào nhà người có hai mươi bảy tên đều bị quân binh của đô tướng Lê Đức bắt giữ tất cả ngay từ khi chúng vừa đặt chân vào đất nhà người có đúng không?

- Dạ, đúng như vậy ạ.

Gấp tập án văn lại, pháp quan nhìn thẳng vào mắt của nguyên đơn Đặng Thế Thường, ông hỏi:

1.2.3 Thời nhà Lý quy định con trai đến 18 tuổi đăng vào sổ hộ gọi là tiểu hoàng nam. Tới 20 tuổi gọi là đại hoàng nam. Từ 45 tuổi gọi là thiếu lão

- Vừa rồi người khai, người có hai trăm bảy chục gia nhân cùng ba mươi hai nông nô có đúng không?

- Dạ đúng như vậy, tiểu nhân không dám nói sai.

- Người có bao nhiêu ruộng đất, trâu bò?

- Dạ, tiểu nhân được tổ phụ cho thừa kế một trăm chín mươi bảy mẫu, tiểu nhân làm ăn tần tiện thất bóp tậu thêm được bảy mươi ba mẫu nữa. Vị chi là hai trăm bảy mươi mẫu. Còn trâu bò thì nhiều lắm, tiểu nhân không thể nhớ hết được. Và lại bữa nay gia nhân có đếm thì dăm bữa nửa tháng nó lại đẻ thêm, nên không nhớ được ạ, xin đại quan tha tội.

- Cho người ngồi xuống! - Pháp quan nói và ông lại mở tập án văn lướt nhanh giây lát, đoạn ông cầm chiếc vỗ gõ một tiếng chuông, rồi đồng dục tuyên gọi:

- Đô tướng quân Lê Đức, nhân chứng trong vụ bắt cướp tại dinh nhà phú hộ Đặng Thế Thường, người tường trình lại việc người bắt được hai mươi bảy tên cướp ngồi đây.

Lê Đức lập tức đứng lên chấp tay vái dài pháp quan. Y mặc võ phục, áo chèn tay, cổ khít, mũ đầu mâu trùm gáy. Y có khổ người to cao quá cỡ cùng gương mặt dị dạng. Mặt y to bèn bẹt, thịt gồ lên thành múi đỏ gay, mắt háp ha háp háy vì y chỉ còn một mắt, mắt kia lép kẹp chỉ là một túm da nhăn nheo thâm mốc. Sau lưng y,

lính chỉ gọi lỡm là “ông độc long” hàm ý khinh bỉ.

Lê Đức nói, giọng y oang oang, nhưng các âm cứ tỏa ra nghe như tiếng quạ réo, thành thử người nghe không hiểu đầy đủ nội dung y tường trình.

Quan Thẩm hình viện do đã đọc án văn nên vừa nghe vừa đoán và hiểu được tới phân nửa các điều mà Lê Đức nói. Quan hình án hỏi giọng danh thếp:

- Người cùng quân binh bắt lũ cướp này vào lúc nào, ngày nào?

- Kính bẩm pháp quan, con bắt lũ cướp vào lúc nửa đêm ngày hai mươi mốt tháng bảy.

- Có gì làm bằng chứng?

- Dạ bẩm pháp quan, cả hai mươi bảy tên cướp cùng gia nhân nhà phú hộ Đặng Thế Thường đây là bằng chứng, là nhân chứng, vật chứng còn chưa đủ sao?

- Lê Đức có vẻ ngạc nhiên hết nhìn phán quan lại nhìn xoáy vào lũ cướp. Đám người đeo gông bắt gặp cái nhìn của viên đô tướng thấy đều sợ sệt lập tức cúi mặt xuống. Và những thân hình gầy guộc kia bắt đầu run lập cập, không hiểu họ vừa chợt nhận ra cái rét thấu xương hay họ sợ viên đô tướng. Tất cả những nét diễn tiến đó đều không qua được mắt vị pháp quan.

Lại nói, trên lầu vua Thánh tông, Thái sư Lý Đạo Thành cùng hai vị trong Đô hộ phủ sĩ sư đều nghe thấu từng lời, nhìn rõ từng gương mặt của pháp quan, cửa tù

nhân, của người bị hại, của nhân chứng.

Nhà vua rất bằng lòng về tầm nghĩ hiểu, về cung cách xét xử minh bạch của viên Thẩm hình viện. Vua nói nhỏ với mấy người bề tôi:

- Ta nghi viên đô tướng Lê Đức có hành vi gì đó bất minh trong vụ án này. Ta cảm như thẩm hình viện đã ngửi thấy mùi mờ ám nên ông ta đang dò tìm. Ý các khanh thế nào?

Lý Đạo Thành khẽ tâu:

- Bệ hạ đúng là người có nhãn quan thấu thị. Thần cũng nhận thấy đầu mối của vụ án này nằm ở nơi tên độc long Lê Đức kia, còn lão phú hộ khù khờ thấy việc là tin. Tâu bệ hạ lão khù khờ một cách chân thực, bởi lão tâu báo cả những điều phạm pháp một cách hỗn nhiên, không che giấu. Ngay cả khi quan thẩm hình viện hỏi lại: “Có đúng là người nói hiện trong nhà người có ba mươi hai tên nông nô?”, không hề ngập ngừng, y đáp: “Dạ đúng như thế ạ”.

- Tâu bệ hạ, Ngụy Trọng Hòa nói: - Đúng như điều bệ hạ và Thái sư vừa dụ bảo. Vụ án này có nhiều điều ẩn khuất, nếu án ngục lại xử xong mà vẫn không làm rõ được ngọn ngành, chúng thần sẽ đưa về phủ Đô hộ sĩ xử lại.

- Được! Các khanh nói hợp ý ta lắm. Nhưng cứ để cho thẩm hình viện làm việc xong đi đã. Bên Đô hộ phủ

sĩ sư các khanh chỉ nên xử lại những vụ thấy còn ngờ vực. Cái chính là đúng người, đúng tội, không để oan khuất cho người dân lành hiền.

Tầng lầu nhiều cửa lại có cả một khoảng trống rất rộng để nhìn xuống đại sảnh tựa như nơi nhà vua vẫn ngồi xem các nhạc công, ca công và vũ nữ trình diễn ca- vũ- nhạc. Vì trống trải nên khí lạnh tràn vào khiến nhà vua và các bậc đại thần đều xuýt xoa, cho dù nội thị đã đem tới ba lò than đặt từ ba phía gần nơi vua và các quan ngự. Ấy là cái lạnh giá do trời làm nên chứ nhà vua và các quan đâu có thiếu đồ mặc ấm.

Công chúa Động Thiên bữa nay được nhũ mẫu cho mặc các đồ ấm nhất. Nào áo đơn, áo kép gấm, nào áo dài lông rái cá mua tận Hàng Châu, nào hài gấm lót lông thỏ bạch, nào mũ lông điểu. Áo quần nhiều lớp lại phồng xộp, nom công chúa to xù như một con nhím. Động Thiên ngồi cạnh vua cha, tò mò hỏi đủ thứ. Nhất là những người tù gầy guộc, đen nhẻm bị gông cổ ngồi co ro dưới kia. Với tính thơ ngây con trẻ, nàng hỏi:

- Phụ vương à, những người kia họ mang cái gì ở trên cổ vậy?

Nhà vua hơi lúng túng, nói thế nào để cho cô công chúa nhỏ hiểu đây.

- Kia, sao phụ vương không nói cho con biết họ mang vật gì ở trên cổ thế kia.

- Họ mang gông đó con. Phải đóng gông thế để họ không trốn chạy được.

- Thừa phụ vương, sao lại phải đóng gông họ thế?

- Họ là những người có tội, nên bị bắt phạt tù đó con.

- Vậy chớ họ có tội gì mà phải tù, phải đóng gông?

- Tội à, nhà vua ngăn ngữ: - Chưa rõ tội gì đâu con, quan thẩm hình viện còn đang tra xét, xong rồi mới khép tội được.

- Phụ vương, sao phụ vương nói luẩn quẩn vòng vo thế?

Nhà vua chau mày cúi xuống nhìn công chúa, giọng hơi nghiêm:

- Sao con dám nói như vậy với cha?

Công chúa Động Thiên phụng phịu tỏ ra không bằng lòng. Công chúa bậm môi, cúi mặt xuống nói:

- Tại phụ vương bảo những người đó có tội nên bị bắt phạt tù, phải đeo gông không họ bỏ trốn. Con hỏi họ mắc tội gì. Phụ vương lại bảo còn tra xét. Chẳng hóa ra phụ vương bắt người ta vào tù, phải đeo gông sợ người ta chạy trốn mà vẫn chưa biết người ta có tội gì. Sao lại thế phụ vương?

Câu hỏi hồn nhiên của cái tâm con đỏ khiến nhà

vua giật mình. Ngài tự vấn: - Như vậy có khác nào ta bắt giam giữ người vô tội, rồi cho án ngục lại tra xét xem họ có mắc phải tội gì không.

Công chúa đã rời bỏ chỗ ngồi cạnh nhà vua, nàng đang chạy quanh chiếc lò sưởi than ấm nóng, và huơ hai tay trên mặt lò để xua đi cái lạnh cứ đeo bám.

Nhà vua hết nhìn con lại nhìn mấy người tù đang khỏ sở dưới kia. Chao ôi, thịt da ai cũng là người, con ta nào áo lông áo kếp, nào lò sưởi mà vẫn còn thấy rét. Còn những người kia, cơm ăn không đủ no, áo mặc chẳng che kín mình, chỉ một manh mỏng dính. Tội tình thì ngay gian còn chưa rõ. Có khi vì dốt nát, không hiểu luật văn vô tình mà phạm phải. Có khi do lũ người xui nguyên giục bị mà gây ra. Có khi bị lừa gạt mà mắc vòng lao lý. Những người dân kia họ cũng ngậy thơ hồn hậu khác gì con ta. Lòng ta thương họ như thương con. Nhất định luật văn phải sửa, hình án phải chằm chước vì dân ta còn đại khờ lắm.

- Lê Đức! Nghe pháp quan hỏi đây. - Quan thăm hình viện nói xong liền gõ một tiếng chuông hiệu.

- Bẩm pháp quan con đang nghe. Trong giọng nói của Lê Đức có phần hơi rối.

- Dường từ đô doanh của người tới nhà phú hộ Đặng Thế Thường bao xa?

- Bẩm pháp quan từ đô doanh của con tới nhà ông

phú hộ đây đúng ba mươi lăm dặm ạ.

- Người nói ba mươi lăm dặm là thuận đường thiên lý, hoặc phân ra mấy loại. Ví như bao nhiêu dặm đường thiên lý đi được cả ngựa, cả xe, cả cáng, kiệu máy đòn khiêng, còn bao nhiêu dặm đường hương ấp, bao nhiêu dặm phải băng đường rừng?

Lê Đức cúi đầu nhấm tính một lát rồi đáp:

- Bẩm pháp quan, phân nửa số đường đó là đường thiên lý có thể đi ngựa, đi xe, đi cáng, đi kiệu được. Phân nửa đường còn lại là đường từ hương ấp nọ qua hương ấp kia, đường này chỉ có người đi bộ được, đi ngựa được, nhưng phải qua hai con đò, nhiều ngòi đầm chỉ có cầu tre, người qua lại không tránh nhau trên mặt cầu được. Dạ đi lại trên đường hương ấp không được thuận lợi.

- Số quân của người đi bắt cướp có bao nhiêu người?

- Bẩm pháp quan có ba chục tên quân ạ.

- Ai cầm đầu toán quân này?

- Bẩm, đích thân tiểu tướng cầm đầu.

- Vì sao người biết nhà phú hộ Đặng Thế Thường có cướp mà đến bắt đúng lúc lũ cướp vừa bắt hồng?

- Bẩm pháp quan, con được tin báo.

- Kể báo tin cho người hiện đang ở đâu? Sao không

đưa y tới đây làm chứng?

- Bẩm pháp quan, ké báo tin vì sợ bị trả thù nên không chịu khai danh tính.

- Y báo tin cho người vào lúc nào?

- Bẩm giờ Dậu ạ.

- Đầu giờ hay cuối giờ?

- Dạ bẩm cuối giờ Dậu ạ.

- Lúc ấy gà đã vào chuồng hết chưa?

- Dạ, gà đang lên chuồng ạ.

- Ngày nào tháng nào, người có nhớ không?

- Dạ bẩm, ngày hai mươi mốt tháng bảy ạ.

- Người và quân của người bắt lũ cướp kia vào lúc nào?

- Dạ bẩm pháp quan đúng lúc những tên cướp này bắt hồng tại cổng tiền, cổng hậu nhà ông phú hộ đây ạ.

- Người với nhà phú hộ Đặng Thế Thường từ trước khi vụ cướp xảy ra có quen biết gì nhau không?

- Bẩm pháp quan, ông phú hộ giàu có mức tiếng thiên hạ, vì thế mà con có biết, nhưng quả thực chưa phải là chỗ thân tình như bây giờ.

- Bây giờ thân tình như thế nào?

- Dạ, bây giờ chúng con là thông gia. Con trai của con kết hôn với ái nữ của phú gia đây ạ. Dạ, sắp tới chọn được ngày lành bên nhà con sẽ làm lễ vu quy. Dạ

chỉ từ nay tới cuối năm thôi ạ.

- Người còn gì để nói nữa không?
- Dạ, bẩm không ạ.
- Người ngồi xuống!

Quan thẩm hình viện lại mở án văn liếc nhìn một vài giấy, đoạn ngài cầm chiếc vỗ gõ ba tiếng chuông. Chờ cho âm thanh tan loãng rồi ngài thông thả nói:

- Những tội nhân kia, bây giờ đến lượt các người được nói. Các người phải cung khai đúng sự thật nếu những lời các người đã thú nhận ở tòa tiểu hình là đúng. Nếu những lời viên đô tướng Lê Đức kia khai về các người là đúng, thời tội các người nặng lắm. Nhược bằng các người cãi cung, phản cung lại dựa trên sự dối trá nữa, thời tội các người càng nặng thêm. Tức là ngoài tội kẻ cướp, tòa còn trị thêm tội gian dối trước pháp luật.

Quan Thẩm hình viện vừa dứt lời thì viên trung quan chạy ào vào. Vừa chạy vừa nói, giọng the thé khàn khàn như giọng vịt đực. Y vừa chạy lết bệt vừa vung vẩy đôi tay. Gương mặt y xám ngoét như mặt gà rù. Y lết bệt bước lên bục, nơi các phán quan đang xử kiện; miệng mở hết cỡ, y hét:

- Hoàng thượng có dụ! Có dụ!

Giọng vịt đực của mấy viên quan hoạn dù có hét cũng chẳng thành tiếng, và chỉ có những người hay ra

vào nội điện, hay lui tới hậu cung mới hiểu được tiếng nói của bọn họ.

Các phán quan đều đứng cả dậy nghe viên trung quan truyền chỉ.

Hắn vẫy tay cho các quan chụm đầu lại lắng nghe. Y cố nói nhỏ để khỏi tiết lộ điều cơ mật:

- Hoàng thượng khẩu dụ cho quan thẩm hình viện cùng chư vị rằng: “Trong khi xử kiện, phải tháo gông cổ cho các phạm nhân. Nếu phải đề phòng họ có hành vi kháng mệnh thì được phép xích tay họ lại. Hoàng thượng nhắc án ngục lại phải lập tức phát cho phạm nhân mỗi người một tấm áo, bằng không họ sẽ chết rét trước khi các vị xử xong án.

Mệnh vua vừa ban ra, quan Thẩm hình viện bèn cho thi hành cấp kỳ. Một lát sau các gông cổ phạm nhân đều được gỡ bỏ, mỗi người lại được phát thêm một tấm áo dài đến tận đầu gối, sau đó họ vẫn bị xích tay. Đám người này thật sự không hiểu điều gì vừa xảy ra. Họ ngơ ngác nhìn nhau và đều nhìn về nơi các phán quan. Họ đồ chừng đó là suối nguồn của ân sủng mà họ vừa được thụ hưởng.

Quan Thẩm hình viện lại gõ ba tiếng chuông. Thanh âm lan tỏa hiền hòa, chính bản thân quan án cũng thấy lòng thư thái. Không hiểu ông có biết trên đầu ông, đáng chí tôn dang cao ngự, đang dõi theo từng

lời nói, từng cử chỉ mà ông đang hành xử có đúng với pháp quyền nhân ái của nhà vua.

Thanh âm vừa dứt, quan thẩm hình viện liền nói:

- Những kẻ tội đồ khốn khó kia, các người có biết vì sao các người được cởi bỏ chiếc gông cổ nặng nề kia không? Các người có biết vì sao các người vừa được tấm áo ấm che thân mà các người đang mặc trên người đó không? Chính là hoàng thượng ban ân sủng cho các người đó. Hoàng thượng thương các người vì ngu khờ nên mắc vào tròng tội. Nhà vua thương dân như cha mẹ thương con vậy. Các người đã không làm được gì ích nước lợi nhà báo đáp ơn vua lại còn đang tâm tụ họp nhau đi cướp bóc làm xáo trộn đời sống yên bình, rối loạn kỷ cương, khiến người dân lương thiện lúc nào cũng nơm nớp lo âu.

Ngừng một lát, nhìn vào lũ can phạm với vẻ vừa ghét vừa thương, pháp quan lại phán:

- Lũ các người đây, đứa nào là đầu sỏ chủ mưu rủ rê nhau đi làm cướp? Đây là lần thứ mấy? Thành thực khai ra, các người sẽ được hưởng lương vua khoan thứ. Nhược bằng các người cố tình bưng bít giấu che, thời sẽ bị đòn roi tra khảo mà tội lại càng thêm chồng chất.

Đám phạm nhân mặt trơ gan đá, từ sớm chúng cứ cúi gằm không nhìn ngó, không trò chuyện, không kêu van, thế mà từ lúc được cởi bỏ gông cổ, được ban phát

áo ấm, lại được quan thẩm hình viên khai thị, nom sắc mặt chúng đã hiện lên phần sinh khí. Chúng đã thâm thì to nhỏ với nhau. Chúng nói với nhau điều gì ai mà biết được. Liệu có phải đây là dấu hiệu của lương tri chúng vừa bừng thức.

- Nào, ta đang nghe các người nói đây, quan Thẩm hình viện nhắc nhở.

Bỗng hai mươi bảy tên tội đồ cùng lúc đứng lên và chúng đồng thanh hô:

- Tạ ơn hoàng thượng ban áo!
- Tạ ơn hình quan khai thị!
- Kẻ đầu sỏ chính là đô tướng Lê Đức !
- Kẻ đầu sỏ chính là tên độc long họ Lê !

Họ đồng thanh nhắc đi nhắc lại: “Kẻ đầu sỏ chính là tên độc long họ Lê”.

Khi đám tù nhân ngồi xuống, đại sảnh im phắc, tưởng như cả tòa đại điện đang sứt xuống đáy âm ty. Như một tiếng sét đánh giữa trời đông, quan thẩm hình viện cùng các phán quan, các tùy phái không còn tin vào tai mình nữa.

Tuy vậy, vẫn có một người không tin vào tính trung thực của án văn do tòa tiểu hình đệ lên. Vì vậy ông đang truy tìm cho đến ngọn nguồn của sự thật. Người đó chính là quan thẩm hình viện.

Gõ mạnh một tiếng chuông cảnh tỉnh, quan thẩm hình viện nói, giọng ấm áp hiền hòa, hàm ẩn lượng bao dung.

- Một vài người nào đó trong bọn các người, ai biết rõ đầu đuôi việc xảy ra như thế nào, hãy đứng lên nói ra sự thật. Ta nhắc lại, là chỉ nói sự thật thôi. Và ta cũng chỉ cần biết sự thật. Trái lại, nếu vì uất ức, nếu vì muốn trả thù mà nói quá đi, nói sai sự thật thì không những không được giảm tội, mà còn bị nặng hơn. Vì như thế các người đã mắc vào tội gian dối, tội vu hãm người khác. Lại như biết rõ sự thật, nhưng vì đã nhận tiền nong của cái của kẻ gây án mà im lặng không nói, hoặc cố tình nói sai, nói loanh quanh hòng bưng bít sự thật, thời sẽ bị trừng trị theo tội bênh che, tội tòng phạm, tội bưng bít. Các người hãy nghĩ kỹ trước khi nói, rằng chỉ nói sự thật thôi. Bởi sự thật chính là chân lý đó.

Một người trong số các phạm nhân đứng lên xin nói. Nghe giọng nói có vẻ là người đàn ông, tự tin. Nhưng vì bị giam cầm mấy tháng nên đầu tóc bù rối, mặt mũi nhem nhuốc, trông mắt hốc hác râu xoăn mà đỏ quạch như râu ngô, nên khó đoán được tuổi tác. Người đó nói:

- Kính bẩm pháp quan, người giữ trọng trách của pháp đình tôn nghiêm. Con tên là Nguyễn Trọng Vinh hai mươi bảy tuổi chính quán làng Trang Hạ, hương Cổ

Lãm, phủ Thanh Lâm, lộ Hải Đông. Trong số hai mươi bảy người đây chỉ có một mình con cùng quê quán với ngài phú hộ Đặng Thế Thường, con biết rõ sự thật hơn cả, nên con thay mặt mọi người trình lên pháp quan những điều mà con được nghe, được nhìn thấy, đó là những sự thật mà pháp quan cần biết.

Kính thưa pháp quan, tất cả chúng con đây không có một ai là kẻ trộm hoặc kẻ cướp, chúng con đều là lính “ngụ binh ư nông” đang thời kỳ rèn tập lúc nông nhàn. Chúng con ngu khờ vì quá tin vào người nhà nước, kẻ đại diện cho triều đình nên bị ông đô tướng độc long Lê Đức kia lừa gạt. Ông ta vì tham của nên muốn hỏi con gái của nhà phú hộ Đặng Thế Thường cho con trai của mình. Nhưng nhà phú hộ một mực không gả. Ông ta chê nhà ông Lê Đức không môn đăng hộ đối. Gã con trai của đô tướng Lê Đức giống cha nên vừa xấu xí, vừa ăn chơi lêu lổng, lại chẳng chịu học hành, chẳng biết chữ nghĩa gì hết cả, nên con gái nhà tử tế không có ai màng.

Dò biết con là người cùng quê với nhà phú hộ, con lại đã từng làm lực điền cho ngài phú hộ mấy mùa cày nên biết hết đường đi lối lại, cổng ngõ trong dinh nhà ông ta.

Thế rồi một hôm ông đô tướng nói chúng con sắp có trận đánh tập công thành. Ông cho hai mươi bảy

người chúng con đi theo với một đô quân thường binh của ông gồm tám ngục người. Chúng con là lính “ngụ binh” được phân làm quân địch, quân thường binh của ông đóng làm quân ta. Cái thành giả tưởng của quân địch là dinh cơ nhà phú hộ Đặng Thế Thường. Chúng con đã hành binh suốt hai ngày ròng rã mới tới được ngôi chùa của thiền sư Tuệ Giác, gọi là chùa Diên Phúc cách làng con đúng năm ngôi làng. Nhà chùa cho đóng quân và nghỉ lại đó một đêm một ngày. Tối hôm sau vào khoảng giữa giờ tuất thì nhổ trại lên đường. Chừng cuối giờ Hợi ngày hai mươi mốt tháng bảy, chúng con đã tới sát tường thành dinh cơ nhà ông phú hộ làng Trang Hạ. Lũ lính “ngụ binh” chúng con được chia làm hai tốp, chiếm hai cổng trước, cổng sau dinh phú hộ. Khi có pháo hiệu nổi lên thì chúng con chỉ có việc reo hò và bật ống hồng, phải làm như sắp phá dinh cơ nhà phú hộ. Đó là lệnh của ông đô tướng Lê Đức. Chúng con phải làm đúng lệnh trên. Còn đô thường binh của đô tướng Lê Đức cũng chia làm hai cánh quân ập vào đánh bọn con (tức là quân địch). Đô tướng Lê Đức nói, khi quân giặc (tức đám lính ngụ binh chúng con) thấy quân triều đình tới thời không được chống cự mà phải giao nộp ngay khí giới dầu hàng. Phải chịu để quân triều đình trói giồng về. Trận đánh tới đó mới kết thúc, và quân triều đình toàn thắng.

Bẩm pháp quan tôn kính, mọi diễn biến của cuộc

tập trận đúng như kế của ông đô tướng. Chỉ có điều khác là sau khi đã bắt trói chúng con rồi, đô tướng bèn đòi ông phú hộ ra chứng kiến. Ông nói là ông và thuộc hạ phải vất vả lắm mới đánh bắt được lũ cướp (ông chỉ vào bọn chúng con đang bị trói một dây). Và rồi phú hộ Đặng Thế Thường mời đô tướng Lê Đức vào nhà. Họ bàn bạc xong lập biên bản với nhau thế nào chúng con không biết. Nê ra, sau trận tập công thành, chúng con hết hạn trưng tập, thay vì được về nhà, tất cả chúng con đều phải vào tù.

Người đàn ông vẻ mệt mỏi, chán nản, anh ta không nói tiếp mà đầu hơi gục xuống, đôi vai sụp lại, xuýt xoa vì rét. Đại sảnh im phắc. Một làn gió thổi qua phá khí lạnh vào đại điện, kéo theo một dải hơi sương như một dải mây trắng vút qua rồi bay lên lầu. Người ưa những điều huyền hoặc thì nói là rồng vào đại sảnh của điện Thiên Khánh, trong khi nhà vua đang ẩn ngự trên thượng lầu.

Một lát, người đàn ông kia lại nói:

- Kính bảm pháp quan thay mặt cho pháp đình tôn nghiêm. Xin người rộng lượng chỉ cho chúng con biết, dám lê dân chúng con ngoài việc nhất nhất phải tuân theo phép nước, tuân thủ sự chần dặt của các quan thời chúng con biết lấy gì để giữ gìn sinh mệnh và tài sản của mình đây? Buồn thay cho những kẻ khốn khó chúng con,

mọi tai họa đưa đến, nếu không từ những người giàu có thì cũng từ những người quyền thế ban cho.

Ông đô tướng đã biến chúng con từ người lương thiện, người lính “ngụ binh” thành những tên cướp. Để làm gì vậy? Kính thưa pháp quan, đó là món quà cũng tức là đồ sính lễ của nhà họ Lê dâng nhà họ Đặng. Bẩm pháp quan, vì nhẽ đó mà nhà phú hộ kia bằng lòng gả con gái mình cho con trai của đô tướng Lê độc long. Dạ, họ sắp làm lễ kết tóc, bởi hai lễ vấn danh, nạp thái đã làm ngay sau vụ họ bắt giữ chúng con tống ngục.

Bẩm ngài pháp quan tôn kính, con đã nói hết sự thật mà con biết, pháp quan cứ kiểm xét lại, nếu sai, nếu vu oan giá họa con xin chịu tội chém bêu đầu. Nói xong anh ta cúi đầu kính cẩn rồi từ từ ngồi xuống.

Mọi người nghe mà rơi nước mắt, mà cảm thương thân phận cho những người nghèo, dù họ là số đông nhưng họ thật sự cô đơn và lép vế.

Quan thẩm hình viện lại đánh lên ba tiếng chuông sắc lạnh, biểu hiện uy quyền của pháp đình.

Thanh âm vừa dứt, pháp quan liền hỏi:

- Lê Đức, những điều Nguyễn Trọng Vinh khai như vậy có đúng không?

Vẫn không thấy Lê Đức trả lời. Quan thẩm hình viện lại nhắc, vé gay gắt:

- Lê Đức, người khai khẩu di chứ.

Mọi người đều hướng nhìn về phía đô tướng Lê Đức. Bỗng có ai đó tri hô:

- Đô tướng quân chết rồi! Chết thật rồi !

Lê Đức gục đầu xuống chiếc án trước mặt, máu chảy lênh láng trên mặt án thư rồi tràn xuống nền đại sảnh đỏ lôm.

Quan Thâm hình viện đánh chín tiếng chuông cấp báo. Quân cấm vệ, quân hổ bôn kéo tới đông nghịt nghiêm trấn các cửa ra vào đại điện, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập.

Hai vị pháp quan cùng mấy người tùy phái xuống tận nơi khám xét tử thi. lát sau họ quay lên thưa với quan Thâm hình viện:

- Bẩm, như thế là đô tướng Lê Đức đã cắn lưỡi tự tử.

Quan Thâm hình viện tự mình xuống kiểm xét. Ngài sai đặt viên đô tướng Lê Đức nằm ngửa trên thềm điện. Lại sai lấy chiếc lông tơ của thiên nga đặt trước lỗ mũi Lê Đức.

Khi đã kiểm xét đầy đủ, quan Thâm hình viện sai lập biên bản minh xác về cái chết của đô tướng Lê Đức. Đoạn ngài tuyên án:

- Hai mươi bảy người lương thiện kia, các người đều vô tội. Các người lập tức được trở về quê hương. Mỗi người được cấp ba đấu gạo ăn đường cùng năm

quan tiền lộ phí.

Ta thay mặt triều đình xin tạ lỗi với các người. Nước yên bình mà người dân lương thiện bị đe dọa sinh mạng, ấy là lỗi ở bộ máy công quyền. Vậy chớ các người còn điều gì cần nói nữa không?

Lúc này họ đã được gỡ bỏ xích tay. Tất cả hai mươi bảy người đều phủ phục hướng về phía pháp quan lễ ba lễ. Rồi họ đồng thanh hô:

- Tạ ơn pháp quan!
- Tạ ơn pháp quan!

Quan Thẩm hình viện lại tiếp:

- Nhà phú hộ Đặng Thế Thường nghe đây. Người vì ở trong nhà nên không biết các việc bên ngoài cùng mưu mô gian hiểm của tên đô tướng Lê Đức. Vì vậy trong vụ này người không có tội.

Tuy nhiên, người vẫn mắc trọng tội. Nghe pháp quan hỏi đây:

- Có phải trong nhà người nuôi ba mươi hai nông nô?
- Dạ đúng như vậy.

Người có biết bộ Hình thư ban hành từ năm Nhâm Ngọ (1042) nghiêm cấm các nhà không được nuôi nô lệ. Chỉ các quan từ tam phẩm trở lên mới được phép nuôi ba nô lệ để hầu hạ.

Vậy ngay lập tức người phải thả họ ra, phải cấp cho mỗi người một mẫu ruộng. Ngoài ra người phải nộp năm mươi mẫu ruộng xung vào công điền cùng một ngàn nén bạc xung quốc khố, và phải chịu phạt roi năm mươi trượng. Thương vì người thành thật nên có thể cho chuộc bằng bạc, mỗi roi một nén bạc. Nếu người vì xốt của mà chịu đòn thời bớt đi năm mươi nén bạc.

Về mối lương duyên của con gái người với con trai nhà họ Lê, tùy người định đoạt, pháp luật không can dự. Vậy chớ người còn điều gì ám ức cần bày tỏ hay phản bác cứ tự ý nói lên. Nếu người không có điều gì để nói mà không chấp thuận bản án này, thì tòa cho người hai mươi ngày để kháng án. Đơn kháng án gửi về Đô hộ phủ sĩ sư. Ở đấy người ta sẽ xem xét nếu thấy có điều gì khuất lấp, người ta sẽ xét xử lại.

- Đa tạ quan Thăm hình viện, con xin được chấp thuận tất cả các điều quan án vừa tuyên phạt. Con cũng xin được nộp năm chục nén bạc thay cho năm chục trượng hình.

Quan Thăm hình viện lại gõ ba tiếng chuông, đoạn ngài nói:

- Với tên đô tướng Lê Đức thân làm tướng mà lạm dụng việc quân vào điều tàn bạo, làm mất thanh danh của những người công bộc. Thân làm tướng mà diên đảo lừa quân lừa dân như tuồng chó lợn, không

còn đủ nhân cách làm người. Chiếu theo luật hình năm Nhâm Ngọ, nếu y còn sống phải lãnh án chém ngang thân, phơi xác bảy ngày làm gương cho những kẻ đối vua lừa dân.

Lê Đức hèn nhất cần lười tự tử, song y vẫn phải lãnh án. Trước hết các chức tước, bổng lộc của y từ nay bị tước bỏ. Các con của Lê Đức không được tập chức của cha nó. Lê Đức vẫn phải treo cổ ba ngày trước cổng chợ Cầu Đông để làm gương cho những kẻ tham bán, bất lương.

Vụ án khép lại nhưng ai cũng phải tâm phục khẩu phục cách xét xử của quan thẩm hình viện vừa công bằng, vừa nhân ái khoan dung lại vừa nghiêm minh chính trực. Và rồi ai cũng tự hỏi: Không biết nước mình có được bao nhiêu vị quan tòa, bao nhiêu phiên tòa xét xử công minh như thế.

VIII

Vụ án do quan Thẩm hình viện Lưu Phương Danh xét xử làm rung động khắp triều đình, khắp kinh thành.

May thay sự việc lại diễn ra trước nhà vua, trước cả thái sư Lý Đạo Thành và hai vị Ngụy Trọng Hòa, Đặng Thế Tư ở Đô hộ phủ sĩ sư, thành thử có kẻ nào ghen ăn tức ở với quan Thẩm hình viện cũng không dám đặt điều thù dật.

Cũng qua vụ án này, nhà vua thấy trong bộ máy của ngài còn nhiều điều bất như ý. Người dân khổ quá. Tiếng kêu của họ không thấu tới cửu trùng. Mặc dù từ đời Thái tổ, Thái tông các bậc tiên đế đều có đặt lầu chuông, lầu trống tại thềm Long Trì để dân trong nước ai có oan ức thời tới đó mà đánh trống, đánh chuông kêu oan. Thế nhưng ta chưa thấy có vụ nào người dân dám tự mình vào tới Long Trì thúc trống, thúc chuông kêu cứu. Phải chăng vì họ sợ. Phải chăng vì họ không

còn tin vào những lời tuyên hứa của triều đình nữa? Nhà vua còn nhớ như in trong óc não lời khẩn cầu như xé của một dân binh lương thiện như Nguyễn Trọng Vinh trước quan tòa: *"Xin người rộng lượng chỉ cho chúng con biết, dám lê dân chúng con ngoài việc nhất phải nhất tuân theo pháp nước, tuân thủ sự chần dốt của các quan thời chúng con biết lấy gì để giữ gìn sinh mệnh và gia sản của mình đây? Buồn thay cho những kẻ khốn khó chúng con, mọi tai họa đưa đến, nếu không từ những người giàu có thì cũng từ những người quyền thế ban cho"*.

Đúng vậy, tính mệnh lương dân cùng tài sản của họ lấy gì bảo hộ? Nếu như vụ án vừa qua không phải là Lưu Phương Danh xử mà người khác xử, vị tất đã giải tỏ được nỗi oan khuất của hai mươi bảy con người kia. Cứ chiếu theo hình luật, đang đêm vào nhà người ta cướp của đe dọa giết người, ắt dám dân vô tội ấy phải lãnh án chém. Và rồi tên đô tướng đại gian đại ác Lê Đức kia lại được thăng thưởng, lại được kết thông gia với nhà đại phú hộ để rồi tha hồ bòn rút của cải nhà người ta.

Chao ôi tổ phụ ta từ được nước tới nay trải năm chục năm, đã tôn Phật đạo làm quốc giáo, yếu chỉ dựng nước là nhân ái, là thiện đức. Vậy mà vẫn chưa khai ngộ, chưa cải hóa được lòng người, núi tham sân si vẫn còn ngự trị như một chương ngại khiến nhiều người chìm đắm.

Đúng là cái nhà nước này, cái xã hội này, nhưng thực chất là ta; ta phải chịu trách nhiệm về quyền được sống cho mỗi con dân trong vương quốc của ta. Vậy chớ ta phải làm gì đây để ngăn cái ác, để người lương thiện được ở yên. Việc này phải sớm được cải hóa, không thể để cho cái ác tràn lan. Nghĩ vậy, nhà vua bèn cho triệu thái sư Lý Đạo Thành vào điện Tuyên Đức để hội kiến.

Nhận được chỉ tuyên triệu, thái sư lật dật vào bệ kiến. Vừa nhìn thấy Lý Đạo Thành rảo bước trong dãy xuyên đường, nhà vua vội rời long ỷ, ra đón Thái sư trước thềm điện.

Ngửng nhìn thấy nhà vua tươi cười, Thái sư vội phủ phục xuống lạy. Vua Thánh tông cúi đỡ Lý Đạo Thành và quở yêu:

- Miễn lễ! Ta đã nói, khanh cũng đứng tuổi rồi, từ nay miễn lễ, không phải quỳ lạy, chỉ vái chào là được. Vá lạy kính là ở trong lòng, ở trong đầu óc chớ đâu phải ở đầu gối.

- Bệ hạ, đã gọi là lễ thì bỏ làm sao được. Bệ hạ có thương mà miễn cho nhưng bốn phận của bề tôi thần dân dám. Vả lại, nó đã thấm vào máu rồi như đói thì ăn khát thì uống chớ đâu phải chuyện khách khí khi làm khi bỏ.

- Đúng là khanh làm việc gì cũng khởi tự tâm.

- Tâu bệ hạ đó là cái đạo của người quân tử. Kính chúa tại tâm, ái dân cũng tại tâm. Hai việc ấy đều không thể giả dối được.

- Ý khanh muốn nói:

Thượng cần thiên mệnh,

Hạ nhân dân nguyện¹.

- Tâu bệ hạ thờ trời và chăn dân là đức của các bậc thiên tử, thần đâu dám ngông ngạo. Chẳng hay bệ hạ có điều gì răn dạy, thần thụ chiếu là xếp lại mọi việc đến châu ngay.

- Bữa trước khán thỉnh phiên tòa do Thẩm hình viện Lưu Phương Danh xử, khanh thấy thế nào?

- Tâu bệ hạ, đó là một kỳ án, phi Lưu Phương Danh không ai xử nổi. Vả lại nếu không có sự trợ giúp của bệ hạ chắc vụ án không thể đạt tới kết cục sớm như vậy.

- Người nói ta trợ giúp là trợ giúp cái gì?

- Đúng là bệ hạ không trợ giúp, nhưng lòng từ ái của bệ hạ đã có sức cảm hóa đám người bị mắc tròng kia ghê gớm. Thần quan sát không bỏ sót một cử chỉ nào của hai mươi bảy người dân binh, lúc đầu họ sợ sệt tới mức không dám ngừng nhìn ai, cũng không dám nhìn nhau

¹ Nghĩa là trên thì cung kính tuân theo mệnh trời; dưới thì thể theo nguyện vọng của dân.

nữa. Chắc ở tòa tiểu hình, họ bị dọa nạt ghê gớm lắm. Chắc tên đô tướng Lê Đức luôn ra oai đe dọa. Thần nom gương mặt họ vừa căm giận, vừa cam chịu. Bởi họ nghĩ chẳng ai cho nói, mà có nói cũng chẳng ai nghe. Nhưng từ khi bệ hạ cho áo, lại sai bỏ gông thời gương mặt họ đã hơi khác. Kế đó thám hình viện gợi hỏi họ với tấm lòng bao dung thương cảm. Chính những cái đó khích lệ họ, bởi trong họ đã nhen nhóm một đức tin.

- Phải! Khanh nói có lý. Ta thấy chính Lưu Phương Danh đã giúp họ cái đó. Kế cũng ghê gớm thật, ta thấy mấy người đó như họ nhỏ to bàn bạc việc gì với nhau. Rồi thoát một cái Nguyễn Trọng Vinh dám đứng lên xin nói. Và y nói một mạch, sự thật không thể bác bỏ. Chính cái sự thật ấy đã giết chết tên đô tướng Lê Đức gian xảo.

Bữa nay với khanh vào, ta muốn bàn với khanh vài việc.

Việc thứ nhất là làm thế nào ta có được nhiều quan lại cỡ tầm như khanh, như Thường Kiệt, như Lưu Phương Danh... Tức là ta muốn có nhiều người giỏi giúp rập, để ta còn mưu việc lớn.

Việc thứ nhì ta muốn bằng cách nào triều đình phải có trách phận rõ ràng trong việc bảo hộ sinh mệnh, tài sản cho mọi người dân lương thiện trên toàn cõi như Nguyễn Trọng Vinh nó kêu cứu.

Ta bỗng nảy ra ý định làm một cuộc đại táo thanh trong cả nước, loại bỏ ngay lập tức những kẻ bất lương như lũ Lê Đức đang lẫn khuất trong các cơ quan then máy của ta từ hương ấp, châu lộ đến triều đình.

Việc thứ ba là làm thế nào trong nước có thể hiện lộ những bậc đạo cao đức trọng, những bậc sĩ quân tử để nêu gương đạo hạnh cho dân nước noi theo. Một nước mà không có được vài ba người như vậy là nước suy. Ta không thể không lo điều đó. Nước có giặc ta không lo bằng nước vô đạo.

Ngừng lời, nhà vua nhìn thẳng vào gương mặt hòa ái của Lý Đạo Thành như muốn đo lòng ứng hợp, sự âu lo việc dân việc nước của người bề tôi, người đồng tông mà nhà vua hết lòng tin yêu.

Suy ngẫm giây lát, thái sư bèn tâu:

- Bệ hạ, một nước có bậc quân trưởng lúc nào cũng lo đến khuyến thiện trừ ác, lo đến hạnh phúc của bách tính như bệ hạ hằng lo, thì đó là dấu hiệu của nước thịnh.

Một khi người đứng đầu quốc gia đã có cái tâm chí thiện ắt bề tôi và cả quốc dân đều hướng thiện. Như thế có nghĩa là bệ hạ đã treo tấm gương đạo hạnh, đã là người đức, người trí rồi, sao bệ hạ lại bảo nước ta không có các bậc hiền đức, còn phải đi dò tìm ở đâu nữa.

- Khanh nói hơi quá, ta mà là người có đức lớn

treo gương đạo hạnh cho thiên hạ chung soi sao được. Nói thế lẽ thiên hạ họ biết, họ lại bảo vua tôi nịnh nhau, rồi sử xanh đời đời họ mai mỉa, lại chỉ khổ cho con cháu thôi, vinh một lúc mà nhục tới muôn sau.

Lý Đạo Thành vuốt râu cười ha hả. Một lúc lâu sau ông mới điềm đạm nói:

- Bệ hạ là người quá khiêm nhường. Bệ hạ đã đọc kỹ kinh Xuân Thu, chắc bệ hạ biết đức Khổng Phu tử đã san định những gì trong đó. Thần dám quả quyết rằng, trong lịch sử cổ kim khó tìm được các bậc vua hiền như các đức Thái tổ, Thái tông và cả bệ hạ ngày nay nữa. Tuy nhiên, có một điều thần khá băn khoăn, nếu không nói ra thì không coi bỏ được nỗi niềm, mà nói ra sợ mắc tội bất kính. Xin bệ hạ tha tội.

- Khanh quá câu nệ về lễ luật, còn ta chỉ chú tâm đến điều Thái sư nói có ích lợi hay không có ích lợi cho dân, cho nước. Nào, khanh nói đi, ta đang muốn nghe.

Với vẻ mạnh dạn, Lý Đạo Thành nói:

- Tâu, ban nãy bệ hạ nói sẽ làm một cuộc đại tảo thanh trong cả nước, loại bỏ ngay lập tức những kẻ bất lương. Đó là phát xuất từ tâm thiện, tâm bồ tát của bệ hạ thôi, chứ việc đó chưa thể làm được. Bởi làm sao mà ngay một lúc bệ hạ phân biệt được kẻ ác người thiện trong cả nước. Đôi khi cả hai hành vi đó cùng biểu hiện ở một con người. Và nữa ác, thiện nó cặp kè với nhau

như hai mặt sáng tối, như âm với dương. Chỉ khi nào con người tự thức tỉnh, tự phân biệt được ác với thiện và yêu thiện ghét ác, thời khi đó, các hành vi của họ mang tính ái thiện, tức là họ là người thiện. Khi nào số đông các thần dân của bệ hạ ưa điều thiện và chỉ làm theo điều thiện, khi ấy bệ hạ sẽ có một xã hội hiếu thiện.

Gương mặt nhà vua chợt bừng sáng, dường như Thái sư Lý Đạo Thành đã nói trúng điều mà ngài khao khát. Nhà vua hồ hởi nói:

- Đúng thế! Đúng thế, ta muốn cái xã hội trong vương quốc của ta phải là một xã hội hiếu thiện như khanh nói. Vậy có cách nào làm được như thế không, khanh thử nói ta nghe.

- Tâu bệ hạ, điều bệ hạ mong muốn có thể làm được, nhưng không phải ngay bây giờ hoặc trong đời bệ hạ.

- Vậy sau khi ta chết rồi mới thực hiện được mong muốn của ta sao?

- Bệ hạ có tha tội, thần mới dám nói.

- Khanh cứ nói. Trong khi vua tôi bàn bạc, phải quýy chưa phân, sao khanh cứ nói đến tội mấy lỗi. Lúc nào cũng khư khư giữ lấy cái mình cho là đúng thời chẳng dám làm việc gì mới mẻ đâu.

- Tâu, cái việc bệ hạ mong muốn đó cứ phải vừa làm vừa chờ đợi. Nó lâu dài lắm, đôi khi làm ta nản chí.

Lại nữa, ngay cả khi bệ hạ đã viên tịch rồi thời những mong muốn tốt đẹp mà bệ hạ đã suốt đời nhắm tới ấy, cũng chưa ăn nhằm gì đâu. Bệ hạ chẳng thấy từ đời đức Thái tổ tiếp sang đức Thái tông, và nay tới bệ hạ thời cái đích nhắm tới một xã hội no đủ, công bằng, hiếu thiện người dân được sống trong cảnh thái bình cái đích đó đời nào của triều đại nhà Lý cũng đều nhắm tới chớ có hề đi sai đích đâu. Vậy mà ta chỉ luôn luôn ở trạng huống nhắm tới thôi chứ đã đi tới được đâu. Bệ hạ chẳng thấy các bậc tiền đế đã làm hết sức mình rồi sao. Như Thái tổ trong mười tám năm trị vì đã tha tô thuế tới bảy năm rưỡi. Thuế khóa chỉ quy về có sáu sắc.

Bản thân Thái tổ sống kiệm cần, con cái bắt sống giản dị, gần dân. Lại cho khai mở đạo tràng, cấp độ điệp cùng lúc tới cả ngàn người cho xuất gia tu tập, chùa chiền cho tạo dựng khắp nước. Kịp đến tiền đế lại vẫn đi theo con đường của Thái tổ, ngoài ra ngài còn thực hành cuộc sống cần kiệm, hằng năm giữ lệ cày ruộng tịch điền để làm gương cho thiên hạ siêng năng công việc đồng áng. Lại đem thóc kho cho dân vay đổi hạt khi giáp mùa, chấm dứt nạn bán lúa non, vay nặng lãi, dân nghèo ơn triều đình biết chừng nào. Đức Thái tông còn tự mình chăn tằm dệt lụa, dệt gấm đem lại nghiệp nghề cho dân. Nay đến lượt bệ hạ, thử hỏi bệ hạ còn có việc gì ích nước lợi dân mà chưa làm. Đành rằng các bậc vua hiền làm cho nước, cho dân bao

hiều vẫn chưa cho là đủ. Bệ hạ còn định đốt đuốc đi tìm người hiền ở đâu nữa, trong khi chính bệ hạ là bậc đại hiền. Thái tổ, Thái tông là các bậc vua hiếm có trong lịch sử nước nhà. Suốt mấy đời nay, nước ta thiếu gì các bậc hiền giá. Ví như thiền sư Vạn Hạnh, thiền sư Đa Bảo, thiền lão thiền sư Định Hương cùng biết bao người khác nữa. Như hiện nay thiền sư Viên Chiếu chẳng phải người hiền sao. Quan thẩm hình viện Lưu Phương Danh chẳng phải bậc hiền tài sao.

Bệ hạ nên bằng lòng và trân trọng với những gì hiện có trong quốc gia này. Việc tiến hóa của nhân quần là việc tiệm tiến qua nhiều đời chứ không thể nôn nóng.

- Khanh nói vậy có nghĩa là ta cứ bằng lòng với cái hiện có và yên tâm chờ đợi cho cái ác tự cải hóa thành thiện.

- Tâu bệ hạ, thần không nghĩ rằng cái ác có khả năng hóa thành cái thiện mà phải có sự thúc đẩy trên nhiều phương diện. Chẳng hạn phải xem mọi mặt trong đời sống con người mà ban hành thêm luật. Bộ Hình thư do đức Thái tông ban hành năm Nhâm Ngọ (1042) là cần nhưng chưa đủ. Song có luật rồi lại phải nghiêm. Ai ai cũng phải thi hành luật, không được phép đứng ngoài hoặc đứng trên luật pháp. Bởi không gì nguy hại cho nhà nước bằng khi đưa ra những đạo luật mà nó

không đủ sức cưỡng chế mọi người phải tuân thủ.

- Khanh nói vậy có nghĩa là không có ngoại lệ, không có biệt lệ nào đối với cả ta.

- Tâu, nếu bệ hạ muốn luật của mình được nghiêm thì bệ hạ tự khép mình vào khuôn phép. Nếu như việc sau định hình luật chỉ dùng tri dân, còn triều đình thì xử bằng lễ thì sáu bộ, sáu khoa trong triều ai dám đàn hặc bệ hạ mỗi khi bệ hạ đứng ra ngoài phép nước.

- Khanh nói có lý. Vậy chớ còn điều gì nữa có thể cải hóa xã hội.

- Tâu, bệ hạ phải mở rộng hệ thống trường học, đem kinh điển nho gia ra làm phương tiện khai trí. Theo đó mà sắp xếp xã hội vào khuôn phép. Bệ hạ phải tạo ra được lớp nho sĩ có học vấn cao. Chính lớp người này đến lượt họ đem trí tuệ ra thắp sáng khắp trong vương quốc của bệ hạ. Bệ hạ thử ngẫm lại xem, vào đầu triều đại nhà Lý ta, nếu không có các bậc đại trí huệ như Vạn Hạnh, Đa Bảo, Cửu Chí... khai minh, thời nhà Lý ta sao có thể tiến nhanh được như thế.

Nếu bệ hạ muốn cho dân nước tiến hóa nhanh, thời bệ hạ phải tạo ra được lớp người đi trước là lớp có học vấn có trí tuệ cao, để dẫn dắt và khai trí cho các lớp sau. Lại nữa bên tăng thống và bên đạo lục cũng phải có nhiều bậc đạo cao đức trọng để khai minh, để hướng tâm thức và tâm linh dân chúng vào con đường

cao khiết. Dạ đúng như vậy, cả đạo cả đời cùng hướng dân chúng vào cái cao cả, tự khắc người ta phải nghĩ đến những điều tốt đẹp, điều thiện. Và như thế tất yếu cái ác sẽ bớt dần đi, mất dần đi.

- Nghe khanh nói lòng ta như được cởi bỏ biết bao điều từ bấy lâu ta lo canh cánh. Song có một điều ta còn băn khoăn.

- Bệ hạ băn khoăn về điều gì nữa.

- Ta nghĩ tổ phụ đã lấy đạo Phật làm quốc đạo, nay ta lại dấy đạo Nho lên, lỡ người đời lại bỏ Phật theo Nho, chẳng hóa ra ta làm ngược lại với tổ phụ cùng các bậc thiên sư, các bậc thiện trí thức đã có công phù lập nhà Lý ta sao.

- Bệ hạ chẳng thấy từ Đinh - Lê tới nay, các bậc tiền bối đều qua cửa Nho mà vào cửa Phật ư? Nếu không biết nho, sao ta có chữ để đi sâu vào nội điển¹. Bệ hạ lại chẳng thấy các bậc tiền bối chỉ coi Nho như là phương tiện, Phật mới là mục đích.

Bây giờ bệ hạ lại dùng nho làm phương tiện để khai trí cho nhân quần, để sắp xếp rường mối xã hội cho có kỷ cương. Sắp xếp mối rường, khai trí nhân quần, đó chẳng là mục đích của bệ hạ sao. Và lại về tự dạng, chữ nhân(1) hợp với chữ *nhu* mà thành chữ nho . Như vậy rõ

1 Nội điển: Ý nói về các kinh sách của nhà Phật.

ràng nho sĩ tức là lớp người cần cho mọi người. Vì nhờ đó, thần xin bệ hạ mau chóng mở mang hệ thống trường lớp ở bậc cao để rèn đúc nhân tài cho nước, còn như hệ thống trường lớp hiện nay do các chùa đảm nhận, được hình thành từ hồi quốc sơ do Thái tổ tạo lập, tới nay đã mãn sứ mệnh lịch sử rồi. Tâu, vẫn nên duy trì hệ thống trường do nhà chùa đảm nhận, vì ở đó, trẻ không chỉ được khai trí mà chúng còn được khai tâm.

- Ta hiểu ý khanh muốn nói, cả ba dòng đạo đó đều chỉ là phương tiện dùng vào mục đích chấn hưng quốc gia dân tộc. Phái, mọi thứ đều chỉ là phương tiện, còn quốc gia dân tộc mới là mục đích trường tồn. Vậy chớ khanh đã có trừ hoạch gì cho việc mở mang sự học, cho đào luyện nho giới chưa?

- Tâu, thần mới có suy tư, nếu bệ hạ cho đường hướng và ân chuẩn, thần sẽ có biểu dâng, kèm theo đó là sự trừ hoạch.

- Thôi được, khanh cứ trừ hoạch cho ta để sao có được nhiều các bậc túc nho, chân nho. Làm thế nào để xuất lộ được nhiều người tài đức. Triều đình mở các cuộc thi tuyển cũng được, các quan do quen biết mà tiến cử cũng được. Dân gian có người xuất chúng tiến cử nhau về triều cũng được. Lại người có tài có đức tự tiến cử mình cũng được. Miễn sao triều đình quy tụ được nhiều người tài đức thì mới có cơ may làm cho nước

mạnh dân giàu được. Tuy nhiên, để cho công bằng và minh bạch, tất cả đều phải qua khảo hạch.

Khanh có biết, điều ta mong mỏi nhất là những người trong bộ máy của ta phải có lòng thương dân, phải bảo hộ cho người lương thiện được sống yên bình trong ngôi nhà của họ. Không thể để cho quan lại trở thành kẻ bóc lột táng tận lương tâm, khiến người dân coi triều đình như giặc cướp.

Nhà vua nhìn vào tận trong mắt Lý Đạo Thành rồi đột nhiên người hỏi:

- Khanh bảo điều ta ao ước đó liệu có cơ may làm được không?

- Tâu, bệ hạ thương dân như con nên lúc nào cũng đau đầu suy tư về họ. Những điều bệ hạ mong mỏi được thực thi là việc bình thường chứ có gì xa xỉ đâu: *yên bình, ấm no, hiếu thiện*. Tuy nhiên chỉ nội trong sáu chữ ấy mà làm cho đầy đủ ắt phải là thời Nghiêu - Thuấn. Và lại Nghiêu - Thuấn chẳng qua là khát vọng của con người thôi chứ làm gì có Nghiêu - Thuấn thực trên cõi nhân gian này.

Tâu bệ hạ, thần chỉ muốn nói một điều rằng lòng từ ái của bệ hạ đối với người dân là không giới hạn. Bệ hạ chăm lo cho dân như thế là phúc cho nước. Nhưng muốn được dài lâu, bệ hạ cũng cần phải nghĩ tới lũ người được bệ hạ ủy thác cho họ chăn dân, từ nơi hương

áp đến châu quận và các lộ cùng triều đình nữa. Tâu, nếu bệ hạ để lũ người này thiếu thốn thái quá thì không cách nào ngăn nổi họ đục khoét dân. Một khi họ đã dựa vào uy quyền mà đục khoét, thì người dân làm sao mà chống lại được. Kiểu ấy đến dinh, lim cũng phải ruồng một hướng chi da thịt lương dân.

- Ta tưởng ta đã cấp cho ruộng đất tùy theo phẩm cấp của từng người, lại cho dân lao dịch cày cấy gặt hái đem thóc lúa đến tận nhà, cho thu thuế theo thực ấp. Vậy như thế còn chưa đủ sao.

- Tâu chính sách như bệ hạ nói được ban hành từ hồi quốc sơ. Ngày ấy nước ta còn nghèo, dân ta còn khổ thì chức dịch và quan lại sống như thế đã là sung túc. Nay đã trải năm mươi năm, mức sống của người dân lên cao rồi mà quan lại vẫn giữ nguyên như thế, trách sao không có nạn Lê Đức, xin bệ hạ coi lại chính sách bổng lộc của quan lại cho thỏa đáng. Tâu bệ hạ, người ta không thể làm việc bằng lòng tốt mãi được. Đành rằng đời là vô thường, càng sở hữu nhiều của cải càng nặng nợ trần gian. Thế nhưng thế gian chưa đạt tới sự tình giác. Vậy nên của cải vẫn là một thứ men nồng khiến thế gian nghiện ngập.

Nhà vua như vừa bừng tỉnh, trong giọng nói của ngài như có gì ân hận:

- Tiếc thay khanh không nói với ta điều này từ

sớm. Đúng là ta vô tâm quá, ta chỉ có đòi hỏi lòng tận tụy của họ mà ta quên chăm lo bổng lộc cho họ. Nay Khanh, nhà vua nói và đưa mắt nhìn Lý Đạo Thành với vẻ thân tình và cả sự ủy thác: - Khanh cho Trung thư sảnh kiểm xét lại tất cả các quan cấp và các bổng lộc mà triều đình cho hưởng, rồi thử gia thêm cho họ về đất ruộng, về số ngày công lao dịch, số hộ được thu thuế. Sau khi đã cộng các phần gia thêm đó xem mức sống của họ thế nào, liệu họ có hào hứng đón nhận không. Các việc ấy Khanh làm thử giúp ta, ngoài việc dò thăm ý tứ các quan, Khanh nên dò thăm ý tứ cả dân chúng nữa, bởi họ là người phải đóng thuế, phải lao công cho nhà quan. Đó là phần của quan lại các cấp. Riêng các quan ở Thâm hình viện và Đô hộ phủ sĩ sư ngoài các phần được gia thêm như phủ thái sử hoạch định ta sẽ ban thêm cho họ một đặc ân để họ giữ được thanh liêm, để mỗi khi họ xét xử ở công đường phải thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, người dân mới không còn bị oan ức nữa. Khanh hãy nghe đây đề mà cấp phát: Đô hộ phủ sĩ sư mỗi người từ nay bổng mỗi năm là năm mươi quan tiền, một trăm bó lúa cùng với muối hai mươi đấu, cá khô hai sọt; bên án ngục lại bổng mỗi người một năm là hai mươi quan tiền, lúa cùng muối, cá khô giống như bên Đô hộ phủ sĩ sư. Đây là bổng ta ban để giữ thanh liêm. Cũng từ nay các án tích đã xử xong rồi cho giảm xuống một bậc. Nghiêm cấm việc đánh đập người tù

hoặc bắt tù làm việc riêng cho ngục lại. Trời rét thế này phải phát chẩn chiếu cho tù nhân và cho họ ăn hai bữa một ngày. Nếu để cho người tù vì đói vì rét mà chết ta sẽ trị tội nặng gấp đôi. Ta nghiêm cấm việc bắt người lương thiện vào tù rồi mới đòn roi bắt phải nhận cái tội mà người ta không hề mắc phải. Từ nay, nếu kẻ nào bắt người vô tội vào tù, nếu kẻ nào giam cầm người vô tội mà không qua thẩm hình viện xét xử thời buộc nó vào tội hại người có dự mưu mà khép án.

Ngừng lời trong giây lát, nhà vua hỏi lại Thái sư:

- Khanh đã nhớ kỹ các điều ta dặn báo để cáo cấp cho sáu bộ, sáu khoa cùng các đô, đài, sảnh, viện biết mà theo chưa.

- Thời xin can mệnh. - Thái sư vừa nói vừa vái nhà vua.

Vừa lúc đó Thiếu úy Lý Thường Kiệt có việc vào chầu. Vua cho ngồi cùng với Lý Đạo Thành để cùng bàn quốc sự.

Lý Thường Kiệt xoa hai bàn tay vào nhau rồi kêu lên:

- Trời rét thế này mà bệ hạ với Thái sư ngồi bàn việc suông không có lò sưởi, không có cả nước uống nữa. Xin bệ hạ hãy bảo trọng.

Tới lúc nào nhà vua mới sực nhớ vì mãi làm việc quá nên quên cả rét, quên cả khát. Vua nói như thanh minh:

- Chẳng là ta đã đuổi hết nội thị ra ngoài, để ta cùng Thái sư bàn việc mà không sợ có kẻ nghe trộm, hóa nên không còn kẻ nào hầu hạ. - Vua vội gõ chuông gọi nội thị dâng trà và đưa lò sưởi vào.

Sau vài tuần trà, không khí ấm nóng trở lại. Trong lòng nhà vua cảm thấy yên tâm khi những công việc từ bấy lâu nhà vua hằng canh cánh mà chưa hoạch định được rõ ràng. Với vẻ hứng khởi, vua sai nội thị dâng mỹ tửu.

Rượu được vài tuần, vua mới hỏi:

- Thiếu úy đến thăm ta hay có việc gì gấp đây?
- Xin bệ hạ cho tâu báo việc cơ mật.

Nhà vua sai đuổi hết nội thị ra khỏi cung, cả các quan tả hữu phúc tâm, tả hữu gián nghị cũng không được dự nghe.

Sau khi lũ người hầu và các quan gần cận với nhà vua thường ngày đã ra khỏi nội điện, lại thấy viên trung quan tử hành lang đại điện đi vào. Nhà vua bèn gõ chuông gọi đô tướng đô thần vũ. Tiếng chuông vừa ngân hết âm thanh đã thấy viên đô tướng uy nghi trong bộ võ phục cúi đầu bái yết.

- Tâu bệ hạ, thần chờ lệnh chỉ.
- Khanh đuổi mấy viên thái giám kia ra khỏi khu vực nội điện, nói rằng ta khẫu dụ.

Khi trong nội điện chỉ còn nhà vua, Thái sư Lý Đạo Thành cùng Thiếu úy Lý Thường Kiệt, vua hỏi:

- Vậy chớ có điều gì cơ mật Thường Kiệt nói mau.

- Tâu bệ hạ, từ khi Nùng Trí Cao thất thủ, Tiêu Chú¹ ngấm mua chuộc dân man Nùng, giúp chúng tiền bạc mộ quân, dậy cỡi ngựa, bắn cung, chiêu nạp dư đảng Nùng Trí Cao mưu chiếm vùng Quảng Nguyên của ta. Gần đây, Tiêu Chú thường cho quân tuần tiễu sát biên cương nước ta như để khoe binh, dễ thị uy nữa.

Từ Biện Kinh, người của ta lấy được tin do Tiêu Chú dâng biểu về thuyết phục Tống Nhân tông đánh ta. Sau khi nói nước ta lục đục, người Chiêm Thành, người Chân Lạp đều ghét. Nếu nước Tống đánh Giao Chỉ, hai nước đó tất hưởng ứng. Y còn nói y đã mua chuộc được biên dân ta làm nội ứng. Đáng kể nhất trong lời biểu, Tiêu Chú kết rằng: “Tôi nay đã rõ chỗ quan yếu, thấu chỗ lợi hại. Nếu không đánh bây giờ mà lấy Giao Chỉ đi, thì sau sẽ có điều lo cho Trung Quốc”.

- Vậy chớ các khanh có biết các phe tâu, cựa trong

¹ Tiêu Chú có chân tiến sĩ được triều Tống sung chức Khâm sai tăng cường cho vùng Quế Châu, Ung Châu (Quảng Tây). Từ năm Quý tỵ (1053) sau khi Nùng Trí Cao thất thủ, Tiêu Chú được cử coi Ung Châu, y chủ trương cương cứng trong đối sách với ta. Thậm chí y còn muốn xâm lăng Đại Việt.

triều Tống bàn bạc việc này ra sao, chủ kiến của Tống Nhân tông thế nào?

Lý Đạo Thành vuốt râu cười ha hả:

- Tâu bệ hạ, Tống Nhân tông làm gì có chủ kiến. Triều Tống chạy dạt từ Bắc xuống Nam, sợ Liêu, Hạ như sợ cọp, nay không những đã cất đất lại còn chịu cống nạp thường niên. Tiêu Chú là một kẻ có kiến văn nhưng không có kiến thức, y là một con ngựa non háu đá. Tiến cử kế sách đánh Đại Việt chẳng qua là y muốn Tống Nhân tông để ý đến con đường tiến thân của y mà thôi. Ngay chủ trương đánh Đại Việt cũng đủ biết y hết sức thiển cận. Vì binh uy nước Tống hiện nay có khác gì một con cua bẩy có phải không thiếu úy.

Lý Đạo Thành vừa nói vừa quay về phía Lý Thường Kiệt, nhằm tìm kiếm sự đồng tình của Thiếu úy.

- Thưa Thái sư, ngài ví binh uy nước Tống hiện nay như một con cua bẩy là rất đúng, Lý Thường Kiệt đáp. - Nhưng nó là một con cua bẩy vĩ đại, thiếu úy nói thêm. Nếu nước Tống có được các quan hình chính, các quan coi việc binh lương trung chính mà tài cán, lại được bậc quân trưởng anh minh, tôi thiết tưởng con cua bẩy kia lập tức sẽ biến thành con đại bàng vỗ cánh vút bay lên làm chủ bầu trời bao la, làm chủ thiên hạ. Và khi ấy lời tâu “đánh lấy Giao Chỉ” của Tiêu Chú sẽ trở thành hiệu kèn tiến quân của người Tống.

- Các khanh cứ dài dòng, ta chỉ muốn biết dám thượng cấp của Tiêu Chú ở Ung Châu, Quế Châu và lộ Quảng Tây nói gì với Tống Nhân tông.

Lý Đạo Thành đáp:

- Tâu bệ hạ, Lý Sư Trung, Tiêu Cố coi giữ Quảng Tây thường hay gạt bỏ những lời tâu báo của Tiêu Chú mà không đệ về triều, vì họ cho Tiêu Chú là kẻ hay nhiều sự. Lời tâu mà quan thiếu úy vừa tâu bệ hạ, là do Tiêu Chú tự gửi về Tống Nhân tông, chắc thế nào cũng bị Lý Sư Trung, Tiêu Cố bác bỏ.

- Vậy chớ theo ý các khanh, liệu nhà Tống có dám xâm lấn ta không?

- Trình bệ hạ, Lý Thường Kiệt nói, - có thể sẽ có chuyện nhỏ về biên sự do tính tiểu nhân của Tiêu Chú. Còn như mở một cuộc chiến tranh xâm lược nước ta vào lúc này thì nhà Tống chưa sẵn sàng.

- Sao vậy? - Vua hỏi.

Lý Đạo Thành tủm tỉm cười.

- Khanh cười gì vậy? - Vua lại hỏi.

- Tâu, thần cười nước Đại Tống, cười thiên triều. Cười cái con cò cuống chết đến cổ rồi mà vẫn cứ còn cay cú. Cười cái anh học trò Tiêu Chú thiếu cận.

Lý Đạo Thành ngồi lại cho nghiêm chính, hai tay ông đưa lên sờ nắn cái mũ phước đầu, lại sờ ra chỗ hai

chiếc cánh chuồn và hơi xoay một tí cho nó cân đối. Đoạn Thái sư nhìn xuống đôi hia có thêu những con phượng trắng bám quanh cái nền màu đen. Chẳng là từ đầu mùa thu năm nay¹, nhà vua đã ban cho quần thần mũ áo và có lệnh rằng các quan không đội mũ, đi hia thì không được vào chầu, chính vì thế mà từ đấy những buổi thiết triều vừa qui củ vừa đẹp mắt. Và chỉ nhìn vào mũ áo là biết rõ phẩm cấp của từng người, lại hai ban văn võ ngồi tách biệt nên nhà vua dễ bề quan sát.

Sửa chỉnh lại mũ áo xong, Thái sư thông thả nói:

- Tâu bệ hạ, muốn biết Tống Nhân tông có động binh xâm chiếm nước ta hay không, phải xem ở Biện Kinh quân Tống có rục rịch gì không. Tâu bệ hạ, người của ta ở bên đó mới đưa tin về, vua tôi nhà Tống hiện đang lún vào hai việc lớn. Một là họ đua nhau tận hưởng các lạc thú trần gian. Hai là đốc thúc sưu thuế, tận lực vơ vét trong dân để lấy tiền tiêu xài và cống nạp thường năm cho các nước Liêu, Hạ để đổi lấy sự yên bình. Bởi các lẽ đó, nhà Tống chưa thể đánh ta vào lúc này được, đúng như Lý thiếu úy vừa trình với bệ hạ. Tuy nhiên, mưu đồ thôn tính nước ta thì luôn sẵn có ở trong đầu các vua chúa Trung Hoa; hơn ngàn năm trước

¹ Năm Kỷ Hợi (1059) Lý Thánh tông ban mũ phước đầu và hia cho quần thần bắt các quan phải đội mũ, đi hia mới được vào chầu. Quan lại nước ta đội mũ cánh chuồn kể từ đó.

đã thế, hiện nay cũng vẫn thế và mai hậu, thần chưa biết chắc nó sẽ như thế nào, song quả thật thần không mấy tin vào cái đầu óc kỳ thị của người Hán, vì rằng nó khởi nguồn từ quan niệm của ông tổ đạo nho. Tức là ngài Khổng Tử đã từng nói phải đem văn minh Trung Hoa để giáo hóa cho tứ di. Chính cái học thuyết đó đã trở thành một thứ đạo lý khiến người Trung Hoa tự coi mình cao hơn thiên hạ, lại tự cho mình cái quyền được thống trị thiên hạ. Về cái thuyết tứ di như bệ hạ đã biết. Họ gọi các dân tộc thuộc bốn phương thật là khinh mạn như: đông di, nam man, bắc địch, tây Nhung. Xét về mặt chữ nghĩa là chữ “man” có bộ trùng, chữ “địch” có bộ khuyển; thế tất họ coi các dân tộc ngoài Trung Quốc đều là sâu bọ chó má cả.

Vua Thánh tông với vẻ trầm tư, một lát ngài phán:

- Thế mới biết tư tưởng của đức Thích Ca Mâu Ni là nhân bản, ái nhân, ái vật và muôn loài đều bình đẳng. Nói đến Bụt¹, tức là nói đến đấng giác ngộ, thế mà ngài còn dạy: Trong các loài đã tiến hóa hẳn có đủ cửu khiếu đều có thể tu Phật. Thứ hời ngoài loài người ra còn có biết bao loài vật đạt tới cửu khiếu như trâu bò, chó ngựa, khỉ báo, hươu nai... Nhưng thôi, đó là các học thuyết cao siêu, hiện thời ta chỉ muốn biết Tiêu Chú có

¹ Bụt tức Bouddha, tiếng Phạn có nghĩa là giác ngộ.

thể giờ trò trống gì với biên dân ta.

Lý Đạo Thành liền đáp:

- Tâu bệ hạ, trên bắc thù, thần nghĩ Tiêu Chú có thể gây cho ta một vài khó chịu, như xúi người man Nùng bên ta gây rối, hoặc mua chuộc dân man của ta ly khai với triều đình để đem đất của ta nộp cho nhà Tống. Còn cách nữa là Tiêu Chú cho lính Tống đóng giả dân thường vào sâu đất ta cướp phá rồi lại rút về bên kia biên ải. Mục đích của y là nhằm gây cho biên dân ta sự bất an, sự sợ hãi để không yên tâm làm ăn nữa. Tâu, việc này bệ hạ có thể giao cho Thiệu úy. Thần tin rằng Thiệu úy sẽ biết cách răn đe Tiêu Chú.

- Đạo Thành nói thế, vậy chớ ý Thường Kiệt thế nào?

- Tâu bệ hạ, nội tình nhà Tống thế nào, thần nắm rõ như trong lòng bàn tay. Bởi thần đã đặt được chân tay, tai mắt của ta ở bên đó. Tâu bệ hạ, chính sự nước Tống lúc này đang rối như canh hẹ. Quân của họ quả thật còn đông lắm, nhưng sức quân của họ cũng suy yếu lắm. Cả tướng và quân của họ đều nhát như cáy. Cứ nghe tiếng quân Liêu, quân Hạ là bỏ chạy rồi. Một nhà nước như thế, một đội quân như thế lo giữ nhà chẳng xong, thế mà Tiêu Chú lại còn ỏ ẹ. Lý Thường Kiệt bèn đứng dậy vái nhà vua rồi tiếp:

- Bệ hạ cứ cân nhắc kỹ đi, nếu bệ hạ ra lệnh chỉ

trong vòng ba tháng, thân có thể thu phục cả hai xứ Quảng¹, bắt Tiêu Chú về cho bệ hạ trị tội.

- Ta biết khanh có thể làm được điều đó. Lực nước ta có thể làm được điều đó. Vả lại nước Tống đang rối loạn, nếu ta đánh họ thì đây là thời cơ tốt nhất. Song ta chỉ muốn nói một điều: cường, nhược, thịnh, suy của một nước nằm trong vận hội của chính nước đó. Nước Tàu đạt tới cực thịnh trong đời Đường, nay nó đang suy. Bao giờ đạt tới cực suy nó lại hồi sinh, lại thịnh thôi. Các nước Liêu, Hạ hiện thời đang bắt nạt Trung nguyên. Rồi sẽ tới thời kỳ Liêu, Hạ lại trở về thân phận nước phiên thần, có khi còn mất tiêu cả quốc gia chứ chẳng thể nói chơi với người Hán được đâu. Trời cho tộc Hán một đĩnh cao văn vật mà không phải tộc người nào cũng có được. Một khi văn vật của họ còn, thời quốc gia họ không thể mất. Ta là một nước nhỏ, sở dĩ ta không bị Hán hóa, dù có bị cả ngàn năm người Hán thống trị, là bởi ta có một nền văn vật chẳng thua kém người Hán, và nó được bảo trì trong lòng Việt tộc. Chính điều này càng làm cho họ thêm tức tối.

Lại nói việc Thiếu úy Lý Thường Kiệt xin đánh lương Quảng. Ta tin việc ấy vào lúc này Đại Việt đủ sức đánh thắng. Nhưng đánh để làm gì. Đất ấy đâu phải của

¹ Hai xứ Quảng tức lương Quảng gồm Quảng Đông, Quảng Tây. Hai tỉnh này đã có thời góp lại gọi là Quảng Nam.

tổ tiên mình. Nhất thời ta chiếm nó thì dễ đấy, song giữ hấn nó làm của mình lại không dễ đâu. Thời Tần - Hán, Triệu Úy Đà đã chiếm từ Trường Sa, Mân, Triết, Quảng Nam và kiêm tính, tức nhận chằng cả Lạc Việt, lập ra một nước gọi là Nam Việt, đô đóng tại Phiên Ngung¹. Thực ra thì Triệu Đà chưa từng đặt chân tới nước ta. Có chằng y chỉ cử binh tới gây hấn. Sau Triệu Đà đầu hàng nhà Hán, dâng cả nước Nam Việt của hấn cho nhà Hán. Nước ta từ đó bị lệ thuộc Tàu cho tới Ngô vương Quyền² mới lại giành được quyền tự chủ. Nền độc lập của nước nhà được nhen nhóm từ đó. Có thể nói đây là công cuộc trung hưng lần đầu tiên ở nước ta.

Nhà vua dừng lại khá lâu, với vẻ suy tư dăm dăm. Lát sau, vua lại nói:

- Ta dự liệu đối sách với nhà Tống như thế này, các khanh thử cùng ta tính toan xem: - Thứ nhất là ta không gây chiến tranh với họ. Nhưng nhất định phải trừng trị cho họ chừa cái thói ngông nghênh ngạo mạn nếu họ dám liều lĩnh gây hấn với ta. Song đánh như thế nào để không bùng phát thành một cuộc chiến tranh lớn giữa hai nước. Chiến tranh chẳng đem lại lợi lộc gì,

1 Quảng Châu, thủ phủ tỉnh Quảng Đông ngày này xưa là Phiên Ngung, Triệu Đà lập làm kinh đô của nước Nam Việt, nay vẫn còn đền thờ họ Triệu.

2 Năm 938 Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng, ông xưng vương, đô đóng tại thành Cổ Loa.

chỉ khổ cho dân chúng cả hai nước, và rồi gây thù hận khó gỡ bỏ. Ta nghĩ, về lâu về dài, mình vẫn phải chung sống với họ, dù biết chắc đó là một anh hàng xóm xấu bụng. Vì vậy hòa hiếu với họ như phương lược các tiên đế đã hành xử là thỏa đáng. Ta không nên cậy cái mạnh nhất thời mà làm những việc thái quá, để di họa cho con cháu sau này.

Lại nói sự ngạo mạn của người Tàu, quả là nó trái với đạo lý của chính nước họ là lấy lễ làm đầu, lấy đức khiêm làm đầu. Thử hỏi về lực, quân ta kém gì quân Liêu, quân Hạ, vậy mà ta vẫn giữ cái đạo của nước nhỏ đối với nước lớn. Từ Thái tổ nhà Lý ta đến bây giờ, thường giữ lễ tu cống rất đều đặn và hậu hỹ. Đời Thái tổ bảy lần cử sứ đoàn sang thăm viếng với bao lễ vật quý giá. Đời Thái tông (tức tiên đế) cử tới chín đoàn cống sứ. Ta mới lên ngôi năm trước, năm sau đã cử sứ sang châu với biết bao cống vật quý giá. Lại cách đây vài năm, ta sai Mai Nguyên Thanh đem một cặp kỳ lân sang cống. Thử hỏi trên đời còn có loài thú nào quý bằng kỳ lân. Cống vật đã đưa đến Quảng Châu, triều đình nhà Tống bàn bạc không biết con kỳ lân như thế nào. Có kẻ lại còn nói nó giống con trâu nước. Sau triệu Tư Mã Quang đến hỏi. Quang chỉ dám nói nước đôi rằng, nếu nó là kỳ lân thật mà không gặp thời thịnh lại hóa ra diêm gở. Ấy là y dựa theo ý Khổng Tử giảng giải về con kỳ lân. Tử nói, kỳ lân chỉ xuất hiện vào thời

thịnh, có thánh nhân ra đời. Quang lại nói, nhược bằng con vật ấy không phải kỳ lân thật mà ta nhận, thì người phương xa lại cười cho. Thế là Tống Nhân tông chỉ dám gọi đôi kỳ lân của ta là thú lạ và sai để lại Quảng Châu chứ không đưa về Biện Kinh nữa. Đúng là đã đốt lại còn cứ làm ra vẻ ta đây. Ngạo mạn hơn nữa là Tống Nhân tông chỉ phong cho Thái tổ cao hoàng đế của ta chức kiểm hiệu thái phó. Ngự sử đại phu, thực ấp một ngàn hộ, thực phong bốn trăm hộ.

Còn tiên đế (Lý Thái tông) thời Tống Nhân tông cũng chỉ phong kiểm hiệu thái úy.

Ta cũng vậy thôi, cũng chỉ là kiểm hiệu Thái úy. Cả ba đời, họ cũng chỉ gia tới Giao Chỉ quận vương.

Vậy chớ các người đã thấy sự hờn hĩnh, sự ngạo xược của các vua nhà Tống chưa. Truy cho cùng thời ta thấy nhận định của Thái sư về người Tàu có nhẽ nó là cốt lõi của sự thật.

Điều thứ hai ta muốn nói với các khanh về biên sự. Các khanh cũng như ta đều biết, Tống Nhân tông rất sợ sự rắc rối ở nam thù. Bởi bắc thù, tây thù đã làm họ khốn đốn rồi. Thế mà các biên thần của Tống triều lại không nhận ra điều đó, cứ muốn gây biên hấn để lập công. Theo ta, tương kế tựu kế, nhân thời cơ này ta cứ trừ liệu binh lực cho thật tốt. Ấy là ta nói tình binh kia, để khi ta phản kích khiến họ trở tay không kịp. Ta sẽ

thu hồi lại các vùng đất mà họ cướp của ta từ thời Hán, thời Đường. Cơ hội này mà không thu hồi lại đất đai bị họ cướp thời không còn cơ hội nào khác nữa. Vả lại từ Thái tổ đến Thái tông đều nghiêm huấn: “Một thước một tấc đất của tiền nhân để lại cũng không được để lọt vào tay quân thù”. Bởi thế việc này phải tính thật kỹ, thật kín nhem. Người không cần biết thì không cho biết. Nếu muốn đánh mặt bắc, ta phải làm như sắp khởi đánh mặt nam. Vậy chớ ý các khanh thế nào nói cho ta được biết.

Thái sư Lý Đạo Thành từ lúc nghe nhà vua nói phương lược đối với nhà Tống, trong lòng ông có hơi ngại nếu không may để chiến cuộc Việt - Tống nổ ra thời đó là một hạ sách. Suy tư cân nhắc mãi ông nói:

- Tâu bệ hạ, phương lược đối sách của bệ hạ có hai điều mà thần nghĩ đó là kế sách dài lâu của Đại Việt, không chỉ cho một thời mà là muôn đời. Việc chính là đối với nước Trung Hoa ta phải mãi mãi chung sống, mãi mãi hòa hiếu với họ. Nhưng khi cần ta cũng phải có sẵn đê, miễn không di quá cái hạn giới để có thể nổ ra chiến tranh giữa hai nước. Việc kế nữa mà bệ hạ chỉ ra là ta không những không để mất một thước một tấc núi sông do tiền nhân để lại vào tay giặc, mà còn phải thu hồi đất đai người Tàu đã chiếm của ta từ đời Hán, Đường tới nay.

Tâu, thần chỉ là một chức quan hình chính, thần sẽ tuân các điều chỉ dụ của bệ hạ làm phương lược điều hành bộ máy. Còn đánh dẹp như thế nào và vào lúc nào thời bệ hạ sẽ sáng suốt định đoạt. Vả lại, bệ hạ đã từng làm tướng lại có thiếu úy Thường Kiệt là bậc trí tướng giúp rập, thần tin là nếu bệ hạ đã ra quân đều thủ thắng.

- Thế còn Thường Kiệt, ý khanh thế nào? - Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, những điều cần chỉ ra trong phương lược nhất thời và trường cửu bệ hạ đã có dự bảo rồi. Thái sư lại nhấn vào hai việc quan yếu nhất và cũng dè chừng để không nổ ra chiến tranh. Theo thiên ý của thần, nhân chuyện Tiêu Chú gây rối biên sự, thời cứ chỗ nào y xua lính vào cướp bóc, ta đánh dần sang vừa là trừng phạt, vừa là chiếm đất. Ta cứ chiếm quá đi cái phần cần đòi, tới lúc họ buộc phải thương lượng đòi đất thì ta lui về giữ đúng phần đất ta định đòi, có thế ta mới rút quân, bằng không cứ giằng co thương lượng, họ chẳng làm gì nổi mình đâu. Vả lại các việc nhỏ, nay động này mai động khác nhà Tống chẳng vì thế mà gây sự với ta được.

Nhà vua mỉm cười, ngài tỏ ra rất hài lòng:

- Các khanh thật là sáng suốt. Ta biết thái sư nghĩ tới kế dài lâu của Đại Việt nên nhắc khéo ta quan tâm

đến việc hòa hiếu với người Trung Hoa và tránh không để chiến tranh có thể xảy ra. Còn thiếu úy lại hiến kế đánh nhỏ, đánh lẻ để đạt mục đích lớn. Thật ra thì Thường Kiệt lại dùng đúng cái kế sách của người Trung Hoa đã thực thi tới cả ngàn đời về sự mở mang cương giới mà không cần tới chiến tranh.

Trước hết có mấy việc ta giao cho các khanh cáng đáng. Việc hình chính nội trị, Đạo Thành lo giữm ta. Còn Thường Kiệt vào phía nam xem xét binh tình, bố phòng binh lực để người Chiêm không thể bất ngờ quấy phá ta. Khi đi kinh dinh phía nam cứ để lộ hình tích cho cả người Tống, người Chiêm được biết. Ta sẽ ra đi kín nhem như một đám thợ săn lên Lạng Châu trao công việc cho cha con phò mã Thân Thiệu Thái với công chúa Bình Dương. Cũng nhân thể ta đi thăm em gái và phủ dụ đám phen giậu trên đó. Lưu thủ kinh sư ta giao cho thái sư Lý Đạo Thành cùng thái úy Quách Thịnh Dật.

Bãi châu đã hơi muộn, nhà vua lên kiệu về thẳng cung Diên Thọ vấn an Mai thái hậu.

IX

Từ ngày bà đồ mất, ông đồ lâm vào cảnh gà trống nuôi con. Chưa bao giờ ông nghĩ tới việc bà lại bỏ ông ra đi sớm như vậy. Sự đột ngột chia xa ấy làm ông không chỉ đau buồn mà còn hẫng hụt. Ông vẫn dạy mấy lớp học trò. Lớp lớn nghỉ, lớp nhỏ, lớp nhỡ lại thay nhau lên. Ông tự coi mình như một người chở dò. Khác với khách đi dò, qua sông là quên bến, quên dò, quên cả người chèo lái. Khách dò của ông là những người có nghĩa có nhân. Trong mấy chục năm dạy trẻ, có đứa đã thành đạt, đã là quan nọ quan kia. Cho dù đứa thành đạt quan cao cũng như đứa trở về nhà cày ruộng vẫn một lòng giữ lễ, kính thầy. Và rồi cái đám đồng môn ấy, lớp trước lớp sau, họ đều coi nhau như anh em trong một nhà. Cũng từ khi bà đồ mất, anh trưởng tràng nhóm họp tất cả những người đã học thầy lại bàn bạc. Cuối cùng, họ đồng lòng xin với thầy cho họ đảm trách việc cày cấy gặt hái hai mẫu ruộng cho thầy để thầy đỡ vất

vả, cô Khiết thì còn nhỏ không dám đương được việc đồng áng nặng nhọc. Cô Khiết chỉ chăm lo việc nhà, săn sóc thầy và sớm hôm cơm nước với quanh quần vườn tược, chợ búa cũng đủ nhọc rồi.

Ông đồ cảm động đến ứa nước mắt bởi cái nghĩa mà dám học trò muốn đền đáp. Dằn lòng, ông nói với các trò:

- Nhân có anh trưởng tràng cùng các con, thầy chẳng may nửa đường đứt gánh, sự nhà gặp muôn vàn khó khăn vì neo người quá. Nay các con lại bảo nhau gánh vác giúp thầy. Thầy không dám chối từ, nhưng ý thầy thế này. Nhà có hai mẫu ruộng, một con trâu, trước đây còn bà đồ thì một tay bà lo liệu thuê mượn người làm, mùa vụ thế nào thầy đâu có biết. Công việc của thầy là đọc sách rồi truyền dạy cái đạo học của thánh hiền cho các con. Bây giờ ý thầy định là con trâu thầy sẽ cho người ta một nửa để họ chăn, chỉ khi nào cày bừa mình mới bắt. Con trâu mỗi vụ có thể làm bốn, năm mẫu, mình chỉ ghé có một mẫu thôi.

- Thưa thầy sao lại một mẫu, nhà mình những hai mẫu ruộng kia mà?

- Biết rồi, thầy chỉ nhờ các con cấy một mẫu để lấy lúa ăn quanh năm. Còn một mẫu thầy cho mấy người bà con trong xóm mượn tạm, khi nào em Khiết nó lớn, cày đáng được thì lại lấy về. Ý thầy quyết như thế, các

con nên nghe thầy, còn để thì giờ mà học.

Anh trưởng tràng lên tiếng:

- Con xin đỡ lời thầy. Chúng con định các việc làm ruộng hoặc chăn trâu, chủ yếu là đám chúng con đã trưởng thành, đã có gia đình vợ con. Với các chú đang trong tuổi học, chúng con chỉ cần mấy chú giúp thêm các việc nhẹ ngày mùa như phơi lúa, phơi rơm rạ; cho rơm rạ lên đống, cho lúa vào bồ, vào cót. Trâu thì chúng con chia ra mỗi nhà chỉ chăn một ngày, quay vòng một tháng mới đến lượt. Thầy không phải áy náy, thầy dạy dỗ chúng con hết lớp ấy đến lớp khác, thầy không nhận của cha mẹ chúng con một thúng gạo, một quan tiền nào. Nay có dịp, thầy để cho chúng con được đền đáp phần nào công ơn thầy, nếu không chúng con trở thành những kẻ vô ơn, chỉ biết tri mà không biết hành, có học mà không có hạnh. Vả lại trong lớp chúng con, có phải tất cả đều cố cày vai bừa cả đâu; thầy chẳng thấy người thì làm ở phủ, người làm ở lộ, lại có người làm ở Thăng Long nữa.

Với vẻ khó nhọc, ông đồ Lê Trung Lương chậm rãi:

- Thầy đã nói rồi, các anh nên nghe thầy. Chính cái lòng của các anh đối với thầy là các anh đã làm sáng tỏ được đạo học. Thầy mừng rằng các anh dù không thành tài cả, nhưng tất cả đều thành người tử tế.

Trưởng tràng lễ phép:

- Thưa, chúng con xin tuân theo ý thầy.

Thầy đồ nhìn về phía các học trò, ngấp ngừng một lát, thầy nói:

- Vài ngày nữa tới lễ bách nhật bà đồ, các con tận tụy với thầy như thế, chắc vong linh bà đồ cũng mát mẻ, siêu thoát. Ta muốn sau lễ bách nhật thời các con ai về nhà nấy, thầy cùng em Khiết cũng phải sống như bình thường thôi. Ông đồ dừng nói mà vẫy tay gọi:

- Sĩ Thoại! Sĩ Thoại lại đây thầy bảo.

Sĩ Thoại bèn đứng lên đi về phía người thầy học.

- Thưa thầy có điều gì dạy con ạ?

- Sĩ Thoại, thầy chịu ơn con nhiều. Bây giờ con phải nghe thầy, sau lễ bách nhật bà đồ, con sang ngay bên thầy Gủ để tiếp tục việc học hành. Vì gia đình ta, con phải nghỉ học lâu quá.

Sĩ Thoại bịn rịn:

- Thưa thầy, thầy cho phép con ở lại với thầy đến giỗ đầu của cô, rồi con sẽ sang học bên thầy Đông Cửu.

- Con cứ nghe thầy, sau bách nhật bà đồ, con sang học ngay bên thầy Gủ, thỉnh thoảng con về nhà ghé thăm thầy là đủ, nếu không thầy sẽ buồn mà phát bệnh.

- Dạ, con xin tuân ý thầy.

Trong khi ông đồ trò chuyện với các học trò thời cô Khiết, con gái thầy đầu chít khăn tang, mặt buồn rười rượi bê nước đi mời các anh hết bàn này sang bàn khác. Tất cả những gì các anh nói với thầy hoặc xì xào chuyện riêng đều lọt hết vào tai cô. Ví như anh trưởng tràng là người khéo thu xếp, lại dám mạnh dạn nói với thầy mọi việc. Hoặc các anh bàn tán về cái nhà anh thân đồng Lê Văn Thịnh ở bên Đông Cứu, tức bên làng Gủ. Cả chuyện thầy đồ Lê Minh Quang, cha đẻ của Lê Văn Thịnh nổi tiếng hay chữ, đến con cái các thế gia ở Thăng Long cũng về đây xin học. Rồi các anh hỏi chuyện anh Sĩ Thoại về học hành, nhất là về sự giỏi giang thông tuệ của cái nhà anh Lê Văn Thịnh.

Đúng là mọi việc rồi cũng sẽ qua đi. Người chết thì đã chết, còn người sống vẫn cứ phải sống, thế nhưng sự cô đơn trống trải của cha con thầy đồ Lê Trung Lương vẫn như một vết thương không bao giờ kín miệng. Căn nhà năm gian sau giờ học, học trò về hết trở nên hoang vắng. Cô Khiết chỉ ở nhà ngang, trừ những khi đem nước nóng cho ông đồ pha trà, khi quét dọn nhà, lau tràng kỷ hoặc bê cơm lên mời cha ngày vài bữa. Ông đồ ăn uống chênh mảng, ông cứ đi tha thẩn trong nhà, âm thầm như một chiếc bóng, khi ngược nhìn lên mái nhà theo tiếng vo vo đập cánh của một con tò vò, khi cúi nhìn một đàn kiến di chuyển qua khe nứt chân tường. Ông cứ ngắm, cứ nhìn vu vơ như một người vô cảm.

Bỗng một con thạch sùng tặc lười ở một khe, một xó nào đó mà tiếng vang của nó như chứa chát cả năm gian nhà khiến ông đồ có cảm giác ngọt ngọt. Ông lững thững bước ra vườn, nơi có treo chiếc lồng chim cu gáy. Con chim mà ông nuôi nó đã gần chục năm, có giọng gáy thổ đồng bỏ năm cực quý. Tiếng chim cu gáy như đã gắn kết với tuổi thơ ông. Vì vậy mỗi khi nghe giọng nó cất lên là hồn vía ông lại bay về với lũy tre rợp mát bao quanh những khoảnh vườn, bao quanh cả xóm làng, bao từ làng nọ sang làng kia như một rừng tre bát tậ giữa những đồng lúa vàng bát ngát. Nhớ hồi nhỏ, không biết năm mấy tuổi, chắc là ba bốn tuổi gì đó, vào một buổi trưa mùa đông nắng vàng hoa cải, đang mãi miết đuổi bắt một con dế trốn vào luống khoai lang thì ở đâu đó bật lên tiếng chim cu gáy. Để ý lắng nghe thì chẳng thấy động tĩnh gì. Vừa lững thững bước đi thì tiếng gáy lại bật lên, nghe như quanh quất đâu đây, như từ giữa các lũy tre rậm rạp cao vút kia, lại nghe như xa thẳm từ nơi nào đó vọng về. Và từ ấy cậu bé Lê Trung Lương cứ đinh ninh rằng tiếng chim cu gáy được ủ giấu trong các lùm tre rậm. Ký ức như òa vỡ khi ông đứng trước lồng con chim gáy, và với cử chỉ quen thuộc, ông đồ bốc nắm thóc rồi mở cửa lồng bỏ vào chiếc cồng sứ có màu xanh ngọc; thay vì sập then xuống thì ông lại phải tay bước đi. Chợt nghe tiếng vút gió, ông đồ quay lại chỉ vừa kịp nhìn con chim quý của ông lao nhanh lên trời và mất

hút sau các lùm tre. Và thế là ông cứ đứng đó nhìn mãi hướng chim bay. Lòng trống vắng, ông đi lang thang trong vườn nhìn ngắm mấy cái cây quen thuộc. Ông có cảm giác từ ngày bà đi biệt thì cây cối trong vườn như cũng rũ buồn, cứ như chúng để tang bà đi. Quả thật, ông không còn nhìn thấy sắc lá mơn xanh, nụ hoa thắm đỏ, hoặc có những lúc cả hoa lá đều bần bật reo vui như thuở nào thường thấy. Đúng là từ ngày bà đi vĩnh biệt cha con ông thì cái sinh khí của ngôi nhà này cũng đã theo bà xuống mồ. Sau buổi sáng, dám học trò về hết, nhà cửa nhà ông vắng lặng, mèo không kêu chó không sủa. Vườn trước vườn sau bật vắng tiếng chim. Chim nhà thì xơ lông bay mất, chim văng lai thì tuyệt không lai vãng nữa.

Ông đồ trầm ngâm bên chén rượu, nhớ lại những gì trong mấy chục năm chung sống với người vợ hiền. Bà cứ thủ thi, cứ nhỏ nhẹ làm theo ý ông, bà như cái bóng của ông. Bà cũng đọc sách, cũng hiểu thấu cả nhẽ đạo, nhẽ đời. Bà vẫn cặm cụi hãm trà, làm cơm rượu hầu ông mời khách. Thuần những bạc văn nhân tao nhã. Các ông thường đàm luận về những điều xa xăm, huyền huyền của Bách gia, Chư tử các đời. Chẳng bao giờ bà tham gia vào việc của các ông. Bởi trong con mắt mấy nhà nho thì đàn bà là thuộc âm, là xấu, gở; đàn bà là

“khảm”¹, là nước rất hung hiểm.

Tuy vậy, tính nết các ông thế nào, bà biết hết. Chẳng phải xem nết các ông ăn, các ông uống rượu hoặc cách hành xử của các ông với bà con trong họ, ngoài làng, mà chính là xem cách các ông sùng bái những vị thánh nào mà các ông tôn thờ. Ví như ông đồ Gủ - ông Lê Minh Quang tính tình bộc trực, bàn việc gì cũng lấy lẽ làm đầu, lấy dân làm gốc²; vì thế ông Gủ cho học thuyết của thầy Mạnh Kha là hợp với Đại Việt mình hơn cả. Còn như ông đồ Khanh ở Sơn Nam thượng lại thiên về việc tổ chức xã hội phải chặt chẽ theo kỷ cương, rường mối thời không thể lấy lẽ mà khiến được thiên hạ. Bởi cái ngu, cái tham không quan tâm đến lẽ mà phải có hình luật nghiêm để răn đe, để trừng trị thì mới khắc chế được. Vì vậy ông này có ý tôn thờ Hàn Phi Tử người đứng đầu phái pháp gia... Đại loại như vậy. Bà cứ xem cung cách các ông đàm đạo, các ông tranh cãi, các ông tôn sùng tự khắc bà biết được tính nết và cả sự đục trong ở nơi nhân cách mỗi người. Cái nết hiểu biết mà không nói, mà như không hiểu biết gì của bà đồ lại

1 Một quẻ trong kinh Dịch. Tượng quẻ chỉ về nước, chứa chấp sự hung hiểm khó lường.

2 Khi đàm đạo với Lương Huệ vương, Mạnh Tử có câu nói rất nổi tiếng: “Dân vi bản, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”. Nghĩa là: Trong một nước thì dân là gốc rễ căn bản, thứ đến là đất đai sông núi, còn như vị trí của nhà vua thì nhẹ hơn.

khiến ông trọng nề. Nay bà bỏ ông đi rồi, tất cả lời ăn tiếng nói, cách cư xử tề gia quán xuyên đã theo hình theo bóng bà đi hết rồi. Vì thế nhà cửa mới hiu quạnh, vườn tược mới xơ rơ như vừa qua một trận lụt làm cho cây thối rễ cứ chết dần chết dần. Đau thương mất mát này đến ông còn không chịu nổi, thế mà con gái ông mới mười hai mười ba tuổi bỗng nhiên mất mẹ như chim non gặp bão, chẳng hiểu ông có làm được chỗ tựa cho đứa con gái côi cút của ông không.

Lại nói, Sĩ Thoại sau lễ bách nhật bà đồ liền thưa chuyện với cha mẹ:

- Con xin phép thầy bu từ mai con lại sang học bên thầy Gủ.

Ông Phúc hỏi lại:

- Thầy bu đã bảo con ở lại tới hết giỗ đầu bà đồ rồi con hãy sang bên thầy Gủ kia mà. Nhà mình với nhà ông bà đồ vốn là chỗ thân tình, ông đồ lại mến con, nếu có con chạy đi chạy về, cha con ông đồ cũng bớt nỗi trống trải.

Bà Phúc liền nói xen vào:

- Mấy lại cô Khiết mới tí tuổi đầu đã mồ côi mẹ, thương quá. Nhà lại không có kẻ ăn người ở, mọi việc từ nay cô ấy phải cáng đáng cả. Liệu cô ấy có biết làm ăn, có chịu thương chịu khó không con.

- Dạ, thưa thầy bu, con đã nói thầy đồ cho con ở

lại như ý thầy bu, nhưng thầy đồ con không chịu. Thầy bảo: "Nếu con không nghe, thầy sẽ suy nghĩ mà bốc bệnh". Còn về cô Khiết, con thấy cô ấy có nghị lực lắm. Con đã để ý xem các việc ăn uống của thầy đồ con, trước kia bà đồ làm thế nào, bây giờ cô ấy bắt chước mẹ làm y hệt thế. Có điều cả hai cha con đều buồn, đều kìm nén cho nước mắt chảy vào trong. Thành thoảng con bắt gặp cô ấy hay ra chỗ góc đóng rơm hoặc phía sau nhà, lúc trở lại mắt đỏ hoe. Chắc cô ấy nhớ bà đồ, ra chỗ vắng khóc mẹ. Con thương cô ấy như mấy đứa em nhà mình, nhưng chẳng biết nói thế nào cho cô ấy với vợ nổi đau.

- Bu nghĩ bây giờ thì hơi sớm, nhưng cứ để mưa tạnh gió tan, tới giờ hết bà đồ, ông đồ tục huyền là vừa. Trong nhà không có người đàn bà nó chổng chênh lắm. Và lại cô Khiết, vài ba tuổi nữa cô ấy cũng phải xuất giá chứ.

- Bu ơi, việc ấy nói ra lúc này thầy đồ con giận đấy.

- Thì bu đã bảo chờ mưa tạnh gió tan kia mà.

- Hai mẹ con gái góa lo việc triêu đình mãi làm gì, ông Phúc nói. Và ông thêm: - Thầy Lê Trung Lương là một bậc chính nhân quân tử, sao chẳng hiểu cái nhẽ sinh diệt tự tán ở đời. Chẳng qua cái sự mất mát do bà đồ thất lộc nó lớn quá, nên ông đồ chưa lấy lại được sự

quân binh. Năm tháng và cả sự hiểu biết về cái nhẽ sinh lão bệnh tử sẽ giúp ông đỡ thoát ra khỏi cảnh ngộ éo le này. Chỉ có điều ta thương cô Khiết tuổi còn nhỏ mà bất hạnh thì lớn quá. Mai đây ông đồ tất phải tục huyền, nếu gặp được kẻ mẩu là người hiền thực chẳng nói làm gì, không may gặp người nanh ác thời ông đồ cũng khổ, còn cô Khiết nào biết tương lai rồi sẽ ra sao.

Sĩ Thoại xin phép cha mẹ đi soạn hành lý. Nhân tiện bà Phúc nói với chồng:

- Ông ạ, tôi vẫn muốn hỏi nhà cô Khiết cho thằng Thoại nhà mình. Tôi cứ vờ hỏi xem cu cậu có để mắt tới cô Khiết không, chứ tôi chả theo cô cậu ấy từng bước, làm gì mà lọt khỏi mắt tôi. Cô này có cái nét đảm đang lắm đấy. Nhà nào có phúc mới lấy được cô ấy về làm dâu làm con.

- Rõ khéo, bà cứ hay vợ vào. Cô Khiết còn nhỏ lại chịu tang bà đồ ba năm nữa, mà thằng bé nhà mình đã sắp lên mười sáu tuổi rồi, tiểu hoàng nam đến nơi rồi, không cưới vợ, làng người ta bắt khoán thì sao.

- Ấy là tôi cũng nói thế thôi chứ các việc ông dạy, sao tôi chẳng biết. Có điều hơi tiếc cái nhà cô Khiết là người tài đảm.

Chuyện nhân duyên giữa Sĩ Thoại với cô Khiết rồi cũng chẳng đi đến đâu. Ông bà Phúc cứ tưởng dâu nhem được con mình, có ngờ đâu Sĩ Thoại cũng biết hết

mọi chuyện.

Là một chàng trai đang lớn, thấy cha mẹ nói đến lấy vợ, nói về một cô gái, Sĩ Thoại cũng thấy hay hay, nhưng thực ra cậu chưa hình dung được cảnh vợ chồng là thế nào. Tuy nhiên với cô Khiết, chàng lại rất quý và coi như em gái mình chứ thực chàng không thấy khát khao nơi cô một tình yêu trai gái.

Từ ngày trở lại học thầy đồ Cử, điều làm cho Sĩ Thoại kinh ngạc là mới chỉ cách có mấy tháng, chàng thấy Lê Văn Thịnh như đã biến thành một con người khác. Cậu bé này đã lớn vổng lên, chòm râu Thịnh đã chấm cằm Sĩ Thoại. Gương mặt Thịnh khôi ngô, đôi mắt sáng long lanh như thể có thần nhãn, trán cao, mũi thẳng, miệng hơi rộng, nhân trung to, sâu, môi tươi, hai hàm răng đều tăm tắp, men răng trắng như hạt gạo nếp, đôi tai to hơi vùm, dái tay dày. Đôi tay của Thịnh dài, hai bàn tay nhỏ với những ngón thon mềm mại, lòng tay trắng hồng, da tay ấm áp. Đường sinh đạo cong cong chạy tới giữa lòng tay chia làm hai ngã tạo thành một cù lao nhỏ hình quả trám; đường trí đạo một đầu tiếp với đường sinh đạo nơi gò mộc tinh chạy thẳng đến cuối gò thái âm, đường chỉ tay rõ mà sâu. Tướng mạo này chỉ ra Lê Văn Thịnh là một người thông tuệ siêu phàm, một người trực tính, nhân cách đàng hoàng. Điều mà Sĩ Thoại kinh ngạc nhất là sức học của Thịnh kia. Mới có mấy tháng xa nhau mà sức học của Thịnh vượt hẳn lên,

không phải do chỗ Thịnh thuộc nhiều sách, nhớ nhiều tích điển, mà là kiến văn nơi Thịnh có chiều sức tích, uẩn ảo. Bộ Mạnh Tử ngày nào cậu ta chỉ đọc trộm cha một lần mà đã nhập tâm. Nay được cha giảng giải, Lê Văn Thịnh lại nắm được cái vi diệu trong trước tác của bậc á thánh này. Và từ đó chàng bàn rộng tới thuật trị nước, an dân, tu đức, khai trí. Có điều việc tu đức của Lê Văn Thịnh hướng về sự tranh đấu cho lẽ phải, lẽ công bình trong xã hội, chứ không phải cái đức thuận hậu mang tính vô tranh của Phật, Lão. Vì vậy thầy Lê Minh Quang thường răn Thịnh:

- Ta xem cái tạng của con về như rất ái mộ học thuyết của thầy Mạnh Kha.

- Thưa thầy, con thích thầy Mạnh Kha là bởi học thuyết của thầy hướng về con người, gần con người hơn. Và lại nó hướng về sự công bằng xã hội, coi trọng con người và mọi thứ đều phải rõ ràng minh bạch.

- Ta khuyên con nên đọc rộng sang Phật, Lão nữa chớ nên chỉ chuyên tâm có nho học. Đành rằng nho học là đạo của trị bình, một thứ đạo cần cho con người hơn.

- Thưa thầy sao lại thế, cái mà con người cần lại phải dè chừng.

- Vì rằng nho học là thực chứng, chỉ thừa nhận cái gì nghe thấy được, nhìn thấy được và sờ mó được thành

thử cái nhãn giới bị bó hẹp, con người dễ trở nên thiên cận. Trái lại, Lão học thì huyền quá, đẩy lên một chút nữa là huyền, là chơi vơi. Vậy là một đẳng chỉ chuyên chú cái hữu vi, một đẳng chỉ chuyên chú cái vô vi.

Cực “hữu”, cực “vô” đều đẩy đến trạng thái mất quân bình, cho nên phải lấy cái trung đạo để điều hòa, chế khắc thời mới có sự quân bình.

- Thừa thầy cái gì gọi là trung đạo.

Thầy Lê Minh Quang mỉm cười, vẻ điềm đạm, thầy nói:

- Chỉ có đạo Phật con ạ. Đạo Phật không chấp hữu, chẳng chấp vô. Chỉ có đạo Phật mới chế hóa được các phần chấp hữu, chấp vô của Nho, Lão mà đem lại sự quân bình cho xã hội.

Con ơi không phải những điều thầy răn con là của thầy, mà chính là thầy học nơi các bậc tiền bối. Những người này là ai ư?

Đó là thiền sư Đỗ Pháp Thuận, thiền sư Khuông Việt Ngô Chấn Lưu, thiền sư Vạn Hạnh, thiền sư Đa Bảo... cùng không biết bao nhiêu các bậc trí tuệ siêu việt đức cao vọng trọng từ cả trăm năm nay, họ là những bậc minh sư, minh triết dẫn đường cho Đại Việt tiếp nhận tinh hoa của tam giáo.

Ngẫm nghĩ giây lát, thầy đồ Gủ lại dẫn dụ:

- Ta tin sức học của con thế này, nếu con cứ tiếp

tục vừa rèn trí vừa rèn đức, ắt sau này tham gia vào việc nước, con sẽ giúp ích cho đời. Nhưng con nhớ nhờ ta dẫn, đường mà các bậc tiền bối đã sớm khai mở, con gắng noi theo, chớ có hợm mình mà đi vào con đường khắc bạc của phái Pháp gia, thời trước sau cũng mang họa vào thân. Còn như muốn canh cải thời phái có đủ trí, đủ tài, đủ lực và cũng phải gặp thời nữa thì mới làm được. Con há chẳng biết chủ trương hình pháp khắc bạc của phái Pháp gia sao. Ấy là ta cũng có nhờ răn trước con, kẻo khi chẳng may quyền lực rơi vào tay, người ta say nó như kẻ say á phiện, khó mà dứt ra được. Và rồi nhúng tay vào tội ác mà vẫn cứ tưởng mình làm việc thiện, hại dân dấy mà vẫn cứ tưởng là vì dân.

- Thưa thầy, đó là công việc của các bậc tế thần, con chỉ là một đứa học trò nơi thôn dã, thầy cho học đến đâu con học đến đó rồi lớn lên vừa cày ruộng vừa đọc sách; thầy cứ yên tâm, chẳng bao giờ con dám nghĩ đến các việc cao xa ấy đâu.

- Ấy là cũng vui miệng thầy nói vậy thôi. Ông đồ vượt râu cười ha hả. - Đúng là cha con mình chỉ hảo huyền như anh chàng học nghề mổ rỗng vậy.

Đại khái những chuyện như thế Sĩ Thoại nghe và thấy ở nhà thầy đồ Gủ khiến cậu vừa vui, vừa buồn. Vui vì được thầy giảng giải cho những điều vi diệu về đạo và về đức cùng những lời răn dạy không chỉ cho hôm nay

mà còn phòng cho mai hậu. Thầy dạy con thầy nhưng kỳ thực thầy dạy cho tất cả. Ai chịu khó nghe, chắc sẽ ấm vào thân. Khi đối mặt với cuộc đời thì đó sẽ là vốn liếng trong cung cách hành xử. Vui nữa là được học với một người có đầu óc siêu việt như Lê Văn Thịnh mà người đời thường gọi cậu là thần đồng. Thực ra cậu ta học rất nhẹ nhàng, lên lớp cũng ngồi nghe thầy giảng như mọi người. Duy có khác là thỉnh thoảng cậu dám hỏi lại thầy. Đôi khi tranh biện nữa. Còn học thì cậu ta chẳng phải khổ sở như mọi người, cứ ra rả như cuộc kê đêm hè. Cậu ta chỉ đọc một lần rồi kiếm sách truyện khác đọc hoặc đi chơi. Thả diều và bẫy chim là thú chơi của cậu. Vì thế suốt ngày bêu nắng, da đen nhẻm, tóc đỏ như râu ngô, khiến bà đồ luôn rầy la vì sợ con cảm ốm.

Còn nỗi buồn của Sĩ Thoại, là cậu cảm thấy tủi thân. Tại sao mình cũng là người, Thịnh cũng là người, thậm chí Thịnh còn ít hơn mình tới bốn tuổi, thế mà Thịnh giỏi, mình thì xoàng.

Thật ra trong đám học trò của thầy Gú, cậu Thịnh thuộc hàng ưu biệt chẳng ai so đọ được. Nhưng nếu trừ Thịnh ra thường thầy Gú vẫn liệt Sĩ Thoại vào hàng nhất nhì, được thầy quý. Có lần thầy nói trước cả lớp:

- Đạo học quý nhất là ở chỗ nó được thực hành. Không phải cứ học giỏi mà hành giỏi đâu. Muốn thực hành được đạo phải có bản lĩnh. Bản lĩnh là cái gì? Là

cái trước hết mình phải tin vào việc mình sắp làm, sẽ làm hoặc đang làm là đúng. Làm thế nào để biết cái sự đúng hoặc sai khi ta đang tiến hành công việc ư? Thì phải kiểm xét xem cái việc ta đang làm đó phát xuất từ đâu và vì lợi ích của ai?

Nếu không vì lợi ích của riêng mình, cũng không vì lợi ích của người quyền cao chức trọng, lại chẳng vì lợi ích của vài người giàu có mà phát xuất từ lợi ích của đám dân nghèo khổ cần được chở che, hoặc cao hơn nữa là phát xuất từ lợi ích của quốc gia, của dân tộc thì việc làm đó hẳn nhiên là đúng và luôn thành tựu. Nói cho cùng, những việc làm như thế đến đức vua cũng không thể bắt bẻ, quở trách, còn kẻ gian hiểm dù có đổ ky đến mấy cũng không nhằm vào đâu mà xúc xiểm được.

Ngưng nghỉ giây lát, thầy lại nói:

- Thâu gọn lại, nếu muốn làm được việc hữu ích cho đời thì phải xem việc đó nó phát xuất từ lợi nhân hay lợi kỷ, lợi quốc hay lợi gia. Nếu kẻ nào nhân quan thiên cận làm việc gì cũng vị kỷ, vị gia thì muôn việc khó thành, và đó chính là hành vi của lũ tiểu nhân. Các trò nên biết, nếu ai đó đã vị nhân, vị quốc, đích thị họ là bậc chính nhân quân tử. Những người như thế thì dù tiền bạc hoặc danh vọng, chẳng có gì lung lạc được họ. Thầy tin những trò có tấm lòng quảng bác, khoan dung

và có tâm hướng thiện như các con dây sẽ biết cách hành xử khi vào đời.

Vừa nói thầy đồ Gủ vừa nhìn sâu vào đôi mắt của Sĩ Thoại, ngầm như muốn bảo: “Con được như vậy” khiến Sĩ Thoại cảm động, nhưng cậu lại ngượng, mặt đỏ lựng lên như người vừa uống rượu.

Thấm thoát đã tới giờ hết bà đồ. Ông đồ và đám học trò làm lễ sang cát cho bà đồ xong, không khí trong nhà đã dần dần ấm áp, đã có sức sống trở lại. Cô Khiết cũng vào tuổi mười lăm lớn vống lên, đôi vai tròn lẳn, ngực căng phồng, môi và má lúc nào cũng hồng hào như vừa mới tô son, thoa phấn. Khiết có gương mặt trái xoan thanh tú, nom giống bà đồ thuở con gái. Gương mặt bà đồ thuần phác, trái lại cô Khiết thì đậm đà sắc sảo hơn. Cô có hàm răng đều tăm tắp, mỗi khi cười cả gương mặt bừng sáng khiến ta có cảm giác hàm răng trắng và đôi môi mọng đỏ kia tựa như cái đài hoa của một bông hoa đẹp. Nhan sắc của cô cứ mỗi ngày một lộ ra sau những nếp áo váy mộc mạc. Hằng ngày cô chỉ vận chiếc áo cánh màu thanh cát hoặc màu nâu với chiếc váy màu thanh cát hoặc màu rêu sẫm. Các màu đó cũng như các thứ vải đó ở thôn quê nhà nào cũng tự dệt tự nhuộm được. Nhiều nhà còn trồng được cả bông hoặc chăn tằm lấy sợi dệt. Nhà nào không trồng được bông thì mua sợi về dệt. Nhà ít người thì một khung dệt, nhà đông người thì hai ba khung dệt, dệt

vào lúc nông nhàn. Vải thì nhuộm có mùa, chủ yếu là mùa nắng hanh từ tháng chín tháng mười. Nâu thì lấy vỏ cây chang, cây vẹt nấu lấy nước đặc để nhuộm. Mỗi tấm vải nhuộm người ta khâu chặn ở hai đầu để xổ que. Vải nhuộm dẫm nước vỏ xong vắt khô, xổ que rồi căng trên bốn chiếc cọc ở hai đầu. Cách nhuộm và phơi như thế gọi là giặt vải. Nhuộm cho tới lúc vải lên màu nâu sẫm hoặc nâu tươi, tùy theo lứa tuổi mà định màu. Khi thấy màu vải đã được, người ta bèn giã củ nâu nhựa lọc lấy nước rồi cho vải vào nhuộm. Ít nhất phải nhuộm từ ba tới năm nước nâu nhựa để giữ cho màu không phai, bạc. Củ nâu thì đào trên rừng. Còn vỏ chang vỏ vẹt lấy tại các bãi nước lợ, nước mặn vùng ven biển. Màu chàm thì nhuộm bằng lá cây sồi. Màu đen thì sau khi nhuộm vỏ, nhuộm nâu rồi lấy bùn ngấu pha nước, nhấn chỉ một hai lần đã có màu đen nhức.

Từ khi bà đồ mất, cô Khiết trở thành chỗ tựa của ông đồ. Tuổi nhỏ, nhưng sớm phải lo toan bươn chải, nhưng tất cả những vất vả cực nhọc cũng không kìm được sức xuân cứ trỗi lên trên gương mặt thiếu nữ của cô Khiết. Trong làng đã nhiều nhà định nhắm nhe, nhưng ngặt vì cô Khiết còn đang có trở, phải một năm nữa mới đoạn tang.

Trong làng nhiều người ái ngại cảnh gà trống nuôi con của ông đồ, nên từ sau giỗ hết, nhiều người đã toan khuyên ông tục huyền. Người đầu tiên khuyên ông lại

là ông đồ Gú.

Một bữa ba thầy trò ông đồ Lê Minh Quang lóc cóc từ làng Gú sang làng Sủi. Tới nơi, ông đồ Gú nói luôn:

- Bữa nay ba thầy trò tôi sang thăm tiên sinh, nhưng xin tiên sinh cho phép anh Sĩ Thoại cùng thằng cháu Thịnh nhà tôi về đặng ông bà Phúc. Anh em nó mến nhau, cho chúng đi với nhau, còn tôi với bác trò chuyện cho nó tỉnh.

Ông đồ Lê Trung Lương dường như đã đoán được tới tám chín phần điều mà người bạn mình sắp nói. Ông cười vui vẻ:

- Chẳng mấy khi tiên sinh và các cháu sang chơi. Cứ thông thả, cơm nước xong rồi chiều tiên sinh cùng các cháu qua chỗ ông bà Phúc, lo gì.

Tuy vậy, thầy Lê Trung Lương vẫn cứ phải chiều theo ý bạn để Sĩ Thoại dẫn Lê Văn Thịnh đi xem phong cảnh làng Sủi và về thăm ông bà Phúc.

Dám trẻ đi rồi hai thầy đồ ngồi uống nước. Cô Khiết sau khi hãm xong ấm chè mạn sen, lại hãm luôn cả tích nước chè xanh hái từ vườn nhà, rồi cô ý tứ xin phép:

- Con mời thầy, mời lão bá xơi nước, con xin phép xuống nhà.

Kỳ thực Khiết đi lo bữa trưa.

Thoạt tiên Khiết xách chiếc nơm ra chân đồng rơm nằm khuất lấp phía đầu nhà, rồi bốc nắm gạo như đàn gà. Hơn chục con gà giò đang đói lách rích đi theo những hạt gạo do cô chủ rắc loáng thoáng trên lối đi. Khiết đặt nghiêng chiếc nơm, dùng cây đòn gánh bênh miệng nơm rồi rắc gạo vào trong. Đàn gà líu ríu tranh nhau nhặt nhạnh hết những hạt gạo do cô chủ rắc thừa thoáng ở phía ngoài rồi đứng nhìn đồng gạo nằm sát phía những chiếc rặng nơm đặt ghếch. Chúng có vẻ nghi ngờ chưa dám xông vào. Bỗng một chú gà cánh tiên điều lép kẹp từ đâu chạy tới, vừa trông thấy đồng gạo lập tức lao vào mổ tới tấp, thế là cả đàn hơn chục con ào vào. Khiết nhẹ nâng cây đòn gánh thả chiếc nơm ụp xuống. Lũ gà chạy thoát gần hết, chỉ còn ba bốn con mắc kẹt lại trong lồng. Giữ lại con mái mơ để giết thịt, những con khác được thả ra, chúng chạy túa cả về phía bụi rậm.

Khiết hí húi làm cơm.

Sau vài tuần nước, ông đồ Gủ vào chuyện:

- Bữa nay sang thăm bác, phần là nhớ nhau, nhưng cũng có tí chút việc. Tôi chắc người tinh ý như bác... ông đồ Gủ bỗng ngập ngừng.

- Già ơn bác đã vì kẻ bất hạnh này mà vất vả, - ông đồ Sủi tiếp lời.

- Nói gần nói xa chẳng qua nói thật, tôi vốn tính

lỡ mãng chém to kho mận, nói bác bỏ lỗi, tôi thấy bác cảnh gà trống nuôi con cực quá. Bác gái chẳng may xấu số, âu cũng là mệnh trời, một khi đã là thiên mệnh thì ta còn biết chống trả bằng cách nào đây. Nay bác đã lo cho bác gái mồ yên mả đẹp, lại cũng đã mãn tang. Cái tình, cái nghĩa đối với nhau thế cũng là vẹn. Bác nên tục huyền. Một phần có người đỡ dần việc nhà việc cửa, phần nữa là cháu Khiết đã lớn, rồi cháu cũng phải xuất giá chứ. Vậy chờ bác tính sao?

Ông đồ Gù gút lại như thế, khiến ông đồ Súi không thể không đáp lời bạn.

- Điều bác dạy thật chí phải, nhưng quả thật bà đồ nhà tôi mất đi khiến tôi hằng huyệt lao đao. Tới lúc này tôi vẫn còn như gà phải cáo, thật tình tôi chưa dám nghĩ tới điều bác khuyên.

Ông đồ Gù cười khà khà:

- Đúng thế! Đúng thế! Bác chưa nghĩ tới việc tục huyền là đúng. Vì rằng cuộc đời nó làm cho bác vừa chán chường vừa mệt mỏi. Nhưng ta thử bình tâm mà suy xét xem, liệu ta có thể cứ ở mãi thế này được không? Liệu ta có đặt đứa con gái côi cút của ta vào hoàn cảnh khó xử cho nó không? Thành thử lúc này bác liệu dần đi là vừa.

- Cám ơn bác đã nói đúng tâm trạng của tôi, cảnh ngộ của tôi. Đúng là tôi quá mệt mỏi. Tôi đang định

thôi dạy học quay về làm thuốc bác ạ. Định nay mai mời cha mẹ các cháu đến cáo lỗi với họ, cáo lỗi với các cháu để chúng tìm học thầy khác. Được cái bây giờ số người làm thầy đồ cũng kha khá chứ không như cái thuở tôi với bác đi học.

- Bác lui về làm thuốc là đúng. Vừa cứu người vừa cứu mình, tôi chắc cha mẹ các cháu có con theo học cũng sẽ cảm thông với bác. Chắc vài năm nữa, tôi cũng đi theo con đường của bác. Bác làm thuốc lại càng cần có nội tướng để giúp rập thêm vào. Tôi cứ hình dung, làm thuốc là bận lắm, như nuôi con mọn ấy, một mình bác khó lòng mà xoay xỏa được.

- Thực ra tôi cũng đã hình dung được điều bác nói, nếu vừa xem mạch vừa bốc thuốc tại nhà thì phải có vài ba người phụ giúp. Riêng việc sao tẩm bào chế, hoàn tán cũng mất nhiều công sức lắm. Ngay người phụ giúp cũng phải am hiểu về nghề thuốc. Rồi cân bốc theo đơn cũng phải có người biết chữ đọc được đơn thuốc, thuộc từng vị thuốc, rồi cân đong phải tỉ mỉ, chính xác đòi hỏi người kiên nhẫn, mát tính.

- Thôi thì nói gần nói xa chẳng qua nói thật, ông đồ Gủ vừa hớp hụm nước vừa ngồi nhích gân lại phía ông đồ Súi. - Tôi đã nhắm cho bác một cô hay đáo để.

Ông đồ Súi giãy nẩy lên:

- Giời ơi, vào tuổi tôi mà bác bảo kiếm cho tôi một

cô, chẳng hóa ra lão già chơi trống bởi a.

Ông đồ Gủ cười hề hề:

- Nói cô là bởi cô này chưa lấy chồng lần nào, nhưng đã đứng tuổi. Số là thế này, bên Ké Noi, cái làng kế làng tôi đó, có một gia đình cha mẹ chẳng may mất sớm, để lại năm chị em, ba gái, hai trai. Đứng đầu là cô chị. Năm cha mẹ mất cô ở tuổi mười bảy, cậu em út mới năm tuổi. Nhà vào loại khá giả ở trong làng. Từ ngày cha mẹ khuất núi, cô trông nom quán xuyến từ việc làm ăn đến nuôi dạy các em như là một người mẹ vậy. Cô vẫn giữ được nền nếp cha mẹ để lại, các em vâng lời chị, một nhà thuận thảo, của nả chìm nổi không bị sa sút. Cô ta lần lượt dựng vợ gá chồng cho các em. Cưới vợ cho cậu út xong thì cô đã vào tuổi ba lăm. Tức là khi lo xong việc cho các em thì người chị đã già. Các em cô rất kính trọng chị. Và cô cũng thường nói đã lỡ thì lỡ một thế. Ở nhà thờ cha mẹ cùng các em cho trọn đạo. Năm nay là ba bảy tuổi rồi. Cô này vừa đảm đang vừa nền nếp, trong làng, kể cả trong vùng đều nể trọng cô. Đó, tôi tìm một cô như vậy để bầu bạn với bác, được chưa.

Ông đồ Súi mỉm cười:

- Nhân cách người này thật đáng trọng. Người như thế sao họ chịu lấy một anh thầy đồ nghèo kiệt lại góa vợ như tôi.

- Bác khỏi lo. Bác có giá của bác chứ. Vả lại tôi

cũng đã tính kỹ, người trẻ quá không xứng là kế mẫu của cháu Khiết nhà bác. Cháu Khiết năm nay mười lăm tuổi phải không. Vậy là cô ấy hơn cháu hăm hai tuổi, xứng tầm xứng tuổi ở địa vị người kế mẫu rồi. Còn nếu như kiếm một người cao tuổi hơn nữa, tưởng lại chẳng giúp được bác việc gì. Vả lại bác cũng cần một người sinh cho bác ít nhất là một cậu con trai để nối dõi tông đường nữa chứ.

- Tôi già rồi, sinh đẻ gì nữa bác. - Ông đồ Sủi vừa nói vừa thở dài thườn thượt.

- Trời ơi bác chẳng nhớ Lão Bạng¹ sinh Châu sao?

- Nhớ, nhưng mà đời có được mấy Lão Bạng.

Đúng lúc Khiết bê mâm cơm đặt kín lồng bàn bước vào cửa:

- Con mời thầy và lão bá dùng cơm. Trưa quá rồi, chắc lão bá đã đói.

Ông đồ Gủ cười xởi lởi:

- Chà, cháu gái tôi đảm quá nhỉ. Nào xem cho bác với bố ăn gì đây.

Cô Khiết vừa đặt mâm cơm xuống liền mở lồng bàn. Đó là một đĩa thịt gà bày kín chiếc đĩa sáu tắc chỉ để hở một vòng tròn thuận những cánh sen đều đặn

¹ Đời cổ bên nước Tàu có ông Lão Bạng sáu mươi tuổi mới sinh được con trai quý như châu báu. bèn đặt tên là Châu.

màu xanh ngọc. Những miếng thịt gà chặt vuông sắc, bày úp phơi ra màu da gà vàng ruộm ánh ánh chất mỡ, trên rắc lá chanh thái nhỏ như sợi thuốc lào. Một đĩa nhỏ bày mười miếng dồi, nom như dồi lợn, trên đặt loáng thoáng dăm bày lát gan, rõ là gan gà. Hai bát chiết yêu canh miến. Một đĩa đầu cánh, chắc là món để hai ông đồ nhấm rượu. Một bát canh rau cải nấu với cua đồng, trên mặt còn tụ những tảng gạch cua vàng cháy. Một đĩa rau thơm, một đĩa hành củ chế mỏng. Một chén nước mắm cáy trong vắt. Một chén muối vắt chanh và lá chanh thái nhỏ để chấm thịt gà. Vài miếng ớt đỏ xắt chéo đặt trong chiếc chén nhỏ xíu như chiếc vỏ sò. Hai chiếc chén uống rượu màu ngọc bích to bằng mắt trâu, một nậm rượu men ngọc to bằng nắm tay.

Vừa uống rượu hai người bạn vừa trò chuyện thật là vui. Ông đồ Sủi bị ông đồ Gủ cuốn vào chuyện khiến quên hết mọi buồn phiền thường nhật.

Cắp miếng dồi ngắm nghía, chấm nước mắm rồi nhai thông thả, ông đồ Gủ liền hỏi:

- Quái lạ, nom như giò lợn mà ăn vào thì lại như giò chó, cũng không phải giò chó. Vậy là thứ gì đây bác. Cô cháu tôi làm cô giới quá. Mà sao bác không cho cháu Khiết ngồi ăn cùng với chúng ta cho vui.

Đúng lúc đó Khiết bê lên một niêu đôi cơm tám thơm phức. Ông đồ Gủ liền khen:

- Cháu tôi làm nội trợ giỏi quá. Ngồi đây cùng ăn với bác và cha cháu cho vui.

Được khen, Khiết thích lắm, cô đáp:

- Cháu cảm ơn lão bá. Cháu xin phép để lão bá với thầy cháu uống rượu, nói chuyện cho vui. Chúng cháu trẻ nhỏ không dám lạm dự.

- Cháu tôi vừa khéo vừa nết na. Bác phải giật mình về tài làm cỗ của cháu đấy. Khéo thế, chỉ một con gà mà bao nhiêu là món. Này cháu gái, nói cho bác hay cái món giò lợn này là thế nào đây.

Ông đồ Gủ thấy Khiết ngập ngừng bèn nhìn ông đồ Súi ý như thăm bảo: - ông nhắc cháu một nhời đi.

Ông đồ Súi liền bảo Khiết:

- Con thừa với bác đi. Dù có vụng về bác cũng thương chứ không quở con đâu.

Cô Khiết bèn lên:

- Thừa lão bá, cháu vụng về không biết nấu nướng, xin lão bá thương mà đại xá cho.

- Ồ không. Trái lại, cháu nấu các món đều ngon, bày biện đều bắt mắt cả. Riêng món dồi này bác không biết cháu làm bằng cách nào. Mổ gà mà lại có hẳn một đĩa lòng như lòng lợn. Bác chỉ muốn biết cái sự lạ này thôi.

- Dạ, cháu xin lão bá tha cho vì sự vụng về.

Nói xong cô Khiết vút chạy xuống nhà.

Để giải tỏ nỗi băn khoăn của bạn, ông đồ Súi bèn nói:

- Chắc là cháu bắt chước mẹ, nhưng chưa quen nên còn vụng. Đây là món ăn mà nội tướng tôi đã làm tôi ngạc nhiên từ hồi mới về ở với nhau. Có gì đâu bác, cháu nó chặt cổ con gà rồi lột lấy da. Sau khi đã làm xong nhân giồi thì lấy dây buộc túm một đầu lại, cho nhân dồi vào rồi buộc nốt đầu kia. Xong đầu vào đó cho vào luộc. Vớt ra để nguội lại cho mỡ vào rán qua. Khi ăn ta thấy vừa có vị ngọt, bùi của thịt, của nhân và cả vị ngậy của da gà, mỡ lợn.

Ông đồ Gủ vỗ đùi đánh đét một cái khăn:

- Giỏi! Bà đồ giỏi! Thực là một bậc nội trợ siêu phàm. Mỡ gà mà có giồi lợn. Cái ngon của bữa ăn không phải là chất đóng thịt, cá cho nhiều. Mà chủ yếu ở hương, ở vị, ở sự lạ và sự bày biện bắt mắt nữa. Cháu Khiết quá là lấy được hết cái khéo từ mẹ. Nhà bác thật đại phúc. Ông đồ Gủ trầm ngâm một lát rồi ghé tai thì thầm với ông đồ Súi điều gì bí ẩn như là sợ lộ thiên cơ. Chỉ nghe lương vương vài từ: “quý tướng!” với “mẫu nghi!”.

Trước lúc ra về, ông đồ Gủ đưa cho ông đồ Súi một phong thư và nói:

- Trong này tôi ghi đủ tên tuổi, ngày giờ sinh của

cô ấy, bác chắm tử vi coi thử, nếu có điều gì thì báo gấp cho tôi, kẻo tôi đánh tiếng ở bên đó rồi khó nói lại với người ta. Thật ra thì tôi đã coi kỹ cả số bác với số của cô ấy rồi.

Vừa lúc đó Sĩ Thoại dẫn Lê Văn Thịnh vào nhà thày đồ Lê Trung Lương. Cậu lễ phép nói:

- Thầy bu con cho con lại mời hai thầy lại dâng nhà con xôi nước ạ.

Thầy Lê Minh Quang liền đứng dậy nói:

- Có nhẽ thầy trò tôi xin phép bác sang thăm bên ông bà Phúc rồi chúng tôi về bên Gủ luôn.

Cô Khiết ở dưới nhà đi lên lễ phép thưa:

- Cháu mời lão bá và hai anh ở lại chơi với thày cháu vài bữa đã. Lão bá vừa sang đã về ngay là thế nào.

Lời qua tiếng lại thật là thân tình, thắm thiết. Bỗng thày đồ Sủi như sực nhớ ra điều gì, ông liền nói:

- Suýt nữa thì tôi quên, hôm nọ cháu Khiết nó có hỏi “nhà ta với lão bá bên Gủ có họ hàng gì không thày”. Tôi bảo tôi với bác chỉ là bạn thôi. Nó lại bảo chẳng là con thấy hai nhà cùng họ Lê cả. Vậy chớ đã có lúc nào bác nghĩ tới điều này chưa. Hay là ta thử truy gia phả hai họ Lê bên Sủi bên Gủ ngược về các đời trước xem sao.

- Có nhẽ, để rồi tôi thứ truy bên Gú, còn bên Sủi, bác cũng cứ dò tìm.

Cứ nghe đồn mãi về cái cậu thân đồng Lê Văn Thịnh, trong lòng Khiết từ lâu đã có nhiều điều ngẫm ngợi về con người này. Vậy chớ cậu ta khác người ở chỗ nào. Khiết bặm bụng lấy hết can đảm nhìn thẳng vào gương mặt Lê Văn Thịnh. Da đen nhẻm, tóc đỏ như râu ngô, ngữ này là suốt ngày bêu nắng. Bất chợt Thịnh ngừng đầu lên bắt gặp cô gái đang nhìn mình, cậu mở to mắt nhìn lại cặp mắt kia. Khiết cảm như bị chói bởi cái nhìn sáng lóa như phát hào quang từ đôi mắt trong veo của Lê Văn Thịnh. Có nhẽ tướng tinh con người này tàng ẩn trong đôi mắt, Khiết nghĩ vậy và cảm thấy hơi ngượng về tính táo tợn của mình.

Thầy đồ Sủi tiễn thầy trò thầy đồ Gú ra tận đường cái.

Phong thư để ngỏ vẫn nằm trên kỹ. Khiết mở nhanh thấy ghi: “Thập nhị nhật, nhị nguyệt, nhâm tuất niên... Nhũ danh: Cún con. Chính danh: Phan Thị Tuất”. Nghĩa là sinh ngày mười hai, tháng hai năm Nhâm Tuất, tên sữa thường gọi “Cún con”, tên chính là Phan Thị Tuất”.

Khiết gấp vội tờ giấy cho vào phong thư, lòng mừng vui khôn xiết. Cô thầm nhủ: “Vậy là ta sắp có kế mẫu rồi”. Nhưng nghe người ta nói nhiều về các bà mẹ ghé Khiết lại rùng mình. Cô chạy vụt xuống nhà ngang úp mặt vào tấm áo bông của mẹ khóc nức nở.

X

Tháng hai, tháng trọng xuân mà trời vẫn còn rét đậm. Khắp cái xứ Lạng Châu này từ đầu xuân vẫn chưa có một ngày nắng. Khoảng giờ ty mới thấy mặt trời hoe hoe, nhưng không xuyên nổi bức màn sương dày đặc trùm phủ khắp núi rừng đất đai xứ Lạng. Trời đất cứ âm âm u u, bầu trời như được phủ bằng lớp men chì. Buổi sớm, tới giờ thìn mới nom rõ mặt người, nom lờ mờ những con đường độc đạo len lách giữa hai bờ cây, giờ thân trời đã nhẹ mặt. Giờ dậu nhà nhà đã phải đốt củi sưởi. Bếp củi được om cháy thâu đêm tới giờ mao hôm sau than vẫn còn rừng rực đỏ. Ban đêm suối đóng thành băng, sương đọng trên cỏ cũng kết thành băng, giẫm chân lên cỏ, băng vỡ răng rắc, lạnh buốt tới xương sống, buốt tới óc não tận đỉnh đầu.

Cái rét giá của đầu năm nay dường như là một thứ dư hàn của mùa đông năm trước còn vương sót lại. Nghe nói năm ngoái ở Thăng Long rét không kém các

vùng mạn ngược. Ngay trong cung cấm, lâu đài kín mít, công chúa Động Thiên nào áo lông cừu, nào lông áp tay mà còn rét run, còn phải sấn đến bèn lò sưởi ngự.

Ở xứ Lạng này dường như con người và cả các loài vật đều quen với cái rét hằng năm. Người nghèo coi rừng là áo ấm, hang động là nhà cửa, than củi là sinh khí trường tồn. Phải, đó là cuộc sống của người nghèo, còn như đối với phò mã Thân Thiệu Thái và công chúa Bình Dương thì lại khác.

Dinh cơ của phò mã nằm giữa một thung lũng rộng mênh mông, đất đai màu mỡ. Những tòa ngang dãy dọc mái ngói đỏ au. Nhà nào cũng xây cất theo kiểu nhà sàn. Những hàng cột lim thẳng tắp, cây nào cũng to, người ôm không xuể. Mỗi nhà đều có hai cầu thang từ hai phía đầu nhà. Bước lên cầu thang phải đi qua một sân sân rộng bằng cả gian nhà, vào nhà bằng cửa đầu hồi. Nhà miền rừng núi, từ nhà quan đến nhà dân đều làm như vậy. Nhà dân thì tầng dưới làm chuồng nhốt trâu bò, tầng trên người ở. Cầu thang đặt hẳn ra phía ngoài là để phòng tránh thú dữ. Nếu thú dữ tới thì rút cầu thang lên, chốt cửa lại rồi gõ chiêng, gõ mõ đánh động cho thú sợ hãi mà bỏ đi.

Dinh cơ nhà Thái bảo đồ úy phò mã Thân Thiệu Thái được bao bọc bởi vòng tường thành bằng đá xanh cao sừng sững gấp ba thân người, mặt thành rộng hơn

hai sải tay có tới bốn chòi canh, quân đi tuần từ chòi canh nọ tới chòi canh kia suốt ngày đêm.

Dưới chân thành là một con hào bao quanh rộng tới ba trượng, sát chân thành sâu tới ba sải tay, quanh năm âm ấp nước. Bốn mặt chính bắc, chính nam, chính tây, chính đông, bắc bốn cây cầu gỗ chắc chắn, mặt cầu cằng, kiệu và cá xe ngựa đều có thể qua lại dễ dàng. Nhịp cuối cùng tiếp giáp với trong thành, khi có biến dùng dây chèo kéo ngược lên trên trở thành một tấm phên chắn cho các cổng phía trong thêm kiên cố.

Nhà cửa, đường đi lối lại, vườn hoa cây cảnh, ao hồ, khe suối trong đại khuôn viên dinh thự sắp xếp lớp lang thật là mỹ lệ, thật là kỳ ảo nhưng cũng thật là tự nhiên. Ta không thể so dinh thự của phò mã với kinh thành Thăng Long được. So sánh như thế là bất kính với triều đình. Nhưng quả thực giữa chốn sơn lâm cùng cốc này mọc lên một tòa thành kỳ vĩ, chẳng khác nào một biệt cung của tiên thiên nơi hạ giới. Những lâu đài tráng lệ đều nấu mình bên các cây cổ thụ cao vút, nhánh cành buông tỏa khắp một vùng, thân to, bạnh gốc xù xì. Từ ngoài nhìn vào tòa thành như một khu rừng đại ngàn. Nhưng dưới tán các cây to rợp bóng kia ngoài các lâu đài, đình tạ còn có suối khe len lách chia cắt các khoảng vườn thành những khối hình dị biệt, và chúng được nối với nhau bởi những cây cầu nho nhỏ xinh xinh hình nửa vành trăng. Thăng cũng có một vài cây cầu rộng

bản bắc qua những đoạn suối lớn, kể cả suối cạn. Đó là những cây cầu dựng theo kiểu thượng gia hạ kiều tức là cầu có mái che, có tay vịn soi chạm, có con tiện và hành lang cho khách đứng ngắm cảnh hoặc ngồi nghỉ tạm.

Tại khuôn viên lâu đài, công chúa và phò mã không cho trồng những vườn hoa với đủ thứ hương sắc như ở Thăng Long, mà vườn hoa ở đây là một thứ hoa đại ngàn. Những cây thân gỗ cao chọc trời, thân thẳng vút, cây thì phân cành theo tầng, cây thì cành rủ như một chiếc ô. Mỗi cây cho một loại hoa với các màu sắc khác nhau. Cây vàng anh hoa vàng rực, dài và cánh to như hoa gạo. Cây lát xoan hoa trắng như tuyết, cây gạo màu hoa đỏ rực như màu lửa, cây bằng lăng hoa màu tím như ráng chiều... Nhưng cây cổ thụ ấy từ xuân qua hè đội trên đầu những chiếc nón màu khổng lồ làm rực rỡ cả một khung trời. Và đây đó khắp thung lũng chỗ nào cũng có hoa thơm, trái chín. Dòng suối mang trong lòng nó những cánh hoa đại đỏ, hoa đại vàng, những cánh hoàng lan, ngọc lan, thi thoảng có cả hoa móng rồng nữa cứ lững lờ trôi giữa đôi bờ lặng phắc. Dòng suối như một bầy ong cần mẫn chở hương thơm di khắp nẻo của lâu đài và cuối cùng đổ về một con hồ lớn.

Con hồ lớn không mang hình mặt nguyệt hay bán nguyệt mà theo hình lược sóng, cứ thoải thoải rồi sâu hút tới mấy đầu người. Chiều dài hồ quanh co tới gần hai dặm, chiều ngang chỗ rộng nhất cũng chỉ gần nửa

dặm, nước phơi tới đâu cây mọc tới đó. Xung quanh hồ, cây ken thành rừng xanh mượt. Trong hồ, nhấp nhô dăm bảy hòn đảo nhỏ, mọc thuần một thứ thủy liễu lá xanh, hoa đỏ kết từng chùm dài. Mỗi hòn đảo tựa một lẵng hoa rực rỡ giữa hồ nước trong xanh. Một số loài chim như giang, sếu, cò bợ... lấy hồ nước làm nơi kiếm ăn quanh năm, lấy các đảo trên hồ làm nơi trú ngụ. Tháng có nhớ bầu trời xanh lồng gió, chúng tung cánh bay đi. Nhưng dù bay về phương nào thì chiều tối chúng cũng tìm về mấy đảo trong hồ. Còn các hàng cây rậm rạp ven hồ lại là mái ấm ban đêm của các loài cò. Chiều xuống, chúng bay về đậu trắng xóa trên các lùm cây. Con hồ quanh năm ăm ắp nước do các nguồn suối từ các cánh rừng đại ngàn từ bốn phía dồn về. Hồ nhiều tôm cá, cua ốc, là nguồn thức ăn vô tận cho lũ chim nước, lại ẩn náu giữa lòng thung lũng bốn mùa yên ả không có bão to lụt lớn. Mùa đông còn có cả chim di trú tìm về. Thịnh thoảng có cả đàn ngỗng trời hoặc giang sếu đáp xuống kín mặt hồ. Chúng đến hoặc chúng đi đều ồn ã như chợ phiên ngày giáp tết.

Quan Thái bảo và công chúa đều là những người yêu thiên nhiên, yêu muôn loài cầm thú nên ngăn cấm không cho gia nhân cùng đám quan quân săn bắt hoặc làm kinh động đến khu vực chim chóc quanh hồ.

Thật ra cả cái thung lũng bao la này, cả cái dinh cơ, cái điền trang, cái biệt trang này mà không có hồ nước

kia sẽ mất hẳn phần sinh khí và cả phần mỹ lệ nữa. Khá khen các chủ nhân của động giáp này là những người có biệt nhỡn.

Chẳng biết lâu đài này có từ bao giờ. Có từ trước khi Thân Thiệu Thái làm châu mục Lạng Châu, hay từ khi châu mục Lạng Châu trở thành phò mã. Khen thay, người nào đã nghĩ ra việc sắp đặt cất xây từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong của cả khu vực lâu đài này. Người đó phải có tầm của một kiến trúc gia bậc thầy, lại cũng có tầm của một binh gia xuất chúng. Đúng vậy, lâu đài của phò mã Thân Thiệu Thái không chỉ là một dinh thự, mà nó còn là một thành quách, một công sự hoàn hảo.

Công chúa Bình Dương cùng đám thợ săn mới từ rừng trở về. Bà cỡi con ngựa sắc mun, yên cương nạm bạc, đầu đội mũ đầu mâu kiểu võ tướng, áo chẽn tay màu chàm, lưng thắt đai bện bằng da cáo. Ngang lưng dắt bao da đeo một đoản đao, vai mang cây cung và giỏ tên. Đàn chó săn hơn chục con đôn đáo chạy trước chân ngựa. Mấy người thợ săn khiêng khệ nệ một con nai to bằng con bê, lại một người to béo vác một con hoẵng lông vàng hươu. Con hoẵng bị trói cả bốn chân và rọ mõm, nó vẫn còn sống, đôi mắt mở to hốt hoảng, vết cắn do chó ngoạm vào yết hầu vẫn còn rỉ máu.

Tốp thợ săn vào nhà cất các thứ đồ săn bắn. Đám

chó bu quanh xác con nai, con hoẵng chờ chia phần¹. Công chúa Bình Dương vừa xuống ngựa đã có mấy tì nữ ra chào hỏi tíu tít, mấy ả tranh nhau đỡ lấy cung tên, giám mã dắt ngựa vào tàu.

Công chúa đi thẳng về lầu 'Tĩnh Tâm', ở đấy đám tì nữ đã trữ sẵn nước nóng và các đồ hương thơm chờ hầu tắm. Trong khi công chúa đang tắm, đã nghe thấy tiếng ngựa dừng vó và tiếng người lao xao ở phía ngoài. Công chúa còn đang trang điểm đã có một tì nữ vào thưa:

- Bẩm công chúa, quan Thái bảo mời công chúa sang lầu Minh Quang tiếp khách.

Không ló nhìn, công chúa chỉ nói vọng ra:

- Người về bẩm với Thái bảo, ta sang ngay đây.

Ba bốn tì nữ vừa trang điểm vừa giúp công chúa mặc xiêm y. Một lát sau công chúa từ lầu Tĩnh Tâm bước ra, nom bà rục rở đến lóa mắt. Thật khác xa với thường ngày, bà ưa phục trang như một mã thượng, một kiếm khách. Thực ra bà là một cung thủ nổi tiếng khắp kinh thành Thăng Long từ năm mười ba tuổi. Ta còn nhớ năm Kỷ Tỵ (1029), Thân Thiệu Thái về triều, nhân trong buổi tập bắn cung của đội quân thần vũ, y được phép ghé thăm. Thấy các cung thủ tập bắn tuy đã giỏi

¹ Theo luật săn bắn, chó cũng được chia phần như các thợ săn. Con nào có công hạ gục con mồi được chia phần gấp đôi.

nhưng ít người bắn trúng hồng tâm, Thái xin được một lần giương cung. Chỉ với một mũi tên, y đã bắn trúng hồng tâm. Nhận ra một chàng man mà dám ngạo mạn, công chúa Bình Dương bèn xuống ngựa giằng lấy cây cung của một cung thủ rồi thông dong đi vào bệ bắn, nàng giương cung bắn, mũi tên của nàng chẻ đôi đôi tên của Thân Thiệu Thái và nằm kẹp giữa hai mảnh tre. Mọi người kinh ngạc, không khí lặng phắc, một lát sau tiếng ba quân òa vỡ hò reo: “Thần tiễn!”, “Thần tiễn!”

Vua Thái tông cho là điềm lạ và cũng là chuyện duyên nghiệp chi đây. Nhà vua sai lấy vương vóc đỏ bọc lấy hai mũi tên cất vào kho báu. Liên sau đó vua tuyên gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng là Thân Thiệu Thái. Thoắt đã hơn ba chục năm trôi qua. Công chúa bây giờ thực đã là chúa tể đất Lạng Châu.

Bữa nay công chúa phục sức thật lộng lẫy. Đầu đội mũ kim phượng có hai cánh hơi ve về hai bên, ba bông hoa tròn xoe tết bằng tơ vàng ọng to bằng ngón chân cái, chính giữa mỗi bông hoa kẻ như nhụy hoa gắn một hạt kim cương nhỏ bằng đầu dũa. Vành mũ nơi giữa trán đính một viên hồng ngọc hình lục lăng to bằng đầu ngón tay trỏ. Ánh kim cương quện cùng hồng ngọc tỏa chiếu khiến gương mặt công chúa bừng sáng hồng hào. Ngoài bốn chục tuổi mà mặt công chúa chưa hề có một vết nhăn nào. Làn da mặt công chúa vẫn mịn màng và được thoa nhẹ một lớp phấn chiết chế từ các

loài thảo mộc quanh vùng có mùi thơm quen thuộc như mùi trầm, mùi xạ. Hai tai đeo hai vòng khuyên vàng cân ngọc bích, cổ đeo chuỗi hạt trai đen, nhưng cứ chín viên đen lại điểm xuyết một viên màu đỏ. Bữa nay công chúa vận áo kim sa, bên ngoài khoác chiếc áo lông chồn trắng như tuyết, chân đi hài cườm. Công chúa bước đi uyển chuyển, nom nàng rục rỡ như một đóa hồng nhung trong nắng sớm ban mai. Đám ti nữ theo hầu đi áp hai bên mép đường và đi sau nâng tà áo hậu.

Từ lầu Tĩnh Tâm đi qua dãy xuyên đường tới gần đại sảnh của lầu Minh Quang đã thấy Thân Thiệu Thái và Thân Cảnh Nguyên từ trong nhà ra cửa đón.

Thân Thiệu Thái lên tiếng trước:

- Ta nghe nói phu nhân mới di sản về kia mà.

Rồi ông niềm nở đón bà vào nhà. Bà mỉm cười gạt đầu và chìa tay về phía Thân Cảnh Nguyên.

Thân Cảnh Nguyên vội quỳ lạy:

- Con kính chào thân mẫu.

Công chúa chìa tay trái ra kéo nhẹ con trai đứng dậy và cùng đi vào đại sảnh.

Đúng lúc Lý Thường Kiệt từ trên lầu cũng vừa bước xuống.

Công chúa Bình Dương sững người lại một lát.

Lý Thường Kiệt chấp tay vái công chúa và nói:

- Kính chào công chúa diện hạ. Đã lâu lắm không được diện kiến công chúa.

Thái bảo Thân Thiệu Thái vội nói:

- Thiếu úy được hoàng thượng cử đi công cán biên thùy.

- Ta nhớ, ta nhớ, ông chính là Ngô Tuấn, bạn chơi với vương huynh ta thời thơ ấu.

Lý Thường Kiệt cảm động lắm. Ông lại vái công chúa hai vái:

- Đa tạ công chúa diện hạ, người có trí nhớ thật khác thường.

- Chắc Thiếu úy được vương huynh ta sai đi kiểm xét các việc cha con Thân Thiệu Thái, Thân Cảnh Nguyên vừa ra tay với nhà Tống chứ gì.

- Dạ, dạ đúng như công chúa phán đó.

Châu mục Lạng Châu phò mã Thân Thiệu Thái lấy danh nghĩa vừa là chủ nhà vừa là quan địa phương mời phu nhân và cả thiếu úy lên lầu hội kiến, lại xin phép cho đô tướng Thân Cảnh Nguyên cùng được tham dự. Bọn gia nhân cùng đám quân hầu đều bị đuổi ra khỏi khu vực lầu Minh Quang. Việc canh phòng giao hẳn cho Hùng dưng đô là một đội quân gan ruột của quan châu mục.

Phân ngôi chủ khách xong, Thân Thiệu Thái sai đô tướng Thân Cảnh Nguyên dâng trà. Sau ba tuần trà,

Thân Thiệu Thái nói luôn:

- Biết Thiệu úy đi kinh dinh có đem theo chỉ dụ của hoàng thượng, xin thiếu úy cho chúng tôi bày hương án để tiếp chỉ.

Lý Thường Kiệt vẫy tay ra hiệu cho quan châu mục ngồi xuống. Đoạn thiếu úy nói:

- Hoàng thượng chỉ khẩu dụ thôi. Nhà vua mới nhận được biểu của quan châu mục phò mã thái bảo nói rằng người Tống khiêu khích rồi cưỡng bức, dụ dỗ binh, dân ta chạy sang đầu bên họ. Quan châu mục Lạng Châu nhân đó đánh tràn sang, đòi người của ta về. Lại bắt được cả dân họ, lấy của cải, nhất là bắt được chỉ huy sứ của họ. Việc ấy như thế nào, hoàng thượng muốn biết kỹ hơn.

Nhà vua sai tôi đi chủ về việc này. Ngoài ra lại phải nghe ngóng động tĩnh xem có vì việc này mà nhà Tống có thể trách cứ ta hoặc Tống Nhân tông có nhân cơ hội động binh xâm lấn cõi bờ ta như thời Tống Thái tông¹ đánh Lê Hoàn không.

¹ Nhân cơ Lê Hoàn lấy ngôi nước từ nhà Đinh, triều Tống Thái tông tướng đây là cơ hội tốt để đánh lấy nước ta. Tháng ba năm Tân Ty (981) bèn cử các tướng Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trừng... đem quân qua đường Chi Lăng và Bạch Đằng mà vào nước ta. Lê Hoàn đã đánh tan Lưu Trừng trên sông Bạch Đằng, khiến quân giặc chết quá nửa phải tháo chạy. Hầu Nhân Bảo bị giết trên bãi lầy Chi Lăng. Quách Quân Biên, Triệu Phụng Huân bị bắt giải về Hoa Lư làm tù binh. Từ đấy nhà Tống không dám lòng hành với ta nữa.

Nghe Lý Thường Kiệt hỏi xong, cả công chúa, phò mã và trưởng tử của Thân Thiệu Thái cùng cười.

Công chúa phát tay áo nói:

- Chuyện vật chốn biên thùý há phải để hoàng thượng bận tâm. Thiếu úý về tâu với hoàng huynh ta, các việc quan hệ với Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu cứ giao cho một tay phò mã đối sách, kể cả đối địch nữa là đủ. Nếu cần còn có ta đây hậu thuẫn.

- Bẩm công chúa diện hạ, vẫn biết rằng tài năng của công chúa, của phò mã và cả lệnh lang thì sá gì một đám quân hèn, tướng nhát của mấy thành Ung, Liêm bên kia. Song về phương diện quốc gia, hoàng thượng muốn biết tướng tận để còn có đối sách, có quyết sách. Giả dụ chiến tranh giữa hai nước chẳng may nổ ra trong lúc ta chưa sẵn sàng, thời đó là điều làm hoàng thượng khá băn khoăn. Theo ý người, hễ đã ra quân nhất định phải thủ thắng.

Công chúa lại cười khanh khách. Nhấp một hụm trà, bà nói:

- Ông Thiếu úý là quan võ mà khéo nói. Ông đi sứ, ta chắc sẽ làm cho người Tống nể trọng. Sự thật ông là một tướng tài mà hoàng huynh ta kỳ vọng nhất. Thôi được, phu quân ta sẽ tường trình các việc để Thiếu úý nắm được còn về tâu lại hoàng thượng.

Phò mã Thân Thiệu Thái tiếp lời luôn:

- Chuyện bắt đầu từ cuộc đi săn của hoàng thượng. Đó là cuộc đi săn thật sự chứ không phải săn vờ. Hoàng thượng, biết nói thế nào nhỉ, ông là bậc vua hiếm có trên thế gian này. Phải nói Thái tông đã để tâm rèn dạy nhà vua về đủ mọi mặt, mọi nghề. Có thể nói nhà vua biết rất nhiều thứ, mà cái gì cũng biết đến rất ráo. Về võ thuật ư, thì những cao thủ võ lâm đứng đầu các môn phái đều phải cúi đầu nhượng bộ. Không phải vì hoàng thượng là chúa tể mà bởi võ công của hoàng thượng đạt tới bậc thượng thừa. Nói thế để thấy rằng trong việc đi săn thì hoàng thượng cũng là vua trong nghề săn bắt. Cuộc săn năm ngoái, phường săn do đích thân hoàng thượng cầm đầu đã bắt được ba con voi rừng trên đất Lạng Châu này. Và nhân cuộc đi săn đó, nhà vua có ghé thăm trường tử của bản chức.

- Chính là công tử đây? - Lý Thường Kiệt chỉ vào Thân Cảnh Nguyên hỏi.

- Đúng thế! - Thân Thiệu Thái xác nhận. Và ông tiếp: - Sự việc thế nào từ khi nhà vua tới trang ấp của con, con kể lại cho thiếu úy nghe.

- Thật là bất ngờ. Bất ngờ tới kinh hoàng. - Thân Cảnh Nguyên nói. Số là hạ cấp vừa dẫn mấy đô quân đi tập bắn về. Vừa tới đầu doanh thì có ba tráng sĩ nom lạ hoắc áp sát vào hạ cấp nói nhỏ vào tai. Có việc cơ mật từ Thăng Long, ông đô tướng, giao ngay cho phó đô

dẫn quân về trại và cấm trại luôn, còn ông về đại bản doanh, vào ngay trường hồ để nhận mệnh vua. - Đúng, chúng tôi là người truyền chỉ. Nói xong một người rút lệnh bài ra cho hạ cấp xem. Tự nhiên hạ cấp thấy lạnh buốt cả sống lưng, nổi hết da gà và cứ rãm rắp làm theo lệnh của ba chàng tráng sĩ. Phái nói họ còn trẻ lắm. Chỉ hai chục tuổi, nhưng nghe những lời họ nói đầy uy lực không thể cưỡng lại được.

Vừa vào tới trường hồ, hạ cấp không còn hồn vía nào nữa. Đúng là hoàng thượng. Nhưng sao hoàng thượng lại ở đây. Thật bất ngờ quá. Hạ cấp bèn sụp lạy. Nhà vua vẫy tay gọi:

- Lại đây! Ta đi săn. Đi cùng phường săn. Đã bắt được ba con voi. Ta ghé cháu có chút việc. Nơi đây gần biên ải, ta không muốn lộ hình tích để làm kinh động bên Tống triều. Ta cũng không thể nán lại thăm công chúa và phò mã được, mặc dù ta rất nhớ họ.

Thế rồi nhà vua hỏi rất kỹ về các việc. Việc quân, việc dân, việc các chức dịch đối với dân. Việc các kho lúa của triều đình có chịu mở cho dân vay đổi hạt khi giáp vụ hay vẫn để cho đám nhà giàu cho vay nặng lãi, bắt chẹt người nghèo để mua lúa non. Sau đó người hỏi thật tường tận về các mặt ở bên kia biên ải, như dân họ có bị đói không. Quan lại có ức hiếp dân không. Bọn quan binh thành Ung Châu, Quế Châu và đám quan

quân cận kè biên thùý có quấy nhiều dân ta không. Họ có tỏ ý bất hảo gì với bên ta không. Sức quân của họ thế nào.

Sau khi nghe hạ cấp tâu bày cận kè, hoàng thượng nhìn thẳng vào mắt hạ cấp như ngài muốn đo lường về lòng trung dũng trước khi ngài ủy thác sứ mệnh. Đột nhiên ngài hỏi:

- Ta hỏi thực, cháu đã sang đất Tống lần nào chưa?

- Tâu hoàng thượng, thần qua bên đó như đi chợ ở bên này thôi chứ có khó khăn gì đâu ạ.

- Ta muốn hỏi gần đây cháu có qua bên đó không? Qua làm gì? Qua bằng cách nào?

- Tâu, cách đây non một tháng thần có qua bên đó. Dạ qua để xem họ bố phòng quân cơ ra sao, liệu họ có manh tâm gì với ta không. Sang bên đó còn tìm người kết hảo để tăng thêm tai mắt. Sang bên đó còn xem họ cần cái gì để mách cho người mình đem sang bán, và họ có những gì mình cần thời qua đó mua. Tâu hoàng thượng cái chính là để đo sức giữa họ với ta mà đề phòng, để khi cần phải đọ sức thời mình cũng đã biết họ mạnh yếu thế nào và mình cũng đã sẵn sàng. Dạ, còn đi mà cải trang dưới nếp áo một nhà buôn thời ít bị ngờ nhất. Nhưng hơi tốn tiền, bởi nhiều khi phải phóng tài hóa... Tâu hoàng thượng việc cánh giới thì ở

bên đó họ sơ khoáng lắm. Và lại nếu mình biết tiếng họ thì việc trà trộn chẳng mấy khó khăn. Dạ, thần cũng có nhiều bạn bè thân quen ở bên đó.

- Giả dụ cháu đem một đội quân nhỏ rất tinh nhuệ, thọc sâu vào đất họ, thời việc đó cháu có làm được không? - Hoàng thượng đột ngột hỏi như vậy.

- Tâu bệ hạ, làm như thế để làm gì ạ?

- Ấy là ta hỏi xem sức của tướng Thân Cảnh Nguyên có làm được một việc vừa mạo hiểm vừa dũng cảm hơn đời như thế không. Cháu muốn hỏi ta làm như thế để làm gì à? Nếu có làm được việc đó thời mới có ý nghĩa cho việc sau. Việc gì ta sẽ nói sau.

- Tâu hoàng thượng, thần có thể làm được điều hoàng thượng sai bảo.

- Chưa, ta chưa sai bảo. Ta mới chỉ ướm hỏi xem cái dũng của cháu thế nào thôi.

- Tâu, thần xin được làm việc đó, xin hoàng thượng cứ sai bảo.

- Ta lại giả dụ, nếu cháu làm việc đó thời cháu cần bao nhiêu binh, đi về bằng cách nào, thị uy ra sao?

- Xin hoàng thượng cho thần suy nghĩ một chút.

Im lặng trùm phủ cả không gian. Gió đập vào tấm da hổ kêu phành phạch đem theo cả khí lạnh vào nội trướng. Nhà vua vẫn ngồi lặng phắc. Một lát sau vị tiểu

tướng quân mới lại thưa:

- Tâu hoàng thượng, thần chỉ cần hai trăm quân thủy tinh nhuệ, có võ thuật, đánh bộ đánh thủy đều giỏi. Số quân đó đi trên hai lá thuyền, cải trang làm thuyền buôn, căng buồm đi thẳng từ Vân Đồn hoặc từ Mũi Ngọc đều được. Thuyền đó cập bến vào ban đêm rồi đổ quân lên đánh thẳng vào doanh Tư Lãm ở Khâm Châu. Tâu, doanh này thường xuyên có hơn một đô quân, chủ yếu là quân bộ đóng án ngữ trên trục đường đi Liêm Châu và Ung Châu. Nó vừa gần biển lại vừa gần sông Tây giang. Dạ, Tây giang chính là hợp lưu của Tả, Hữu giang. Tâu bệ hạ, quân Tống hiện nay bạc nhược lắm. Nếu nửa đêm bị đánh bất ngờ, bị đốt doanh trạm từ bốn mặt, chắc chắn là quân họ rối loạn bỏ chạy ngay chứ không thể tập hợp nhau mà chống đỡ được. Thần đánh cho nó chạy tan tác, chắc là trong khi hỗn chiến thế nào quân họ cũng bị tổn thất về sinh mạng ít nhiều. Chỉ cần vài đũa chết máu chảy lênh láng là chúng bỏ chạy hết. Khi quân kia chạy tan tác và đồn trạm của nó cháy ngút trời thì thần rút hết quân trở lại thuyền, căng buồm trở về. Dạ khi đi thì có đoạn ngược gió, có đoạn ngang gió phải chạy vát để lấy đà, còn khi về thì thuận gió, bởi đang mùa gió đông bắc.

- Giỏi, trước ta chỉ biết cháu là một dũng tướng, nhưng bây giờ ta thừa nhận cháu ta còn là một trí tướng.

Phải, nếu cháu đột kích theo cách đó thì quân Tống còn hoang mang hoảng sợ lâu lắm mới hoàn hồn. Lúc đầu, chúng chưa xác định được quân nào đột kích, nhưng rồi chúng cũng nhận ra chỉ có quân Đại Việt mới xuất kỳ bất ý, lai vô ảnh khứ vô hình như thế được. Ta chấp nhận cho cháu xuất quân theo cách này nhưng phải tuân theo mấy điều ta dặn:

- Một là phải xem xét lại xem doanh Tư Lãm có bao nhiêu quân, tướng nào điều hành. Sự canh phòng cẩn mẫn hay lơ là, trễ nải.

- Hai là phải xuất quân vào cuối tuần trăng. Sao cho cập bến, tiến đánh rồi rút quân khi trời chưa kịp sáng.

- Ba là không ham giết chóc, không lấy của, không bắt một người nào của họ. Tuyệt nhiên không để lại một dấu vết gì của quân Đại Việt. Phải tập thật kỹ khiến không một ai bị lạc đường để rơi vào tay quân Tống.

- Bốn là phải hết sức kín nhem mới thủ thắng được, nếu không cháu sẽ rơi vào ổ phục kích, rơi vào trận địa dã mai phục thời chẳng khác nào một đàn thú bị bẫy. Đã rơi vào bẫy thời khỏe như voi cũng chịu trôi mà thôi. Đó, ta tay không mà vừa bắt được một bầy ba con voi, chỉ vì nó lộ liễu vô tình mà ta thì kín nhem, mưu mô.

Thôi được, ta về, cháu cứ nói lại với phò mã và

công chúa, ta khấu dụ như vậy. Việc này phải tính kỹ lắm. Nếu thắng trăm phần hây làm. Nếu làm mà bại sẽ gây trò cười cho quan quân nhà Tống và mất danh uy Đại Việt. Không những thế còn bị Tống triều gây khó dễ. Cháu đã nhớ kỹ nhờ ta dặn chưa?

- Dạ, thần khắc cốt ghi tâm rồi ạ.

Vâng, thế rồi tiểu tướng thưa lại đầu đuôi với song thân. Song thân cũng cho rằng việc bất ngờ đánh võ mặt vào doanh Tư Lãm ở Khâm Châu là thượng sách. Bởi đang đêm ta từ biển đổ vào, kẻ kia sẽ trở tay không kịp. Vậy là tiểu tướng ra tay trót lọt. Sau đấy là người Tống nổi khùng và mọi việc tiếp theo thuộc về song thân của tiểu tướng.

Lý Thường Kiệt không giấu được niềm vui và cả sự tự hào về một viên tướng trẻ của Đại Việt, ông buột miệng khen:

- Quả là hổ phụ sinh hổ tử, lệnh lang quả như nhờ khen của hoàng thượng. Công tử thực đúng là một bậc dưng tướng, một bậc trí tướng.

Thiếu úy nhìn không bỏ sót một nét nào trên gương mặt viên đô tướng Thân Cảnh Nguyên - viên tướng mới hai mươi lăm tuổi này. Thiếu úy đem lòng yêu mến y. Và trong bộ tướng của ông nay mai, chắc không thể thiếu vắng Thân Cảnh Nguyên.

Thấy con trai đẩy câu chuyện về phía cha mẹ khiến

Thân Thiệu Thái phải lên tiếng:

- Số là thế này, sau khi doanh Tư Lãm, một vị trí trọng yếu của Khâm Châu bị Cảnh Nguyên tập kích đánh cho tan tành và đốt cháy rụi chỉ trong vòng hai canh giờ. Tuyệt nhiên không có một sự kháng cự nào. Quân ta cho chiến thuyền cập bến cũng như rời bến nhẹ nhàng như một cuộc du ngoạn.

Nhân vụ này các biên quan biên tướng Tống vừa bẽ bàng vừa căm giận Đại Việt vô cùng. Họ bùng bít không cho Tống Nhân tông biết nhưng lại tâu báo về triều xin cử binh đánh An Nam. Tất cả bọn này đều nói đây là một cơ hội không nên bỏ qua. Triều đình nhà Tống còn đang lưỡng lự thì tri Quế Châu là Tiêu Cố, chuyển vận sứ là Tống Hàm, đề lĩnh là Lý Sư Trung, thêm vào đó là lại bộ thị lang Dư Tĩnh cũng vừa từ Khai Phong tới Ung Châu bèn hội bàn đánh úp nước ta.

Bàn tới bàn lui mãi vẫn chưa đi đến quyết sách nào. Kẻ bảo đánh An Nam dễ. Kẻ lại bảo đánh An Nam khó. Kẻ cho rằng An Nam lúc này mạnh hơn năm Tân Ty. Ý muốn nói tới cuộc chiến tranh do Tống Thái tông phái binh đánh Lê Hoàn cách đây gần tám chục năm bị đại bại. Lại có kẻ đồ rằng An Nam bây giờ yếu hơn bao giờ hết. Lời qua tiếng lại mãi sau lại bộ thượng thư Dư Tĩnh mới nói:

- Các ông thích đánh An Nam lắm sao. Liệu có

thắng được họ không, hay lại trở thành trò cười cho lịch sử như cuộc chiến năm Tân Ty. Tôi nói để các ông biết, thiên tử hiện nay ngày quên ăn, đêm quên ngủ vì lo việc nước. Trên biên ải phía bắc thì quân Liêu, phía tây thì quân Hạ đều là lũ hùm sói chỉ mưu toan nuốt chửng Trung Nguyên. Hiện nay hàng năm nhà nước phải cống cho Liêu, Hạ không biết bao nhiêu vải vóc, tơ lụa cùng vàng bạc mới mong đổi lấy sự yên bình về bờ cõi. Thế mà các ông lại định giở giời chuyện đánh nam man, lỡ lại lâm vào cảnh bắc thù, tây thù thời thiên tử lấy tiền của đâu bồi hoàn chiến phí cho họ. Nam man tức An Nam bây giờ mạnh gấp cả trăm lần năm Tân Ty, các ông há chẳng còn nhớ chuyện chỉ một tên man Nùng là Nùng Trí Cao với quân bản bộ của nó vài ngàn đứa, vào mùa hạ năm Nhâm thìn (1052) đã đánh dớt từ Tả, Hữu giang xuống Tây giang. Các thành Ung, Khâm, Liêm đều bị hạ trong gang tấc. Quân của y tiến nhanh như vũ bão, như đi vào chỗ không người. Chỉ trong có mấy tuần mà Trí Cao đã tiến tới Quảng Châu, vây hãm thành này khiến rung chuyển cả nước đại Tống, thiên tử phải cấp tốc triệu đại tướng Dịch Thanh từ biên thù tây Hạ về mới lui được giặc.

Nhìn khắp mặt các quan, Dư Tĩnh dùng lời lẽ xiết lại:

- Chỉ có một Nùng Trí Cao với vài ngàn tên quân đã làm ta lao đao như vậy. Lại mới đây chẳng biết quân

An Nam từ trên trời xuống hay từ dưới đất chui lên, chúng đi bằng đường biển hay đường bộ mà nửa đêm xông vào diệt gọn hơn một đô quân (tới cả trăm người) đóng tại doanh Tư Lãm, đốt cháy rụi không còn một tí gì đáng giá, rồi rút đi lạng lẽ mà quan quân không biết giặc từ đâu tới và chúng rút đi về đâu. Tình hình đất nước như thế, sức quân của ta như thế mà các ông còn định đánh An Nam có khác gì chọc vào tổ ong đất, các ông định trao trọn nước đại Tống cho tử di sao?

Thế là mưu đánh Đại Việt của đám biên quan biên tướng Tống không thành. Dư Tình về triều. Đám biên quan biên tướng Tống vẫn chưa nuốt trôi được trận đột kích tiêu diệt doanh Tư Lãm của quân Đại Việt. Không đánh lớn được thì phải đánh nhỏ, không xử sự theo lối quân tử được thì lén lút theo cách của tiểu nhân. Thế là biên tướng Tống cho lính đóng giả dân thường tràn sang cướp của, bắt người nay chỗ này mai chỗ khác, khiến biên dân ta hoang mang. Lại có chỗ chúng phóng tài hóa dụ dỗ, lừa phỉnh để biên dân ta bỏ nhà bỏ cửa chạy sang đầu quan quân nhà Tống, trong đó có cả một số binh lính.

Thiếu úy Lý Thường Kiệt ngắt lời:

- Nhưng làm thế nào mà công chúa và thái bảo phò mã lại bắt được nhiều dân họ làm vậy, lại bắt được cả chỉ huy sứ của họ nữa?

Nghe Thường Kiệt hỏi, công chúa Bình Dương che miệng cười ngất, làm ánh ngọc trên mũ miện của bà càng lung linh tỏa sáng, khiến gương mặt bà trở nên lộng lẫy. Thật chẳng ai ngờ công chúa kiều diễm dường kia mà đã ở vào tuổi trên dưới bốn mươi. Lát sau ngưng được tiếng cười, công chúa mới kể lễ:

- Chẳng qua là cây muốn lặng nhưng gió lại không muốn dừng. Thấy bên kia làm trò bán thú, phu quân tôi bèn gửi một bức thư nói điều hơn nhẽ thiệt với viên tri Quế Châu là Tiêu Cố, vì Quế Châu là thượng cấp của Ung Châu. Lại gửi một bức cho viên đề lĩnh Lý Sư Trung. Viên này coi toàn bộ việc quân trên biên thùỵ Tống - Việt.

Tiêu Cố láo xược đáp lời phu quân tôi rằng: „Người làm đơn xin với quan coi Ung Châu để được xét việc này”. Còn đề lĩnh Lý Sư Trung thì chối phắt: „Ta cam đoan không có một biên quân nào của ta bước qua biên thùỵ để sang xứ Nam man của người làm gì. Nước Tống giàu không cần thêm một vài con trâu, dăm bảy bắp ngô của người man Việt làm gì nữa. Nhà người nên giữ mồm giữ miệng”.

Nhận được hai bức thư phúc đáp rất hỗn xược không coi phép tắc bang giao là gì nữa, phu quân tôi giận lắm. Ông bảo:

- Phu nhân cùng Cảnh Nguyên ở nhà coi việc dân,

việc biên thùý để ta phải thân chinh dạy cho đám con trời cao ngạo này một bài học.

Tôi bèn đáp:

- Thiếp xin đi cùng để trợ thủ cho phu quân. Thực ra khi đọc mấy lá thư phúc đáp của Tiêu Cố, Lý Sư Trung tôi thấy chúng ngạo mạn quá đáng, và xúc phạm Đại Việt tới mức chỉ có thể nói chuyện với chúng bằng gươm giáo.

Vậy là chỉ sau ba ngày nhận thư phúc đáp của phía người Tống, phu quân tôi bèn cho người đi thám thính phía bên kia xem họ bố phòng binh lực lại một lần nữa để đo sức ta, sức địch còn liệu điều binh cho thích hợp.

Xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng, cuối cùng phu quân tôi lại quyết một trận đột kích nữa. Nghĩa là đánh thẳng vào sào huyệt của chỉ huy sứ Dương Bảo Tài ở huyện Như Ngao, châu Tây Bình. Đây là một viên quan có học, từng kinh qua chiến trận. Đã có vài lần giáp chiến với quân Liêu. Sau vụ Nùng Trí Cao làm mưa làm gió suốt mấy châu quận vùng lưỡng Quảng, sợ nam thù có biến, triều Tống phải vội vã triệu y từ bắc thùý về trấn nam thùý. Về đây mấy năm nay thấy biên sự yên ổn không có gì, y thường huyên hoang khoe: „An Nam sợ uy ta nên không dám vượt râu cọp”. Cũng vì thế mà y trở nên kiêu ngạo, chểnh mảng việc nâng cao sức quân.

Hằng ngày, công việc y trao cho viên phó chỉ huy sứ điều hành, còn y chú ý đầu vào hưởng lạc và hành lạc. Binh lính dưới quyền vừa sợ vừa ghét y.

Công chúa lại bưng miệng cười sằng sặc.

- Ôi còn cái đoạn xuất quân rồi đánh bắt Dương Bảo Tài này vui đáo để, phu quân ta sẽ kể tiếp cho Thiếu úy nghe, tính ta hay cười, sợ nửa chừng nửa đoạn lại quên mất.

Lý Thường Kiệt cũng cười góp vui, ông hơi nhoai người về phía Thân Thiệu Thái và nói:

- Xin Thái bảo phò mã cho nghe nốt đoạn cuối.

Thân Thiệu Thái liền háng giọng, ông chiêu một ngụm nước rồi ngước nhìn mọi người, với giọng trầm sâu, ông nói:

- Mọi chuyện xảy ra đúng như công chúa và trưởng tử tôi đã kể. Nhà họ Thân mấy đời ăn lộc hậu của triều đình, làm phen giầu cho triều đình, chẳng nề chỉ có một việc nhỏ, hoàng thượng đã thân chinh giao cho cha con tôi mà không sớm thực hiện sao. Tôi chắc đây là cách hoàng thượng thăm dò bên Tống để triều đình ta có đối sách, có quyết sách. Vì thực ra nhà Tống đối với ta hay tráo trở lăm. Và chỉ nhằm ta sơ hở là họ thôn tính ngay.

Mấy cái vụ họ cho quân giả làm dân thường sang cướp bóc rồi dụ dỗ người mình, tôi cũng bầm bụng lờ

đi để họ quên chuyện doanh Tư Lãm. Nghĩ cái tình lân quốc không muốn xử tệ, nên tôi có viết mấy lá thư cảnh tỉnh họ, những mong tái lập tình hòa hiếu. Ai dè họ lại trịch thượng, lại cậy thế nước lớn ăn nói hỗn xược. Chính vì thế tôi mới quyết dạy cho họ một bài học. Tôi lập một đội kỵ binh ba trăm quân, thuần ngựa tốt. Giống ngựa Vân Nam tôi mua tuyển đã mấy năm nay. Ba trăm quân kỵ được huấn hỏ đủ môn võ thuật từ vật đến quyền cước, đánh đao, đánh kiếm, bắn cung không môn nào là không thạo. Lại được biết trại quân của Dương Bảo Tài đóng ở huyện Như Ngao, châu Tây Bình cách ta khoảng hơn ba mươi dặm. Số quân này thường xuyên có sáu đò, khoảng trên dưới năm trăm quân, đồn trú trong doanh có rào tre bao bọc xung quanh. Họ quây tới ba hàng rào mắt cáo sát nhau tạo thế vững như thành. Có bốn cổng tiền hậu tả hữu. Doanh đóng trên một doi đất trống, bốn xung quanh là ruộng khô nằm cách bìa rừng khoảng ba dặm.

Bữa nọ, tôi cho quân và ngựa ăn no, binh khí đầy đủ, cho đi ngủ ngay lúc chập tối, đến cuối giờ Hợi thì khởi binh. Tôi cho quân cắt đường, luồn rừng mà đi suốt đêm. Tới giữa giờ Sửu chỉ còn cách doanh của Bảo Tài chừng mười dặm, cho quân dừng lại án binh ở trong rừng. Khoảng cuối giờ Tị, người ngựa đều đã ăn uống no nê, tất cả đều đã sẵn sàng. Lại luồn rừng đi tiếp đúng giờ Ngọ thì quân tôi ở mom rừng chỉ còn cách doanh

Bảo Tài có ba dặm. Tôi và phu nhân chia làm hai cánh quân đánh vu hồi vào cả bốn cửa tả, hữu, tiền, hậu của doanh Bảo Tài.

Giữa trưa, quân chúng đang nghỉ. Trời đầu hè lại đóng gần rừng bị lam chướng nên chúng đều uể oải. Quân tôi ập đến bốn mặt, phá toang bốn cổng thành, tiếng ngựa hí, tiếng quân reo, tiếng kèn trận khiến quân Tống hốt hoảng, hỗn loạn chúng chạy như quân đèn cù. Quân tôi chém tới bờ, kêu gọi đầu hàng.

Bỗng thấy một tên mình trần xông ra với cây trường kiếm trong tay, theo nó có khoảng dăm chục đứa to khỏe như vâm. Thoắt một cái tên cưỡi trần nhảy lên cướp được ngựa của một tên lính bên ta, y khê đầy một cái tên lính bị hất xuống. Sau đó y quay lại xốc đánh với tôi. Hai ngựa chạm đầu nhau, hai tướng nhìn nhau nảy lửa. Bỗng y bám ngựa lùi lại mấy bước rồi quăng luôn thông lọng về phía tôi. Tôi vừa định lùi ngựa rồi giờ kiếm gạt cuộn giây thừng thì nghe tiếng hét:

- Tướng kia không được hỗn! Và ngay lập tức phu nhân tôi tung đoản côn ném trúng chiếc thông lọng bay ngược lại chụp đúng vào cổ viên tướng kia, cùng lúc bà đã phóng phi đao vào chân ngựa của y khiến con ngựa khuyu xuống. Nhanh như chớp bà lấy mũi kiếm khều lấy đầu giây thừng rồi quay đầu ngựa kéo theo viên tướng kia. Tất cả chỉ xảy ra trong nháy mắt. Vẫn biết

phu nhân tôi võ nghệ siêu phàm, nhưng không ngờ bà ra tay nhanh đến vậy.

Khi tên này bị bắt thì quân chúng cụm lại từng toán xin hàng. Hỏi ra mới biết y chính là chỉ huy sứ Dương Bảo Tài.

Thừa thắng tôi bắt Dương Bảo Tài phải dẫn tới chỗ y nhốt những người dân ta bị bắt và bị dụ dỗ sang Trung Quốc. Thả họ ra lại khuyến khích họ đem hết của cải về, rồi lấy được gì của Tống thì mặc sức cho lấy.

Đám quân trót dại nghe Tống dụ dỗ bỏ nước đi hàng giặc có hơn ba chục đũa, nay hối hận xin tha mạng, đều sai trời lại đưa về nước xét sau. Tôi bắt bọn lính Tống phải bó hết khí giới chất lên xe, phía trên là các bao lương lấy từ trong kho ra chồng lên khí giới. Lại sai bắt trâu bò, lừa ngựa phải kéo xe, tải hàng. Tiện bắt hơn năm ngàn dân họ phải tải thóc lúa, giong dất súc vật về bên mình.

Trận này ta thắng lớn, đủ dạy cho biên quan biên tướng Tống một bài học đích đáng.

Công chúa nói xen vào:

- Nhưng chưa thấy vương huynh ta thưởng phạt gì cả. Chẳng biết là công hay là tội đấy!

Lý Thường Kiệt cười sáng khoái:

- Thường Kiệt tôi xin có nhờ chúc công chúa và phò mã. Nhị vị và cả công tử đều là các bậc danh

tướng lỗi lạc của nước. Nay mai chắc hoàng thượng sẽ triệu các vị về triều khen tặng. Tôi được hoàng thượng ủy thác đi kiểm xét bắc thủy, và đích thân nghe các vị tường lại sự việc để về tâu báo với ngài. Có điều hiện nay nhà Tống cay cú lắm. Họ đang đòi riết ta phải trả Dương Bảo Tài và hơn năm ngàn dân Tống.

XI

Nhận được kháng thư của Tiêu Cố tri Quế Châu, vua Thánh tông bèn triệu quan Thái sư Lý Đạo Thành vào điện Thiên Khánh để nghị bàn.

Vừa vái vua xong và ngồi vào ghế, Đạo Thành đã hỏi ngay:

- Tâu, có phải hoàng thượng vội thân vào vì chuyện bắc thù?

Thánh tông vỗ tay cười sáng khoái:

- Khanh đoán việc như thần. Vậy Khanh thử nói thêm ta gọi Khanh đến vì việc gì trên bắc thù.

- Tâu, chắc là Tiêu Cố đòi ta phải thả Dương Bảo Tài với đám dân họ bị phò mã bắt gần đây.

Lý Đạo Thành vuốt râu cười ha hả:

- Thần không ngờ phò mã và công chúa ra đòn mạnh đến thế. Không biết lần này đám biên quan biên tướng Tổng có nuốt trôi mối hận này.

- Giới, Khanh không chỉ là chân tay mà còn là đầu óc của ta. Đại Việt chỉ cần vài người như Khanh, như Thường Kiệt, hẳn là những mong ước của tiên đế, có cơ may ta sẽ thực hiện được.

- Ý bệ hạ muốn nói đến việc tiên đế muốn thu hồi các vùng đất của Đại Việt bị Trung Hoa chiếm giữ từ đời Hán, đời Đường tới nay.

- Hơn thế nữa.

- Ý bệ hạ muốn mở về hướng Tả, Hữu giang hay vùng Ung, Quế.

- Ung, Quế việc hoạch định biên cương đã rõ ràng, bên nào lấn sang bên nào là biết ngay. Vì rằng dân chúng mỗi bên phong tục mỗi khác, ngôn ngữ cũng khác. Họ lấn ta hoặc ta lấn họ là tùy thời, tùy sức mạnh yếu. Tuy vậy chỉ có họ lấn, còn ta thì đòi chứ không lấn. Riêng vùng Tả, Hữu giang tiếp giáp với đất Quảng Nguyên của ta thì từ đời Hán - Đường tới nay vẫn như là đất vô chủ. Đất rộng mà hiểm trở, khí hậu lam chướng, dân cư thưa thớt đi mấy ngày cũng chẳng thấy bóng một người. Nhà Đường tuy có nhận bừa đất này nhưng chưa bao giờ họ với tới được, chưa bao giờ có quan cai trị tới vùng đó, hiện thời thổ dân vùng này vẫn sống hoang dã chưa có pháp luật gì cả.

Mấy năm trước nhân việc Nùng Trí Cao đánh sang Tống, sau y bị thất bại, nhà Tống lại nhận chằng vùng

đất ta cho Nùng Trí Cao quản nhiệm trước đây phải thuộc về họ. Tiên đế đã bác việc ấy. Ta thì không bàn việc ấy. Bây giờ thì họ đã thôi không nói tới chuyện đó nữa. Nhưng ta chắc một khi họ đủ mạnh thì họ lại gọi chuyện đó ra.

- Tâu bệ hạ, nếu họ đủ mạnh là họ nghĩ ngay đến việc thôn tính cả nước ta chứ riêng gì dăm ba động sách đó.

- Cái đó cũng có đấy nhưng còn tùy vào thời điểm đó nước ta mạnh hay yếu. Nếu yếu thì họ thôn tính, nếu mạnh thì họ gọi lại chuyện cũ để tranh chấp. Ta đã xem trong lịch sử nước Trung Hoa từ cổ đại tới nay, lối ứng xử đó coi như một quốc sách, một thượng sách để bành trướng lãnh thổ. Khanh dọc rộng, thử xem có nước nào chung biên giới với Trung Hoa mà được sống yên ổn với họ, mà lãnh thổ không bị co lại. Tiên đế cũng đã truyền lại cho ta rất kỹ càng rằng đừng để họ lấn dù chỉ một thước, một tấc. Nếu họ đã bám được dù chỉ một tấc, lập tức họ sẽ xâm canh, tiến tới xâm cư rồi xâm táng. Thì Khanh bảo ở vùng biên địa vắng vẻ, đất đai cần cỗi, người mình ai đến đó mà ở. Chợt tới khi nhận ra đất của mình đã bị họ lấn, thì biên quan biên tướng họ mồm năm miệng mười cãi rằng dân họ đã sinh sống nhiều đời, mồ má tổ tiên ở đây cả thì sao lại gọi là đất mới lấn được. Căng nữa thì hai bên đánh nhau một trận, họ cố sống cố chết chiếm lấy một vùng rộng hơn. Ta có

phản kháng tận triều đình họ, thời “thiên tử” lại phủ dụ: “An Nam nhận đất đó là của An Nam, nhưng thực là đất của Trung Quốc vì dân Trung Quốc đã sinh sống lâu đời. Thiên tử thương An Nam đất đai nhỏ hẹp nên chia đôi phần đất ấy cho An Nam một nửa”.

Nếu tình thế đất nước ở vào thời kỳ suy yếu, vua tôi hèn kém, bạc nhược đành bảo nhau chấp nhận, thà mất một nửa còn hơn mất cả. Thế là tự nhiên thiên tử và thiên triều ngoạm mất nửa phần đất của ta bị họ vô cớ chiếm lấy rồi lại đem nó ra thương nghị. Rồi cứ thế, nó diễn đi diễn lại từ đời này qua đời khác. Bởi vậy, lần này ta muốn dứt khoát với lũ con trời. Chỗ nào chúng ngoạm của ta từ trước tới nay đều nhất loạt đòi lại. Nếu thuận thì ta để cho lui dân về, cho đem theo của cải, tài sản. Nếu cưỡng thì ta cho quân đánh chiếm lấy, bắt dân ấy cho vào ở trong đất ta, cải hóa làm dân ta. Không, nếu ta bắt dân họ ở vùng này, ta phải di sâu vào tận Châu Ái, Châu Hoan chứ sao lại cho ở nguyên đây được.

Ngừng lại giây lâu, vua Thánh tông lại nói:

- Ý của ta là vậy, khanh thử xem thời thế có thuận không. Đây nữa, nhà vua vừa nói vừa đưa bức thư của Tiêu Cố cho thái sư Lý Đạo Thành. - Khanh cứ đọc đi rồi xem nên xử với bọn này thế nào, ta quyết không để cho chúng coi thường Đại Việt.

Lý Đạo Thành đọc đi đọc lại bức thư của Tiêu Cố tới ba lần. Với vẻ suy tư nghiêm cẩn, đoạn thái sư lên tiếng:

- Tâu bệ hạ Tiêu Cố muốn gỡ thế bí, nhưng lại sợ mất thể diện nước lớn, nên lời lẽ vẫn còn ra vé ta đây. Dù sao thì y cũng không dám ngông ngạo, hỗn xược như thư phúc đáp phò mã. Tâu bệ hạ, cứ như nhời nhẽ trong thư thì nước Tống hiện nay đang lâm vào tình trạng suy yếu. Theo ý thần, ta chưa nên phúc đáp thư này. Cứ chờ một đôi ngày nữa xem sao. Việc doanh Tư Lãm ở sâu trong đất Khâm Châu bị bốc sạch trong có hai canh giờ mà quân đột nhập không để lại dấu vết gì khiến họ phải bàng hoàng. Trả đòn bằng một thứ meo vật lại bị phò mã Thân Thiệu Thái cùng công chúa Bình Dương đánh cho vỡ mặt. Hơn năm ngàn dân của họ bị bắt, họ không cảm thấy cay cú và nhục nhã bằng viên tướng Dương Bảo Tài, một tướng giỏi trấn tây thùi kháng Hạ lừng danh nay bỗng nhiên bị bắt sống ở nam thùi. Mà lại bị bắt ngay tại đồn ải giữa thanh thiên bạch nhật.

Khiếp quá, chỉ có hai trận đột kích nhỏ của cha con nhà họ Thân mà uy danh của thiên tướng, thiên tử, thiên triều đều tới tả như những thẳng hình nộm đang huênh hoang múa gậy giữa đường chợt gặp cơn mưa lớn, chỉ còn trở lại cái khung tre rỗng tuếch.

Tâu bệ hạ, lúc này là lúc bệ hạ có thể tiếp tục được

điều mà sinh thời tiên đế đã khởi tạo. Tuy vậy vẫn cứ phải kiến cơ nhi tác.

- Theo ý Khanh như vậy có nghĩa là cứ xem xét, thời cơ tới đâu làm tới đó.

- Tâu bệ hạ đúng như thế.

Vừa lúc đó nội thư gia vào bẩm:

- Khải trình hoàng đế bệ hạ có thư trạm từ biên ải về.

Nhà vua mở thư ra đọc:

"... Lại bộ thị lang nhà Đại Tống là Dư Tĩnh kính gửi thư này tới An Nam quốc vương, mong được nhà giám.

... Gần đây trên biên thù Tống - Việt có xảy ra vài việc không được như ý, khiến thiên tử râu lòng. Ngài sai tôi đi kinh dinh ra vùng biên địa nam thù để thu xếp.

Vậy kính xin An Nam quốc vương cử người tới thành Ung Châu nước Tống từ ngày... để hai bên cùng thương nghị..."

Vua đọc xong chuyển cho thái sư Lý Đạo Thành:

- Khanh đọc đi.

Lý Đạo Thành đọc xong liền nói:

- Tâu, bệ hạ có nhớ người này không. Hồi Nùng Trí Cao đánh Tống, ông ta đang làm kinh lược sứ lưỡng Quảng. Lúc ấy, ông ta cũng bị Trí Cao truy đuổi. Tuy

nhiên, Dư Tĩnh là người có học thức. Ông ta có chân tiến sĩ chứ không võ biên như bọn Tiêu Cố, Lý Sư Trung để phò mã Thân Thiệu Thái phải dạy cho một bài học đích đáng.

- Như thế này có nghĩa là Tống Nhân tông muốn xử nhũn với ta, muốn hòa giải. Vậy theo Khanh, Đại Việt nên cử ai đi thương nghị?

- Tâu bệ hạ, trước hết ta cũng nên cử người ngang hàm Dư Tĩnh. Người này phải nắm vững tình hình biên thùy, phải ăn nói giỏi, biện bác giỏi, không nhu quá, không cương quá. Nhu quá, kẻ kia sẽ lấn, cương quá dễ làm gây đổ cuộc thương nghị.

- Khanh nói thế có nghĩa là phải biết chấp nhận nhau, có tiến, có lui nhưng không lui quá cái hạn giới mà ta cần giữ vững.

- Tâu bệ hạ, đúng như bệ hạ nói. Trong thương nghị việc gì hai bên chưa thỏa thuận được với nhau, chưa quyết được thời tạm gác lại để bàn sau. Bữa nay không được thời bữa mai bàn tiếp. Bàn nhiều ngày chưa xong thời tạm nghỉ, hẹn nhau tới một ngày khác lại bàn chớ dừng để cho công việc đổ vỡ khiến quan hệ hai nước trở nên căng thẳng.

Tâu bệ hạ, hiện nay ta đang ở thế thượng phong, nhưng nếu người đi thương nghị mà kiêu ngạo ắt hỏng việc.

- Đúng! Khanh nói đúng. Ta định cử Bùi Gia Hựu
khanh thấy thế nào.

- Tâu, văn minh điện đại học sĩ Bùi Gia Hựu thời
hội đủ các điều mà bệ hạ cần. Duy có điều này bệ hạ
nên răn Bùi tiên sinh. Rằng tất cả những điều gì ông nói
trong khi hai bên thương nghị, đều phải qua viên thông
dịch. Như thế là vừa nói vừa nghĩ nó mới chặt chẽ. Rủi
có sơ hở thì đổ quấy cho người thông dịch hiểu sai ý.
Bùi tiên sinh rất giỏi cả chữ lẫn tiếng Trung Hoa, lại đọc
đủ các nhà nên kiến văn quảng bác. Việc ấy rất có lợi
khi tiên sinh gặp riêng từng người bên phía họ ở ngoài
cuộc thương thảo để bàn bạc hoặc thuyết phục.

Nhà vua và Thái sư đều thuận ý nhau, nên vua
cho triệu Bùi Gia Hựu tới diện kiến.

Chừng một khắc canh giờ sau Bùi Gia Hựu đã có
mặt. Bữa nay ông vận tề chỉnh như vào thiết triều vậy.
Nào mũ cánh chuồn, áo thụng gấm có thắt đai, chân đi
hia thêu chim phượng, hai vai đeo hai ống quyển, một
nhô khỏi vai, một cao quá đầu. Ngược nhìn nhà vua và
Thái sư, ông phủ phục vái:

- Kính lạy bệ hạ, thần có mặt.

Vua nói:

- Cho khanh bình thân, an tọa.

Bùi Gia Hựu liền đứng dậy, ông vái thái sư một
vái rồi ngồi vào chiếc ghế bở trống chếch phía sau Lý

Đạo Thành.

- Vậy chớ khanh đi đâu về mà mang nhiều ống quyển thế?

- Tâu, bệ hạ chẳng triệu thần về việc tranh chấp bắc thù sao?

- Do đâu khanh biết được điều đó?

- Tâu, cả triều đình đang bàn tán xôn xao về chuyện bắc thù. Thần chắc thế nào bệ hạ cũng sai khiến một việc gì có liên can đến lãnh thổ nên đem sẵn mấy tấm đồ bản.

Vua Thánh tông cười ngất, đoạn nhà vua khen:

- Đúng là khanh có đầu óc bén nhạy, có tài đánh hơi về những điều quan yếu của quốc gia.

Nhà vua thuật lại khá tỉ mỉ mọi chuyện xảy ra trên biên thù hai nước, lại cho Bùi Gia Hựu xem cả mấy bức thư của Tiêu Cố và Dư Tĩnh. Vua cũng căn dặn kỹ càng về phương lược thương nghị như lúc trước vua đã bàn cùng thái sư. Cuối cùng nhà vua chốt lại:

- Dư Tĩnh, Tiêu Cố sẽ tìm mọi cách đòi dân của họ lại. Số dân Trung Hoa bị ta bắt là bao nhiêu, khi qua Lạng Châu khanh ghé qua dinh châu mục phò mã Thân Thiệu Thái, lấy luôn cả bản danh sách đi để tiện cho việc thương nghị. Qua đó, khanh chắc còn được biết nhiều điều hơn nữa cần cho công việc. Tuy nhiên, việc chính là phía họ muốn đòi ta thả Dương Bảo Tài.

Bùi Gia Hựu liền hỏi:

- Tàu bệ hạ, vậy theo ý bệ hạ ta có thả hay không thả Dương Bảo Tài để thần còn liệu bề thương thuyết.

- Thường Kiệt có nói với ta rằng Bảo Tài thật là một tên nguy hiểm. Y nắm khá vững địa thế cũng như tình hình biên địa, tuy y mới chuyển về đây được năm, sáu năm. Nguy hiểm hơn là y đã cài đặt được một số nội gián nằm sâu trong đất ta. Vì vậy, theo Thường Kiệt là chưa thể thả tên này trước khi ta bóc hết chân tay tai mắt của quân Tống.

Ta cử Khanh làm chánh sứ đi Ung Châu phó hội. Những người giúp rập trong đoàn cần bao nhiêu Khanh bàn với thái sư. Mọi việc phải thu xếp sau bảy ngày nữa lên đường. Trước khi lên đường phải để một hai ngày thông cho nhau tin tức cùng các việc cần bàn thảo. Khanh cũng nên dừng lại một vài ngày trên dinh châu mục Lạng Châu để biết kỹ về tình hình biên địa cũng như cung cách ứng xử của biên quan biên tướng Tống.

Bùi Gia Hựu vừa cáo lui thì Lý Đạo Thành lại nói:

- Tàu bệ hạ, còn một việc nữa thần đã có biểu tâu cách nay tới hai tháng, bệ hạ đã xét cho chưa.

- Đó là việc lớn. Lớn lắm, nó có quan hệ đến nền văn hiến nước nhà, phải cân nhắc kỹ. Ta định phải bàn với thái sư cho ra nhẽ trước khi ta y chuẩn.

- Thần xin được nghe cao ý của bệ hạ.

- Ý khanh là muốn lập một hệ thống trường học trong cả nước, thi cử chia làm nhiều cấp bậc, qua đó để chọn tuyển người tài có trí lự cho nước.

- Tâu, đúng như ý hoàng thượng hiểu đó ạ.

- Ta chấp nhận mở nhiều trường học hơn nữa theo hệ thống đa cấp. Tuy nhiên, ta ngại rằng nếu nhà nước chọn tuyển nhân tài chỉ dựa vào bằng cấp, đời sẽ chạy theo về cái học hình danh mà bỏ đi mất phần thực nghiệp. Và như vậy sẽ không khuyến khích được những người có công, có chí tự rèn giũa cái năng lực cái phẩm hạnh của mình để hiến dâng cho nước. Ta ví như khanh, như Thường Kiệt thì có bằng cấp nào đâu, nhưng ta ở ở nước này văn tài rồi cả thuật trị nước giúp đời nữa có kẻ nào sánh được với khanh.

- Bệ hạ quá khen, thần đến tôn thọ mất, Lý Đạo Thành nói xen vào. Ông có vẻ ngưỡng vì lời khen của vua, mặt ông đỏ lựng.

- Cho nên việc này phải cân nhắc, chứ không thể cứ thấy người Tống làm thế nào, mình làm theo thế, sẽ rước họa vào thân.

- Bệ hạ thật sáng suốt. Thần xin được tâu lại để bệ hạ rõ điều mà thần mưu làm.

Thần ý thức được rằng toàn bộ sức mạnh và ý chí của người Tống hiện nay đang chất cả lên cỗ xe tham

vọng và đã đóng ách cho những con ngựa cực khỏe kéo, nhưng nó được điều khiển bởi người xà ích mù. Vì vậy, cỗ xe đó hiện đang men theo bờ vực. Sở dĩ xe chưa lao xuống vực là nhờ những con ngựa còn khỏe mạnh, tinh tường. Sẽ đến một ngày, ngựa kia mệt mỏi, xe đã đến mom đường và người xà ích mù chỉ cần khê động dây cương, cả cỗ xe sẽ lăn xuống vực. Sớm muộn nước Tống sẽ rơi vào kết cục bi thảm đó. Tiếc thay việc ấy quân Bắc Liêu không làm được, quân Tây Hạ cũng không làm được mà chỉ có người Tống mới làm được, chỉ có thiên tử nhà đại Tống với giới quan lại quý tộc Trung Hoa hợp lực lại mới làm được.

Tâu bệ hạ, tấm gương của nước Tống đã phơi bày ra đấy, ta phải học chữ, phải học nó một cách thật sáng suốt, để tránh những cái dở, cái xấu của nó.

Việc mở trường học và thi cử ở ta, là nhằm vào việc khai trí cho người mình một cách có quy củ, có hệ thống, có luật lệ chặt chẽ. Như thế mặt bằng dân trí sẽ được nâng lên, theo đó mặt bằng quan trí phải ở mức cao hơn.

Thần biết bệ hạ rất lo lắng, nếu không cẩn thận mà chỉ dựa vào bằng cấp, sẽ tới lúc ta có cả một bầy vẹt làm quan.

- Đúng thế! Đúng thế! Đó là điều ta ngại nhất. Lũ học vẹt chỉ biết những điều trong sách, còn ngoài đời

chúng rất ngu ngơ. Dù có ai làm gì, nói gì dù hay biết mấy, cần biết mấy cho người dân, cũng đều bị chúng gạt bỏ hết, vì lũ vẹt quan nói rằng các điều đó không có trong kinh sách của các nhà.

Vua Thánh tông ngừng lời, ngài nhìn quan Thái sư mỉm cười ý nhị:

- Ta mong Đạo Thành cảm thông điều ta nói sau đây. - Ở đời, ta không sợ gì bằng sợ lũ người ngu có học, có quyền chức.

- Tâu bệ hạ, Lý Đạo Thành đáp, - Điều này hạ thần có thể chia sẻ với bệ hạ được. Bởi loại người này cản trở sự tiến hóa xã hội một cách có hiệu quả nhất. Tâu bệ hạ, xét cho cùng thì kiến văn của loại người này cái gì cũng nửa vời, cái gì cũng chấp vá. Nó đích thị là loại học mọt, loại đạo trích trí tuệ chứ thực không thể gọi lũ người ấy là có học thức được.

- Vậy nhưng chúng lại ở trên người có học thật, có năng lực thật sự. - Vua nói xen vào.

- Tâu bệ hạ, thần đã có kế sách để khống chế các khiếm khuyết do thi cử để lại mà nhà Tống hiện nay đang mắc phải.

Tâu, cửa vào các cơ quan then máy quốc gia từ triều đình tới thôn ấp đều chọn theo hai nguồn. Nguồn thứ nhất do những người tự học, tự kinh qua trường đời mà thành tựu, thì tự mình được phép tiến cử, hoặc do

người khác tiến cử, hoặc tốt nhất là do dân chúng trong vùng người đó cư trú tiến cử lên. Nguồn thứ hai là lấy từ các khoa thi. Nhưng dù từ nguồn nào khi tuyển vào cũng phải qua ba kỳ khảo hạch. Lại ba năm khảo khóa một lần. Ai lơ là việc trau dồi nghề nghiệp ắt phải loại bỏ. Còn về đức, tài bệ hạ, các quan ở chức tại triều thì do các đồng liêu quan sát lẫn nhau, các quan ở ngoài triều thì hằng năm sẽ căn cứ vào các đơn thư khen chê của dân trong vùng mà xét. Ngoài ra, bệ hạ hằng năm nên có một số bổng gọi là tiền dưỡng liêm trao cho những ai được dân chúng và đồng liêu tôn vinh là thanh liêm.

Ai ba năm liền đều được nhận tiền dưỡng liêm thì xếp vào hàng quan thanh liêm. Ai ba năm liền không nhận được một đồng dưỡng liêm nào thì xếp vào hàng quan tham nhũng. Và từ đó bệ hạ lại đặt ra chế độ thưởng phạt, thăng bổ hoặc đuổi về làm thường dân, hoặc xung vào quân khao giáp, hoặc bắt đi xây ở các vùng biên viễn.

- Được! Được! Những điều khanh nói rất hợp ý ta. Vậy khanh phải soạn thảo nó ra thành quy chuẩn, thành luật rồi cứ chiếu đó mà làm không ai được cản trở, không ai được ngoại lệ. Nhưng có điều ta muốn hỏi:

- Khảo khóa từ cấp nào trở đi?

- Tâu, như bệ hạ vừa nói không ai được ngoại

lệ, cũng có nghĩa là không trừ một ai, từ Tế tướng trở xuống.

- Ai khảo Tế tướng?

- Chính bệ hạ. Nếu không sẽ lập ra một hội đồng.

- Được! Được! Ta y chuẩn.

Lại nói văn minh điện đại học sĩ Bùi Gia Hựu lập một sứ bộ từ Thăng Long có năm người, qua Lạng Châu lấy thêm hai người nữa thuộc các quan chức châu ấy.

Tuân mệnh vua, sứ bộ có ghé dinh quan châu mục Thân Thiệu Thái, được phò mã và công chúa tiếp đón niềm nở, lại được biết khá tường tận về tình hình biên sự.

Khi sứ đoàn vào đầu địa giới Ung Châu, Tiêu Cố đã cho xe ngựa chờ sẵn để đón đoàn. Dọc đường dừng lại ăn uống ở bất cứ nơi nào đều đã có các quan bản hạt châu chực tiếp rước. Đêm ngủ lại nơi nào thì quan sở tại cũng tiếp đón và cung phụng chu đáo, khiến sứ đoàn có cảm nghĩ như mình đang là thượng khách của Tống triều.

Suốt hành trình từ khi đặt bước chân đầu tiên vào đất Tống, sứ đoàn không phải lo một tí gì, từ ăn uống, ngủ nghỉ, đi lại đều được bên Tống săn sóc chu đáo như ở nhà. Nhiều vị sợ ăn hoặc uống các thứ lạ không hợp đã đem theo nào trà, nào rượu, nào thức ăn chín kho

khô đóng vào chai lọ để dùng dần, nhưng quả là không phải cần đến. Bởi mọi thứ họ mời ăn uống rất hợp khẩu vị, cứ như là chưa đi khỏi đất Thăng Long. Có lúc quan Chánh sứ Bùi Gia Hựu phải kêu lên với mọi người: “Cái anh Tàu này khi mà nó cần đến mình thì nó yêu mình như con nó, nó kính mình như cha nó. Nhưng khi nó không còn cần mình nữa thì một hớp nước nó cũng không cho, đi tới đâu nó xua đuổi tới đó như là xua tà, đuổi quỷ”.

Sứ đoàn vừa vào tới cổng thành Ung Châu gặp ngay một đoàn ra đón thật là long trọng. Đi đầu là An phủ sứ Dư Tĩnh, thứ đến là Tiêu Cố tri Quế Châu, tiếp đến là Đề lĩnh Lý Sư Trung. Các quan hai bên tay bắt mặt mừng thật ân cần như người thân sau bao ngày cách xa nay mới gặp lại. Hai bên trò chuyện trong tiếng nổ giòn tan của pháo. Khói pháo chưa tan đã có một bầy vũ nữ xinh đẹp như tiên nga giáng trần. Cô nào cô ấy xúng xính trong nếp áo váy rực rỡ mà mỏng tang nom rõ cả da thịt mỡ màng. Nhạc vừa nổi, khúc “Nghê thường” bắt đầu. Vừa vào tới đại sảnh Lại bộ thị lang Dư Tĩnh xúng xính trong bộ triều phục đại Tổng ra đón khách.

Vừa trông thấy người đi trước đội mũ tiến hiện mặc áo thụng, bỏ tứ thêu đôi chim phượng trắng, Bùi Gia Hựu thầm đoán “chắc là người này đây”. Ông ta tiến đến trước mặt Bùi Gia Hựu cúi đầu xá một xá rồi nói:

- Dư Tình tôi có lời chào Bùi đại học sĩ. Chẳng hay ngài vẫn được mạnh giỏi chứ?

- Đa tạ Dư Thị lang, từ lâu tôi đã nghe danh ngài, bậc đức quá nên bữa nay mới được diện kiến.

Sau khi hai bên gặp gỡ chúc tụng trà nước một lát thì an phủ sứ Dư Thỉnh mời sứ đoàn Đại Việt về nhà quốc khách.

Đó là một khu gồm nhiều nhà xây cất kiểu như cung điện, họ dành cho sứ đoàn mỗi người một căn nhà. Trong mỗi căn nhà lại có ba người hầu gái tươi đẹp, nõn nà. Một cô hầu phòng, một cô hầu trà, một cô hầu bếp. Trong nhà bày biện sang trọng không thiếu một thứ gì từ sách vở, đồ văn phòng tứ bảo đến các loại danh trà, danh tửu.

Vừa chập tối các cô hầu bếp, hầu trà đã rút đi chỉ còn để lại cô hầu phòng xinh đẹp nhất hầu hạ các quan Đại Việt.

Quan Chánh sứ Bùi Gia Hựu cảm thấy có gì không ổn. Ông chắc không chỉ riêng ông được cứ hầu gái mà các quan khác cũng vậy. Ông bèn vẫy cô ả lại gần và bảo:

- Ta cho người về, không phải ở lại đây qua đêm. Người hầu phòng chỉ lắc đầu, dường như cô ta không hiểu ông nói gì. Mặc dù ông đã nói cả tiếng Quảng Tây và tiếng Quảng Đông. Song cô ta không quan tâm đến điều ông nói. Cuối cùng ông phải viết điều ông cần nói

ra giấy, cô hầu phòng chỉ cười mỉm và lắc đầu.

Quan Chánh sứ đang nghĩ đến việc người Tổng muốn giở trò chơi khăm gì đây. Ông định tìm cách gặp gỡ mọi thành viên trong sứ đoàn để bàn bạc. Vừa lúc viên phó châu mục Lạng Châu là Lương Bưư và viên phó đô tổng quán Lạng Châu là Đậu Toàn cùng vào yết kiến.

Quan Chánh sứ Bùi Gia Hựu hỏi ngay:

- Các ông gần cận với người Tổng có thể cho ta biết cách họ tiếp đón ta như thế này có nghĩa là thế nào.

Phó châu mục Lạng Châu đáp:

- Bẩm quan Chánh sứ, họ tiếp ta như thế này là trên cả các quy chế bang giao.

- Ta biết, thường các sứ đoàn của ta sang Biện Kinh nhà đại Tổng, họ mời ở nhà công quán. Tất cả đoàn đều ở trong một ngôi nhà, các đồ ăn uống, trà thuốc đều hào hạng, cung cấp dư thừa. Khi về thì có quà cho từng đoàn viên, quà riêng cho chánh sứ, còn đích thân vua Tổng có thư và có quà cho vua ta. Tất cả chỉ có thể chứ làm gì lại có sự ưu biệt như đoàn ta ở Ung Châu này. Riêng ta đã có một gói quà, ta chưa mở, không biết trong đó có gì. Còn các ông thế nào. Các ông cũng có cả à. Lại còn cái khoản mỗi người ở một nhà, mỗi người đều có một ả hầu phòng xinh đẹp nồn

nà hầu qua đêm. Ta chắc họ có chủ ý gì đây. Ta cũng vừa định tìm các ông để hỏi han về phong tục, thổ ngơi vùng này.

Ngẫm ngợi giây lâu, quan đại học sĩ lại nói:

- Ta nghĩ đây là chức mỹ nhân trong kế dòm lại viên chỉ huy sứ Dương Bảo Tài.

Cả hai vị Lương Bưư và Đậu Toàn cùng reo lên:

- Đại quan thật sáng suốt.

- Ta muốn hỏi người dân vùng này họ nói tiếng Quảng Tây hay Quảng Đông. Nói tiếng Quảng Tây sao ta hỏi mấy đứa hầu chẳng đứa nào trả lời. Hỏi sang tiếng Quảng Đông chúng cũng lắc đầu cười mỉm.

- Bẩm đại quan dân vùng này đều nói tiếng Quảng Tây, dân man họ nói có nhiều từ khác, âm cũng khó nghe, ấy là mình khó nghe thôi, còn ta nói, họ biết cả đấy. Có điều rằng quan trên của họ đã cấm họ không được khai khẩu, sợ các quan ta dò la bên họ.

- Vậy theo các ông, ta nên xử thế nào với việc họ để hầu gái lại qua đêm.

Lương Bưư, Đậu Toàn đều cười ranh mãnh. Chợt Đậu Toàn nói nửa nghiêm nửa cợt:

- Bẩm quan Đại học sĩ, đó là do sự sáng suốt của ngài, quyền nơi ngài, bản chức là người lính chỉ biết tuân thượng lệnh.

Văn minh điện đại học sĩ Bùi Gia Hựu nghe dám người này nói, ông biết tông họ rất muốn ông cho phép. Sự thật ở trên đời có hai thứ mà con người suốt đời tìm kiếm, đó là của cải và gái đẹp. Tức là dục vọng cố hữu của con người. Nhưng trong mọi thứ dục vọng, suy cho cùng thì dục tình là thứ làm cho con người đắm đuối nhất, mê muội nhất. Ngay ta, đã ngoài bốn chục tuổi, là người cao tuổi nhất trong sứ đoàn, thử hỏi ta có thích được hành lạc với cái đứa hầu phòng xinh đẹp kia đêm nay không. Nói không, tức thị ta là kẻ giả dối. Nếu không thì ta là kẻ khuyết tật bẩm sinh. Đại học sĩ ngưng lại các ý nghĩ miên man. Bỗng một cái gì đó vô hình chạy ngang óc não và làm ông rùng mình. Tự nhiên ông thấy ớn ớn nơi sống lưng và nóng rục suốt từ bả vai lên tới đỉnh đầu. Như một điều gì đó linh thiêng mách bảo ông. Nên ông tự hỏi: - Ta là ai? Ta đến đây làm gì? Chợt ông quay lại bảo hai viên quan dưới quyền:

- Ta với các ông đều là con người cá, hà tất phải gạn nhau những điều khả ái thuộc về con người. Tuy nhiên, không phải chúng ta được nhà vua cho đi hưởng lạc thú trần gian, mà đích thân hoàng thượng trao cho chúng ta trách nhiệm đi thương nghị. Sứ ra khỏi nước là phải làm vẻ vang cho nước, không để nhục mệnh vua. Ta chắc các ông cũng nghĩ như ta nên mới tìm tới ta. Và lại sứ mệnh còn chưa được bắt đầu, ngày mai mới vào cuộc, phải để hết tâm lực cho công việc. Vây theo ta, cả

sứ đoàn nên ăn nghỉ vào một chỗ. Như căn nhà ta đang ở đây thật là rộng rãi, đủ chỗ cho vài chục người ngủ, nghỉ. Còn người hầu phòng, có nhẽ bữa nay ta cho họ về hết. Từ ngày mai, ta báo họ cử những người hầu trai đến cho đỡ sự bất tiện.

Hai ông đều là quan biên trấn, mọi thứ chắc thông tỏ cả, ta nhờ hai ông lo giùm.

Nghe quan Chánh sứ nói có tình, có lý nên Lương Bư, Đậu Toàn đều cho là phải và thuận theo.

Sớm hôm sau hai sứ đoàn Tống - Việt gặp nhau tại Doan Minh Đường là nơi hội họp, hai bên đều tay bắt mặt mừng.

Lại bộ thị lang Dư Tĩnh cứ xoắn xuýt lấy đại học sĩ Bùi Gia Hựu hỏi thăm sức khỏe và sự ăn ở của sứ đoàn Đại Việt.

Thị lang Dư Tĩnh nói:

- Mới gặp ngài lần đầu mà sao tôi cảm như ta đã quen nhau từ lâu lắm rồi, từ đời nào kiếp nào rồi.

Quan đại học sĩ tươi cười đáp:

- Đúng như quan lại bộ thị lang nói, tôi cũng cảm thấy thế, đúng là “nhất kiến vi cựu”¹ như người xưa từng nói.

¹ Nghĩa là mới gặp nhau một lần mà như đã quen nhau từ trước.

Lại khi gặp an phủ sứ Ung Châu là Dư Thịnh, ông ta cũng hỏi thăm sứ đoàn, Đại học sĩ Bùi Gia Hựu đáp:

- Đa tạ thịnh tình quan an phủ sứ hiếu khách, ngài săn sóc chúng tôi chu đáo quá.

Nghe tới chữ “quá”, Dư Thịnh có vẻ chột dạ, ông ta hơi đỏ mặt và lảng đi chỗ khác.

Khi hai sứ đoàn đã tề tựu đông đủ, tri Quế Châu¹ là Tiêu Cố bèn nói:

- Ít lâu nay biên địa hai nước Tống - Việt, các quan biên trấn bận nhiều việc nên thăm viếng nhau có phần thưa lạt, cấp dưới lại không hiểu ý bề trên nên dễ xảy ra một vài biên sự khiến thiên tử đau lòng. Sở dĩ có cuộc thương nghị này là do thiên tử rủ lòng thương An Nam, nước phen giậu xa xôi, thiên ân đến thường là muợn màng. Vì vậy thiên tử không muốn chốn biên thùy lại có điều va vấp để đến nỗi tay phải đấm vào tay trái, chân trái đá vào chân phải. Vì lẽ đó mà thiên tử dụ báo biên quan hai nước phải tức thời bàn bạc, ngõ hầu khôi phục lại kỷ cương giữa thiên triều cùng các nước chư hầu. Do vậy thiên tử đặc phái quan lại bộ thị lang Dư Tĩnh, lãnh nhiệm kinh lược sứ cầm đầu sứ đoàn nhà Đại Tống để thương nghị với sứ đoàn An Nam. Vậy là để cho công việc được nhanh chóng nên trong khi

¹ Ung Châu và Quế Châu đều là hai châu, nhưng chức tri Quế Châu lại bao quát cả Ung Châu (tùy thời).

thương thảo chỉ dùng tiếng Trung Hoa thôi. Nghe nói trong sứ đoàn An Nam các ông, ai cũng nói được tiếng Trung Hoa, ai cũng giỏi tam giáo¹ cứu lưu² cả. Nếu các ngài chấp thuận như thế thì ta bắt tay vào việc ngay.

Đông các điện đại học sĩ chánh sứ Đại Việt Bùi Gia Hựu liền nói:

- Trước hết bên Đại Việt chúng tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với thiên tử nhà đại Tống, cũng xin được nói rõ như từ trước tới nay các điều trại Trung Hoa vẫn xem chúng tôi là nước phen giậu, tức là chúng tôi làm việc che chắn, bảo vệ cho Trung Quốc chứ không phải chúng tôi nằm trong Trung Quốc mà bảo chúng tôi là nước chư hầu. Còn như việc dùng ngôn ngữ nào trong khi thương nghị. Rõ ràng là ở đây ta dùng tiếng Trung Hoa, nhưng là tiếng của vùng nào. Thực ra bên quý quốc chỉ có văn tự là thống nhất, còn như ngôn ngữ lại bất đồng. Vì thế người Quảng Tây nói người Quảng Đông nghe cũng chẳng hiểu, nói gì đến Trường Sa, Sơn Đông. Cho nên trong cuộc thương thảo ở đây, quý ngài nói tiếng Quảng Tây hay Quảng Đông để chúng tôi còn cử người thông dịch. Xin quý ngài cảm thông, chúng tôi tuy có thông thạo văn tự Trung Hoa, nhưng chúng tôi sử dụng

1 Tam giáo: Là ba đạo Phật, Nho, Lão.

2 Chín học phái của Trung Hoa: Nho gia, Đạo gia, Pháp gia, Âm dương gia, Tung hoành gia...

theo cách của chúng tôi, nói cũng theo cách của chúng tôi. Đại loại, chúng tôi chỉ mượn chữ của quý vị chứ không mượn tiếng của quý vị, thành thử không thể nói như quý vị được. Tuy nhiên, trong sứ đoàn chúng tôi có vài người nói được tiếng lưỡng Quảng. Chính vì thế chúng tôi phải nói qua viên thông dịch. Giả dụ như quý vị lại nói được tiếng của chúng tôi, thời dùng tiếng nói của Đại Việt mà thương thảo thì quý hóa quá. Tiếc rằng trong số quý vị đây, tôi dám chắc không ai nghe và nói được tiếng của nước chúng tôi cả.

Quan Đông các điện đại học sĩ Bùi Gia Hựu ngừng lời, ông ngừng nhìn khắp từng người trong hai sứ đoàn, như là để nhận diện lại một lần nữa. Đoạn ông nói rất rành rõ:

- Có nhẽ ta nên bắt đầu công việc. Phía sứ đoàn chúng tôi đã có danh sách kèm theo chức vị gửi tới các vị trước rồi. Tối hôm qua chúng tôi lại đưa danh thiếp của từng người gửi tới quý vị. Tiếc rằng tới giờ phút này chúng tôi vẫn chưa tường hết danh tính quý vị. Phía Đại Việt, tôi Đông các điện đại học sĩ Bùi Gia Hựu làm chánh sứ cầm đầu sứ đoàn.

Mở đầu Đề lĩnh Lý Sư Trung nói:

- Vừa đây ông Chánh sứ An Nam nói An Nam là nước phen giậu che chắn cho Trung Quốc, bảo vệ cho Trung Quốc. Nhẽ đời là vậy. Phận sự của nước phen

giậu là vậy. Song ta chưa từng thấy nước phen giậu nào của Trung Quốc lại vô cớ đem quân đánh vào Trung Quốc, như An Nam bất ngờ đánh vào doanh Tư Lãm ở Khâm Châu.

Như thế vẫn chưa cho là đủ, cái nước phen giậu ấy còn tiến đánh tiền đồn Như Ngao thuộc châu Tây Bình bắt cả chỉ huy sứ Dương Bảo Tài, bắt hơn năm ngàn dân, cướp không biết bao nhiêu trâu bò, thóc lúa cùng của cải của dân chúng đem về. Ấy là chưa kể cả Tư Lãm lẫn Vĩnh Bình, Tây Bình các biên tướng nhà Đại Tống còn bị giết tàn bạo như Trần Bạt, Lý Diệu Đức, Tống Sĩ Nghiêu, Tả Minh, Hà Nhuận...

Vậy sứ đoàn An Nam nói sao đây? Nước phen giậu An Nam nói sao đây - Lý Sư Trung vênh mặt nhìn sứ đoàn Đại Việt với vẻ đắc thắng.

Ai nấy trong sứ đoàn Đại Việt đều mỉm cười. Đoàn Lương Bưu phó châu mục Lạng Châu nói bằng tiếng Việt dễ Đạu Toàn thông dịch. Hai người nháy nháy mắt như ngầm hiểu ý nhau.

- Xin Lý Đề lĩnh cho biết chúng cố quân Đại Việt đánh doanh Tư Lãm vào lúc nào. Các ngài đánh giá Đại Việt chúng tôi quá cao đấy. Tư Lãm vừa ở xa vừa ở sâu trong đất Khâm Châu, nếu quân tôi đi ngựa cũng mất mấy ngày đường, làm sao có thể che tai bịt mắt người Tống mà đến đánh Tư Lãm rồi về êm ru như vậy. Còn

như đi đường biển thì quá hiểm trở, quân tôi có cánh cũng không bay vào Tư Lãm được.

Phó đô tướng quân Đạu Toàn cứ dịch thông thả rõ ràng từng từ một để các đại quan thiên triều nghe cho tường tận. Bởi chính tướng quân có tham gia trận đột kích vào doanh Tư Lãm, nhưng không để lại một dấu vết nào.

Thấy phía Đại Việt dồn hỏi mà bên Tống không đưa ra được bằng chứng nào về việc quân Đại Việt đánh doanh Tư Lãm, các quan bên Tống triều vẻ như vừa tức vừa ngượng. Bổng quan Đề lĩnh nói bừa một câu:

- Nếu quân Đại Việt không đánh Tư Lãm thì quân nào đánh doanh Tư Lãm? Phên giậu của Trung Quốc mà để cho Trung Quốc bị đánh bất ngờ thế à?

Nghe câu hỏi vô lý cả sứ đoàn Đại Việt đều bưng miệng cười.

Lương Bư lại thủng thẳng đáp lời:

- Lý Đề lĩnh bắt bí chúng tôi quá. Làm sao mà chúng tôi có thể trả lời được về các sự biến của Trung Quốc. Lý Đề lĩnh là người cầm quân bảo vệ đất nước mình, không những không bảo vệ được, khi sự biến xảy ra lại đi tra hỏi người ngoại quốc. Nói thực, chúng tôi là tiểu quốc, lo bảo vệ dân mình còn chẳng xong, sao mà giữ được biên thù, giữ được Trung nguyên mênh mông của các vị. Xin đừng đổ thừa cho chúng tôi nữa.

Nếu các vị cứ bắt bẻ như thế này thì cả bắc thù, tây thù của thiên triều bị quân Liêu, quân Hạ đánh chiếm, lỗi ấy cũng thuộc về chúng tôi sao. Nhẽ ra các vị phải thấu hiểu cho chúng tôi, phía nam phải chống đỡ với quân Chiêm Thành luôn quấy phá, phía bắc lại lo quân Tống bất cứ lúc nào cũng có thể tràn sang cướp của giết người, chiếm lấy đất đai. Cho nên chúng tôi thân ốc còn chẳng mang nổi mình ốc, thời làm sao có thể lo giữ nước cho thiên triều được.

Đậu Toàn dịch không nhằm, không sót một lời nào của Lương Bưu khiến sứ đoàn nhà Tống bưng bưng nổi giận. Duy có Lại bộ thị lang Dư Tĩnh giữ được sự quân bình, ông không có biểu hiện gì trên gương mặt, trái lại ông còn mỉm cười kín đáo.

Tiêu Cố tri Quế Châu tuy mặt bưng bưng song ông cố nén giữ để không lớn tiếng, ông nói:

- Ta nói để phó tri Lạng Châu biết mà nhớ lấy. Ông có hiểu ông đang nói chuyện với ai, nói ở đâu không. Các chuyện rắc rối ở biên thù Tống - Việt chủ yếu là do các ông gây ra, nay thiên tử đã thương không trị tội, cho bàn bạc để các ông biết mà chữa đi. Nhẽ ra phải nhận lỗi rồi hứa với thiên tử từ nay không tái phạm nữa cho đẹp lòng ngài. Đã không làm được thế lại còn xúc phạm các đại quan, xúc phạm thiên triều.

Lưu Tuấn làm việc tại Trung thư lệnh, dưới quyền

của Thái sư Lý Đạo Thành được cử làm phó sứ thấy các quan nhà Đại Tống thương nghị với cung cách trịch thượng, ông bèn lên tiếng:

- Ở nước tôi có câu chuyện cổ tích đã lưu truyền từ nhiều đời, nay tôi kể hầu các vị nghe để bầu không khí thương thảo thêm phần mát mẻ.

... Truyện bắt đầu từ một chú thỏ con lạc mẹ bèn hốt hoảng chạy đi tìm mẹ. Tới ngã ba nó không biết chạy đường nào nên cứ ngơ ngác ngó hết ngã nọ tới ngã kia. Một con cáo bị chó săn đuổi từ cánh rừng xa băng xuống đường cũng đang lớ ngớ trước ngã ba, chợt trông thấy con thỏ vội chạy ra ngang đường:

- A! Thế là tao đã bắt được mày đây rồi. Mày định chạy đâu cho thoát tên kẻ cắp kia.

- Tôi đi tìm mẹ chứ, - thỏ đáp.

- Kẻ cắp lại còn già mồm. - Cáo nạt.

- Lần đầu tiên tôi ra đường nên bị lạc mẹ phải đi tìm, còn chưa biết đi nẻo nào, tôi biết nhà ông ở đâu mà lấy cắp.

- Mày còn chối à. Nếu mày không lấy cắp của tao thì bố mày lấy cắp của tao.

- Mẹ tôi bảo bố tôi bị cáo vồ từ khi tôi còn ở trong bụng mẹ kia.

- Thế thì ông mày lấy cắp của tao.

- Ông tôi già lắm rồi sao mà đi lấy cấp của ông được.

- Mà không biết thì thôi, hồi ông mà còn trẻ, bố mà chưa bị chết, hai bố con thường đến nhà tao lấy cấp của bố tao, của ông tao. Bây giờ mà phải đền mạng để trả nợ từ mấy đời trước. Thỏ con há hốc mồm ra vì kinh ngạc. Và tất nhiên cáo không thể bỏ lỡ dịp may hiếm có...

Lưu Tuấn ngừng lời, không khí cuộc thương nghị chìm hẳn xuống.

Dư Thỉnh, an phủ sứ Ung Châu không câu nệ, đi thẳng vào sự vụ.

- Việc đánh châu Tư Lãm tiếc rằng không thu được một bằng chứng nào của quân An Nam để lại, coi như Đại Việt vô can. Chuyện ấy cho qua. Thế còn chuyện quân An Nam đánh Như Ngao, Vĩnh Bình, Tây Bình, bắt hơn năm ngàn dân, bắt cả chỉ huy sứ Dương Bảo Tài, lại giết nhiều tướng khác nữa như ông Đề lĩnh Lý Sư Trung vừa cáo giác, việc đó có không xin ông Chánh sứ An Nam cho biết.

Đồng các diện đại học sĩ Bùi Gia Hựu bình thản chỉ vào Đậu Toàn:

- Ông tòng sự giáp biên thù nên nói rõ sự thực để quý vị bên Đại Tống được biết.

Đậu Toàn là quan võ nên ăn to nói lớn. Giọng ông

nói tiếng Việt cứ vang ồm chứ không như khi ông thông dịch tiếng Hán, ông nói:

- Thưa quý vị, cứ như nhờ Phật dạy, mọi sự diễn ra trên thế gian này đều nằm trong vòng tạo tác của thuyết nhân - quả. Nếu không có chuyện biên quan, biên tướng nhà Đại Tổng cho lính giả trang làm dân sang đánh phá, cướp của, bắt người của biên dân chúng tôi đưa về bên này. Rồi cho người mua chuộc, dụ dỗ kẻ cả cưỡng bức khiến cả dân, cả quân lính của chúng tôi bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ nước chạy sang phía các vị làm cho không biết bao gia đình ly tán, xóm thôn tiêu điều. Chúng tôi đã nhiều lần xin với bên Đại Tổng để cho biên dân chúng tôi được sống yên ổn. Nhưng nào có được yên ổn. Do lòng tức giận nhất thời, biên dân chúng tôi bảo nhau nhất tề tràn sang để đòi của đòi người, truy bắt bọn vong quốc, bọn đào tẩu. Trong cơn bức giận họ hung hăng quá trớn nên bắt cả một số biên dân của quý quốc. Việc này xảy ra do lòng phẫn nộ của dân tôi đã tích tụ từ lâu, chúng tôi sao biết được, sao cản được lòng dân.

Tuy nhiên, số dân bên quý quốc bị bắt trong khi biên dân hai nước xung sát chúng tôi cho ăn ở tử tế, đối xử như lân bang. Chúng tôi đã lập thành danh sách riêng cho từng làng từng bản. Dịp thương nghị này chúng tôi sẽ trao cho quý vị bản danh sách đó. Và cũng mong sao hai bên sớm đi đến thỏa thuận để chúng tôi

trả lại những biên dân của quý vị cho họ sớm đoàn tụ với gia đình, quê hương.

Quý vị cứ một mực nói rằng chúng tôi cáo buộc chứ không có chuyện lính đóng giả dân rồi tràn sang Đại Việt cướp phá. Nếu các vị cần, chúng tôi sẽ trao cho các vị một danh sách có hàng trăm tên bị bắt dã khai báo từ tên tuổi, quê quán, nơi đồn trú và cả tên tuổi của thượng cấp nó. Ngay cả nhân chứng sống chúng tôi cũng không thiếu.

Đậu Toàn vừa dứt lời lại bộ thị lang Dư Tình hỏi luôn:

- Chúng tôi muốn biết tình hình tính mạng và sức khỏe chỉ huy sứ Dương Bảo Tài của chúng tôi hiện nay ra sao?

- Rất lấy làm tiếc, chúng tôi có được biết ngài chỉ huy sứ Dương Bảo Tài bị mất tích trong lúc biên dân hai nước xô xát. Giữa cảnh xung đột hỗn loạn ấy không biết họ đưa Dương đại nhân đi đâu, hoặc Dương đại nhân đã thoát thân mà đi về đâu đó. Vậy xin cả hai bên chúng ta cùng gắng dò tìm tin tức của đại nhân.

Biện dẫn của Đậu Toàn càng làm cho các đại quan của thiên triều nộ khí sung thiên.

Thấy không khí cuộc thương nghị sa đà vào chuyện hai bên cáo buộc lẫn nhau, có nguy cơ dẫn đến căng thẳng, đổ vỡ, quan Chánh sứ Đại Việt bèn lên tiếng,

ông nói:

- Kính thưa các đại nhân, việc hai bên đưa ra các cáo buộc đều là những việc đáng tiếc đã xảy ra. Vâng mệnh thiên tử nhà Đại Tống, chúng ta tới đây thương nghị nhằm hàn gắn lại những gì có thể hàn gắn chứ không phải khơi sâu thêm các vết đau đó. Nếu đã kể lẽ lại nỗi đau, nỗi thống khổ thì bên Đại Việt chúng tôi có thể kể đến trăm năm không vợi. Bởi dân Đại Việt phải chịu cả ngàn năm đô hộ. Song thiết tưởng không nên bởi tro tàn mà tìm lửa đỏ làm chi cho nhọc sức. Tôi mạo muội khởi đề một phương cách làm việc. Bắt đầu từ buổi mai hai vị Chánh sứ làm việc với nhau, còn lại các quan của hai sứ đoàn làm việc với nhau. Nhưng chúng ta phải chấm dứt sự cáo giác lẫn nhau, mà chỉ bàn tới các thể chế cho sự hiếu hòa, ngõ hầu đạt tới sự an cư lạc nghiệp cho biên dân cả hai nước. Nếu các đại nhân ưng thuận thì hai chánh sứ đoàn chúng tôi sẽ bàn bạc với nhau các việc cần làm trong những ngày tới.

Lời đề đạt của Chánh sứ Đại Việt được phía Đại Tống hết sức tán thưởng. Bầu không khí cuối ngày trở nên cởi mở và có phần thân thiện hơn.

Ngay buổi tối hôm đó quan Chánh sứ Lại bộ thị lang nhà Đại Tống là Dư Tĩnh cho người đem lại biểu quan chánh sứ Đại Việt một vư vật. Đó là tập thơ gồm một trăm bài thơ hay vào loại kim thi của Lý Bạch và

có cả bút tích của Lý tiên sinh. Tập thơ in trên nền giấy xuyên chỉ, bìa bằng vàng ròng. Kèm với tập sách là một phong thư viết trên giấy hoàng điệp.

Thư như sau:

Kính gửi Bùi Đông các điện đại học sĩ,

Chúng tôi có nhiều thứ quý vào bậc nhất gầm trời. Song thơ của thi hào Lý Bạch được xem là vưu vật bậc nhất ở nước tôi.

Hạnh ngộ được trao gửi tiên sinh, tôi rất hài lòng bởi quý vật đã tầm được quý nhân.

Lại bộ thi lang nhà Đại Tổng là Dư Tĩnh kính bái.

Mở tập sách, xem lại các bài nổi tiếng của bậc thi bá mà học sĩ yêu thích từ tuổi học trò, lòng đầy phấn chấn. Quý nhất tập sách không phải tấm bìa bằng vàng ròng mà chính là mấy dòng lưu bút của vị trích tiên. Thú vị hơn nữa là bậc đại thi bá này lại trích hai câu trong bài *Tương tiến tẩu* viết hẳn vào một trang trắng đầu sách để làm lưu bút:

"Tự cố thánh hiền giai tịch mịch

*Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh"*¹

Sau ba ngày thương nghị, cuối cùng hai bên đi đến

¹ Hai câu thơ trên có nghĩa là:

Từ xưa các bậc thánh hiền đều bất vãng.

Chỉ có các bậc ẩm giả mới được lưu danh tính.

ước thúc:

- Biên quan biên tướng hai nước từ nay phải kiểm chế không để cho dân chúng qua lại gây rối khiến trật tự bị đảo lộn, tài sản của dân lành bị xâm hại.

- Biên quân mỗi nước phải đóng quân cách biên thù từ mười lăm dặm trở lên, tránh sự va chạm, sự tranh chấp do tính hiếu thắng dẫn tới hiếu chiến của những người lính trẻ tuổi, nhằm tránh sự xung đột.

- Mỗi bên phải trao trả cho bên kia những người dân thường bị bắt cùng các tài sản của họ.

- Tìm kiếm để trao trả người sống hoặc thi thể (người chết) thuộc hàng biên quan, biên tướng, biên quân của mỗi bên bị bắt hoặc bị chết trong khi giao chiến.

- Mỗi bên phải trao ngay cho bên kia danh sách của người bên mình bị bắt, bị chết hoặc bị mất tích do xung đột biên thù gây ra.

- Hai bên cam kết tôn trọng những điều đã thỏa thuận trong ước thúc nhằm đem lại tình hòa hiếu lân bang giữa hai nước.

Trước khi đoàn ta ra về, an phủ sứ Ung Châu là Dư Tĩnh còn tặng tiền lộ phí cùng quà riêng cho mỗi quan viên trong sứ đoàn.

Lại bộ thị lang Dư Tĩnh đưa tiễn đoàn tới non năm dặm đường. Trước lúc chia tay ông còn trao tặng riêng

quan Bùi chánh sứ một gói quà. Hai bên lưu luyến mãi mới chia tay được.

Sứ đoàn về tới nhà công quán Lạng Châu phải nghỉ lại vì trời tối. Quan Chánh sứ Bùi Gia Hựu sai mở hộp quà biếu thấy trong đó có một chiếc quạt ngà, một chiếc chén to bằng chiếc hạt mít làm từ đá hồng ngọc, một bài thơ lưu biệt và một bức thư gửi Quốc vương An Nam xin thả Dương Bảo Tài.

Sau này những gì đã ký trong ước thúc với người Tống, phía Đại Việt đều thực thi nghiêm chỉnh, riêng Dương Bảo Tài được xem như là đã mất tích.

Cả sứ đoàn Đại Việt trở về đều được nhà vua khen, mỗi người đều có trọng thưởng. Biên thùỳ tạm lắng.

XII

Ông đồ Sủi từ ngày tục huyền cũng thôi không dạy học nữa, mà chuyển hẳn sang nghề làm thuốc. Tức là xem mạch, kê đơn, bốc thuốc. Vừa thăm bệnh vừa bốc thuốc tại nhà khiến ông thêm vất vả. Cứ tưởng quay sang làm thuốc, cái thân sẽ được nhàn đôi chút, nhưng có phải người bệnh nào cũng tự mình đến nhà thầy lang khám bệnh lấy thuốc được đâu.

Dân ta còn nghèo lắm, có thói quen “ôm no bò dậy” chứ tiền đâu mà hơi ốm đã chạy tới thầy lang. Thành thử chỉ khi nào họ ốm liệt giường, liệt chiếu, thập tử nhất sinh, khi ấy họ mới chịu mời thầy thuốc. Đã tới nước đó thời thầy thuốc phải vất chân lên cổ mà chạy tới nhà người bệnh, trách chi không mệt.

Thường có mấy hạng người, thầy thuốc phải tới thăm bệnh tại gia.

Thứ nhất là hạng quan dạng quyền thế trong vùng. Hạng người này không chỉ riêng họ mà cả nhà họ, mới

chỉ xô mũi hắt hơi, họ chỉ nhấn mồi chứ chưa cần phải cho người nhà đi mời, thầy thuốc đã phải vội vã đến ngay xem mạch, kê đơn xong có khi còn phải tự mình đi bốc thuốc đem đến tận nhà mà không dám tính tiền. Ông đồ Sui, nay là ông lang Sui chúa ghét hạng người này.

Hạng thứ nhì là những người nhà giàu. Hạng này họ trả tiền sòng phẳng, nhưng phải phục vụ họ tận tình không kể ngày đêm.

Hạng thứ ba là lớp nghèo kiệt cùng đinh, khi tìm tới thầy thuốc cũng là lúc tìm đến thầy chùa lo việc làm lễ cầu siêu. Hạng này thì trăm người may ra cứu được một hai. Với hạng người này thì vừa mất công vừa mất của, vừa tốn sức giúp họ như một việc làm từ thiện thôi chứ không thu được vốn lời lợi lộc gì cả.

Trải công việc, ông đồ mới nghiệm ra một điều rằng, những người có lương tâm dù làm bất cứ nghề gì, việc gì cũng đều phải chu đáo, và vì thế đối với họ ở đời chẳng có công việc nào là nhàn nhã.

May nhờ có cô Tuất, người vợ kế của ông vừa khỏe mạnh, vừa đảm đang tháo vát nên gánh vác giúp ông đủ mọi việc. Các việc nội trợ trong nhà thời khởi nói. Ngay cả những việc không nặng nhọc nhưng phức tạp, tỉ mỉ, tinh tế là việc bào chế thuốc, ông chỉ bảo ban một lần là Tuất đã có thể làm được.

Lại nói cô Khiết từ ngày có mẹ kế, cô cũng đỡ vất vả hơn. Thật ra mọi sự không phải cơm đã lành canh đã ngọt ngay từ những ngày đầu. Cứ nghe người ta nói nhiều đến chuyện mẹ ghẻ con chồng, Khiết cũng thấy ngại. Lúc đầu vì thương cha, nên Khiết cũng muốn có người thay mẹ đỡ dằn cha kéo cha cứ vò vớ một mình. Nhưng khi điều đó thành sự thật thì cô lại tủi thân, vừa thương mẹ vừa ngậm theo dõi cha, xem cha có vì người ấy mà quên mẹ con cô không. Nhất là với cô Tuất, người dì ghẻ, Khiết xét nét đủ điều. Nào là cô Tuất không biết chữ, một chữ bẻ đôi cũng không biết chữ không như mẹ. Mẹ không chỉ đọc sách mà còn giải nghĩa được những điều sách nói, còn phẩm bình điều hay nhẽ trọng của thánh hiền. Mẹ người mảnh mai, duyên dáng, nhỏ nhẹ, ý nhị. Cô Tuất người thô cằn, nói năng đi đứng mạnh mẽ như đàn ông. Tay to, bàn tay thô nháp, chân thì ục ạch. Hai bàn chân như hai chiếc bàn cuốc, nực cười nhất là hai ngón chân cái to đùng như hai chiếc cày của bẻ lại quặt về một phía ngược với bốn ngón kia. Nếu đứng chụm chân lại thì hai ngón cái hướng về nhau như đôi càng cua của một con cua. Người ta bảo đó là chân của người Giao Chỉ. Nghe đâu người Tàu từ đời Tần đời Hán đô hộ nước ta, thấy chân cẳng người mình như vậy, họ liền đặt tên nước mình là Giao Chỉ. Chân cẳng như thế thì không đi được hài. Cả ngày đi chân đất, chỉ trước khi đi ngủ mới ra cầu ao khoáng khoáng

bàn chân rồi chân nọ đạp lên chân kia, xỏ vào đôi dép da trâu mỏng dính kéo lê lệt bệt trên sân, vào tới trong nhà cát đã bám đầy gót chân, còn ngón chân cái thì một nửa luôn ở ngoài dép. Trước khi đi ngủ lại đem chiếc chổi quét nhà đặt dưới chân giường, chùi chùi đập đập bàn chân vài lần thế là lên giường chui vào chăn. Bản ơi là bản, chẳng giống mẹ mình một tẹo nào. Khiết cứ để ý, cứ soi mói người vợ của bố mình kiểu chẻ sợi tóc làm tám. Tuy vậy, Khiết cũng biết kiềm chế, chưa hề có một lời nói hỗn, một cử chỉ khiếm nhã với người dì ghẻ mà chỉ im lặng và lạnh nhạt thôi.

Tất cả những cử chỉ và tâm trạng của Khiết không thể qua mắt người dì ghẻ như cô Tuất được. Bởi cô Tuất là chị cả của một đàn em, nuôi dạy và lo toan cho các em như trách nhiệm của người mẹ. Bởi vậy Tuất rất độ lượng vừa coi Khiết như em mình, lại vừa coi Khiết như con mình. Tuất thường nghe các bậc bề trên răn dạy: “Gái nuôi con chồng kế phụ kế mẫu”. Vì thế, các việc nặng nhọc Tuất nhẹ nhàng bảo Khiết: “Con cứ để đấy dì làm cho”. Tuất săn sóc Khiết từ miếng ăn, cái mặc, tìm mọi cách gần gũi. Lúc đầu Khiết im lặng và tự nhủ: “Để xem bà ấy giả dối được bao lâu”. Nhưng rồi thời gian kéo dài tới cả năm, những hành vi của người dì ghẻ dù khéo léo hay vụng về, Khiết đều phải thừa nhận rằng “dì ấy chân thực”, “dì ấy quý mình, dì ấy yêu mình...”.

Thầy đồ Lê Trung Lương làng Sủi trước kia mọi

người quen gọi là “ông dò Súi”. Nay ông làm thầy thuốc, người ta lại gọi ông là “ông lang Súi”. Dù làm thầy giáo hoặc thầy thuốc cũng vẫn là con người ấy, bản chất ấy: trung thực, lương thiện và nhân ái.

Qua mấy năm làm thuốc, mấy người phụ nữ trong nhà đã thuộc lòng các vị thuốc, có khi không cần nhìn mặt hàng, chỉ ngửi mùi hoặc sờ tay cũng biết nó là vị gì.

Ông Lương đã kiếm về không biết bao nhiêu giống cây thuốc quý. Cây thì làm thuốc, cây thì làm thang. Cây thuốc bổ, cây thuốc bệnh. Hai dì cháu Khiết đã nhân giống trồng khắp cả vườn, không còn một chỗ nào cho đất trống, ngoại trừ cái sân đất nện láng vôi cùng rẻo ngõ làm lối đi vào sân nhà. Ngay cái ngõ đi ấy hai bên vệ lề cũng trồng kín hai hàng cúc chi, vừa làm cảnh vừa lấy hoa làm thuốc. Có loại chỉ trồng một lần, tới mùa thu hái không còn cây nào, sang xuân mưa xuống cây lại mọc kín đất như ích mẫu, bồ công anh, ngải cứu...

Đạo này ông lang Súi người gây rộc hẳn đi. Đường như ông đi suốt ngày. Lúc nào ghé được qua nhà hoặc là để lấy thuốc, hoặc là ăn uống thì người chờ lấy thuốc, người mời đi thăm bệnh đang đợi ông chặt nhà.

Chẳng hiểu sao mùa sởi, đậu năm nay nhiều người mắc tràn lan, cứ như là dịch vậy. Sởi, đậu thường là trẻ nhỏ từ một đến mười lăm tuổi mới hay bị. Người ở tuổi

trưởng thành ít khi bị hai bệnh đó. Thế nhưng năm nay lại hoàn toàn khác, có người tới bốn năm mười tuổi vẫn còn bị đậu mùa. Nhiều người không biết triệu chứng khi còn đang ủ bệnh, chẳng biết kiêng khem, nên bệnh nhẹ hóa nặng. Có người không kiêng được gió máy hoặc nước lạnh để đậu chạy vào gây sốt cao, lên cơn co giật. Có người không chịu được, cứ gãi, làm lở loét toàn thân, khiến mỗi mụn đậu thành một mụn nhọt tấy mủ đen, bốc mùi tanh thối như một xác cá chết ươn. Có trẻ sỏi đang lên, cha mẹ không biết lại cho con xông nước lá, khiến sỏi chạy vào mắt. Hai bên mắt trẻ đã chớm nhai quạ, mù là điều khó tránh... Đại loại bệnh tới mức sắp nhập quan tài rồi người nhà mới đi mời thầy thuốc.

Mùa sỏi, đậu kéo dài suốt từ đầu xuân tới giữa hạ. Vào hạ, số người chết ngày một tăng khiến ông lang Sủi đâm nản. Ông buồn nhất là người bệnh chết phần nhiều do không hiểu biết mà ra. Nhưng làm thế nào để cho những người nông phu nghèo kiệt xác kia có hiểu biết về các bệnh thường gặp để tránh những rủi ro, thậm chí dẫn tới cái chết vừa thảm thương vừa vô lý thì quả là thầy lang Sủi bất lực, bởi nó nằm ngoài tầm với của ông.

Hằng ngày đi thăm khám chữa chạy cho các người bệnh từ làng nọ qua làng kia, ông nhận thấy nơi bãi tha ma các ngôi mộ mới đắp vội cứ như nó tự chui từ đất lên như một loài nấm, mỗi ngày một nhiều thêm. Lạ thay, sao cái chết chỉ nhằm vào người nghèo khó. Suốt

mùa hoa đậu này, ông chưa thấy một chức sự nào trong bộ máy công quyền từ hương ấp đến châu quận vùng ông cư ngụ đây lâm bệnh, ngay cả gia đình họ dường như cũng được nằm ngoài sự bất hạnh đó. Hơn nữa, ông cũng không thấy bộ máy ấy nó nhúc nhích một tí ti nào trong việc chống lại cái chết đang lan tràn nơi thôn xóm. Và nữa cả cái Thái y viện cùng Thái y ty chúng cũng ngó lơ tất thấy trước mọi dịch bệnh và thân phận của người dân. Vừa mới mệt vừa thất vọng, ông lang Sủi dừng chân nghỉ ngay trên bãi tha ma làng Lỗi nằm cạnh đường đi, xung quanh là cánh đồng lúa và những dải rừng xanh đứt nối. Nhìn trước nhìn sau, nhìn trái nhìn phải không một bóng người lại qua, ông lang Sủi lặng nhìn những ngôi mả mới mà cảm như chính mình có lỗi, chính mình có tội với những oan hồn này. Ông định nói một đôi điều từ lâu chất chứa trong tim can óc não, nếu không thoát ra được nó sẽ kết thành u thành cục rồi phát bệnh. Nói ở đây giữa chốn đồng không mông quạnh này chẳng có kẻ nào nghe được mà râu báo quan trên. Còn những người chết quần tụ ở tha ma này thuần là những linh hồn lương thiện cả, họ thuần phác như hạt lúa củ khoai, họ là những người đứng đắn chẳng thêm đi râu mách những điều mình nghe được.

Yên tâm vì chẳng còn nỗi hiểm nguy nào vây bủa, ông lang Sủi vận hết tâm lực của một người có chữ nghĩa, khơi dậy cái nghĩa khí của một kẻ sĩ chốn đồng

quê, ông đứng nghiêm trang ngửa mặt vái trời năm vái, cúi xuống vái đất ba vái, đoạn ông e hèm dọn giọng và nói to như thể ông thường nói trước đám đông học trò:

- Hỡi trời cao đất dày! Hỡi hồn thiêng sông núi! Hỡi anh linh các tiên liệt! Hãy chứng cho lòng tôi. Tôi là một thầy thuốc nhưng không cứu được người bệnh. Vì thầy thuốc ít quá, cả chục làng quanh đây chỉ có mình tôi làm thuốc, trong khi có cả trăm cả ngàn người ngã bệnh. Thế mà các chức dịch trong bộ máy công quyền từ hương ấp tới châu quận và tận triều đình, chúng đều im hơi lặng tiếng trước dịch bệnh và cái chết của người dân. Tôi nghe nói nước tôi đang trong thời hưng thịnh. Thời thịnh mà còn thế này, nếu vào thời suy hẳn là các quan sẽ giết mổ dân như mổ gà mổ vịt làm thức ăn thường ngày. Lạy Trời, lạy Đất chứng cho. Hỡi những linh hồn oan thác! Tôi không hề nhúng tay vào việc sát hại các người. Đó là đặc quyền của các quan lớn quan bé trong bộ máy triều đình, sĩ nhân không được phép tham gia”.

Ông lang Sùi lại ngó tới ngó lui không thấy có kẻ lại người qua, ông đã thật sự yên tâm và trong người ông cảm thấy nhẹ nhõm như vừa trút đi được một hòn đá tảng từ lâu chèn chặt cứng trong lồng ngực ông, chèn chặt cứng đầu óc ông.

Suốt mấy tháng trời lẫn lộn với người bệnh, đi

sớm về khuya có khi cơm chẳng kịp ăn, vừa đặt mình xuống gối, chưa kịp chớp mắt, chợt nghĩ ra bài thuốc chữa trị cho người bệnh nào đấy, thế là ông lại vung lên tự tay bốc thuốc, ghi lại bài thuốc rồi lội bộ đến nhà người bệnh hồi thúc sắc ngay, cho uống xong còn chờ xem bệnh có chuyển theo hướng đó ông mới yên tâm về nhà. Suốt mấy tháng trời tiếp xúc chữa trị cho biết bao người bệnh nặng, chính ông cũng bị nhiễm bệnh, nhiễm cả thời tiết sương nắng nóng lạnh thất thường, sức ông xuống hẳn. Người gầy rộc đi, đôi mắt thâm quầng sâu trũng, da vàng ệch, chiều chiều lại gầy gầy sốt, thúng thảng ho. Ông đổ bệnh. Ông lang Sủi ngã bệnh. Đến lượt ông ốm, lại chẳng có ai chữa trị được cho ông.

Ông lang Sủi tự tay kê đơn, bốc thuốc cho mình, bệnh ông lúc thặng lúc giáng tưởng như có thể chữa trị được. Nhưng cứ lặp đi lặp lại theo chu kỳ. Chu kỳ sau nặng hơn chu kỳ trước. Tựa như mấy năm trước ông chữa trị cho bà đồ. Ông tự thấy nản, nhưng vẫn gắng gượng để vợ con đỡ lo.

Nghe tin thầy lang Sủi ốm, làng trên xóm dưới gần xa lũ lượt kéo về thăm ông. Nhà lúc nào cũng chật ních người. Hai dì cháu cô Khiết cứ lo đủ nước non cùng chào mời khách, trả lời sự thăm hỏi của khách đã thấm mệt. Hết các gia đình người bệnh và các bệnh nhân được ông trị bệnh đến thăm để trả cái ơn chữa trị, ơn cứu tử lại đến đám cựu môn sinh. Những học trò thầy

đồ Sủi đủ loại tuổi, họ ra vào với vẻ khép nép, tôn kính nhưng không kém phần ái ngại cho gia cảnh của thầy.

Từ ngày ông ngã bệnh, không những không có bổng lộc gì mà nhà còn đồng nào đều dốc vào thuốc men, bồi dưỡng và lễ bái hết. Lại cả mấy bò thuốc chất đống mố meo rêu phủ. Rồi cả một vườn cây thuốc trở thành một rừng cỏ vô dụng, làm chỗ trú ngụ cho muỗi, chuột sinh sôi.

Cô Tuất đã phải về quê chuyển dần của riêng về chi dụng cho nhà chồng. Thôi thì xuất giá tòng phu. Lắm lúc nghĩ tủi thân, Tuất lên ra sau đóng rơm ngồi khóc thầm. Tưởng mình bạc phúc, duyên phận lỡ làng, chẳng dám mơ tưởng như thuở mười tám đôi mươi, đã phải tìm nơi rả rã cạp lại để ghé bóng cầu rợp. Ai ngờ đến nông nỗi này. Tuất suốt cuộc đời va đập sóng gió đã dạn dày. Thế mà khi họa đến cũng cảm thấy chơi với chơi với. Thương mình thương một, thương chồng gấp đôi. Thương nhất vẫn là Khiết, nếu chẳng may cha nó có mệnh hệ nào thì tuổi thơ của nó là tuổi tang tóc bất hạnh. Vừa đoạn tang mẹ đã tiếp tang cha. Hết tang cha coi như hết thì con gái. Gái lỡ thì như rau quá lứa. Rau già cá ươn còn ai chuộng nữa. Như thân phận mình đây tự vào với cha nó. Cuộc đời chấp vá. Đẹp đến mấy vẫn cứ là vá víu. Nghĩ suy tạp loạn, tâm trí rối bời Tuất cảm như mình đã già lắm, đã sống đến mấy cuộc đời. Ấy vậy mà vẫn chưa có con cái. Chẳng biết tại ai. Phải

vì ông Lương đứng tuổi không đủ sức tạo tác, hay tại mình vô sinh. Mãi chẳng thấy có con, nghĩ chán cũng buồn, buồn chán rồi cũng phải thôi. Bởi chẳng có ai sống được với buồn mà còn phải lo làm lo ăn. Cuộc đời lắt léo làm sao. Sống khổ đấy, buồn vui đấy. Phạt báo đời là bể khổ, nước mắt con người còn nhiều hơn nước mắt đại dương. Vậy sao trời đất lại cứ sinh ra con người mãi để làm gì.

Nhân lúc Khiết đi mời thầy cúng, ông Lương vẫy vợ lại gần bảo:

- Mình ngồi xuống đây. Ngồi gần nữa để tôi có câu chuyện muốn nói. Một tay giữ lồng ngực lép kẹp, tay kia nắm lấy bàn tay thô nháp của Tuất, giọng thều thào:

- Mình ạ, tôi có lỗi với mình. Tôi làm mình khổ. Vì tôi, mình khổ đơn khổ kép. Tôi biết mà không làm gì được để thoát ra khỏi nghịch cảnh. Vẫn tưởng mình về sống với tôi như đũa có đôi, chung lưng đấu cật cùng tạo dựng một tổ ấm. Mình trông nom quán xuyến mọi việc đỡ dần tôi, kể cả việc dạy dỗ bảo ban đứa con gái của tôi. Rồi mình sinh cho tôi một mụn con trai nối dõi tông đường để tôi khỏi mang tội bất hiếu. Vì thế tôi mới đổi từ nghề dạy học sang nghề làm thuốc. Làm thuốc, không phải tôi mong làm giàu. Làm giàu trên thân thể người bệnh là thất đức. Cái chính của việc làm thuốc là

cứu người, cũng là tự cứu mình. Làm thuốc là cơ may để tôi vun trồng cây đức. Tiếc thay, số mệnh mình lại do trời định đoạt. Vì thế trời không để cho mình tính toán gì hết. Việc mình không sinh nở được, không phải lỗi tại mình. Lỗi ấy thuộc về tôi. Sức tôi yếu chỉ là một phần thôi. Chính là cái phúc nhà tôi nó mỏng quá. Bởi cây đức nhà tôi nó cỗi cần quá, mặc dù tôi đã làm hết sức mình trong việc cứu người, cứu đời. Tuy vậy vẫn chưa đủ để cân bằng với những kiếp trước tôi đã tạo tác nên quả đặng kiếp này, hóa nên tôi phải trả nghiệp. Nhẽ ra chỉ mình tôi phải gánh chịu, nhưng tôi lại kéo cả mình vào, thành thử nghiệp tôi càng nặng. Bây giờ biết ra thì hối không kịp nữa. Ông Lương nói nhỏ dần, mắt lim dim nửa nhắm nửa mở, bàn tay ông đang nắm bàn tay bà Tuất cứ lỏng dần. Chợt ông mở bừng mắt nhìn người vợ đang chăm chú nhìn và lắng nghe từng lời ông nói. - Mình đỡ tôi ngồi dậy một tí.

Đỡ chồng ngồi dậy xong bà Tuất nói:

- Ông dựa vào em mà nghỉ, ông mệt lắm rồi, không phải nói gì thêm nữa. Trời đã xe em lại với ông thì đúng là số trời đã định thế. Trăm đường tránh không khỏi số. Điều đó em biết mà. Lấy chồng ăn phúc nhà chồng. Em chỉ là một cô gái quê mùa, quá lứa, được ông thương, một bước lên bà. Ra đường gặp ai cũng ngả nón "chào bà đồ", "chào bà lang". Ông cho em như thế là quá đủ rồi, còn phải bần khoản gì nữa. Ông có biết

bây giờ em mong nhất điều gì không. Em chỉ mong ông khỏi bệnh. Khóc trở lại, em không cho ông làm gì nữa. Làm thuốc như thế là đủ rồi. Dạy học thì ông đã bỏ từ mấy năm trước. Ông làm gì à? Khóí việc để ông làm. Ông đọc sách chứ làm gì. Một đống sách kia ông cứ đọc cho hết, rồi ông dạy bảo di con em cái đạo làm người. Thế cũng đủ mệt cho ông rồi. Ông tưởng dạy cho vợ con trở thành người tử tế dễ lắm sao. Còn một điều nữa, em mong ông cho phép, tức là em còn được ít vốn riêng cùng một mẫu hai sào ruộng, em xin được đem hết về bên này để nhập vào với cơ nghiệp nhà chồng.

Ông Lương lại mấp máy đôi môi:

- Tôi có việc cậy nhờ mình. Mình có nhận lời tôi mới dám nói.

- Đã là vợ chồng với nhau, sao ông còn phải đắn đo, khách sáo. Nếu vì ông, vì nhà chồng, đâu có phải nháy xuống sông xuống biển em đâu có ngại. Nào, ông nói đi, em đang nghe đây.

Ông đồ Lê Trung Lương ráng hết sức mình ngồi cho ngay ngắn rồi ông chỉ tay ra phía trước bảo:

- Mình ngồi đây. Không, mình ngồi xa tôi ra và nhìn về phía tôi.

Bà Tuất nhất nhất làm theo ý chồng nhưng trong lòng tự hỏi: “Không biết ông ấy làm gì. Hay lại điềm báo gỡ gì đây”. Vì bà rất ngại cho sức ông cứ xuống

từng ngày.

Ông đồ chấp hai tay gập mình cúi lạy:

- Một lạy này tôi xin tạ lỗi vì tôi làm lỡ cuộc đời mình. - Hai lạy này tôi xin gửi mình đứa con côì cùng gánh nặng cuộc đời.

Bà Tuất vội đỡ chồng ngồi dậy, hai hàng nước mắt lăn chã tuôn rơi:

- Ông ơi sao ông đối xử tệ thế, ông định bỏ đi con em ra đi một mình sao. Gánh nặng đường đời trút lên vai hai người con gái, một lỡ làng một thơ dại làm sao đi con em càng đáng được đây.

Ông đồ Lê Trung Lương gượng nói:

- Minh ơi, thôi đừng khóc nữa khiến tôi rầu lòng. Mệnh số chỉ có vậy chẳng ai cưỡng lại được đâu. Ngày tôi ra đi chắc cũng đã gần lắm. Trước lúc đi xa, tôi muốn gặp lại ông đồ Gủ. Bạn bè tri âm tri kỷ của tôi chỉ còn có một mình ông ấy mà thôi. Tôi cũng muốn gặp lại Sĩ Thoại, đứa học trò mà tôi quý nó như con, trọng nó như bạn. Sớm mai mình cứ để con Khiết ở nhà với tôi cũng được, mình sang Gủ giúp tôi. Nói xong ông ra hiệu cho bà Tuất đỡ ông nằm xuống.

Non trưa hôm sau ông Lê Minh Quang tức ông đồ làng Gủ hương Đông Cứu cùng cậu con trai Lê Văn Thịnh và cậu học trò Nguyễn Sĩ Thoại đã có mặt bên giường bệnh ông đồ làng Sủi, hương Thổ Lỗi, tức ông

Lê Trung Lương.

Nhìn bạn nằm co thiêm thiếp ngủ, thân hình teo tóp chỉ còn một dúm da bọc lấy bộ xương, tự nhiên nước mắt ông đồ Gủ cứ chảy ròng ròng. Và sau đó là những tiếng nấc nhẹ.

Lê Văn Thịnh nhìn thấy cha khóc, cậu cũng xúc động, mặt xịu xuống. Sĩ Thoại khẽ kéo tay Thịnh đứng lui về phía sau, gần bà Tuất và cô Khiết. Không khí trở nên nặng nề, u uất.

Bỗng ông đồ Súi ho nhẹ mấy tiếng rồi đưa tay ôm lấy lồng ngực.

Ông đồ Gủ đặt tay mình lên tay bạn và khẽ gọi:

- Bác Lương! Bác Lương! Cha con, thầy trò tôi sang thăm bác.

Ông đồ Trung Lương từ từ mở mắt nhìn mọi người, khẽ mấp má môi:

- Bệnh tôi không chắc có qua được. Nhớ bác và các cháu quá nên bảo bà nhà tôi sang mời, thế là thầy trò lại vì tôi mà mất buổi học.

- Hỏi thăm bà đồ mới biết bác đổ bệnh sau mùa sôi, đậu vừa rồi. Vất vả quá, thâm tâm không có lúc nào nhàn thì đến sức voi cũng phải đổ, cứ gì cánh ta. Bác cho tôi coi thử cái mạch.

Ông đồ Gủ nắm lấy cổ tay bạn rồi đặt hai ngón

tay, lại đặt cả ba ngón tay nghe đi nghe lại mãi.

- Mạch yếu quá. Chân khí của bác... Ông đồ Gủ bỏ lửng câu nói. Rồi lại tiếp: “Bách bệnh giai sinh vu khí!”. Tôi kính trọng bác đã đem cả tính mệnh ra cứu đời. Nhưng tôi giận bác không biết thương lấy chính bản thân mình.

Nén giấu một tiếng thở dài, ông đồ Gủ lại nói:

- Việc dạy học là khai trí cho dân. Việc trị bệnh là săn sóc sức khỏe cho dân. Một nước mà nuôi dân được khỏe mạnh, dạy dân phát khởi được trí tuệ phải là nước có nền văn hiến cao lắm. Nước ấy chẳng cần có binh mạnh cũng không nước nào dám xâm lăng. Nuôi dân và dạy dân, đó là hai việc lớn của triều đình, thế mà chúng ta lại ôm lấy cả núi Thái Sơn vào lòng, hèn gì không ngã bệnh.

Khó nhọc lắm ông đồ Sủi mới nói được:

- Khốn nỗi triều đình không làm hai việc đó, vì nó không sinh lời.

- Thật ra cả hai việc khai trí và chữa trị bệnh tật thì từ hồi quốc sơ, Lý Thái tổ đã trao chức trách này cho các chùa, sư tăng phải làm. Lúc ấy, Thái tổ nghĩ và làm như vậy là đại trí, đại nhân. Nhưng đã qua năm, sáu thập niên mà nó vẫn như lúc ban đầu thì thật là đáng

1 Ý nói mọi bệnh tật đều sinh ra từ khí.

trách quá. Thôi được, tôi sẽ vì bác làm sơ tâu về triều các việc đó. Cũng phải nói một cách công bằng. Việc học hiện nay triều đình đã có nhúc nhắc. Tôi nghe nói thái sư Lý Đạo Thành vừa có sớ xin mở mang sự học ở nước ta lớn lắm. Trong vòng mười năm nữa việc thi cử tuyển chọn nhân tài sẽ diễn ra từ các lộ về đến kinh sư, và sẽ có những cuộc thi thái học sinh theo định kỳ. Ai chịu khó trui rèn, vừa có tài có đức thì lo gì không có chỗ dùng.

- Hữu tài tất hữu dụng. Ông đồ Súi cố nói được vài tiếng qua hơi thở. Ông lại tiếp: - Nhưng còn sức khỏe, bệnh tật của người dân thì triều đình vẫn cứ bỏ mặc.

- Thôi, bác nằm nghỉ đi. Việc ấy bác nói là đúng. Tôi thừa nhận với bác về mặt này triều đình chưa nghĩ tới. Còn cái Thái y viện, Thái y ty họ lập ra đâu phải để cho dân. Dám dân kia chớ có hồn hào mơ tưởng mà phạm tội khi quân đấy. Viện bào chế thuốc cùng các thầy thuốc giỏi của cả nước dồn về kinh, là để hầu hạ hoàng thượng và hoàng gia, cùng lắm là đến các cận thần của hoàng thượng.

Nhìn bạn với vẻ ái ngại, ông đồ Gủ nói tiếp:

- Người có lương tâm sống vất vả lắm bác ạ. Tôi biết vụ sỏi, đậu vừa qua bác đã làm kiệt sức để cứu người. Việc này đúng như bác nghĩ, nếu triều đình ngộ

ra sớm một tí, hiệp tác với các thầy lang thời tính mệnh người dân đầu đến nổi bi thảm như vậy. Cũng may bác đã vớt vát cứu được một số người.

Bữa nay thầy trò tôi sang đây mục đích là để thăm bác và nghe bác tâm sự. Trước hết tôi nói để bác yên tâm, cậu học trò của bác gửi tôi - cháu Sĩ Thoại học hành tấn tới lắm. Tôi cũng yên tâm vì nó vừa có học vừa có hạnh, sau này vào đời ít người đổ ky. Còn thằng cháu Thịnh, bác cứ khen nó là thần đồng. Không phải thế đâu, tôi chắc là bác quá yêu cháu nên không tiếc lời khen. Tôi thừa nhận cháu sáng dạ và có trí nhớ dai. Cứ đọc qua một lần là nó thuộc. Và nó có đầu óc biết suy xét, dám cãi lại những điều mà nó cho là không đúng, hoặc phải thêm vào hoặc phải bớt đi so với cách giải nghĩa của các nhà. Tuy nhiên, mới chỉ có thế mà đã cho là thần đồng thì chưa phải. Thần đồng chân chính phải là bậc hiền tài xuất chúng của đất nước khi đưa bé đó vào tuổi trưởng thành. Vì vậy nó phải có phẩm chất về nhân cách của một con người biết hướng về cái cao cả, và phải có suy tư minh triết. Nói cho cùng thì thần đồng là một tài năng chín sớm. Suy ra, thằng cháu Thịnh không có phẩm chất ấy.

Ông đồ Lê Trung Lương cố gắng lắm mới mở được cặp mắt mệt mỏi nhìn về phía Lê Văn Thịnh. Khẽ mấp máy môi, ông nói giọng thào thào:

- Ta chắc mai đây cháu sẽ là một nhân tài xuất chúng của nước nhà. Khẽ vẫy vẫy ngón tay cho Lê Văn Thịnh lại gần. Ông bảo Thịnh cúi xuống và ông nói nhỏ chỉ đủ hai bác cháu nghe - Ước sao cháu nghe được lời dạy của Lão Đam¹ ông ấy nói rằng: "Ta chỉ tranh cái thiên hạ không tranh". Hoặ: "Ta chỉ tranh cái thiên hạ không tranh được". Nếu không, cháu sẽ có nhiều kẻ thù. Lại nữa quyền hành lớn thì tai họa cũng lớn lắm đấy. Ôi ta chỉ khuyên được cháu có vậy. Lời nói của người sắp đi xa là lời nói thật, cháu hãy nhớ lấy lời ta.

Liền đó ông đồ Lương lại nhắm mắt. Dường như ông đã mệt lắm.

Ông đồ Gú ngồi xuống mép giường, bàn tay nắm lấy cổ chân người bạn già.

Mấy cậu học trò và cả bà Tuất, cô Khiết đều đứng vây quanh giường người bệnh. Ông đồ Gú nhìn về phía Khiết và bà Tuất, chợt nghĩ nay mai bạn mình ra đi để lại cho hai người này biết bao đau khổ. Ông nhìn kỹ nơi Khiết có tướng lạ, nhưng chỉ thoáng hiện nơi con người như là một lóe chớp rồi vụt tắt. Đó là thần khí. Người có thần khí là người tốt đỉnh can trường, thường chỉ xuất hiện nơi các đấng tu mi nam tử. Tại sao cháu ta, một đứa con gái yếu đuối vừa mất mẹ, nay lại sắp

¹ Một tên khác của Lão Tử.

mất cha mà trời lại ban cho tướng lạ đó. Đoạn ông lại nghĩ: Cái phách lực ấy cũng dễ dàng mất đi một khi nó không có cơ may hiển lộ.

Như linh cảm một điều gì, Khiết bèn hỏi:

- Thưa lão bá, có điều gì người muốn dạy bảo cháu?

Ông đồ Gủ hơi kinh ngạc về khiếu năng linh giác của cô bé này. Đoạn ông nói lảng:

- Chẳng là... Chẳng là đạo nọ cháu có hỏi ta rằng, ta và cha cháu đều họ Lê. Vậy chớ hai bên có họ hàng gì với nhau không. Bữa đó, cha cháu có nhắc ta về truy lại gia phả xem hai nhà có cùng gốc nguồn một cụ tổ chăng. Thế rồi ta mãi mê công việc vẫn chưa làm được. Nhưng xét cho cùng thì ta với cha cháu là chỗ tương giao thân thiết, hai nhà đi lại giao hảo với nhau, tương tình thân tộc cũng không thể hơn được. Mặc nhiên hai nhà là bà con với nhau rồi. Ta nghe Sĩ Thoại nói Thoại hơn cháu hai tuổi, cháu lại hơn thằng Thịnh nhà bác hai tuổi. Nên chẳng Thoại là anh cả, Khiết là chị hai, Thịnh là em út. Sau này vào đời, mấy anh em phải thương lấy nhau, phải giúp nhau làm nên sự nghiệp. Một cây làm chẳng nên non... Nhưng muốn nên sự nghiệp cần nhất có ba thứ, bây giờ ta hỏi, ba anh em trả lời xem có đúng không nào. Bắt đầu Sĩ Thoại nói thầy nghe, một trong ba điều thầy hỏi là gì?

Không do dự, Sĩ Thoại đáp:

- Thưa thầy một trong ba điều đó là ĐỨC ạ.

Còn cháu, ông đồ Gủ chỉ tay vào Khiết.

- Dạ thưa lão bá, theo cháu nghĩ là CHÍ, tức ý chí ạ.

Thế còn Thịnh, theo con là gì?

- Dạ thưa thầy theo con là TRÍ tức trí tuệ ạ.

- Giới! Cả ba anh em đều giỏi, đều nói trúng ý của ta. Nhưng một con người muốn thành tựu phải hội đủ ba điều đó: ĐỨC - TRÍ - CHÍ. Trong đó đức là đầu mối để liên kết trí và chí. Song nếu chỉ có đức không thôi sẽ trở thành một người hiền ba phải. Do đó đức phải có trí tuệ dẫn đường. Có đức có trí mà không đủ can đảm vượt qua hiểm nguy, không bền chí đeo đuổi một mục tiêu cao thượng cho tới khi thành tựu, thời đức và trí cũng trở nên vô dụng. Trái lại, người có ý chí sắt đá mà không có đạo đức, trí tuệ dẫn đường sẽ trở thành một kẻ liều lĩnh, thậm chí trở thành giặc, cướp. Vậy đó, một sự nghiệp chân chính nhất thiết phải hội đủ ba điều đức - trí - chí như thầy trò, bác cháu ta đã đàm đạo. Ta mong các con lớn lên đều có sự nghiệp rạng rỡ, giúp đời, giúp nước để dấu ấn đến muôn sau.

Ông đồ Lê Trung Lương mệt rũ nằm đó, ông không đủ sức ngồi dậy đàm đạo với người bạn tri âm tri kỷ, nhưng ông nghe được hết mọi điều mà nếu vào địa vị

ông, chắc ông cũng chỉ chỉ dẫn được đến vậy cho lũ trẻ. Ân cần, cẩn kẽ, thấu đạt mọi bề, đúng là bậc minh sư. Ta tiếc không còn được chứng kiến sự thành tựu của lũ trẻ như bạn ta đã tiên lượng về chúng.

Ông nghe mơ hồ như thầy trò ông đồ Lê Minh Quang dang rục rịch định về. Ông ráng giương hàng mi một cách mệt mỏi. Nguyễn Sĩ Thoại đang nhìn thầy và thương thầy đến se thắt cả lòng dạ. Ông đưa mắt ra hiệu cho Sĩ Thoại ngồi xuống cạnh ông. Im lặng giây lát, ông mấp máy đôi môi khô héo nói với Sĩ Thoại, giọng ông ào ào:

- Thầy vui vì con học hành tấn tới. Gắng mà học, sau này vào đời, mấy anh em phải quần tụ lại như nhờ thầy Minh Quang vừa nói. Có một việc này thầy rất khó nói, nhưng buộc phải nói kéo rồi lỡ con mà thầy thì ân hận. Ấy là cha mẹ con có ý muốn thu xếp cho em Khiết về làm dâu nhà họ Nguyễn. Chuyện ấy mà thành thì thầy có ở dưới tuổi vàng cũng mát dạ. Thế nhưng sắp tới thầy lại đi xa, mà con thì sắp vào tuổi đại hoàng nam rồi. Chờ đoạn tang thầy đâu có được. Lệ làng và cũng là phép nước, con trai tới tuổi tiểu hoàng nam thì phải lấy vợ. Nếu phải hoãn vì điều này sự nọ cũng chỉ đến tuổi đại hoàng nam là cùng. Quá tuổi đó, lệ làng không cho phép mà luật nước cũng không dong. Cực chẳng đã thầy mới phải nói con điều này, mong con lượng tình, và thưa lại với cha mẹ con cho thầy xin tạ lỗi.

Nghe thầy đồ nói tiếng được tiếng chẳng dứt nói, nhưng Sĩ Thoại hiểu trọn vẹn lời thầy. Cậu không nói được điều gì, quỳ xuống cạnh giường nắm lấy tay thầy, nước mắt đầm đìa.

Mọi người thềm đoán thầy đồ Trung Lương đang nói nhời tâm huyết với Sĩ Thoại nên đã lắng hết ra sân.

Nước mắt nóng hổi của Sĩ Thoại rơi làm ấm lại bàn tay lạnh ngắt của người thầy. Trấn tĩnh một lát, Sĩ Thoại mới nói nhỏ vào tai ông đồ:

- Thầy! Thầy đừng bỏ chúng con bơ vơ.

Ông đồ đã khép mi, ông không còn đủ sức nghe thêm điều gì nữa. Bà Tuất và cả Khiết, hai dì con lại vào đồ thuốc cho ông.

Quá nửa chiều, ông đồ Gủ nói với bà Tuất và cô Khiết:

- Chúng tôi xin cáo lỗi bà và cháu Khiết kẻ trời đã muợn. Thật tình là ông bạn tôi và tất cả thầy chúng ta đều không mong điều bất hạnh. Song nếu chẳng may nó xảy ra thì cũng là vận số cá. Tôi mong bà và cháu hãy can đảm đương đầu với số phận.

Dùng dằng mãi rồi cũng chia tay. Lúc ra tới ngõ ngoài, Sĩ Thoại xin phép thầy đồ Gủ để cậu được ở lại bên thầy giáo cũ. Ông đồ Gủ nắm lấy tay Sĩ Thoại nói, giọng đầm nước mắt:

- Con thật chu đáo. Ta chắc thầy học của con khó đủ sức mà cầm cự. Ta về, ngày một ngày hai ta lại sang. Nhưng trước hết con nên ghé nhà thăm cha mẹ con rồi tới trở lại chăm sóc thầy con cũng được.

Thầy trò bịn rịn chia tay.

Đêm ấy, ông đồ ngủ có phần yên giấc. Sớm hôm sau chỉ ho vài tiếng. Bà Tuất cho ông uống thuốc rồi ăn sáng. Nom mặt ông đã có khí sắc. Cả nhà mừng lắm. Bà Tuất bảo chồng:

- Ông ở nhà với con gái, em chạy ù đi thăm mấy sào lúa, nửa buổi là em về.

Ông đồ chớp chớp làn mi nói nhỏ:

- Mình vất vả quá.

Bà Tuất đi rồi, cô Khiết cứ quanh quẩn mãi bên cha. Đêm qua Sĩ Thoại thức suốt đêm canh cho thầy đồ ngủ. Sớm nay cậu đang nằm ngủ trên cánh phản phía đầu nhà.

Khiết tuy còn ít tuổi, nhưng cô cũng đã hình dung ra cảnh nhà sau khi cha cô mất. Lòng buồn rười rượi nhưng vẫn cố nén giấu để cha đỡ khổ. Ông đồ giận mình không sớm lo được cho con gái để đến bây giờ nước đã đến chân, sao còn lo tính được điều gì nữa. Vừa giận mình vừa thương con, đường xa dặm thẳm, số phận sẽ đưa đẩy đứa con cô của ông về đâu. Tuy đã có nhời ký thác với bà Tuất nhưng bà ấy có tương lai gì ở

cái nhà này. Chẳng có một chỗ dựa mỏng manh nào cho một bà góa và đứa con côi chân yếu tay mềm.

Khiết ngồi sát vào cạnh người cha gầy đét, hơi thở phập phồng, cô nắm chặt bàn tay cha và mặc cho đôi tròng nước mắt tuôn lã chã.

Chính những giọt nước mắt nóng ấm của Khiết tưới vào bàn tay khô héo của người cha khiến ông đỡ mở bừng mắt nhìn con. Ông thương con đến nghẹn ngào, mãi sau ông mới ráng gọi con, giọng nói chỉ như một hơi thở nhẹ:

- Khiết ơi Khiết, thầy thương con lắm. Thầy có lỗi với con nhiều. Nếu ông trời bắt thầy đi vào lúc này thì khắc nghiệt quá. Thầy không sợ chết, nhưng thầy thương con còn nhỏ. Thầy đã không làm tròn trách phận của người cha, con tha thứ cho thầy. Nếu còn kiếp khác, thầy nguyện sẽ trả nợ cho con, trả nợ cho mẹ con và cả cô Tuất nữa. Cái phận thầy nó bạc quá, thầy làm khổ mọi người. Trời hời trời!

Ông buông tiếng thở dài, bàn tay tuột khỏi lồng ngực rơi bịch xuống giường.

Khiết vội thét lên:

- Cha! Cha nỡ bỏ con đi sao. Cô òa khóc nức nở.

Vừa lúc bà Tuất ở ngoài đồng về chân tay còn lấm lem hốt hoảng chạy vào lay gọi. Một lát sau ông đồ lại thở, lồng ngực đã hơi phập phồng.

Bà Tuất vẫn lay gọi ông đồ, vừa gọi nước mắt vừa tuôn rơi. Khiết cũng vừa khóc vừa gọi cha. Chừng nhai tàn miếng trà ông đồ bưng tỉnh. Một sự tinh táo khác thường. Thoạt tiên ông đòi uống một chén trà mạn. Sau đó ông đòi ăn cơm với canh. Canh nấu rau tập tàng với trứng cá. Trà là thứ nước ông uống suốt mấy chục năm từ khi làm bạn với chữ nghĩa. Còn canh rau tập tàng nấu với trứng cá là món ăn mẹ ông thường cho ông ăn khi đau yếu, và sau này thì bà đồ, tức mẹ Khiết cũng chăm sóc ông như vậy. Mẹ ông thường bảo đó là món ăn vừa lành vừa mát, bổ.

Khiết ngồi trông bố, bà Tuất chân năm tay mười, một lát đã có chén trà mạn sen thơm phức đưa vào hầu ông. Bà còn không có cả thời gian chờ xem ông uống, mà phải vội đi nấu cơm, nấu canh.

Khiết cho cha uống trà. Ông Lương nhấp từng giọt một, mắt ông sáng hẳn lên, nét mặt lại hơi hồng hồng. Vẻ như ông vừa uống nước vừa cố nhớ lại những ký ức có gắn liền với chén trà. Phải rồi, trà chỉ uống với những người tri âm tri kỷ vào lúc thư tĩnh, để nói với nhau về những điều minh triết, vì thế nó gây cho ta ấn tượng sâu sắc khó nguôi quên. Nhấp chừng mười giọt, ông ra hiệu cho Khiết ngừng lại. Ông khẽ suyt miệng nói qua hơi thở một tiếng gì đó mà Khiết nghe như là “Ngon quá”!

Một lát sau bà Tuất đã bưng lên một niêu Đoàn cơm tám thơm phức, và bát canh rau tập tàng bốc mùi ngọt ngào, khiến cánh mũi ông đỏ hơi phập phồng.

Bà Tuất xới cơm và múc canh ra hai bát đơm chèn nhỏ xíu dưa lên tận mũi cho ông đồ hít ngửi. Gương mặt ông bừng sáng hẳn lên, dường như các ký ức thời thơ trẻ dồn về tràn ngập trong óc não ông. Bà Tuất đưa tận môi để ông nếm chút nước canh. Ông mím môi hít vào chừng mười giọt. Bà lại xúc một thìa cơm đã chan canh, ông đồ ráng hớp vào chừng vài ba hạt cơm, rồi ông ra hiệu đưa các thứ đồ ăn uống ra ngoài. Hai dì con ngồi sát bên ông đồ. Dường như ông tinh táo hơn, khỏe hơn. Ông nói rất khẽ, chỉ hơi mấp máy môi:

- Dì là kế mẫu của con. Từ nay hai dì con dựa vào nhau mà sống. Tôi gửi lại mình đứa con cô. Mình tha lỗi cho tôi. Khiết! Khiết ời! Thế tất cho thầy. Buông lời, hai mắt ông nhắm nghiền. Thế là thầy đồ Lê Trung Lương đi vào cõi tịch tĩnh, thọ hưởng năm mươi ba tuổi trời.

Lay gọi mãi không thấy ông đồ động cựa. Hai dì con òa khóc. Tiếng khóc thảm thiết của người góa phụ và của đứa con cô tưởng đến vật vô tri cũng phải động lòng, rơi lệ.

Ông Lê Trung Lương vừa là thầy đồ vừa là thầy thuốc, ông là người tư chất thuần lương nên được mọi

người trong vùng kính trọng. Khắp các bậc nho sĩ, thiên sư, đạo sĩ và quan nha từ hương ấp đến châu, quận cũng như dân chúng trong vùng nghe tin ông mất đều tỏ lòng thương tiếc. Vì vậy đám tang của ông là thể hiện tấm lòng kính ngưỡng của mọi người. Những học trò của ông các lớp trước sau đều quy tụ vào người trưởng tràng. Và họ xin với bà Tuất để được phép đứng ra lo việc tang lễ cho thầy. Mọi phí tổn do các đồng môn đóng góp.

Ngay sau lễ nhập quan ông Trưởng tràng thay mặt cho các thế hệ môn sinh thầy đồ Lê Trung Lương, và được cả gia đình, gia tộc cho phép đứng ra làm tang lễ, lại nhân có các vị đạo trưởng như nhà sư chùa Sùng Phúc, tức ngôi chùa của hương Thổ Lỗi từng nổi tiếng trong vùng cùng với nhà đạo sĩ quán Thiên Tân để bàn việc tang lễ.

Ông Trưởng tràng nhận: giới môn sinh sẽ lo tất cả phí tổn về lễ tang như trâu nước, phường nhạc, đòn kiệu, đào huyết, đắp mộ, đối, trưởng, ăn uống cho khách xa cùng các chi phí khác.

Nhà sư nhận làm lễ cầu siêu ba ngày đêm. Trong đó có lễ cầu siêu, lễ dẫn vong nhập huyết. Sẽ có các sư tăng trong chùa cùng các Phật tử tham gia các khóa lễ.

Đạo sĩ nhận các việc như trấn trạch, bùa yểm, và đàn lễ trừ tà... bảo đảm sự yên ổn từ nay cho đến đoạn

tang ông đồ.

Rạp dựng che kín cả sân vườn. Các sư tăng, đạo sĩ ra vào nườm nượp.

Hòa thượng chùa Sùng Phúc dẫn đoàn sư tăng vào trong nhà, nơi đặt quan tài người quá cố. Hòa thượng người to, cao da mặt đỏ hồng, lông mi bạc trắng, đầu đội mũ hoa sen, mình mặc áo cà sa trăm mảnh, tay cầm cây thiền trượng. Hòa thượng giơ cây thiền trượng khoát một vòng quanh quan tài thuận những người nhà mặc đồ tang trắng lóa phủ phục vào quan tài mà khóc. Ngài nói:

- Thác là đức lớn của trời đất và tạo vật. Mọi vật hễ có sinh là có diệt, hễ có hình là có hoại, không ai có thể ra ngoài vòng sinh diệt đó. Ông đồ là bậc thuần lương đã làm xong phận sự nơi trần thế. Để linh hồn ông sớm được siêu thăng, quý vị không nên khóc than thảm thiết. Quý tấm lòng ông đối với đồng loại và Phật pháp, nhà chùa tới nhà làm lễ cầu siêu cho linh hồn ông được mát mẻ; vậy người nhà chỉ ngồi đây tham dự khóa lễ, mặc cho các tăng tụng niệm.

Hòa thượng nói xong liền tựa cây thiền trượng vào quan tài, các tăng rải ngói phía sau hòa thượng. Người nhà ngồi phía bên kia quan tài.

Chuông mõ vừa nổi, tiếng đọc kinh râm ran như lời ru từ cõi giới xa xăm vọng về.

Lời kinh nghe lúc được lúc tắt vì tiếng chuông mõ
lúc cao lúc thấp...

Hết thấy Tam bảo

Thương xót gia trì...

...

Nguyện cho chân linh

Ác nghiệp từ vô thủy

Chướng nặng đều tiêu tan

Thân được thấy chư Phật

Và chư Đại Bồ tát

Được tu theo chính pháp

Chứng ngộ đạo Nhất thừa

Ba nhân đều khai phát

Ba đức đều giúp thành

Rộng mở tri kiến Phật

...

Ngoài sân, trưởng lão quán Thiên Tân và đệ tử cũng thiết lập đàn tràng với ba vị hiệu viết theo kiểu chữ bùa. Trên cùng là Thái thượng Lão quân. Thấp xuống một bậc về bên tả là Huyền Thiên Trấn Vũ, bên hữu là Thánh Đế quân. Dưới nữa là danh tính của bảy mươi hai vị tinh quân. Hai bên tả hữu châu vào có thanh long, bạch hổ. Chính giữa đàn tràng là chiếc kính chiếu yêu hình bát quái, hai bên bày thuận những linh khí như

gươm, đao, thuẫn, trùy... Các đồ cúng lễ gồm cả đồ chín như xôi, thịt lợn luộc, rượu. Đồ sống như thịt lợn sống, gạo sống, trứng sống. Đồ mã có thuyền rồng, hình nhân và vàng thỏi, vàng lá cùng tranh tiền nhiều vô kể.

Trưởng lão ngồi giữa đội mũ đạo sĩ có chóp cao màu vàng dính nhiều mặt gương tròn quanh thân mũ, to thì bằng đầu ngón tay cái, nhỏ chỉ bằng chiếc vảy ốc. Trưởng lão vận áo thụng màu đỏ khếp tà. Các đường nếp màu đen, đai đen. Hai vị pháp sư ngồi hai bên tá hữu trưởng lão trên đầu quấn khăn vành dây màu vàng, vận áo thụng đen, đai đỏ. Phía trước mỗi đạo sĩ đều đặt một thanh la, một trống con.

Mỗi đạo sĩ đọc lời cúng về một vị thần khác nhau. Thịnh thoảng các vị lại hú, hét, giữ ấn, bắt quyết. Riêng trưởng lão thịnh thoảng lại lấy tấm gương bát quái xuống và cầm cả bó hương khai trước gương, ánh lửa, ánh gương bát quái phản chiếu cả mấy chục chiếc gương nhỏ trên mũ trưởng lão, nom như cả một trời sao sà xuống dàn tràng khiến không khí dàn tràng vừa tưng bừng vừa mang sắc thái của một chiến trận. Sau các màn khai quang, đạo trưởng bê cả bát rượu vảy khắp bốn hướng rồi ném gạo tung tóe khắp dàn tràng.

Suốt ba ngày ba đêm, người ta không còn nghe tiếng khóc gào nữa mà chỉ có tiếng trống, mõ, tiếng thanh la nã bạt, tiếng tụng kinh, tiếng hú, hét, tiếng

bất quyết dôm dóp. Và dân làng, phải nói dân khắp mấy làng đến xem đàn chay lữ lượt, ngồi kín hết sân vườn. Lại nữa đồ phúng, viếng chứa chật cả mấy gian nhà ngang.

Tới ngày đưa tang thì đám tang đông như đám hội. Đi đầu là gương bát quái, cờ ngũ sắc của các đạo sĩ đạo Lão, tiếp đến là cờ phướn của nhà Phật và một dải cầu bằng vải có viết lời kinh dài tới hai chục trượng, do các Phật tử đội vừa đi vừa niệm kinh Bát Nhã. Tiếp nữa là các câu đối, các trướng viếng ông đồ. Theo sát quan tài có bà Tuất và cô Khiết khăn áo tang trắng, mũ chuối, chống gậy di ngược. Các con cháu trong họ hàng mặc đồ tang theo sau.

Nghe hai dì con cô Khiết gào khóc thảm thiết, không ai có thể cầm lòng được. Người ta nghe thấy bà Tuất khóc thật là nã nê, mỗi chữ mỗi câu như đứt từ tủy xương óc não của người góa phụ:

...

Tưởng rằng cây cá bóng cao

Thiếp ghé mình vào che nắng che mưa

Ai ngờ cây cá đung đưa...

XIII

Năm chiếc kiệu rồng đưa hoàng hậu Thượng Dương cùng các đồ mừng thọ từ cung Diên Phúc sang cung Diên Thọ để chúc ngày khánh đán của Kim thiên Mai thái hậu.

Hoàng hậu Thượng Dương dẫn đầu cung Diên Phúc vào lạy mừng hoàng thái hậu nhân lễ đàn sinh lần thứ năm lăm của người.

Hoàng thái hậu bữa nay phục sức thật là lộng lẫy. Bà đội mũ thái hậu bằng vàng hình bông hoa cúc có chạm trổ loáng thoáng một dây cúc chạy quanh vành mũ. Xung quanh mũ có điểm những hạt kim cương to bằng đầu đũa. Chóp mũ dính một viên hồng ngọc to bằng đầu ngón tay trỏ. Ánh sáng từ hàng trăm ngọn bạch lập thấp trong tòa đại sảnh rọi vào mũ thái hậu khiến chiếc kim khôi phát ra những sắc màu huyền ảo. Thái hậu vận áo thụng màu bỏ hoàng thêu đủ một trăm con hạc mỗi con một dáng vẻ khác nhau, một màu sắc

khác nhau, không con nào giống con nào.

Giữa đại sảnh đặt một chiếc sập chân quỳ sơn son thếp vàng, trên mặt sập khảm bức tranh cửu long tranh châu. Ngay giữa sập, nơi có viên ngọc châu và chín cái đầu rồng vờn viên ngọc là chiếc long ý. Hoàng thái hậu ngự trên long ý.

Hoàng hậu Thượng Dương bước tới gần sập bèn quỳ xuống vái lạy:

- Nhân ngày đại khánh, Thượng Dương con kính chúc mẫu hậu vạn thọ vô cương. Con lòng thành, kính dâng mẫu hậu chút phẩm vật. Nói xong, hoàng hậu khoát tay cho đám quan nội hầu đang phục chờ ngoài cửa.

Kim thiên Mai thái hậu long nhan tươi tốt, bà phát tay áo thụng ban lời:

- Hoàng hậu thật đa lễ. Ta cho con bình thân.

Viên chi hậu cục trung quan Trần Lương Đắc mất một mí, da thiết bì, mặt bết, mũi tẹt người thấp lùn, chân đi chữ bát (vòng kiềng) hai bàn chân bèn bết với hai ngón cái chầu vào nhau (giao chỉ), y đội mũ bình đính, vận chiếc áo thụng gấm màu tím, cổ thìa, quỳ lạy trước long nhan hoàng thái hậu, trán y đập ba lần xuống thêm diện miệng mở to, giọng khàn vệt đục:

- Con kính chúc thái hoàng thái hậu phước như Đông hải, thọ tựa Nam san.

Thái hậu chưa đáp lời, chưa cho phép y đã đứng

dậy vẫy tay cho đám thị nữ bê đồ lễ vào.

- Hoàng hậu con dâng lễ vật mừng thọ thái hoàng thái hậu.

Thị nữ đội chiếc mâm đồng ba chân, mặt mâm trở hoa lá trên có phủ tấm vóc điều đặt phía giữa sập, gần chân long ý, nơi thái hậu đang ngồi. Lần lượt bốn thị nữ đặt bốn chiếc mâm đều có phủ vóc điều ở hai phía tả hữu chiếc mâm đầu tiên.

Trung quan lại đứng lên vái thái hậu ba vái:

- Con xin thái hoàng thái hậu gia ân ạ.

Thái hậu gật đầu.

Viên hoạn quan liền háp tấp nhắc miếng vóc điều phủ trên đồ lễ.

- Đẹp quá! Thái hậu buột miệng khen. Đó là bức tượng cửu long, có vòng nguyệt quế, có chín con rồng phun nước cho Phật tắm khi ngài vừa được sinh ra. Kiệt tác này được làm bằng vàng ròng, do một tốp thợ nổi tiếng của phường Thái Hòa thuộc kinh thành Thăng Long tạo tác.

Trần Lương Đắc mở tiếp mâm bên tả. Đó là hình ngôi bảo tháp Báo Thiên thuộc chùa Sùng Khánh Báo Thiên, ngọn tháp mười hai tầng, mỗi tầng có bốn cửa hình vòm, mỗi vòm là một tượng Phật được tạc thuần bằng ngà voi. Y lại mở tiếp mâm bên hữu, đó là ngọn Tản Viên sơn được tạc bằng đá hoa cương. Hai mâm

cuối, một bên là chiếc hộp đổi mỗi, trong hộp đựng đầy đồ trang sức như vòng ngọc trai đỏ, xuyên ngọc bích, ngọc dạ quang, ngọc minh châu... cùng nhiều món đồ quý giá khác mua từ các thuyền buôn Tây Trúc¹, Trung Hoa, Ba Tư², Trảo Oa³, Kim Xi⁴... Mâm bên kia là chiếc hộp làm bằng gỗ hoàng đàn, bên trong đựng cuốn kinh Phật: Diệu Pháp Liên Hoa.

Liếc qua, thái hậu tỏ ra hài lòng về những đồ mừng thọ của Thượng Dương hoàng hậu, người con dâu trưởng của thái hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu vui mừng hỏi hoàng hậu Thượng Dương:

- Con vẫn đi lễ đều chứ?

- Tâu mẫu hậu, có nhẽ con không bỏ sót một ngôi chùa nào trong kinh thành Thăng Long do các tiên đế và dương kim hoàng thượng tạo dựng.

- Thuở ta còn trẻ như con, ta cũng đi lễ khắp các chùa, quán. Không những thế, ta còn vâng mệnh tiên đế lập ra cả một trại dâu tằm cho các cung nữ tiền triều được giải cung mà không muốn trở về quê quán. Ôi cái nghề dệt gấm, dệt vóc là như ở tiên đế mà ra chứ

1 Tây Trúc : Ấn Độ.

2 Ba Tư : Iran.

3 Trảo Oa : Java (Nam Dương - Indonésia).

4 Kim Xi : Myanmar (Miến Điện).

còn ở đâu nữa. Ta chỉ dạy cho các cung nữ biết chần tằm, ươm tơ, dệt lụa thôi. Còn như dệt gấm, dệt vóc, cài hoa, nhuộm màu... tất cả những thứ ấy đều do tiên đế huấn hỡ và truyền nghề. Hóa nên nước ta bây giờ mới có được các mặt hàng sang quý ấy, chứ như trước kia thuần phải chuộng gấm vóc của người Tàu. À mà ta muốn biết, con hay đi cầu ở những chùa, miếu nào, đền, quán nào. Vì rằng ở nước ta thì chùa, quán nào chẳng do nhà Lý ta tạo dựng.

- Tâu mẫu hậu, con đi nhiều chùa, quán lắm. Nhưng rốt cục con đề tâm nhất ở ba nơi. Trước hết là chùa Vạn Tuế do Thái tổ khởi dựng từ khi mới dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Ngôi chùa này qua vài lần trùng tu, quy mô ngày một lớn. Cây cối trong vườn chùa trồng từ năm chục năm qua bây giờ sừng sững cả mấy người ôm không xuể. Những cây muỗm, cây nhãn, cây mít, cây vải khép tán thành rừng, quanh năm mát rượi.

Dạ, tâu thái hoàng thái hậu, Vạn Tuế bây giờ trở thành đệ nhất danh lam của kinh thành đấy ạ. Dạ, tâu mẫu hậu chuyện mưa ra gạo ở chùa Vạn Tuế thì lữ hậu sinh chúng con chỉ được nghe các bậc tiên bối kể lại.

Kim thiên thái hậu vẻ mặt như bừng sáng hẳn lên. Bà vẫy một thị nữ lại gần chân sập, và phán:

- Người đỡ ta xuống ngồi với Thượng Dương

hoàng hậu.

Hoàng hậu vội đứng dậy sai thị nữ bê ghế cho thái hậu, bà tự dịch ghế của mình lui lại phía sau và nói với giọng đầy xúc cảm:

- Con đội ơn thái hoàng thái hậu gia ân.

- Không khách sáo gì nữa, để ta kể cho hoàng hậu và thị chúng cùng nghe về chuyện trời mưa ra gạo đồ xuống thêm chùa Vạn Tuế năm Kỷ Ty (1029). Số là Thái tổ triều ta khi dời đô về Thăng Long, ngoài các cung điện ra trong thành còn cho dựng các chùa, quán. Ví như bên tả dựng quán Thái Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế. Chính giữa dựng lầu Ngũ Phụng tinh. Chẳng là triều ta theo về tam giáo. Nhưng chuyện kỳ lạ là ở chỗ quán Thái Thanh của Đạo giáo, chùa Vạn Tuế của Đạo Phật nằm dang đối nhau, cách nhau chỉ vài ngàn bước chân, ấy thế mà một bên mưa ngập nước, một bên mưa ngập gạo. Thế là từ ấy, chùa lúc nào cũng có khách tới lui chiêm bái. Còn quán thì vắng hoe. Về sau bên Tả nhai đạo lục¹ phải lấy cung Thái Thanh làm nhà hội quán.

Thái hậu ngừng lời nở một nụ cười mãn nguyện:

¹ Thời Lý - Trần, triều đình có cơ quan quản lý tôn giáo. Bên Đạo Lão, cơ quan này gọi là Tả nhai đạo lục. Bên Đạo Phật gọi là Hữu nhai tạng thống. Tựa như Ban tôn giáo Chính phủ ngày nay có Vụ Phật giáo, Vụ Ki-tô giáo v.v...

- Thật ra chuyện chỉ có thế, nhưng khi ta còn nhỏ ở chốn thôn quê nghe người già kể thấy nó linh mà xa vời vợi như ở cõi giới nào chứ không phải nơi trần giới của ta.

Kim Thiên Mai thái hậu quay nhìn hoàng hậu Thượng Dương, bà bắt gặp một dung nhan kiều diễm mà từ trước bà chỉ nhìn thoáng qua và thấy mọi người nói hoàng hậu có nhan sắc vào loại chim sa cá lặn. Nhìn Thượng Dương giây lâu, bà thái hậu tự nhủ: “Người đẹp mà phúc hậu thế kia lại chỉ sinh thuần hoàng nữ là cố làm sao. Hay là hoàng gia ta các tiên đế đánh dẹp nhiều quá. Ta nghe nói trận đánh Chiêm Thành năm Giáp Thân (1044), quân Đại Việt chém tới mấy vạn thủ cấp quân Chiêm, máu chảy thành sông, vương phu ta xót thương quá phải hạ lệnh: “Kẻ nào còn giết bậy người Chiêm Thành nữa thì sẽ giết không tha”. Ta ngờ rằng những linh hồn ấy họ oán chằng”. Ngẫm nghĩ giây lát, bà thái hậu đổi giọng hơi ngậm ngùi:

- Thượng Dương, con nói con mộ nhất ba chùa là những chùa nào nữa, con kể tiếp ta nghe.

- Kính bẩm mẫu hậu, ấy là chùa Diên Hựu - chùa nhất trụ do tiên đế sai dựng thờ Phật Quán Thế Âm.

Gương mặt bà thái hậu vụt tươi hẳn lên, bà nói vội:

- Con ta thật tinh tường. Đúng là hai ngôi thiên tự

này vào hàng đệ nhất danh lam do Thái tổ, Thái tông sai dựng. Nhưng ta cho ngôi Nhất trụ thật là kỳ lạ. Đây là ngôi chùa dựng theo giấc mơ của tiên đế. Ta nhớ, khoảng mùa đông năm Kỷ Sửu (1049) vào một buổi sớm, tiên đế gương mặt tươi như một đóa hoa vừa nở, người nói: “Đêm qua ta mơ thấy Phật Quán Âm ngự trên tòa sen, dắt ta lên tòa. Không biết chuyện ấy như thế nào, nhưng trong lòng ta thấy vui lắm”. - Ta liền tâm lại rằng: “Thiếp là phận nữ nhi, những việc của bệ hạ, của triều đình đều là việc lớn quốc gia, bệ hạ cho biết sao, thiếp chỉ biết làm vậy. Nhưng cứ theo sự thiên nghi của thiếp, Phật là biểu thị của tính thiện, hóa nên mơ thấy Phật là điềm lành lớn. Nhưng cư xử việc này thế nào bệ hạ nên hỏi triều thần, hỏi cao tăng”. Thế là nhà vua đem việc đó ra hỏi triều quan. Các bầy tôi của người bàn không vỡ lẽ. Có người còn cho đó là điềm chẳng lành. Sau có bậc cao tăng là Thiên Tuệ khuyên vua làm chùa dựng cột đá ở giữa hồ, làm tòa sen trên đầu cột rồi tạc tượng Quán Âm ngự trên đó, giống như điều nhà vua đã thấy trong mộng.

Vậy là ngôi chùa mà con bảo là một trong ba nơi con để tâm nhất, lại chính là ngôi chùa dựng do tiên đế được Quán Thế Âm báo mộng. Cũng là ngôi chùa đầu tiên của nước ta thờ Phật Quán Thế Âm đó.

Nghe thái hậu nói xong, hoàng hậu Thượng Dương vội quỳ lạy:

- Ôi, con mới điễm phúc làm sao, con được nghe một chuyện hi hữu trong đời, lại do chính mẫu hậu được chứng kiến từ khi còn là giấc mộng của phụ hoàng con, tới khi chùa và tượng được tạc, được xây cất ngay giữa hoàng thành.

- Còn ngôi chùa thứ ba mà con đề tâm đến là chùa nào đây? Bà Kim thiên thái hậu lại hỏi.

- Dạ thưa mẫu hậu, chính là Sùng Khánh Báo Thiên tự bên hồ Lục Thủy do dương kim hoàng thượng sai dựng năm Bình Thân (1056), tới năm sau thì dựng tháp Đại Thắng Tư Thiên mười hai tầng, cao tới mấy chục trượng, tầng đỉnh là cả một khối đồng đúc nom mới bề thế làm sao. Tâu mẫu hậu, về ngôi tháp lớn này và cả ngôi chùa, các cao tăng nói hoàng thượng cho dựng lên là để “trấn áp tứ phương củng đế kỳ”¹. Nó chính là biểu hiện sức mạnh của Đại Việt.

Dạ, con chỉ ngắm tháp vái Phật thôi chớ con không dám trèo lên tháp. Hòa thượng trụ trì cứ thấy con say sưa ngắm bảo tháp, người khuyên:

- Nếu hoàng hậu muốn lên đỉnh tháp lễ Phật và chiêm ngắm toàn cảnh kinh thành, hãy về trai giới và sám hối nửa tuần trắng để giữ cho cái tâm được thành kính, trong lặng rồi trở lại đây, bản tạng sẽ đích thân

¹ Nghĩa là trấn áp bốn phương để làm bền vững cho kinh thành nhà vua.

mở khóa lễ rồi mời hoàng hậu lên viếng tòa bảo tháp.

- Vậy chớ con có làm theo sự chỉ dẫn của hòa thượng và lên viếng bảo tháp chử?

- Tâu thái hoàng thái hậu, con sợ rằng con tu chưa tới mức được hưởng quá phúc lớn như vậy, nên con đã xin khất hòa thượng để cho con được sửa mình, sám hối.

- Phái! Con nghĩ như thế là phải. Phận mình là đàn bà, nặng căn lắm con ạ. Hãy cứ tu đi, sửa mình đi, sám hối đi. Nhưng phái tâm thành và không mắc lại các lỗi đã mắc. Ta cũng nhận được lời mời lên thăm bảo tháp từ ngày mới khánh thành, ta chỉ gửi đồ lễ lên viếng Phật thôi chớ ta không dám trèo lên nơi chốn cao trọng như vậy.

Kim thiên thái hậu lại ngắm nhìn Thượng Dương giây lâu và hỏi:

- Này Thượng Dương, hãy nói ta nghe, khi đi lễ thời con cầu xin Phật đà điều gì?

- Tâu, con không tham lam xin của cải, mà con chỉ xin Phật độ trì cho mẫu hậu được phước thọ diên trường, cầu cho hoàng thượng con mạnh khỏe, trí tuệ sáng suốt, cầu cho con sinh đặng hoàng nam để nối dòng đại thống, cầu cho hoàng tộc ta được diên phước, nhà Lý ta được muôn năm trường trị, đất nước an bình, dân tình hòa mục, tứ thời hòa cốc phong đăng.

- Được! Con cầu xin thế là được. Theo Phật, điều căn cốt là phải tâm thành, phải sám hối thường ngày, phải tự mình đổi lỗi để trui rèn Phật tính. Phải liả bỏ ngũ dục cùng là ngũ uẩn cho trí tuệ được khai minh. Từ nhỏ ta đã được Định Hương trưởng lão khai thị, tới khi vào cung lại được tiên đế là người có hạnh Bồ tát diu dắt. Vậy mà con đường tiến tu vẫn còn gặp ghềnh lăm. Bởi vậy, con phải vững tâm thời mới tránh được sự chao ngã.

Này Thượng Dương, ta muốn biết những lần đi vãng cánh danh lam, đi cúng đi cầu, con thường đi với ai?

- Tâu mẫu hậu, con đi với đám nữ tì thân cận thường hầu hạ con.

- Đúng vậy, con nên đi với những người thân tín để họ cùng cầu nguyện cho con. Nhưng như thế vẫn chưa là đủ. Con nên mở lòng ra với các phi khác, thậm chí cả một vài cung nhân có đức tốt, để may ra con cùng họ ai sinh được hoàng nam cho nhà Lý ta đều quý cả. Tự con sinh được hoàng nam là thượng sách, nhưng con đã sinh tới ba hoàng nữ mà chưa được một hoàng nam, trong khi nhà vua đã cận kề tuổi bốn mươi rồi. Thôi thì trong số các phi, tần ai sinh được hoàng nam cũng đều là con của con cả, phận con là chính cung kia mà. Ta thật không yên tâm về sự muộn mằn này. Ý con thế nào?

- Tâu mẫu hậu...

Hoàng hậu Thượng Dương chưa kịp mở lời thì vua Lý Thánh tông và theo sau là Thiếu úy Lý Thường Kiệt đã bước vào đại sảnh. Hoàng hậu vội rời khỏi ghế ra đứng chếch phía sau thái hậu.

Nhà vua quỳ trước thái hậu rồi vái ba vái:

- Nhân ngũ thập ngũ tuần đại khách, con kính chúc mẫu hậu thân tâm thường lạc, sức khỏe dồi dào, diên phúc, diên thọ.

Lý Thường Kiệt quỳ phía sau nhà vua cũng lên tiếng:

- Thần kính chúc thái hoàng thái hậu phúc thọ miên trường để dân nước được nương nhờ.

Thái hậu tươi cười phẩy tay áo thụng:

- Vương nhi cùng thiếu úy đa lễ quá. Các người bình thân. Thôi, hôm nay là ngày vui của ta, mọi người ngồi cả vào đây đừng câu nệ vào phép tắc nữa.

Thái hậu vừa nói vừa chỉ vào mấy hàng ghế xung quanh.

Hoàng hậu Thượng Dương ý tứ xin cáo lui. Thái hậu vui vẻ cho phép và nói đỡ:

- Thôi được con về đi để ta tiếp hoàng thượng và thiếu úy thay con.

Hoàng hậu và đám nữ tì, quân kiệu vừa quay gót

thì viên trung quan tổng quản Đỗ Khánh Thập người to cao mắt híp, lúc nào cũng háp ha háp háy. Y vận bộ đồ bằng vải bạch bố của người Champa. Cái màu trắng ngà ấy thực trái với lứa tuổi khá cao của y. Vả lại đó cũng không phải là màu quy định cho đám hoạn quan, nhưng vì y lấy nê là chức quan cao, lại hầu hạ mấy đời các bậc quân trưởng ở trong cung. Hồi còn tiên đế cứ khen y có lòng trung với chủ như loài khuyển mã. Tuy vậy chưa bao giờ Thái tông đánh giá y cao bằng con Huyền đề do Thái tổ ban cho từ hồi đi mở phủ. Còn về phần mình, vua Thánh tông thừa nhận y có lòng trung, nhưng chưa bao giờ nhà vua thấy hé lộ ở y một thứ “tính người” mà Không Tử tượng trưng bằng chữ “Nhân”. Các việc làm của y thường là mù quáng, đầu óc y tối tăm, y rắp tâm không để cho ánh sáng trí tuệ có cơ may len lách vào. Không việc gì giao cho mà y không làm được. Nhưng thường là háp tấp, làm quá sự cần thiết, thành thử y biến thiện thành ác hết sức mau lẹ. Và dường như đó lại là sở trường của y, bản chất của y. Thánh tông đôi lần đã có ý muốn cho y hưởng thêm bổng lộc rồi cho y hồi hưu. Nhưng hấn rập đầu van lạy rằng cuộc đời hấn sinh ra là để hầu hạ nhà vua, nay nếu hoàng thượng cho về, tức là bề trên không còn tin nữa, thà y chết trước mặt nhà vua còn hơn. Vì rằng hấn đâu có mong cầu phú quý, con cái không có, gia đình quê hương thì đã đoạn tuyệt từ lâu. Vậy cuộc đời hấn còn có nguyện

vọng nào cao hơn là được hầu hạ nhà vua cho đến lúc sức tàn lực kiệt.

Vua Thánh Tông thường trêu cợt lại:

- Nếu thế, ta phải hầu hạ người thì có. Bởi tuổi người lớn hơn tuổi ta nhiều lắm.

Mỗi lần nghe nhà vua nói vậy là hấn lại vò đầu bứt tai đòi chết để vua thấy được lòng trung.

Vua lại trêu:

- Ta không muốn mỗi ngày thấy người chết đến mấy lần. Nay, ta cảnh báo cho người hay, người bảo không cần bổng lộc, không cần tài sản, chỉ cần ở gần ta. Vậy thời ta cất hết phần bổng lộc của người, ta thâu lại tất cả tài sản của người, nếu người bằng lòng, ta sẽ cho người ở lại hầu hạ ta cho tới khi nào người chết, triều đình làm ma thật to, xây lăng thật lớn cho người. Nào người có bằng lòng như vậy để ta cho làm tờ bảo chứng.

Thấy nhà vua gặng hỏi ráo riết, Đỗ Khánh Thập méo mặt tâu:

- Bệ hạ tha tội cho, bệ hạ cứ hay trêu thần.

- Ta biết tòng việc người xin ở lại, việc các người cố tình xin ở lại là để dựa vào thế của triều đình cho các người ăn của đút, ta còn lạ gì lũ tham quan ô lại các người.

Lạ thay, cho dù nhà vua không tiếc lời xỉ vả, nhưng lũ hoạn quan mặt cứ lì trơ như đá mài, dường như chúng không còn biết liêm sỉ là gì nữa.

Y cứ lẻo đẻo theo sau nhà vua cười hềnh hệch, giống hệt lũ chó đói cứ quần bện lấy chân chủ.

Lần nọ trong cung có một cung nữ gặp cảnh nhà tang tóc, cha chết lại không có con trai, mẹ phải gánh vác việc nuôi ông bà. Nàng tự nghĩ, mình tiến cung tới cả chục năm, chưa một lần hoàng thượng đoái tới, nay đã ngoài ba chục tuổi, nhan sắc đã xuống, không thể đua tranh được với các cung nữ tuổi từ mười ba đến mười sáu, nom họ đẹp như tiên giáng trần. Vậy nếu mình càng ở lại càng thêm bất hạnh, chi bằng trở về quê quán giúp mẹ phụng dưỡng ông bà thời vong hồn cha cũng được mát mẻ. Nghĩ vậy, cung nữ bèn đem món tiền chất bộp hơn mười năm được độ mười quan, đưa cho Đỗ Khánh Thập, rồi nói hết ngọn ngành, nhờ y tâu báo với hoàng thượng giúp. Hấn cầm mười quan tiền bỏ túi ngon lành rồi phán: “Việc này nếu bình thường người xin được giải cung để hồi hương; chắc là người được hoàng thượng y chuẩn; nhưng thay vì hồi hương, người sẽ được đưa vào lãnh cung và ở đó mà chết già. Ấy là theo luật của triều đình. Nhưng thương tình người có lòng hiếu nghĩa, nên ta bằng lòng tâu lên hoàng thượng. Ta chắc ngài sẽ ứng cho, bởi hoàng thượng vốn là người nhân đức. Thế nhưng... y nhìn người cung nữ

như móc xói tới cả chỗ sâu kín nhất của nàng rồi trơ trên nói: - Nhưng mười quan không bỏ. Thôi, còn đồng nào đưa hết ra đây ta lo cho”.

Việc ấy sau đến tai vua. Nhà vua gọi y đến trách mắng thậm tệ, bắt phải đem số tiền đó về đến tận quê trả lại cho người cung nữ bất hạnh kia. Y khóc mếu năn nỉ: “Xin bệ hạ tha tội. Nàng cho thần thì thần lấy chứ thần có đòi hỏi gì đâu”.

Thánh Tông nghiêm khắc: “Nếu người không làm theo lời ta, thời ta tống người vào ngục thất, hậu cung của ta thà không có người cai quản còn hơn là dung dưỡng kẻ tham bần”. Tới nước ấy y mới sợ hãi quỳ mọp xuống, cung đầu sát sần diện: “Thần xin phụng mệnh! Thần xin phụng mệnh!”.

Trung quan tổng quản Đỗ Khánh Thập đi theo nhà vua, đem đồ lễ vào mừng thọ thái hậu. Thấy nhà vua và Thiếu úy Lý Thường Kiệt quỳ chúc thái hoàng thái hậu, y cũng quỳ, miệng the thé:

- Dạ muôn tâu, thần kính chúc thái hoàng thái hậu phước như Đông hải, thọ tựa Nam sơn!

Thái hậu không để ý, cũng không đáp lời.

Đỗ Khánh Thập bèn quay lại vẫy tay một cái, lập tức cả chục đứa trong chi hậu cục nội nhân khiêng đồ lễ vào chất đầy cả mấy chiếc án thư. Lúc này đồ lễ đã nhiều quá, thái hậu mãi tiếp chuyện nên cũng chẳng để

ý đến các vật nhà vua dâng tiến.

Chuyện trò vui vẻ mẹ con, vua tôi thân mật như người trong một nhà. Ai nấy đều nhắc lại những kỷ niệm với thái hoàng thái hậu.

Như sực nhớ ra điều gì, mắt Kim thiên Mai thái hậu bỗng sáng rực lên, bà nhìn về phía nhà vua và Lý Thường Kiệt mỉm cười hỏi:

- Hoàng nhi, Thường Kiệt có còn nhớ gì về thời niên thiếu, mối quan hệ giữa hai người không?

Câu hỏi bất chợt của thái hậu khiến nhà vua và Thiếu úy Lý Thường Kiệt phải giật mình nhưng lại hết sức vui vẻ. Còn khách thỉnh lại tò mò muốn biết chuyện gì giữa nhà vua và Thường Kiệt trong thời niên thiếu.

- Mẫu hậu, nếu nói về thời niên thiếu của con thời phải nói tới Ngô Tuấn, vì lúc đó chưa có Thường Kiệt ạ.

- Đúng thế! Đúng thế! - Bà thái hậu xác nhận.

- Tâu, đúng như thế đấy ạ. Ngày đó thần tên Ngô Tuấn. Lần đầu tiên cha thần bảo: "Theo lệnh của hoàng thượng, bữa nay cha con sang cung Long Đức châu hoàng thái tử". Nghe cha nói, thần vừa háo hức muốn biết thái tử thế nào, cung vàng điện ngọc thế nào, nhưng lại vừa sợ. Thần bèn nói lại với cha: "Con sợ lắm cha à". Cha thần vỗ về, nói bao nhiêu chuyện về hoàng thượng, về hoàng thái tử khiến thần đã bớt sợ.

- Vậy chớ khanh có nhớ lần đầu tiên ta với khanh

gặp nhau như thế nào không? - Nhà vua hỏi.

- Tâu, thần quên làm sao được. Thoạt đầu cha thần dẫn thần vào chầu hoàng thượng. Hoàng thượng ngắm nhìn thần giây lâu rồi truyền phán: “Từ nay ta cho phép người được ra vào chầu hầu hoàng thái tử, người cứ tự nhiên như ở nhà, không phải khép nép sợ hãi”. Xong rồi hoàng thượng dẫn cha con thần vào chầu lệnh bà và hoàng thái tử.

- Đúng rồi, nhà vua xác nhận. Ta nhớ lần đầu tiên trông thấy Ngô Tuấn, ta sững người lại. Ngô Tuấn nhìn ta, chấp tay vái, nhưng đôi mắt của Khanh lại như mỉm cười thân thiện khiến ta thích thú. Ta liền chạy lại ôm cổ Khanh rồi đu núu xuống. Khanh đỡ lấy ta quay một vòng rồi đặt ta xuống. Thế là từ bữa ấy, ngày nào Khanh cũng vào cung chơi với ta.

Hai người một vua một bầy tôi từng gắn bó với nhau từ tuổi ấu thơ, cứ tranh nhau kể về những kỷ niệm thời niên thiếu. Kim thiên thái hậu cảm như đang sống lại những ngày xưa tươi trẻ. Bà mỉm cười hất hàm hỏi:

- Vậy chớ ta hỏi nhà vua và thiếu úy có nhớ buổi khánh thành cầu Thái Hòa năm Ất Hợi không nào?

Nhà vua ngửa mặt cười ngất:

- Mẫu hậu nhớ dai vậy. Người vẫn chưa tha tội cho chúng con sao?

Thường Kiệt lên tiếng:

- Tâu, bữa ấy lỗi tại thần. Bữa khánh thành cầu Thái Hòa bắc qua sông Tô Lịch, chính là chiếc cầu bắc ở ngay cái đoạn gần ngõ nhà thần. Trẻ con trong phường rủ nhau ra đứng gần phía đầu cầu bên này nhìn sang. Bên kia thì quan quân đứng rợp. Một lát sau kiệu nhà vua rồi tàn vàng tán tía che kín cả mặt đường. Một lát nhà vua từ trên kiệu bước xuống, hoàng thái tử chạy theo sau. Thần đứng ở bên kia đầu cầu nhìn rõ môn một. Lúc hoàng thượng bước đến giữa cầu thì pháo hai bên đầu cầu nổ giòn tan, khói bay xanh cả trời, tàn giấy đỏ phủ kín mặt nước, nom như dòng sông đang chờ đầy xác pháo. Bọn trẻ trong phường xô đẩy nhau ra đầu cầu nhặt pháo lép. Thần vừa tới đầu cầu thì nhìn thấy hoàng thái tử, người liền vẫy tay gọi thần lại. Rồi hỏi: “Ngô Tuấn từ đâu tới đây?” - “Thần từ nhà tới. Nhà thần kia kìa”. - “Cho ta về chơi nhà Ngô Tuấn”. Thế là thần dẫn hoàng thái tử về nhà mà không xin phép hoàng thượng. Tới nhà, hoàng thái tử lại hỏi: “Tuấn có đồ chơi gì không cho ta chơi với”. Thần khoe có cái điều cánh cốc, đem ra chơi một lúc rồi kéo hoàng thái tử cùng chạy ra đồng thả điều.

- Ta nhớ! Ta nhớ ra rồi. Nhà vua vừa cười vừa ngắt lời Lý Thường Kiệt. - Chúng ta thả điều, kéo dây cho nó căng, nên chạy khắp cánh đồng, giã lên ruộng hành của nhà người nào đấy, bà ta mắng bắt đền. Ta bảo bà cứ đếm xem chúng tôi giã nát bao nhiêu khóm

hành, mỗi khóm tôi trả cho bà một quan, bà không được mắng nữa vì chúng tôi trót lỡ. Bà ta tròn xoe mắt nhìn sát tận mặt ta, hai tay chống nạnh, miệng dẩu ra, bà nói mĩa: “Nhà cậu này ghê nhỉ, cứ làm như mình là con vua con chúa không bằng”. Không biết Ngô Tuấn ghé tai nói nhỏ với bà ta điều gì, bà ta liền phục xuống xin lỗi vì trót lỡ lời.

Thái hậu nói rất nhỏ như tự nói với mình: - Ta nhớ hồi nhỏ, Ngô Tuấn có gương mặt đẹp như Phan An¹. Tiếc quá, người tự cung hình, nếu không thời đã con cái đề huề. Thái hậu nói nhỏ, nhưng cũng đủ lọt tai Lý Thường Kiệt.

Mọi người đang vui vẻ nói chuyện thì thái sư Lý Đạo Thành đi cùng tăng thống Lâm Huệ Sinh vào mừng thọ thái hoàng thái hậu.

Các quan ở đô, đài, sảnh, viện đến chầu mừng Kim thiên thái hoàng thái hậu mỗi lúc một đông. Lúc này chỉ có Chi hậu cục thủ sai báo dám nội nhân thu đồ mừng, biên chép vào sổ sách chứ thái hậu tuyệt nhiên không dòm ngó gì tới các đồ lễ nữa.

Gần trưa, thái hậu thấy hơi mệt, người bèn cáo với các tân khách để còn sang ngôi chùa ngay trong cung Diên Thọ này cảm tạ các sư tăng đang làm lễ cầu chư

¹ Phan An: Một người đẹp trai nổi tiếng thời Chiến quốc Trung Hoa, chàng đi tới đâu cũng bị các cô gái đem hoa ném tặng ngập đường.

Phật độ trì cho hậu được phước thọ diên trường.

Các quan cũng lục tục ra về, nhà vua bèn nói với tể tướng Huệ Sinh rằng:

- Trẫm cùng mấy vị khách đây, nhà vua vừa nói vừa chỉ vào Thái sư Lý Đạo Thành, Thiếu úy Lý Thường Kiệt cùng mấy người tả hữu muốn đến thăm Tể tướng chẳng hay đại lão có ứng tiếp.

Thiền sư vái đáp lễ nhà vua:

- Thật là đại hạnh cho tể tướng này. Chẳng hay lúc nào bệ hạ cùng chư vị giá lâm?

- Nếu thiền lão không cho là phiền toái thời ngay bây giờ chúng ta cùng về chùa Vạn Tuế.

- Vậy thời ta cùng đi, thiền sư đáp. - Xin mời hoàng thượng đi trước.

- Mời thiền lão đi trước, nhà vua vừa nói vừa nhường bước để tể tướng Lâm Huệ Sinh dẫn đạo.

Lại nói về thiền lão Lâm Huệ Sinh. Ngài quê ở Đông Phù Liệt, huyện Thanh Đàm¹ con nhà dòng dõi, có người anh làm quan tới chức viên ngoại lang bộ binh. Ông là người có tướng mạo khôi vĩ, tuổi nhỏ đã ham học, chừa kinh bách luận không sách nào không tham bác. Năm mười chín tuổi xuất gia học đạo với thiền sư Định Huệ. Sau trở nên nổi tiếng trong giới thiền lâm.

¹ Thanh Đàm tức huyện Thanh Trì ngày nay.

Vua Lý Thái tông nghe danh cho người đến mời về kinh sư. Huệ Sinh nói với sứ giả: “Ông chẳng thấy con vật làm lễ hiến sinh để tế thần sao. Khi chưa tế thì được cho ăn ngon, lại dùng lụa là đẹp để làm áo khoác cho nó, tới khi bị dắt vào nhà Thái miếu thì dầu muốn sống thêm dù chỉ một vài ngày, vài giờ nữa cũng không được. Vật tế còn như vậy huống là các việc khác”. Rồi sứ cố chối từ không chịu về kinh. Chẳng biết sứ giả có dám tường lại đầy đủ ý của sứ với nhà vua không. Nhưng ít lâu sau, Thái tông lại triệu thỉnh sư về triều một lần nữa. Nể lời, lần này sư mới chịu về kinh ra mắt nhà vua. Khi gặp mặt trò chuyện với thiên sư, Thái tông rất hài lòng liền giữ sư ở lại kinh và ban chỉ mời sư về trụ tại chùa Vạn Tuế. Nhà vua thường hay qua lại đàm đạo với sư về việc phải làm thế nào dẹp bỏ được tạp giáo, yêu thần, tà thần trong dân và đưa được chính giáo vào từng nhà, từng người để phần tâm linh, trí tuệ được thăng hoa và phát sáng.

Có lần làm lễ trai tăng trong đại nội, vua Thái tông nói:

- Trẫm nghĩ nguồn tâm của Phật tổ, người học đạo thường hay chê bai khích bác như nhau. Trẫm muốn cùng các vị cao đức gần xa, mỗi người đều bày tỏ điều hiểu biết của mình để xem sự dụng tâm của mỗi vị như thế nào?

Vua vừa nói xong, sư bèn lên tiếng đáp thành lời kệ:

*Pháp bản như vô pháp,
Phi hữu, diệt phi không.
Nhược nhân tri thử pháp,
Chúng sinh dĩ Phật đồng.
Tịch tịch Lăng già nguyệt,
Không không độ hải chu.
Tri không, không giác hữu,
Tam muội nhậm thông chu¹.*

Thái tông rất hài lòng về lời kệ, khen ngợi sư không dứt. Sau vua phong sư chức Đô tăng lục.

Dưới triều Lý Thái tông, thiền sư Lâm Huệ Sinh được các bậc vương tôn như thái tử Lý Nhật Trung, thái tử Lý Hiến Minh rất hâm mộ thường qua lại chùa Vạn Tuế để tham vấn học hỏi sư về đạo thiền. Các hàng

¹ *Pháp vốn như không pháp,
Chẳng có cũng chẳng không.
Nếu người hay pháp đó,
Chúng sinh với Phật đồng.
Trăng Lăng già vắng lặng,
Thuyền vượt biển trống không.
Biết không không hiểu có,
Tam muội cứ suốt thông.*

(Bản dịch này thu từ hai bản dịch của giáo sư Hà Văn Tấn và thiền sư Lê Mạnh Thát).

công khanh đầu triều như thái sư Lương Nhậm Văn, thái bảo Đào Xà Trung cũng thường lui tới chùa thăm viếng sư. Đôi khi có những mắc vướng trong công cuộc hành hóa cũng thường gặp sư để bày tỏ mong được khai thị. Sư vốn giữ đức khiêm nên ai ai cũng mến trọng.

Tiếp sang triều Lý Thánh Tông, do đã có nhiều cuộc tiếp xúc với thiền sư Huệ Sinh từ khi còn là hoàng thái tử, nên nhà vua hiểu về sư khá sâu sắc, nên khi vừa tức vị, vua đã phong tặng thiền sư vào chức Hữu nhai đô tăng thống, tước hầu.

Sư thường tỏ lòng biết ơn nhà vua về sự tri kỷ tri tâm, chứ thực sư đâu có ham chuộng mấy thứ danh tước thường làm mê lầm người thế tục.

Chẳng mấy chốc vua tôi và thiền sư đã về tới chùa Vạn Tuế.

Chùa mới tạo lập đãm chục năm mà cảnh đã u nhã. Những cây cổ thụ tầng tầng lớp lớp che phủ cả một vuông đất rộng tới hơn chục mẫu nom như một dải rừng già. Chùa làm theo hình chữ tam ẩn hiện dưới những lùm cây cổ thụ to tới mấy người ôm như muỗm, nhãn, da, si, mít, thị... Đó đây lốm đốm những sắc màu của các loại mẫu đơn đỏ, trắng, vàng. Vây quanh chùa là các loài hoa thơm như mộc, sồi, huệ, lan, ngọc bút. Trước cửa chùa là mấy hàng cau thân cao vút. Dưới mỗi gốc cau là một chiếc lu sành to hứng nước mưa. Chum

nào cũng có nắp dậy. Xa xa là những cây bưởi, cây ngọc lan. Tất cả những loài cây và hoa đó thay nhau nở khắp bốn mùa, khiến vườn chùa quanh năm sức nức mùi hương cùng những sắc màu điểm xuyết.

Vừa bước chân qua ngưỡng tam quan, ai nấy đều cảm như mình đang đi vào một cõi giới khác: thanh tịnh, tịch tĩnh, an bình khiến ta có cảm giác như vừa được tắm gội từ trong tâm não tới ngoài thân thể.

Tăng thống dẫn nhà vua và các tùy tùng vào trai đường phía sau chùa. Sau chùa còn có mấy dãy nhà kiến tạo theo hình chữ *môn* ôm lấy ngôi chùa lớn từ phía trước. Hai bên tả hữu vu là hai dãy nhà tăng và nhà tân khách. Dãy nhà ngang gồm hai ngôi làm song song hình chữ nhật. Ngôi ngoài năm gian dùng làm trai đường. Ngôi trong ba gian cách nhau bởi một dải sân hẹp dùng làm tổ đường.

Năm gian trai đường thì ba gian giữa dùng làm nơi thù tiếp các thiền khách, hai gian đầu hồi ngăn lại làm hai biệt phòng; phía tả là phòng tàng thư của sư, phía hữu là nơi đọc kinh sách và trước tác.

Các tiểu tăng đem thiên trà ra mời khách. Trà là một loại gỗ của cây lão mai đã côi, đem cắt khúc phơi khô rồi chẻ mỏng cho vào ấm giở hãm. Nước của lão mai trà có màu hồng sẫm, ngoài việc giải khát nó còn có tính được là bổ gan, ích mục, giải nhiệt, lợi tiêu, nhuận tràng.

Trầu nước được vài tuần đã thấy những người chấp tác¹ đem dao, cuốc, liềm cùng các dụng cụ làm vườn cất vào nhà kho. Họ đi qua một dải sân rộng, ai nấy đều nhanh nhẹn, khỏe mạnh, mặt mày tươi tỉnh.

Nhà chùa dọn cơm chay mời khách.

Cơm nước xong, thiền sư mời nhà vua cùng chư vị tùy tùng sang phòng trước tác của sư đàm đạo. Phòng bài trí sơ sài.

Sát cửa sổ nhìn ra sân kê một bàn chân quỳ đặt trên chiếc chiếu trơn. Bàn cao chưa đầy hai gang tay, bề dài bốn gang, bề rộng đúng ba gang. Trên mặt bàn đặt một ống bút bằng tre ngà, cắm vài cây bút lông thỏ. Một nghiên mực, một nghiên son, một xấp giấy trắng để giữa bàn, trang đầu với dòng chữ viết phóng khoáng theo lối triện thảo:

“CHƯ ĐẠO TRÀNG KHÁNH TẢN VĂN”

Giữa phòng kê bộ tràng kỷ bằng tre trúc lên mã đen bóng. Dăm chiếc ghế đầu trúc đặt sát tường đầu hồi. Trên tường treo bức tranh “Tâm ngư” (Tìm trâu).

Thấy tựa đề một cuốn sách đang trước tác, nhà vua bèn hỏi:

1 Những người dân trong vùng mộ đạo Phật nên tư nguyện đến làm các việc giúp nhà chùa, không đòi công xá. Nếu nhà gần chùa, bữa trưa họ về nhà ăn, nếu nhà xa thì nhà chùa mời ăn trưa.

- Dám hỏi thiền lão bắt đầu viết tập tản văn này từ bao giờ, đã sắp xong chưa?

- Tôi bệ hạ, lão tăng vốn không phải là một tác gia, nên việc biên chép chỉ là thi thoảng. Nói bắt đầu viết từ lúc nào, sao bằng nói vì sao mà viết. Tức là thấy cần phải viết, thì viết vào lúc nào chẳng được.

Thiền sư nhìn nhà vua và chư vị mỉm cười ý nhị:

- Lão tăng xưa trụ tại núi Trà Sơn, bạn với muông thú cỏ cây, ăn quả rừng, uống nước suối, đọc kinh tu Phật. Thế rồi tiên đế triệu thỉnh mãi, nên không thể cưỡng mệnh. Về triều, tiên đế cho giữ chức Đô tăng lục. Nay bệ hạ lại yêu mà cho giữ chức Đô tăng thống. Thú thực với hoàng thượng cùng chư tôn đức, tăng này rất ngưỡng khi ở trên các vị đại lão đạo cao đức trọng.

Vì làm tăng lục rồi tăng thống nên phải nay đây mai đó. Nhất là các đạo tràng, khi họ mời giảng một vài phẩm kinh, hoặc giải đáp các tham vấn, các công án của thiền sinh khi sắp mãn khóa ra trường, thường gặp những chuyện thực khó quên. Khi là một thiền sinh xuất sắc thông kinh bác vật, không điều gì là không biết, nhưng lại không có tâm đạo, không có lòng khoan dung, ái nhân, ái vật. Loại người ấy rất lợi khẩu, nói có thể kiến trong lỗ cũng phải bò ra, nhưng không bao giờ có thể vì ai hoặc cứu ai mà dè thiệt cho mình, dù sự thiệt hại ấy không đáng giá bằng một chiếc lông chân.

Đó là hạng người khẩu Phật tâm xà.

Có người làm tốt, nói giỏi, vị nhân hơn là vị ngã. Lại có người chỉ làm giỏi nhưng nói vụng, lời nói cục mịch khó nghe, nhưng nếu cần cứu người thì sẵn sàng bố thí cả mạng sống của mình. Đại loại nhiều chuyện lắm. Đây mới chỉ là trong giới thiên sinh. Lại như trong giới tu hành đức cao vọng trọng cũng có nhiều điều hay. Hay cũng lắm mà dở cũng nhiều. Gặp những chuyện như thế bản tăng muốn ghi lại. Có khi chỉ là chuyện vui cho đời, có khi là chuyện răn cho đời. Đời gồm cả tăng chúng lẫn thí chúng chứ có riêng ai. Những chuyện thuộc loại này, bản tăng nghĩ chỉ dùng thể tản văn là hợp hơn cả. Và chuyện phần nhiều lấy cốt mẫu từ nơi các đạo tràng.

Chuyện thực chỉ có vậy chứ bản tăng có tài cán đức độ gì đâu mà mưu lập ngôn, trước tác. Nói xong, đại lão thiên sư cười sáng khoái. Đoạn sư lại hỏi:

- Tâu bệ hạ, chẳng biết bữa nay có điều chi quan yếu bệ hạ muốn răn dạy cho giới tu hành mà bệ hạ phải giá lâm tới chùa, lại có cả Tế tướng, cả Thiếu úy, người coi sóc gìn giữ sự bình an cho kinh thành và cho cả nước. Lại có thêm các quan Tả, Hữu phúc tâm, các quan Nội, Ngoại sử, thuần những người tâm phúc, chân tay, tai mắt của bệ hạ.

Vậy xin bệ hạ cùng chư tôn đức bố thí lời hay ý

đẹp, tăng này đã dọn mình xin được lắng nghe.

Lời nói của lão thiền sư khiêm nhường giản dị, nhưng ý tứ lại sâu xa, nên từ vua tới các quan đều thấy hài lòng, mến tài mến đức.

Lý Thánh Tông vẫy tay cho mọi người an tọa, tiểu tăng dâng trà. Trà được vài tuần, thiền lão phẩy tay cho mấy chú tiểu tăng lui ra ngoài. Nhà vua bèn lên tiếng:

- Bữa nay trẫm cùng một số bề tôi tâm phúc, thuận những rường mối của quốc gia đến thăm thiền lão, nhưng thực là đến quấy quả nhà Phật đây. Vậy xin thiền lão mở lòng bố thí cho trẫm đôi điều đang mắc vướng.

Ngừng nhìn thiền lão và mọi người, với vẻ quá quyết, nhà vua nói tiếp: - Không phải là sự mắc vướng giữa hữu với vô, giữa hành với tàng, giữa xuất với xử, giữa nhất nguyên với nhị nguyên. Thánh Tông ngừng lời nhìn mọi người.

Sư đáp:

- Rõ là hoàng thượng không có vướng mắc gì về cái lý của đạo, nên chẳng đó là sự mắc vướng về cái dụng của đạo?

- Đại thiền lão quả là bậc minh sư, đọc được cả những điều còn ẩn náu trong suy tư của người khác. Nhà vua khen sư và nói tiếp: - Bấy lâu nay trẫm vẫn băn khoăn làm thế nào để đưa đạo vào đời. Khám phá

sự uẩn áo trong kinh sách, cho đó như là sự vượt qua núi cao, sự thấu hiểu được một công án, sự bừng thức tâm tuệ tức là ngộ đạo. Tất cả những điều đó chỉ hợp với các bậc thiên giả, các bậc đại trí, còn như dân chúng thì sao với tới được. Nhớ tổ phụ ta tức đức Thái tổ trước khi đi xa còn dặn lại tiên quân ta rằng: *"Làm thế nào cho đạo hòa vào đời. Nhưng không được đời quá, không được thế tục quá. Thế tục quá thì đạo suy. Tuy nhiên, lại cũng không được siêu việt quá. Siêu việt quá thì đạo nhạt, vì dân chúng không theo được"*. Đó, cái mà trăm muốn đại lão thiền sư chỉ giáo là "cái dụng" của đạo như lão tăng vừa nói. Hoặc như tổ phụ của trăm đã di ngôn.

- Tâu bệ hạ, di ngôn của đức Thái tổ chính là phần dụng của đạo. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó thời các bậc thiên giả phải có dụng công soạn thảo những điều căn cốt nhất của nghiệp thiện sao cho thật giản dị để tín chúng hề nghe một lần là hiểu và nhớ rồi có thể làm theo ngay được. Nó chính là cách sống, cách ứng xử hòa hợp trong gia đình, gia tộc, xóm giềng, làng xã. Vậy ở đời ai cũng phải sống trong các mối ràng buộc đó, nhưng nó quan yếu lại ở chỗ sống như thế nào. Sống như thế nào người đời sẽ nhìn vào tăng chúng, nhìn vào các bậc thiên giả, trí giả, hơn hết nhìn vào cách hành xử của các chức dịch nơi thôn ấp với gia đình họ và với mọi người, nhìn vào cách hành hóa và hành xử nơi các quan cấp từ châu, quận, lộ tới kinh sư.

Tâu bệ hạ, trong gia đình cha mẹ muốn dạy con biết sống hòa thuận thời chính cha mẹ phải yêu thương nhau và sống thuận thảo với mọi người. Muốn dạy con sống theo điều thiện thời cha mẹ phải làm việc thiện. Phải thực tâm chia sẻ nỗi bất hạnh ngay cả với người xa lạ. Phải có lòng khoan dung trước lỗi lầm của người khác.

Trong nhà thì các bậc phụ mẫu, huynh trưởng phải gương mẫu. Ngoài xã hội thì các bậc chân dân phải gương mẫu. Trong giáo hội thì các bậc tăng thống, thiền sư, đạo sư phải mẫu mực.

Cách làm này, tâu bệ hạ, người xưa gọi là thân giáo. Tức là phải đem chính bản thân mình ra để làm gương cho kẻ khác làm theo. Ngừng một lát, đại lão lại tiếp: - Tâu bệ hạ, ngay trong quân cũng thế thôi, nếu tướng nhất ắt quân hèn. Cho nên muốn đưa được phần dụng của đạo vào đời, kỳ dư yếu quyết lại nằm trong tay các bậc tôn trưởng và trong bộ máy cầm quyền của bệ hạ. Tức như người trên phải làm gương cho người dưới noi theo.

- Đa tạ đại lão thiền sư, được đại lão chỉ giáo cho, trăm đã nhìn thấy con đường quang dăng hơn. Đại lão tham vấn cho trăm những điều thuộc về thế tục, nhưng đó thuần là chuyện của dân sinh, chẳng biết đời có dị ý gì không, và có điều gì làm phiền lòng thiền lão.

- Ô không! Bệ hạ cả nghĩ quá. Bệ hạ chẳng thấy triều Đình - Lê các bậc cao tăng tiền bối như Khuông Việt, Đỗ Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Đa Bảo... chẳng là những người phò trợ Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn đắc lực đó sao. Và nữa sang triều Lý ta đạo hòa vào đời còn sâu hơn nữa. Theo lão tăng, đó không phải là nhà thiền tham chính, tức là làm thay các việc của thế tục, mà đó chính là trí tuệ Phật thông qua các cao tăng đề dẫn dắt Việt tộc vượt qua các khúc quanh lịch sử.

Bệ hạ khỏi phải băn khoăn chuyện người đời có dị ý về nhà thiền tham vấn cho triều đình các việc dân sinh.

Chợt thiền sư ngừng lời, ngài ngưng mặt lên trời cười ha hả, rồi đột ngột lên tiếng:

- Tăng này xin được phép hỏi bệ hạ và chư tôn đức rằng, nếu không có dân thì làm gì có nước, ngay cả núi sông cây cỏ, nếu không có người thì cũng chỉ là núi sông cây cỏ chết. Làm việc dân chính là làm việc đạo. Dân sinh thì đạo sinh. Đạo không dựa vào dân thời dựa vào cái gì để hành hóa. Ngay Phật tổ cũng vì chúng sinh nên Phật mới thị hiện. Cho nên người tu hành, nếu chỉ dốc chí tu cho bản thân mình, cầu mong tinh tiến, cầu mong giải thoát thành Phật mà quên mất gốc nguồn mình cũng từ dân mà ra, tu tập nhưng vẫn phải ăn lúa gạo do dân cày cấy, đắp cà sa che ấm thân mình thời vải ấy vẫn do người dân trồng bông kéo sợi và dệt mới có

áo quần, thế mà lại làm ngơ với chuyện thế tục, chuyện dân sinh, tu hành như thế chỉ là kẻ ngu tu. Đầu óc chặt ních chướng ngại tham - sân - si, tức là vẫn thuộc hàng chưa tiến hóa, dầu chỉ cầu làm người bình thường cũng đã khó, sao có thể nói tới bậc đại giác được. Cho nên bệ hạ đừng lo, nếu triều đình đã hết lòng vì dân chúng, vì đạo pháp thời giáo hội cũng sẽ hết lòng vì nước, vì dân để cho cả dân tộc lẫn đạo pháp đều tiến hóa và tiến tu trên cả đường đời, đường đạo.

Nhà vua rất đổi vui mừng:

- Đô tăng thống đại lão cùng giáo hội đã phát tâm bồ đề, trăm chẳng còn phải lo lắng gì hơn nữa.

Quay nhìn tả hữu, vua hỏi:

- Thiên lão nói vậy, ý các khanh thế nào?

Thái sư Lý Đạo Thành xin nói:

- Tâu, giáo hội chủ trương đạo nhập thế, tức là Phật giáo Đại Việt đã đi vào sinh đạo. Thực chất đạo pháp với dân tộc tuy không là một, nhưng cũng chẳng thể là hai. Vậy là triều đình an tâm mà giáo hội cũng an tâm. Tôn giáo vốn có sức mạnh tựa thần thánh - mà nhà nước đã dung nạp làm sức mạnh tự thân, thời Đại Việt ta lo gì không trở thành một quốc gia cường thịnh. Tuy nhiên, thời khắc đã hơi muộn, vả thiên lão còn nghi ngại kinh kệ, xin bệ hạ cho triều thần nghị bàn việc này vào một phiên châu khác. Song có một việc khá cần kíp

thần xin được phép tâu lên hoàng thượng và thưa cùng Đô tể tướng để có thể làm được càng sớm càng tốt.

Chẳng là mới đây Phủ Thái sư có nhận được một thỉnh nguyện của dân chúng hương Đông Cửu, hương Thổ Lỗi thuộc hai huyện An Định và Thuận Thành nói về vụ dịch sởi đậu mùa xuân năm nay, dân vùng này chết nhiều quá mà thầy thuốc thì cả vùng mới có một hai người. Thầy lang Lê Trung Lương làng Thổ Lỗi vốn là thầy đồ vì thương dân bệnh tật mà phải chuyển sang làm thuốc. Mùa xuân mới đây phục dịch người bệnh đến kiệt sức mà chết. Ý nguyện của dân chúng là triều đình phải có cách nào có thầy có thuốc trị bệnh cho dân, kéo khi có dịch bệnh phát sinh, dân không biết trồng cây vào đậu ngoài mấy thầy phù thủy, và chỉ có cúng cầu rồi uống nhảm cái gọi là nước thánh hoặc yểm trấn bằng những thứ phù chú, bùa ngải vừa tốn của mà vẫn không cứu được người.

Tâu bệ hạ, điều đáng quan tâm là người tháo sớ lại chính là thầy đồ nổi tiếng hay chữ Lê Minh Quang người hương Đông Cửu, bạn của thầy lang quá cố Lê Trung Lương hương Thổ Lỗi.

Tâu bệ hạ, việc này về lâu dài, triều đình phải có quốc sách hẳn hoi. Nhưng trước hết, thần muốn nhờ bệ hạ Tể tướng trợ giúp.

- Bằng cách nào đây Thái sư? - Thiên sư Đô tể

thống hỏi.

- Bạch đại lão thiền sư, từ ngày lập quốc, Thái tổ cao hoàng đế nhà Lý ta đã khuyến cáo cả nước lập ra hệ thống chùa chiền từ hương thôn đến lỵ trấn và kinh sư, và trao cho sư tăng trụ trì nơi chùa tháp các phận sự:

- Khai mở tâm tuệ cho dân chúng, hướng họ vào con đường thiện, nghiệp thiện nhằm hướng tới tâm linh Phật.

- Khai dân trí bằng cách mở các lớp, trường dạy chữ cho con em các nông phu nghèo nơi hương ấp. Hướng cho họ biết những điều đúng, sai trong việc hành xử theo luật pháp. Việc khai dân trí nhằm giúp người dân ý thức được về thân phận của mình. Đó cũng chính là mong muốn của các bậc khai quốc nhằm nâng cao sức mạnh của nhà nước Đại Việt.

- Việc tiếp theo là nhà chùa sẽ trở thành nơi chăm sóc sức khỏe cho dân và hướng họ biết cách phòng bệnh, trị bệnh.

Kiểm xét lại trong mấy chục năm qua, việc thứ nhất, hệ thống chùa tháp, các thiền sư, các nhà tu hành đều làm được mỗi ngày một tốt thêm. Một phần do sáng tạo tự thân giới tu hành, một phần do có chỗ dựa vững chắc nơi bộ máy công quyền.

Việc thứ hai, tới nay các chùa vẫn làm như hồi quốc sơ, nghĩa là chỉ làm ở cấp sơ học. Tới nay cả nước

đang hoàn tất hệ thống trường học ở bậc trung. Vậy là có sự tiếp nối trong việc khai dân trí giữa nhà nước với giáo hội.

Tuy nhiên, còn việc thứ ba, tức là việc chăm sóc sức khỏe cho người dân thì nhà nước vẫn phó mặc cho nhà chùa cùng một số thầy lang tự học, tự hành nghề, còn dân chúng phải tự xoay xỏa, tới khi bệnh phát thành dịch thì không có cách nào chống lại, nên oan thác khá nhiều mà không thể truy vào đâu, quy kết lỗi lầm cho ai.

- Vậy chờ Thái y ty, Thái y viện họ làm cái gì mà không có kế sách giúp cho dân chúng được, - vua hỏi.

- Tâu hoàng thượng, viện ấy với ty ấy với số người ít ỏi họ chỉ lo việc hầu hạ sức khỏe hoàng gia với các quan trong triều đình cùng hoàng tộc cũng đủ nhọc rồi, sao họ còn đủ sức làm gì nữa. Vả lại, tâu bệ hạ, ngân khố triều đình chưa có khoản nào chi cho việc săn sóc sức khỏe của dân chúng cả.

- Vì sao triều đình lại không có tiền chi về việc này? - Vua hỏi.

- Tâu, vì thuế nhà nước đánh nhẹ quá, lại chỉ có sáu sắc thuế đánh vào các sản vật khai thác từ rừng và biển, nên việc thu chẳng đáng là bao.

- Thôi được, ta sẽ liệu cách, nhưng khanh đang có ý định thương thảo gì với đại lão Đô tăng thống?

- Tâu, thần định xin với bên Tăng thống cho sự

tăng các chùa làng, nhất tề truyền dạy cho dân chúng cách phòng và trị các bệnh thông thường, bằng cây cỏ trong vườn nhà, hoặc cây cỏ mọc hoang. Thử hỏi vườn nhà nào mà không đầy đầy các cây thuốc như củ gừng, củ tỏi, củ sả, lá tía tô, lá tre, lá bưởi, lá nhọ nồi, cỏ xước, cỏ gấu, cây ngải cứu, cây bồ công anh, lá mơ tam thể, rễ cây dâu, tầm gửi dâu, lá dâu, lá sen, hạt sen, tâm sen... Cây cỏ làm thuốc quanh ta nhiều vô kể, có người chỉ dẫn một lần ai cũng có thể tự trị bệnh cho mình và cho người thân được.

Vậy đó, nếu người dân biết bệnh và biết cách trị bệnh thì chẳng là điều đại hạnh cho dân cho nước sao. Xin Đô tăng thống trưởng lão... Lý Đạo Thành nói chưa dứt lời, thiền sư Lâm Huệ Sinh đã đón ý:

- Lão tăng xin nhận mệnh trước hoàng thượng và thái sư. Đúng là trước đây các chùa vẫn có chuyện trị bệnh giúp dân, nhưng xem ra còn sơ khoáng lắm, chỉ khi nào người dân có bệnh đến chùa xin thuốc, thời nhà chùa bố thí hoặc chỉ dẫn cho cách làm. Nay nếu theo kế của thái sư thì nhà nhà là được liệu, người người là thầy thuốc.

Bần tăng xin sám hối, sám hối! Nhẽ ra việc này đã phải làm từ lâu rồi. Tăng này sẽ đích thân về vùng Thổ Lỗi lập đàn cầu siêu cho những người đã chết vì dịch sởi, đậu đầu xuân và xin tạ lỗi trước vong linh thầy lang

Lê Trung Lương.

Nhà vua và các quan đều tạ từ thiên lão thiên sư trong niềm cung kính và xúc động.

Thiên lão tiễn nhà vua ra tới gần tam quan thì nín áo nhà vua dừng lại rồi nói nhỏ chỉ vừa đủ hai người nghe:

- Bệ hạ gắng bình tâm, phải giữ cho cái tâm lúc nào cũng an tĩnh, mọi việc nguyện cầu khắc được toại nguyện. Vua Thánh Tông nghĩ ngay đến việc thiên lão khuyên ta không nên quá lo lắng về chuyện muện sinh hoàng nam.

Sư lại nói nhỏ, quốc sự lúc này chưa có điều gì khiến bệ hạ phải lo. Riêng mặt bắc, chắc rồi sẽ có rắc rối to. Người Tàu không thể yên tâm để ta trở thành một nước cường thịnh. Muốn kinh chống được với họ, bệ hạ trước hết hãy để tâm đến mặt nam, không cho Chiêm Thành kết liên với nhà Tống đánh phá ta từ hai mặt.

Nhìn vào tận đáy mắt nhà vua, thiên lão mỉm cười:
- Vận hội nước ta đang lên, nước Tống đang suy. Bệ hạ cứ vững tâm mà hành hóa. Nói xong sư liền quay gót về chùa.

Vua Thánh Tông nhìn theo vái thiên lão một vái. Lòng nhà vua đang trộn lẫn giữa niềm vui và nỗi lo về những bước đi gập ghềnh của đất nước.

XIV

Năm trước nghe nói Tiêu Sơn tự là nơi tổ hảo, ai thành tâm cầu gì được nấy, hoàng hậu Thượng Dương đã xin nhà vua cúng dường tu bổ chùa ấy. Ngày khánh thành cả nhà vua và hoàng hậu đều về lễ Phật cầu tự. Dân trong hương ấp thấy vua đến, một bậc kỳ lão bèn hô lớn: "Thánh cung vạn phúc¹", dân làng đồng thanh hô theo rất nhiều lần, khiến tiếng vang đến tai vua càng lúc càng rộn rã. Tới lúc nghe rõ lời chúc, vua lấy làm đẹp lòng.

Tuy vậy, suốt cả năm sau, từ sáu bà hoàng hậu tới các cung nữ đã được các thái y hèo tay bốc thuốc cho uống trước khi hợp hoan với hoàng thượng cả tháng trời; còn nhà vua thì nhất nhất tuân theo các thái y trong việc ăn uống để nuôi thần dưỡng khí, rồi khi giao hợp

¹ Thánh cung vạn phúc: nghĩa là thân vua muôn phúc. đây là lời cầu chúc của muôn dân đối với vị vua mà họ yêu kính.

phải từng bước từng bước thế nào đều do bọn thái giám giám sát, ngô hầu có thể sinh được hoàng nam; vậy mà chẳng đem lại một kết cục nào.

Các thái y đã bất lực, quan thái bốc lại gieo được quả “Hằng”, lời thoán khuyên “lợi du vãng”. Các quan bàn tán: “quả Hằng” là nói về đạo vợ chồng. Lời thoán khuyên “lợi du vãng” cũng có nghĩa là đi ra ngoài mới cầu được. Cứ như ý quả này, nhà vua phải ra ngoài (kinh thành) để tìm gặp ý trung nhân, chính người này sẽ đem lại cho nhà vua những điều sở nguyện. Vậy là nhà vua phải đi cầu hôn. Nhưng biết cầu ở đâu. Cầu thời phải qua các chùa quán, các nơi thờ tự tổ hảo thường linh ứng. Cho nên việc này trao cho ty thái chúc phải lo.

Ty thái chúc cho người đi khảo xét các nơi thờ tự linh ứng trong nước. Khi về tâu lên đã tìm được ngôi Báo Ân tự thuộc Lỗi Hương dân quanh vùng mỗi khi có nạn hạn, lụt cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng. Cầu duyên, cầu tự, cầu phước lộc đều được cả nhưng tín chủ phải tâm thành.

Quan thái chúc tâu lên được nhà vua y chuẩn, chọn vào dịp thanh minh đầu xuân sẽ lập đàn chay mời các cao tăng về chay đàn. Hội sẽ mở trong nửa tuần trăng cho dân chúng khắp nơi về dự. Con gái các nhà mười dặm quanh vùng lấy Lỗi Hương làm tâm điểm tuổi từ mười lăm đến hai mươi lăm phải về dự hội. Vào dự hội

phái mặc đẹp, trang điểm giản dị, không được phấn son lòe loẹt. Ai trái lệnh, vua giấu diêm con gái trong nhà hoặc giả vờ cáo ốm không đi dự hội, khi bị cáo giác sẽ theo luật mà trị tội. Trong nửa tuần trăng Lỗi Hương mở hội và Báo Ân tự lập đàn chay, vua Thánh Tông sẽ về dự hội, làm lễ yết Phật và tự mình lựa tuyển giai nhân.

Tin nhà vua về dự hội cầu duyên, loan khắp gần xa, từ kinh thành Thăng Long tới nơi sơn cùng thủy tận đều nô nức chờ ngày khai hội.

Mùa xuân là mùa hội, làng làng đều mở hội. Nhưng hội làng lại có vua về dự thì chưa từng có. Hội lại lập đàn chay để cầu duyên thì cổ lai cũng chưa từng có.

Toàn dân từ người trí đến kẻ ngu ai ai cũng thấy vui vẻ phấn chấn, vì từ khi nhà Lý trị vì dân chúng được sống trong cảnh thái bình an lạc, thuế má nhẹ lại chỉ quy về có sáu sắc loại, liền năm được mùa, nạn đói kinh niên như dưới thời Lê Ngọa triều đã khiến người dân có sắc da xanh như đít ếch, chết đói đầy đường sá, cầu quán lụi xa từ hơn năm chục năm.

Hội lập đàn chay cầu duyên cho nhà vua, mong đem lại cho hoàng triều một hoàng nam để nối dòng đại thống, đem lại niềm phúc lạc cho mọi người, mọi nhà. Chẳng bù với khi Ngọa triều hoàng đế Lê Long Đĩnh lâm bệnh, dân trong nước và ngay cả trong kinh thành Hoa Lư âm thầm họp tụ nhau lại, lập đàn cầu cho ông

ta chóng chết để giải thoát nỗi đau chìm đắm bấy lâu chất chứa trong dân.

Ấy là nói về lòng dân đối với vị vua thứ ba của triều Lý. Còn như đối với các bậc đại trí, đại giác cũng nhìn nhận sự việc này của nhà vua với tấm lòng cảm thông chứ không ai nở bắt bẻ, trách chê, cho dù nó chưa có điển lệ, ngay cả tiền lệ cũng chưa có, nhưng điều đó có hề hấn gì, một khi vị hoàng đế anh minh ấy được toàn dân yêu trọng.

Làng Thổ Lỗi từ khi tiếp chỉ của nhà vua, do Ty Thái chúc cử người đem về trao tận làng vào ngày hai mươi lăm tháng giêng. Viên xã trưởng sau khi thụ chiếu, liền cho dân các trang ấp trong toàn hương hội họp để nghe lệnh vua ban và bàn bạc các việc cần kíp toàn dân phải làm. Bởi từ nay tới thanh minh cũng chẳng còn xa nữa. Năm nay lập xuân ngày năm tháng giêng. Thanh minh đúng vào ngày năm tháng ba. Vậy dân làng chỉ còn có bốn chục ngày lo mọi thứ cho tuần hội lễ. Và ngay sau đó, các chức dịch trong hương làm lễ tại các chùa quán, đền miếu, cáo với chư Phật, chư Bồ tát, chư thần, chư thánh cùng thổ thần bản thổ, răn tiết thanh minh này, dương kim hoàng thượng sẽ giá lâm để yết bái Phật cùng chư vị thánh, thần và chia vui với dân làng trong ngày hội.

Không khí phấn chấn hào hứng rộn rộ khắp cả

làng. Ai cũng muốn góp một cái gì đấy vào ngày hội mà trăm năm, ngàn năm hồ dễ đã có một lần. Và biết đâu lại chẳng có một cô gái làng được tiến cung, còn là phúc hạnh của cả làng nữa chứ. Bởi vậy từ đầu tháng hai, trong làng ngày nào cũng có cả trăm trai tráng sửa sang đường sá, lấp các ổ gà, các rãnh xẻ, cắt tía các cành tre tũa xòa ra đường cái. Không chỉ sửa đường trong làng mà dân còn sửa con đường tiếp nối từ đường cái quan vào làng. Sửa các bến sông nơi thuyền ngược xuôi ghé đậu.

Trong các ngõ, người cùng lối xóm bảo nhau rẫy cỏ mọc lan ra các đường đi lối lại, tẩy uế các thùng vũng tù đọng. Sau đó lại rắc vôi bột trắng xóa. Các bờ rào được tía xén gọn ghẽ. Mọi nhà trong hương áp đều quét dọn sạch tươm. Cây cối trong vườn cũng bứt lá tía cành khiến mọi thứ đều bắt mắt ưa nhìn. Nơi chùa tháp, đền miếu thì làng cắt cử người ra phụ giúp theo sự chỉ dẫn của sư sãi và thủ từ để dọn dẹp, bao sái, rửa lau từ nơi thờ tự đến chỗ ăn ở của sư tăng và vườn chùa.

Từ hai mươi lăm tháng hai dân làng bắt tay vào việc dựng cổng chào. Có bao nhiêu lối vào làng, sẽ dựng bấy nhiêu cổng chào. Tính ra cả làng có năm nẻo vào, bốn nẻo đường bộ, một nẻo đường sông. Nhưng chỉ có hai cổng lớn trên bộ và một ở bến sông. Cổng chào thật đơn giản, có bốn cây cột tre dựng thành một tam quan. Vòm giữa rộng và cao đủ để xe tứ mã hoặc kiệu

bốn đòn khiêng qua lại được dễ dàng. Các tấm chắn giả tường đan bằng tre kết màu đậm nhạt tựa như gạch xây trần. Hai màu đậm nhạt chính là xanh lá cây và trắng ngà. Xanh là nan bằng cật tre để nguyên lớp vỏ, trắng ngà là lớp nan chẻ ghé lấy màu nơi phần thịt tre. Các vòm cổng giữa nơi bến sông và hai cổng chính vào làng đều có bức đại tự, chữ kết nối bằng tre đan rất khéo: “CUNG CHÚC THÁNH THƯỢNG PHÚC THỌ DIÊN TRƯỜNG”. Các cổng khác, vòm giữa đều dùng bốn chữ: “THÁNH HOÀNG VẠN TUẾ”.

Các nơi cổng chào, chùa tháp, đền miếu, đường làng đều chăng đèn kết hoa, cấm cờ thần, cờ Phật, phướn Phật nhưng chỉ trưng trước hội có một ngày, tức chiều ngày mừng bốn tháng ba. Công việc này làng đã trao cả cho ban khánh tiết lo liệu. Ngay cả chữ nghĩa trưng kết nơi các cổng chào, cũng là chữ xin nơi các thiền sư chùa Báo Ân chữ đảm chức dịch trong làng đâu có đủ chữ. Người chữ nghĩa đây mình là ông đồ Lê Trung Lương thì đã đem cả gánh chữ xuống mò từ mùa sởi đậu mấy năm về trước.

Lại nói các nhà có con gái tuổi từ mười lăm đến hai mươi năm suốt cả tháng nay bận mãi tíu tít. Nhà giàu có thì lo may sắm quần áo, đồ trang sức, rồi mặc thử, đi đứng thử sao cho tỏ lộ được phẩm chất cao sang. Có nhà được người mách lên tận kinh kỳ đón các người làm nghề ca kỹ giúp dạy cho các ngón ca, vũ. Trong

một tháng trời, cái gì các cô cũng muốn học, nên cái gì các cô cũng biết dở dang. Và người biết dở dang lại chính là kẻ ngô ngọng, trở nên bất lợi cho chính họ. Tuy nhiên, cách phục sức có thể học mà biết, cách trang điểm có thể học mà biết dù trong thời gian rất ngắn. Ngay ca vũ nhạc cũng có thể học mà biết, nhưng còn cách ứng xử sao ra một người có trí tuệ, một người bất thiệp, một người có nhân cách cao thượng thời cái đó lại chẳng có thầy nào dạy được. Thành thử các cô gái sau khi được các thầy có ngón nghề nơi lầu ca viện kỹ truyền dạy cho lại trở thành những con rối giạt rất thảm hại. Cho nên con cái các nhà giàu có, họ có đủ các thứ, nhưng chỉ thiếu có mỗi một thứ, đó là phẩm chất của một bậc nữ lưu.

Nhà giàu có đã vậy, nhà bậc trung cũng lo may sắm lấy vài ba bộ áo quần cùng một hai món nữ trang. Từ lúc có áo váy mới, có nữ trang mới các nàng suốt ngày dán mắt vào lá gương đồng để xem ngắm chính mình, và mong ngày hội đến với hy vọng tràn trề.

Nhà giàu, nhà bậc trung đã đi một nhẽ, những nhà ấy trong cả hương này bất quá chỉ hơn chục nhà có con gái trong độ tuổi gieo cầu. Song cả trăm, cả mấy trăm nhà khác tuy con gái trong độ tuổi hoa, có nhà tới hai, ba cô gái lại chẳng biết trông cậy vào đâu để may sắm cho con ít nhất là hai bộ cánh để mặc trưng trong nửa tuần trăng lễ hội. Đồ trang sức không có, xã trưởng

châm chước cho qua, còn như quần áo đẹp mà không có lại không được. Bởi đây vừa là lệ làng vừa là phép nước. Do vậy, các nhà nghèo có con gái chưa kịp mừng vì lễ hội có vua về dự thì đã lo tháo máu về chuyen áo quần cho con. Thành thử dân nghèo trong hương áp cứ chạy xôn xáo ngược xuôi như cờ lông công. Người thì lo trong nhà còn thứ gì có thể bán được thì bán, có thể cầm cố được thì cầm cố. Có nhà chẳng có thứ gì đã toan bán lúa non. Mua bán lúa non đã bị triều đình cấm tiệt từ lâu, nên đám người cho vay nặng lãi, đám nhà giàu đều xua đuổi. Nhưng họ lại sẵn sàng mua giúp đất ruộng cho những ai muốn bán đợ¹ hoặc bán đoạn². Không khí trong làng xóm vui, buồn lẫn lộn, thật khó mà biết nhân sự việc này dân ơn vua hay oán vua.

Chuyện vua về dự hội chùa lập đàn cúng Phật cầu hôn, cầu tự đến tai dì cháu cô Khiết thật cũng oái oăm. Bà Tuất đã là nạ dòng quá lứa, chẳng có gì bó buộc. Bà đi hội hay không đi hội cũng chẳng ai cầm bắt, nên bà cho việc này cũng chẳng có gì phải bận tâm. Đôi lúc bà lại nghĩ, cái trò no ăn dửng mỡ, vua đú dờn, dân cũng đú dờn. Nghe đâu nhà vua đã lập sáu bà hoàng hậu lại có cả trăm phi tần mà vẫn chưa thỏa sao? Trong khi suốt cuộc đời ta chỉ kiếm được nửa mảnh chồng thừa,

1 Bán đợ là bán có thời hạn rồi chước lại.

2 Bán đoạn là bán đứt hẳn.

trời lại vội cướp mất. Đám các người có chữ nghĩa, có học thức thường bàn tán ngợi ca nhà vua vừa tài năng vừa đức độ; riêng ta, ta cho rằng ông ấy cũng chỉ là một kẻ dâm bôn, kẻ tham lam; ai đời vừa cầu hôn lại vừa cầu tự. Ấy là bà Tuất cũng chỉ dám suy nghĩ vụng lén thế thôi.

Bà Tuất coi như không biết bốn phận bà là kẻ mẫu, nên phải có trách phận may sắm áo váy cho cô Khiết, con chồng bà đi hội. Vì rằng Khiết vừa có nhan sắc vừa sắp vào tuổi mười chín, đôi mươi. Cho nên mọi nhà thì rục rịch, còn nhà Khiết vẫn cứ lặng phắc.

Về phần Khiết, từ khi cha mất, cô chỉ còn biết nương tựa vào người dì ghẻ. Những tháng năm đầu sau cái tang đau đớn ấy, quả là hai dì cháu trở nên thân thiết, gần như là họ sắp yêu thương nhau thực sự. Nhưng thời gian làm họ cứ doãng ra. Nào là khó khăn trong việc làm ăn. Sự giúp đỡ của những người học trò thời ông đồ Lê Trung Lương còn sống đã qua lâu rồi.

Cuộc sống của hai người phụ nữ một già một trẻ phải đương đầu với gió mưa bão lụt, nóng lạnh bốn mùa cứ phải phơi ra trước nắng gió. Nhỏ mọn mùa như người đánh vật, tát nước ải máng cao trên cánh đồng xa cơ cực như người di đầy trên xứ tuyết, nhỏ cỏ lúa chiêm cứ hùng hục như đám như thui, nhưng có phải vụ nào cũng có thu hoạch cả đâu. Lúa vừa có đòng thì chuột

cần như ngã rạ, chỉ còn nước cất về cho trâu ăn. Lúa vừa ối lá gừng thì chỉ một đêm châu chấu tràn về cần rụng hết gié mấy, dì cháu lại méo mặt gặt non để lấy mặt ruộng mót lúa rụng vớt vát được hạt nào hay hạt ấy. Nhà có bốn cấy trâu đã bán mất ba, chỉ còn giữ lại hai ngày trâu để cày cấy lúc mùa vụ. Nhưng con trâu đã già quá, cày riết một ngày không nổi hai sào ruộng. Két công thì đến bữa nó cũng không đủ sức kéo, nói chi chuyện cày. Nắng tháng sáu người lội xuống ruộng còn rụng lông chân, cua cá chết nổi trắng mặt ruộng, trâu già chỉ tìm chỗ mát trú nóng. Đã thế mùa đông năm trước, kẻ trộm lại phá công vào tháo đóng chuồng bắt mất trâu. Ba người chung trâu kia kiện ra xã trưởng, bắt đến. May mà xã trưởng là học trò của ông đồ, lại cũng là người có đức nên xử cho bà Tuất không phải bồi thường. Mặc dù xã trưởng đã xử như vậy, nhưng ba nhà kia cùng nhau áp đảo tận nhà, bắt dì cháu phải đền cho họ một nửa, nếu không họ sẽ đánh què. Những chuyện như thế khiến cho cuộc sống của hai dì cháu càng trở nên khó khăn căng thẳng, thân cô, thế cô chỉ vì cái cảnh nhà không có đàn ông.

Hai thân phận cộ đơn ấy lại mỗi người đi theo một hướng. Bà Tuất nghĩ rằng nếu có chăm bẵm vun xới cho Khiết, thì nay mai nó về nhà chồng, nó an phận nó, còn mình lại lủi thủi cái thân già. Nhiều lúc bà đã muốn buông tất cả, từ cái xác nhà không với non một mẫu

ruộng cùng một cặng trâu già cho Khiết, rồi bà về sống với các em, các cháu ở quê mình. Chí ít bà cũng còn chút vốn riêng là một mẫu ruộng cho cấy rē, chứ cứ ở đây mãi ôm rơm rát bụng, kiểu mẹ tồ vò nuôi con nhện thế này cho tới lúc trắng tay sao. May mà trước đây bà xin với ông đồ định bán ruộng bên quê về bên này tậu, ông không nghe nên vẫn còn đó. Ông nói rằng: “Nhà cứ để ruộng bên đó, lỡ sau này tôi với mình không sinh được con thì ruộng ấy nhờ các cậu cày cấy lấy hoa lợi góp vào việc cúng giỗ ông bà, vì đời mình nó ngắn”.

Cảm mến vì cái nghĩa của ông đồ, dù ăn ở với nhau chẳng được bao lâu, nhưng ông cư xử như một người quân tử. Ông yêu thương bà, nhưng vẫn bán khoản về đường xa nắng quái, ông lại chẳng có lòng tham, nên bà chưa nỡ dứt cái tình ấy mà bỏ con của ông để về nhà mình. Bà đã cố yêu thương Khiết, nhưng sao đầu óc nó vẫn kín như buồng tằm. Dù nó không cãi bà, không kêu ca phàn nàn, không lấy trộm bất cứ một thứ gì của nhà đem đi bán, nhưng cũng chưa bao giờ hé miệng xin bà bất cứ một thứ gì như may sắm váy áo, mua gương lược như bất cứ một đứa con gái nào đang ở tuổi cập kê. Điều đó làm bà Tuất yên tâm rằng Khiết đã an phận con nhà nghèo, nhưng cũng chính điều đó làm bà buồn, bởi bà không gây dựng được tình cảm của người mẹ đối với đứa con gái duy nhất của chồng mà trước giờ lâm chung ông đã có nhờ ủy thác.

Về phía Khiết, vì sinh ra trong một gia đình có học, bản thân cô cũng được học hành nên cô biết phải cư xử như thế nào với người vợ của cha mình. Cô đã thử nhiều lần để có thể biến đổi cái cung cách dè ghe con chồng trở nên tình kế mẫu. Thế nhưng việc ấy đã không thành. Vì rằng bà Tuất chưa bao giờ có con, cho nên bà không biết cách cư xử với con cái cũng như bà không có niềm vui làm mẹ. Bà sống khô cứng như mảnh sành. Và lúc nào cũng chỉ lo đến miếng ăn, lo cho mình khi tuổi già mà không hề có sự tin yêu nơi Khiết. Không biết dựa vào ai, không có ai là bạn tâm tình, bởi vào tuổi Khiết thì các cô đã lấy chồng từ lâu, đã mấy mặt con rồi. Người duy nhất mà Khiết có thể thổ lộ tâm can, ấy là Sĩ Thoại. Trước đây một hai vẫn tưởng được đẹp đôi với Sĩ Thoại, nhưng Khiết mắc vướng hết tang mẹ lại đến tang cha. Bên nhà anh ấy không chờ được, đã đến tuổi đại hoàng nam mà không lập gia đình là phạm lệ làng, luật nước. Đúng là cái số mình nó long đong. Nhiều lúc Khiết tự than thầm như thế chứ còn biết chia sẻ cùng ai.

Hồi Sĩ Thoại chưa cưới vợ, chưa có con, thì thoảng anh còn ghé nhà thấp hương cho ông đồ, thăm bà Tuất, nhưng đó chỉ là cái cơ để anh đến thăm Khiết. Khi thì đem cho mượn cuốn sách đọc. Khi lại dúm cho Khiết vài quan tiền. Sách thì Khiết mượn, nhưng tiền thì cô không nhận. Dù anh nói rất khéo, rằng anh chỉ coi Khiết như

một người em gái, Khiết vẫn một mực chối từ.

Không có bạn cùng trang lứa chẳng biết lấy ai mà giải tỏ tâm tư, Khiết tìm đến chùa, ngôi chùa làng nổi tiếng linh thiêng. Gặp vị thiền sư trụ trì, Khiết vái lạy mà rằng:

- Con không có gì để cúng dường cửa từ bi, nhưng nếu thi thoảng rảnh rỗi, con xin đến làm công quả như quét sân ngõ, dọn lá rụng, nhặt cỏ vườn chùa, chẳng hay hòa thượng có bố thí cho con.

Nghe một cô bé hỏi với lòng mộ đạo chân thành, đại sư liền động tâm hỏi:

- Thí chủ, ta chắc con đang lâm cảnh bất hạnh. Không cần con phải thổ lộ với ta. Ta chỉ khuyên con hãy giữ lấy phần tâm thiện của con, chớ có ngã lòng. Chớ có sân hận. Cuộc đời là vô thường. Sống chết chỉ qua một hơi thở. Cho nên giàu nghèo, sang hèn, tụ tán, sinh diệt chỉ là sự đắp đổi hôm mai có chi mà bám trụ. Nên chẳng con chỉ cần trụ lại cái tâm vô nhiễm của con. Tức là con phải giữ cho nội tâm con được trong lặng, nó sẽ đem lại sự hài hòa cho thể xác và tâm hồn con.

Khiết ngỡ ngác không hiểu ý đại sư, liền hỏi:

- Thưa đại lão hòa thượng, vậy chớ cái tâm vô nhiễm của con nó trụ vào đâu.

- Con còn chưa biết sao? Con phải trụ tâm vào chỗ không trụ.

- Kính bạch hòa thượng, thân con, đời con chẳng có chỗ trụ hướng gì tâm.

- Con không bám trụ vào đâu cả, tức là con trụ vững rồi đó. Từ nay có điều gì cần hỏi, con cứ hỏi ta. Còn chùa là ngôi nhà chung của chúng sinh chứ không phải nơi Phật ngự, con cứ tự nhiên lui tới mỗi khi con thấy cần.

Từ bữa đó Khiết thấy dẫu óc nhẹ băng, niềm vui phơi phơi. Cô nhận ra một điều rằng tâm cô đã trụ cửa từ bi. Hằng ngày đi hái dâu, đi cắt cỏ trâu, Khiết gắng làm thật nhanh để có thì giờ ghé chùa. Tới chùa, cô biết các việc cần làm. Cô thuộc nằm lòng các công việc như việc nhà mình vậy. Có điều là Khiết không có nhiều thời giờ nán lại chùa, sợ về trễ dì Tuất lại nghi ngờ gạn hỏi.

Cũng có lúc trong lòng có điều khó gỡ bỏ, Khiết tới chùa quỳ trước Phật đài lâm râm khẩn. Lát sau trở ra, lòng đầy thanh thản.

Thật ra thì Khiết có xin Phật nhiều nhận gì đâu. Cô chỉ xin Phật độ cho cái tâm được thanh tịnh, còn cái thân dù có bị dầy ả nhọc nhằn cũng có xá chi.

Từ bữa hương Thổ Lỗi nhận chiếu vua ban về mở hội vào tiết thanh minh, rồi cả làng như sục sôi lên về ngày hội sắp tới, nhất là các nhà có con gái trong tuổi bắt buộc phải có mặt ngoài hội; riêng nhà mình Khiết thấy dì Tuất vẫn lạnh tanh không dả động gì tới việc đó.

Một bữa nhân thấy dì Tuất vui cười, một điều hiếm thấy, Khiết mạnh dạn hỏi:

- Dì ơi, liệu con có phải đi hội theo chiếu vua ban.

Bà Tuất nguýt dài rồi nói:

- Chuông khánh còn chẳng ăn ai, huống hồ mảnh chính ở ngoài bờ tre.

Như bị gội nước lạnh giữa trời băng giá, từ đó lửa lòng trong Khiết coi như tắt hẳn. Dù vậy, Khiết chẳng hề oán hận người dì ghẻ. Mặc dù trước đó câu ca: “Mấy đời bánh đúc có xương. Mấy đời dì ghẻ có thương con chồng” đôi khi vẫn lơng vượng trong đầu Khiết.

Cho tới một hôm Khiết vào chùa làm công quả, Thiền lão thiền sư nhìn gương mặt Khiết bừng sáng lạ thường, những đường nét tiềm ẩn đang dần sáng lên. Thiền lão thiền sư liền vẫy tay gọi Khiết lại, người nói rất nhỏ, cho Khiết vừa đủ nghe:

- Thí chủ, con sắp có hỷ tín, tâm con đã an trụ rồi đó. Phước duyên con cầu xin Phật Đà đang có cơ may thành tựu. Con ráng giữ lấy nguồn tâm. Ta không có gì để nói thêm nữa, con về đi. Ở nhà đang có người chờ con đó.

- Kính lạy đại lão. Khiết vái nhanh thiền lão rồi quấy giở dậu ráo bước về nhà.

Vừa tới ngõ ngoài đã thấy Sĩ Thoại đứng chờ. Hai

người gặp nhau tay bắt mặt mừng. Sĩ Thoại nói luôn:

- Cô Khiết, dạo nào anh đi dạy học xa ít về nhà. Thấy nói các cô đang lo đi dự hội. Anh biết cánh nhà neo đơn từ khi thầy đồ khuất núi. Anh coi Khiết như em gái mình vậy, nên đưa em ít lạng bạc để sắm sanh cho ngày hội, em chớ nên chối từ mà anh tủi đấy.

Khiết tươi cười nhìn Sĩ Thoại, tay đỡ lấy gói bạc, miệng nói:

- Tình nghĩa anh đối với thầy em, với gia đình em, dầu căn cỏ ngậm vành hồ đề đã đền đáp được một hai. Anh cho, em xin nhận. Khiết ngửng nhìn Sĩ Thoại, mắt rân rấn nước: - Em nhờ anh cất giữ giùm em. Thật tình em không nghĩ gì đến hội hè nữa. Anh bảo thân phận em nghèo hèn, còn đua đòi chi để làm trò cười cho thiên hạ.

Sĩ Thoại rút tay lại:

- Khiết đừng nghĩ vậy. Khiết không tự biết mình đấy thôi. Anh tin trong hương này không ai xứng đáng được tiến cung bằng em.

- Dì Tuất em đã bảo: “Chuông khánh còn chẳng ăn ai...”. Nói rồi Khiết giúi gói bạc vào tay Sĩ Thoại rồi chạy ào vào nhà.

Trong lúc rờ dâu ra nong Khiết mới nhớ lại khi thiên lão giục về có người đợi. Quả đại sư là người biết trước sự việc sắp xảy ra, Khiết càng tin lời sư dặn bảo,

nên trong lòng lúc nào cũng cảm thấy vui vui và cả sự an tĩnh nữa.

Chẳng mấy chốc đã vào tiết thanh minh. Trời quang đãng, bầu trời cao tít tắp loáng thoáng vài gợn mây trắng mỏng tang khiến cho màu xanh trở nên dịu mát. Tiết trời buổi sớm mát dịu, nó là sự dịu ngọt của màu xanh cây lá, và hương thơm thi thoảng từ những cánh ong mật cần mẫn vút qua, hoặc từng đàn bướm tung tăng đùa giỡn trước giậu tầm xuân. Nó còn là sự riu riu của từng bầy chim sẻ thoát sà xuống cánh đồng lại bắt chợt bốc bay. Nó còn là tiếng đập cánh bay đứng của những chú chim chèo bẻo giữa đồng lúa đang thì con gái xanh rờn. Và nữa cả một bầy sáo sậu đang lách rích trên ngọn những lùm đa tìm ăn quả chín. Và đâu đó trong các lùm tre rậm rạp kia ném ra tiếng gáy chim cu cườm nghe như gần sát bên ta, lại như xa thăm thẳm.

Sớm thanh minh này cả hương Thổ Lỗi không một ai vác cuốc đi tu sửa mồ mả tổ tiên nữa. Các việc đó, người Thổ Lỗi đã làm xong ở nơi các phần mộ và và cúng kiếng cụ kỵ tại gia từ bốn, năm ngày trước đây rồi.

Đàn chay nhà chùa đã lo liệu chu tất từ cả tháng nay. Các cao tăng tham dự đàn tràng cũng về đầy đủ từ mấy hôm trước hội, để sớm nay nhà chùa vào khóa lễ đầu tiên. Tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng trì tụng râm ran của hàng trăm cao tăng cùng với tiếng lửa reo bập bập

của hàng trăm ngọn bạch lạp tạo thành một hợp âm la lẫn, huyền bí. Khắp các nẻo đường làng giăng mắc cờ phướn, đèn lồng, thật là một ngày hội trọng chưa từng có ở nơi đây.

Trong ngôi thượng điện các tăng làm lễ từ giờ tỵ tới giờ dần mới tạm ngơi.

Cuối giờ mao các sư tăng ra hết sân chùa làm lễ chạy đàn. Dẫn đầu là chín vị cao tăng đầu đội mũ hoa sen, mình khoác áo đại cà sa màu vàng, tay cầm thiền trượng, theo sau là cả trăm sư tăng đội mũ mặc áo màu vàng đi vòng quanh sân, các sư vừa đi vừa tụng niệm.

Lúc này dân trong làng đã tụ tập kín quanh sân chùa, vườn chùa im lặng xem các sư chạy đàn.

Ngoài cổng chùa về bên hữu có đám ruộng mạ tới hơn ba mẫu chưa tới vụ gieo nên vẫn để đất trống. Dân làng đã dựng một cây đu sáu hàng cột với những cây tre bương to, dài tới mấy chục sải tay. Thửa ruộng kế gốc đu là bãi đổ cát phẳng dành cho sỏi vật. Kế đó là hội chơi cờ tướng với quân bằng người thật. Ba mươi hai quân chia làm hai phe. Bên đỏ vận màu đỏ, bên đen vận màu trắng.

Các ô ruộng kế tiếp đều lập các trò chơi. Chỗ này đi kheo, chỗ kia chọi gà, chỗ kia nữa thì dệt vải thi, thổi cơm thi...

Chừng giữa giờ Thìn, dân làng và cả dân thiên hạ

đến dự hội đều tề tựu đông nghịt hết các bãi cỏ trò chơi.

Lập tức một hồi ba tiếng trống nổi. Từng tiếng trống đình đặc đường bệ nói lên tư thế người đánh trống và tính nghiêm trang của hội lễ.

Trống vừa dứt, cuộc thi thả chim bắt đầu. Thoạt tiên là cuộc bốc thăm lấy số thứ tự. Đương nhiên, chim sẽ được thả đúng như số thứ tự đã bốc thăm. Nhưng có một bầy chim không dự giải do cụ Mạc là người đầu tiên đã xướng xuất ra cuộc chơi thả chim thì xin được đặc cách thả trước. Mọi người vui vẻ chấp nhận. Cụ Mạc đầu bạc phơ, râu trắng xóa dài tới ngực, hàng lông mi dài cong cong chia về phía trước, mình mặc áo dài đỏ, cổ thìa, chân đi hài kết bằng cỏ bông, tay chống gậy trúc đi trước phăng phăng rẽ đám đông để cho hai thiếu niên khiêng chiếc lồng chim phủ mảnh vải nâu xăm xăm bước theo sau. Tới giữa sới chim cụ dừng lại, hai thiếu niên hạ lồng chim xuống. Cụ Mạc chấp tay vái bốn phương, rồi ngửa mặt vái trời, cúi đầu vái đất. Xong đầu dó cụ kéo phăng mảnh vải phủ chiếc lồng chim dẹt như hình bánh xe, để lộ ra một lồng đầy chim.

Hai thiếu niên cởi hai nút lạt cột nắp lồng rồi nâng lồng chim lên cao ngang tầm vai.

Thùng!

Thùng!

Thùng!

Ba tiếng trống lệnh vừa dứt, cụ Mạc liền bật nắp lồng, hai thiếu niên vội nghiêng lồng, những con chim bồ câu lần lượt vút bay lên như những mũi tên, tới độ cao chừng hơn trăm thước thì chúng tự xếp vào hàng. Loáng một cái trên bầu trời đã hiện ra dòng chữ: “THÁNH HOÀNG VẠN TUẾ” (Đức vua muôn tuổi). Bất chợt người nào đó hô to: “Thánh hoàng vạn tuế!”. Lập tức ngàn tiếng hô theo làm rung động cả một vùng quê yên tĩnh.

Bầy chim cứ bay đứng một lúc để giữ nguyên dòng chữ rồi chúng tản ra thành vòng tròn rộng, sau đó lại quay vào chỗ cũ với y nguyên dòng chữ lúc ban đầu. Chúng làm như vậy tới ba lần rồi tản thành hình chữ bát rồi bay đi khuất dạng.

Người số một bê lồng chim vào. Đó là một người đàn ông to khỏe tuổi chừng ba mươi, tóc búi hậu, đầu quấn khăn vành dây bằng sa màu tím nhạt, mặt vuông chữ điền, cằm bạnh, mắt to, lông mày rậm, mặc áo cộc bốn thân màu nâu sẫm, nách và tay áo rộng, tay cộc, cửa tay còn cách mắt cá tay tới năm tấc, vạt trước ngắn, vạt sau dài ngồi chồm chiếu còn chùng tới một gang tay, quần nâu lửng, ống quần chỉ phủ tới nửa ống chân; anh ta đi chân đất, bàn chân to mập. Anh ta bê lồng chim vừa tới sới thì ba tiếng trống nổi lên. Anh cúi đầu chào mọi người rồi cũng vái tứ phương như cụ Mạc, xong anh kéo mảnh vải phủ lồng và thả chim. Đàn chim

tung cánh lên bầu trời bay lượn ba vòng từ vòng tròn to rồi nhỏ dần. Khi tới vòng nhỏ nhất, lũ chim tự xếp thành hàng chữ: “ÁI DÂN DÂN ÁI” (Yêu dân thì được dân yêu). Chúng bay đứng một lát rồi chuyển sang hình chữ bát rồi bay đi.

Đàn chim kế đó xếp thành hàng chữ “THIÊN HẠ THÁI BÌNH”; đàn tiếp theo xếp thành hàng chữ “QUỐC THÁI DÂN AN” (Nước thái bình dân an lạc); đàn cuối cùng xếp thành hàng chữ “ĐẠI VIỆT HÙNG CƯỜNG”. Đàn này còn xếp theo hình tròn, hình cánh võng, hình sao tám cánh cuối cùng về hình chữ bát rồi bay đi.

Các trò chơi cùng chơi một lúc. Người dự hội chính là người tham dự các cuộc chơi. Ở chỗ này họ là người xem, ở chỗ khác họ lại là người diễn. Các chàng trai thả chim xong quay về xóm vật. Xóm vật không chỉ dành cho cánh đàn ông mà con gái cũng chen chân thích cánh vào xem không ít.

Riêng sới thi dệt vải người chen chúc vòng trong vòng ngoài. Sới thi chính là một chiếc ao cạn mới được tháo nước vào. Nước chỉ ngập trên đầu gối, nhưng mặt ao thả kín bèu tấm nên người xem không biết nông sâu thế nào. Mặt ao rộng chừng năm tới sáu thước¹ đặt bốn khung dệt ở bốn góc. Bốn chân khung dệt buộc chặt vào

¹ Thước Bắc Bộ bằng 24 mét vuông. Năm. sáu thước ở đây bằng 120 - 140 mét vuông.

bốn cây cột đóng rất sâu. Hai bàn đập cho thợ dệt dận chân đặt trên bốn tấm ván mỏng có dây đỡ. Toàn khung dệt rất chắc, không đồ ngã, nhưng khi người thợ dệt dận bàn đập, lao thoi, đồ cỡ toàn khung dệt khẽ rung chao rất dễ bị sa thoi. Cuộc thi có bốn giải: nhất, nhì, ba, tư. Ai dệt một mạch hết cả chiếc suốt không bị sa thoi, và xong trước trong cả bốn người thì đậu giải nhất. Về chậm thứ hai, ăn giải nhì... Xong nghiệp ngã là ở chỗ, nếu bị sa thoi, tức là thoi bị rớt xuống ao, thì dù đã dệt hết suốt vẫn bị đánh rớt. Những người ngồi vào khung dệt trong cuộc thi đã lựa từ những tay thợ dệt giỏi nhất làng. Lệ thi như sau:

- Mỗi người thi phải dệt hết một chiếc suốt¹ vải.
- Từ khi dận bàn đập mở go, lao thoi² đến khi hết suốt không được ngừng nghỉ một nhịp thoi nào.
- Đứt sợi³, chéo go⁴ trong khi dệt là phạm quy.
- Rớt thoi dù có đỡ được không để rớt xuống ao,

1 Suốt: Lõi bằng một loại ống tre nhỏ bằng đầu đũa, người ta dùng xa quay cho sợi cuốn vào đó, sợi đánh từ hai đầu dồn vào giữa, hai đầu thoát. Suốt này được mắc vào một chiếc cột tre tròn nhẵn bóng nằm chính giữa thoi dệt. Đồ dài đoạn sợi mắc vào suốt khoảng 50 mét.

2 Thoi dệt làm bằng sừng trâu hình quả trám, hai đầu nhọn, giữa phình ra, hai bên thành có lỗ nhỏ, khi mắc suốt vào thoi, chỉ được luồn qua một trong hai lỗ đó để dệt.

3 Đứt sợi ở đây có nghĩa là sợi doc. Suốt dệt là sợi ngang.

4 Chéo go, tức là hai lá go chập vào nhau khiến không dây được cỡ lên, huôn vải không mở miệng nên không lao được thoi dệt.

nhưng đã để mất nhịp vẫn là phạm quy.

Dù lệ thi cả làng ai cũng biết, người dự thi càng biết hơn, nhưng trước khi vào cuộc thi, trường sớm vẫn xướng rành rõ từng phần. Xướng tới lần thứ ba thì các tài nhân dự thi bắt đầu xuất hiện.

Đó là bốn cô gái tuổi chừng mười tám đôi mươi ăn vận khác thường đi giữa đám bạn bè líu ríu. Bốn cô duyên dáng xinh tươi cứ như từ trong tranh bước ra. Các cô đều vấn khăn nhiễu tím hoa cà, tóc để đuôi gà. Đuôi gà dài chấm vai. Yếm đào cổ xẻ. Đầu mỗi dải cổ yếm đính một chiếc bùa tua. Đầu mỗi tua là một hạt cườm bằng bạc. Hai đầu dải cổ yếm là hai chiếc bùa tua vắt ra ngoài lưng áo dài. Trong bùa tua đựng xạ hương, nên các cô đi tới đâu là hương tỏa ngát khiến những người đi sau có cảm giác ấm áp thơm tho. Mỗi cô vận một chiếc áo dài bằng vải thanh cát, thắt vạt để khoe chiếc dải yếm thắt ngang lưng bằng tơ nhuộm màu hoa lý và chiếc váy lụa sồi. Bốn cô bước về phía bốn khung dẹt. Người ta bắt đầu lao ván làm cầu cho các cô đi vào chỗ ngồi dẹt. Nom gương mặt các cô đều tươi như những bông hồng ngậm sương buổi sớm. Cô nào cô ấy mắt đen láy, môi đỏ quét trầu, má trắng hồng như trứng gà bóc, các cô vừa ngồi vào khung dẹt thì cả bốn tấm ván cầu đều kéo lên. Ba tiếng trống lệnh, cuộc thi bắt đầu.

Người xem đứng chen chúc vòng trong vòng ngoài

dán cả mắt nhìn thờ nhìn theo các cô cầm lấy thoi dệt.

Cả bốn cô đều lao thoi thoãn thoắt như những cánh én chao liệng giữa bầu trời. Chợt cô gái ngồi khung dệt phía tây lao thoi mạnh quá, tay kia lại tóm hụt, thoi rơi xuống nước kêu thành tiếng. Cô thất thần, mặt tái mét. Ba cô kia chắc đã biết nên nhịp thoi như chậm lại. Thoắt tiếng kéo kẹt lại vang mau theo nhịp thoi lao và những khung dệt chung chao như chao vông. Cô gái ngồi khung phía nam đẩy nhịp lao thoi nhanh tới chóng mặt. Người trên bờ cứ thót ngực lo cho cô bị sa thoi như cô ngồi góc phía tây. Bỗng cô ngừng chân đạp, tay cầm một đầu thoi giơ cao. Vậy là chưa nhai tàn miếng trầu cô gái đã dệt xong một chiếc suốt. Trên bờ, người ta hò reo như vỡ trời. Mọi người hỏi nhau: “Con nhà ai mà giỏi thế?”. lát sau cô phía đông, phía bắc lại cùng giơ thoi lên một lúc. Mấy chàng trai lại lao cầu ra cho các cô gái lên bờ. Các cô được bạn bè ngưỡng mộ và người làng ngợi khen không ngớt. Ai cũng tiếc cho cô gái ngồi khung dệt phía tây. Hội trao giải nhất cho cô gái có tên là Mơ. Cụ Tam là người già có đức lớn được làng mời trao giải. Cụ trao năm vuông lụa màu hồng cho cô gái. Cụ khen: “Cháu giỏi lắm. Cháu làm rạng danh nghề tầm tơ canh cửi của cả hương Thổ Lỗi chúng ta”. Ông lại ghé tai hỏi cô bé: “Cháu tên là gì nhỉ? - Mơ à? Làng ta có nhiều Mơ lắm. Cháu Mơ ở xóm giữa à? Cháu là con bố Toại có phải không? Thế thì tốt. Ta là bạn với

ông nội cháu đấy. Thôi về đi cho ông cháu mừng”.

Mơ được giải nhất năm vương lụa hồng. Hai cô Na và Lúa cũng được giải nhì, mỗi cô được nhận ba vương lụa màu mỡ gà.

Nắng lên, hội vẫn dần, mọi người lục tục ra về ăn trưa để chiều lại dự hội. Người ta vừa đi hội, vừa có ý ngóng vua về. Nhưng đã gần giờ Ngọ vẫn chưa thấy hoàng thượng giá lâm. Vì vậy dân chúng có thể về nhà ăn uống và nghỉ trưa, chỉ có đám chức dịch trong làng phải thay nhau túc trực.

Chứng giữa giờ Mùi đoàn thuyền ngự cập bến sông. Một nhóm chức dịch đã bày sẵn hương án cùng các vật phẩm của Lỗi Hương để dâng thánh thượng. Lại sai đám trẻ quanh đó chạy bộ về làng nói dân dự hội nhất là đám con gái phải án ngữ tại các nơi mà kiệu vua sẽ đi qua.

Thuyền ngự vừa dừng, trên bến đốt pháo. Tiếng pháo nổ giòn tan như bắp rang, khói pháo bay xanh mờ và lơ lửng mãi trên không. Xác pháo phủ hồng mặt đất. Dân chúng lúc này đã kéo tới khá đông. Tất cả đều cất tiếng hô vang: “Thánh thượng vạn tuế!”. Lời cầu chúc được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Từ bến sông bước lên, nhà vua ngừng nhìn thấy hàng chữ dan nổi bằng nan tre rất khéo: “Cung chúc thánh thượng phúc thọ diên trường”. Nhà vua mỉm cười tỏ vẻ hài lòng. Ngài vẫn đi

trong tiếng râm ran chúc tụng của muôn dân, và tâm thức ngài luôn đặt vào chỗ ngài sở cầu, sở nguyện nơi chùa Báo Ân, mà ở đó các vị sư tăng đang chạy đàn cầu cúng Phật độ cho nhà vua được toại nguyện.

Hoàng thượng tản bộ cho dân chúng chiêm ngưỡng. Thưở ấy vua với dân còn gần nhau lắm. Nhỏ được nuôi dưỡng trong hoàng cung. Bảy tám tuổi đã có thầy dạy văn, dạy võ riêng. Mười lăm, mười sáu tuổi vua cha cho về một miền quê mở phủ sống chung lẩn với dân một vài năm. Tức là cuộc sống lam lũ sớm chiều y hệt người nông phu. Khi được lập làm hoàng thái tử, tức là sẽ được kế vị vua cha, thay vì ở Đông cung như một ông vua con thì vua cha đã lập hẳn cung Long Đức rất xa với cấm thành, nó nằm ở phía tây kinh thành trong một khu dân cư đông đúc. Vì vậy, khi được kế vị dù đã ở ngôi cứu nguy nhưng lòng nhà vua lúc nào cũng cận dân.

Nhà vua vẫn đánh mắt nhìn dân chúng từ hai vệ đường cứ chăm chú nhìn vua. Các cô gái quê diện những bộ cánh đẹp nhất trong đời thường đứng túm vào một góc cây hoặc một bãi trống ven đường. Vừa là nghênh đón nhà vua, vừa để vua dễ nhìn. Trong lòng các cô vừa nao nức vừa phấp phồng mong chờ một cơ may, một vận hội.

Quan diện tiền đô chỉ huy sứ cùng các tùy tùng khiêng chiếc kiệu bốn đòn cứ lẻo đẻo đi mãi phía sau.

Thình thoảng quan điện tiền lại chạy rướn lên ghé tai nhà vua: “Thần xin bệ hạ lên kiệu đi cho đỡ mệt ạ”. Vua lắc đầu xua tay: “Sức ta thế này đi bộ vài bước đã ăn thua gì”. Được một quăng, quan điện tiền lại tâu: “Xin bệ hạ lên kiệu cho an toàn”. Vua lại xua tay: “Ta yêu dân như con, chẳng có dân nào nỡ hại ta mà khanh phải lo”. Nói rồi nhà vua cứ thoăn thoắt đi giữa đám đông ngày càng đông trải dài từ bến thuyền về tới chùa Báo Ân hương Thổ Lỗi. Nhà vua vừa đi vừa nhìn đáp lễ dân chúng đứng chật ních hai bên vệ đường, vừa chú ý tới các thôn nữ đang e lệ đứng nhìn nhà vua. Đôi lúc nhà vua cũng dừng lại để xem xét hời hán một vài thôn nữ, nhưng nhà vua không cho một cô nàng nào tới gần.

Đám chi hậu nội nhân cùng mấy viên giám thừa đã về Lỗi Hương từ đêm trước và có mặt khắp các xóm vui chơi trong hội; bọn họ lựa được sáu, bảy cô mà họ ưng ý nhất đưa cả về chùa, cho ngồi dự khóa lễ cầu duyên mà các thiền sư đang tụng niệm.

Các sư tăng vẫn đi vòng quanh đàn tràng. Vừa đi vừa niệm. Tiếng chuông, tiếng mõ điểm xuyết đều đều khiến mọi người có cảm giác các thiền sư đang đưa hồn họ vào cõi giới huyền diệu. Trời không gió, bỗng nhiên cây trường phướn treo tại cột lớn chính giữa sân chùa rung lên bần bật rồi bay cuộn lên, thoảng lại rủ xuống.

Đại lão thiền sư chủ lễ đàn tràng nói nhỏ với sư đi

kế: “Hoàng thượng sắp tới đó”.

Thật vậy, những bậc minh sư thường nhận biết sự vật từ khi nó đang hình thành, còn các bậc uy đức mỗi khi xuất hiện thường có điềm triệu.

Dường như được mật báo, đám giám thừa và chi hậu nội nhân đã dẫn những cô gái mà họ cho là “đẹp nhất hoa khôi” do họ lựa được trong ngày hội đầu tiên của Lỗi Hương và đang cùng nhau đi về phía hoàng thượng mong làm hài lòng đáng chí tôn. Họ gặp nhà vua khi còn cách chùa chừng vài ba trăm bước. Viên giám thừa cúi gặp người chào nhà vua rồi nói lấp bắp:

- Muôn tâu! Muôn tâu đức kim thượng, chúng thần đã lựa được những chúa xuân này về dâng bệ hạ. Y vừa nói vừa chỉ tay về phía các mỹ nhân.

Dân chúng xúm quanh rất hoan hỷ khi thấy nhà vua tươi cười nhìn các người đẹp. Một thoáng vua ban lời:

- Tạ ơn dân Lỗi Hương đã vì ta mà mở hội, lại vì ta mà đến dự hội. Các cô gái này quả là những hoa thơm của đồng nội. Ta ban cho mỗi người một đỉnh bạc vì có các người mà bức tranh làng quê thêm đẹp. Vua nói dứt lời, viên chi hậu nội nhân vội mở tráp lấy bạc trao cho bảy cô gái. Biết ý nhà vua không chấm cô nào, viên giám thừa liền nói, giọng the thé:

- Các người cứ đi chơi hội rồi về hẳn nhà thôi không phải tìm gặp ta nữa.

Thoát nhà vua đã tới công tam quan. Ngài dừng lại ngắm toàn cảnh ngôi chùa rồi cúi đầu vái vọng ba vái. Các người tùy tùng và dân chúng thấy vua vái cũng nhất loạt vái theo.

Lúc này mọi người đứng ở hai bên tam quan và phía sau mới dám ngắm nhìn dung nhan hoàng thượng. Đức vua có vóc người cao lớn, trán rộng, mắt to, lông mày hơi xếch, mũi thẳng, lưỡng quyền rộng, cằm vuông, môi hơi dày màu tươi nhuận, nước da trắng, tóc dày, cứng mà đen nhức. Nom nhà vua có cái uy của bậc tướng võ, nhưng khi lời nói phát ra lại có khí nhu hòa thân ái của bậc thánh nhân, khiến hễ ai đã nghe đều đem lòng kính phục, và đó là sự kính chúa tại tâm chứ không hề có sự gò ép khiên cưỡng nào cả.

Nhà vua năm nay vừa tròn bốn mươi tuổi, cái tuổi khiến người ta chững chạc. Tuy nhiên, nhà vua là người có cái tâm hòa ái cùng cái tuệ giác nên gương mặt người phảng phất nét siêu thoát, nếu không có ba lần ngấn trên vầng trán cao kia thì đời chỉ nhìn nhận ngài như một chàng trai non ba chục tuổi.

Bữa nay nhà vua phục sức thật là giản dị. Áo thụng tía, tay chèn như tay áo của các võ tướng, khăn vành dây bằng gấm tía quấn trùm lên búi tóc nom nhà vua như một văn nhân.

Đàn lễ xếp theo hình tháp Tu- pa¹ chín tầng. Mỗi tầng thấp chín ngọn nến, chín chén nước, chín phẩm oản, chín bát hoa và chín ngọn phướn. Đình tháp đặt tượng Thích- ca- mâu- ni ngồi kiết già, trước tượng đặt một ngọn nến, một lư trầm đang tỏa khói, mùi thơm phủ khắp lễ đàn. Các sư tăng hành lễ diễu quanh tháp Tu- pa vừa đi vừa niệm kinh.

Vua Thánh Tông không nén giấu nổi xúc động, nhà vua nhìn lên đình tháp vái chín vái, sau đó vái đáp lễ các sư tăng đang chạy đàn ba vái.

Đại lão thiền sư bước ra khỏi hàng vái nhà vua một vái. Nhà vua vái đáp lễ. Một vị tiểu hòa thượng bê ra một chiếc khay trên đó đặt mũ vải. Đại lão thiền sư chụp chiếc mũ hoa sen lên đầu nhà vua, lại quàng tấm áo cà sa màu vàng tươi lên vai nhà vua.

Đội mũ, mặc áo xong thiền sư dẫn nhà vua vào lễ Phật, sau đó vua nhập vào hàng cùng các sư cầu nguyện. Nom nhà vua từ y phục tới cách hành lễ đều thuần thực, nhất là gương mặt từ ái thật chẳng khác gì một bậc chân tu.

Các tăng vừa niệm “Đại bi thập chú”, khi có nhà vua tham dự liền chuyển sang niệm “Đại minh chân

1 Tu- pa tiếng Ấn Độ có nghĩa là Đại giác. Tháp này do vua A Dục xây vào thế kỷ III sau Công nguyên, ngay cạnh cây Bồ đề nơi Phật Thích- ca thành đạo.

ngôn". Vì rằng nhà vua là người đầu tiên lập chùa thờ Quán Thế Âm Bồ tát ở Đại Việt chỉ qua một giấc mộng. Và hiện thời nhà vua đang có sở nguyện, sở cầu...

Đại lão thiền sư vừa khai giọng: - Nam mô viên thông giáo chủ (mọi người liền hòa theo) đại từ đại bi tâm thanh cứu khổ cứu nạn linh cảm Quán Thế Âm Bồ tát ma ha tát.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm Bồ tát,

Giải kết giải kết giải oan kết.

Giải liễu đa sinh oan hòa nghiệp,

Tẩy tâm địch lự phát kiên thành.

Kim đối Phật tiền cầu giải kết,

Giải liễu tiền sinh oan trái nghiệp.

Bách thiên vạn kiếp giải oan thù,

Vô lượng vô biên đắc giải thoát...

Nhà vua như lý hội được lời kinh, bởi trong các cuộc đánh dẹp biết đâu chẳng có người bị chết oan uổng do binh lính của ngài gây ra, hoặc trong nước thiếu gì các vụ án oan, các người chết vì oan khuất, với cương vị là người chủ của cả nước ắt ngài phải chịu trách nhiệm. Vì thế mà nhà vua cảm như trong mình hàm chứa nhiều nghiệp chướng, tự dựng nước mắt cứ ứa từ hai khóe mi khi đọc đến lời kinh:

... Ma ha hội lý hữu thù luật,

Nhất thiết oan gia ly ngã thân.

Ma ha Bát nhā ba la mật,

Nam mô giải oan kết Bồ tát ma ha tát...

Khóa lễ hoàn tất vào giữa giờ thân. Hoàng thượng nói lời cảm tạ nhà chùa cùng chư vị sư tăng đã vì người mà phải vất vả.

Các nhà tu hành đều tỏ ra hoan hỷ khi được tham dự vào công việc thế gian hy hữu này. Ai cũng cho đó là một phước duyên từ a tăng tì kiếp.

Giã biệt mọi người, nhà vua cùng đoàn tùy tùng trở lại Thăng Long.

Một đoàn ngựa chạy đường trường đã thẳng sẵn yên cương chỉ chờ nhà vua cùng các quan hộ giá lên đường. Nhà vua cưới con Bạch Long với bộ yên cương mạ vàng nom thật là lộng lẫy.

Lại nói về bà Tuất và cô Khiết với ngày hội làng. Bà Tuất thì dù vua về làng hoặc trời về làng hoặc kẻ cha căng chú kiết nào về cái làng này thì cũng thế cả thôi. Di cháu bà nếu không hai sương một nắng, không hai tay vầy lỗ miệng thì rã họng ra chứ có ai thí cho hạt lúa củ khoai mà mong. Với bà Tuất thì đèn các nhà, đèn làng thấp sáng thâu đêm chỉ tổ chói mắt, tốn dầu chứ có đẹp đẽ gì; pháo đón vua nổ râm ran điếc cả tai;

còn trống chèo, trống vật lùng tùng rộn rã suốt ngày đêm cứ như là làng có cướp đến không bằng. Bà Tuất đứng đưng với hội làng bởi chung bà chẳng có may mắn quyền lợi gì ở đó. Với bà lúc này quan yếu hơn cả là mấy lá tầm đang ăn rồi. Cho nên việc chăm bẵm cho hai lá tầm lúc này là cơm là áo của cả hai dì cháu. Bà lo việc cho tầm ăn, thay ổ và kiếm dây thòng bong hoặc tuốt cọng rơm để làm chỗ cho tầm cuộn tổ nay mai, khiến bà không còn kịp cả ăn uống nữa còn hơi sức đâu mà nghĩ đến hội. Giàu có dư dật gì đâu, trẻ trung thanh nhàn gì đâu mà dú dờn. Bà lo việc ở nhà còn Khiết phải lo việc hái dâu. Nhà có một sào đất trồng dâu ở ngoài đồng mãi gần đường cái quan. Cho nên mờ sáng Khiết đã phải quây dôi giỏ đựng dâu dài gần bằng chiều cao của cô, vừa đi vừa chạy vừa gặm vài bắp ngô luộc thay cho bữa ăn sáng. Tới nơi mặt trời vẫn chưa lên, sương còn đọng ướt lá, lại phải đi rung từng cây một, giữ hết sương rồi mới hái. Nếu dâu ướt sương, tầm ăn vào đi ỉa chấy cứ rạc đi rồi chết. Tầm mà chết vì dâu, chắc bà đi ghẻ không để cho Khiết sống yên ổn. Mãi miết hái từ cành thấp đến cành cao, hái cây nọ hết mới hái sang cây kia thì dâu mới ra đúng lứa. Khiết sợ nhất những cành cao vồng phải trèo lên cây lấy kèo nèo vít xuống mới hái được. Luôn tay hái không nghỉ ngơi từ sớm tinh mơ

đến chuông chùa báo ngộ¹ mới nhét đầy hai giỏ lá. Lá nén chặt nặng lặc lè nhưng vẫn phải ba chân bốn cẳng chạy về để kịp cho tầm khởi đói. Tầm ăn rồi mà đói dâu thì cả nong tầm hàng ngàn con cùng ngóc đầu lên ngộ nguậy như dẫu con trở chợ, mà ghê ghê rờn rợn tựa như cá ngàn con rần cùng ngóng cao đầu chỉ lăm le mổ vào bất kỳ ai mà nó gặp.

Tãi hết dâu ra nong ra nia, ăn bốc ăn bả quáng quàng cho xong rồi lại khoác giỏ đi hái buổi dâu chiều, để có lá cho tầm ăn đêm.

Chiều nay, Khiết vừa hái dâu vừa cảm thấy mệt mỏi rã rời. Cô nghiệm ra ở đời không có gì cập rập vội vã như khi tầm ăn rồi. Nhất là nhà neo đơn chỉ có hai dì cháu. Đâu đó tiếng reo như nổ trời từ trong làng vọng ra. Khiết thầm đoán, chắc là ở gốc đu rồi. Ai đó đã giật được lá cờ cắm trên đỉnh cột đu. Cô đã hình dung ra cái cảnh người giật giải. Cột đu là những cây tre bương to và dài tới mấy chục sải tay. Sức như sức của Khiết mà có đánh đôi với một người nào đấy ra sức nhún cho chạc đu vượt qua sáu hàng cột cũng mệt ù cả tai. Thế mà người đánh giải chỉ một mình nhún cho chạc đu dựng ngược lên như thẳng đứng mới chạm được vào lá cờ. Quá đi một tí, chạc đu vạt sang phía bên

¹ Nông thôn nước ta cổ xưa, dân chúng chỉ nghe báo giờ qua tiếng chuông chùa theo khóa lễ. Giờ ngộ là giữa trưa (12 giờ).

kia thì thân người đập vào các ngọn cột vót nhọn, nó sẽ xuyên thủng qua thân như xiên chuột nướng. Chao ôi, Khiết rùng mình nhắm mắt nhớ lại giải đu năm xưa, nhà anh Mộc xóm Đông ăn giải nhất khiến cả làng tâm phục nhưng cũng làm cả làng hú vía. Ai đời anh ta rướn cho chạc du lộn ngược lên, bụng chắm vào lá cờ, cả sợi đu nín thở chờ xem anh ta giơ một tay ra tuốt lấy lá cờ rồi ngừng đu mà lấy giải. Ai đời anh ta cứ đắp dứ cho cờ chắm bụng tới lần thứ ba mới chịu tuốt cờ, khiến cả làng vừa lo sợ, vừa sung sướng reo hò như sấm động. Năm nay chắc lại thế chẳng.

Khiết đứng tựa hẳn thân mình vào thân cây dâu to như thân cây cau lão lang nhìn về làng, nơi ấy người ta đang vui chơi hè hội. Loáng cái đã nghe thấy tiếng lộp cộp như có cả một đoàn ngựa đang xốc tới, cô ném tầm nhìn về phía đường cái quan. Eo ơi, cả mấy chục con ngựa chạy rầm rập của đám quan quân, chắc họ từ hội làng đi ra. Bỗng nhiên thấy đoàn ngựa ghim đứng lại. Dường như họ nhìn về phía mình, lại có mấy người đi về phía Khiết. Không hiểu có gì xảy ra, cô cứ tựa thân cây dâu nhìn xem có chuyện gì.

Chẳng có chuyện gì ghê gớm, chỉ vì nhà vua thoáng nhìn về phía ruộng dâu thấy có bóng giai nhân đứng tựa thân cây. Lại ở trên đầu người ấy có quãng mây tía như là một chiếc tàn che. Nghĩ vậy, nhà vua cùng đoàn tùy tùng đều đã xuống ngựa. Quan nội hầu báo cho

Khiết là nàng được đức kim thượng hạ cố và ông ta dẫn Khiết nương đi bệ kiến. Vừa thấy long nhan, ngài chưa kịp hỏi, Khiết đã quỳ lạy:

- Tháo dân xin kính chào bệ hạ.

Nhìn vào đôi mắt sáng lạ thường, gương mặt xinh tươi, trong trẻo và giọng nói bình thản của người con gái trong lòng nhà vua thấy có gì ấm áp, thật khác xa những người con gái khác mà vua đã gặp trong hội này. Họ quả có xinh đẹp, nhưng sao lòng ta lại nguội ngắt. Nhưng với người con gái này thì lại khác. Vua liền hỏi:

- Sao ngươi không đi dự hội?

- Tâu bệ hạ nhà thiếp nghèo không có tiền mua sắm đồ hội.

- Vậy chớ cha mẹ ngươi không sợ đắc tội sao?

- Tâu, cha mẹ thiếp đều mất cả rồi. Thiếp ở với mẹ kế. Mẹ kế không có con nên cả hai đều vất vả. Nhà nghèo lại chẳng có nhan sắc hơn người nên chẳng dám đua đòi. Vả lại mẹ kế thiếp đã bảo: “Chuông khánh còn chẳng ăn ai. Nữa là mảnh chĩnh ở ngoài bờ tre”. Dạ, thân lươn sao dè con thiếp chẳng sợ mệnh quan, nhưng vì nghèo quá không theo được chớ dẫu dám kháng mệnh. Mẹ kế thiếp hứa nếu lứa tầm này đậu, mà sang năm bệ hạ lại cho mở hội, mẹ kế thiếp sẽ cho lựa may áo dài. Dạ, dì con thiếp vì nghèo quá không đến hội được, xin bệ hạ nhân từ tha cho tội chết.

Nhà vua động lòng trắc ẩn lại hỏi:

- Vậy chớ người làm gì lại đứng tựa cây nhìn quan quân, người không sợ mắc tội sao?

- Tâu bệ hạ thiếp hái dâu mệt quá đứng tựa gốc dâu mà nghỉ. Thấy người, ngựa di qua đẹp quá thiếp mãi nhìn chớ đâu dám nghĩ đến có đại hồng phúc mà được diện kiến long nhan.

Nhà vua mỉm cười nhân hậu:

- Ta không bắt tội, nhưng cho nàng về cung, nàng có chịu theo ta không?

- Tâu bệ hạ, phận bèo bọt, thiếp không dám mơ đến điều đó. Xin bệ hạ để cho thiếp đi hái dâu kéo lờ bữa dâu chiều tầm đôi, mẹ ghẻ thiếp lại quở phạt.

Dám quan nội hầu thấy nàng từ chối bèn ghé tai nói nhỏ: “Sao người không tạ ơn hoàng thượng rồi theo người về cung. Đại phúc, đại hỷ rồi đó. Hoàng thượng cho đổi đời, sao còn cam phận làm cô gái hái dâu”.

- Thôn nữ, vua nói: - nàng là người con có hiếu. Thôi được để ta sai người hái dâu rồi đem về nhà cho nàng, nàng theo ta xuống thuyền.

Thay vì đi ngựa, nhà vua đã đổi ý, lai kinh bằng thuyền. Thấy vua nói “cho về cung” thoạt đầu Khiết thấy lo lắng. Chợt nhớ bữa ra chùa làm công quả, thiền lão thiền sư gọi lại bảo: “Thí chủ, con sắp có hỷ tín”. Chắc là chuyện gặp vua đây. Khiết thắm reo ở trong

lòng: “Phép Phật sao mầu nhiệm. Con quyết đáp đền công ơn Phật tổ, suốt đời làm điều thiện”. Nghĩ vậy, Khiết vững tâm theo nhà vua xuống thuyền.

Tin Lê Thị Khiết, con cô nhà ông đồ Lê Trung Lương đang đi hái dâu được vua vời vào cung bay khắp Lỗi Hương. Nhà chùa đóng chuông báo tin vui. Pháo nổ râm râm khắp các nẻo đường làng. Nhà nhà, ngõ ngõ đều đốt đèn lồng treo trước cửa. Đêm xuống nhưng Lỗi Hương rực sáng niềm vui.

Đám chức dịch trong làng nhận mệnh từ nay phải cử người đến nhà bà Tuất làm các việc thay cô Khiết. Việc đầu tiên là họ hái hai giỏ dâu chặt cứng đem về và báo các việc về Khiết. Bà Tuất nghi ngờ hỏi:

- Vậy chớ con Khiết nó đi hái dâu, nó làm sao mà các người phải gánh dâu về đây?

Một người sảng giọng đáp:

- Nay bà Tuất, nhà bà đại phúc, ghé bóng cầu rợp nơi cửa ông đồ, nay được hưởng lộc còn chưa biết điều.

- Giời ơi đây lại là chuyện thật sao?

- Việc vua việc nước, kẻ nào bỡn cợt chỉ có mất đầu.

- Vậy tôi phải làm gì bây giờ, xin các ông các bà cho tôi biết?

- Sửa lễ ra chùa tạ ơn Phật tổ. Sửa lễ xin làng tha

tội vì đã không cho cô Khiết đi hội.

- Được rồi! Được rồi! Các việc ấy ngày mai tôi sẽ làm. Nhưng không biết con Khiết nó có bỏ qua cho tôi không. Khiết ơi, hãy tha tội cho đi. Dì có ác ý gì với con đâu, chỉ vì nhà mình nghèo quá con ơi!

Đêm xuống, bà Tuất nửa lo, nửa mừng. Nhưng rồi bà cũng lịm chìm trong giấc ngủ với niềm vui chấp chới.

XV

Xuống thuyền được một lát, nhà vua đòi người thôn nữ hái dâu buổi chiều lại hầu.

Mặt trời gác núi để vương những tia nắng màu đỏ gắt nhuộm hồng làn nước sông và hắt vào khoang thuyền một màu đỏ nhạt.

Khiết nương vận váy áo bằng loại vải thanh cát, chân trần đi giữa hai thị nữ thướt tha trong bộ y phục dài quét đất, nom như hai con công kéo lê cái đuôi sặc sỡ của nó trên sạp thuyền.

Nhà vua ngồi tựa lưng bên chông gối xếp lạng ngấm mặt trời chiều đổ bóng trên cánh đồng lúa xuân chạy hun hút theo triền sông. Nom gương mặt nhà vua bình thản tới mức như ông đã hòa vào với cảnh sắc thiên nhiên mà ông đang thu vào trong đáy mắt.

Bỗng hai thị nữ quỳ xuống trước nhà vua và cùng nói:

- Tâu bệ hạ.

Vua Thánh Tông quay lại nhận ngay ra cặp mắt người con gái mới gặp lần đầu đã để lại trong lòng ngài một cảm giác ấm áp như người bị lạnh giá vừa được sưởi ấm. Nhà vua vẫy tay cho hai thị nữ lui ra.

Hai nàng cúi lạy đi giật lùi ra phía ngoài khoang thuyền, mắt họ vẫn nhìn chăm chú vào người thôn nữ đứng trơ lại một mình.

Hai thị nữ hết nhìn nhau lại nhìn Khiết nương như thăm nói với nhau: "Con bé quê mùa kia chẳng biết lễ luật phép tắc gì. Ai đời đứng trước vua mà nó còn không biết đường quỳ xuống vái lạy nữa chứ!".

Khiết vẫn đứng trước long nhan. Thực tình nàng bối rối không biết phải làm gì.

Nhà vua phú lên nàng cái nhìn độ lượng, ngài mỉm cười phán:

- Ta cho nàng ngồi xuống.

Khiết vội vã quỳ lạy:

- Thiếp vốn quê hèn không biết lễ luật, lại lần đầu được thấy long nhan, nên run sợ, xin bệ hạ tha tội chết.

- Kẻ biết lễ mà phạm lễ mới có tội, nàng không biết, sao lại gọi là có tội. Ta cho nàng được tự nhiên như ở nhà. Về triều, sẽ có lễ nghi học sĩ dạy cho nàng biết

phép tắc trong cung. Ta miễn lễ, không phải quỳ nữa, nàng cứ ngồi xuống để ta hỏi chuyện.

Khiết cúi đầu lễ nhà vua ba lễ:

- Thiếp căn cứ đội ơn bệ hạ.
- Vậy chớ tên họ nàng là gì?
- Tâu, thiếp họ Lê tên Khiết ạ.
- Cha mẹ nàng làm gì, cơ sao mất sớm?

- Tâu, cha thiếp họ Lê tên Trung Lương, làm nghề dạy học. Sau trong hạt có nhiều người đau yếu mà không có thầy lang, cha thiếp thôi dạy học, qua làm thuốc. Cách đây mấy năm trong vùng có nạn dịch sốt, đậu, cha thiếp đêm hôm đi thăm bệnh, chữa trị không xuể sức kiệt dần lại nhiễm bệnh phong hàn rồi qua đời. Trước đó mẹ thiếp mắc bệnh phế viêm rồi đứt mệnh.

Nghe Khiết nói, nhà vua chợt nhớ đã có lần thái sư Lý Đạo Thành nhân có một ông đồ nào đó cáo về việc dân tình không được săn sóc về đường sức khỏe, xin triều đình gia ân. Nhà vua cảm thấy hơi áy náy.

Vua lại hỏi:

- Nàng có được học hành, có biết chữ?
- Tâu bệ hạ, cha thiếp có dạy cho được ít nhiều.
- Nàng đã đọc những sách gì?
- Tâu, cha thiếp có cho đọc mấy bộ sử.
- Chẳng hay nàng đã đọc sử nào?

- Tâu, trước hết là Sử ký của Tư Mã Thiên, rồi Tiền Hán thư, Hậu Hán thư của hai nhà Ban Cố, Phạm Việp. Cuối cùng là Kinh Xuân Thu của Khổng Tử.

- Đó là những bộ sử của muôn đời. Vậy chớ nàng có hiểu được kinh văn?

- Tâu, thiếp tuổi đời non nớt, kiến văn hạn hẹp chỉ xem để biết như một sự tò mò của tuổi trẻ chứ thực không hiểu được ý nghĩa sâu xa của kinh, truyện.

- Phụ thân nàng không giảng cho sao?

- Tâu, cha thiếp chỉ nói sơ sơ. Người dạy phải đọc nhiều lần, phải trải đời mới hiểu sử. Về kinh Xuân Thu, cha thiếp bảo Khổng phu tử soạn chủ yếu cho các bậc quân, hầu.

- Cha nàng nói đúng đó. Đọc sử để hiểu phải đọc bằng trí và bằng tâm nhưng phải trải đời mới thấu được thể thái nhân tình. Vì thế, nhiều người đọc sử mà vẫn không hiểu được lịch sử. Chẳng hạn như kinh Xuân Thu, dụng tâm của Khổng Tử soạn ra nhằm trao cho các đấng bậc quân chủ một tấm gương soi vào đó để tránh điều dờ, điều ác nhưng có phải ai cũng học được để mà tránh dâu. Thành thử thiên hạ vẫn loạn nhiều hơn trị.

Nhà vua ngừng lời ngẫm nhìn người thôn nữ mà ngài thấy có nhiều nét đáng yêu. Ngay cả học thức nữa, xem ra nàng còn hiểu biết hơn nhiều các cung nữ con nhà thế gia. Vua lại hỏi:

- Vậy chớ sau khi song thân của nàng qua đời, nàng có còn được học nữa không?

Về ngậm ngùi, Khiết thưa:

- Tâu bệ hạ, song thân thiếp qua đời, cảnh nhà trở nên sa sút. Hai dì cháu đều là đàn bà chân yếu tay mềm, gặp những năm trái thì tiết thật là cực nhọc mà thóc lúa thu được ăn còn chẳng đủ, sao dám đua đòi học hành nữa. Vả lại ở nước ta đàn bà biết chữ cũng chẳng để làm gì cả.

- Thôi được, nếu nàng còn muốn học, về cung ta sẽ tìm thầy dạy cho. Về cái tên của nàng, ta muốn cải đi. Bởi lúc ta trông thấy nàng đứng tựa gốc dâu, nhưng sao lúc ấy ta cứ nghĩ đó là cây lan. Cây ngọc lan ấy, nàng tựa gốc lan, có nghĩa là "ý lan". Vậy từ nay ta ban tên nàng là Ý Lan nghe chưa. Họ, thì nàng vẫn cứ giữ lấy họ cũ.

- Tạ ơn hoàng thượng đã ban mỹ danh cho thiếp.

Nhà vua hỏi han những điều bình dị, lại tỏ thiện cảm, nên Ý Lan vừa bớt nỗi tủi vì thân phận quê hèn, vừa bớt nỗi sợ hãi vì từ nhỏ ít nghe nói đến vua chúa sao dám nghĩ đến việc được thấy cả mặt trời.

Chuyện trò đưa đẩy, quăng đường như ngấn lại, chẳng mấy chốc thuyền đã cập bến sông Tô.

Dám thị nữ cùng mấy viên quan nội hầu dẫn Ý Lan lên bờ. Vừa bước lên tám ván đã nhìn thấy vô vàn

những bóng trăng lưỡi liềm lấp lánh trên mặt nước lao xao sóng vỗ.

Đám quân Long Tiệp rước nhà vua lên kiệu về cung. Các quan nội hầu, các cung nữ cùng lính hộ giá đã có đoàn xe song mã đang chờ sẵn.

Xe đậu trước thềm cung Long Thụy, lũ thái giám xách đèn lồng ra lóc xóc trước cửa cung như những con vịt đục cứ ghé cái mỏ vào sát đầu nhau phát ra những tiếng lào phào.

Ỗ Lan theo đám cung nữ đến trước thềm cung Long Thụy, họ bảo nàng đứng lại chờ người dẫn về phòng, còn họ ríu ran trở về cung Thúy Hoa.

Quan chi hậu cục thủ liền hỏi đám thái giám:

- Giám thừa của các người đâu?
- Dạ bẩm quan giám thừa đang ở biệt phòng bên tả cung này ạ, - một viên thái giám đáp lời.
- Người di mời ông giám thừa tới đây nhận mệnh.

Thấy nói "nhận mệnh", viên thái giám vội chạy đi tìm giám thừa. Một lát thầy trò y đã trở lại.

Giám thừa đứng trên thềm diện, nói giọng the thé:

- Tả giám thừa tôi xin được nhận mệnh.

Quan chi hậu cục thủ người đồng cao, bước đi dĩnh đạc, tới trước mặt viên tả giám thừa, ông sửa mũ,

xốc áo cho nghiêm chỉnh rồi nói:

- Hoàng thượng khẩu dụ cho ty thái giám phải sắp xếp cung thất, y phục cùng là ẩm thực cho tân cung nữ Ý Lan một cách ưu biệt, kính cẩn chứ không phải như các cung nữ khác.

- Phụng chỉ! Viên tả giám thừa đáp lời quan chi hậu cục thủ. Sau đó đám thái giám dẫn Ý Lan nhập cung.

Vì có khẩu dụ của hoàng thượng, nên đám thái giám hết lòng hầu hạ và chỉ bảo cho Ý Lan những điều cần thiết nhất mà không dám dò hỏi quà cáp hoặc một điều hứa hẹn nào.

Một vài ngày nghỉ ngơi Ý Lan được Chiêu nghi¹ dạy cho cách sử dụng trang phục theo ngày thường, ngày lễ, theo mùa và cách trang điểm phấn son, cách dùng đồ trang sức như phấn, khuyên tai, vòng cổ, dây xà tích, khăn trầu...

Sau đó nghi chế ty cử bà lễ nghi học sĩ² đến huấn hỡ cho Ý Lan về lễ nghi triều điển cùng các ngày khánh tiết trong triều, về phẩm cấp quan lại nhận biết qua sắc áo, mũ, đai, xe, kiệu...

1 Theo "quan chức chí" của Phan Huy Chú thì Chiêu nghi là một chức nữ quan, danh hiệu của cung tần bậc cao.

2 Lễ nghi học sĩ có ba phẩm cấp: Điện đại học sĩ, Đại học sĩ và Học sĩ.

Ý Lan là một cô gái quê mới nhập cung mà nhanh nhẹn, sáng ý, chữ nghĩa tinh thông, dám hỏi lại các điều chưa tỏ rõ, khác với các cung nữ khác con các nhà thế gia thì hờm hĩnh, coi như cái gì cũng biết cả không thèm học, chẳng cần học, lại không như các cô gái xuất thân quê hèn thì sợ sệt chẳng dám mở miệng hỏi han điều gì.

Không những thế, Ý Lan còn sớm hé lộ tuy chưa có gì hiển lộ về tư chất của những bậc mẫu nghi thiên hạ. Nhiều năm hầu hạ ở trong cung bằng linh cảm của mình, bà lễ nghi học sĩ nhận ra nơi Ý Lan có phẩm chất khác thường. Vì thế bà đem lòng quý yêu và chỉ dẫn cho nàng các điều sơ sẩy mà các cung nữ thường gặp trong phép ứng xử với thái hoàng thái hậu, với chính cung hoàng hậu, với các cận thần của nhà vua. Bà lễ nghi học sĩ có đôi lần nói xa nói gần về quyền uy và cả sự thâm hiểm của các quan giám. Nhiều cung nữ được yêu vì hay khô héo một đời hoa đều do nơi các thái giám mà ra. Ngay cả vận mệnh các đại thần đôi khi cũng nằm trong tay các quan giám. Cho nên cư xử với các thái giám là phải hết sức thận trọng.

Ý Lan nhận ngay ra những điều khinh, trọng mà bà lễ nghi học sĩ đã răn dạy một cách kín đáo. Nàng thâm thú: “Chắc là Phật độ cho ta, nên mỗi bước đi là một may mắn, cố quý nhân phù trợ”.

Chừng nửa tuần trăng kể từ khi Ý Lan vào cung, viên đô thái giám, bà dung nghi, bà lễ nghi học sĩ đều lần lượt tâu báo với nhà vua về cung nữ Ý Lan là một người có tư chất khác thường. Cứ như là người được sinh ra trong chốn quyền môn. Bởi nàng tiếp nhận các điều mới mẻ rất nhanh và hành xử dường như đã thuần thục ngay sau khi vừa học. Từ lời ăn tiếng nói, cách trang điểm, phục sức, đi đứng, nói năng, nghi thức, lễ luật... thấy đều tinh thông chẳng kém gì các cung nữ đã nhập cung từ ba bốn năm trước.

Đô thái giám tâu với hoàng thượng đủ mọi việc, ngoại trừ việc tay chân của y đòi huấn hớ cho Ý Lan về cung cách hợp cần, cũng như cách làm cho nhà vua sướng khoái tới mê man nhằm giữ cho nhà vua năng đi lại đã bị Ý Lan phản bác. Nàng nói:

- Nhà vua vì thuận mắt đưa ta về cung. Ta lấy lòng đoan chính để tôn thờ hoàng thượng, các người không được nói điều nhảm nhí.

Chính việc bất tuân của Ý Lan và cả lời mắng của nàng, khiến đám thái giám phải trọng nề. Thật ra họ nề nàng, vì đã có lời khâu dụ rất ưu biệt của hoàng thượng khi nàng vừa nhập cung.

Được nghe tâu báo các điều về Ý Lan, nhà vua rất hài lòng và ngài cũng nóng lòng muốn triều đình sớm hoàn bị mọi việc về lễ chế để nhà vua tấn phong cho

nàng được danh chính ngôn thuận.

Việc huấn hỡ về lễ nghi cùng các lễ luật trong cung cho Ý Lan coi như đã hoàn tất. So với các cung nữ khác, thời gian huấn tập ít nhất là ba tháng, thế mà Ý Lan chỉ mất có nửa tuần trăng. Các quan ai cũng khen là một sự lạ.

Đức kim thượng đã dụ bảo cho Ty Thái chúc và Tư thiên giám xem ngày lành và xem thì tiết để làm lễ tấn phong cho Ý Lan.

Lễ tấn tôn và ban kim sách cho Ý Lan diễn ra theo đúng điển lệ.

Đúng ngày, các đài, đô, sảnh, viện... các ty chức đều có mặt đầy đủ. Trước đó đã sai các quan đi làm lễ tế cáo trời đất cùng các tôn vị ở điện, miếu, các chùa, quán nơi nhà vua và hoàng hậu đã qua lễ bái cầu tự. Trong kinh thành cũng như ngoài tứ trấn, các danh lam, các đền miếu tổ hảo đều có các quan đến tế cáo.

Cuộc tế lễ để cáo việc mới nhập phi trong nhà thái miếu diễn ra theo đúng tuần tự, tới khi viên tán lễ hô: lễ tất. Cuộc lễ tế tới đây coi như đã mãn. Sau đó là lễ tấn phong nguyên phi, có kim sách và cả kim ấn.

Kim sách khắc chữ thảo, kim ấn khắc chữ triện được lễ quan bê vào cung đặt lên hương án.

Ý Lan ra trước hương án lạy bốn lạy. Nội thị lấy kim sách và kim ấn trao cho nguyên phi. Nguyên phi

đưa hai tay ra đỡ lấy nâng lên ngang trán rồi trao cho nữ quan cất vào hộp quý.

Sau đó nguyên phi sai chọn ngày để vào bái yết nhà Thái miếu, tạ ân hoàng thượng, bái yết Kim thiên hoàng thái hậu, yết báo hoàng hậu Thượng Dương.

Nguyên phi đi bái yết tại nhà Thái miếu xong thì sang cung Tuyên Đức để tạ ân hoàng thượng.

Chợt trông thấy Ý Lan, nhà vua không còn tin ở mắt mình nữa. Nàng thôn nữ cách đây gần một tuần trăng đã biến mất, mà trước ngài ngự là một mỹ nữ, một tiên nữ.

Quá thật, chỉ có ánh mắt của nàng là không có gì thay đổi. Còn như từ cách ăn mặc, điểm trang đến dáng đi lời nói, mọi hành vi cử chỉ đều đã thuần thục, nhà thiệp như một cung phi con nhà thế gia vọng tộc đã nhập cung lâu năm. Nhà vua thăm biết ơn Trời Phật đã ban cho ngài một vật báu hi hữu. Nhà vua đem lòng yêu dấu nguyên phi, và ngài có một niềm tin mãnh liệt rằng chính nàng sẽ sinh được hoàng nam. Vua bèn cho đổi tên cung Long Thụy thành “Lan cung”, bởi cung Long Thụy lại trùng tên với điện Long Thụy. Điện Long Thụy kế bên điện Diên Phúc, nơi thái hoàng thái hậu đang ngự, và phía sau là điện Nguyệt Minh, nơi Thượng Dương hoàng hậu giữ ngôi chính cung ở đó.

Từ bữa được tin nhà vua đi hội làng nhật được

một đứa thôn nữ đem về cung và người đem lòng say đắm, hoàng hậu Thượng Dương như người ngồi trên đống lửa. Bà nghiêng răng nói với đám thị nữ:

- Con tiện tì này to gan lớn mật, nó mới được nhập cung, được hoàng thượng yêu vì mà đã dám hỗn với ta. Nó đi lễ bái, đi tạ ơn khắp nơi nhưng lại không vác mặt đến diện Nguyệt Minh sao?

Vừa lúc đó thì có tiếng lao xao ở phía ngoài rồi có một thị nữ hốt hái chạy vào bẩm:

- Tâu lệnh bà, nguyên phi bên Lan cung xin vào yết bái hoàng hậu.

Thượng Dương chợt nghĩ: “Cô thôn nữ này đến chào mà không báo trước để ta kịp trang điểm. Nó định dùng sức trẻ lấn át ta chăng?”. Nghĩ vậy, bà sai thị nữ:

- Các người ra mời Ý Lan vào nhà bái đường nghỉ tạm, chờ ta một lát.

Sau đó hoàng hậu vào phòng điểm trang. Mười hai tì nữ chuyên hầu hạ việc trang điểm cho hoàng hậu hối hả bắt tay ngay vào việc. Đứa mang hương liệu xông vào mái tóc, khiến tóc có màu đen bóng, mềm mại và thơm phức. Đứa chải và vấn tóc. Đứa thoa phấn hương lên má, đứa tô môi son, đeo các đồ nữ trang, đứa vận xiêm y, đứa lựa hài... Trong khi đó mấy chục tì nữ khác trải thảm đỏ kín gian chính tẩm, hai bên kê hai hàng ghế sơn thên, mỗi hàng ba mươi sáu chiếc châu vào

chiếc đại phượng ý sơn màu anh vũ. Phía sau mỗi chiếc ghế là một thị nữ mặt hoa da phấn, xiêm y rực rỡ đứng hầu, trên tay mỗi người cầm một chiếc quạt lông chim hoặc một chiếc cần có gắn một chùm dây ngũ sắc. Hai bên tả hữu của chiếc đại phượng ý đặt hai chiếc ghế to hơn ghế thường và có vẽ chim phượng trắng.

Giữa lúc đó Ý Lan vẫn kiên nhẫn ngồi chờ trong nhà đại bái lạnh tanh. Nàng vẫn vui vẻ trò chuyện với mấy thị nữ được giám quản cử đến hầu, bọn này thuần là tay chân của Dương hoàng hậu.

Ý Lan mới chân ướt chân ráo vào cung, lòng trong trẻo sao biết được các điều sâu nông, các mưu kế độc hiểm chốn thâm cung. Mà đâu có linh giác mơ hồ nhận ra các sự việc chưa rõ hình hài cũng đành bó tay. Vì rằng nàng chưa có một ai thân tín, ngoài nhà vua có đôi điều ưu biệt. Tới mức khi được phong chức nguyên phi, có ấn vua ban hẳn hoi, nàng cũng chẳng biết dùng cái ấn ấy để làm gì. Điều chính yếu là nàng chưa thấu hiểu nàng có được quyền hành gì, trong khi Thượng Dương lại cho tay chân bưng bít khiến nàng chẳng khác gì một cung nữ bình thường.

Chừng nửa canh giờ sau, hoàng hậu Thượng Dương mới cho thị nữ sang nhà đại bái với nguyên phi Ý Lan vào chánh điện.

Ý Lan được thị nữ dắt tay dẫn vào đại sảnh. Nàng

vừa đặt chân vào tấm thảm đỏ, nhìn hai bên hàng ghế dài hun hút, và ngược nhìn nơi cuối thảm thấy một người trang phục lộng lẫy ngồi trên chiếc đại phượng ỷ¹. Nàng thầm nghĩ: Người này chính là hoàng hậu Thượng Dương. Càng tới gần càng thấy người này uy nghi đường bệ, có phong thái của bậc mẫu nghi thiên hạ. Bà đội mũ hoàng hậu có hai cánh phượng xòe về hai bên, trên đó đính những hạt kim cương lấp lánh. Vành mũ lại đính những viên hồng ngọc, và nơi giữa trán là một viên ngọc bích to bằng đầu ngón tay cái. Tất cả các màu hồng ngọc, bích ngọc và kim cương tỏa một thứ ánh sáng huyền ảo càng tôn gương mặt thanh tú của Thượng Dương nữa như phúc hậu nữa như từng trái..

Ý Lan đến yết bái chính cung với tấm lòng kính cẩn của một người mới bén mùi vương giả, trong tâm trạng nàng vừa vui vừa lo, nhưng vẫn là tâm trạng của một cô gái quê mộc mạc, chân thành. Nàng tự tin bước đi trên hàng thảm trải, hai bên cung nữ cùng hai hàng ghế sắp bày như là một sự phô trương, đe dọa; ngay cả điều đó cũng không làm cho nàng phải run sợ. Song có một cái gì đó rất mơ hồ khiến nàng hơi băn khoăn lo ngại, bởi quyền uy của bậc chính cung trong chốn cung cấm là tối thượng. Và nữa nàng cũng nghe không biết

¹ Chiếc ghế to như chiếc ngai của nhà vua sơn màu lông chim anh vũ vẽ chim phượng hoàng với màu sắc rực rỡ. Đây là ghế dành cho hoàng hậu.

bao nhiêu chuyện, các cung nữ vì mất lòng lữ thái giám, bị chúng ton hót khiến chính cung và hoàng thượng ghét bỏ, bị đẩy vào lãnh cung như một kẻ tội đồ đến trọn đời.

Ý Lan bước tới gần hàng ghế đầu thì quỳ xuống lạy hai lạy và nói:

- Kính chúc hoàng hậu vạn an.

Ý Lan vẫn cúi mặt xuống thắm không dám ngược nhìn hoàng hậu.

Về phía Thượng Dương, bà đảo con mắt nhìn Ý Lan từ đầu đến chân. Khuôn mặt non choẹt kia chắc chỉ hơn con gái ta một vài tuổi. Mà sao con bé quê mùa này dā vào cung rồi vẫn chưa biết cách ăn vận, điểm trang (Hoàng hậu Thượng Dương đâu biết Ý Lan cố giữ cho mình nét mộc mạc chân quê để khỏi bị soi mói vì có ý tranh cạnh với chính cung). Má không dồi phấn, môi đỏ là nhờ nước trầu. Xiêm y của bậc nguyên phi mà vận loàng xoàng như một cung nữ. Đám nữ tì hầu hạ thì khảng tảng, chủ một nơi tứ một nẻo. Phải, ta đã sai đám thái giám chỉ cho đứa thôn nữ này được ngang quyền với các cung nữ thôi. Ai dè, nhà vua mới nhật được nó từ gốc cây, từ bờ bụi mà dā cho ngay vào hàng nguyên phi. Chưa chi dā được sủng ái. Nó mà sinh được hoàng nam chắc là cả đám mỹ nữ cung tần, cả các thần phi, quý phi rồi đến hoàng hậu như ta, cũng xếp xó

hết. Nhưng công bằng mà nói, con thôn nữ này cứ nhìn kỹ sẽ thấy nó có nét đẹp khác thường. Mày ngài mắt phượng, cổ cao ba ngón. Riêng cặp mắt long lanh kia như có thần nhãn, còn lưng thì thắt đáy lưng ong, hai vai lại nở nữa. Cũ này vừa mấn dẻ vừa dề dề. Miên man nghĩ, hoàng hậu chưa cho phép Ý Lan được bình thân. Chợt nhìn xuống, Thượng Dương giật mình phán:

- Ôi ta cứ mãi ngắm dung nhan kiều diễm của nguyên phi mà quên mời nàng an tọa. Ta miễn lễ, nàng an tọa đi. Chỗ của nàng là ghế đầu đó. Từ nay gặp ta, nàng chỉ vái chào thôi chứ không phải quỳ lạy, nhớ chưa.

- Đội ơn hoàng hậu ban trọng ân.

- Nàng an tọa đi. An tọa rồi ta cùng nàng trò chuyện để làm quen với nhau.

Ý Lan ngồi vào chiếc ghế đầu tiên bên tả. Hai hàng bảy mươi hai thị nữ đứng sau ghế vẫn là thị nữ của cung Thượng Dương. Còn hơn một chục thị nữ của nguyên phi vẫn còn phải đứng chực ở ngoài hành lang đại diện.

Hoàng hậu ngồi trên ghế cao nhìn xuống nguyên phi Ý Lan với cái nhìn hạ cố. Bà hỏi:

- Nhân thân của nàng thế nào ta chưa được tường. Chẳng hay nàng có thuộc dòng dõi thế gia?

Nghe giọng người hỏi vừa kẻ cả vừa khinh thị, Ý Lan biết danh phận mình không đáng cho bà ta quan

tâm, nhưng nàng cũng đáp lời với vẻ tự tin của người biết tự trọng:

- Tâu lệnh bà thiếp phận quê hèn, sinh trưởng nơi thôn dã. Cha mẹ thiếp đều là người có học, đều mộ đạo. Cha thiếp làm nghề dạy học, sau chuyển qua làm nghề thuốc trị bệnh. Chẳng may cha mẹ thiếp đều sớm qua đời.

- Vậy chớ nàng ở với ai?

- Tâu, ít lâu sau mẹ thiếp qua đời, cha thiếp lại tục huyền. Bà không sinh được con, nên thiếp ở với dưỡng mẫu.

- Nàng có được học hành gì không?

- Tâu, thiếp chỉ học một được ít chữ rơi vãi của mấy người học trò của cha thiếp.

Ý Lan tự nhủ: “Đúng là người này cao ngạo, coi thiên hạ không ra gì cả. Được, hay để xem rồi đây ai có học, ai vô học”. Sự nhớ hoàng hậu đang hỏi, nàng vội đáp:

- Tâu, trước sau thì thiếp vẫn là kẻ thất học.

- Phải rồi. Nhưng việc có học hay vô học đối với cung phi đâu có gì hệ trọng. Điều hệ trọng nhất đối với người cung phi là công dung ngôn hạnh, là hầu hạ đức vua cho tận lòng trung và không được có dị ý. Kẻ nào đã vào cung mà còn có dị ý nếu không bị chém ắt phải lưu dầy. Nàng nhớ kỹ điều ta dạy chứ.

- Tâu hoàng hậu, thiếp xin ghi lòng tạc dạ, sống để bụng chết mang đi.

- Thôi được ta cho nàng về cung. Song phải nhớ hàng tháng đến chầu. Còn việc ăn ở, việc may mặc phải kiệm ước. Nên nhớ phận mình khi xuất thân như thế nào, chớ có hờm mình mà mang vạ. Vả lại, y phục phải xứng kỳ đức.

Ý Lan đứng dậy vái chào:

- Tạ ân hoàng hậu ban lời răn.

Từ điện Nguyệt Minh trở về sau buổi ra mắt chánh cung hoàng hậu Thượng Dương, nguyên phi Ý Lan cảm nhận rất rõ thân phận hèn mọn dù là trong chốn cung cấm nhưng cũng chẳng khác nơi thôn ấp.

Người đời thường nói: “Có của lấy của che thân”. Tức là dùng của nả để kết thân vây cánh làm tấm mộc che đỡ. Nhưng trong cánh ngọ của Ý Lan lúc này thật chẳng biết làm gì ngoài việc tuân theo sự vận hành của mệnh số.

May thay, từ sau bữa lễ tại nhà Thái miếu, lễ tạ ân hoàng thượng cùng các cuộc thăm viếng chào hỏi, nàng luôn được hoàng thượng thường đem ở lại Lan cung.

Bởi có hoàng thượng nâng lui tới Lan cung nên đám các quan nội hầu, thái giám ra vào hầu hạ nườm nượp. Ngay các quan ở khố ty cũng sắm sửa các đồ sang quý và trần thiết cung thất của nguyên phi chẳng kém gì

cung Thượng Dương. Đám thái giám luôn săn sóc, hầu hạ kể cả mách bảo Ý Lan không thiếu một điều gì.

Lại nói vua Thánh Tông từ khi có được Ý Lan nhà vua cứ đinh ninh rằng người này là do Trời - Phật ban cho ngài. Nếu không thì tại sao trên đường về cung ta lại nhận ra nàng. Mà có phải ta đã nhìn ra nàng ngay đâu, cái chính là ta nhìn thấy đám mây tía y hệt hình một chiếc tán trên bầu trời, chợt nhìn xuống mặt đất mới thấy hình một người đứng tựa gốc cây có đám mây phủ. Thấy sự lạ thì đòi lại xem duyên cớ ra sao, chứ đã biết đó là người trai hay người gái. Thế rồi mọi sự diễn ra cứ như đã có bàn tay sắp đặt.

Còn về đường ân ái, đúng nàng là một thôn nữ, chưa hề có bàn tay truyền nghề của bọn dâm kỹ do lũ thái giám bắt phải huấn hồ.

Nhà vua ở tuổi bốn mươi, ở tuổi cái gì cũng đang vào độ chín. Vả lại chuyện tình ái nam nữ thì ngài đã trải từ cái thuở mười bốn, mười lăm tuổi, lại được lũ ngự hỏa thực hết lòng cung phụng các đồ sơn hào hải vị theo thực đơn của các thầy thuốc giỏi nhất nước tụ về thái y viện, nên chuyện bùồng the chăn gối của ngài lúc nào cũng sung mãn, cũng tràn trề sinh lực, không chỉ với một hai mà với cả chục phi tần. Thế nhưng lần này nhà vua chỉ ưu biệt cho một Ý Lan mà thôi.

Phần Ý Lan, khi vào cuộc ái ân nàng vừa e thẹn,

vừa là lần đầu bỡ ngỡ nên không tránh khỏi sợ hãi và cả phần đớn đau thể xác.

Tuy nhiên, nàng được nhà vua yêu chiều, vuốt ve, nâng đỡ nên chẳng bao lâu nàng đã hòa hợp được với nhà vua bằng cung cách riêng của nàng. Chính nhà vua lại ưa thích sự thô mộc có vẻ quê quê của nàng hơn là bọn đã được nuôi dạy lọc lõi chốn tình trường.

Thấy Ý Lan có chút chữ nghĩa lại biết chăm chú lắng nghe nhà vua nói về các chuyện nhân thế, chuyện thời thế, đôi khi nàng còn dám hỏi lại cho vỡ lẽ, trong bụng nhà vua đã thấy mừng mừng. Vì rằng so với các phi tần khác, kể cả chính cung hoàng hậu Thượng Dương, họ chỉ chăm lo vun vén, kể cả kéo bè kéo cánh, cốt giữ cho bằng được cái địa vị của họ ở chốn hậu cung. Họ tìm mọi cách làm vừa lòng ta, để ta luôn đi lại với họ, hầu mong sinh được hoàng nam, thời cái địa vị của họ sẽ vọt nhảy lên hàng đầu. Ta biết trong các việc này có bàn tay kín đáo của lũ thái giám. Không hiểu sao cái đám hoạn quan này, ta vừa khinh ghét chúng, vừa không muốn dùng chúng. Có lúc ta đã muốn đuổi chúng đi cho khuất mắt, nhưng lại bỏ ý định đó. Hình như chúng cũng cần cho ta thật.

Riêng với Ý Lan, cái cô gái nhà quê côicút này, ta có linh cảm như nàng hợp với ta, nàng cần cho ta. Nghĩ vậy, nhà vua ướm hỏi:

- Nàng có muốn học hành cho mở mang nhân giới để có kiến văn tham bác tam giáo, biết đâu chẳng có cơ may giúp ta trong công cuộc trị bình.

Ý Lan không hiểu được những điều to lớn mà nhà vua nói, nhưng học hành thì đúng là khát vọng của nàng từ thuở tám chín tuổi, ông bà đồ dĩa có ý chăm chút cho con gái và thường khen: “Con bé chăm học, sáng dạ”. Tiếc thay cha mẹ mất sớm, nên việc học hành dang dở, hiểu biết đạo lý cũng dang dở nốt. Nay nhà vua lại nói chuyện cho ta theo học. Nàng sung sướng vái nhà vua hai vái:

- Tâu bệ hạ, học vốn là sở nguyện của thiếp. Cha thiếp thường dạy: “Nhân bất học bất tri lý”.

Nhìn gương mặt hờ hờ của Ý Lan, nhà vua hài lòng. Với giọng triu mến, ngài nói:

- Cha nàng đã dạy cái điều đáng dạy. Đúng thế, con người mà không được dạy dỗ tử tế, không được học hành để khai trí thời sao có thể lý hội được nhẽ phải quấy ở đời để mà hành xử theo đạo. Lại như không học rộng ra thì sao có thể mở được tâm tuệ mà nhìn cho thấu cái thế giới ta đang sống, nói chi tới “tam thiên thế giới” như Phật dạy.

- Tâu bệ hạ, kiến văn thiếp vốn nông cạn, đến nhìn một cái hương áp què mình còn chẳng thấu, nói chi đến chuyện nhân gian, chuyện thế giới. Tâu, là bởi cuộc

sống nó bó buộc thôi ạ.

- Nàng thử nói các việc thường làm trong ngày ta nghe?

Ý Lan giật thót mình tưởng như đang ở quê nhà với hàng trăm việc có tên, việc không tên níu kéo suốt từ ngày nọ qua ngày kia, hết năm này sang năm khác như một định mệnh đau buồn không thể gỡ bỏ. Chợt nhớ nhà vua hỏi, nàng vội tâu:

- Bệ hạ thương tình đoái hỏi, thiếp không dám giấu. Nhà thiếp chỉ có hai di cháu, cảnh rất neo đơn. Nền làm tối mày tối mặt vẫn không thoát được cảnh nghèo. Sớm, từ đầu canh hai đã phải dậy dem rơm cỏ vào chuồng cho trâu ăn. Sau đó nấu cám lợn, nấu cơm sáng. Ăn sáng xong thiếp đi hái dâu, chiều về vừa chăn trâu vừa cắt cỏ. Ấy là một tháng di con thiếp chỉ có tám ngày trâu, tức là ứng với một cặp trâu. Dạ, như thế là bốn nhà mới có một con trâu. Dạ, còn nhỏ cỏ lúa, rồi cấy, gặt cứ việc nọ gởi việc kia quanh năm ngày tháng.

Tâu bệ hạ thiếp không nghĩ rằng di ghê của thiếp là người ác. Bà chỉ lo hằng năm ăn tiêu rồi còn dôi dư được dăm bảy phương lúa, phòng những năm mất mùa còn có cái ăn. Dạ thiếp chỉ khổ nỗi cha mẹ khuất núi sớm nên mất đi chỗ tựa và tình thương. Người di của thiếp vì không có con nên bà sống như một cái cây đã cỗi cằn, không chồi lộc, nên bà không có khát vọng yêu

thương chăm chút của người mẹ. Chính vì thế mà thiếp chỉ âm thầm sâu khổ chứ không có chút oán trách bà.

Tâu bệ hạ, những khi chán đời chán sống, thiếp chỉ biết giải bày trước Tam bảo. Khi thì rì rầm cầu khẩn trước Phật tổ, khi thì sám hối trước vị thiền sư chùa làng mà thiếp coi như một đấng Bồ tát. Dạ, nếu không nương được vào bóng Phật, chắc thiếp đã trầm mình theo sông nước hoặc treo cổ trên cành cây.

Dạ, muôn tâu thần thiếp mới chưa đầy hai chục tuổi, mà cũng mới chỉ có bảy, tám năm khuất bóng song thân phải sống đời cô cút, mà sao thiếp cảm thấy cuộc sống nó nhọc nhằn làm vậy, cứ như thiếp đã phải đọa đầy trên cái thế gian này tới cả ngàn năm.

Nghe Ý Lan giải tỏ nỗi niềm nhà vua chạnh lòng. Ngài tự hỏi: “Nhà Lý ta thương dân đến vậy. Từ Thái tổ đến ta là ba đời, tới nay đã trên năm chục năm, giảm nhẹ tạp dịch, tha bớt tô thuế. Ngăn chặn nạn cho vay nặng lãi, khuyến khích người dân khai hoang vỡ hóa. Ta đã từng nói chí tiên đế ngoài khuyến khích nghề nông, còn cho mở mang nghề công, phát triển nghề thương, thuế khóa vẫn như hồi Thái tổ chỉ quy về có sáu sắc khai thác các sản vật quý của rừng, của biển như trầm hương, ngà voi, sừng tê, đồi mồi, ngọc trai và muối, thế mà sức dân vẫn không vượt được đói nghèo là cứ làm sao?”. Nén giấu một tiếng thở dài nhà vua hỏi:

- Nàng nói thử ta coi, ở nơi hương ấp nhà nàng, số các nhà thiếu đói quanh năm có mấy phần. Số nhà đủ ăn được mấy phần. Lại số người giàu có tiền dư thóc mục được mấy phần. Còn như người chết đói, người phải bỏ quê hương đi hành khất thập phương nữa, có không? Nàng cứ thực tình nói rõ, ta cần biết sự thực để còn có kế sách an dân.

- Tâu, tấm lòng bệ hạ bao la như trời bể, thương dân như thương con, thiếp đâu dám tâu báo man sai. Nhưng tấm bao quát của một người con gái nghèo quá ư chật hẹp, nên thiếp chỉ xin nói điều tai nghe mắt thấy. Dạ, ví như ở ấp nhà thiếp có ba mươi hai nhà, chỉ có một nhà giàu thôi. Giàu đây theo cái nhìn của thiếp. Tức là nhà người giàu này có một đôi trâu cày kéo. Có sáu mẫu đất, có kẻ ăn người ở, mỗi vụ gặt hái về có ba đồng rơm thật to, có hai cốt thóc cao từ mặt đất tới sát mái nhà.

Người chết đói thì từ nhỏ thiếp không thấy có ai. Dù ăn quanh năm cũng được mười nhà. Số còn lại thường thiếu ăn vào những vụ giáp hạt. Có vài ba nhà quanh năm thiếu đói. Những nhà này chỉ đúng vụ gặt mới được ngày hai bữa ăn no. Sau đó là hai bữa đói, giáp hạt thì ăn rau, ăn cháo. Dạ, những nhà quá nghèo ấy thường là gặp bất hạnh, hoặc có người ốm kéo dài, hoặc người chủ gia đình chẳng may thất lộc, lại cũng có người sa vào cờ bạc, rượu, chè, cũng có kẻ lười biếng

mà lâm cảnh khổ. Tâu bệ hạ, những người giàu có họ làm ăn thế nào mà trở nên giàu có được, thiếp không thể biết. Nhưng làm để đủ ăn, đủ mặc không sa vào đói rách như di con nhà thiếp thời là cả một sự lam lũ nhọc nhằn. Bệ hạ có phương lược gì vực sức dân lên, đó sẽ là phúc hạnh cho muôn dân, chắc nhà Lý ta đức sẽ tỏa sáng đến muôn sau.

Vẻ mặt hơi buồn, mắt đau đau nhìn vào một điểm mơ hồ nào đó, nhà vua cất tiếng nói như là một sự băng quơ:

- Làm cho đất nước nghèo nàn, đói kém, xác xơ Lê Ngọa triều chỉ mất có ba năm. Hồi sinh đất nước cho nó có sức sống, nhà Lý ta đã tận lực trên năm mươi năm mới được tới như vậy thôi. Phải chăng trong cái ác tiềm ẩn một sức mạnh khó lường.

- Muôn tâu bệ hạ, chẳng qua cái ác nó đi ào ạt như cả một đoàn quân dũng mãnh với sức càn lướt như đông như bão, còn cái thiện lại chỉ đi rời rạc từng người hoặc từng tốp riêng lẻ nên mới có kết cục mà bệ hạ chẳng hài lòng.

- Nàng nói đúng. Vì rằng cái ác thường vị kỷ, còn cái thiện lại vị nhân.

Phần đông con người thường ngụp lặn trong mớ tham - sân - si nên vị kỷ. Chỉ có những ai đã qua giác ngộ mới đi vào cõi thiện, mới vị nhân được. Nhà vua

giật mình về sự diễn giải hồn nhiên của Ý Lan, một người con gái quê mùa. Lời nói ấy hàm ẩn sự minh triết. Phải chăng điều minh triết nó giản dị như cuộc sống, nó nằm trong cuộc sống thường hằng.

Thánh Tông tự nhủ: “Người con gái này ắt sẽ giúp ta được nhiều việc đây. Có nhẽ ta phải cho nàng học hành nghiêm cẩn”. Nghĩ vậy, nhà vua quay ra nói với Ý Lan:

- Nay nguyên phi, nàng phải ý thức được địa vị của nàng hiện nay đã thay đổi. Nàng không còn là cô gái hái dâu quê mùa nữa, mà nàng là vợ ta - dương kim hoàng đế. Ta đã phong cho nàng chức nguyên phi, tức nàng đứng đầu các hàng phi và chỉ thua hoàng hậu có một bậc. Qua ngày tháng chung sống chuyện trò, ta biết nàng là người trí óc sáng láng lại có cái tâm tuệ. Vậy nên ta muốn cho nàng theo học những bậc thầy giỏi vào hàng nhất nước.

Về Phật điển, ta định cho nàng theo học với thiền sư Lâm Huệ Sinh hiện đang giữ chức đô tăng thống, ngài trụ nơi chùa Vạn Tuế trong thành.

Còn về Nho, nàng sẽ được học với Thái sư Lý Đạo Thành. Ông ta là một bậc nho sĩ uyên bác vào bậc nhất Đại Việt.

- Đội ơn bệ hạ, sao thần thiếp được ơn mưa móc nhiều đến vậy. Thiếp chỉ lo hai bậc trưởng lão còn biết bao

việc đạo, việc nước, còn thì giờ đâu mà dạy thiếp nữa.

Nhà vua cười độ lượng:

- Không phải dạy như các ông đồ cử ngòi miết hàng ngày với đám học trò như nàng thường thấy đâu. Các vị chỉ giảng cho nàng cái tứ sâu xa nhất của từng kinh sách thôi. Còn nàng phải tự đọc lấy sách để khai mở. Rồi sẽ có các thầy phụ giúp vừa dạy chữ vừa cắt nghĩa cho nàng.

- Tạ ơn hoàng thượng, thiếp hiểu. Xin hoàng thượng gia ơn để ngày gần đây thiếp được làm lễ bái sư.

- Nàng quả là người hiếu học, - nói xong nhà vua dặt tay Ý Lan vào hậu điện.

XVI

Lý Thường Kiệt đang kiểm xét các tin tức do mạng lưới ngoại gián của ta cài đặt trên đất Tống. Xem ra, những người khác nhau ở các vùng khác nhau, tin tức thông về có nhiều điểm hợp trùng. Ông yên tâm về quân mình sai đi đã làm được các việc cần làm.

Tin tức do phủ Thái sư lấy được qua các sứ đoàn bang giao của ta từ đất Tống đưa về cũng giúp ích khá nhiều cho thiếu úy.

Lại mới đây có tin từ Khai Phong, từ Hàng Châu nói rằng nhà Tống đang xúi giục Chiêm Thành cất quân qua mặt bắc. Như vậy Đại Việt sẽ lâm "thế trận trường sa lưỡng đầu thụ địch"¹. Đây là một mưu mô hiểm độc. Tuy nhiên, ông còn cho người đi kiểm xét là tin thật hay chỉ là sự triều Tống phỉnh dụ cho Chiêm Thành xuất

¹ Nghĩa là thế trận căng dài ra như thân con rắn mà hai đầu đều có quân địch đánh phá.

binh làm yếu thế lực của ta, để ta không nhòm ngó đất Tống, cho nhà Tống rảnh tay với mạn bắc, mạn tây của họ do quân Liêu, quân Tây Hạ luôn luôn đánh phá.

Thường Kiệt lại nghĩ: - Người Tàu có cái sở trường giương đông kích tây, xui nguyên giục bị thâm hiểm khó lường nên càng phải cẩn trọng.

Đêm khuya tịch mịch, bốn bề tĩnh lặng, một cánh vạc ăn khuya thả trên bầu trời vài tiếng kêu đùng đục tựa như một lời nhắc nhở rằng sự sống vẫn đang tiếp diễn. Lát sau trên hoàng thành lại nổi ba tiếng trống sang canh. Tất cả những động tĩnh ấy dường như không lọt được vào tai thiếu úy Lý Thường Kiệt, vì rằng ông đang căng mắt dõi trên tấm đồ bản trái kín mặt sập chân quỳ. Ông dò tìm từng thôn ấp, bến bãi, sông ngòi trên các lộ, nơi ông đã cho đồn đóng quân binh. Lại nữa các vùng biên ải bắc thù, nơi đường bộ, nơi cửa sông, cửa biển mà quân kia có thể đột nhập ông đều để tâm kỹ lưỡng.

Hết bắc thù lại đến nam thù. Quân Chiêm là đội quân quen thạo đường biển. Họ xem mặt biển như mặt đất, nên việc điều chuyển quân thủy, hoặc phục kích, tập kích vào các vùng dân cư ven biển của ta thật là xuất quỷ nhập thần, khiến người dân trở tay không kịp, nhiều phen chúng cướp phá đến chiếc bát mẻ không còn mà ăn khiến họ trở nên hoang mang, hãi sợ. Đó là

chỗ mạnh của quân Chiêm. Còn như chỗ yếu nhất của họ là dàn quân đối trận trên bộ. Ngay cả trên mặt biển, nếu họ bị phản kích bất ngờ thì dù quân họ có đông đến mấy vẫn cứ tháo chạy hỗn loạn.

Người Chiêm còn có một điểm yếu cố hữu như là một thứ định mệnh, rằng toàn bộ lực lượng của họ chỉ nhằm vào một trận đánh đầu tiên. Nếu bị đối phương chia cắt ra mà đánh trong một thế trận dài ngày, họ lập tức rơi vào lúng túng rồi dần tới chỗ phải thua. Hoặc giả đối phương đánh cho quy từ trận đầu cũng khiến họ tan tác. Tuy vậy, họ lại rất hay gây chiến mà ít khi tính đến kết cục xấu.

Lý Thường Kiệt dừng lại rất lâu trên tấm bản đồ tại những nơi xung yếu ven biển từ Thanh Hóa tới Nghệ An để có kế sách ứng phó với quân Chiêm. Tuy nhiên, mặt nam ông không lo nhiều bằng mặt bắc. Cả một dải biên thùi trải dài hơn ngàn dặm, bất cứ nơi nào quân kia cũng có thể tràn sang. Lại còn mặt biển cũng khá trống trải. Người Tống vừa giỏi nghi binh lại nước lớn quân đông, hay dùng kế lấy thịt đè người với các lân quốc nhỏ bé phương nam.

Lý Thường Kiệt đang đau đầu suy tư về việc ứng phó với các toan tính của ngoại bang để còn tâu báo với Thánh tông. Đã từ mấy năm nay nhà vua ngoài việc từ lâu đã sai ông coi sóc cấm binh, còn trao hẳn cho ông

trông coi cả ngoại binh để tiện điều hành. Đã dôi ba lần ông xin được cáo từ, vì rằng quan thái úy vẫn còn sờ sờ ra đó. Nhà vua chỉ mỉm cười và nói nhỏ: "Ta muốn lưu ở ông ấy một chút tình vì ông tận tụy từ thời còn tiên đế. Ta không nói là ông không có tài, nhưng ông ấy đã già yếu, lú lẫn. Ta hỏi Khanh, người như vậy làm lính còn chẳng được, sao ta có thể để ông nắm việc quân. Nắm việc quân là nắm cả sinh mệnh quốc gia. Thiên tử không có nói đùa. Khanh không có cơ gì để thoái thác được đâu".

Biết nhà vua đặt trọn niềm tin vào mình, từ đấy Lý Thường Kiệt đem hết tâm lực để vào việc quân. Chính ông đã cử người em ruột của mình là Lý Thường Hiến và Lý Kế Nguyên vào việc quân, ông đưa cả hai người ra bắc thủy để lo thu xếp lưới ngoại gián trên đất Tống, cũng như việc gài người vào các sắc quân mình dò tìm xem quân Tống có đặt nội gián.

Dang để hết tâm trí vào việc, bỗng nhiên nghe được tiếng chuông chùa vào khóa lễ sáng. Không biết nó phát khởi từ chùa nào. Nhưng sau đó là tiếng chuông, tiếng mõ từ các chùa trong vùng đều nổi lên tựa như một cơn gió hoang đưa những âm thanh kia tan hòa vào trong đất, và rồi từ đất những lời kinh thiêng kia len lỏi vào trong óc não từng sinh linh.

Tuy không nghe rõ lời kinh, chỉ nghe những tiếng

âm âm đều đều như tiếng trũng rí ra và tiếng mõ nhịp nhàng cùng tiếng chuông điểm xuyết chọt như khơi sâu trong ký ức Lý Thường Kiệt một cái gì rất mỏng lung, miên viễn khiến thái úy không thể nhớ đó là điều gì, việc gì nữa. Thái úy muốn dứt khỏi những ám ảnh mơ hồ để trở lại với công việc đang làm nhưng không tài nào dứt bỏ được. Trái lại trong đầu óc cứ chập ứ những âm thanh hỗn loạn, nó nén đè hết tất cả mọi nỗi buồn và lòng cương dũng của một bậc trí tướng, và một nỗi buồn da diết cứ dâng lên, dâng lên khiến ông đau đớn, vì buồn tủi và că giận thân nữa. Cái cảm giác này thiếu úy nhớ hình như đã có lần ông ném trái. Ông cứ đào sâu trong trí óc để lần tìm. Và cuối cùng nó òa vỡ như một chiếc cống sập lúc triều cường, bão nổi. Đó chính là cảm giác đau đớn khi ông từ viện tĩnh thân trở về nhà, Thuần Khanh đã bỏ đi và bức thư nàng để lại.

Lý Thường Kiệt lục tung trí nhớ để nhớ lại những năm tháng của tuổi thơ, vừa mất cha chưa kịp hoàn hồn thì mẹ lại bị cái chết cướp đi. Hai anh em sống cô cút, may nhờ người chú dưỡng bọc dùm. Rồi tình yêu và cuộc sống hạnh phúc lứa đôi do Thuần Khanh vun ắp... Tai họa ập đến bắt đầu từ việc hoàng thái tử Lý Càn Đức (Thánh tông) đem lòng quý yêu ta, muốn ta suốt đời là một cái bóng của ông ấy, trung thành với ông ấy, nhất là các việc trong chốn hậu cung. Bởi triều đại nào nát mục chẳng phát xuất từ chốn buồng the. Hoàng thái

từ bèn ngỏ cái ý ấy với vua cha, tức đương kim hoàng thượng Lý Thái tông.

Thông thường người cha nào mà chẳng chiều con. Vả lại chính Thái tông là người đã cho phép ta vào cung để kết bạn với hoàng thái tử khi ta còn chưa tới tuổi lên mười.

Oái oăm thay, vừa đúng năm ta tròn hai chục tuổi làm lễ kết tóc với Thuần Khanh được vài tháng, tình yêu đang nồng nàn thời nhà vua có “đụ” khiến ta phải vào viện tĩnh thân trước khi bố ta vào chức “hoàng môn chi hậu”. Ta cũng lấy làm lạ tại sao Thuần Khanh lại linh cảm như sắp có tai họa lớn đối với cái gia đình bé mọn của ta, và nàng nhủ ta nên đi khỏi kinh thành...

Cuối cùng thì tai họa ập đến đúng như nàng đã tiên cảm. Một bên là tình chồng vợ, một bên là nghĩa vua tôi. Ta đã chọn vua mà bỏ nàng. Đó là điều tàn nhẫn, là góc tăm tối của đời ta không gì có thể biện minh được, dù sau này ta có cơ may trở thành đấng bậc gì thì đó vẫn cứ là điều bất cập của một con người. Ấy thế mà Kim thiên hoàng thái hậu lại chẳng có chút cảm thông cùng ta, lại còn tỏ ra tiếc nuối: “*Giá mà Ngô Tuấn không lĩnh thân thì bây giờ con cái cũng đề huề*”. Ta biết đây là tình cảm chân thực bà dành cho ta khi nhớ lại tuổi thơ của ta với Thánh tông. Bà chỉ nói nhỏ như nói với chính mình trong ngày sinh ngũ thập ngũ của

bà trong lúc vui chúc tụng. Nhưng sức trẻ như ta, sao không nghe được những lời dù là thâm thi. Bà có ngờ đâu rằng lời nói của bà như một mũi dao sắc khứa vào đúng vết thương cũ của ta. Bà không hiểu rằng chính chồng bà (Thái tông) và con bà (Thánh tông) đã nhẫn tâm khiến ta phải làm điều đó. Và mặc dù cả hai vị vua này đều đã cho ta những đặc ân hiếm có. Song đó là những thứ họ hào phóng ban cho ta cái mà họ không mất. Còn như cái mà họ lấy của ta mới là cái đích thực. Cũng từ ngày đó, hình ảnh Thuần Khanh luôn sống lại trong ta. Và bức thư của nàng để lại như một nhắc nhở kín đáo rằng ta là một kẻ háo danh. Lại nữa sự ra đi của nàng đủ chứng tỏ nàng là một nhân cách cao thượng. Nhớ năm trước ra Vân Đồn, ta gặp một cậu bé mặc đồ tu giống ta như bóc xác. Ta ngờ rằng mẹ con nàng đã lánh ra vùng này và đang ẩn tu trong chốn rừng sâu. Ta đã nhờ Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh và châu mục châu Vạn Ninh là Phạm Minh Tuyền dò la tin tức. Cuối cùng ta được biết, trong tận rừng sâu có vị đạo sĩ đạo cao đức trọng có pháp danh là Thiên Tôn động chú, chặn dất tới cả trăm đệ tử đang ẩn tu trong khu rừng rậm núi non, khe động điệp trùng, là vùng cận kề biên địa. Các vị vừa tu tập vừa cảnh giới biên cương và đã có phép của quan Tả nhai đạo lục cùng quan lộ, quan châu, nay không dễ gì có thể thâm nhập vào sào huyệt của họ mà tra xét. Vả lại, họ thuần là

những tay cao thủ, trong giới võ lâm, nếu không thận trọng dễ xảy ra lưu huyết. Do vậy, những điều Thường Kiệt nhờ dò tìm một trang thiếu niên không rõ hình tích đã trở nên vô vọng.

Về phần mình, quả thực Lý Thường Kiệt không có ý định dò tìm để rồi bức bách mẹ con Thuần Khanh phải theo ông, mà ông chỉ muốn biết đích xác dòng máu của mình chưa bị tuyệt diệt. Và nếu có thể được, sẽ kín đáo giúp đỡ mẹ con nàng. Thế nhưng tất cả đều đã rơi vào hư ảo. Nhiều lúc ông tự răn mình phải cố quên đi, phải đè nén ký ức không cho nó trôi dạt. Tuy nhiên, không phải lúc nào điều đó cũng có thể làm được. Như bữa nay là một ví dụ, ký ức trôi dạt như một tiếng sét đánh bất thình lình. Không biết nó còn rình rập, còn dày vò ông tới bao giờ nữa. Có nhẽ ông còn phải mang ký ức khổ đau này cho tới lúc xuống mồ. Và nếu như có kiếp sau, thì kiếp sau ông phải trả nợ mẹ con nàng.

Lại nói chàng thiếu niên bất chợt nhận ra có người kín đáo dõi theo mình, chàng đã dùng một thức vô chiêu, nghĩa là làm ra vẻ vô tình, đi thẳng ra chỗ thừa thoáng để gạt phắt sự nghi ngờ của người kia, để ông ta yên tâm rằng cái cậu bé con kia còn khờ lắm, chẳng thể phát lộ ra được người dõi theo mình. Quả nhiên vào lúc người ấy không ngờ nhất, chàng đã lén lên ngựa vút vào rừng sâu.

Về tới động, thiếu niên bèn thưa lại hết sự tình với Thiên Tôn động chủ.

Động chủ vuốt râu cười hà hà, ông kéo chàng thiếu niên ngồi xuống phiến đá đối diện với mình, đoạn ông hỏi:

- Cháu ta có nhớ được gương mặt của những người có ý dò theo cháu không?

Chàng thiếu niên lim dim mắt như cố nhớ lại những gì vừa xảy ra ban sáng. Đoạn chàng nói:

- Thưa ông, cháu sao để ý đến những người đi chợ làm gì. Nhưng có một đoàn khoáng hơn chục người ăn vận hơi khác thường, nom có vẻ oai vệ, đi tới đâu mọi người tự ý nhường đường, chắc là quan quân đi thăm thú chợ búa phố phường. Cũng chỉ loáng thoáng thế thôi, cháu cũng không để tâm đến họ. Nhưng rồi một người trong bọn họ hình như trông thấy cháu, nên tách hẳn đám người kia ra mà đi gần về phía cháu. Tới lúc đó cháu vẫn chưa chú ý đến người này. Nhưng cháu đi về phía nào cũng thấy đằng sau gáy có luồng khí nóng âm âm. Cháu nghĩ là có kẻ nhìn trộm, kẻ này chắc cũng phải là một cao thủ trong giới võ lâm, vì rằng cái nội lực bình thường của họ phát ra đã khác thường rồi. Bởi thế cháu phải lập mẹo để tránh một cuộc tương ngộ như cháu đã nói với ông rồi đó.

- Vậy thời cháu có nom rõ gương mặt người này

không?

- Thưa ông, cháu chỉ có một lần thoáng nhìn chính diện ông ta. Đó là lúc mua muối xong, cháu liền xoay đầu lại phía sau gáy, nơi có luồng khí nóng phát về phía cháu. Nhưng kỳ lạ lắm ông ạ, đây là một thứ khí hòa ái thân thiện chứ không phải là một thứ xung khí hoặc hắc khí hàm chứa sự thù hận. Gương mặt người này à, để cháu nghĩ lại xem. Người này có gương mặt cương nghị, mũi to, mắt sáng, cằm vuông, trán cao, lông mày rậm. Người cao to, đi đứng đàng hoàng, duy có nước da là xam xám như mào gà trống thiên. Cháu chắc ông ta cỡ tuổi đệ nhất sư thúc cháu thôi.

Ngẫm ngợi một lát, Thiên Tôn động chủ vuốt râu cười khà khà rồi nhìn thẳng vào mắt thiếu niên, ông hỏi:

- Này, lúc cháu thoáng trông thấy cái người kia, lúc cháu mua muối rồi ngừng lên ấy, cháu có thấy ông ta có cái gì giống cháu không?

Thiếu niên giật mình hỏi lại:

- Sao ông biết. Quả là lúc ấy cháu có cảm giác cái người này hơi quen quen, dường như cháu đã gặp ở đâu đó. Nhưng chẳng phải thế đâu. Đúng là lần đầu tiên cháu được thấy nhà ông này.

Thiên Tôn động chủ thâm reo lên ở trong lòng:
“Ngô Tuấn! Đích thị là Ngô Tuấn đi kinh dinh miền

đông hải rồi dò tìm mẹ con Thuần Khanh. Ngô Tuấn viên hoạn quan được nhà vua sủng ái đã cất lên tới chức thiếu úy coi toàn bộ cấm binh, tay chân thân tín đệ nhất của nhà vua. Tuấn lại được ban quốc tính, nay cải họ tên thành Lý Thường Kiệt. Y là một tướng giỏi, văn võ kiêm thông. Nghe đâu ngoài việc nắm giữ nội binh, nhà vua lại trao cho cả việc bao quát ngoại binh. Thế là toàn bộ việc quân đã do một tay Lý Thường Kiệt quán xuyến. Nhà vua thật là sáng suốt. Thường Kiệt thực đáng giữ chức đó. Y là người sắt đá kiên cường, chí làm tướng của y đã bộc lộ từ tuổi thiếu niên. Khi mồ côi cả cha lẫn mẹ, được chú dượng là Tạ Đức đưa về nuôi dạy, khi được hỏi về chí hướng, Ngô Tuấn đã thưa với chú: “Cháu chỉ muốn học văn để biết ký tên mình là đủ. Còn về đường võ, cháu muốn theo Vệ Thanh, Hoắc Khứ¹, lo đi xa vạn dặm để lập công, lấy được ấn phong hầu, để làm vé vang cho cha mẹ. Đó là sở nguyện”.

Tuy vậy, Tạ Đức cũng đã tìm thầy giỏi cho Ngô Tuấn học văn, học võ đến nơi đến chốn. Ngô Tuấn lại được hoàng thái tử (nay là Thánh tông), dung nạp vào cung Long Đức và cho làm tướng tiên phong binh man từ thuở Tuấn mới mười sáu, mười bảy tuổi. Vừa có

1 Các tướng giỏi đời Hán, giúp Hán Vũ Đế được nhiều việc lớn. Vua mất trao toàn quyền cho ông phò giúp Hán Chiêu đế... tương tự như Lý Thường Kiệt sau này phò Lý Nhân tông.

chân tài lại sớm được thử thách luyện rèn, nên Tuấn trở thành ngôi sao sáng trong đám tướng lĩnh từ khi còn rất trẻ. Vừa được nhà vua và hoàng thái tử ưu trọng và bèn gan nuôi chí để trở thành tướng tài, nên khi nhà vua có dụ "tự yếm" để tuyển vào cấm đình thời Tuấn cho đây là cơ hội ngàn năm có một, nên Tuấn tự nguyện dấn thân, mặc dù Ngô Tuấn mới thành thân với Thuần Khanh được nửa năm. Như thế dù biết Ngô Tuấn yêu công danh sự nghiệp hơn yêu cuộc sống gia đình.

Nhưng tại sao Lý Thường Kiệt lại có ý dò tìm vợ con? Ta đoán rằng lương tâm con người đôi khi trở dạ đã khiến Thường Kiệt nhận ra sự khiếm khuyết của mình, muốn được bù đắp cho mẹ con Thuần Khanh chớ thực tình viên tướng này không có ý dò bắt hảo.

Sực nhớ dang nói chuyện với trang thiếu niên, Thiên Tôn động chủ bèn rướn người lên vỗ vai cậu bé và hỏi:

- Vậy chớ sau việc cháu vừa kể với ta, cháu có cảm thấy có điều gì bất an không?

- Thưa không ạ, cháu lại còn muốn gặp, muốn biết cái nhà ông ấy là ai nữa chớ cháu chẳng có lo ngại gì đâu.

- Ờ, ờ ta chắc người ấy là quan cấp của triều đình đi kinh dinh ghé qua trang Vân Đồn, thấy cháu là một thiếu niên dễ thương nên có cái nhìn thiện cảm thế thôi

chứ chẳng có chuyện gì đâu.

Hai ông cháu đang trò chuyện thì có một luồng gió quẩn, tựa như có một đạo sĩ nào đó phát công khiến những ngọn cây cao trước động cứ xoáy tít như một cơn lốc làm cho cành cây rung chuyển, lá rụng ào ào. Thiên Tôn động chủ liền giơ tay bắt quyết rồi đọc lời chú, gió liền im bật, cành lá đứng yên, ánh dương từ giữa trời dội xuống vàng hoe.

Thiên Tôn động chủ dù biết rằng Lý Thường Kiệt không hề có manh tâm ác ý, nhưng Thuần Khanh đã phát nguyện không để lộ hình tích hai mẹ con, nên ông muốn thu xếp cho Thuận Đức rời khỏi vùng này để về ẩn tu tại Tây Thiên cổ tự, gần với Tây Thiên Thánh Mẫu nơi Thuần Khanh tu đạo.

Thuận Đức được đệ nhất sư thúc là Minh Luân đạo sĩ dẫn về Tây Thiên. Trước khi rời Đạo quán, Thiên Tôn động chủ có vài lời chỉ giáo:

- Nay Thuận Đức, bấy lâu con ở với ta được học hành tu tập. Về mọi đường con đều tỏ ra là người mẫn nhuệ, nhưng đạo học là vô biên không có chỗ dừng. Tuy nhiên, nhận biết của con về Đạo cũng mới chỉ như đứa trẻ mới bi bô tập nói, chưa có thể nói là con đã hiểu, đã biết. Nhưng nếu con cứ giữ được bản tâm như con có, thời con đường tiến tu của con chắc sẽ có cơ thành tựu. Về đường võ học, con tiến khá nhanh, nhưng vì tuổi còn

nhỏ, công phu hàm dưỡng chưa cao, nên nội lực của con chưa mạnh, chưa bền. Nay ta cho con về Tây Thiên Tự, tu học với Thiên sư Vô Ngại là bạn chí cốt của ta. Con đừng lo đang theo Lão nay lại theo Phật. Đây là hai ngả cùng đi tới một đích, đó là giác ngộ, là giải thoát là thiên - nhân hợp nhất. Vậy chớ ý con thế nào?

Thuận Đức sụp lạy Thiên Tôn động chủ ba lạy:

- Con cảm tạ tấm lòng chỉ bảo của lão sư phụ, con xin tuân lời người dạy. Bấy lâu con ở với lão sư phụ, được lão sư phụ săn sóc dạy bảo, coi con như một đứa cháu nội. Con nhận ở lão sư phụ cùng các sư thúc tình cảm ông cháu, cha con, thầy trò, nay con về Tây Thiên tu học đạo thiên như lời dạy của lão sư phụ, lòng con bồi hồi khôn xiết. Trước khi chia tay, con xin lạy lão sư phụ ba lạy để tỏ lòng con đối với công ơn dưỡng dục của lão sư phụ. Con cũng xin lạy các sư thúc đã có công dìu dắt con mỗi người một lạy.

Dù là các đạo sĩ với bản lĩnh cao cường, nhưng trước những lời lẽ ngây thơ chân thực của một tiểu đệ tử, ai cũng thấy ngùi ngùi như phải chia biệt với đứa con ngoan của chính mình.

Để che tai, bịt mắt những kẻ hiếu kỳ, hai thầy trò cứ ngày nghỉ đêm đi. Không cần dưỡng mòn lối thẳng, hai thầy trò cứ nhìn sao Bắc đẩu với một tấm la bàn trong tay băng rừng, vượt suối, vượt sông nhằm hướng

tây mà đi tới. Bởi hai thầy trò đều có võ công thâm hậu, nên việc di chuyển chẳng mấy khó khăn và cũng chẳng cần đến thuật khinh công.

Chiều ngày thứ ba khi hai thầy trò ở trong rừng sâu ra khỏi bìa rừng thấy hiện ra trước mắt một trảng cỏ rộng, đuối tầm mắt. Thuần một thứ cỏ tranh cao lút đầu người, xanh một màu xanh mượt mắt. Bầu trời cao lồng lộng, xanh thắm thắm, ánh nắng rớt xuống một màu vàng trong mà sánh như màu mật ong rừng. Rừng che bốn phía không nhìn thấy mặt trời, nhưng phía trời tây rực sáng, chợt Thuận Đức reo lên:

- Sư thúc! Sư thúc! Sư thúc nhìn phía trời tây kia, mới nửa chiều mà sương đã giăng mù trời. Sư thúc nhìn những tia nắng dọi trong sương kia, ôi có khác gì một tấm thảm ngọc khổng lồ, có khác gì xứ sở của thần tiên.

Đạo sĩ Minh Luân nhìn Thuận Đức mỉm cười:

- Diệt diệt, cái mà con nhìn thấy trắng xóa cả bầu trời kia không phải là sương đâu. Chính là mây trắng đó. Quãng trời ấy quanh năm mây trắng phủ, chính ta cũng ngỡ là chỗ ở của thần tiên.

Nắng chợt lóa lên, mây trắng giãn dần ra, để lộ ba chòm núi xanh ngắt cách quãng khá đều nhau, đỉnh ở giữa cao vượt khỏi hai đỉnh kia, nom như ba hòn đảo nổi trong bể mây trắng bồng bênh.

- Thúc thúc! Thuận Đức hơn hờ gọi vị sư thúc, chàng nói - Đẹp quá thúc thúc. Cháu nghĩ thúc thúc nói đúng. Đó chính là nơi ngự của các quần tiên.

Đạo sĩ Minh Luân nhìn nét thơ ngây trên gương mặt của Thuận Đức, ông chưa kịp nói điều gì thì mây trắng lại ùn ùn phủ gần kín cả ba đỉnh núi, khiến bầu trời tây bỗng chốc trở thành biển mây trắng mênh mông,

- Diệt diệt, ba trái núi cháu vừa nhìn rõ đó thường chìm trong biển mây, thỉnh thoảng mới lộ hình hài như chú cháu ta vừa nhìn thấy tựa như ba hòn đảo, nên có tên gọi là “Tam Đảo”. Nơi ấy chính là “Tây Thiên”, chú cháu mình sẽ tới đó vào đêm nay.

Gương mặt Thuận Đức bỗng bừng sáng như một bông hồng vừa bùng nở, chàng nắm lấy tay đạo sĩ Minh Luân hỏi dồn dập:

- Sư thúc! Sư thúc! Thật thế sao! Cháu được về ở cõi tiên sao?

- Chính thế! Đêm nay ta sẽ dẫn cháu tới đó để kịp sớm mai ra mắt đại lão Thiên sư Vô Ngại là đại sư bá của ta đó.

Mặt trời dần tắt, hai chú cháu vội chặt mấy gióng nứa, đổ gạo và nước sôi vào rồi nhóm lửa đốt cho chóng thành cơm, ăn xong lại hối hả lên đường. Đêm nay Thuận Đức đi mà cảm như chạy như bay, người cứ nhẹ lâng lâng, thỉnh thoảng cậu còn giục sư thúc:

- Thúc thúc, cháu sợ đi chậm thế này lỡ qua đêm mà vẫn chưa tới Tây Thiên tự thì sao?

Đạo sĩ Minh Luân mỉm cười và tự nghĩ: “Thằng bé này lúc mới ra đi còn bịn rịn không muốn rời động Thiên Tôn, thế mà giờ đây lại háo hức lo đến muộn. Chắc là nó muốn tận mắt thấy cảnh quần tiên tụ hội. Và còn một lẽ nữa, không hiểu sư phụ đã cho nó biết chưa, rằng chính sư mẫu nó đang ẩn tu tại Tây Thiên Thánh Mẫu. Cho tới nay Thuận Đức vẫn chưa biết cha mình là ai. Điều kỳ lạ là chưa bao giờ Minh Luân thấy thằng bé có ý gì tìm hiểu về cội nguồn thân thế. Cũng có nhẽ rằng, mẹ nó - ni sư Tạ Thuần Khanh đã răn dạy kỹ lưỡng việc phải ẩn cư, phải giấu nhem tung tích”. Chợt nhớ lời Thuận Đức vừa hỏi, đạo sĩ Minh Luân liền đáp:

- Đêm nay ta thấy cháu đi nhanh như trong người cháu sẵn có thuật khinh công vậy. Ta công phu hàm dưỡng đến vậy mà theo cháu còn mệt, thế thì lo gì chú cháu ta tới trễ. Ta còn lo đến Tây Thiên tự trời còn chưa sáng, chú cháu ta còn phải chờ ngoài tam quan đấy.

Hai chú cháu cứ băng rừng đi trong đêm đen thẫm, rừng rậm đầy dây leo và gai góc. Lúc thì nghe tiếng cú rúc đến hoang rợn, lúc nghe tiếng hoẵng kêu, tiếng lợn rừng xô chạy ào ào, cây cối rung chuyển. Thảng lại có tiếng hổ gầm từ thăm thẳm xa. Khi hổ lên tiếng gầm thì muôn loài muôn thú đều im bật, chỉ nghe thoang thoang

tiếng nước khe róc rách từ đâu đó như gần như xa.

Đã qua lại đôi lần trên vùng này nên đạo sĩ tìm phương hướng chẳng mấy khó khăn. Nghe tiếng nước chảy, đạo sĩ lần tìm tới dòng suối. Từ dòng suối này đi ngược lên Thác Bạc. Từ Thác Bạc vào Tây Thiên tự chẳng còn mấy dặm đất nữa.

Đâu đó một tiếng gà rừng te te gáy. Và rồi tiếng gáy cứ lan xa đứt nối như một con sóng tan dần khi đã vỗ vào bờ cát. Nhưng rồi lại một đợt khác, đợt khác nữa. Đã ở rừng núi hang động lâu ngày, nên cả hai chú cháu Thuận Đức đều biết đây là lúc gà gáy đồn, trời đã gần về sáng. Quả vậy, tiếng chuông mõ đầu tiên vào khóa lễ sáng ở một ngôi chùa nào đó giống lên. Các ngôi chùa quanh vùng đều nổi chuông mõ. Âm thanh vang vọng như một làn sóng cứ len lách vào mọi rừng cây vách núi khiến cả một vùng âm u dưới sương mù dày đặc chất chứa tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng người tụng kinh, tất cả quyện hòa với nhau như một lời ru thiêng từ trời cao vọng xuống.

Lần theo tiếng mõ, lời kinh, thầy trò Thuận Đức vừa tới cổng chùa Tây Thiên thì trời đã sáng bạch. Hai thầy trò vừa thay áo, đội khăn tề chỉnh thì vừa lúc có một chú tiểu ở trong chùa đi ra chấp tay vái đạo sĩ Minh Luân một vái rồi thưa:

- Dạ có phải thầy là khách ở Động Thiên Tôn về

không ạ? - Hai thầy trò đạo sĩ vô cùng kinh ngạc, Minh Luân liền đáp:

- Đa tạ tiểu tăng, đúng là chúng tôi từ đó tới xin được vào diện kiến đại lão thiền sư.

- Thưa, sư phụ sai tôi ra đón đạo sĩ cùng quý hữu đây vào chùa, đại sư phụ tôi đang chờ nhị vị.

Lúc này Thuận Đức mới để mắt tới vị tiểu tăng, gương mặt non choẹt có nhẽ cũng tầm tuổi với Thuận Đức thôi nhưng sự từng trải gió sương xem ra hơn Thuận Đức nhiều lắm. Tiểu đã xuống tóc, cái đầu trọc lóc tròn xoe nửa đầu phía sau nổi lên một cục như cái bướu to bằng nắm tay. Tiểu có vầng trán cao, đôi mắt tròn sáng, đồng tử có màu vàng trong như hổ phách. Đúng là lần đầu tiên Thuận Đức nhìn thấy một người có đôi mắt lạ. Có phải đây là quý tướng hay là dị tướng. Lại thấy tiểu có cặp lông mày rậm kéo dài quá đuôi mắt. Hàm răng trắng, đều tăm tắp, môi đỏ đậm, nước da đồng hun, chân tay rắn chắc, tiếng nói trầm sâu như tiếng nói của người có nội lực lớn.

Hai chú cháu vừa bước qua cổng tam quan theo tiểu đi theo con đường có xếp bậc đá cao dẫn lên phía triền núi. Lúc này Thuận Đức mới để ý thấy những cây tùng ở hai bên đường, thân cây cao vút tán xòe ngang như những chiếc lọng màu xanh sẫm. Cây nào cây ấy thân to tới hai người ôm, vỏ thông nứt theo những

dường vân dọc đều đặn, thẳng lại có một điểm mốc trắng như hình tai hồng. Trên đường đi còn gặp loáng thoáng những phiến đá to, mặt nhẵn như mài mỗi chiều chừng ba, bốn gang tay kê thẳng thẩn dưới gốc thông. Nhìn kỹ còn thấy cả những nét chạm hình lá đề chạy viền quanh thân phiến đá. Thuận Đức thẩm đoán đó là những chiếc bệ cho các sư đêm đêm tọa thiền.

Tiếng chuông, tiếng mõ nơi các chùa lúc này đã bật vắng. Chỉ nghe có tiếng chim hót líu ríu hòa quyện với tiếng nước khe chảy róc rách. Đâu đó một giọng khiêu bách thanh vang lên rộn rã, nghe như cả một dàn nhạc rừng. Lạ thay, một khu rừng bao la là thế mà khi con bách thanh đã lên tiếng hót thì các loài chim khác đều im bật.

Những dải mây trắng là là trôi ngang sườn núi, trùm chụp lên cả mấy khách thiền, thoáng nhìn ta có cảm giác họ đang bơi trong mây.

Hai chú cháu Thuận Đức vẫn theo bước chú tiểu leo lên dốc chừng vài trăm trượng gặp một dải đất bằng khá rộng, một thung lũng. Bên mây trắng đục bỗng hun hút lao đi như có một vị đại tiên nào đấy dùng phép thuật thu mây vào hồ lô, khiến núi rừng hiện ra rõ nét. Một ngôi chùa cổ, một vườn mộ tháp, rồi nhà tổ đường, nhà trai đường, nhà khánh đường ẩn hiện dưới những tán cây cổ thụ như mít, muỗm, vải, bưởi, khế, ngọc lan...

Trên các cành cây cổ thụ các loài phong lan đeo bám, hoa nở rục rở đủ màu. Lan phi điệp có màu vàng như màu lông chim hoàng yến, cánh mỏng tang cứ dập dờn như một đàn bướm. Lan hài vệ nữ nở có hình như một chiếc hài nhỏ xíu, đầu cánh hoa màu trắng, cuống lại có màu đỏ tím rồi phớt hồng lan tới chân màu trắng, mỗi bông hoa nom rục rở như một chiếc hài tiên, và từng chùm, từng chùm hài cứ buông thông trên những cành cây cao tít. Rồi lan đuôi cáo, lan gấm, lan đại châu... Nhưng có những loài sắc đã đẹp, hương còn dịu ngát và hoa thì tươi lâu tới cả mấy tháng vẫn chưa tàn.

Nhìn toàn cảnh ngôi chùa hiện ra trong bẻ mây trắng cứ loăng đảnh, đạo sĩ Minh Luân chợt nghĩ đến phép màu nhà Phật như trong câu chuyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung chỉ với một cây gậy làm cột trụ và chiếc nón úp trên, qua đêm đã biến thành tòa lâu đài với tường lũy bao quanh kiên cố. Chàng đưa mắt ngắm nghĩa ngôi chùa tọa lạc trên doi đất cao gồ lên như lưng con rùa. Năm gian hai chái là ngôi bái đường dài rộng với hậu diện hai gian như một chuỗi vờ. Hàng hiên với những cây cột lim sừng sững tới hai người ôm, đá kê tảng hình trụ chân vuông thể hiện tính âm dương hài hòa. Các đường viền quanh đế tảng hình vuông chạy một đường hoa văn hình cánh sen, chân hình trụ chạy một đường viền hình lá đề, vòng tròn ôm chân cột phía trên tía hai hàng lá đề nhỏ đối xứng nom mới tinh tế

làm sao. Mái chùa được phủ lợp bằng ngói nâu hình lá đề đã ngả sang màu rêu xanh. Bốn mái với bốn góc cong lên bằng các đầu đao và ở mỗi góc đều đắp một con phượng, ngực uốn cong, đầu ngoái chầu lên đỉnh nóc. Bốn đường bờ mái từ bốn đầu đao chạy lên nóc đều úp ngói nung hình máng và trên lưng mỗi viên ngói bờ đều có hình một vị Bồ tát ngồi kiết già. Hai đầu nóc là hai đầu chim phượng lớn bằng đất nung đỏ au chầu về mặt nguyệt ở chính giữa nóc hình lá đề to gần bằng một chiếc nia¹. Trên lưng những viên ngói úp nóc đều có hình một lá đề dựng đứng nhỏ bằng hai bàn tay, lá nọ cách lá kia chừng một khuỷu tay. Các viên ngói lá đề đều có đường hoa văn viền mép cách điệu như những làn sóng mềm mại. Quá thật là bất ngờ, giữa một vùng rừng rậm thâm u núi cao chạm trời, lại dựng được một ngôi chùa lớn với lối kiến tạo tinh tế chẳng kém gì những danh lam dưới đồng bằng.

Dù đã qua lại vùng Tây Thiên đôi lần nhưng Minh Luân chỉ ghé nơi các Động, các Quán của Đạo giáo, cũng nghe nói có ngôi “Tây Thiên cổ tự” là đệ nhất danh lam của vùng này. Tuy vậy, khi đã mục sở thị đạo sĩ vẫn không khỏi ngạc nhiên. Chàng bèn lùi lại ít bước ngấm nhìn ngôi chùa và thế đất. Hết nhìn bên tả lại quay bên

1 Nia là một dụng cụ dùng để phơi lúa gạo trong nông nghiệp, đan bằng nan tre, có đường kính từ 1m đến 1,5m.

hữu, nhìn phía sau lại nhìn phía trước. Toàn bộ dãy núi như hình một cỗ ngai. Lưng chùa tựa vào thân ngai, đó là một trái núi lớn cao vút, trên đỉnh lúc nào cũng có mây trắng bao phủ. Hai bên tả hữu của ngôi núi lớn như hai cánh tay vòng ôm lấy ngôi chùa cứ thoải dần xuống phía chân núi. Đúng là ngôi đất có thể tả thanh long hữu bạch hổ. Xa xa phía trước cửa chùa là một quả đồi tròn xanh um, lại có dòng suối chảy quanh nom như một chiếc vòng bạc bao quanh viên ngọc bích tựa như bức bình phong khổng lồ. Minh Luân tự hỏi, khắp một vùng rừng núi thâm u trùng điệp, đi suốt ngày chẳng gặp một bóng người, thế mà từ hơn ngàn năm trước, các bậc tiền bối đã lần tìm đến đây mà phát lộ ra thế đất này để dựng chùa làm nơi thờ Phật và tu tập. Thế mới biết lòng tin tôn giáo có sức mạnh siêu thần nhập hóa, di sơn hải đảo quả là điều không ngoa. Lại biết đâu ngàn năm sau nữa trên mảnh đất này... Chợt một dải mây trắng ào qua trùm kín cả ngôi chùa, ba người di chuyển tựa như họ đang cỡi mây bay đi. Vừa tới bậc thềm tam cấp đã thấy thiền sư Vô Ngại đứng đó. Ngài như vừa từ trong đám mây bạc hiện ra và lên tiếng:

- Lão tăng có lời mừng quý khách. Sư khoát tay chỉ về ngôi khách đường, rồi sư dẫn khách vào nhà.

Đạo sĩ Minh Luân chấp tay vái thiền sư:

- Đệ tử kính chào lão sư bá.

Thuận Đức cũng chấp tay vái lạy đại lão thiền sư.

Mấy chú tiểu dâng thiền trà. Sau một vài tuần nước, thiền sư hỏi:

- Chẳng hay đại lão Thiên Tôn có việc gì cần sai báo ta mà thầy trò đạo sĩ phải vất vả đường trường về Tây Thiên tự? Vậy chớ đường xá xa xôi có làm nhọc sức đạo sĩ và tiểu tráng sĩ? - Vừa nói thiền sư vừa chỉ tay về phía Thuận Đức.

Thuận Đức liền đứng dậy vái thiền sư và từ tốn đáp lời:

- Bẩm đại lão thiền sư, con sức trẻ nên không thấy mệt mỏi, còn sư thúc con... thiếu niên đang ngập ngừng thì thiền lão đã tiếp lời:

- Phải rồi! Phải rồi, nhị vị đều là đệ tử của Thiên Tôn động chủ, ắt võ nghệ phải cao cường mà nội lực thời khối phải bàn.

- Đa tạ lão tăng quá khen.

Nói rồi đạo sĩ Minh Luân mở tay nải lấy ra một phong thư, hai tay nâng lên như người dâng vật báu:

- Dạ, lão sư phụ con gửi đại lão hòa thượng.

Thiền sư Vô Ngại nhẹ đỡ lấy phong thư. Vừa mở thư, sư vừa nói:

- Nào thử xem Thiên Tôn động chủ có điều gì răn dạy lão tăng đây. Càng đọc, gương mặt nhà sư càng lộ vẻ vui tươi. Đặt lá thư xuống mặt kỹ, hướng về Thuận

Đức, ngắm nhìn trang thiếu niên hồi lâu với vẻ hài lòng, thiền sư Vô Ngại nói:

- Ta quá là có phước duyên nên được đại lão Thiên Tôn động chủ ban cho một đệ tử, chẳng hay con có vui lòng về với ta?

Thuận Đức bèn đứng dậy chấp tay vái đại lão thiền sư:

- Bạch hòa thượng, sư tổ con đã cho con về hầu hòa thượng, chắc là duyên đã khởi, xin hòa thượng mở lòng từ ái cho con được theo hầu.

- Vậy chớ trong lòng con có băn khoăn giữa Phật với Đạo¹ không?

- Kính bạch hòa thượng, sư tổ con thường dạy: “Phật, Lão nhị gia nhất trụ” (Hai nhà nhưng chung một bếp, ý nói chung nguồn gốc).

- Đúng thế! Đúng thế, hai nhà Lão, Thích suy cho cùng sẽ tới chung một đích, Thiên Tôn đạo sĩ quả là một bậc túc Đạo, túc Thiền. Thiền sư phẩy tay, thôi được ta sẽ chọn ngày làm lễ bái sư nhập môn và đặt pháp danh cho con sau. Nay hãy nghỉ ngơi vãng thăm cảnh sắc đi đã. Lão tăng nhìn về phía thầy trò đạo sĩ Minh Luân rồi người chậm rãi tiếp: - Xét tới cùng kỳ lý thì Đạo Lão, Đạo Phật đều là thanh tịnh vô vi, cao siêu tịch diệt, đây

¹ Chữ Đạo ở đây ám chỉ Đạo Lão.

là những nền đạo của các bậc cao minh nhắm tới cái đích khai ngộ cho nhân quần về con đường tu dưỡng bản thân, mở mang tuệ nhân hưởng tới điều thiện, lìa bỏ vô minh, xa rời những điều kỳ dị, quái đản, đoạn tuyệt hẳn với tham, sân, si mà đi vào con đường giác ngộ, giải thoát. Chính vì vậy mà ta theo họ Thích còn Thiên Tôn theo họ Lão mà chúng ta vẫn giữ được tình bạn cũ, vẫn trân trọng nhau. Ấy cũng bởi chúng ta mỗi người đi trên một đường, song đều nhắm về một đích.

Đạo sĩ Minh Luân chấp tay vái đại lão thiên sư rồi nói:

- Lão sư bá là bậc cao minh giảng giải đến chỗ rốt ráo, sâu kín nhất của hai nền đạo mà sao tiểu sinh thấy giản dị dễ hiểu như cơm ăn, nước uống hằng ngày.

- Chẳng qua đạo Phật là đạo của thế gian chứ không phải ly thế gian, cho nên cái lý của đạo nằm trong cái lý của thế gian, nằm trong cuộc sống của thế gian, bởi lẽ đó nó trở nên giản dị, dễ hiểu. Tức là ta chỉ nói về ta, về cái của ta, cái mà ta có chứ không phải những thứ hư ảo, mộng huyễn hoặc mượn vay.

Chợt đại lão thiên sư nhìn thẳng vào đôi mắt sáng rỡ của đạo sĩ Minh Luân nói tiếp:

- Ta không lạm dụng, nhưng ta muốn lưu đạo hữu tại sơn tự dưỡng bữa để được cùng nhau thù tiếp, đàm đạo; thứ nữa ta cũng muốn mời đạo hữu đi thăm viếng

một vài nơi quanh vùng mà theo ta không nên bỏ lỡ; sau rốt là cho Thuận Đức quen dần với cảnh, với người nơi mới tới.

Qua lời mời chân thành của một bậc trưởng lão, đạo cao đức trọng, Minh Luân thấy không được phép từ chối. Đạo sĩ bèn chấp tay vái thiền sư:

- Đa tạ, đại lão đã ban đặc ân, kẻ hậu sinh đâu dám thất lễ.

Chuyện đang hồi nồng ấm thì mấy chủ tiểu đã lại vào mời thiền sư và các thiền khách sang nhà trai đường, thụ trai.

Bữa nay phá lệ, thiền sư không ngồi ăn riêng nữa, người cùng ăn với khách, tuy nhiên vẫn là các món ăn chay như thường nhật. Ví như lạc rang muối, đậu phụ nhự, đậu phụ nướng, rêu đá¹ xào với dầu vừng và lạc giã nhỏ, lá rau bí ngò luộc chấm tương, măng mai luộc chấm muối vừng.

Cơm nước xong, nghỉ ngơi một lát, thiền sư bèn dẫn khách đi dạo quanh chùa. Chợt đại lão thiền sư ngửa mặt chỉ tay lên đỉnh núi, ngài dẫn dụ:

- Trên đó, trên đỉnh núi này còn có một ngôi chùa gọi là Đồng Cổ, không biết tạo dựng từ đời nào. Từ lâu

¹ Đây là một loài tảo sống bám vào các viên đá cuội hoặc đá phiến ở những con suối nước trong vắt. Các nhà tu hành ở sâu trong rừng núi thường dùng ăn thay rau.

đã không có sự trụ trì, bởi đường lên đó hiểm trở lắm. Ta nghĩ, vùng này là vùng đất cổ, có nghề đúc đồng rất sớm, nhất là đúc trống đồng cùng các loại khí giới như tên đồng, rìu đồng, qua đồng... để chống quân Thục từ thời Hùng Vương. Ta chắc lúc đầu, ngôi đền đó chỉ thờ thần Đồng Cổ¹ sau các nhà truyền giáo Tây Trúc tới vùng này nên đưa tượng Phật lên phối thờ với thần linh bản địa. Vì có tượng Phật, nên người ta gọi là chùa. Vậy là Thần, Phật đồng cư.

Thiền sư vừa nói vừa dẫn khách ra ngoài khu vực chùa. Mọi người vẫn đi trong mây, nói cười trong mây, thỉnh thoảng mây lại loãng tan đi nhìn rõ bốn bề đều là trúc biếc, thông xanh và tiếng thác nước đổ từ xa vọng lại.

Nhìn quanh quất bốn phía đều bị núi rừng che chắn, đạo sĩ Minh Luân liền hỏi:

- Kính bạch đại lão thiền sư, Tam Đảo có ba ngọn núi; vậy chớ Tây Thiên tự của ta nằm ở ngọn núi nào, xin đại lão chỉ bảo.

- Ta sơ ý quá, thiền sư nói. - Nhẽ ra ta phải nói với các vị rồi mới dẫn các vị đi ngắm cảnh. Tam Đảo vốn có ba ngọn núi đột khởi lên cao chót vót tới tận mây xanh. Mạch núi này bắt nguồn từ các huyện Phú Lương,

1 Thần Đồng Cổ: thần Trống Đồng.

Dại Từ bên trấn Thái Nguyên. Ba ngọn núi này có tên Phù Nghĩa, Thạch Bàn và Thiên Kỳ.

Ngọn núi có ngôi chùa ta đang đứng đây chính là núi Thạch Bàn, cũng là ngọn cao nhất. Còn tại sao lại gọi là núi Thạch Bàn, là bởi trên gần đỉnh núi có một đoạn bằng phẳng, các loại cây quý, cây lạ, cây ăn trái mọc chen chúc, hoa quả đủ bốn mùa, lại có một phiến đá rất to mà bằng phẳng. Đó là bàn cờ tiên, vào các ngày đẹp trời, chư tiên thường về hội và chơi cờ. Còn khu rừng có cây ăn trái, có hoa thơm bướm lượn, các loài chim hót như thể chúng tấu nhạc tiên, thường gọi là “Tiên Uyển” tức là vườn tiên. Nghe nói khu vườn tiên này thiêng lắm. Người trần qua đó có thể ngoạn cảnh, khát thì uống nước suối tiên, đói thì ăn quả vườn tiên. Nhưng nếu ai khởi lòng tham mà trầy hái đem đi hoặc vừa ăn vừa phí phạm hủy hoại, người đó ắt bị lạc mãi trong rừng không tìm được lối ra. Ta thử còn dương sức có qua khu Tiên Uyển đôi lần để lên chùa Đồng Cổ thấp hương, vẫn thấy mọi sự nguyên như cũ, song ta chỉ xem ngắm chứ không khởi lòng tham, nên không thấy có điều gì xảy ra.

Nghe thiền sư kể, Thuận Đức lấy làm thích thú, tính hiếu động ưa khám phá chợt bật dậy trong đầu óc trang thiếu niên này. Chàng tự hện, được làm đệ tử của thiền sư, thế nào cũng có dịp xin phép đại lão thiền sư để leo lên thượng đỉnh ngọn Thạch Bàn viếng chùa

Đồng Cổ, thăm Tiên Uyển và bàn cờ tiên, hái quả vườn tiên...

Thiền sư dẫn khách đi tiếp về bên hữu ngọn Thạch Bàn được một đoạn khá xa, chợt nghe tiếng thông reo vi vút, mây trắng ào lướt qua khiến có lúc người đi sau không nhìn thấy người đi trước. Cảnh sắc mỗi lúc một mở ra khác lạ hơn, thần tiên hơn mà cũng bí ẩn hơn, bởi càng lên cao, cây rừng càng dày đặc hơn, thâm u hơn, nhưng các cây to, cao sừng sững cũng ít hơn và dốc cũng dựng hơn. Thoáng hiện ra một khung trời hẹp, dưới đó là vạt đất bằng, từng trúc chen nhau bên những tảng đá lô xô và kia nữa như có một bờ thành kiên cố. Tới gần hóa ra đó là một ngôi chùa, tường xây thuần bằng một thứ đá đen, mái cũng lợp đá. Ngôi chùa nhỏ vuông vắn mỗi chiều chừng hơn vài trượng, cánh cửa lim rất dày. Cửa có khóa nhưng đã han gỉ. Phía trên khung cửa nơi viên đá xây ở chính giữa có khắc ba chữ triện: “Địa ngục tự”.

Thiền sư dừng lại trước cửa chùa, ngài quan sát thấy gương mặt của đạo sĩ Minh Luân và thiếu niên Thuận Đức đều tỏ ra kinh ngạc.

Dường như không kìm nén được, đạo sĩ bèn lên tiếng hỏi:

- Kính bạch đại lão tiền bối, tiểu sinh thật không hiểu nổi, tại sao lại có ngôi “Chùa địa ngục” này. Phải

chăng đây là thiên ngục, nơi giam giữ các nhà tu phạm giới¹?

Thiền sư lắc đầu:

- Không phải! Không phải thế đâu đạo sĩ, nhà Phật không bao giờ thiết lập chế độ tù ngục. Vì rằng đạo Phật là đạo giác ngộ, cho nên việc tu tập là do mỗi người tự nguyện gia nhập giáo đoàn chứ có ai ép buộc. Ngay khi đã trở thành sa môn rồi, nhưng lầm lỡ mà phá bỏ giới luật, tức là tự mình đoạn tuyệt với giáo đoàn trở về với đời sống thế tục cũng mặc lòng chớ có ai cầm bắt.

- Kính bạch đại lão, vậy con phải hiểu như thế nào về ba cái chữ “Địa ngục tự” kia?

Thiền sư ôn tồn đáp:

- Chuyện dài lắm, kiếm chỗ ngồi rồi bản tăng sẽ kể lại đầu đuôi cho đạo sĩ và Thuận Đức cùng nghe.

Chợt có phiến đá lớn nằm chéch phía trước, sư chỉ tay về phía đó: - Nào ta lại đây ngồi mà trò chuyện.

Thiền sư ngồi vào giữa phiến đá to như một cánh phản, màu đá đen như màu đất bùn, giống hệt loại đá xây “Chùa địa ngục”.

Hai chú cháu đạo sĩ Minh Luân chấp tay đứng như các đệ tử đứng hầu sư phụ. Thiền sư phải hai ba lần mời

¹ Phạm giới: Tức là phạm vào những điều cấm kỵ như: cấm sát sinh, cấm uống rượu, v.v...

bảo khẩn khoản hai người mới dám ngồi mím vào hai góc phiến đá.

Đại lão thiền sư chăm chú nhìn về phía “Chùa địa ngục” như cố nhớ lại những ký ức xa xưa. Đoạn người chậm rãi:

- Đây là chuyện cả ngàn năm trước. Không, không phải một ngàn năm, mà là hơn một ngàn ba trăm năm trước. Theo thế truyền, nó thuộc về thời của đức vua A Dục nước Tịnh Phạn bên Tây Trúc, còn ở ta vào khoảng giữa đời Hùng Nghị vương thứ tư hoặc đời Hùng Duệ vương thứ nhất¹.

Truyện rằng vua A Dục khi đã “ngộ” ra, ngài rất ưu trọng việc quảng bá đạo Phật khắp xứ sở của ngài. Ngài xây chùa, dựng tháp. Lại dựng cột đá tại nơi đức Phật đản sinh. Xây chùa, dựng tháp lớn Đại giác bên cội bồ đề, nơi đức Phật thành đạo. Tạc bia đá nơi Trúc Lâm tịnh xá, hầu như tất cả những nơi đức Phật tu tập, giảng đạo và cả nơi Phật nhập niết bàn, nhà vua đều cho ghi dấu ấn lại bằng các bia đá, cột đá để tỏ rõ hậu thế nhớ công ơn ngài².

Khi thấy đạo Phật đã đạt tới cực thịnh trong xứ sở

1 Tương ứng với thế kỷ thứ 4 hoặc thứ 3 trước Công nguyên.

2 Phương Tây từ xưa vẫn cho Thích Ca Mâu Ni là một thiên thần, chỉ sau khi người Anh chinh phục Ấn Độ và khai quật được những chứng tích này họ mới thừa nhận ngài là người sáng lập nền Phật đạo.

của Phật, vua A Dục sai lập mười giáo đoàn đi truyền đạo ở ngoài nước. Trong đó có hai giáo đoàn do đích thân hoàng tử và công chúa cầm đầu.

Nghe nói phái đoàn do thái tử vượt biển sang truyền giáo tại Tích Lan¹. Còn đoàn do công chúa dẫn đầu đã vào truyền giáo tại nước Văn Lang. Vì vậy, từ cổ xưa ta mới có Phật Mẫu Man Nương. Ấy cũng là do thế truyền cả thôi. Chẳng qua cái quãng dài thế truyền ấy là bởi nước ta khuyết sử. Mà khuyết sử lại do kẻ thống trị phương Bắc gây nên.

Đoàn truyền giáo Tây Trúc vào nước ta, thoát kỳ thủy họ dừng lại tại kinh đô Phong Châu, gặp gỡ nhà vua để xin phép truyền giáo. Sau khi đã tìm hiểu ngôn ngữ, phong tục và tín ngưỡng bản địa và thấy dân chúng có thiện cảm, họ liền lưu lại nước ta để truyền bá giáo lý Phật. Một thời gian sau thấy có nhiều người hâm mộ đạo Phật, họ liền tìm về vùng núi non tĩnh lặng này dựng chùa tu tập và giảng pháp. Tuy là vùng sơn lâm tịch tĩnh nhưng lại không xa kinh đô nước Văn Lang là mấy. Bởi họ phải giữ mối liên hệ với trung tâm văn hóa này là nhằm thu hút lớp người thiện trí thức đang có mặt ở Phong Châu².

¹ Tích Lan tức Ceylan nay là Srilanca.

² Kinh đô của nước Văn Lang tương ứng với vùng thuộc lưu vực ngã ba Bạch Hạc, Phú Thọ ngày nay.

Ta chắc nơi đây có điện thờ Phật, có nhà tàng kinh, có nhà tăng, nhà khách đủ quy mô cho một trung tâm truyền giáo. Còn ngôi chùa có tên “Địa ngục tự” này là biểu tượng uy quyền của Diêm Vương, là nơi tra khảo, giam giữ và hành hình các loại tội đồ khi sống trên trần thế họ vướng vào các tội ác. Đây chính là sự cảnh tỉnh, sự răn đe con người dương thế phải biết tu thân, hành thiện lià ác. Bằng không thì gieo nhân nào sẽ hái quả đó. Luật nhân quả ấy không chừa trừ cho bất kỳ ai.

Cái biểu tượng mà ta còn thấy trong các chùa ngày nay gồm các cảnh giới địa ngục diễn ra có quỷ tra khảo, cửa đầu, xẻ thân các tội đồ nom rất thảm thương ghê rợn chính là bản sao của “Địa ngục tự” này đó.

Vì sao cả hệ thống chùa tháp bị mất tiêu chỉ có căn “Địa ngục tự” này tồn tại tưởng cũng không có gì khó hiểu lắm đâu. Bởi từ khi nước ta bị nước Tàu xâm chiếm, các chính quyền nhà Tần, nhà Hán đặt ách thống trị, việc đầu tiên của họ là phá bỏ nền văn hóa bản địa, trong đó có các cơ sở của tôn giáo, tín ngưỡng. Đó là bước đầu trong mưu toan đồng hóa Việt tộc vào Hán tộc. Họ phá bỏ chùa tháp cũng bởi lúc đó đạo Phật chưa được truyền vào Trung Hoa, nên kẻ thống trị không có hiểu biết cũng không lý hội được giáo lý Phật vì thế chúng bài xích, chúng cấm đoán tất cả những gì không thuộc về dòng văn hóa Hán tộc. Vì nhẽ đó mà các nhà truyền giáo Tây Trúc phải rút đi hoặc nằm im chờ thời.

Có thể nói đây là lần thứ nhất đạo Phật được truyền vào nước ta. Tuy bị cản trở nhưng nó đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng cư dân nước Văn Lang. Và dòng văn hóa này cứ dần thâm nhập và hòa vào với dòng văn hóa Việt tộc.

Ngẫm nghĩ giây lâu, thiền sư nói tiếp: - Đến như Phật Mẫu Man Nương (tức Pháp Vân) ta ngờ rằng dấu đó có thấp thoáng hình bóng bà công chúa con vua A Dục, nếu quả thực bà cầm đầu đoàn truyền giáo từ Tây Trúc vào nước ta.

Minh Luân bèn thưa:

- Bạch lão sư bá, vậy còn các vị Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện thì sao ạ?

- Ta chắc các vị đó sau này các bậc siêu việt của đạo Lão cấy thêm vào để trở thành "Tứ trụ", và cũng là "Tứ pháp".

Trở lại chuyện "Địa ngục tự". Vậy tại sao kẻ thống trị phá chùa tháp lại để cho "Địa ngục tự" tồn tại. Ấy là bởi kẻ thống trị vẫn muốn lưu giữ cái hình cụ ấy để răn đe dân chúng. Còn vì sao "Địa ngục tự" còn có tên là "Chùa Bùn Đen" hoặc "Chùa Đất Bùn" là bởi nó được xây bằng một thứ đá đen như màu bùn. Chính là loại đá như phiến đá ta và các vị ngồi đây. Và rằng người mình thuở ấy còn ít chữ, nên cứ nom vật đặt tên. Thấy nó giống màu đất bùn thì gọi luôn là "Chùa Đất Bùn".

Còn ba chữ “Địa ngục tự” viết theo lối chữ triện kia, ta ngỡ rằng người đời sau khắc vào đó. Và lại chữ Hán chỉ xuất hiện ở nước ta từ khi ta lệ thuộc nước Tàu, chứ từ đời nhà Hùng về trước, ta chắc chữ Hán chưa có ở nước mình. Lại nữa kiểu chữ triện, chữ bùa chỉ xuất hiện từ khi Đạo giáo và Mật giáo thịnh hành. Ngôi chùa của ta có từ đời tiên Tần¹, còn Phật giáo vào Trung Hoa mới lác đác ở đầu đời Đông Hán² và nở rộ vào thời Tùy - Đường³. Cứ cái lý ấy mà suy thì ba chữ “Địa ngục tự” kia không thể xuất hiện cùng thời với ngôi chùa từ khi nó được tạo dựng.

Thiền sư ngừng lời, tay đỡ vừng trán rộng, mắt đăm đăm nhìn về một cõi mơ hồ nào đó, tâm trí ngài trở nên lãng đãng. lát sau ngài lại tiếp: - Đạo sĩ hỏi ta vì sao xứ này lại gọi là Tây Thiên? Rõ ràng là vị thế nó nằm ở phía tây nước mình rồi. Nhưng cũng còn một nhẽ nữa là các nhà truyền giáo Tây Trúc đã đem đạo Phật vào mảnh đất này, nên người mình đặt tên ấy để tỏ lòng ngưỡng mộ xứ Phật và cũng là để tỏ lòng tri ân các nhà truyền giáo. Vì vậy ngôi đền cổ nhất ở đây thờ Thánh Mẫu Âu Cơ cũng lấy tên là “Tây Thiên Thánh Mẫu” và rước cả tượng Phật vào phối thờ. Lại ngôi chùa ta đang

1 Nhà Tần, thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên (246- 210).

2 Nhà Đông Hán, thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên (25- 40).

3 Nhà Tùy (603- 617) - nhà Đường (618- 906).

trụ trì đó cũng có tên là “Tây Thiên cổ tự”. Trước kia nhỏ lắm, chẳng biết khởi dựng từ đời nào. Chỉ biết đã qua nhiều lần trùng tu, sau đổ nát, và mới xây cất lại khang trang, to đẹp được vài chục năm nay.

Hai chú cháu đạo sĩ Minh Luân nghe thiền sư giảng giải, mọi việc coi như đã tỏ sáng. Tuy nhiên, còn một điều, theo đạo sĩ vẫn chưa được rõ ràng, minh bạch, chàng bèn chấp tay cung kính:

- Bạch đại lão thiền sư, xin ngài hằng tâm bố thí giảng giải cho con một điều nữa. Rằng nước ta nói là các vua Hùng nối tiếp được mười tám đời, kéo dài tới hơn hai ngàn sáu trăm năm, như vậy có phải là chuyện hoang đường không? Bởi làm sao con người vào thời ấy, dạ tức là các vua Hùng lại có thể sống tới gần một trăm năm chục tuổi được. Dạ, tiểu sinh xin đại lão hòa thượng chỉ giáo cho kẻ hậu học được tỏ tường.

Thiền sư nheo mắt cười độ lượng:

- Đạo sĩ không phải là người đầu tiên hỏi ta điều đó. Ta trộm nghĩ, nên hiểu đây là Thời đại Hùng Vương chứ không phải Triều đại Hùng Vương.

Vả lại theo thể truyền¹, từ cổ xưa, tức là từ cái thời ta còn khuyết sử đó, trong cộng đồng có quy ước, ai

¹ Thể truyền có nghĩa là truyện được lưu truyền trong thế gian, ngày nay gọi là truyện dân gian hoặc truyền thuyết.

được tôn vinh lên làm người đứng đầu của cộng đồng các bộ tộc, tức là đứng đầu bách tính thì gọi là Hùng Vương. Được tôn vinh là người đứng đầu trong một cộng đồng nhỏ thì gọi là Hùng trưởng. Hùng ở đây có nghĩa là người giỏi, người tài trí, người dẫn dắt cho cả một cộng đồng về săn bắn, chăn nuôi, trồng trọt, chống lại thú dữ và chống lại sự xâm lấn của các bộ tộc khác. Bởi thế, việc truyền ngôi là truyền cho người tài giỏi trong cộng đồng chứ không phải cha truyền con nối như mấy ngàn năm sau. Lại nữa mỗi triều đại như vậy có tới mấy đời Hùng kia. Thường mỗi triều đại Hùng Vương ấy xưa gọi là một chi. Ví như chi cuối cùng là chi thứ mười tám có tới sáu đời Hùng. Vị vua cuối cùng là Hùng Duệ vương thứ sáu¹.

Đột nhiên thiên sư Vô Ngại ngừng lời, ngài lim dim mắt như cố nhớ lại một điều gì đó. Chợt như bừng thức, ngài nói tiếp:

- Vẫn theo thế truyền, thời đại Hùng Vương có mười tám chi, nối tiếp được tám mươi lăm đời trải dài tới hơn hai ngàn sáu trăm năm. Như vậy bình quân mỗi đời Hùng chỉ có trên dưới ba mươi năm, thiết tưởng đó là điều khả dĩ có thể tin được.

Đạo sĩ Minh Luân vẫn còn hoài nghi liền hỏi:

¹ Hùng Duệ vương thứ sáu tương đương với thời Chiến quốc (Đông Chu của Trung Quốc) 425- 255 trCN.

- Kính bạch đại lão hòa thượng, việc này không được chép trong chính sử. Vậy lấy gì làm căn cứ để đời sau có thể tin?

Thiền sư Vô Ngại nhìn hai chú cháu đạo sĩ, ngài nheo mắt cười, cái cười hiền hòa phúc hậu, đoạn ngài nói:

- Cổ xưa nhân loại chưa có chữ viết, nhưng con người vẫn có thiên hướng lưu dấu ấn của mình ở lại thế gian. Đó chính là sự khác biệt giữa loài người với các loài khác. Có tộc người lưu dấu ấn của mình bằng hình ảnh, tức là họ đục khắc hình hài của họ và các dạng sinh hoạt của cộng đồng lên các vách hang động. Đó chính là hình thức chép sử của người xưa. Trống đồng của ta với các hình khắc trên mặt trống chẳng phải là một cuốn sử bằng hình ảnh bằng cả vật thể đó sao. Cộng đồng Việt tộc vào thời Hùng Vương tuy chưa có chữ (hoặc có chữ nhưng đã thất lạc), nhưng sự tiến hóa đã cao lắm, nên lưu giữ dấu ấn của mình bằng các truyện kể. Truyện đó lưu giữ từ đời này sang đời khác ở trong tâm khảm các thế hệ và nó được bổ sung ở các đời sau. Đó chính là pho cổ sử của nước ta. Các tộc người khác, chắc cũng làm như vậy thôi. Nếu không khắc trên đá thì là truyện kể hoặc ca vè. Nếu không tin vào các truyện thế truyền từ khi loài người chưa có chữ viết, hẳn là loài người không có quá khứ.

Minh Luân lại hỏi:

- Kính bạch đại lão, vậy chờ hậu thế sẽ kiểm chứng bằng cách nào ạ?

Thiền sư Vô Ngại cười thật sáng khoái. Ngài nói như reo: - Phải rồi! Phải rồi! Đúng như đạo sĩ hỏi đó. Phải kiểm chứng thì mới tin được. Nếu không có gì để kiểm chứng, tự trung nó chỉ là chuyện phiếm. Về kiểm chứng, theo ta phải đối chiếu từ trong các truyện kể với phong tục hiện tồn. Phong tục chính là cốt cách và cũng là tinh hoa của mỗi tộc người được chung đúc lại và nó được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Mặc nhiên mỗi đời lại có sự bổ sung những cái mới và loại bớt những cái xét ra không còn thích dụng nữa. Phong tục được phán chiếu trong nếp ăn, nếp ở, nếp mặc, nếp ứng xử và cả lễ nghi giao tiếp nữa. Sau rốt là ngôn ngữ, tức là tiếng nói của cộng đồng vẫn được bảo tồn làm phương tiện giao tiếp thông dụng từ cổ xưa tới nay.

Tuy là thế truyền nhưng có điều này khiến ta suy nghĩ lung lăm. Tức là khi Mã Viện đã đánh bại được vương triều của Bà Trưng lúc trở về Lạc Dương, vua Hán hỏi về tình hình nước ta, y nói nhiều điều tai nghe mắt thấy. Riêng về pháp độ nước ta, Mã Viện tâu với Hán Võ đế rằng: “Xét luật pháp của An Nam so với luật nhà Hán cũng không chênh nhau nhiều lắm”. Điều đó có nghĩa rằng văn hiến nước ta thời Hùng Vương không

thua kém gì văn hiến Trung Hoa. Và như vậy thì nước ta thuở ấy đã có văn tự riêng của mình chứ không phải dùng đến Hán tự. Ấy là ta cũng đoán phỏng thế thôi chứ mình định việc này không dễ đâu.

Nghe thiên sư Vô Ngại nói, đạo sĩ Minh Luân không giấu được niềm vui và cả sự xúc động, chàng liền hỏi:

- Thưa lão sư bá, nếu như vậy thì sao lại có thể gọi hơn hai ngàn năm đó là thời kỳ ta khuyết sử ạ.

Thiên sư Vô Ngại với vẻ buồn hiện rõ trên gương mặt vốn bình thản. Sư nói:

- Nó khuyết bởi kẻ thù thâm hiểm đã thủ tiêu toàn bộ những gì thuộc về văn hóa Việt tộc. Việc đó trở thành quốc sách của kẻ thù, chúng làm dai dẳng và triệt để từ đời này qua đời khác tới mấy trăm năm liền. Vì thế để lưu giữ lịch sử của nòi giống, người mình phải biến nó thành các truyện kể.

Phải nói dân tộc ta vừa kiên cường vừa quật cường nên mới giữ được nòi giống, quốc thổ và văn hiến tới ngày nay, chứ thực ra hằng trăm quốc gia nhỏ bé khác sống bên cạnh người Hán đã bị họ nuốt chửng và bị Hán hóa hết rồi. Nếu xét đến cùng thì từ khởi thủy Hán tộc chỉ có một nhóm sống trong lưu vực sông Hoàng Hà, nhưng nhờ đồng ruộng phì nhiêu, kinh tế, văn hóa phát triển nên họ bành trướng khá nhanh.

Vời vè đăm chiêu, đạo sĩ Minh Luân lại hỏi:

- Kính bạch lão sư bá, vậy làm thế nào phục dựng lại được gương mặt lịch sử nước nhà?

- Chắc chắn dân tộc ta sẽ phục dựng lại được gương mặt lịch sử nước nhà. Song ta chắc cũng phải qua nhiều thế hệ của nhiều tài năng và tâm huyết. Đây không phải là công việc muốn mà làm ngay được đâu. Kẻ thù thật là xảo quyệt.

Thiên sư buông một tiếng thở dài rồi ngừng bật.

Đạo sĩ cảm thấy không còn điều gì mắc vướng nữa, chàng vội đứng dậy chấp tay vái nhà sư hai vái:

- Tạ ơn lão sư bá, người đã khai thị cho tiểu sinh hiểu được ngọn ngành nhiều điều mà trước đây con thường quẩn quanh lưỡng vướng như gà mắc tóc. Con đã hỏi nhiều bậc trưởng lão trí lự hơn đời, nhưng chưa bao giờ con được chỉ dẫn rốt ráo như lần này. Ước chi lão sư bá chép lại việc này để hậu thế hiểu biết về tổ tiên mình từ cái thời còn khuyết sử, kể cả tội ác thủ tiêu văn hóa Việt tộc của quân thù.

Minh Luân tự hèn, trong những ngày còn lưu lại Tây Thiên cổ tự, sẽ nhờ đại lão thiên sư chỉ dẫn cho những điều còn bất túc trong sự nghĩ hiểu của mình. Quả đúng ngài là bậc minh sư, minh triết, nếu không có phước duyên, dễ gì được diện kiến ngài. Ta có cảm nhận, dường như không có điều gì trong nhân gian mà

ngài không thấy biết và tường giải cho người khác thấu hiểu tới ngọn ngành; quả thực ngài là bậc Vô Ngại.

Minh Luân tự nghĩ, còn một số công việc phải làm tiếp, như phải tới Tây Thiên Thánh Mẫu để báo cho ni sư Diệu Thiện (tức Tạ Thuần Khanh) biết, rằng con của sư ti (Thuận Đức) đã về làm đệ tử của thiền sư Vô Ngại trong Tây Thiên cổ tự. Và cũng phải báo cho sư ti biết rằng quan hoàng môn chi hậu Ngô Tuấn, tức thiếu úy Lý Thường Kiệt đã đánh hơi thấy Thuận Đức ngoài trang Vân Đồn.

Từ nãy thiền sư Vô Ngại vẫn ngẫm nghĩ về câu nói của đạo sĩ Minh Luân khuyên ngài nên chép lại các việc đời xưa để lưu cho hậu thế, ngài liền đáp:

- Đó là việc của các nhà chép sử chứ đâu phải việc của mấy ông thầy chùa.

Minh Luân bèn đứng dậy vái thiền sư và nói:

- Con xin lão sư bá tha tội, con không bao giờ dám bị báng các nhà chép sử đáng kính, nhưng quả thực những việc họ chép trong sử sách con chỉ tin được có hai điều.

- Hai điều gì vậy? - Thiền sư hỏi với vẻ háo hức muốn nghe.

- Dạ, điều thứ nhất là những tên đất, tên làng.

- Cái đó thì đã hẳn. Đã gọi là chép sử thì các địa danh phải thật minh xác. Vậy chớ còn điều thứ hai ta

đang muốn biết.

- Kính bạch lão sư bá, điều thứ hai là các việc đi doan, các điều huyền hoặc.

Nhà sư lặng thinh, ngài ngửa mặt nhìn trời, hai bàn tay chấp lại, miệng niệm hồng danh đức Phật:

- Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Chuyện đến đây đã quá dài, nhẽ ra nên chấm dứt, thế nhưng Thuận Đức vì lòng hiếu học lại cả tính tò mò của tuổi thiếu niên, nên mạnh dạn lên tiếng:

- Con xin đại lão bố thí cho con một điều nữa ạ.

- Điều gì vậy con? - Đại lão hòa thượng hỏi.

- Dạ bẩm sáng nay trên đường vào chùa, chú cháu con phải lội qua suối lớn dưới chân núi, khi hỏi, vị tiểu tăng cho biết đó là “Suối Giải Oan”. Con cứ nghĩ từ sáng tới giờ, liệu có phải nơi dòng suối này đã có nhiều người oan thác.

Thiền lão nheo mắt nhìn Thuận Đức, với vẻ triu mến khoan dung, ngài nói:

- Đâu có! Đâu có như vậy. Thật ra cũng có nhiều người hiểu như con đấy. Suối này có tên là “Suối Giải Oan” từ khi có chùa của các nhà truyền giáo Tây Trúc, hoặc từ khi có ngôi “Tây Thiên cổ tự” sau này do các thiền sư người mình đặt tên thì lão tăng không được rõ lắm. Nhưng cái tên ấy không khởi từ chỗ có người thác

oan, mà bởi các nhà tu hành khi tới cõi giới này, lấy nguồn suối này để phân chia ranh giới. Bên này dòng suối là cõi tục, cõi phàm; bên kia dòng suối là cõi thiên, cõi Phật. Qua suối để vào cõi Phật, người xuất gia xả hết căn trần, đoạn diệt tất cả để thanh tâm tu đạo.

Vì vậy trong các chốn tu hành tịch tĩnh có các bậc minh sư hành hóa, thời dòng nước bao quanh khe động đều lấy làm nơi phân ranh và thường mang tên “Giải Oan”. Giải oan ở đây nghĩa là tẩy rửa các căn nghiệp, kể cả tiền oan nghiệp chướng. Ta ngờ rằng cái tên “Suối Giải Oan” này có từ thời các nhà truyền giáo Tây Trúc đến lập chùa thuyết pháp ở đây, bởi nó gắn với thuyết “nghiệp báo” của nhà Phật.

Thiền sư ngừng lời nhìn Thuận Đức lại nhìn đạo sĩ Minh Luân, ngài mỉm cười nói tiếp: - Chuyện chỉ có vậy, song người đời hiếu sự hay thù dết khiến chân lý bị lấp vùi bởi những điều sai quấy. Thử hỏi ngày nay có ngôi đại danh lam nào trong chốn sơn lâm mà không có dòng suối mang tên “Suối Giải Oan”.

Đạo sĩ Minh Luân đứng dậy nghiêng mình vái thiền sư Vô Ngại hai vái. Thuận Đức cũng vái theo sư thúc. Và cả hai người đều chấp tay niệm:

- Nam mô A- di- đà Phật!

XVII

Mấy năm nay, kể từ khi cô gái quê ở hương Thổ Lỗi được nhập cung, lại được hoàng thượng mông ân phong cho làm nguyên phi, mọi việc nơi hậu cung dường như đã xáo trộn lên tất cả.

Thoạt kỳ thủy là việc nguyên phi đi học, đã làm chính cung hoàng hậu Thượng Dương lộn tiết. Bà thường dè bĩu với đám quan nội hầu, đám thái giám thân cận và cả lũ a hoàn rằng: „Cái con nhà quê ấy lại dám lên mặt với ta sao. Chuông khánh còn chẳng ăn ai, thế mà mảnh sành mảnh chĩnh lại dám phách lối nữa à?”.

Đám quan nội hầu, đám thái giám lúc đầu còn về hùa với hoàng hậu, dò la tin tức bên Lan Cung. Nhưng sau thấy nguyên phi một lòng chăm chỉ học hành, suốt ngày đọc sách và tham bác các bậc đại thần, quốc sư mà đến hoàng thượng cũng phải kính trọng như thái sư Lý Đạo Thành, tể tướng Lâm Huệ Sinh. Và nữa, kỷ cương phép tắc tại Lan Cung đã vào quy củ, người nào

việc ấy chứ không chỉ có suốt ngày điếm trang rồi đi đầu cũng kéo cả đàn cả lũ, cạy thân cạy thể, khích bác, ghen tị và ngỗ lè đôi mách.

Song điều quan trọng hơn cả là nhà vua sau những buổi thiết triều, những dịp đi kinh dinh đất nước về đều ghé Lan Cung thăm Ý Lan và cho nguyên phi biết những việc dân, việc nước mà nhà vua cùng cả triều đình quan hoài. Lúc đầu, nguyên phi chỉ biết nghe, và coi đó như một ân sủng nhà vua ban cho, chứ không dám nói lại một lời. Nàng còn lạ gì dưới con mắt của đám đàn ông quyền thế, họ coi đàn bà chỉ là thứ để giải khuây. Quan còn thế, nói chi vua. Vì vậy vua Thánh tông nói đủ thứ chuyện từ nội bộ triều đình đến chuyện biên thùý, chuyện nhà Tống, chuyện Chămpa mưu cầu kết thôn tính nước ta. Những lời nhà vua nói với nàng, tựa như ngài nói vào trong một chiếc hũ rồi nút kín lại, tuyệt nhiên nguyên phi không dám thổ lộ cùng ai.

Và xem ra việc nhà vua ăn ở, nhà vua đàm đạo tại Lan cung với nguyên phi coi như chuyện cơm bữa. Các cung khác vua không đoái đã dành, ngay cả điện Nguyệt Minh nơi chính cung Thượng Dương hoàng hậu ngự, nhà vua cũng ít ghé thăm, mà có ghé thăm cũng không ở lại qua đêm. Việc nhà vua sủng ái nguyên phi khiến đám quan nội hầu, đám trung quan đánh hơi rất thính. Tất cả bọn họ đều bầu vào Lan Cung như đám ruồi nhặng đánh hơi thấy vị ngọt, vị tanh. Họ hầu hạ

nguyên phi hết lòng. Họ tặng bức Ý Lan có sắc đẹp như một nàng tiên. Còn học vấn và trí tuệ của nguyên phi thì siêu việt như người nhà trời phái xuống. Họ dò la tin tức từ điện Nguyệt Minh, từ các phi, các tần khác tâu báo về Lan Cung khiến Ý Lan dù không muốn cũng phải nghe.

Không những thế ngày nào, giờ nào hoàng hậu Thượng Dương đi đâu, làm việc gì, hoặc những đại thần nào, phi nào, tần nào ra vào cung Thượng Dương biếu xén những quà cáp gì họ đều có tin tức đưa về Lan Cung.

Nghe mãi những điều vô bổ đó nguyên phi cảm thấy nó nhàm tai, có lúc Ý Lan đã phải gắt lên: „Ta không muốn nghe các người nói nhảm. Ai có việc của người ấy. Các người đem chuyện ở cung Nguyệt Minh về đây, rồi lại đem chuyện từ Lan cung đi nói khắp các nơi chứ gì. Ta cấm các người làm việc đó. Các người có biết làm việc đưa chuyện ấy là đã phạm một trong mười điều răn của nhà Phật không?”.

Một bữa vào khoảng đầu giờ thìn, viên đô thái giám xông hấn vào Lan Cung mà không báo trước. Nghe nói con người này quyền nghiêng thiên hạ, các quan trong triều y chỉ kiêng nể có vài người, còn thì sợ y một phép. Ngay các viên tả, hữu giám thừa chức tước chỉ kém y có một bậc mà y coi như bọn đầy tớ cả.

Ý Lan thấy y bước vào cung với vẻ dàng hoàng, tự tin như một người trung chính. Tuy trong lòng rất bức giận nhưng nguyên phi ráng kìm nén.

Viên quan hoạn mặt bệt, da màu chì, mắt xéch, lông mày sâu róm, y ngồi phịch xuống ghế mà không cần xin phép, cả không chào hỏi Ý Lan lấy nửa lời.

Nguyên phi thâm nghĩ, kẻ đã dám tự phụ thế này ắt hẳn tin vào việc hẳn làm lắm. Không hiểu y có biết, nếu ta cứ tâu lên hoàng thượng đúng sự thực về việc y hành xử vô lễ, xúc phạm đến ta thì y sẽ mất đầu, nếu không cũng bị đánh trượng đầy viễn châu.

Tuy nhiên với tính hiếu kỳ của nữ giới, nguyên phi muốn biết y đến đây làm gì mà có vẻ ngông ngạo vậy. Ý Lan bèn lên tiếng trước:

- Nguyên phi tôi có lời chào quan đô thái giám. Quý quan đến thăm mà không báo trước để còn sửa soạn nghênh đón cho đúng lễ luật.

Đô thái giám giật thót người. Y biết lời chào của nguyên phi chính là lời cảnh báo. Thứ nhất, ta là nguyên phi, người là phạm thần tử, thế mà người phải để ta chào trước. Hai là tự tiện vào cung mà không xin phép trước. Ba là các việc người làm đều phạm vào lễ luật của triều đình. Việc này nếu tâu lên hoàng thượng, người ắt mất đầu. Y lại thâm nghĩ, ta đến để thị oai, để răn đe rồi đưa vào bè đảng, ai ngờ bà ta quả là người chững chạc

không dễ gì bắt nạt được. Chột dạ, dõ thái giám liền đứng dậy chấp tay vái Ý Lan:

- Dạ bẩm nguyên phi, dõ thái giám Đõ Khánh Thập tõi ã mạo phạm ðến oai danh xin ðược tha tõi chết.

- Ổ không, ông quá nặng lời, chỉ vì ta sơ suất, - Ý Lan nhẹ nhàng ðáp lời Khánh Thập. Nàng ðã bắt ðầu manh nha thấy sự tác yêu tác quái, sự ma giáo của ðám người này mà trước ðây ở quê chỉ nghe kể về họ ðã thấy rợn cả tóc gáy. Thực tình những câu chuyện về các thái giám trong hậu cung mỗi khi ðược nghe kể xong, tuổi thơ của Khiết coi ðó là những chuyện ma quái, kinh dị.

Đõ Khánh Thập cảm thấy bất an ở trong lòng, ông cho rằng nguyên phi cố chấp. Nàng lại ðang ðược nhà vua sủng ái. Nếu nàng không bỏ qua chuyện này mà tâu lên hoàng thượng, ta không bị rơi ðầu ất cũng bị ðày ði viễn châu làm binh khao giáp. Ý lại tự trách mình vì quá tự ðắc tự mãn nên phạm vào lễ, luật. Thật tình, ý không thể ngờ ðược cái con nhà quê này lại phách lối ðến vậy. Ngay cả chính cung Thượng Dương hoàng hậu còn phải nể mặt ta. Mỗi tháng bà còn cho riêng ta tới cả chục nén bạc ðể chỉ nhờ có mỗi một việc, là làm thế nào ðể hoàng thượng năng lui tới ðiện Nguyệt Minh.

Đúng là kẻ mưu mô ác hiểm lại hay ða nghi. Vẽ cộp ra mà sợ chứ Ý Lan vốn là một người chân thực.

Chân thực đến đại khờ. Từ ngày vào cung, kể đã mấy năm, nhưng nàng vẫn chân chất chẳng biết kéo bè kết cánh cùng ai. Thường thì các cung nữ hay mua chuộc đám hoạn quan, để chúng tạo cơ may được ân ái với hoàng thượng. Nàng nào được vua nâng lui tới sẽ được thăng lên hàng tần, phi. Và nếu lại sinh được hoàng nam nữa thời có dịp đổi đời, không chỉ cho mình mà còn vinh danh cho cả cha mẹ, họ hàng, làng xóm, quê hương. Thế mà chỉ có nguyên phi là đứng đưng không cần biết đến một trung quan nào, không cầu cạnh một ai. Đến ta đứng đầu ty thái giám tự dẫn thân đến Lan cung mà cô ta cũng chẳng coi ra gì, lại còn cạnh khỏe, đe nẹt. Hoặc là cô gái quê này chẳng biết luật lệ gì ở trong hậu cung, nên không biết đến quyền uy của các quan giám. Hoặc là cô ta cậy mình được hoàng thượng sủng ái nên coi khinh tất cả. Ta nói thật, nếu cứ vênh váo mà khi rơi vào thất sủng, ta e rằng một mảnh váy rách đeo trên thân cũng không có, và suốt quãng đời còn lại sẽ bị chết dần chết mòn trong chốn lãnh cung. Tới lúc đó, dẫu có van lạy ta cũng là vô ích thôi.

Rốt cục trong lúc này, y vẫn cảm thấy Ý Lan chưa biết sợ về con đường mai hậu. Đúng là cô gái quê này còn ngờ nghệch lắm, chưa có ai chỉ bảo, cũng chưa có manh nha kéo bè kết cánh với ai. Bởi suốt ngày nếu không chúí đầu vào sách lại di tham vấn mấy lão thiên sư, nho sĩ. Hay là ta cứ liều, nói hết sự thật trong chốn

hậu cung cho nàng hiểu, kiểu như chơi bài ngựa. Bữa trước ta đã nhờ một đạo sĩ bói cho Ý Lan quẻ dịch, y nói năm tới, người này sẽ sinh con trai. Nếu quả nguyên phi sinh đặng hoàng nam mà ta lại là tay trong của bà thời mọi việc của cái triều đình này sẽ do bọn ta thâu tóm. Nghĩ vậy, y liền lĩnh lên tiếng:

- Tâu nguyên phi, thần đem đến cho nguyên phi một hỉ tín. Xin lệnh bà tha cho tội đường đột thần mới dám trình tâu.

- Chuyện gì vậy quan đô thái giám. Ông cứ nói đi, sao phải rào đón. Ông có tội gì đâu. Chẳng qua ta vì nghèo, từ khi được vào cung hầu hạ hoàng thượng tới nay chẳng có món quà nào biếu tặng các ông, nên chưa có dịp ra mắt ty thái giám.

Đô thái giám xun xoe:

- Nguyên phi nói vậy là không muốn tha tội cho thần rồi. Thần đâu dám giải bày gan ruột nữa.

Ý Lan cảm thấy bực bội về cái lão đô thái giám gàn dở này, cứ khăng khăng đòi tha tội. Mà y có tội gì ta đâu biết. Và lại nàng cũng muốn tống khứ lão ta đi để còn đọc sách. Vì vậy nàng nói:

- Thôi được, quan đô thái giám đã nói vậy, ta bằng lòng tha tất cả những gì ông sai quấy, kể cả ông có điều gì mắc lỗi với Lan Cung. Nào có việc gì ông nói thử ta nghe.

Được lời như cời tấm lòng, viên đô thái giám xun xoe, hai bàn tay chấp lại khẽ xoa xoa, y cố thu đôi vai rộng và thân hình to cao lồ lộ, và với bộ mặt nhăn nhờ, y ngược nhìn Ý Lan nói lí nhí:

- Đội ơn lệnh bà! Đội ơn lệnh bà, thần nguyện từ nay xin được tỏ lòng trung, xin lệnh bà chớ nghi ngại.

Với thế lực của một đô thái giám, quan đầu triều còn phải vị nể, thế mà y lại tự hạ nói ra những lời khác thường khiến Ý Lan hơi chột dạ, chẳng còn biết sự thể trong triều ra làm sao nữa. Nàng cúi nhìn lại gương mặt quan đô thái giám. Và theo như cách trông mặt nhận người như cha nàng thường nói, thì loại người như đô thái giám đây thuộc loại gian hùng. Y có thể làm được các điều tàn bạo, các việc đê tiện. Loại người này dù có cố gắng đến mấy cũng không làm nổi một việc nghĩa nhỏ. Bởi y không thể tưởng tượng, con người làm bất cứ việc gì lại không có lợi cho mình.

Ngẫm nghĩ giây lâu nguyên phi nói:

- Quan đô thái giám, ta đang muốn nghe điều ông định tường giải đây.

Đô thái giám gãi đầu gãi tai:

- Dạ bẩm nguyên phi, thần có điều cơ mật muốn tâu. Xin lệnh bà sau khi được biết hãy giữ kín tin này. Ngay với cả hoàng thượng cũng chưa nên tâu báo. Số là thần có quen một vị đạo sĩ rất giỏi lẽ huyền cơ, tinh

thông dịch lý, lại giỏi cả về thái ách thần kinh. Thần có nhờ người ấy tính cho nguyên phi và hoàng thượng một quẻ về đường tử tức.

- Vậy chớ ông ta nói sao? - Ý Lan sốt ruột giục.

- Bẩm nguyên phi, ông ta tính kỹ lắm, tính đi tính lại tới nửa tuần trăng và quả quyết, đầu năm Bính Ngọ tới đây nguyên phi sẽ sinh hoàng nam. Thần lại nhờ ông ta tính hộ xem chính cung hoàng hậu cùng các phi, tần khác liệu có còn ai có thể sinh con trai. Sau mấy ngày ông ta lại nói, ngoài nguyên phi ra không một người nào khác có thể sinh được hoàng nam. Mà nguyên phi không chỉ sinh có một hoàng nam đâu.

Nghe dò thái giám nói, nguyên phi bồi hồi xúc động. Nàng cảm như nghẹt thở. Chao ôi, ta mà sinh được hoàng nam chắc chắn nhà vua sẽ lập ngay con ta làm hoàng thái tử, địa vị của mẹ con ta sẽ lên đỉnh cao tốt vời. Nàng thâm biết ơn Phật tổ đã độ trì và ban phước báu. Nhớ lại hồi còn là cô gái hái dâu, khổ quá chẳng biết kêu với ai, chỉ vào chùa xin làm công quả chốc lát để được giải bày trước ban thờ chư Phật, chư Bồ tát. Đại lão thiền sư đôi lần cho lời khuyên: „Tu Phật cốt ở tu tâm. Hãy giữ lấy cái tâm thiện. Tâm đã thiện thì từ lời nói đến việc làm ắt theo nghiệp thiện. Có công thời có quả. Muốn hái quả phải trồng cây. Muốn ăn quả phúc phải trồng cây đức...“.

Những lời dạy của đại lão thiên sư như tạc vào tâm não của cô Khiết, nhất nhất cô đều làm theo. Bây giờ trở thành nguyên phi, Ý Lan càng nhớ và làm theo các điều răn của ngài. Nay lại theo học các bậc túc thiên, xem ra những lời dạy của đại lão hòa thượng cũng chính là điều căn cốt nhất của giáo lý Phật.

Ý Lan thật không ngờ niềm phúc lạc do Trời - Phật ban cho nàng lại lớn đến vậy, nếu quả đúng như lời của đô thái giám. Tuy nhiên, những chuyện trong thâm cung với biết bao cạm bẫy đều do đám quan hoạn bày xếp, khiến nàng hơi nghi ngại. Nguyên phi dè dặt hỏi:

- Vậy chớ điều ông đô thái giám vừa nói lấy gì làm bằng cứ đây?

Đỗ Khánh Thập neho cặp mắt ti hí cười nịnh bợ:

- Bẩm nguyên phi, xin người thứ lỗi cho kẻ hạ tiện này và đừng cho lời nói què mùa sau đây là bất kính. Tâu, quả phúc đâu phải quả cam quả bưởi mà bảo trông thấy được, sờ nắn được, chuyển dịch được. Phúc báo cũng như nghiệp báo, chỉ khi nó đến hoặc đi rồi ta mới thấy được. Trong cảnh ngộ của nguyên phi ắt phải chờ nó hiển lộ. Vả lại thời gian còn có là bao.

- Đúng thế, nay đã vào tiết trọng xuân của năm Ất ty, nếu là đầu năm Bính Ngọ thì chỉ còn mười một tháng thôi. Sự việc này mà linh nghiệm như lời đạo sĩ

thời phải tôn ông ta là bậc thánh.

- Dạ đúng như vậy.

- Vậy chớ ta phải đáp lễ ông và bậc đạo sĩ kia thế nào đây?

- Dạ bẩm nguyên phi, chúng thần làm việc này là để trồng cây đức cho Đại Việt, sao dám nói đến công lênh. Nguyên phi chẳng thấy việc hoàng gia chưa có người nối dõi là việc đáng lo của cả nước sao.

- Chuyện này mà thành tựu, ấy là phúc cho nhà Lý ta, phúc cho Đại Việt mà công của các ông cũng lớn lắm.

Thấy nguyên phi đã thích thú điều mình nói, đô thái giám liền tiến thêm một bước nữa, y nói:

- Nguyên phi nên nhớ, việc này là đại phúc nhưng... Đỗ Khánh Thập toan nói, lại ngập ngừng, khiến nguyên phi lo lắng hỏi:

- Ông đô thái giám còn do dự chi nữa mà không nói nốt điều ông nghĩ.

- Bẩm, nguyên phi chẳng thấy những điều khủng khiếp đã từng xảy ra trong lịch sử đó sao. Việc chính cung cùng các phi tần khác không sinh được hoàng tử mà nguyên phi lại sinh được hoàng tử, thời nguyên phi chẳng là đầu mối của mọi sự đổ ỹ sao. Thần không chỉ lo cho hoàng tử khi ra đời mà ngay cả tính mệnh của nguyên phi cũng cần được bảo trọng. Cho nên từ khi

có dấu hiệu có giọt máu rồng, mọi việc đều phải đặt dưới sự giám sát nghiêm ngặt của ty thái giám, lại cũng phải mật báo với hoàng thượng để nhà vua sai khiến Tả, Hữu kim ngô ngầm bảo vệ.

Nghe đô thái giám nói, trong lòng Ý Lan thấy gợn gợn nổi khiếp sợ về các chuyện trong chốn hậu cung mà nàng được nghe từ thuở ấu thơ. Chẳng nhẽ nó lại hiển lộ ngay trong chốn cung cấm nghiêm mật này, chẳng nhẽ nó lại ứng vào ta sao.

Nhìn gương mặt nguyên phi, đô thái giám đọc được tâm trạng nàng, y vội trấn an:

- Bẩm nguyên phi, tôi nghe nói người quân tử thường phòng bị từ xa, từ khi nó chưa có mầm họa thì họa không tới được.

- Phải! Ông nói làm ta tỉnh ngộ. Ý Lan cảm thấy hơi vững dạ, liền hỏi: - Ngoài các việc ông vừa nói, ta có cần gặp vị đạo sĩ mà ông nhờ cậy? Lại nữa có phải làm đàn chay cầu cúng tại chùa, quán không? Hoàng thượng có phải ra làm chủ đàn tràng không?

- Có nhẽ mọi việc đều phải kín nhem không hở cho bất kỳ ai được biết trong lúc này. Nếu lộ ra có kẻ biết nhờ thầy cao tay yểm, trấn thì khó có cơ may thành tựu. Việc lễ bái, cầu cúng tất phải có, thân xin được đứng ra lo cùng với một vài vị đạo sĩ, thiền sư, các bậc đạo cao đức trọng, dốc lòng vì sự hưng vong của xã tắc.

Ngẫm nghĩ một lát, đô thái giám lại nói: - Nguyên phi là người am hiểu Phật pháp chắc biết, sự hoài thai là kết hợp giữa tinh cha huyết mẹ, nhưng sự đầu thai lại là sự tái kiếp của tánh linh; trong đó tánh linh phải mượn cái thai làm hình hài nương tựa cho sự sống. Vì thế các cao tăng, đạo sĩ phải lựa tánh linh siêu phàm cho vào đầu thai chứ không thể cho tánh linh còn trọc được vào cửa quyền môn.

- Trời ơi, ở nước ta lại có các bậc thánh tăng đoạt quyền của tạo hóa sao? - Nguyên phi tỏ ra kinh ngạc.

- Bẩm nguyên phi đây vừa là pháp môn vừa là bí thuật do các cao tăng đã hành hương sang tận Tây Trúc thụ giáo trở về. Ngay cả việc này nguyên phi cũng chỉ nên để dạ, không nên tiết lộ mà mang vạ, bởi các vị ấy đã đạt tới thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông.

Từ nay nguyên phi cứ sống như bình thường người vẫn sống, tuy nhiên việc đi lại không được khinh suất. Việc ăn uống thì chỉ dùng các thức ăn uống do ty thái chúc đã chỉ dẫn cho ngự hỏa thực nấu, và chỉ một hai người được phép hầu hạ việc bếp núc mà thôi. Còn việc thuốc men bổ dưỡng cũng chỉ dùng những thứ mà quan thái y chỉ định. Và khi có dấu hiệu giọt máu rồng đã động, ngay lập tức nguyên phi phải báo cho thần, để thần trừ liệu việc bảo mật cũng như bảo trọng. Dạ, đương nhiên người đầu tiên mà nguyên phi báo tin

mừng ắt phải là hoàng thượng rồi.

Sau đó mọi việc diễn ra bình thường. Đàn chay cầu cúng do một vài hòa thượng và đạo sư chủ trì tại phía tây thành Thăng Long, dưới sự giám sát chặt chẽ của những người do đô thái giám Đỗ Khánh Thập phái đến. Hằng đêm Thập có lui tới chùa, thăm viếng các pháp sư, thiền sư và mong chờ sự linh ứng.

Lại nói về nguyên phi Ý Lan sau cuộc ra mắt đột ngột của người đứng đầu ty thái giám với cái tin khiến nàng ngộp thở. Và sau đó là những tin tức khiến nàng nửa tin nửa ngờ, nửa mừng, nửa lo. Đôi phen Ý Lan cũng đã toan tâu lại các việc với hoàng thượng, bởi nàng luôn canh cánh về sự quý quyết và tàn ác của đám hoạn quan. Song lại nghĩ, nếu như đô thái giám thành thật mà ta tiết lộ sớm khiến công việc của họ bị lỡ dở, thì ta là kẻ đáng trách biết chừng nào. Tuy lo lắng, nhưng Ý Lan thật sự mong mỗi điều đô thái giám nói sẽ sớm hiển lộ. Và còn hạnh phúc nào lớn hơn khi nàng sinh cho nhà vua được một hoàng tử khiến triều Lý được tiếp nối dài lâu, và không đẩy hoàng thượng và cả triều đình vào cơn bối rối. Và lại từ nay tới đầu năm Bính Ngọ như nhờ các vị cao tăng, đạo sĩ nói qua đô thái giám cũng chẳng còn bao xa, ta ráng chờ đợi, tới lúc đó mọi sự vẫn tỏ ra mờ mịt, ta tâu báo với hoàng thượng để trị tội Thập cũng chẳng muộn. Trong chuyện này nếu ta thực lòng, đô thái giám cũng thực lòng thời

chẳng nói làm gì. Nhược bằng y xảo trá muốn sắp đặt một cơ mưu nào đấy thì coi như cả ta và y cùng nhắm mắt chơi một nước bạc. Ta tin là phần thắng chẳng bao giờ thuộc về Khánh Thập bởi phía sau ta là hoàng thượng.

Ngày tháng cứ trôi mau, Khánh Thập cũng chẳng ghé Lan cung, mọi chuyện trong cung cấm, trong hậu cung vẫn diễn ra theo trình tự ngày hôm sau giống hệt ngày hôm trước. Nghĩa là thức dậy vào cuối giờ dần, điểm trang rồi ăn sáng là qua giờ mao. Tiếp đó nếu Ý Lan không đọc sách thì đi dạo, và ba ngày mới có một buổi học, cứ một buổi học về Phật lại một buổi học về Nho, còn về đường Lão học các thầy Nho, Phật đều kiêm giảng. Buổi chiều các a hoàn quét dọn nhà cửa, tắm giặt, túc trực chờ sai khiến. Tới đầu giờ thân thì Ý Lan vào khóa lễ chiều tại ngôi chùa thờ Phật trong khuôn viên của Lan cung.

Ý Lan đang tin theo và mê mải học về các giáo lý nhà Phật. Nhất những điều ứng nghiệm nhỡn tiền về thuyết nhân quả khiến nguyên phi tận tín, nghĩa là tin hết lòng hết dạ. Tuy nhiên, cũng không thể nói rằng Ý Lan không yêu thích những điều răn dạy về nhân nghĩa về trị loạn của Nho học. Có lần nàng đã hỏi thẳng Thái sư Lý Đạo Thành:

- Thưa Thái sư, tôi nghe nhiều người nói ở triều

Lý ta cũng như trong cả nước ta, Thái sư là người uyên thâm Nho học vào bậc nhất, có đúng không ạ?

Thái sư vuốt bộ râu dài bạc trắng tới ba lần, ông lắc đầu cười mỉm rồi đáp:

- Thưa nguyên phi, ai nói với nguyên phi điều đó là người ấy muốn hại thần. Thần tự thấy học thức còn nông cạn lắm, bởi đạo học thật là mênh mang như biển lớn, đâu dám nghĩ đến việc đứng trên người này người khác. Nói thứ bậc cao thấp sao bằng nói đã làm được những gì ích nước lợi dân.

Thái sư ngừng lời, vừng trán hơi chau lại như đang cố nhớ lại một điều gì đó, Lý Đạo Thành liền hỏi:

- Thưa, chẳng hay nguyên phi ở Thổ Lôi có nghe nói bên Đông Cửu có một nhà nho sinh thần đồng. Nếu nguyên phi biết, thời người đó mới thực là người giỏi chữ.

Gương mặt Ý Lan bỗng rạng rỡ hẳn lên như một bông hồng đang hé nở, nàng đáp:

- Thưa Thái sư, thần đồng chính là Lê Văn Thịnh. Cha tôi và cha Thịnh đều làm nghề dạy học và là chỗ bằng hữu thâm giao. Thái sư ở tận kinh thành sao biết được người nhỏ tuổi này.

- Nguyên phi chẳng thấy ngạn ngữ ta có câu: "Hữu xạ tự nhiên hương". Vả lại người tài ở xứ ta hiếm lắm như loài trân ngọc vậy. Vì thế, nếu ở đâu đó có

người tài thiên hạ đồn thổi nhanh hơn cả vết dầu loang. Không những thế còn vun đắp tô vẽ thêm vào khiến khó nhận chân sự vật.

- Thái sư đã biết tiếng Lê Văn Thịnh là người tài, sao triều đình không thu nhận anh ta vào bộ máy?

- Đạo Thành tôi cũng mới chỉ nghe nói chứ chưa được diện kiến bậc thần đồng đó. Và người ấy cũng còn nhỏ tuổi. Hơn nữa mới chỉ biết người ấy là người giỏi chứ thực chưa biết có hẳn là người tài đức, người có tâm. Nguyên phi sớm muộn cũng sẽ là người giúp rập hoàng thượng trong việc trị nước, nên nhớ việc tuyển chọn người vào nơi then máy quốc gia phải hết sức cẩn trọng. Ta cần phải tuyển được nhiều người tài. Vì chỉ có người tài mới sức được công việc mau thành tựu. Song nếu chỉ có tài mà không có tâm thì nó sẽ đem tài năng ấy vào việc mưu cầu lợi ích cho riêng mình, sẽ biến công vi tư với các mưu ma kế quỷ và trở thành kẻ đục khoét tài sản quốc gia, là mối nguy hại khôn lường cho bách tính. Việc chọn người tài có học thức, thần đã có kế sách xin hoàng thượng cho lập Khổng miếu rồi mở trường học cấp cao, mở khoa thi. Việc này hoàng thượng đang xem xét. Chắc nhà vua sẽ cho nghị bàn rồi ngài mới quyết.

- Dạ, nhân Thái sư nói đến chữ tâm. Chữ tâm bên nhà Phật, tôi đã được đại lão tăng thống Lâm Huệ Sinh

chỉ dẫn, vậy chớ còn chữ tâm bên nhà Nho thì nghĩa hiểu ra sao, hành như thế nào, lại nữa tâm Nho với tâm Phật có gì khác nhau không, xin Thái sư cho được thụ giáo.

Nghe nguyên phi hỏi, Thái sư Lý Đạo Thành vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì chưa thấy có người đàn bà nào lại ham học, ham hiểu biết như người này. Ham học hỏi, thành tâm tu tập để hoàn thiện nhân cách ắt sẽ trở thành người thiện đức. Nhưng ham học hỏi để mưu cầu cho một toan tính ích kỷ mà khi quyền lực vào tay thì đó lại là mối nguy cho xã tắc; ấy là chỗ Đạo Thành lo ngại. Sự nhớ chưa đáp lời Ý Lan, Thái sư bèn lên tiếng:

- Thưa nguyên phi, theo thiên ý của tôi đã lý hội được thì Nho học cho cái Tâm là phần chủ thể trong con người ta. Nó là cái thân minh cao cả nhờ nó mà con người nhận biết được thế giới quanh ta, cũng nhờ nó mà ta biện biệt được sự phải quấy, sự thiện ác ở đời. Thoạt kỳ thủy trời đều ban cho mỗi con người một cái tâm thanh tịnh không thiện không ác. Nhưng rồi con người nhuốm phải sự ô tạp của xã hội mà sinh ra thiện ác. Cho nên các bậc thánh nhân đều khuyên mọi người phải giữ cho được cái tâm hư tĩnh, tức là cái tâm trời phú cho con người khi mới lọt lòng mẹ. Đó là xích tử chi tâm. Tức là cái tâm của đứa con đỏ. Muốn giữ được cái tâm con đỏ thời như Mạnh Tử khuyên: “Dưỡng tâm mạc thiện ư quả đục. Kỳ vi nhân giả quả đục, tuy hữu bất

tồn yên giả, quá kỹ. Kỳ vi nhân giã đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quá kỹ”. Nghĩa là nuôi cái tâm thì không gì hay hơn quá dục, tức là ít ham muốn. Làm người mà quá dục, thì tuy có người không giữ được cái tâm, nhưng ít lắm. Làm người mà đa dục, thì tuy có người giữ được cái tâm, nhưng cũng ít lắm.

Thật vậy, dục là thể hiện lòng ham muốn. Ở đời, ai cũng có lòng ham muốn, nhưng ham muốn thái quá sẽ đẩy con người đến tham ó vô sỉ, nó chính là đầu mối của tham, sân, si, cũng là đầu mối của sự tranh đoạt, tranh chấp, tranh chiến, cao hơn nữa là chiến tranh. Không chỉ đạo Nho khuyên người ta “quá dục” mà đạo Phật cũng có lời răn cấm sa môn và Phật tử phải li xa con đường tham dục.

Chính Khổng Tử từng dạy các môn đệ của ngài rằng: “Dục nhi bất tham” tức là có ham muốn mà không tham lam. Và ngài cho đó là một trong năm vẻ đẹp về mặt đạo đức của công việc làm chính trị. Còn Đạo giáo thì coi quá dục là giới luật. Vậy là tâm Nho, tâm Phật, tâm Lão đều có khác nhau.

Thái sư ngừng lời thấy gương mặt của Ý Lan tỏ ra đăm chiêu suy ngẫm, ông nói tiếp: - Thừa nguyên phi, vậy là các nền đạo chân chính đều coi tham dục là kẻ thù của đức hạnh, là đầu mối của suy vong. Cho nên con người muốn có đức tốt phải nuôi dưỡng lấy nguồn tâm.

Ý Lan như người vừa được giác ngộ nên có sự bừng thức ở trong lòng. Với vẻ tươi nhuận hiện trên gương mặt thơ trẻ, nàng nói:

- Thưa Thái sư, ông không chỉ là bậc uyên thâm về Khổng học mà còn là một người thầy siêu việt, hoàng thượng lựa ông để dạy tôi không chỉ về chữ nghĩa, dạy tôi về đạo học mà còn dạy tôi cả về đạo làm người. Cả hoàng thượng và thái sư đều là các bậc minh sư, minh triết. Tôi dù có căn cơ ngậm vành cũng không trả được cái ơn này.

- Nguyên phi thực quá lời. Quả tôi không làm gì hơn là một kẻ hầu giáng. Chẳng qua tôi lấy cái tâm hư tĩnh để truyền đạo, nên nguyên phi tiếp nhận được cái uyên nguyên của đạo học. Hơn nữa nguyên phi là người có bốn tâm thiện đức nên việc truyền cũng như việc nhận nó là một thứ dĩ tâm truyền tâm. Thật ra đạo học vốn giản dị như cơm ăn nước uống, chỉ cần có cái tâm trong lặng với tấm lòng mong cầu thời việc hiểu đạo không có gì khó khăn. Ví như người đói cần ăn, khi được ăn mới thấy ngon miệng. Còn ai đó kêu đạo là cái gì xa lạ, là cao siêu diệu vợi bởi người đó đã để cạn kiệt nguồn tâm và thay vào đó là sự tham ó, là ích kỷ, sân hận. Nguyên phi hiện đứng vào hàng mẫu nghi thiên hạ có lòng hiếu học vì hiếu đạo lại giữ được nguồn tâm phơi phơi, thời không chỉ con em trong hoàng gia, hoàng tộc mà con em trong cả nước đều được nương nhờ.

- Đa tạ Thái sư có lời răn dạy, Ý Lan tôi xin ghi lòng tạc dạ. Nay tôi có một mong muốn, xin Thái sư mở lòng dạy bảo.

- Không dám! Không dám! Đạo Thành tôi là phận thần tử, có điều gì cần sai khiến nguyên phi há phải khách sáo.

- Thái sư nghĩ sai rồi. Giữa lúc này đây ngôi vị thực đã rõ ràng, thái sư la bặc quốc lão, tuổi tác vào hàng cha chú tôi, lại đang là sư phụ tôi, sao có thể nói nghĩa quân thân ở đây. Tôi tuy nhà nghèo, ít học nhưng cha tôi cũng truyền dạy cho được chút đạo nghĩa, văn chất nên không dám lạm dụng thứ bặc để mắc vào tội bất kính sư phụ.

Lý Đạo Thành vuốt râu cười hà hà nhưng trong lòng thâm phục người con gái quê này thông minh, hiểu học lại khôn ngoan dứt mực, lời lẽ nói năng chặt chẽ tới mức không ai có thể khe kẽ vào đâu được. Chạm rãi, Thái sư tiếp lời:

- Vậy có điều gì cần hỏi, xin nguyên phi cứ nói rõ ngọn ngành, cái gì biết, Đạo Thành tôi xin bày tỏ, cái gì chưa biết, sẽ cùng bàn bạc để đi tới sự thấu hiểu.

- Trước hết xin Thái sư đại xá, bởi tôi là phận đàn bà nhưng lại cứ hay tham bác các điều to lớn. Ấy cũng bởi được hoàng thượng đặt vào cái vị thế then máy chốn hậu cung, nhờ phúc ấm hoàng gia mai đây sinh hạ được

hoàng nam còn biết đường giáo hóa. Nếu con lại được ở ngôi và nhờ giáo hóa mà có được tâm thiện thời dân nước được nhờ, lại cũng vun trồng thêm cây đức không chỉ riêng cho nhà Lý mà cho cả trăm họ. Do vậy Ý Lan tôi xin thái sư dẫn dụ cho biết, đáng quân chủ muốn cho nước được yên thịnh thời phải làm gì?

Suy nghĩ giây lâu Thái sư Lý Đạo Thành nói:

- Nguyên phi tham bác điều này quả là ngoài sức nghĩ hiểu của thần. Song tôi mừng cho nhà Lý ta, mừng cho Đại Việt có được bậc mẫu nghi quan hoài đến đại cuộc, cũng tức là quan hoài đến sự trường cửu của nhà Lý, đến sự hưng vượng của quốc gia dân tộc từ rất sớm, trước khi trọng trách đến tay.

Trước hết thần xin nói đến mối quan hệ giữa vua là người đứng đầu trăm họ có trọng trách về mọi phương diện của quốc gia. Tỉ như việc ăn, việc ở, việc mặc, việc học, việc cày cấy giống má thời vụ, việc đắp đê phòng lụt... việc an ninh cho mọi nhà, việc dẹp nội loạn, việc trừ ngoại xâm, việc bang giao hữu hảo, thôi thì từ việc nhỏ đến việc lớn không việc gì nhà vua không phải để mắt tới.

Tóm thâu lại thời mối quan hệ ấy quy về là quan hệ giữa vua và dân. Vua với dân có mối quan hệ rất mật thiết. Vì rằng nếu không có dân sao có thể hình thành được một quốc gia. Nếu không có dân thử hỏi vị vua

áy làm vua với ai. Bởi mọi việc trong nước từ nhỏ đến lớn, từ việc bỏ công sức ra cày cấy lấy lúa gạo nuôi vua nuôi quan, đến việc bỏ máu xương ra giữ nước đều do người dân. Như thế đủ biết vua cần dân đến mức nào. Song trong một nước cần phải có người sáng suốt đứng đầu, chỉ dẫn cho dân làm mọi việc sao cho có trật tự kỷ cương trên dưới, trẻ được chăm sóc, già được ở yên, đất nước an thịnh thời cần phải có một vị vua và một bộ máy điều hành. Như thế đủ biết là vua và dân hai bên đều cần có nhau, đều phải nương tựa vào nhau như đầu óc với chân tay vậy. Cho nên nếu vua, quan đều lấy sự lợi ích của dân tức là vì dân mà hành hóa, thời dân cũng vì vua vì quan đem hết sức mình ra làm cho nước được phú cường, cũng tức là tôn vua. Nhược bằng vua coi dân như cỏ rác, quan thì hà khắc những nhiều tham lam đục khoét, ắt dân sẽ coi vua quan như cừu thù. Do đó nước sẽ nghèo xác, bởi người dân không muốn bỏ công sức ra để nuôi dưỡng những kẻ tàn hại mình, theo đó giặc cướp sẽ nổi lên, nước ngoài sẽ nhòm ngó, cái họa diệt vong sẽ không tránh khỏi. Cho nên thánh nhân từng dạy: «Quân dĩ dân tôn, diệt dĩ dân vong», nghĩa là vua nhờ dân mà còn, lại cũng vì dân mà mất. Qua đó đủ biết đáng quân chủ muốn cho nước được yên thịnh thời phải lấy việc nuôi vỗ dân, giáo hóa dân làm gốc.

Nguyên phi nghe Thái sư dẫn giảng như người đói khát lâu ngày được cấp dưỡng cơm ăn, nước uống.

Chưa bao giờ một cô gái nhà quê được nghe, được giáo hóa những điều cao siêu mà lại bình dị và dễ hiểu đến dường ấy. Nàng như nhập tâm từng ý từng lời, và cả sự quan trọng của lời nói ấy thể hiện từng lúc trên gương mặt của Thái sư, Ý Lan đều nhận biết.

Lý Đạo Thành ngừng lời và đưa mắt nhìn thẳng vào gương mặt ngây thơ của nguyên phi, để đo lường xem người này có hiểu được điều ta nói và có còn muốn nghe nữa hay nàng chỉ hỏi ta như một sự tò mò của những tần, phi quen thói ngồi lê đôi mách. Thế nhưng gương mặt của nguyên phi như thẩm báo cho ông biết: người này cầu thị.

Chợt thấy Thái sư im lặng, nguyên phi liền thưa:

- Cứ như điều Thái sư đã lấy ý của thánh nhân khuyên bảo, vậy thời bậc quân chủ phải vận hành công việc ra sao?

- Nguyên phi đã hỏi, Đạo Thành tôi xin vì xā tắc mà nói điều mình đã lý hội được để nguyên phi thẩm định, họa may có giúp ích trong muôn một cho sự giáo hóa mai đây cho các hoàng nhi.

Như trên đã nói về mối quan hệ giữa vua với dân, nay nói về sự vận hành của nhà vua. Vua là bậc chủ tể của nước, phải tuân theo đạo trời mà hành hóa, tức là phải lấy lẽ công bình làm chủ đạo. Hãy xem trời là đấng chủ tể của muôn loài, trời coi muôn loài đều như

nhau, ân huệ tưới khắp ví như ánh sáng, không khí đều chiếu rọi và lưu thông khắp chốn cùng nơi. Nước non, cây trái, mùa vụ, thì tiết... trời đều ban phát cho muôn loài không giới hạn và đều theo một luật chung là công bằng. Vậy thời trong một nước, nhà vua cũng phải tuân theo cái thiện đạo đó chứ không được chuyên chế, không được bắt cả nước làm theo ý riêng mình. Vì vậy đối với mọi người dân trong nước đều không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, nếu ai có tài trí đức độ đều được cất nhắc vào bộ máy công quyền, để phục vụ lợi ích chung cho cả nước. Vua phải biết quý người có đức, trọng người có học thức, người hiền, người tài đều được đặt đúng chỗ; việc hình, việc chính cho phân minh. Nếu nhà vua vui cái vui của dân, thì dân cũng vui cái vui của mình; vua lo cái lo của dân, thì dân cũng lo cái lo của mình. Vì thiên hạ mà vui, vì thiên hạ mà lo, đó chính là bậc minh vương; đó chính là vị vua mà dân cần đến. Trái lại, nếu nhà vua lại yêu cái dân ghét và ghét điều dân yêu, hà chính thái quá khiến dân phải sống trong ngột ngạt, làm cật lực vẫn không đủ sống rồi lâm vào cảnh cùng túng đói khổ. Khi dân phải đói mà chết lại đổ tại trời làm mất mùa, thế thì có khác gì lấy dao đâm chết người rồi lại bảo tại con dao đấy không phải tại ta.

Thái sư ngừng lời, ông nhìn Ý Lan một cách thận trọng rồi nói: - thần đã hầu tiếp nguyên phi về việc

vua, việc dân trong mối quan hệ trên dưới, nếu có điều gì bất như ý xin nguyên phi đại xá. Thật ra về việc này, nguyên phi nên học hỏi nơi hoàng thượng, bởi nhà vua đang hành hóa đại đạo hết sức anh minh.

Ý Lan vội đứng lên vái Thái sư cảm tạ:

- Thái sư truyền dạy cho những điều thật là bổ ích. Nhân có sự hiểu biết này mới có thể xem những điều nhà vua đang hành hóa, từ đó mà chiêm nghiệm.

Lý Đạo Thành vái đáp lễ rồi cáo lui. Vừa đi ông vừa nghĩ: - Con người này nếu giữ được tâm thiện sẽ giúp rập cho xã tắc không biết đâu mà kể. Nhược bằng không giữ được tâm thiện mà lại tham chính nữa, thời nguy cho xã tắc cũng không biết đâu mà kể.

Lại nói vua Thánh tông từ ngày có được Ý Lan, nhà vua cứ đinh ninh rằng thế nào nàng cũng sinh được hoàng nam. Mặc dù nàng nhập cung đã tròn hai năm mà vẫn chưa có tin mừng, đôi khi chính nàng cũng chán nản than van thì nhà vua lại vỗ về khuyên nhủ. Nhà vua vẫn thực hiện nghiêm ngặt chế độ ăn uống, thuốc men và cả ngày, giờ ân ái với nguyên phi cùng việc nuôi dưỡng niềm tin rằng Ý Lan nhất định sẽ sinh được hoàng nam cho nhà vua. Mặc dù thời gian trôi đi nhưng kết quả chưa đem lại, nhà vua vẫn kiên nhẫn. Tuy nhiên có một điều nhà vua dễ nhận thấy nhất là nhan sắc Ý Lan ngày một rực rỡ hơn. Và những kiến văn do các bậc

túc Nho, túc Thiên truyền dạy cũng như nàng linh hội được qua sách chương ngày một phong phú. Nàng đem những tri thức đó vào nội dung các cuộc tham vấn hoặc đàm đạo khiến nhà vua rất hài lòng.

Vào một ngày cuối xuân đầu hạ nắng hoe vàng nhưng cái rét vẫn còn lây rây, đô thái giám tay cắp cuốn sổ bìa bằng vàng, mồm bồm bẻm nhai trầu, mũ phác đầu, áo thụng tía, chân đi hia đen thêu chim phượng trắng, gương mặt vừa hớn hở vừa vênh váo đi thẳng vào Lan cung. Vừa bước chân vào tòa khách sảnh đô thái giám đã hét toáng lên:

- Trình nguyên phi, đô thái giám tôi xin được diện kiến.

Một thị tì ở trong phòng bước ra vái lạy:

- Xin quan đô thái giám nói khẽ giùm, nguyên phi đang đọc sách tại Ty huyên lâu.

- Vậy thời người vào tâu ngay với Nguyên phi có ta tới.

Thị tì đang phân vân, đô thái giám liền gắt:

- Con này láo, ta sai người mà người còn dám không đi sao?

- Dạ, không phải con không đi. Nhưng...

- Nhưng làm sao, mà ý tắc khẩu à?

- Dạ, bẩm... bẩm có hoàng thượng.

Vừa đúng lúc nhà vua cùng nguyên phi bước ra

dại sánh. Đô thái giám vội quỳ, nói lí nhí như người bị rứt lưỡi:

- Thánh... thánh... thánh thượng vạn... vạn... vạn tuế!

Nhà vua nghiêm nhìn đô thái giám và hỏi:

- Ai cho phép người tự tiện vào Lan cung?

Đô thái giám dập trán xuống đất đúng ba lần, tiếng cụng đầu còn to hơn cả tiếng y the the:

- Tâu thánh thượng, thần bẩm báo với nguyên phi việc cơ mật.

- Việc gì vậy, ta cho khanh bình thân. Thị nữ kia, lui ra ngoài.

- Dạ, dạ tâu thánh thượng, đây việc đây ạ. Y vừa nói vừa mở cuốn sổ vàng. Dạ thần định hỏi nguyên phi xong, nếu đúng như vậy thần phải tâu ngay lên hoàng thượng. Dạ, dạ, xin thánh thượng tha tội thần mới dám nói, vì đây là việc phòng the.

- Nói mau!- Vua gắt. Tại sao người cứ phải quanh quất úp mở như một tên gian tế.

Gương mặt đô thái giám bỗng nhăn nhó, y vừa nói vừa chỉ vào từng trang ghi ngày tháng. Dạ bẩm kinh nguyệt của nguyên phi rất đều, hằng tháng đúng ngày mười thì nguyên phi thấy kinh, ngày mười ba thì sạch. Sự xê xích chỉ sớm hoặc muộn một hai ngày. Nhưng tháng này đã quá mười ngày nguyên phi chưa thấy tháng. Thần ngờ rằng huyết rỗng đã tụ nên vội tới Lan

cung để trình nguyên phi rõ.

Nhà vua nhìn Ý Lan hết sức chăm chú. Ngài hỏi:

- Có đúng vậy không?
- Tâu bệ hạ đúng như thế.
- Sao nàng không nói để ta mừng?

- Tâu, thiếp đâu dám không tâu báo, nhưng thiếp còn phải xem nó hiển lộ thế nào. Xin bệ hạ tha tội, đối với người con gái cùng việc kinh nguyệt thì muộn kinh hoặc chậm kinh là chuyện bình thường. Nay chưa có gì làm bằng, thiếp đã vội tâu, nếu sự việc không đúng như nhời, khiến bệ hạ đau lòng mà thiếp thì mang tội điều sảo. Còn đối với một người con gái như thiếp, được bệ hạ cho vào cung hầu hạ, thì còn điều mong ước nào lớn hơn là được làm chức phận của người mẹ.

- Vậy chớ nàng thấy trong người thế nào? - Nhà vua sốt ruột hỏi.

- Tâu, thiếp vẫn thấy bình thường.

- Ta nghe nói đàn bà có chữa thường thích ăn một thứ gì đó rất nhiều mà người ta gọi là ăn dỡ, lại còn chuyện ốm nghén hay nôn mửa nữa, nàng đã thấy có các dấu hiệu ấy chưa?

- Tâu hoàng thượng, các triệu chứng ấy chỉ có khi người đàn bà đã mang thai từ một tháng đến ba tháng.

- Vậy chớ làm thế nào để biết nàng đã thụ thai?

- Tâu hoàng thượng, thiếp phải chờ đến tuần kinh

sau mới biết chắc chắn được.

- Ta muốn biết ngay bây giờ, có cách nào không đô thái giám?

- Tâu bệ hạ, thần nghe nói bên thái y viện có một thầy lang chuyên về thai sản được xem như một bậc thần y chẳng kém Hoa Đà¹¹, Biển Thuộc².

- Vậy thời khanh cho triệu thầy lang ấy tới đây ngay.

Chừng một khắc canh giờ sau thì kiệu đã đón được thầy lang từ Viện thái y về tới Lan cung.

Từ trong kiệu bước ra một ông già người nhỏ thó, tóc râu dài rậm trắng xóa, lông mi bạc trắng rủ cong như một chiếc tàn che trước mắt; đôi tròng mắt sáng rực như có hào quang, nom ông lão có cốt cách của một bậc tiên thánh.

Vua Thánh tông ra tận chân kiệu đón lương y.

Vừa nom thấy nhà vua, vị danh y đã chấp tay vái:

- Lão y xin kính chào bệ hạ. Chúc bệ hạ vạn an. Chẳng hay có việc gì mà bệ hạ cho triệu lão gấp vậy?

Nhà vua vái đáp lễ rồi mời lão danh y vào nội điện. Phân ngôi chủ khách xong, đô thái giám bèn lên tiếng:

1,2 Các nhân vật giỏi về y thuật của Trung Hoa cổ đại, thường xem như là các bậc thần y.

- Thưa quan Ngự y, bệ hạ biết ngài là bậc thần y nên cung thỉnh để cầu kiến.

Lão danh y liền đứng phắt dậy vái nhà vua rồi chỉ mặt đô thái giám mắng:

- Tâu bệ hạ, lão vốn trực tính, bệ hạ triệu đến có việc gì xin được sai khiến. Từ lâu, lão đã ẩn trong rừng sâu tu đạo, hái thuốc, luyện đan. Nể tình quan thái y là chỗ bạn bè mời về giúp viện thái y một thời gian rồi lão lại trở về sơn động, chứ không muốn ăn lộc của triều đình, thế mà cái người kia lại xưng xưng gọi ta là quan thái y, là thần y. Ta không có quan cấp gì cả, chỉ là lão nạp tu đạo, ta cũng chỉ là người thường thôi chứ không là thần, là thánh; nhà ngươi nên bỏ cái thói xu nịnh, bợ đỡ đó đi. Tiếc thay, ta mà là thánh, là thần ắt ta phải bóp cổ lũ nịnh bợ chết hết. Nói xong lão cất tiếng cười vang.

Đô thái giám không những không giận mà còn hềnh hếch cười:

- Đại lão tiền bối quả là người trực tính, người vui tính. Lão không nhận quan cấp gì, nhưng với tuổi tác và phẩm giá của lão còn đáng kính hơn cả chức tước, khiến kẻ hậu bối này đem lòng kính ngưỡng thôi chứ không có ý gì đâu ạ.

- Được! Nói thế còn tạm nghe được. - Tâu bệ hạ, ông già quay về phía nhà vua nói: - Lão nạp được sai khiến việc gì đây?

Xem cung cách để râu tóc, ăn mặc, nói năng, nhà vua biết ông già đang tu đạo thần tiên. Người ẩn tu trong chốn khe động lâu năm nên tính tình thẳng ngay gần như lỗ măng, nhưng là người chân thực, người tài. Vua nói:

- Ta muện sinh hoàng nam...
- Tâu, sinh hoặc không sinh được hoàng nam còn nhờ vào âm đức của bệ hạ.
- Ta không muốn bàn về đạo hoặc đức vào lúc này mà chỉ muốn hỏi lão về thai sản của nguyên phi, đô thái giám sẽ thưa với lão ngay bây giờ.

Nhìn đô thái giám, lão danh y tự nhủ: loại người đê tiện thế này, thảo nào họ chẳng thượng tôn xu nịnh. Chẳng biết vừa rồi ta đã mắng đúng hay mắng oan y đây.

Đô thái giám vừa nói áp úng vừa mở sổ vàng.

Lão danh y cầm lấy cuốn sổ lật từng trang xem. Mỗi trang ghi chép về một tháng từ kinh nguyệt đến ăn, ngủ, cả những đêm nhập phòng và số lần nhập phòng. Lão thầm khen lũ ma giáo này có nghề hầu hạ chốn bồng the. Không thể không khen là sự ghi chép rất rõ ràng tỉ mỉ, giúp cho thầy thuốc nhiều lắm trong việc chẩn đoán. Nhắm tính giây lâu, lão danh y gấp cuốn sổ vàng lại nói luôn:

- Tâu bệ hạ, người này đã thụ thai. Còn thai nhi là gái hay trai thời phải xem mạch mới biết.

Đô thái giám nhìn nhà vua như thăm xin phép để cho lương y xem mạch. Biết cung cách nơi cung cấm, lão lương y liền nói:

- Ta không cần phải bắt mạch, ông cứ đem sợi tơ này, vừa nói lương y vừa móc trong túi ra cuộn dây tơ,
- Ông đem vào trong cung buộc sợi tơ vào cổ tay trái nguyên phi, buộc hơi chặt vào rồi đem cuộn dây ra đây cho ta.

Đô thái giám vâng lời lão nạp, một lát sau ông ta giơ cuộn tơ ra ngoài phòng khách tân trao tận tay lương y.

Lương y kéo cuộn tơ hơi căng, sợi tơ căng qua miệng một bát nước đầy rồi lão áp tai nghe. Nghe đi nghe lại đúng ba lần rồi lão trao cuộn tơ cho đô thái giám.

- Xong rồi, ông cuộn lại rồi đem trả ta.

Chờ cho đô thái giám đi khuất, lương y nói nhỏ chỉ đủ cho nhà vua nghe:

- Tâu hoàng thượng, nguyên phi đã thụ thai được hai mươi ngày. Nhà vua sẽ đón hoàng tử vào đầu năm Bính Ngọ. Mọi sự ăn uống kiêng khem thế nào, Thái y viện sẽ lo. Việc này phải giữ kín, phải bảo trọng cho nguyên phi, ta nói thế ắt nhà vua hiểu. Nhân đây xin cáo từ bệ hạ, lão về núi. Nói xong ông lão đi liền.

Biết không thể níu chân được những bậc đại giác cỡ này, nhà vua vái theo ba vái và nói to:

- Tạ ơn lão nạp.

XVIII

Sau khi cho Lý Kế Nguyên, Lý Thường Hiến đi kiểm xét các việc về nội gián, ngoại gián đã thu được những kết quả rõ rệt, Lý Thường Kiệt vội vã vào ngay cung Tuyên Đức gặp nhà vua để tâu báo.

Nhà vua đang làm việc trong hậu điện, nghe nói có thiếu úy vào chầu, vua sai nội thị ra triệu.

Vừa trông thấy Thường Kiệt, Thánh tông đã nói:

- Miễn lễ. - Nhà vua cười xới lời.

- Tạ ơn hoàng thượng! - Vừa nói Lý Thường Kiệt vừa vái lạy.

- Khanh thật đa lễ. Ta với khanh còn lạ gì nhau, tình bằng hữu với nhau thuở ấu thơ, thế mà ngay trong hậu điện, chỉ có ta với khanh vẫn cứ phải thủ lễ khiến tình thân trở nên xa cách.

- Thần biết hoàng thượng gia ân, song lễ vua tôi, thần đâu dám sao lãng.

- Vào cung bất chợt hẳn có việc gì hệ trọng đây, Thiếu úy mau nói ta nghe.

- Tâu, đúng như hoàng thượng dạy. Thần mật báo về việc nhà Tống đang ráo riết xúi giục Chiêm Thành đánh ta.

Nhà vua gật đầu:

- Nếu Chiêm Thành làm ta suy yếu thì Tống nhảy vào thôn tính Đại Việt. Nếu Chiêm Thành bị ta làm suy yếu thì Tống sẽ đứng ra giải hòa nhằm kìm chế ta chứ gì.

- Bệ hạ thật sáng suốt, thần xin được nói rõ hơn.

- Theo ta, đây là việc lớn quốc gia, ta muốn cho cả Thái sư Lý Đạo Thành cùng nghe, tiện ta có nhiều việc cần bàn với hai khanh. Như sự nhớ ra điều gì, nhà vua lại phán: - Mấy năm trước ta có sai viên ngoại lang Bùi Gia Hựu đi phò hội với lại bộ thị lang nhà Tống là Dư Tĩnh về chuyện tranh chấp biên thùý. Gia Hựu đã cãi bàn thắng thắn, lý tình phân minh đem thắng lợi trở về, xứng đáng là một sứ giõi của Đại Việt. Lại nghe nói Gia Hựu gây được cảm tình với người Tống, thu phục họ trở thành bạn bè. Do vậy có nhiều tin tức đáng quý, hoặc giả y có nhận định xác đáng về nhà Tống, nên ta muốn triệu cả Bùi Gia Hựu đến luận bàn nhân thể.

Thường Kiệt chấp tay vái:

- Thần tuân chỉ.

Nhà vua lập tức cho sứ đi triệu Thái sư Lý Đạo Thành và viên ngoại lang Bùi Gia Hựu vào cung Tuyên Đức.

Lát sau mọi người đã tề tựu cả trong hậu điện. Lý Thánh tông úy lạo các quan xong sai nội thị dâng trà. Sau ba tuần trà, nhà vua sai mời trầu, sau đó duỗi hết nội thị ra ngoài rồi nói:

- Tình hình nam, bắc thùi hiện yên tĩnh hơn mọi lúc, nhưng đó là sự yên tĩnh của mặt nước biển trước khi có sóng thần. Đoạn nhà vua chỉ về phía Lý Thường Kiệt: - Thiếu úy nói các điều mà ông định tâu báo để Thái sư và viên ngoại lang được biết.

Lý Thường Kiệt xúc lại cổ và đai áo cho ngay chính, nấn lại chiếc mũ đội đầu, nhả bã trầu vào ống nhổ rồi mở cuốn sổ ra đặt trước mặt, đoạn ông nói:

- Tâu bệ hạ, thưa quan Thái sư cùng quan viên ngoại lang, đúng như hoàng thượng nói, hiện biên sự hai mặt bắc, nam của nước ta khá yên tĩnh. Nhưng đó là sự yên tĩnh giả tạo. Theo tin tức từ Biện Kinh, từ Hàng Châu, Quảng Châu, Ung Châu mà ta đã kiểm chứng thời hiện nay Tống triều đang hối thúc Chiêm Thành đánh ta. Mùa hè năm nay Chiêm Thành cho sứ sang cống Tống Thần tông, lại xin được mua ngựa chiến và binh khí. Vua Tống ban cho chúa Chiêm một con bạch mã nòi Hồ thuộc loài ngựa quý. Lại cho mua ngựa ngay tại

Quảng Châu, còn binh khí ngoài việc Chiêm Thành xin mua, Tống triều còn cho một vạn chiếc tử dao, thương, qua, thuẫn, nỏ liên châu, máy bắn đá, lại cho phép các loại binh thuyền, thương thuyền của Chiêm Thành được phép cập bến Quảng Châu chuyên chở lửa ngựa khí giới bất kể ngày đêm.

Tống Thần tông còn hứa với vua Chiêm, nếu Chiêm Thành khởi binh đánh An Nam thì binh Tống sẽ kiềm chế nước ta tại biên thùý phía bắc. Tới nay, nhà Tống làm ra vẻ sắp khởi binh, nhưng tựu trung là án binh bất động. Còn Chiêm Thành cũng đã hoàn tất việc chuẩn bị lương thảo, khí giới, thuyền bè và bắt thêm năm vạn lính. Từ năm ngoái tới nay ít nhất đã ba lần phao tin sắp đánh Đại Việt. Tuy nhiên nội bộ họ chưa thống nhất. Trong triều chia làm hai phe. Một phe chủ chiến, một phe chủ trương hòa hiếu không gây chiến với bất kỳ ai. Chấp nhận triều cống Đại Việt.

Tâu hoàng thượng, cho tới nay thì chúa Chiêm vẫn chưa quyết nên hòa hay nên chiến. Nhưng phe chiến được triều Tống hậu thuẫn nên số người ngả về phe chiến ngày một nhiều hơn. Và nếu như vua Tống lại hối thúc nữa thì chưa biết Chiêm Thành sẽ đánh ta vào lúc nào.

Nghe Lý Thường Kiệt tâu báo xong, vua Lý Thánh tông ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Có nhẽ những điều Thiếu úy vừa nói là đúng với những gì mà triều Tống hành xử. Đúng là các triều đại Trung Hoa dù có thay đổi, nhưng mưu đồ thôn tính nước ta thì từ Tần, Hán tới nay vẫn không có gì thay đổi. Tháo nào mà từ Thái tổ đã có di ngôn cho tiên đế. Đến tiên đế khi còn sinh thời cũng lấy lời di ngôn của Thái tổ giáo huấn ta nhiều lần rằng: «Cái họa lớn đối với nước ta luôn luôn từ phương bắc đưa tới. Cho nên muốn giữ được nước phải cố kết toàn dân, phải lo cho dân đủ ăn đủ mặc, có ruộng cấy trâu cày, lo cho nước giàu binh mạnh. Việc bang giao cũng phải lựa sức, cương nhu tùy thời, tùy lúc, tùy việc. Nhưng phải lấy sự hòa hiếu làm trọng. Việc lễ nghi chúc tụng, quà cáp biểu tặng, cống nạp dù có tốn kém cũng không nên tiếc. Nhưng việc biên địa nhất thiết không để cho họ lấn. Dù chỉ một thước một tấc núi sông của tiền nhân để lại cũng không để lọt vào tay kẻ khác. Vì rằng sông núi, đất đai của ta cũng chính là máu xương hồn cốt của người mình bỏ ra khai phá và gìn giữ từ ngàn đời, tuyệt nhiên không được đem đất đai sông núi làm quà cáp biểu tặng hoặc bán mua. Kẻ kia có nhất thời dùng sức mạnh mà chiếm lấy dù chỉ một thước, một tấc cũng phải đòi lại. Đời này chưa đòi được thời phải di ngôn di chúc lại cho đời con đời cháu phải đòi bằng được. Dù việc đòi ấy có phải tốn đến máu xương cũng không thể do dự».

Ngừng lại nhìn mọi người, Thánh tông nói tiếp

- Ta nghĩ những lời di huấn của tổ phụ chính là chung dục từ hồn thiêng sông núi. Chợt nhà vua mỉm cười:
- Ta thật sự khó hiểu về tính tham lam đến đại dột của các triều đại Trung Hoa. Thôi thì hùng mạnh như nhà Tần, nhà Hán, nhà Đường mà thôn tính nước ta đã đi một nhẽ. Đến như nhà Tống vào lúc này thế và lực có khác nào một con cua bấy. Tống triều lo giữ nhà còn chưa xong; lo vơ vét của dân để hằng năm triều cống cho nước Liêu, nước Hạ còn chẳng xong, vậy mà vẫn cứ ra uy nạt nộ, một hai định thôn tính nước ta.

Nhớ hồi năm Nhâm Thìn (1052) chỉ một Nùng Trí Cao dấy binh phạt Tống trong vài chục ngày đã đánh thông từ Tả, Hữu giang chiếm các châu Ung, Hoàn, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Cửng, Tầm rồi tiến thẳng xuống uy hiếp thành Quảng Châu làm rung chuyển cả triều đình nhà Tống khiến Biện Kinh bối rối phải triệu Dịch Thanh là đệ nhất danh tướng từ mặt trận bắc Liêu về đối phó với Nùng Trí Cao. Ấy là chưa kể trước đó tiên quân ta đã có thư cho Tống Nhân tông xin được cử binh sang giúp Tống. Triều Tống đang bàn bạc đề chấp nhận, tới khi Dịch Thanh về nói đó là việc nguy hiểm, xin nhà vua tìm mọi cách không cho quân Đại Việt vào đất Tống.

Bỗng nhiên nhà vua cất tiếng cười vang rồi nói tiếp: - Đúng là nhà Tống chưa đến hồi diệt vong, nếu không có Dịch Thanh tỉnh thức, ta ngờ rằng toàn bộ đất

đại từ thời Triệu vũ đế¹ nhân cơ hội sẽ bị Đại Việt thu hồi. Nhà vua quay hỏi Lý Thường Kiệt: - Khanh có nhớ hồi đó, tiên đế sai ta với khanh cầm đầu đội hải binh gồm năm vạn quân với hơn hai trăm chiến thuyền sẵn sàng chờ lệnh?

Lý Thường Kiệt vòng tay đáp lời:

- Tâu bệ hạ thần nhớ. Và tiếc nữa. Tiếc vì lỡ một cơ hội.

- Chưa hết cơ hội đâu, khanh cứ cho quân mài nhanh giũa vuốt cho nhọn sắc đi thế nào cũng có cơ hội dùng đến, ta quyết nối chí tiên đế để rửa cái hận ngàn năm bị trị cho nòi giống tiên rồng. Nhà vua khoát rộng hai tay:

- Thôi được, đó là việc của mai này. Bây giờ ta muốn biết kỹ hơn về nước Tống từ khi Tống Thần tông lên ngôi cùng những việc mà ta đã nhắc các khanh phải làm từ mấy năm nay, tất cả đều nhằm cho việc hưng thế nước, giữ yên bờ cõi.

Thấy nhà vua muốn biết về nội tình nước Tống, quan viên ngoại lang Bùi Gia Hựu bèn lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, Tống Nhân tông ở ngôi đúng bốn mươi năm, Nhân tông không sinh được con trai, tới khi

¹ Ở đây Lý Thánh tông muốn chỉ phần đất đai từ thời Triệu Đà cuối thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên bao gồm cả hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Quốc ngày nay.

chết, triều đình phải chọn một trong những người con của các em đưa lên làm vua. Đó là Tống Anh tông. Anh tông ở ngôi được bốn năm thì qua đời vì bệnh hiểm. Đầu năm nay thái tử Triệu Húc lên ngôi tức Tống Thần tông. Triệu Húc mới hai mươi tuổi nhưng có chí lớn, đang muốn canh cải đất nước. Cho nên việc ông ta hối thúc Chiêm Thành đánh ta để đo lường sức mạnh của Đại Việt rồi nhà Tống mới có quyết sách là một nước cờ vừa khôn ngoan vừa hiểm độc, thần nghi mưu này không thể có ở một chàng trai hai chục tuổi, dù người ấy là Triệu Húc Tống Thần tông.

Thái sư Lý Đạo Thành liền nói:

- Tâu bệ hạ điều viên ngoại lang Bùi đại nhân bản khoản thần có được biết nhờ thu thập qua đường bang giao. Nó là những chuyện bên lề với sử bộ nhà Tống, hoặc người trong các sứ đoàn của ta sang thông hiếu trong những lúc thù tiếp có tính chất bằng hữu sau những cuộc trà dư tửu hậu. Số là bốn mươi năm trị vì của Tống Nhân tông vì không có sự canh cải nên nước Tống rơi vào trì bế. Triều Nhân tông nổi lên mấy nhân vật vừa tài cán vừa chính trực như Phạm Trọng Yêm, Bao Chứng. Nhân tông đã cất nhắc Phạm Trọng Yêm vào hàng tể tướng nhằm canh cải đất nước. Phạm Trọng Yêm tự biết sự thối nát trong bộ máy cầm quyền đã thâm căn cố đế nên phải làm từ từ để dứt diễm từng mặt, nhưng Tống Nhân tông vì sốt ruột nên hối thúc

ông phải cấp kỳ đưa ra chính sách toàn diện. Vì vậy Phạm Trọng Yêm buộc phải dâng Tân Chính (Chính sách mới), tức là cải cách triệt để. Do đó đụng chạm đến quyền lợi của đám quan lại quý tộc nên bị chúng kéo bè kết cánh ngày đêm vu cáo Phạm Trọng Yêm và khuyên nhà vua nên phế bỏ Tân Chính. Cuối cùng thì vua nhu nhược, bè lũ thủ cựu phản công quyết liệt buộc Phạm Trọng Yêm phải xin từ chức tể tướng để về làm một chức quan nhỏ ở Thiểm Tây.

Phạm Trọng Yêm vừa rời bỏ kinh thành thì Tống Nhân tông phế bỏ Tân Chính.

Mặc dù Phạm Trọng Yêm là người văn võ toàn tài lại tận trung với nước, nhưng triều đình thuần một lũ sâu mọt, già nua bảo thủ nên chúng không thể chấp nhận được người trung nghĩa như ông.

- Sao ta nghe nói Phạm Trọng Yêm là người văn tài nổi tiếng lắm kia mà? - Vua hỏi.

- Tâu, Phạm Trọng Yêm cùng với Âu Dương Tu đều có chân tiến sĩ, đều là các bậc văn tài bậc nhất của Trung Hoa ngày nay. Tâu hoàng thượng có câu chuyện rất đáng nghe về bài Nhạc Dương lâu ký của họ Phạm. Tức là khoảng một năm sau khi ông bị biếm vì "Tân Chính", nhân có người bạn là Đằng Tống Lượng làm quan ở Nhạc Châu (trị sở nay ở Nhạc Dương tỉnh Hồ Nam), viên quan này đứng ra trùng tu lại lầu Nhạc

Dương, khi hoàn tất có mời Phạm Trọng Yên qua chơi và viết cho một bài văn làm kỷ niệm. Họ Phạm liền vung bút viết ngay bài Nhạc Dương lâu ký. Trong bài văn đó Phạm Trọng Yên có lưu ý kẻ có hoài bão lớn là phải biết: *"Khi lo thì lo trước cái lo của thiên hạ, khi vui thì vui sau cái vui của thiên hạ"*¹. Bài văn này cùng câu di ngôn nổi tiếng đó sẽ đưa Phạm Trọng Yên vào hàng bất tử, còn các chức tước từ Bí thư các hiệu lý đến Tham tri chính sự hoặc Tể tướng của ông, chắc đời sau chẳng còn ai buồn nhắc tới nữa.

Dạ, xin bệ hạ tha tội vì thần hay kể chuyện lan man. Xin trở lại chuyện vì sao Triệu Húc (Tổng Thần tông) lại có được cái mưu hiểm, xúi giục Chiêm Thành đánh Đại Việt để cho Tống triều ở vào thế "tọa sơn quan hổ đấu".

Tâu bệ hạ, thần nghe nói Triệu Húc mới thâu nạp được Vương An Thạch về triều, vinh thăng ông ta làm tể tướng và đang hối thúc An Thạch canh cải đất nước bằng tân pháp.

- Vương An Thạch là người như thế nào? - Vua hỏi.

- Tâu, Vương An Thạch trước hết là một người có tài thơ văn nổi tiếng ở Trung Hoa. Người này quê ở

¹ Nguyên văn: "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc dư!".

Giang Tây, đỗ Tiến sĩ năm hai mươi tuổi, nhưng trước đó đã nổi tiếng trong nước rồi. Người này có tài kinh bang tế thế, nếu Tống Thần tông tận dụng ông ta thời Trung Hoa có thể chuyển xoay được tình thế.

Vì vậy, tâu bệ hạ, Đại Việt ta nên trù liệu kế sách trước khi nhà Tống chưa kịp hưng thịnh.

Vua Thánh tông nhìn về phía Bùi Gia Hựu hỏi:

- Ta nghe viên ngoại lang có nhiều bạn bè ở bên Tống, chẳng hay ông có biết gì thêm về Vương An Thạch và Triệu Húc?

- Tâu hoàng thượng ngoài những điều tể tướng vừa nói, thần xin thêm về Tống Thần tông. Ông này từ thời còn là thiếu niên đã có chí tiến thủ, thường tỏ ra đau lòng về sự yếu suy của đất nước; triều đình chịu lép vế với hai nước Liêu, Hạ khiến Triệu Húc coi đây là nỗi nhục của nước. Triệu Húc thường đem nỗi lòng bày tỏ với Hàn Duy, một viên quan trong triều. Hàn Duy, luôn làm cho Triệu Húc hài lòng bởi các kiến giải xuất sắc của ông. Triệu Húc khuyên Hàn Duy nên xướng xuất với triều đình một chính sách nhằm cải cách đất nước như những điều ông nói. Hàn Duy đành thú nhận, đó thuần là những ý tưởng của bạn ông là Vương An Thạch.

Triệu Húc tuy chưa biết Vương An Thạch là ai nhưng rất nhớ. Bởi vậy khi vừa lên ngôi Tống Thần tông

cho triệu Vương An Thạch về triều.

- Tâu bệ hạ, Tể tướng Lý Đạo Thành nói xen vào:
- Thật ra Vương An Thạch đã về triều từ khi Tống Nhân tông còn ở ngôi. Khi đó Vương An Thạch đã từng có hai mươi năm làm quan các địa phương. Ở bất cứ nơi nào ông ta trị nhậm cũng lo cho dân được an lạc, không có người chết đói, ít trộm cắp, hơn nữa ông trị tội rất nghiêm đảm quan lại tham nhũng. Vì thế Tống Nhân tông triệu ông về triều trao cho nắm giữ việc tài chính. Để canh cải, ông đệ trình lên nhà vua bức “Vạn ngôn thư”. Đó chính là các sách lược cải cách về mặt tài chính. Gặp lúc Tống Nhân tông vừa bãi bỏ Tân Chính của Phạm Trọng Yêm, nay lại nghe chuyện cải cách nên nhà vua không xem xét đến. Biết triều đình do cực phải nắm, nên ông từ quan về quê nhân dịp bà mẹ qua đời với cái cơ cực tang.

Nay Tống Nhân tông triệu ra, chắc chắn Vương An Thạch lại có diệu kế. Nhưng thần tin rằng Nhân tông cũng chẳng hơn gì Nhân tông bởi khí lực của triều Tống đã với cạn.

Thánh tông quay hỏi Lý Đạo Thành:

- Đầu năm ta có nhắc khanh cho kê biên sổ bộ xem việc tăng giảm các đại hoàng nam trong mấy năm lại đây có biến động gì không. Chẳng hay bên Trung thư sảnh đã làm xong chưa?

- Tâu bệ hạ. Trong ba năm lại đây, trừ số người tử hoàng nam tới dưới thiếu lão chết đi hoặc số người quá tuổi thì đại hoàng nam đôn lên hàng thiếu lão thời con số tăng lên được hơn một muôn. Còn như các quan như luật ban từ năm Nhâm Ngọ¹, mỗi nhà chỉ được nuôi một đại hoàng nam làm người hầu, ai nuôi quá số ấy mà giấu giếm khi phát giác sẽ trị tội. Có nhẽ sau vụ bệ hạ làm nghiêm quan Hành khiển² tới nay không một quan chức nào dám phạm luật nữa.

- Tốt! Vua khen: - Ta nghiệm ra rằng muốn giáo hóa dân theo luật thời phải nghiêm từ triều đình. Các quan là những người làm ra luật, nếu vi phạm phải xử nặng gấp đôi người thường. Vì sao vậy? Vì một tội phạm luật cộng với một tội cố tình làm trái luật hoặc cậy thế ý quyền mà làm trái luật. Cho nên các khanh là quan chức triều đình phải luôn răn dạy thuộc hạ chớ có vi phạm pháp luật, ta quyết không nương tay.

Quay sang phía Lý Thường Kiệt, vua hỏi:

- Quân thường binh, quân cấm vệ vẫn được luyện tập bình thường chớ thiếu úy?

1 Nhâm ngo tức 1042 triều Lý Thái tông ban bộ Hình thư đầu tiên của nước ta.

2 Chức Hành khiển thời Lý tương tự chức khâm sai các triều sau này. Tức là quan chức của triều đình được cử đi biệt phái hoặc kinh dinh từng sự vụ ở các châu, quận, trấn, lộ.

- Tâu bệ hạ, các chủng quân tử tượng binh, kỵ binh, thủy binh, bộ binh... vẫn thường ngày khổ luyện như nước sắp có giặc vậy.

- Nếu bây giờ ta chiêu mười vạn binh trong đám ngụ binh ư nông có được không?

- Tâu bệ hạ, ta dư sức lấy mười vạn binh trong thôn ấp trong vòng nửa tuần trăng. Quân ấy có thể giáp trận ngay được. Nhưng muốn cho sức quân mạnh có thể pha trộn hai phần thường binh một phần ngụ binh.

- Viên ngoại lang, ông có thể cho ta biết, từ khi ta lên ngôi tới nay cống sứ Chiêm Thành tới Thăng Long được mấy lần?

- Tâu, bệ hạ nói dòng đại thống từ năm Giáp Ngọ (1054) nay là Mậu Thân (1068) cộng là mười lăm năm. Trong khoảng từ Ất Mùi (1055) tới Ất Ty (1065) Chiêm Thành sang cống năm lần. Nhưng đã ba năm nay, Chiêm Thành chưa cử đoàn sứ giả nào tới Thăng Long.

- Có một việc hệ trọng, ta muốn hỏi ý các khanh trước khi quyết.

Mọi người chăm chú hướng về phía nhà vua chờ ngài ban ý.

Vua Thánh tông nói tiếp: - Ta định sang năm cử đại binh chinh phạt Chiêm Thành, các khanh bảo có nên chăng?

Thái sư Lý Đạo Thành lấy làm sửng sốt liền hỏi:

- Tâu bệ hạ, ta cứ đại binh đánh Chiêm Thành chỉ vì vua nó dám biếng trễ việc tu cống Đại Việt sao? Hay vì nó nghe Tống triều xúi bẩy toan đánh ta, nên ta phải đánh trước để chặn mưu nó?

- Ta muốn biết thêm ý tứ của thiếu úy và viên ngoại lang trong việc này.

Viên ngoại lang Bùi Gia Hựu liền thưa:

- Tâu bệ hạ, người Chiêm Thành có tính hiếu động, ưa sự canh cải đổi thay. Đó là đặc tính của những tộc người có khiếu năng nghệ thuật cao. Bộ hạ hãy xem những nét tài hoa của họ được thể hiện trong kiến trúc cung điện, đền tháp, tượng thần và đồ thờ tự cũng như đồ kim hoàn, đồ gia dụng. Cao hơn nữa là nghệ thuật âm nhạc, nghệ thuật diễn xướng và đặc sắc nhất vẫn là nghệ thuật múa.

Bệ hạ chẳng thấy nước Chiêm Thành thờ nữ thần múa là Áp- sa- ra đó sao. Ngay cái tượng đá tạc hình nữ thần múa khiến người xem phải xao động. Chẳng thế mà tiên đế chinh phạt Chiêm Thành khi vào thành Phật Thệ được xem các vũ nữ hát múa, khi về thánh thượng còn đem theo cả một đoàn Chiêm nữ cùng các bản nhạc, các điệu vũ hay nhất của Chiêm Thành về Thăng Long. Ngay bệ hạ cũng đã chế nhạc Chiêm rồi dạy cho các cung nữ, vũ nữ của ta múa hát khiến ai nấy đều thán phục.

Tâu bệ hạ, một dân tộc như vậy, một đất nước như vậy, bao nhiêu tinh hoa trí tuệ của họ đã hút hết vào nghệ thuật rồi, cho nên các mặt khác họ không thể thông sáng được. Việc họ không tự biết mình, cũng chẳng tính đến cái hại của việc mình gây ra, nên thỉnh thoảng lại đem quân đồ lên một vài làng nào đấy ven biển nước ta cướp phá, gây đau thương cho dân ta rồi xuống thuyền ra biển như một cuộc dạo chơi. Hoặc họ không biết đến cái đạo của nước nhỏ đối với nước lớn, hoặc họ biết mà không theo cũng không bỏ, chỉ khi nào chợt nhớ đến như một sự ngẫu hứng thì sai sứ đi. Hoặc là băng quên đi vì họ sa đà vào việc khác.

Tâu bệ hạ, một dân tộc có khiếu năng nghệ thuật cao như người Chiêm Thành, thân tin rằng về con đường chính trị họ lại rất ngu ngơ. Song họ hoàn toàn không biết về những hiểm nguy đang rình rập họ. Cái nguy cơ suy vong đối với người Chiêm Thành thật là khó tránh. Cho nên bệ hạ chinh phạt hay không chinh phạt thì trước sau nước Chiêm Thành cũng khó mà tồn tại.

Chợt viên ngoại lang dừng lại như để suy ngẫm thêm trước khi đi đến một quyết sách. Một lát Bùi Gia Hựu lại nói: - Tâu bệ hạ, theo thần nghĩ, nếu bệ hạ định chinh phạt Chiêm Thành thời lúc này là hợp nhất. Bởi bệ hạ bắn một mũi tên mà trúng cả hai đích. Một là làm suy yếu nước Chiêm Thành, giữ yên bờ cõi của ta, và ít nhất cũng phải mười năm sau Chiêm Thành mới gượng

dậy được. Hai là làm thui chột mưu toan xâm lấn nước ta của vua tôi nhà Tống.

Trong khi Bùi Gia Hựu nhắc đến cuộc chinh phạt Chiêm Thành của Lý Thái tông năm Giáp Thân (1044) với vẻ hào hứng, thì Lý Đạo Thành lại thấy hổ thẹn bởi trận ấy quân Đại Việt tàn sát tới cả vạn lính Chiêm; máu người Chiêm chất cao như núi, máu chảy tràn mặt đất. Cảnh tượng thật là khủng khiếp.

Nghe viên ngoại lang Bùi Gia Hựu nói về phẩm chất của người Chiêm, từ nhà vua đến các quan đều có cảm nhận vừa thích thú vừa ngỡ ngàng.

Nhà vua vui vẻ nói:

- Ta thật không ngờ, tầm nghì hiểu của khanh thật là xa rộng. Sự thật về người Chiêm như khanh nói, trong chúng ta đây ai chẳng biết. Nhưng tóm thâu nó lại rồi chỉ cho mọi người thấy cái chân lý giản đơn ấy thời chỉ bậc thức giả mới làm được. Khanh là người được như thế.

Bùi Gia Hựu vội vái nhà vua:

- Đội ơn bệ hạ quá khen, thần dẫu dám sánh với các bậc thức giả trong đời.

- Thôi được, bây giờ ta muốn nghe các khanh nói về binh lực của Chiêm Thành và nội bộ nước họ, với lại nếu ta quyết chinh phạt họ thời có chắc thắng không. Ta dồn binh đánh mặt nam, vậy mặt bắc có trống trải

không? Nhà Tống có nhân cơ hội ta đánh Chiêm Thành mà đánh ta không? Nếu việc đó xảy ra thời số quân còn lại có giữ nổi mặt bắc không? Các khanh phải nói cho hết nhẽ để ta còn quyết.

- Tâu bệ hạ, Lý Đạo Thành nói: - Nước Chiêm Thành có sự tranh chấp quyền lực trong nội bộ giới quý tộc do những người đứng đầu hai bộ tộc Cau và Dừa ở hai đầu bắc và nam chi phối, khi thì âm ý khi thì gay gắt. Vì thế luôn luôn có người Chiêm Thành chạy sang ta xin cư trú, trong đó không ít người trong giới quý tộc thất thế. Và lại quan hệ giữa Chiêm Thành và Chân Lạp tựa như hàng cá với hàng thịt vậy. Hải binh Chiêm Thành luôn xâm nhập đốt nhà, cướp cửa, giết người gây kinh hoàng cho người Chân Lạp sống trong các vùng ven biển. Họ đánh chớp nhoáng rồi rút ngay khiến người Chân Lạp trở tay không kịp. Còn như người Chân Lạp một khi họ chủ tâm đánh lại, thời hải binh của họ cũng gây tổn thất cho Chiêm Thành lớn lắm. Tuy nhiên, người Chiêm Thành như viên ngoại lang đã nói, họ xâm nhập vào nước ngoài không hẳn là quốc sách của họ mà nó bất chợt tựa như người có máu đồng bóng mà tiên sinh Bùi Gia Hựu nói vì họ là dân tộc có khiếu năng nghệ thuật. Mặt khác, Chân Lạp hiện nay là một quốc gia hùng cường, người Chiêm Thành không dám gây hấn với họ nữa.

Thái sư ngừng lời một lát rồi tiếp:

- Tâu bệ hạ nước Chiêm Thành quanh năm nắng ấm nên sản vật vô cùng giàu có. Thế nhưng dân họ cực khổ vì nạn sưu cao thuế nặng, đi phu đi lính chứ không được triều đình nuôi vỗ như Đại Việt ta đâu.

Tâu, nếu bây giờ bệ hạ quyết tâm đem đại binh chinh phạt chắc chắn quân Đại Việt sẽ thắng. Nhưng mối thù để lại cho người Chiêm sẽ mỗi ngày một sâu nặng hơn, không biết đến bao giờ mới gỡ bỏ ra được. Vả lại thần chỉ thương đám dân vô tội bị cuốn vào vòng binh lửa. Ước sao người mình với người Chiêm tạo được trong nhau niềm tin để xây đắp tình hòa hiếu lâu dài. Mà thực ra nếu bệ hạ chinh phạt Chiêm Thành thì không chỉ dân Chiêm khổ mà dân ta cũng khổ. Thần xin bệ hạ hãy cân nhắc.

Thái sư Lý Đạo Thành vừa ngừng lời, Thiếu úy Lý Thường Kiệt đã vội lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, thưa các đồng liệt, bệ hạ vừa hỏi về binh lực của Chiêm Thành, thần xin thưa: - Tổng số binh của người Chiêm hiện có vào khoảng năm vạn người, phân ra như sau:

Bộ binh hai vạn quân.

Hải binh hai vạn quân với hai trăm chiến thuyền, trong đó có năm chiến hạm.

Tượng binh năm ngàn quân, trong đó có hơn hai trăm thớt voi.

Kỵ binh hai ngàn quân với hai ngàn con ngựa nòi Hồ rất to, khỏe.

Binh khí thông thường như của quân ta. Ngoài ra họ dùng hỏa hổ cũng như tên bụi nhùi nhằm đốt cháy thuyền bè, trại quân và kho tàng của đối phương.

Cung thủ của họ còn dùng cả tên tẩm độc. Thường họ chế được loại thuốc kịch độc chỉ cần làm xước da chảy máu là chết ngay.

Tâu bệ hạ, trong các chủng quân của người Chiêm, thiện chiến nhất vẫn là hải binh. Họ có thể dàn binh trên mặt biển tới cả trăm chiến thuyền, chiến hạm lập thành thế trận đánh võ mặt đối phương, lại có thể dùng từng đội thuyền nhỏ đánh phục kích hoặc tập kích đối phương thoát ẩn thoát hiện, hư hư thực thực đáng kể là một chủng quân lợi hại. Ngoài hải binh thời tượng binh cũng là chủng quân đáng nể. Voi của họ đã được thuần hóa do các nài voi lão luyện điều khiển. Loại voi chiến này được huấn luyện không sợ lửa, chúng lừng lững như những trái núi với hàng trăm con lồng về phía đối phương. Các chiến binh ngồi trên mình voi dùng hỏa hổ ném vào hàng ngũ đối phương hoặc dùng câu liêm giật đứt cổ đối phương, hoặc dùng dây thòng lọng ném để trông cổ đối phương kéo về phía mình cho voi đạp chết. Khi giáp chiến thì cho voi dùng vòi cuốn lấy đối phương rồi dùng chân giày xéo cho tan xác.

Tâu bệ hạ, nếu đối phương chưa từng giao chiến với quân Chiêm, chưa biết chỗ yếu chỗ mạnh của họ, chưa biết đánh như thế nào để thắng họ mà lần đầu tiên tiếp chiến với họ, chắc chắn là hoảng hốt khiến hỗn loạn mà tháo chạy. Trong tình thế đó thời quân Chiêm truy kích ráo riết khiến quân địch phải kinh hồn táng đờm, nếu không đầu hàng ắt bị tiêu diệt. Tiếng tăm đồn khắp Chiêm Thành là nước thiện chiến. Vì vậy các nước Chân Lạp, Tiêm La... thường rất nể sợ Chiêm Thành.

Lý Thánh tông trầm ngâm suy nghĩ một lát rồi ngài cầm lấy chiếc vồ nhỏ gõ ba tiếng vào nùm chuông treo trên giá đặt nơi góc kỹ.

Hai viên nội thị ló vào. Vua sai:

- Các người dâng cơm rượu. Lấy rượu quý để ta thết các quan.

Sai bảo xong, vua quay về phía các quan nói: - Việc chắc còn phải bàn thêm, ta mời các ông dùng ngự thiện để còn có sức mà làm việc.

Vào bữa, các quan đề ý xem ngự thiện (cơm vua) có khác gì nhiều lắm với bữa ăn của các quan không. Sự thực chỉ có các đồ dùng như mâm bát, chén đĩa là sang hơn thôi chứ thức ăn cũng là thịt cá rau đậu như mọi người thường dùng. Có khác là ở đây các ngự hỏa thực khéo tay nên sắp đặt các món ăn nom đẹp đến hoa cả mắt và mùi vị thơm đến nhức cả mũi. Và có thể nói

cũng cá ấy, thịt ấy, rau đậu ấy nhưng bếp của nhà vua nấu sao lại ngon đến như vậy, ăn một lần là nhớ cả một đời. Cứ xem bữa cơm vua dùng thế này cũng chẳng có gì là xa phí. Tất cả chỉ có mười tám món cả thịt cá, rau đậu. Nhưng món nào cũng ít ít, mỗi người chỉ một hai lần gắp là hết. Còn rượu thì đó là thứ rượu cúc. Kim cúc cất với nếp cái hoa vàng cho vào lọ sành hạ thổ đúng chín tháng mới đưa lên đóng vào chai vào nậm, lại xếp đẽ trong các hũm rượu quanh năm râm mát. Chai nậm nào cũng chỉ đóng vơi vơi và xếp nghiêng đáy chai cho khi có thể lưu thoát khiến rượu có độ ngấu, hương thơm, vị đậm.

Khi sắp ăn, vua nói:

- Các khanh đều là bậc tể thần vào hàng then máy cùng ta gánh vác trọng trách quốc gia. Thực ra ta đòi hỏi ở các khanh lúc nào cũng hết lòng với công việc, nhưng sự đãi ngộ còn sơ sài mà khen lao cũng đạm bạc. Ngoài phần điền thổ đã cấp, lương bổng đã ban, nay ta sẽ ban thêm cho các khanh mỗi năm một trăm đĩnh bạc làm tiền dưỡng liêm, mong các khanh vui nhận kẻo phụ lòng ta.

Các quan đều chấp tay vái và cùng nói:

- Tạ ơn hoàng thượng ban lộc.

Mọi người cùng nâng chén rượu với lời chúc:

- Thánh thượng vạn an!

Rượu được vài tuần, Lý Thường Kiệt xin nói:

- Tâu hoàng thượng gia ân cho bọn thần cũng như mới đây hoàng thượng ban tiền, lúa dưỡng liêm cho các quan bên đô hộ phủ sĩ sù. Nhân đây thần xin bệ hạ thử cứu xét một việc. Ấy là bệ hạ ban thành ân điển hằng năm, nếu các quan lại làm việc trong năm hoàn thành trách phận được cấp trên, cấp dưới hài lòng, dân không than phiền cáo giác, thì được vua ban tiền dưỡng liêm. Nếu viên quan nào lại lo cho dân chần chu, trong hạt không xảy ra trộm cướp, không có nạn quan lại, chức dịch bức bách những nhiều người dân, cũng như không dung túng đám nhà giàu cho vay nặng lãi khiến người nghèo phải lao đao. Công lao ấy được triều đình biết đến hoặc dân chúng có sớ tri ân tâu về, sẽ được nhà vua ban dưỡng liêm ưu hạng. Vâng, đại loại như vậy, ý thần chỉ muốn nói việc này nên trở thành quốc sách. Bởi nó có lợi về mặt đạo đức nhân cách, thử hỏi một vị quan trị nhậm ở một vùng miền nào đấy, một vị quan đứng đầu một đô, đài, sảnh, viện nào đấy ba năm liền không nhận được một đồng dưỡng liêm nào của hoàng thượng, thời người dân sẽ nghĩ về các bậc chần dân thế nào, cấp dưới sẽ nghĩ về người đứng đầu của mình ra sao. Thành thử số tiền, số vật phẩm hằng năm quốc khố chi ra không lớn nhưng kết quả thật không nhỏ.

- Hay! Hay lắm! Vua Thánh tông buông lời khen

- Ta cho đây là một kế làm trong sạch bộ máy quốc gia

mà bấy lâu nay ta vẫn cứ băn khoăn chưa biết bắt đầu từ đâu. Vua nhìn thẳng vào Thái sư hỏi: - Ý Đạo Thành thế nào?

- Tâu bệ hạ, thần không ngờ Lý thiếu úy là người chuyên tâm về việc binh mà lại ưu thời mẫn thế đến vậy. Bệ hạ, đây không còn là một ý tưởng mà là một kế sách hẳn hoi. Thần xin bệ hạ cho phép để bên trung thư sánh xem xét chuẩn mực rồi xếp thành thứ hạng. Lại phải có thưởng phạt qua dưỡnng liêm. Đại để người nào ba năm liền được nhận tiền dưỡnng liêm ở những thứ bậc nào trong ba loại: thượng, ưu, bình thời sẽ được thăng tước trật như thế nào. Trái lại, người nào liền ba năm không nhận được tiền dưỡnng liêm thì sẽ xếp vào hạng nào: cần phải tu chính đạo đức, bị biếm, truất ra sao và phải nhận cái ố danh: bất liêm, vô liêm hay hình thức trách phạt nào xin đệ trình để bệ hạ phê duyệt.

- Được! Được! Ta y chuẩn cách làm của Thái sư.

Nhân nhà vua cởi mở, mọi người có điều gì cần nói đều mạnh dạn nêu lên. Viên ngoại lang Bùi Gia Hựu liền thưa:

- Tâu bệ hạ, theo lời tấu của Thái sư năm trước về việc lập miếu thờ Khổng Tử, việc mở trường học cao cấp, mở khoa thi để tuyển người có học thức cao, cũng là tuyển người tài cho nước. Bệ hạ đã cho triều quan nghị bàn, đã đi đến quyết sách. Nay Văn miếu đã được

khởi dựng tại đất làng Thục Miến huyện Thọ Xương, có nhẽ một hai năm sẽ hoàn tất, thần muốn biết trong Văn miếu tất phải thờ ông tổ của đạo Nho là Khổng Tử rồi. Nhưng ngoài Khổng Tử ra có phối thờ ai nữa không. Hoặc giả các bậc tiên hiền của ta có được phối thờ trong đó không. Lại nữa bao giờ thì mở trường, bao giờ mở khoa thi, thiên hạ đang ngóng chờ tin đó, vì rằng các bậc nho sĩ, nho sinh xuất chúng trong thiên hạ ngày một nhiều và chỉ chờ có dịp sẽ đem văn tài của mình ra thi thố.

- Khanh cũng là bậc văn tài xuất chúng đấy, nhà vua vừa nói vừa cười: - liệu triều đình mở khoa thi đầu tiên của nước nhà, khanh có thử ra ứng thí. Thôi được, nhân khanh hỏi đến các việc thờ phụng, thi cử, trường ốc đó là cả một núi công việc, ta không tự tiện quyết được tất cả mà phải hỏi han, bàn bạc cho thấu đạt chứ ta có là thánh dẫu mà cái gì cũng biết, cũng quyết. Việc này ta đặc trách giao cho thái sư lo liệu. Vì trong nước hiện nay về học thuật chưa ai theo được chứ đừng nói là vượt Lý Đạo Thành. Đó là điều mừng vì người giữ chức quan đầu triều có sự nghi hiểu trùm thiên hạ. Song đó cũng là điều đáng buồn vì trong nước ít các bậc tài năng xuất chúng quá. Chẳng biết mở trường học, mở các khoa thi người tài có xuất hiện.

Cơm nước vừa xong, chuyện ngoài lễ cũng đã vãn, nhà vua mời mọi người bàn tiếp việc đánh Chiêm

Thành. Cuối cùng nhà vua kết lại:

- Ta biết Thái sư còn băn khoăn việc đánh Chiêm Thành sẽ gây oán thù chồng chất. Đó là lòng nhân ái. Bởi người dân Chiêm Thành cũng như người dân Đại Việt, họ đều là người lương thiện. Nhưng một khi chiến tranh nổ ra sẽ cuốn họ vào vòng binh lửa với biết bao hệ lụy.

Tuy nhiên, cây muốn lặng, gió lại chẳng dừng. Ta muốn yên ổn, nhưng người Chiêm luôn đem binh sang quấy phá, cướp của giết người, gây bao đau thương tang tóc cho dân ta suốt một dải đất ven biển tới mấy trăm dặm. Nay họ lại nghe người Tống xúi giục, đang lăm le đánh ta. Vì nhẽ đó, ta không thể ngồi nhìn hai kẻ thù ở hai đầu đất nước câu kết với nhau, nhằm căng ta ra theo một thế trận trường sà lưỡng đầu thụ địch.

Còn như việc đánh Chiêm Thành có sợ nhân cơ hội quân ta nam chinh thì người Tống đánh sang không. Tất cả các việc ấy ta và Thái sư cùng thiếu úy sẽ phải tính kỹ. Muốn làm gì thì làm, bình nam hay dẹp bắc đều phải coi việc giữ gìn cương thổ, bảo vệ lương dân cùng sự trường tồn cho quốc gia dân tộc làm trọng.

Dừng lại một lát như để cân nhắc, nhà vua lại nói tiếp: - Việc đánh Chiêm Thành ta chỉ bàn kín với các khanh ở đây, chứ không thể nghị bàn nơi triều chính. Vì vậy phải giữ cho kín nhem khiến kẻ địch không thể dò

tim, không thể phán đoán. Đạo Thành cứ lo việc xây cất Văn miếu, việc đắp tượng, đóng đồ thờ, chọn chữ nghĩa cho hoành phi câu đối, xây cất trường quốc học ở kinh sư, bố cáo cho nho sĩ trong nước biết mà trui rèn sự học, để dự khoa thi đầu tiên triều đình sắp mở. Các việc ấy phải khuếch trương ra cho sứ thần các nước được biết.

Từ nay, cứ ít bữa ta lại cho điều một số quân lên bắc thùy nghi binh. Yên ắng lại cho rút bất ngờ khiến kẻ kia phải rối trí.

Còn việc trừ bị các thứ tàu thuyền, khí cụ, lương thảo, quân số... vào Chiêm cần bao nhiêu ta sẽ cùng Thường Kiệt trừ liệu.

Các khanh nên nhớ, chính phạt Chiêm Thành lần này là để ta rảnh tay lo chuyện bắc thùy. Nhất định nhà Tống không để cho ta được yên ổn đâu. Một ông vua vừa lên ngôi với tính hiếu thắng của một cậu bé mới lớn, đang mưu toan phục hưng tầm vóc của nước đại Tống thời hoàng kim. Một ông tể tướng vừa nhậm chức mưu lược đầy mình, nhưng từ trước không ai với đến, nay đang nóng lòng trở tài kinh bang tế thế. Hai con người đầy tham vọng này đang muốn khôi phục một phần giang sơn đã mất, khôi phục uy danh đại Hán thì bị nước Liêu, nước Hạ ở phía bắc, phía tây lừng lững như những con đê chắn sóng chặn lại.

Vậy họ chỉ còn một lối hẹp là tiến xuống phía nam

uy hiếp Đại Việt. Cho nên ta phải chớp đánh Chiêm Thành để chặn đứng mưu nó.

Viên ngoại lang Bùi Gia Hựu liền hỏi:

- Tâu, bệ hạ vừa nói: "Nhà Tống không để cho ta được yên ổn...". Vậy thời...

- Đúng thế! - Lý Thánh tông xác nhận: - Vậy thời ta quyết làm cho nó không được yên ổn trước khi nó kịp trở tay. Các khanh nên nhớ, lịch sử đang cho ta cơ hội để rửa mối hận ngàn năm Bắc thuộc. Các khanh hãy nhớ lời ta.

- Tuân chỉ! Cả ba người đồng thanh nói và cùng lúc họ ra khỏi cung Tuyên Đức.

XIX

Ngày hai mươi lăm tháng giêng năm Bình Ngô (1066) trời Thăng Long hừng hực sắc xuân. Con đường hộc bám theo vườn ngự uyển quanh co tới mấy dặm vừa được chúa xuân ban cho chiếc áo mới, sắc trong như ngọc. Lại rặng liễu quanh hồ Bích Trì cũng vừa giũ bỏ chiếc áo mùa đông cũ kỹ úa vàng để khoác lên mình chiếc áo xuân xanh mượt. Những con đường, những hàng cây, những sắc lá và cả mặt hồ nước như xao động, như cộng cựa cùng với các mầm sống nơi thớ gỗ, nơi nách lá của cỏ cây. Tất cả như vừa bừng thức sau giấc ngủ đông.

Về đêm, kinh thành tĩnh mịch đến lạ thường. Người có lòng thân thiện với muôn loài, dường như có thể lắng nghe tiếng nói xôn xao của chúng vào cái thời khắc chuyển mùa. Nhựa cây đang âm thầm chuyển dịch lên đầu cành để tiếp sức cho các mầm non lá nỡ, tựa như các dòng sông ngầm đang lặng chảy trong lòng đất.

Và cả tiếng tí tách của vỏ cây đang nứt rạn bởi sức căng trương của thứ gỗ.

Vào một đêm như thế trong Lan cung, nguyên phi Ý Lan đang trở dạ. Các ngự y, các bà mụ danh tiếng đang túc trực vòng trong vòng ngoài.

Vua Thánh tông đứng ngồi không yên ngoài đại sảnh dõi theo cái thời khắc khai hoa mà cả hoàng gia, hoàng tộc và triều đình đều cầu mong đó sẽ là một hoàng nam. Nhà vua cứ nóng lòng hết đứng lại ngồi. Ngài đuổi hết nội thị ra ngoài và cả lính cấm vệ cũng không được đi lại quanh khu vực của ngài. Ngài muốn cái giờ phút thiêng liêng ấy, ngài là người đầu tiên nghe con cất tiếng khóc chào đời. Và cũng chẳng cần ai báo tin, mà chỉ nghe tiếng reo ồn trong phòng sinh nở cũng đủ biết đứa bé là trai hay gái.

Nghe đâu nguyên phi đã đau đẻ cả sáu, bảy ngày nhưng mãi tới giờ thân chiều nay viên đô thái giám Đỗ Khánh Thập mới thập thò ngoài điện Thiên Khánh nhân nhân nhờ nhờ nửa kín nửa hở báo tin. Thế là ta bỏ hết mọi việc tới ngay Lan cung. Và chờ suốt từ giờ thân, nay đã là đầu giờ tuất. Chao ôi con ta sao mà gan lì chẳng chịu ra đẻ cho mẹ phải chịu quần quai dớn đau.

Nhà vua vẫn lắng nghe động tĩnh và dõi nhìn ngọn bạch Lạp cứ ngấn dần. Thịnh thoảng ngọn lửa nển lại rung lên như múa và bắc kết thành hoa như hoa xương

rông. Dân gian thường nói lửa reo và bắc kết hoa là điềm đại hỷ. Ôi ta chỉ mong cái sự đại hỷ này là Trời - Phật ban cho dòng họ Lý nhà ta một chàng hoàng tử. Ta sao yên tâm được khi vào tuổi này... nhà vua nhảm tính: Ta sinh năm quý Hợi, nay là đầu năm Bính Ngọ, tức là đã vào tuổi bốn mươi tư. Sức lực tuy còn sung mãn, nhưng tuổi tác thì đã vào hàng thiếu lão rồi. Chẳng lẽ dòng họ Lý phải trả nghiệp gì đây. Suốt từ đời Thái tổ tới nay, đời nào cũng chỉ lo trồng cây đức cho cả nước. Ngay bản thân ta có bao giờ lơ là trách phận. Ta không tin cái nhân ta gieo ngọt ngào mà ta lại phải hái trái đắng. Không! Ta không tin ta là người bạc đức. Ta không tin nhà Lý ta không có người nối dòng đại thống. Vua Lý Thánh tông cứ triền miên với những suy tư nhân quả, bỗng có tiếng trẻ khóc ré lên rồi nhiều tiếng reo ồn ã. Nhà vua không kịp xỏ chân vào hia nữa mà cứ để chân trần chạy bỏ ra hành lang, rồi đi về phía có tiếng trẻ khóc thì vấp phải một kẻ nào đó. Người kia quên cả lễ nghĩa, cứ hét toáng lên:

- Bệ hạ! Bệ hạ! Nguyên phi sinh hoàng tử rồi. Nhà vua bèn quay lại nhìn, hóa ra viên đô thái giám Đỗ Khánh Thập. Nhìn sát mặt viên hoạn quan, vua hỏi:

- Có phải người nói nguyên phi sinh hoàng tử?

- Tâu hoàng thượng chính thế. Thần đang chạy đi báo tin cho bệ hạ thì gặp bệ hạ lao ra. Chắc bệ hạ nghe

thấy tiếng trẻ khóc.

- Phải, ta nghe thấy trẻ khóc và cả tiếng reo nữa. Ta đoán nàng đã sinh.

- Tâu bệ hạ đúng vậy, chính nguyên phi sai thần phải đi báo tin ngay cho bệ hạ mừng.

- Khanh nói sao?

- Dạ, nguyên phi vừa nghe tiếng hoàng tử khóc thì mở bừng mắt ra. Người đòi bé hoàng tử lại cho người coi mặt. Ngay lập tức người bắt quan thái y phải lập tờ chứng, ghi đúng ngày giờ sinh, rồi tìm các đặc điểm trên thân thể hoàng tử và phải ghi thật đầy đủ.

Sau đó mục đỡ phải ký vào. Dạ không, bà mục thì điểm chỉ thôi ạ, vì bà ta không biết chữ. Kế đó quan thái y, cả thần nữa cũng phải ký, bởi thần là người chứng kiến. Cuối cùng, nguyên phi ký xác nhận. Ký xong, nguyên phi sai thần đi mời bệ hạ ngay.

Hôm sau thiết triều, bá quan nồng nhiệt lay mừng hoàng thượng đã có người kế nghiệp. Nhà vua ngỏ ý:

- Ta muốn hoàng tử được mang một cái tên có ý nghĩa nhất, các khanh thử cùng ta nghĩ xem.

Được nhà vua cầu kiến, các quan lập tức lục tìm trong đầu óc, nhất là các quan văn đều nhắm tính các tên đẹp cô kim, hết kiểm tìm những tên tuổi nổi bật trong lịch sử nước nhà lại ngoái tìm trong lịch sử Trung Hoa. Các quan coi về tư thiên giám thời nghĩ đến việc

lấy tên từ các vì sao. Biết bao nhiêu các mỹ danh được các bậc đại thần tự đặt hoặc lấy trong các tích điển thần, phật, trời, người dâng lên nhà vua. Tuy vậy, nhà vua vẫn chưa hài lòng với một tên gọi nào.

Bổng thái sư Lý Đạo Thành xuất ban xin nói:

- Tâu bệ hạ, nhà Lý ta gốc từ đạo Phật, nên từ Thái tổ tới nay luôn lấy việc an dân, lấy việc thiện hóa xã hội làm mục tiêu trị nước. Bệ hạ từ khi kế vị cũng chủ trương «vi chính dĩ đức». Tức là lấy đức làm đầu cho sự nghiệp chính trị. Vì vậy hoàng tử sau này sẽ là người kế tục nghiệp lớn của các tiên đế, vẫn phải đi theo con đường xưa tổ phụ đã đi. Do đó, ngoài cái uy của các bậc thế thiên hành đạo ra thời cái đức của đấng chăn dân cũng tức là cha mẹ dân phải phủ trùm khắp thiên hạ. Bởi lẽ đó, thần xin dâng hai chữ để đặt tên cho hoàng tử. Hai chữ ấy là: CÀN ĐỨC.

- Có phải khanh nói chữ Càn ở đây chính là quẻ CÀN đứng đầu sáu mươi tư quẻ dịch không: - vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, đúng như thế đấy ạ, Thái sư đáp
- Quẻ Càn tượng trưng cho Trời. Còn Đức là hợp từ cái tâm cùng các hành vi nhân ái, khoan dung. Cho nên cái đức đó ở người đứng đầu trăm họ phải mệnh mang nhuần tưởi khắp thiên hạ như tính của trời vậy.

- Hay lắm! - Vua khen. Cái tên và những lời lý

giải của khanh rất hợp ý ta. Ta chấp nhận lấy tên CÀN ĐỨC đó để đặt tên cho thái tử. Vậy chớ các khanh có ai còn ý tứ gì hay hơn thời cứ tâu báo lên.

Mọi người đều nói thái sư là người học rộng đã xướng xuất ra được danh xưng tôn quý, hoàng thượng đã ân chuẩn, lữ thần xin tuân chỉ. Xin chúc mừng hoàng thượng. Cả triều thần hô vang:

- Chúc mừng hoàng thượng!
- Chúc mừng hoàng thượng!
- Hoàng thượng vạn tuế!

Lý Thánh tông lại nói:

- Nhân đây ta tuyên dụ sách lập hoàng tử Càn Đức làm Đông cung khi nào đến tuổi, hoàng thái tử sẽ ra ở cung Long Đức cho hợp với chính sách thân dân từ thời các tiên đế. Ta cũng tấn phong nguyên phi Ý Lan làm thần phi¹. Vậy chớ các khanh có còn điều gì cần nói?

Vua vừa dứt lời, nội thị Phan Đường Liệt liền xuất ban:

- Tâu bệ hạ, ngôi thái tử được lập sớm cũng là để tránh các dị ý sau này. Đó chẳng phải như lời Khổng Tử nói: Quân tử là người biết lo xa sao.

¹ Các vợ vua ngày xưa có nhiều cấp bậc.

Vợ cả gọi là hoàng hậu. Dưới hoàng hậu còn có ba người nữa gọi là phi hoặc phu nhân. Nguyên phi là người đứng đầu các hàng phi. Thần phi là quý phi của vua.

Các quan lại mỗi người một ý tán tụng nhà vua. Thấy lời nói các quan đã trùng lặp, và lại nó cũng không hơn gì cái việc nhà vua đã quyết, vì vậy Thánh tông cho bãi triều. Thế là mới sau hai ngày tuổi, Càn Đức đã được lập làm hoàng thái tử, ngôi vị ấy sau này sẽ kế nghiệp vua cha.

Hoàng thái tử Càn Đức là niềm vui, niềm hy vọng của cả hoàng tộc lẫn hoàng gia. Tam cung lục viện không nơi nào, không lúc nào là không bàn tán. Tuy vậy, rất ít người được nhìn thấy mặt hoàng thái tử. Lệnh cấm ngặt những ai không có việc gì không được bén mảng tới gần khu vực Lan cung. Lính canh gác vòng trong vòng ngoài suốt ngày đêm. Ngay các nội nhân thân tín đã hầu hạ lâu năm cũng duyệt xét lại từng người.

Cận kề với hoàng thái tử ngoài nguyên phi và nhà vua còn có hai nữ mẫu, một quan ngự y với mười người hầu. Ngay các thái giám cũng không được phép vào nơi ăn ngủ của hoàng thái tử. Đô thái giám có việc gì tâu báo cũng chỉ được tiếp xúc với nguyên phi.

Thái hậu Thượng Dương cứ mười ngày một lần tới thăm Đông cung. Theo chỉ dụ của nhà vua thái hậu chỉ được đem theo hai thị nữ và phải đi cùng với hai vị tả, hữu kim ngô, hai vị tả hữu phúc tâm cùng quan đô thái giám, lại cũng chỉ được nán lại thăm Đông cung đúng một khắc canh giờ. Không ai được phép tự tiện bế

ãm hoàng thái tử ngoài nguyên phi và mấy người nữ mẫu.

Có lần hoàng hậu ghé thăm Đông cung ngồi chờ ngoài đại sảnh để nữ mẫu ảm hoàng thái tử ra cho người xem mặt như mọi lần. Thế nhưng lần này Đông cung thái tử lại đang ngủ say chưa thức giấc, nên đã quá một khắc canh giờ mà vẫn cố nán lại. Đúng lúc ấy đô thái giám Đỗ Khánh Thập ló mặt vào.

Vừa trông thấy Thượng Dương hoàng hậu, Đỗ Khánh Thập đã vội lên tiếng:

- Thần kính chào hoàng hậu. Kính chúc hoàng hậu vạn an.

Hoàng hậu nhìn thẳng vào gương mặt nhăn nhó của đô thái giám và với vẻ khinh bỉ, bà đáp:

- Ta tưởng nhà ngươi đã chết rồi chứ. Từ lâu ta có thấy mặt mũi nhà ngươi ở đâu.

- Tâu, xin hoàng hậu tha tội. Đúng là từ ngày nguyên phi hạ sinh hoàng thái tử, thần chưa có dịp vào chầu điện Nguyệt Minh. Bởi vì hoàng thượng sai Ty thái giám phải đặc biệt coi sóc Lan cung về mọi mặt. Do vậy thần không còn khe vào đâu được để có thời giờ sang hầu hạ hoàng hậu.

- Ta vẫn nhìn thấy chữ ký của nhà ngươi trong bảng phát ngân hàng tháng. Hoàng hậu vừa nói vừa nhổ nước trầu phì phì vào ống nhổ, tựa như bà muốn

nhỏ vào mặt người đứng đầu Ty thái giám.

Đỗ Khánh Thập cười nhàn nhở:

- Tâu, thần cũng chỉ vội vã lên đi làm được có mỗi một việc là lĩnh tiền thưởng của hoàng hậu bên điện Nguyệt Minh mà thôi. Y hấp háy cặp mắt - Máy lại hoàng hậu tha tội, mỗi tháng thần cũng chỉ có một lần như thế, vì cái men của đồng tiền hoàng hậu ban cho nó vậy gọi. Nếu không tự mình sang ký lĩnh, thần sợ mang trọng tội với hoàng hậu, rằng thần dám chê lộc của bề trên.

Hoàng hậu Thượng Dương đang bực giận, bà chỉ muốn hất cả cái ống nhổ nước quét trầu này vào mặt tên nịnh hót, điêu trá. Trước kia, y ôm chân, ôm váy ta như một lũ chó nịnh chủ thật là trơ trên. Thế mà từ khi con bé nhà quê này sinh được đứa con trai thì nó ra mặt nịnh hoàng thượng, ôm chân con nhà quê, còn cung Thượng Dương thì không hề lai vãng tới mà chỉ lên lút sang nhận tiền. Đã vậy thì... hoàng hậu bèn lên tiếng:

- Này Đỗ Khánh Thập, người quả là một tên dê tiện. Ta tuy chưa sinh được hoàng nam, nhưng ta là chánh cung, con của các phi, tần cũng là con ta. Nếu người dám hỗn với ta, hãy coi chừng cái đầu người liệu có còn được ở trên cổ mãi không. Để người khỏi phải lên lút sang điện Nguyệt Minh, từ tháng này ta cắt hết mọi khoản mà ta đã lắm ưu ái cho người.

Lập tức Đỗ Khánh Thập quỳ mọp xuống, hấn vốn da thiết bì, nay lại sợ hãi nữa nên mặt hấn đen kịt lại chỉ còn hai mắt trắng dã, hấn cố thu cái thân to cao của hấn cho bé lại, cho thấp xuống. Giọng hấn thì thào thuần hơi, nghe như một thứ ma quái hiện hình. Đầu hấn đập xuống đất kêu bình bịch, giọng run run, môi mấp máy:

- Tội thần thật đáng chết! Tội thần thật đáng chết. Xin hoàng hậu mở đường hiếu sinh. Thần nguyện suốt đời làm con chó trung thành cho hoàng hậu.

Trong lòng hoàng hậu dấy lên sự khinh ghét tên hoạn quan cáo già này. Y hứa từ nay sẽ trung thành như một con chó. Sự thực, chưa bao giờ y xứng đáng được với tư cách chó. Y tự nhận trung thành như một con chó, tức là y đã lợi dụng tư cách chó, chứ thực là y đã xúc phạm đến danh dự của loài chó, trước sau y chỉ là một con rắn độc. Và như vậy hoàng hậu không khỏi ghê tởm cả ghê sợ về sự dê tiện, sự thâm độc và xảo trá của y. Hằng ngày y gần gũi với hoàng thượng và cả cái con bé nhà quê ấy, không biết y ton hót những gì, bịa đặt những gì về diện Nguyệt Minh của ta.

Thấy hoàng hậu im lặng, đồ thái giám biết bà đang nghĩ gì. Nghĩ gì cũng chẳng ngoài chuyện ghen tuông, chuyện quyền lực. Vẫn với cái giọng hấp ta hấp tấp, Đỗ Khánh Thập lên tiếng:

- Tâu hoàng hậu, người cứ cắt bỏ cái khoản lộc

hằng tháng đã ban cho thần đi cũng được. Bớt đi, thần cũng không vì thế mà nghèo thêm. Nhưng theo thần nghĩ, những gì thần đã hầu hạ phục dịch hoàng hậu, tướng thần còn phải được hưởng nhiều hơn thế nữa.

Vừa lúc hoàng thái tử thức giấc, thần phi giục nhũ mẫu sửa soạn ẵm hoàng tử ra chào hoàng hậu, kéo người ngồi chờ ngoài đại sảnh đã lâu.

Thần phi Ý Lan trang điểm qua loa rồi dẫn nhũ mẫu ẵm hoàng thái tử ra đại sảnh.

Chợt trông thấy Ý Lan, hoàng hậu đã nở nụ cười thân mật. Thần phi toan quì lạy, hoàng hậu vội đỡ lấy tay Ý Lan. Bà nắm chặt bàn tay thần phi nói lời âu yếm:

- Em không phải đa lễ thế. Ta với em đã là chị em, sao em cứ phải cách né vậy. Ta mừng vì em đã sinh được hoàng tử, nhà vua đã có người nối dòng đại thống, chị cũng được thơm lây. Đây là giọt máu của hoàng thượng, chị em mình phải chăm sóc, phải huấn hỡ cho hoàng tử trở thành người có đức hạnh có tài năng, đúng như danh xưng Càn Đức mà cả nước trông đợi.

Đặt tay lên bờ vai Ý Lan, hoàng hậu Thượng Dương với vẻ xót xa nói tiếp:

- Em ta gầy quá. Em lo cho con nhiều lắm, chị biết. Nhưng em cũng nên biết, sức khỏe của em, tinh thần của em bây giờ không phải của riêng em nữa, mà

nó còn ảnh hưởng tới tinh thần và sức khỏe của hoàng thượng và hoàng thái tử. Cả hoàng gia, hoàng tộc, cả nước nhìn về Lan Cung. Bởi vậy em phải gắng ăn, ngủ cho tốt. Vậy chớ em ăn được, ngủ được không. Khó ngủ à? Em phải gạt bỏ khỏi đầu óc mọi nghĩ suy tạp loạn. Niềm vui của chị em ta bây giờ là Càn Đức. Còn gì phải lo nữa nào. Hoàng hậu quay sang chơi với hoàng thái tử, nói nựng cậu bé, nhưng thực là làm yên tâm Ý Lan rằng bà vui thật sự, hạnh phúc thật sự chứ bà không có tâm địa ghen ghét ích kỷ. Bà cũng ý tứ không sờ vào người thằng bé, không đòi bế ẵm. Hoàng hậu còn để ý thấy Ý Lan và nữ mẫu không rời mắt khỏi hoàng tử. Lại cả mấy người hầu hạ đứng xa xa mắt họ luôn hướng về phía hoàng tử canh chừng. Biết vậy, nên mỗi khi ghé Lan cung theo định kỳ thăm hoàng thái tử, hoàng hậu không đem theo một thị nữ nào vào Lan cung, bà cũng không đem bất cứ một vật dụng nào theo người, dù đó chỉ là những vật điểm trang. Sở dĩ hoàng hậu giữ gìn ý tứ là bởi thái sư Lý Đạo Thành đã có những lời răn kín đáo, bằng cách kể các câu chuyện bi thảm trong hậu cung từ đời nhà Hán nhà Đường bên Trung Hoa.

Tuy vậy những cuộc thăm viếng tế nhạt, những việc đề phòng, cảnh giới vẫn cứ diễn ra. Bề ngoài thì chị em em, nhưng bên trong là sóng ngầm, là bão dông. Thảo nào dân gian thường nói: Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người hồ để mà đo cho tường.

Thời gian thấm thoát chẳng mấy mà hoàng thái tử đã biết đi, biết nói. Rồi Càn Đức lại có em bé nữa. Ấy là hoàng tử Minh Nhân vương sinh vào mùa xuân, tháng hai năm Giáp Thân. Vậy là từ khi Ý Lan nhập cung, ba năm đầu chưa sinh nở, nhưng ba năm sau nàng đã sinh cho nhà vua được hai chàng hoàng tử. Càn Đức mới hai ngày tuổi đã được lập làm hoàng thái tử. Ý Lan tức là cái nhà cô Lê Thị Khiết, một cô gái hái dâu quê mùa, gặp thời một bước lên bà hoàng bà chúa. Nay lại có con trai, ngôi vị đã định. Chẳng mấy nữa trở thành mẹ vua, trở thành mẫu nghi thiên hạ. Dân gian đồn rằng nhà Ý Lan có ngôi mộ đại phát, đó là mộ ông đồ Lê Trung Lương tự nhiên mới dùn lên cao như một trái núi. Cả làng đua nhau đến lễ, hương khói suốt ngày đêm. Xã quan đã cho cất một ngôi nhà nhỏ ngay cạnh ngôi mộ, có người canh gác không cho ai xâm phạm. Tiếng đồn khắp vùng, dân chúng bốn phương kéo về lễ bái đông nghìn nghịt. Những nhời đồn đại không cánh mà bay gần bay xa khắp chốn cùng nơi. Nhưng có ai hỏi cái ngôi mộ mới dùn kia đích xác ở chỗ nào thời chẳng có ai chỉ ra được. Như thế đủ biết thiên hạ thật là hiếu sự.

Vua Thánh tông từ khi sinh được hai hoàng tử, ngài như trẻ lại. Nhà vua thường chế những khúc nhạc Chăm rồi đặt lời, và dạy cho đám ca vũ trong ban nhạc cung đình hát múa. Các nhạc công và ca công là những người đã biểu diễn nhiều loại âm nhạc, không thể nói là

họ không có khiếu năng thẩm định. Ấy vậy mà họ cũng phải thán phục tài năng nghệ thuật của Lý Thánh tông, không với tư cách ngài là vị quân chủ mà trên phương diện ngài là nghệ sĩ. Tuy nhiên, niềm vui con cái có làm nhà vua yên tâm về dòng dõi, về người kế vị, và âm nhạc cũng chỉ là thú giải khuây trong muôn một. Sau đó nhà vua lại trở về với ngôi vị người quân trưởng, bậc chủ tể của ngôi nước, ngài phải lo đến việc an nguy của xã tắc. Tin tức mọi nguồn đều nói nhà Tống xúi giục Chiêm Thành đánh ta thời Tống triều sẽ trợ thủ. Chính Chiêm Thành cũng nuôi tham vọng bành trướng sang Đại Việt, bởi phía nam đã bị Chân Lạp là một quốc gia đang hùng cường chặn lại. Vì thế Chiêm Thành cũng đang ráo riết tru hoạch việc đánh ta. Cho nên nhà vua quyết ra tay đánh quy Chiêm Thành trước khi họ kịp xuất quân. Bại Chiêm Thành xong, sẽ rảnh tay đối phó với mặt bắc.

Mọi việc chuẩn bị nam chinh vua đã sai Lý Thường Kiệt lo liệu. Lại sai các hoàng đệ là Lý Nhật Trung, Lý Hiền Minh đốc thúc. Lý Nhật Trung chính là Phụng Kiên vương, sinh thời vua Thái tông và hoàng thái tử Lý Nhật Tôn có đôi lần cùng thân chinh, nhà vua đã cho Phụng Kiên vương quyền giám quốc.

Để việc nam chinh vào năm sau được kín nhem, Lý Thường Kiệt xin nhà vua cho chuyển dần lương thảo vào kho trong các châu Thanh Hóa, Nghệ An.

Vua Thánh tông cười đáp:

- Việc đó khanh khỏi lo. Ta đã giao cho hoàng thúc Uy Minh vương lo liệu đầy đủ rồi.

Ngập ngừng một lát, Lý Thường Kiệt liền thưa:

- Thần chỉ lo Uy Minh vương tuổi cao.

- Khanh quá lo xa, hoàng thúc ta mới ngoài năm mươi tuổi, ta đã nhiều lần khuyên người nên hồi hưu để dưỡng già. Vương thường gạt đi và nói: “Đây là vùng đất trọng yếu, người trong hoàng tộc không gánh vác thì ai vào đây. Vả lại sức còn khỏe chưa nên tính chuyện dưỡng nhàn”.

Ta nhớ năm Giáp Thân, tiên đế đánh Chiêm Thành cũng sai Uy Minh vương lo liệu lương thảo, hoàng thúc ta tính khiêm nhường chu đáo nên các việc đều tốt. Khi khải hoàn tiên quân ta khen thưởng, úy lạo hoàng thúc nhiều lắm. Người bảo: “Thắng Chiêm Thành lần này công em lớn lắm”.

- Tâu, thần muốn chuyên trước một số thuyền tâu và binh sĩ vào phía nam bằng những cuộc tuần thú rồi cho vào ẩn giấu trong các vụng biển, nơi thủy binh ta đồn đóng. Vừa giấu binh lực, vừa tập luyện theo địa thế nước Chiêm Thành để quân mình quen thạo trước khi vào Chiêm, xin bệ hạ ân chuẩn.

- Được! Việc đó khanh nên làm ngay. Kể cả việc luân chuyển quân trên bắc thù. Khanh phải chú ý một

điều đừng làm gì tỏ ra khiêu khích với nhà Tống, nhưng cũng không bó qua những hành vi xâm lấn của họ kéo họ nhằm tưởng rằng ta yếu. Cuộc thương nghị tại Ung Châu mấy năm trước do Bùi Gia Hựu cầm đầu đã thu được thành tựu ngoài mong đợi, là do phía ta đã kết hợp cương nhu uyển chuyển, khiến bên nhà Tống phải thay đổi đối sách có lợi cho ta. Thành tựu đó phải kể tới công lao của Bùi Gia Hựu và thuật thương thuyết của y. Theo ta, đó còn là bài học không chỉ dành cho việc bang giao, việc thương thảo mà ngay cả thuật dùng binh cũng không ngoài chữ cương nhu và tùy thời.

Ta nhắc lại để Thường Kiệt lưu tâm rằng đối sách của ta với nhà Tống và cả Chiêm Thành vẫn là cương, nhu uyển chuyển và công thủ tùy thời. Ngừng lại giây lát, nhà vua lại tiếp: - Sắp tới, sách lược bang giao của ta là “cận giao viễn công”. Tới một lúc nào đó có khi phương sách ấy phải đổi ngược lại, bởi triều Tống chưa bao giờ họ thành thật thân hữu với ta mà họ chỉ rình rập chờ cơ hội thôn tính ta. Vậy chờ theo ý khanh nên như thế nào.

- Tâu bệ hạ, những điều bệ hạ răn dạy, cũng chính là điều gan ruột của thần. Thần trộm nghĩ, nếu ta muốn rảnh tay đối phó mặt bắc thời trong cuộc nam chinh này ta phải đánh sập ý đồ nhòm ngó Đại Việt của vua tôi nước Chiêm Thành, và phải đánh cho họ một đòn thật đau để mỗi khi người Chiêm nghĩ đến Đại Việt là khiếp

hồi phục được cũng sau mười năm tận lực.

- Vậy mọi việc khanh phải bắt tay thực thi từ hôm nay, nếu không thì quá trễ. Ghé tai Thường Kiệt, nhà vua nói rất nhỏ: “- Ta định sang xuân là khởi binh đây”.

- Tâu bệ hạ thế thì tốt. Mùa xuân thuận gió, quân ta vào rất nhanh, quân kia có muốn ra cũng ngược gió khó qua được các ải lũy của ta.

- Thôi được, khanh về lo ngay mọi việc đi.

- Thần tuân chỉ. - Thường Kiệt nói xong cúi đầu bái lạy nhà vua rồi đi thẳng.

Vào một ngày cuối đông trời lạnh giá, bầu trời ảm đạm đầy mây xám thỉnh thoảng lại lác rác mưa phùn, khiến cái rét cứ len lõi vào khắp cơ thể người. Ngay trong hoàng cung cũng lạnh buốt, có nhẽ lâu lắm rồi, tới mấy chục năm mới có một năm rét như thế này, vua Thánh tông sai đốt lò sưởi, đốt trầm cho không khí trong cung điện ấm áp rồi ngài sai người tới Lan cung đón thần phi về điện Trường Xuân hội kiến.

Trong khi chờ thần phi tới, vua hỏi viên Tả ty lang trung về mùa vụ năm nay thế nào.

Tả ty lang trung đưa tay lên sửa chiếc mũ bình đính¹, xốc lại cổ áo rồi chấp tay vái nhà vua:

¹ Tên gọi đầy đủ là mũ “tứ phương bình đính” chóp phẳng búp làm bốn múi. Mũ này các quan thường đội. Thường triều nhà vua cũng đội. Tuy nhiên ở mỗi cấp thì chất liệu và màu sắc khác nhau.

- Tâu bệ hạ năm nay được mùa to, dân bội thu, nạn đói, nạn giáp hạt cũng đã chấm dứt từ lâu. Tâu bệ hạ năm nay trời rét đậm, trong dân hiện chưa thấy có nơi nào tâu báo có người chết rét, nhưng thực quá nhiều người không có đủ chăn, áo rét. Nhất những người già cả bệnh tật mà gặp kỳ rét đậm, rét kéo dài thời tính mệnh chưa biết thế nào. Dạ, muôn tâu muôn chớng được rét con người ta phải có hai thứ là được ăn no, được mặc ấm và ở trong nhà được che chắn kín gió. Dạ muôn có chăn áo ấm chỉ có cách phát triển nghề trồng bông và trồng dâu chăm tằm. Tâu bệ hạ, các nghề này tuy triều đình có khuyến khích không đánh thuế vào các chân ruộng trồng dâu, trồng bông, không đánh thuế vào các khung dệt vải, dệt lụa, thế nhưng sự nghiệp phát triển vải vóc, tơ lụa chưa được là mấy. Các sản phẩm như vải, lụa vẫn còn đắt lắm. Người nông phu bán tới bốn phương thóc không may nổi bộ quần áo vải, còn đồ lụa là thì người nghèo chẳng dám mơ tới, dù họ có trồng được dâu, chăn được tằm và dệt được lụa vẫn không dám may mặc cho chính mình.

Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ thương dân không muốn để cho một người nào phải chết rét vì thiếu áo quần, chăn chiếu thời triều đình phải có đối sách quyết liệt như thời chống đói, tức là cấm bỏ đất hoang, cấm cho vay nặng lãi trong các kỳ giáp hạt, lại mở kho nhà nước cho

dân vay dôi hạt nhân ngày giáp hạt như triều đình đã khuyến cáo các nơi làm trong những năm trước đây.

Nhà vua đang gật gù trầm ngâm thì kiệu của thần phi Ý Lan đã tới đầu công. Cấm quân vào bắm báo về sự có mặt của thần phi.

Thánh tông cho các quan bái chầu.

Vừa nhìn thấy nhà vua, Ý Lan mỉm cười và cúi lạy:

- Thần thiếp kính chào bệ hạ.

Thánh tông giang hai tay đón thần phi và đưa vào ngòai trên kỷ. Nhà vua ôn tồn nói:

- Ta đã bảo miễn lễ cho riêng nàng, sao cứ còn cúi lạy.

- Tạ ơn bệ hạ đã ban trọng ân. Nhưng thiếp kính hoàng thượng là sự kính chúa tại tâm, nên dù cái tay không muốn thì cái đầu vẫn mách bảo. Vậy thiếp xin bệ hạ cho được giữ lễ quân thần, kéo trước thế gian thiếp mắc tội kiêu mạn vì cậy mình sinh được hoàng nam.

- Ta không ngờ còn ít tuổi mà nàng đã nghĩ suy chín chắn. Thôi được, nàng giữ cho mình cũng là giữ cho ta, kéo mang tiếng ta không công bằng.

- Tâu, thiếp nghe nói bệ hạ sắp nam chinh. Chẳng hay việc đó thế nào?

Nhà vua sững sốt hỏi lại:

- Ai nói với nàng điều đó? - Nhà vua lại tự nghĩ, ta chỉ mới bàn hạp trong mấy yếu nhân chủ chốt và đã có cảnh báo phải giữ cho kín nhem. Thế mà tin tức vẫn lọt ra. Vậy người đó là ai. Vua đang tự kiểm xét xem trong những người đó, ai đã để rò rỉ tin này.

Rất tự nhiên, Thần phi đáp:

- Tâu hoàng thượng, thực ra không có ai nói với thiếp, mà thiếp cũng có đi tới đâu mà biết. Chẳng qua thiếp thấy quân cấm vệ ở đây thỉnh thoảng lại vắng mặt mấy ngày. Nay quân Tứ thiên, vài ngày đã thấy quân Tứ thánh, Tứ thần... Khi thiếp hỏi, họ đáp đi công cán biên ải mới về. Thiếp tự đoán, ta nghi binh mật bắc, chắc sắp có chuyện động binh mật nam. Binh pháp chẳng từng nói: Giương đông kích tây đó sao.

Nhà vua thở phào:

- Thế mà ta cứ nghi mưu ta bị bại lộ. Khá khen nàng có con mắt của kẻ làm tướng. Bữa nay triệu nàng đến, là ta muốn nói chuyện nam chinh.

- Bệ hạ, thiếp là phận nữ nhi biết gì đến chuyện quốc gia trọng đại mà bệ hạ phải bận tâm đến thần thiếp.

- Thần phi, sáu năm về triều, nàng là vợ vua chứ không phải là cô gái hái dâu hương Thổ Lỗi ngày trước nữa. Ta biết nhiều người dù có ở trong cung đến trọn đời cũng không thay đổi được gì nhiều lắm đâu. Họ chẳng là biết ăn chơi xa xỉ, biết hưởng lạc, thích an

nhàn, kết bè kết cánh phe này phe nọ. Nhưng với nàng thì khác. Nàng có cái tâm trong sáng, ham học hỏi và hướng thiện và có lòng độ lượng, vị tha. Ta nhìn nơi nàng một người đồng hành có thể ký thác nhiều việc lớn. Do vậy, bữa nay ta muốn nói với nàng một số điều hệ trọng có quan hệ đến sự an nguy của xã tắc, để rồi ta sẽ ủy thác cho nàng một vài việc lớn, cũng là sự tập dượt.

- Bệ hạ, thiếp sợ.

- Nàng sợ cái gì, sợ ai?

- Tâu bệ hạ, thiếp cũng không biết mình sợ cái gì nữa. Nhưng thiếp mong manh cảm nhận như có một cái gì đó hiểm nguy đang rình rập từ xa.

- Có nhẽ một cái gì đó nàng đọc trong sách vở nó ám ảnh. Cũng có thể nàng nghe kể những chuyện ma quái, chuyện thoán đoạt với những mưu ma kế quỷ từ thuở ấu thơ, nó hằn in trong ký ức rồi thỉnh thoảng nó trỗi dậy một cách mơ hồ tựa như một cơn ác mộng, khi thức dậy chỉ còn lưu giữ trong đầu sự sợ hãi còn các việc diễn ra trong mơ lại mờ nhòe không thể chấp nối lại được. Có đúng vậy không? - Nhà vua cười cười mở.

- Bệ hạ thật sáng suốt. Bệ hạ thông tuệ và có óc phán đoán khác người, điều thiếp chỉ mơ hồ cảm nhận, bệ hạ lại chỉ ra được rõ ràng.

- Nàng khởi bàn đến chuyện đó. Ta làm vua của một nước, dù ta chẳng có khiếu năng gì thì người đời vẫn cho ta là xuất chúng. Ngay nàng cũng vậy thôi; khi nàng còn là cô gái hái dâu ở hương Thổ Lỗi với khi nàng là nguyên phi, là thân phi, là mẹ sinh của hoàng thái tử thời vị thế của nàng khác nhau một trời một vực. Mà thật ra trước sau nàng vẫn chỉ là nàng thôi. Cho nên người đời nhầm lẫn lấy địa vị thay cho tài năng và nhân cách đích thực.

Trước khi bàn tới các việc trọng đại ta nói để nàng thêm tin vào bản thân mình. Tức là nàng được trời ban cho bốn tâm thiện đức mà thiếu nó con người sẽ trở nên đối trá, độc ác. Nàng cũng là người thông minh, ham học và khiêm nhường. Trong cuộc đời ai có được những đức tính này sẽ còn tiến xa trên con đường mở mang trí tuệ. Tri thức của nàng hiện nay ở mức nào ư? Lấy gì làm chuẩn mực đo lường đây. Ta chắc nàng không thể sánh được với các bậc thượng trí. Nhưng tuổi nàng còn trẻ, tương lai còn đang ở phía trước, đạt được tới mức nào là ở nơi nàng. Có điều rằng phải đưa được các tri thức mình đã có vào cuộc sống thường ngày. Đó chính là phép đối đãi giữa người với người, giữa người với tạo vật, giữa người với thần linh sao cho hài hòa.

Nhà vua ngừng lời, ngài nhìn thân phi với vẻ trùu mến. Đoạn lại hỏi:

- Vậy chớ những điều ta nói, nàng cảm nhận được chứ?

- Tâu bệ hạ, những điều bệ hạ chỉ ra và răn dạy khiến thiếp thêm tỉnh ngộ. Thiếp đang nghĩ đến điều quan yếu nhất mà bệ hạ đã dạy, ấy chính là cách đối đãi sao cho phải phép, còn việc tu dưỡng học hành để mở mang đầu óc là việc của cả đời người, bởi biển học bao la vô hạn mà kiếp sống của con người lại là hữu hạn, là vô thường.

- Phải, đời là hữu hạn, là vô thường. Chỉ tất một hơi thở là qua một kiếp người. Cho nên trong cái hữu hạn ấy, ta phải sống sao để khi nhắm mắt xuôi tay không để hận cho mình và để họa cho đời.

- Thiếp xin lĩnh ý của hoàng thượng.

- Thần phi nghe ta nói đây, bởi cái vô thường cũng là cái bất chợt, họa phúc chẳng biết đâu mà lường. Vậy ta sẽ nói với nàng những gì cần nói, trước khi ta vào cuộc nam chinh.

- Dạ, thần thiếp đang lắng nghe bệ hạ.

- Trừng phạt Chiêm Thành là việc bất đắc dĩ như nhiều lần ta đã nói với nàng. Chuyện đó không nói lại ở đây nữa. Bây giờ ta nói vì sao ta thân ở ngôi mà cứ phải tự mình cầm quân đánh dẹp: dẹp nội loạn, dẹp quân ngoài xâm nhập biên thùy và tự mình thân chinh ra ngoài cõi. Đây là việc tồn vong của một triều đại. Vì

thế ta phải tự mình nắm lấy việc quân. Lại như Thái tổ cao hoàng đế nhà Lý ta do làm Điện tiền chỉ huy phó sứ cùng với Nguyễn Đê nắm quân túc vệ, nhân lúc Long Đĩnh vừa chết được các quan phò tá nên được nước. Dành rằng có sự trợ giúp, sự thanh viện của các bậc đại sư mà trước hết là thiền sư Vạn Hạnh. Nhưng thử hỏi nếu Thái tổ không nắm trong tay đội quân túc vệ thì còn ngăn chặn răn đe được ai. Ai sẽ theo về vua mới. Khi lên ngôi, Thái tổ cho các con mình học làm tướng, học cầm quân. Vì vậy các con của Thái tổ người nào cũng có tài thao lược. Làm tướng xông pha trận mạc, không nề việc ném mật nằm gai gian khó. Ấy thế mà khi Thái tổ vừa nằm xuống, các vương đã nổi loạn toan cướp ngôi. Nếu tiên quân ta không là một bậc dũng lược cơ mưu, sao có thể dẹp nổi tam vương, bảo toàn ngôi báu, giữ vững vương triều. Khi lên ngôi, đến lượt tiên quân ta cũng dạy cho các con làm tướng. Ta nhớ năm Bình Tý, ta mới mười bốn tuổi, tiên quân đã cho ta làm đại nguyên soái cầm quân dẹp sự nổi dậy của người man ở các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên do các biên quan biên tướng Tống mua chuộc và xúi giục. Còn em ta là Phụng Càn vương mới mười hai tuổi được giao làm lưu thủ kinh sư. Đó là sự tập dượt để khi trưởng thành không bỡ ngỡ với các việc lớn quốc gia. Ta nhắc Ý Lan điều này nàng phải nhập tâm, bởi ta tuổi cao mới sinh được hoàng nam, nên khi ta già thì con mới chớm lớn. Giả dụ

trời bắt ta phải sớm từ già nàng và các con, thời nàng phải dựa hẳn vào hai trụ cột quốc gia là thái sư Lý Đạo Thành và thiếu úy Lý Thường Kiệt. Đó là hai tướng văn tướng võ trời ban cho Đại Việt ta. Nếu tận dụng được tài năng của hai người này thời dân yên, nước thịnh không kẻ thù nào dám nhòm ngó núi sông ta.

Nghe nhà vua nói như là một sự trấn trời khiến Ý Lan đâm lo lắng, sợ sệt. Nàng vừa nghe vừa nhìn xem thần sắc của nhà vua có gì đổi khác. Không, không có gì hết. Khí sắc nhà vua vẫn hồng hào, tươi nhuận, giọng nói ôn tồn, ấm áp, trong trẻo mà uy nghiêm. Người thất đảm, người sắp gặp hung họa không thể có được gương mặt rạng rỡ và giọng nói điềm đạm như vậy.

Nghĩ thế nhưng trong lòng vẫn run sợ, lấy hết can đảm, Ý Lan vội thưa:

- Tâu bệ hạ, thiếp là một cô gái quê mùa được bệ hạ đoái thương dạy bảo, tuy vào cung đã được sáu năm nhưng sự ngu khờ vẫn còn đeo bám. Bệ hạ thương mà cho biết những việc thiêng liêng vĩ đại, mới nghe đã thấy run sợ, thiếp đâu dám dự nghĩ, dự bàn. Thiếp trộm nghĩ, việc lớn dường này sao bệ hạ không bàn bạc, giao phó cho chính cung Dương hoàng hậu. Hoàng hậu vốn đồng dôi trăm anh thế phật lại quen thạo công việc, ân uy rộng khắp, giao thiệp với các đại thần như người trong nhà. Còn thiếp, mọi thứ đều kém cỏi, bở ngỡ.

Nghe Ý Lan bày tỏ, nhà vua càng thấy mình đặt niềm tin vào con người này là đúng chỗ. Nàng quả là một người trong sáng, trung thực không có ý niệm về câu kết bè cánh, không cậy mình sinh được hoàng nam, không tự phụ mình có con được kế vị. Nàng đúng là một người đàn bà đức hạnh.

Nắm tay Ý Lan và khẽ kéo nàng vào lòng, nhà vua âu yếm nàng bằng những nụ hôn nồng cháy. Lát sau ngài lại nói:

- Trời Phật ban cho nàng một cái tâm nhân ái, gắng mà giữ lấy để trồng cây đức cho đời sau. Nhưng phải sáng ý xem các bậc bề thần điều hành công việc, sai khiến người dưới. Lại cũng phải để tâm đến những kẻ lười nhác, dốt nát dựa dẫm nịnh trên nạt dưới làm cho mọi việc trở nên rối nát. Biết như vậy để sau này giúp hoàng tử biện biệt được người tốt, kẻ xấu cùng các hành vi sai đúng để khích lệ người giỏi, loại bỏ kẻ xấu. Nước thịnh hay suy là phụ thuộc vào người đứng đầu trăm họ cùng bộ máy cai trị giỏi hay dở. Nguồn gốc của một chế độ dẫn tới suy tàn là vua tôi sa đà vào các thú vui đọa lạc. Triều quan thì chia rẽ bè đảng gây thù chuốc oán. Vua thì không thích nghe lời nói thẳng, không chịu được những lời can ngăn trung thực của các gián quan mà chỉ thích nghe lời ton hót ngọt ngon của đám bề tôi bất tài vô hạnh. Nguy hại nhất là đám trung quan (thái giám), gian tham xúc xiểm. Ta nói để thần phi cảnh giới.

Dám trung quan thường trung thành như loài khuyển nhưng cũng nguy hại phản trắc bất thường như loài rắn độc. Tuy vậy, triều đình vẫn phải dùng bọn họ. Nói để nàng biết, trong tất cả các giám quan từ trước tới nay, ta chỉ tin yêu và quý trọng có Ngô Tuấn tức Thường Kiệt mà thôi.

Nhà vua im lặng giây lát rồi nói với vẻ nghiêm cần, ngài tiếp: - mai đây ta vào Chiêm, có mấy việc ở nhà nàng để ý cho ta. Trước hết là việc làm miếu thờ Khổng Tử, việc lập trường quốc học để con ta và con em các đại thần vào đó học hành, mai đây mở kỳ thi tuyển, chọn hiền tài cho nước. Đây là những việc thái sư đã dự nghĩ từ lâu, và ông đệ trình từ khi ta mới lên ngôi, mới cất nhắc ông vào hàng tể tướng.

- Tâu bệ hạ, sao nước mình phải lập đền thờ Khổng Tử. Khổng Tử chẳng phải là người Trung Hoa sao?

- Tới nay nước ta chưa có chữ, phải mượn chữ của người Trung Hoa để biên chép từ lịch sử, thi văn cho tới sổ sách hành chính của một nước. Ta lại nhiếp thống cả Nho - Phật - Lão thành tam giáo đồng nguyên. Tựa như ta đã tôn Phật, Lão đã có nhiều chùa, đền thờ các bậc tổ của các nền đạo, vì nhẽ đó mà ta lập miếu thờ Khổng Tử. Đành rằng Khổng Tử, Lão Tử đều là người Trung Hoa. Việc thờ tự chỉ có nghĩa rằng ta tỏ lòng tôn kính, tin theo. Lại cũng vì việc tôn kính tin theo ấy nó

có lợi cho việc khai tâm, khai trí cho người mình, thứ hỏi còn gì phải do dự.

- Tâu, theo như bệ hạ nói thì thái sư đã trình bệ hạ từ lâu mà tới nay mới được thực thi.

Nhà vua cười độ lượng:

- Nàng biết vận hỏi, lại vận hỏi cả ta nữa đích thị nàng có tố chất của một người cầm quyền.

Nghe nhà vua nói, Ý Lan sợ tái mặt, thực tình chỉ qua các sự việc nhà vua cho biết, nàng hỏi lại để mà hỏi chứ đâu dám vận vẹo. Thế nhưng nhà vua lại nghĩ như thế, biết nói sao bây giờ.

Ý Lan vội quỳ xuống dập đầu tạ tội:

- Thiếp vụng dại, ngờ rằng hỏi bệ hạ cho biết, ai ngờ phạm tội bất kính, xin bệ hạ lượng tình kẻ quê hèn một lần trót dại.

Nhà vua cười phá lên và vội nâng Ý Lan dậy, vừa vuốt ve âu yếm vừa nói:

- Ta nói thật đó. Ý ta muốn khen nàng lại khiến nàng sợ. Ta thật có lỗi vì đã để quan hệ giữa ta và nàng cách biệt bởi các lễ nghi, luật lệ khiến nàng lúng túng khó xử. Ta vốn ưa thích những người dám vận hỏi, dám can ngăn, dám nói thẳng, và rất ghét những kẻ ba phải, dốt nát, dựa dẫm, cứ lựa ý bề trên nịnh nọt cho vừa lòng.

Bây giờ ta nói đề nàg biết vì sao ta lại nán việc này quá lâu mãi tới nay mới chấp thuận. Thật ra người giỏi chữ nghĩa lúc nào ta cũng cần. Mở trường nơi các châu, lộ để dạy ở bậc cao cho những ai cần học, thay vì nơi các chùa quán chỉ dạy cho người ta thông văn tự ở các bậc sơ trung. Vậy là các việc thái sư xin, ta đã cho từ lâu, duy có việc lập Văn miếu là ta còn cần nhắc, nhưng việc ấy cũng đã xong rồi, chắc chẳng bao lâu nữa ta sẽ khánh thành. Nhưng còn việc thi cử, ta vẫn cứ bản khoản.

Vì sao ta phải bản khoản? Có phải vì mở ra thi cử sẽ xuất lộ nhiều người tài giỏi vào hàng trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, tiến sĩ như các đời Đường, Tống bên Trung Hoa. Và với học thức, học vị của họ đời sẽ ngưỡng mộ khiến các hàng quan cao chức trọng của triều đình cũng phải lu mờ chẳng. Ta nói thật, ngay cả nhà vua nếu học thức kém cỏi, điều hành việc triều chính bê trễ thì người dân cũng coi thường hướng hồ kẻ sĩ.

- Tâu bệ hạ, nếu nhà nước đã cho mở việc học hành trường lớp từ cấp thấp đến cấp cao mà lại không mở thi tuyển cho nhân tài xuất lộ, chắc kẻ sĩ sẽ bất mãn. Hơn nữa trong hàng quan lại từ trấn, lộ tới triều đình mà tuyển bổ được nhiều người có học thức cao vào bộ máy, chắc họ sẽ giúp bệ hạ điều hành việc nước được tốt hơn những xã quan và còn có cả quan châu,

quan quân lập sổ sách bằng những cuộn dây thừng với những nút buộc thắt rối rắm kỳ cục. Tàu, như vậy thì còn gì bệ hạ phải băn khoăn.

Dạ, thiếp chỉ nghĩ tới đâu tàu tới đó xin bệ hạ tha cho cái tội lạm bàn.

- Bao nhiêu cái lợi đưa về từ sự học sao ta không biết, nhà vua nói thông thả chứng tỏ trong lòng ngài đang bình thản. - Khổng Tử, ông tổ của đạo Nho từng nói: “Nhân bất học bất tri lý”, tức là người không có học thì không biết được nghĩa lý ở đời. Nàng có biết ta đang do dự là vì cái gì không. Ấy là cái sự thi cử. Ta biết rằng thời gian đầu sẽ kén được các bậc chân tài. Những người này sẽ đóng góp cho việc hưng vượng đất nước không biết đâu mà lường. Vậy là các triều đại tiếp nối cho việc chọn tuyển nhân tài qua thi cử vừa tiện vừa tìm kiếm được nhiều người cùng một lúc, lại có vẻ như là công bằng nữa. Thế là kẻ sĩ lao đầu vào học tập, chúí mũi vào sách vở, coi đỉnh cao của cuộc đời là mảnh bằng, từ đó làm hỏng cả sự học lẫn con người. Rồi triều đình và cả xã hội bỏ rơi những người tài đích thực trưởng thành từ việc tự học, tự rèn luyện cùng là những bôn ba từng trái. Những người được tôi luyện trong trường đời như vậy thử hỏi trường, lớp nào un đúc được. Ta coi thái sư Lý Đạo Thành, thiếu úy Lý Thường Kiệt là những người như vậy. Họ là những chân tài bậc nhất của Đại Việt ta. Phải nói, họ là những bậc hiền tài. Song nếu một triều

đại, một xã hội thiên trọng về khoa cử, thiên trọng về học vị ắt hẳn những người tài đức không qua trường ốc rất khó tiến thân.

Ngừng lại giây lát, nhà vua nói tiếp: - Ta không phải là người không biết cầu thị. Nhưng ta lo cái di hại cho con cháu các đời sau. Vì rằng ta đã cho người sang xem xét thực chất việc thi cử và cả sự lợi hại qua con đường thi cử để kén người tài của triều Tống. Vì muốn nói gì thì nói, họ đã có mấy trăm năm kinh qua việc thi cử. Các quan đi khảo nghiệm về nói cả những điều hay, điều dở. Nhưng hiện nay thì dở nhiều hơn. Năng lực của những người đỗ đạt là ở chỗ họ thuộc nhiều kinh sách. Phải chép cho đúng những điều mà Khổng Tử, Mạnh Tử đã viết đã rao giảng từ trên ngàn năm trước. Lại phải bình giảng, phải nghị luận những điều từ cả ngàn năm trước ấy sao hợp với ý của vua và cả bộ máy cầm quyền của nhà Tống. Thế thì họ tuyển chọn lấy một bọn người ngoan ngoãn và nhuỷễn văn, cốt để làm tay chân chớ đâu phải tìm nhân tài cho nước Tống. Rồi nạn dút lốt, mua bán với các quan giám khảo, chủ khảo để được đỗ hoặc đỗ cao. Nghe nói cái nạn đó hiện nay đã tràn ngập nước Tống mỗi khi kỳ thi tới. Đỗ đạt có nghĩa là có hy vọng leo lên một ghế quan trường. Và như thế là những người này đi thẳng từ cái mở chữ nghĩa của thời xưa tới cái ghế quan trường của đời nay để trị quốc bình thiên hạ. Vả lại trong số những bằng

cấp kia có bao nhiêu phần là mua bán, bao nhiêu phần là con cái các nhà quyền thế mặc nhiên thi là đỗ. Vậy thử hỏi người chân tài được mấy phần, liệu họ có thể len vào được không.

Ghìm nén một tiếng thở dài và như cả sự âu lo, nhà vua nói tiếp: - Ta xem như đời nhà Hán chưa có chế độ thi cử, nhưng sao xã hội nảy sinh nhiều người tài giỏi thế? Về sử ký có Tư Mã Thiên, về triết thuyết và khảo chính thì có Đổng Trọng Thư, Dương Hùng, Vương Cung... Đại Việt ta có các bậc danh tăng, danh nho rất thâm viển về Phật học, Nho học vừa giúp đạo vừa giúp đời như Pháp Thuận, Khuông Việt, Vạn Hạnh, Đa Bảo... và nay thì có Viên Chiếu, Lâm Huệ Sinh, Lý Đạo Thành.

Thần phi Ý Lan nghe nhà vua minh định nỗi băn khoăn của ngài về cái lợi và cả cái hại của việc thi cử mà lòng đầy cảm phục. Phục vì kiến văn của nhà vua thông kim bác cổ. Phục vì lòng nhân ái bởi nhà vua không chỉ tính đến cái tiện cái lợi của đương thời mà còn lường đến cả cái hại cho hậu thế. Chẳng bù với một số người quyền chức nắm trong tay, nhưng họ đối đãi với quá khứ thật là bạc bẽo. Tận hưởng những gì mà các bậc tiền nhân để lại, nhưng ra sức xóa đi di ảnh của họ còn lưu lại trên thế gian. Đối với hiện tại thì họ vô cùng tàn nhẫn, tức là ra sức vơ vét thu hái về cho bản thân mình như việc bắt dân đi mò tìm những thứ quý lạ

từ rừng và biển. Bóc lột sức dân đến cạn kiệt; triều đình thu một thì họ phụ thu lạm bổ tới hai ba lần. Và nữa họ không nuôi trồng hoặc gây dựng bất cứ một thứ gì để lại cho đời sau. Họ chẳng là những kho tàng trống rỗng, và cả một núi công việc như đào sông, đắp đê mới chỉ bắt đầu và sẽ để lại trọn vẹn cho con cháu các đời sau gánh chịu.

Khi nhận ra được các chân giá trị này, Ý Lan càng kính trọng và yêu thương nhà vua. Nàng cũng tự hứa: Sẽ làm tất cả những gì có thể làm được cho nhà vua, cho triều đại nhà Lý.

Nhìn gương mặt thần phi, nhà vua biết Ý Lan đang chia sẻ nỗi băn khoăn của ngài. Lý Thánh tông đặt hai tay lên bờ vai người vợ yêu, ngài nói:

- Thôi được, việc này để ta nói với Thái sư sẽ còn lựa, còn cân nhắc. Vả lại chuyện đời cũng như mặt trăng tròn rồi lại khuyết. Không có việc gì chỉ có được mà không có mất. Hơn nữa việc Thái sư Lý Đạo Thành đề xuất, nó là một xu thế không thể không chấp nhận. Tuy nhiên nó còn thuộc về cái duyên và cái đức của nước Đại Việt ta nữa.

Sai người đưa rước Thần phi về lại Lan cung, tâm trí nhà vua lúc này đã để trọn vào cuộc nam chinh.

XX

Tháng trọng đông nhưng kinh đô Trà Bàn của Chiêm quốc lại tràn ngập nắng. Ngoài kia biển mênh mông trải một màu xanh ngấn ngát. Hàng trăm thuyền đánh cá, thuyền câu cứ dập dềnh trên ngọn sóng nom chằng khác nào lũ trẻ chơi trò bập bênh. Cửa biển Thị Nại nơi neo đậu san sát thuyền buôn của các nước, thuyền cá cập bến và cả các thuyền bán hàng ăn, thuyền chuyển tải nước ngọt cho tàu thuyền nước ngoài cứ len lách di chuyển như những con thoi. Thịnh thoàng lại có một đoàn binh thuyền có tới cả trăm mái chèo, mỗi mái chèo hai thủy thủ bầm nước đều tằm tấp nom đoàn thuyền như một đàn én khổng lồ đang bay là là trên mặt nước. Chiếc thuyền đi đầu mang lá cờ trắng toát thêu hàng chữ màu vàng: Rudravarman III. Đó là tên hiệu của đức vua đang trị vì vương quốc.

Con đường lớn từ trung tâm kinh thành dẫn ra cửa biển Thị Nại mà người Tống gọi là trực thần đạo thẳng

tấp như một đường ké. Hai bên trục đường này trồng hai hàng cây sa la còn có tên là cây vô ưu lấy giống từ Tây Trúc. Cây cao vời vợi mà thẳng tắp, quanh năm lá xanh như mực. Cây nào cây ấy to mập tới hai người ôm không xuể. Quảng giữa đường thần đạo lại có một con đường khác cắt ngang thành một đường vòng ôm lấy chân hoàng thành. Hai bên con đường này trồng thuần dừa, thân cao vút lá buông tỏa, cây nào cây ấy chen chúc những trái dừa xanh mơn mớn.

Tòa chính điện nơi nhà vua thiết triều nằm trên doi đất cao như một quả đồi uy nghi soi bóng xuống các hồ nước xung quanh. Cứ nhìn ngôi chính điện từ vật liệu xây cất, cách trang trí cũng đủ biết đất nước này giàu có và các nhà kiến trúc, các nhà điêu khắc có khiếu năng thẩm mỹ, khiếu năng nghệ thuật siêu việt.

Cung Bạch Tượng bữa nay trang hoàng rực rỡ. Các hốc tường nơi đặt tượng đá, tượng vàng đều trở nên lung linh dưới ánh sáng của hàng trăm ngọn bạch lập. Ngay cả những cây đèn nến cũng là những tuyệt tác phẩm. Mỗi cây là một bức tượng của các linh thú như voi thần, chim thần, rắn thần... Những khối hồng ngọc, bích ngọc, mã não đặt trên những chiếc giá bằng vàng ròng chạm trở hoa lá tinh vi. Những tấm gương bằng đồng bóng láng với khung vàng nạm ngọc treo ngoài hành lang đại điện hoặc một vài nơi gần cửa sổ trong cung. Những con yến, con công, con sóc, con đại bàng

đục chạm rất tinh vi và chỉ nhỏ bằng đầu ngón chân cái chế tác từ gỗ trầm hương, đặt vào bàn tay các bức tượng hình người, hoặc điểm tuyết nơi những đồ trân quý tại khắp mọi nơi trong cung điện khiến chỗ nào cũng sực nức hương thơm.

Bữa nay triều đình nghênh đón sứ đoàn nhà đại Tống. Nghe nói đầu giờ Thìn sứ đoàn sẽ tới cung Bạch Tượng. Vì vậy từ đầu giờ Mão các triều quan và cả quốc vương đã tề tựu đông đủ. Quốc vương Rudravarman III mà người Tống thường gọi ngài là Chế Củ đệ tam hoặc Đệ Củ. Bữa nay nhà vua mặc bộ triều phục có dáng dấp một võ tướng. Trên đầu ngài đội chiếc mũ đầu mâu chóp nhọn bằng vàng. Vành mũ nơi trán đính một viên hồng ngọc to bằng đầu ngón tay cái luôn tỏa một thứ ánh sáng rực rỡ làm gương mặt nhà vua thêm hồng hào, quắc thước. Ngài vận trên thân chiếc áo vải bạch bố nhưng được kén từ loại bông vải thượng hảo hạng. Áo may chèn, cổ cao đính cành liễu bằng vàng, hàng khuy trước ngực cũng bằng vàng, hai cổ tay chét bởi hai lá vàng dày chạm trở tựa như hai vòng bảo hiểm của các tay anh hùng mã thượng. Chiếc quần chèn cùng màu trắng như màu áo. Hai bên nẹp quần là hai đường thêu chỉ bằng vàng ròng. Chân nhà vua xỏ trong đôi hia cao đến đầu gối màu đen có hình chim thần Garudha thêu chỉ bằng vàng. Bên sườn nhà vua đeo thanh bảo kiếm chuôi nạm ngọc, bao kiếm bằng vàng chạm đôi rắn thần

quấn quanh và ở miệng mỗi con rắn phun ra một luồng nọc độc chạy dài như hai ngọn lửa, đó chính là những viên hồng ngọc li ti được cắn rất tỉ mỉ nom như những tia lửa đỏ rực. Nhà vua nóng lòng đi đi lại lại giữa đám quần thần xun xoe. Trên kia, chiếc ngai vàng vẫn chờ ngài, nhưng ngài lại chờ viên Chánh sứ của sứ đoàn nhà đại Tổng.

Khoảng cuối giờ Thìn nghe tiếng pháo nổ ran và khói xanh bay lên từ con đường dẫn tới cung điện, mọi người biết ngài chánh sứ đang đến. Nhà vua bèn lên ngự trên ngai vàng, các đại thần phục chầu hai bên tả hữu. Một số đại thần trong đó có vài ba người biết nói tiếng của người Tống từ từ đi xuống chân cung điện đón ngài Chánh sứ.

Ngài Chánh sứ của thiên triều nhà đại Tổng với vẻ mặt ngông nghênh hách dịch, đầu đội mũ cánh chuồn, mình mặc áo thụng tía, trước ngực thêu hai con chim phượng trắng, chân đi hia đen một tay cầm chiếc hốt ngà, tay kia cầm lá cờ đuôi nheo màu hoàng thổ viết hai chữ Đại Tống màu đen. Theo sau ngài chánh sứ còn có viên phó sứ hai tay bê chiếc tráp trong đó đựng chiếu thư của Tống Thần tông, phía sau còn ba người tùy tùng mang theo quà cáp của vua nhà Tống ban cho vua nước Chiêm Thành. Đi tới cửa điện, viên chánh sứ dừng lại đòi quốc vương Chiêm Thành phải ra đón sứ và lạy chiếu.

Quan Tế tướng tâu lại với nhà vua điều sứ nhà Tống đòi hỏi.

Rudravarman III chau mày khó chịu:

- Ta có thể lạy chiếu như lạy thiên tử nhà đại Tống, vì ta là nước nhỏ phụ thuộc chứ thực ra ông ta là vua của một nước, ta cũng là vua của một nước. Còn viên sứ thần kia thời ông thay triều đình đón y là đủ, sao y còn dám hạch sách. Vả lại, thứ bậc quan tước, ông ta còn ở dưới ông tới mấy bậc.

Viên tế tướng thấy hơi khó xử, bần khoản một lát ông ta bèn lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, vậy là thần cứ ra mời ông ta vào.
- Đúng vậy.

Tế tướng ra gặp Chánh sứ với vẻ niềm nở và cả sự tôn kính vừa đủ. Ông nói:

- Thưa ngài Chánh sứ nước đại Tống. Nước tôi đã bày sẵn hương án trong nội điện để quốc vương chúng tôi đón chiếu của thiên tử. Nếu bày hương án ngoài cửa điện để tiếp chiếu thời không phù hợp với phong tục lễ luật của nước tôi, bởi như vậy sẽ không thể hiện được lòng tôn kính của nước tôi đối với thiên tử.

Tế tướng nói xong bèn quay vào điện và ông ta đi trước buộc viên chánh sứ và cả đoàn sứ giả phải đi theo.

Viên Tế tướng thật là khôn ngoan, ông ta vừa buộc được sứ đoàn Trung Hoa phải cúi đầu đi vào đại điện, vừa tránh cho quốc chủ của mình phải thân ra cửa khuyết đón viên sứ giả ngạo mạn.

Vào tới giữa cung điện, viên Chánh sứ cứ đứng nhìn trân trân nhà vua mà không hề chào hỏi trong khi mọi người đều đã an tọa.

Rudravarman III bèn lên tiếng:

- Ta có lời chúc mừng sứ đoàn nước đại Tống. Ta ban lời hỏi thăm sức khỏe các ông. Ta cũng ban tặng ông Chánh sứ một trăm nén vàng, vị phó sứ hai chục nén vàng và các nhân viên tòng sự mỗi người năm mươi nén bạc. Nào ông Chánh sứ, có chiếu thư cùng quà cáp gì của thiên tử nhà đại Tống ban cho nước Chiêm Thành ta, thời ông đặt lên án thư kia để ta làm lễ tiếp nhận.

Nghe giọng nói của vua Chiêm oai nghiêm phát ra từ chiếc ngai vàng đặt trên bệ cao, sứ giả phải ngược đầu lên mới nhìn rõ. Xem cung cách nhà vua phục sức vừa khác lạ vừa sang trọng, kể cả việc trang hoàng cung điện vừa tỏ ra là một nước giàu có, văn hiến, lễ luật đều cao, nhà vua lại hào phóng với sứ giả. Viên Chánh sứ tự nghĩ: - Một trăm nén vàng, suốt đời làm quan đại thần như ta ở một nước lớn như Trung Hoa cũng không bao giờ dám mơ ước tới. Để cho Đệ Cử không thay đổi điều mà ông vừa tuyên tặng, vị Chánh sứ từ ngạo mạn

chuyển sang ôn hòa thân thiện. Ông ta hướng về phía nhà vua vái hai vái:

- Sứ thần nhà đại Tổng có lời chào bệ hạ. Chúc bệ hạ cùng vương quốc của bệ hạ nhân khang vật thịnh, bệ hạ yên giữ ngôi trời nối đời trường cửu.

Quốc vương Rudravarman III hết đời bằng lòng về những lời lẽ chúc tụng của sứ giả. Ông sợ mình nghe lầm chăng, vì từ xưa tới nay chưa hề thấy một sứ Tổng nào lại có thái độ lịch thiệp, khiêm nhường đến như vậy. Nhà vua bèn vẫy quan đô điện tiền chỉ huy sứ đang đứng chầu ở bên hữu lại hỏi:

- Khanh nhắc lại cho ta điều mà ông chánh sứ nhà đại Tổng vừa nói. Ta sợ mình nghe chưa được trọn vẹn.

Quan Đô điện tiền chỉ huy sứ nói lại đầy đủ điều ông ta đã nói với nhà vua và nhà vua cũng đã nghe. Vua Rudravarman III rất lấy làm hài lòng.

Nhà vua nói vài lời đáp lễ tốt đẹp.

Sứ Tổng hoan hỷ liền mở tráp lấy chiếu thư đặt lên chiếc mâm vàng chân quỳ đã bày sẵn trên hương án, lại đặt các quà biếu tặng của vua nhà đại Tổng lên ba chiếc mâm bạc kê trên các hương án nhỏ và thấp hơn.

Quốc vương Chiêm Thành vái từ chiếu ba vái. (Nhẽ ra vua chư hầu phải quỳ lạy chiếu thư của thiên tử nhưng vì số lượng quà cáp vàng bạc biếu xén quá lớn

nên sứ giả cũng vui vẻ cho qua).

Quan Chánh sứ hai tay nâng tờ chiếu rồi đọc:

“Ngày sóc tháng mạnh thu năm Giáp Thân,

Hoàng đế nhà đại Tống chiếu viết:

Nay sắc phong cho vua nước Chiêm Thành là Đệ Cù tước Chiêm Thành quận vương kèm theo ấn đồng. Cho ăn lộc ba ngàn nhà, thực hưởng một ngàn nhà...”.

Viên Chánh sứ vừa đọc xong, vua Rudravarman III lại vái ba vái tạ ơn rồi nhận sắc, nhận ấn.

Sứ Tống chỉ tiếp vào hai ấn thư bên cạnh nơi có bày mấy chiếc hộp và một bao gói kín, nói:

- Đây là quà của thiên tử ban cho quận vương. Ông ta đưa một chiếc hộp trông như một ống tre sơn màu đỏ đậm, mở nắp hộp chìa về phía vua Chiêm và nói: - Trong này có bài thơ do thiên tử thủ bút ban tặng cho ngài. Lại đưa chiếc hộp vuông vức màu đen và nói: - Đây là cấm bào thiên tử sai may tặng. Còn kia, sứ chỉ tay vào một bao gói to tướng - đó chính là bộ yên cương Thiên tử ban cho ngài, để thắng vào con bạch mã mấy năm trước thiên tử đã ban nhân có đoàn cống sứ của quý quốc sang đại Tống mua khí giới.

Sứ lại nói: - Thiên tử chuyển lời hỏi thăm sức khỏe con Bạch mã. Thiên tử cũng muốn chính mắt tôi được trông thấy nhà vua thắng bộ yên cương này lên lưng con Bạch mã và xem ngài điều khiển nó.

Buổi tiếp sứ diễn ra vừa long trọng vừa hòa ái. Rudravarman tự nghĩ: “Thì ra ở đời không có cái gì không mua được bằng vàng”.

Hai ngày sau tiệc yến thết sứ giả vào đầu giờ Dậu tại cung Apsara. Đây là một cung điện sang quý vào bậc nhất của kinh đô Trà Bàn. Cung này chuyên làm nơi trình diễn các nhạc khúc, ca khúc, các vũ điệu hay nhất và mới nhất của nước Champa.

Quốc vương Rudravarman cùng quan Tể tướng tiếp đoàn sứ giả nhà Tống. Phía Chiêm Thành cử hai thông dịch viên một cho nhà vua và một cho tể tướng. Phía sứ Tống cũng đem theo một thông dịch viên.

Vào tiệc, quốc vương Rudravarman liền hỏi sứ giả nhà Tống:

- Ngài Chánh sứ đã xem tận mắt thấy con Bạch mã và bộ yên cương vàng của ta cùng với việc ta nuôi dưỡng nó, ta dùng nó vào việc dạo chơi, săn bắn, chắc hẳn ngài hài lòng lắm chứ.

Sứ Tống từ tốn đáp:

- Ngài thật xứng đáng trị vì một vương quốc giàu đẹp quanh năm nắng ấm như nước Chiêm Thành đây. Ban cho ngài con Bạch mã, quả thiên tử nhà đại Tống có con mắt xanh.

- Vậy thời phiên ngài chánh sứ về tâu với thiên tử các điều mắt thấy tai nghe ở vương quốc của ta. Nhất là

về con Bạch mã được ta chăm sóc như thế nào.

- Nhà vua khỏi lo, ta sẽ kể tất cả, cả bộ yên cương vàng nạm ngọc của ngài, kể cả y phục của triều đình ngài, đặc biệt các vũ nữ của ngài đẹp như tiên nữ mà múa đẹp hơn cả loài công. Song ta muốn lưu ý nhà vua rằng trong các nước chư hầu, thiên tử quý ông nhất đấy. Ban ngựa, ban cả yên cương, bắt sứ giả đem tới nơi trao tận tay, lại ban cả ấn và thư do thiên tử thủ bút. Ông thử ngó qua Đại Việt xem, họ có được thiên tử ưu ái như các ông không, hay họ còn phải cống nạp.

Quan tế tướng vượt bộ râu dài ho nhẹ vài tiếng rồi nói:

- Ông chánh sứ nói chí phải. Năm trước chúng tôi cử người đem phẩm vật sang cống và xin mua binh khí phòng thủ, thiên tử thương nước chúng tôi nhỏ nên bán cho không hạn chế, lại cho mua cả lửa ngựa tại Quảng Châu và cho phép tàu thuyền của chúng tôi kể cả tàu thuyền của hải binh ra vào hải cảng bất cứ lúc nào để chuyên chở. Ngoài ra thiên tử cũng có khẩu dụ chúng tôi nên tiến đánh Đại Việt, thiên triều sẽ thanh viện. Nếu chẳng may lâm nguy, đại quân nhà đại Tống sẽ tràn sang giải cứu.

- Thiên tử đã thương mà dụ bảo sao các ông vẫn chưa khởi binh?

Viên Đại tướng đô tổng quản cau mày nhìn chánh

sứ nhà Tống nói:

- Champa chúng tôi nước nhỏ, dân ít, đánh Đại Việt khó thắng. Nước đại Tống dân đông đất rộng gấp trăm lần nước tôi. Binh Tống mạnh, của cải nước Tống cũng giàu, thiên tử nhà đại Tống là người tài đức thể thiên hành đạo đánh đâu thắng đó, chư hầu bốn phương quy phục, vậy xin phiền ông chánh sứ về tâu với thiên tử cử đại binh chinh phạt Đại Việt, nước tôi xin thanh viện và đưa hết quân lên chặn vùng bắc thùỵ không cho quân Đại Việt chạy trốn.

Sứ Tống lấy làm khó chịu về cách ăn nói xác xược của viên đại tướng, ông ta nhếch mép cười khẩy và đáp:

- Ông đã biết sức mạnh của thiên triều sao còn phải phân vân. Thiên tử coi các nước phiên thuộc như con không bao giờ vô cớ cất quân đi chinh phạt. Vì lẽ đó mà thiên tử không ra tay đánh Đại Việt.

- Đã coi các nước phiên thuộc như con, vậy Champa với Đại Việt có khác gì nhau mà sao thiên tử lại xúi chúng tôi đánh Đại Việt, như thế chẳng hóa ra là xúi con nọ đánh con kia sao. Phàm đã là bậc cha mẹ không ai làm điều bất nhân như vậy.

Sứ thân nghe những điều nói từ cửa miệng viên đại tướng đô tổng quản nước Chiêm thật trái tai, bèn giận dữ lên tiếng:

- Ta đã hạ cố cho ông ngồi cùng. Nhe ra ta là sứ giả của thiên tử thời chỉ quốc vương các ông mới được ngồi ngang với ta, thế mà ông còn ăn nói hồ đồ, hỗn xược. Các ông có biết Chiêm Thành là nước nhỏ yếu mà cứ hay gây sự. Vì thế năm Giáp Thân Lý Thái tông mới đem quân vào phá nát đất nước của các ông, chỉ một trận đã chém ba vạn thủ cấp của quân Chiêm, giết quốc vương Sạ Đầu của các ông lại bắt bà My Ê vợ của Sạ Đầu đem đi, rồi bà này nhảy xuống sông tự tử khi thuyền sắp về tới Thăng Long. Ta thiết nghĩ, nếu các ông đúng là người Chiêm thì phải coi đây là mối quốc thù bất cộng đới thiên mới đúng chứ. Thiên tử làm nợ để các ông đánh Đại Việt mà rửa quốc hận, tưởng đó là một đặc ân các ông còn chưa biết sao.

Quốc vương Rudravarman III thấy sứ giả làm căng quá, vả lại viên đại tướng đô tổng quản của ông chỉ trình ra những sự thật cũng đủ làm quan chánh sứ của thiên triều bẽ mặt. Thiết tưởng như thế là đủ, nhà vua liền giàn hòa, can khéo:

- Xin ông Chánh sứ bình tâm, đại tướng đô tổng quản của chúng tôi vốn con nhà võ nên nói năng vụng về, thô lỗ khiến ngài bất bình. Xin bỏ qua! Bỏ qua!

- Ta bằng lòng với sự xin lỗi của quốc vương mà bỏ qua. Đúng cái nhà ông này ăn nói vụng về, thô lỗ.

Người thông dịch chỉ dịch có hai tiếng ngài chánh

sứ nhắc lại ý của quốc vương là “bỏ qua”. Vì thế không khí cũng bớt căng thẳng.

Tể tướng vừa phẩy tay, ban nhạc phía sau rèm bắt ngờ tấu đại nhạc. Hợp âm đầu tiên bởi các nhạc khí gõ và hơi như dàn trống paranưng, kèm saranai cùng nhiều chiêng và thanh la, náo bạt cùng một lúc bùng lên như tiếng sấm tiếng sét găm gào khiến người Chiêm thích thú còn sứ đoàn ngự ngạc có phần hoang mang nữa. Vừa hết khúc nhạc dạo tấm màn vén lên, cả một ban nhạc và ban vũ với những vũ nữ đẹp như tiên sa khiến các vị sứ giả thiên triều tròn xoe mắt đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Không giống một chút nào với các vũ nữ Trung Hoa yếu điệu bởi các xiêm y lướt thướt kéo lê trên mặt đất, mũ thì rườm rà, dải mũ dài tới khoeo chân, mặt bự phấn sáp, chỉ hở có hai con mắt láo liên. Trái lại các vũ nữ Chiêm quốc lại khoe cái đẹp chân phương của cơ thể. Trên đầu mỗi vũ nữ đều chụp một chiếc mũ ôm khít lấy vầng trán và nửa vùng đầu phía trước để phô diễn cả gương mặt kiều diễm của mỗi vũ công. Vành mũ của mỗi vũ nữ đều đính một viên hồng ngọc, bích ngọc, huyền ngọc hoặc kim cương. Mỗi khi các viên ngọc đó bắt ánh đèn lại lóe lên một quầng sáng tôn thêm vẻ đẹp thánh thiện của các Chiêm nữ. Các vũ nữ đều để tay trần, ngực trần. Đôi trái đào tiên mơn mớn trước ngực được nâng đỡ bằng tấm sợi kim tuyến đan thưa như mắt

lưới. Bụng phơi trần, rốn chấm một chấm son to hơn đầu ngón chân cái. Phía dưới rốn các vũ nữ chỉ quàng một tấm xa rý dài độ hai gang tay, may bằng sợi kim tuyến xếp liền nhau theo chiều dọc bên ngoài một chiếc quần bằng thứ vải mỏng như khói ôm khít lấy đùi và hông. Chân trần, hai cổ chân đều đeo vòng vàng, mỗi vòng đeo một chùm năm chiếc nhạc bằng đồng.

Hàng trăm ngọn bạch Lạp chiếu sáng từ mọi phía, nhạc đệm với giai điệu du dương như lời ru võ.

Mười sáu vũ nữ và tuổi của họ cũng chừng mười lăm mười sáu, gương mặt đẹp như những thiên thần, đôi mắt trong veo. Họ múa như thể hiện niềm vui được toát ra từ cơ thể. Đôi tay, đôi chân của họ như cũng biết nói, chúng không chỉ thể hiện những động tác mềm dẻo đến kỳ lạ khiến người xem có cảm giác xương khớp của họ cũng dẻo mềm như những cành tre, cành liễu. Đôi khi dàn nhạc tắt hẳn, các vũ nữ tự rung lắc các chùm nhạc đeo nơi cổ tay cổ chân phối với nhau cùng các động tác múa rất nhịp nhàng tựa như những ca công vừa đàn vừa hát vậy.

Nhà vua thấy âm nhạc và các vũ điệu của các vũ nữ đã hút hồn ngài Chánh sứ. Đôi tai của ông ta nghiêng nghiêng như hút lấy các âm thanh từ dàn nhạc phát ra, cặp mắt ông ta mở căng để nhìn cho rõ mặt từng vũ nữ mặc dù hàng ghế ông ta ngồi cùng với nhà

vua đã đặt sát mép sàn diễn, đôi khi các vũ nữ xoay các vũ điệu sát tới mũi ông ta, khiến cánh mũi quan Chánh sứ phập phồng bởi ngài đánh hơi thấy mùi thơm tho thoát ra từ da thịt các Chiêm nữ. Dần dần ngài Chánh sứ không còn để ý gì tới âm nhạc nữa mà toàn bộ tinh thần, trí não của ông ta đều tập trung vào đôi mắt. Và đôi mắt ngài Chánh sứ chỉ soi chiếu vào nơi kín đáo nhất của cơ thể các vũ nữ.

Nhìn gương mặt đờ đẫn của viên Chánh sứ trong lòng quốc vương Rudravarman dấy lên sự khinh bỉ, ông thầm nghĩ, hạng người này là kẻ thù của nghệ thuật chân chính. Sự thật đáng đại Hán hợm hĩnh này họ chỉ biết có nghệ thuật xác thịt. Thảo nào họ tặng ta đủ loại thuốc kích dục và cả sách hướng dẫn về sự hành lạc. Chao ôi thiên tử nhà đại Tống phái những sứ giả như thế này để đi diu dặt, dạy dỗ các nước ngoài Trung Quốc mà họ gọi là tứ di đây. Bất chấp nghi thức, vị chúa Chiêm lạng lẽ rời hàng ghế đầu đi lướt qua trước mặt viên chánh sứ nhưng y không hề biết.

Lát sau các vũ nữ xòe đôi cánh tay như cánh bướm và ở mỗi bàn tay họ là một chiếc khăn lụa mỏng tang xông hương trầm thơm phức. Những bàn tay nhỏ nhắn mềm mại rung những vuông khăn như những cánh bướm chập chờn chao nghiêng, uốn lượn; họ mở vòng lượn sát tới hàng ghế đầu khiến một vài chiếc khăn chờn vờn ngay trước mặt ngài chánh sứ; ông ta vội

chôm người ra giật phất lấy một vuông khăn áp ngay lên mũi rồi quay ra nói với nhà vua:

- Hào lớ! (Tốt đấy!)

Chợt trông thấy chiếc ghế nhà vua ngồi đã bỏ trống, viên Chánh sử không tự biết mình lối bịch lại còn buông lời thóa mạ:

- Đúng là vua của nước man di chẳng biết lễ luật gì, trong khi sứ thiên triều còn đang ngồi xem mà chủ đã dám tự tiện bỏ về. Nói xong y và các tùy tùng đều bỏ ra ngoài và tìm đường trở về nhà tân khách.

Vị Tể tướng của vương quốc Champa đã theo dõi và chứng kiến mọi hành vi của đám sứ giả, ông giận họ tới bầm ruột nhưng vẫn cố nén và im lặng. Một sự im lặng đầy khinh thị.

Về tới nhà tân khách, viên chánh sử và các tùy tùng trao đổi chuyện trò xung quanh các vũ nữ thật là sôi nổi. Tuyệt nhiên họ không bàn gì đến nghệ thuật múa của người Chiêm mà chỉ phẩm bình về sắc đẹp của các Chiêm nữ, nhưng sôi nổi và thích thú nhất vẫn là chuyện về ngực, mông và đùi vế của các thiếu nữ trong ban ca vũ nhạc cung đình. Các quan trong sứ đoàn hết thấy đều cho đây là một sự lạ, đây là lần đầu tiên trong cuộc đời các quan được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thân thể của người con gái được phô diễn trước cả một triều đình giữa thanh thiên bạch nhật. Ở Trung Quốc, những

chuyện như thế này chỉ có trong chốn buồng the.

Phẩm bình chán rồi các quan chê bai. Quan Chánh sứ nói:

- Chiêm Thành ở quá xa Trung nguyên, không được nhận sự giáo hóa của Trung Quốc nên không biết lễ luật.

Quan phó Chánh sứ nói lời ngay:

- Thiên tử đã nói tứ di còn mông muội, phải chờ Trung Quốc đến giáo hóa.

Các quan tùy tùng cũng lần lượt lên tiếng:

- Bẩm đúng như hai quan chánh phó sứ đã chỉ ra. Tôi thấy cái xứ này mọi rợ quá chừng. Ai đời ngôi tháp thờ họ xây thật kỳ công, và dù có thiên vị cũng phải thừa nhận là nó đẹp. Không những đẹp mà còn hùng vĩ nữa. Ấy thế mà trên đỉnh tháp lại đặt một chiếc dương vật của đàn ông tạc bằng đá to lù lù chống ngược lên trời. Thật là nước vô đạo, bất kính Ngọc hoàng. Còn trong tháp chỉ thờ có một vị thần đúc thành tượng hần hoi, đặt ngồi rất trang nghiêm trên một cái bệ mang hình âm hộ của đàn bà.

- Đúng là không còn thiên địa gì cả, ông tùy tùng khác chen vào. Thần thánh thì đặt vào chỗ như nhuốc, quốc vương thì ngồi ngắm một lũ con gái ở truồng cứ mặc sức nhảy múa chồm chồm như loài súc vật trong mùa động hờn.

Sứ thiên triều đàm đạo chán rồi đem rượu ra uống. Uống say rồi lăn ra ngủ.

Có điều rằng tất cả những biểu hiện khát thèm hoặc chê bai bài xích nước chủ nhà của sứ giả, đều không thể qua tai qua mắt của người Chiêm.

Hôm sau và cả hôm sau nữa các quan cấp của triều đình không một ai lai vãng đến nhà công quán, sứ giả chỉ được ăn uống bình thường chứ không có tiệc yến thết đãi, cũng chẳng có nén bạc nén vàng nào trao cho sứ giả như quốc vương đã hứa.

Sứ thiên triều biết phía chủ nhà đang bực giận. Điều nực cười là họ không hiểu vì sao chủ nhà lại dám bực giận với họ. Bởi lối ứng xử kẻ cả, ứng xử ngạo mạn dường như là thuộc tính của họ, cái lý đương nhiên của họ buộc các nước nhỏ phải chấp nhận.

Họ bàn bạc với nhau nên mềm mại trước hay đe nẹt trước. Cuối cùng họ đồng lòng phải đe nẹt trước.

Viên Chánh sứ bèn gửi một bức thư đòi gặp Tế tướng ngay lập tức.

Quan Tế tướng liền có mặt tại nhà công quán. Tháp tùng Tế tướng có quan Điện tiền đô chỉ huy sứ kèm một đô quân thánh dực do hoàng thượng phái đi, nói rằng để bảo vệ sứ đoàn nhưng thực ra là uy hiếp sứ.

Tế tướng mời khách về thương nghị tại điện Visnou. Phía Champa cũng đã tính kỹ, nếu căng với sứ giả,

họ về tàu báo xuyên tạc đi khiến Tống Thần tông nổi giận mà liên kết với Đại Việt để thôn tính thời Champa không thể nào chống lại nổi. Vậy thời phải lợi dụng sự bức giận của vua Tống với Đại Việt để giữ yên thế nước và nếu có thời cơ thì sẽ đánh đòn chớp nhoáng để răn đe Đại Việt. Vì vậy, mở đầu cho cuộc thương thảo quan tể tướng chuyển phần quà của nhà vua tặng cho từng người trong sứ đoàn.

Quan Chánh sứ và các người tùy tùng mặt mày hớn hở nói cười vui vẻ, thái độ thân tình. Chánh sứ cười hỏi quan Tể tướng:

- Năm trước thiên tử có khẩu dụ Chiêm Thành về việc đánh Đại Việt, việc ấy các ông trừ liệu đến đâu rồi?

- Đã ba, bốn năm nay chúng tôi bỏ việc tu cống Đại Việt mà tăng cường binh bị, đang lo bị họ đánh trước nên chưa tính tới việc đánh họ.

- Đang là một nước phụ thuộc lại bỏ việc tu cống, tức là các ông thách thức người ta. Sớm muộn gì thì Đại Việt cũng đánh các ông. Sao các ông không tiến công họ trước để giành thế thượng phong trong phòng thủ. Trong chiến tranh thắng thua là ở sự bí mật, bất ngờ. Nay là lúc Đại Việt không ngờ các ông dám đánh họ, vì thế và lực các ông đều yếu hơn họ. Nếu các ông đem một lực lượng tinh nhuệ đánh bất ngờ vào nơi hiểm yếu của họ sẽ khiến họ trở tay không kịp. Thế thắng của các

ông sờ sờ ra đó sao còn phải cân nhắc.

- Quốc vương chúng tôi không dám trái ý của thiên tử, song nếu rủi chúng tôi chưa kịp đánh họ, họ đã đánh chúng tôi trước thì làm thế nào?

- Thì đánh lại họ chứ sao?

- Lỡ không thắng nổi họ?

- Sao ông Tể tướng lại ăn nói hồ đồ vậy. Đại Việt chưa bao giờ yếu như lúc này. Hơn nữa họ phải để một lực lượng lớn thường binh trên biên thùý Tống - Việt. Đó chính là đại Tống chi viện cho các ông rồi đấy.

- Kể cả việc chi viện như Chánh sứ nói, nhưng chúng tôi vẫn không thắng nổi thì thiên triều có xuất binh đánh Đại Việt cứu nguy cho chúng tôi không?

- Sao các ông còn phải hỏi ta điều đó. Thiên triều như đầu óc, các thuộc quốc như tay chân. Kẻ nào dám xâm phạm đến chân tay của đại Tống, tức là đe dọa đại Tống, thiên tử sao để cho nó yên.

- Nếu có sự cam kết của đại Tống, chúng tôi mới rảnh tay cho việc chuẩn bị tiến đánh Đại Việt.

- Khi nào các ông khởi binh?

- Nay đã là cuối năm. Sang đầu năm lại là mùa gió bắc, không thuận lợi cho quân thủy của chúng tôi hành binh. Chỉ có mùa gió nam từ tháng sáu tháng bảy chúng tôi mới có thể tiến binh, xin quan Chánh sứ tâu

báo rõ ràng với thiên tử để đại Tống có kế sách kim chân Đại Việt. Nếu như Champa tiến đánh mặt nam, đại Tống tiến đánh mặt bắc, chắc là Đại Việt khoanh tay thúc thủ. Diệt xong Đại Việt, Champa chỉ chiếm hai châu Hoan, Ái còn lại chúng tôi xin nhường hết cho nhà đại Tống.

- Tôi cho đây là một cao ý của ông Tế tướng, tôi sẽ về tâu lên thiên tử. Song ta lưu ý ông rằng, hai châu Hoan, Ái đất rộng người đông, tài vật phong phú lắm đấy. Chiêm Thành định chiếm cả hai châu ấy liệu có nhiều quá không?

Sau buổi thương thảo với sứ giả nhà Tống, Tế tướng tâu báo lại với quốc vương. Vua Rudravarman liền cho triều hội bàn kế đánh Đại Việt. Lại nghe nói có nước đại Tống đứng phía sau, nên các triều quan thấy đều muốn đánh ngay. Nhưng việc xuất chinh đâu phải chuyện vui chơi cứ muốn là làm ngay được. Vì vậy phải có thời gian huấn hồ binh nhưng, thu gom lực lượng, dò la địch tình rồi sau đó mới lập ra kế sách. Cuối cùng cả triều đình đều nhất tâm phải đánh Đại Việt để mở mang thêm bờ cõi. Thực tình lúc này Chân Lạp mạnh lắm, họ chặn hết các nẻo đường nam tiến của Champa. Vậy con đường sinh tử mở ra ở hướng bắc. Và mùa gió nam sẽ khởi sự.

Lại nói ở kinh thành Thăng Long, nơi bộ máy chính

thảo đang mở hết tốc lực cho việc chuẩn bị tiến đánh Champa.

Vua Thánh tông bận mãi với hàng núi công việc trước trận nam chinh. Để giữ cho thế nước được yên, nhất định phải phá thế hợp tung của nhà Tống. Tự như một con thoi, nhà vua phải tự mình đi kiểm xét, đi đốc thúc. Hai ba lần ngài cải dạng lên tận bắc thù thị sát cùng với việc điều quân theo kiểu đèn cù khiến nhà Tống yên tâm rằng ta không đánh họ, nhưng họ cũng không thể đánh được ta vì ta đang cảnh giới khá cao. Gần cuối tháng chạp nhà vua lại cải dạng đi tuần thú bằng ngựa trên đường thiên lý tới dinh Uy Minh vương Lý Nhật Quang tại châu Nghệ An để xem việc hoàng thúc lo quân lương cho triều đình đến đâu.

Vào tới dinh trấn, vua mới biết Uy Minh vương đi tuần thú đã ba ngày, sớm muộn chiều nay cũng về. Nhà vua thấy yên tâm vì ông chú tuổi cao mà vẫn siêng năng công việc như thời tráng niên. Trời lạnh giá, ngồi giữa công đường lạnh ngắt. Viên đô tướng sau khi pha nước mời trà mới mạnh dạn hỏi:

- Bẩm ngài tha cho tội đường đột, đô tướng tôi xin được phép hỏi quý quan và các tùy tùng từ đâu tới?

Nhà vua đi không báo trước lại hóa trang làm người thường, quân tùy long cũng hóa trang làm người thường nhưng lại không che giấu hết các vũ khí mang

theo cùng những con ngựa to khỏe sắc lông mượt mà khác xa với ngựa của thường dân hoặc của quan quân ngoài các trấn. Điều khả nghi nữa là các khách lạ đều có dáng người quý phái, oai vệ nói năng lại có vẻ kẻ cả bề trên khiến viên đô úy sinh nghi.

Nghe viên đô tướng hỏi, nhà vua cười xòa đáp:

- Bọn ta từ Thăng Long, hoàng thượng phái đi kinh lý. Người coi việc quân ở đây vậy chớ dân tình có được yên ổn không?

- Tâu đại quan, đã từ lâu trong châu Nghệ An này không có nạn trộm đạo cướp bóc gì cả. Nhiều làng các nhà dân ngổ cửa suốt ngày đêm của cải chẳng hề suy chuyển.

- Người có biết tại sao các nơi có trộm cắp mà Nghệ An lại không có trộm cắp?

- Bẩm đại quan việc này đơn giản lắm ạ. Đói khổ, không nơi nương tựa thường dẫn đến trộm cắp, thậm chí trộm cướp, giặc cướp. Dân trong châu chúng tôi đây không còn người đói khổ nữa nên không có trộm cắp.

Nhà vua thấy chạnh lòng, tại sao một châu lớn như châu Nghệ An này mà thức phụ ta chần dốt để không còn ai phải rơi vào vòng đói khổ. Nghe viên đô tướng này nói thì dễ, nhưng đâu phải vị quan nào cũng làm được.

Vua lại hỏi:

- Trong châu ta đây có nhiều nhà giàu không?

- Thượng quan hỏi khiến hạ cấp không biết trả lời như thế nào. Bởi phải biết mức như thế nào được coi là giàu, thế nào là khá. Ví như nhà hạ quan gồm việc thu từ cày cấy ruộng đồng, chăn nuôi lợn gà, tiền bồng rồi những tháng nông nhàn vợ con vào rừng hái nấm, hái măng, kiếm mộc nhĩ... tất tặn cả cũng chỉ đủ ăn, đủ mặc, vụ giáp hạt không phải bán lúa non, giỗ tết có cá thịt. Dạy như thế ở vùng này coi là nhà khá giả. Còn như nhà nào có dăm ba con trâu cày, mười mẫu ruộng cấy, có người ăn người ở, quanh năm dư thóc gạo, như vậy ở vùng này gọi là nhà giàu.

- Vậy nhà giàu như ông nói trong châu có nhiều không?

- Dạy, đã gọi là nhà giàu thì hiếm lắm ạ. Có khi cả làng mới có được một hai nhà. Nhiều làng còn không có người giàu nữa.

- Vậy chớ theo ông, nhà Uy Minh vương đây đã phải là nhà giàu chưa?

Viên đô tướng ôm bụng cười ngặt nghẽo, một lát lấy lại bình tĩnh, y nói:

- Xin thượng quan tha tội kẻ quê mùa vô duyên. Vì thượng quan lại hỏi Uy Minh vương có phải nhà giàu chưa khiến hạ cấp không nhin cười được. Tiếng cả nhà thanh thôi ạ, quan chức thì cả châu Nghệ An này chẳng

ai bằng ngài, vì ngài là con vua, nhưng của cái thì chẳng biết ngài có của chìm chôn giấu ở đâu không chứ của nổi thì tuềnh toàng lắm, ngài chỉ đủ ăn, đủ chi dùng từng tiệm thôi ạ.

- Chẳng nhẽ thực ấp được triều đình phong tặng bổng lộc được triều đình ban lại không đến tay vương sao? - Vua hỏi với vẻ ngạc nhiên.

- Bẩm thượng quan bổng lộc cùng thực ấp được triều đình ban, ngài thụ hưởng tất cả, sao có chuyện không đến tay ngài được. Có điều ngài không thụ hưởng cho riêng mình mà ngài mở trường dạy cho con cái nhà nghèo hiếu học, chẩn cấp cho người nghèo vào những khi lụt, bão hoặc mất mùa do dịch trùng. Lũ hạ cấp thấy ngài chi dụng cho mình sển kiệm quá thường phàn nàn. Ngài chỉ cười vui và bảo:

- Ta ăn ở thế này còn sướng hơn nhiều người đấy. Vả lại ta là mệnh quan của triều đình, nhà vua cho ra vùng biên địa này chăn dân mà để dân lam lũ đói khát khiến nước địch có thể nhòm ngó xúi giục đám dân đó làm loạn, hoặc bị chúng mua chuộc để tiếp tay cho chúng thời không những ta mắc tội với hoàng thượng mà còn để di họa cho nước. Chi bằng ta sển kiệm đi một chút để hòa đồng với dân chúng. Chắc dân chúng sẽ không phụ ta.

Nghe viên đô tướng nói về người chú của mình

sống liêm khiết, chịu nghèo đói một chút để chia sẻ với người dân, lấy đức độ bản thân mình làm tấm gương giáo hóa cho nhân quần, nhà vua thật sự cảm động và tự trách mình quá thờ ơ nếu không nói là đã đối xử bạc bẽo với vị hoàng thúc tận trung với nước này. Thảo nào, một dạo ta nhận được khá nhiều sớ tấu nói “Uy Minh vương ra sức mua chuộc dân, manh tâm làm loạn”. Ta cho người đi dò xét không thấy có động tĩnh gì nên việc ấy cũng bỏ qua. Thật là phúc cho nhà Lý có được những vị quan lớn có nhân cách của một bậc đại hiền, đại trí như hoàng thúc ta. Suýt nữa nghe lời xúi, ta bỏ mất một người hiền, chắc ta cũng không hơn gì mấy đứa hôn quân.

Đang mãi suy tư chợt thấy tiếng vó ngựa rồi tiếng lao xao từ ngoài cổng, nhà vua ngoái nhìn ra sân.

Viên đô tướng nói nhanh:

- Bẩm thượng quan, Uy Minh vương tôi đã về đó. Vừa nói xong y liền chạy ra sân chào chủ và báo việc khách từ Thăng Long về chờ đã gần nửa ngày.

Vội rút dây cương trao con ngựa gày cho tên giám mã, cũng chưa kịp thay áo, vương chạy ngay vào công đường. Vừa nhìn thấy Lý Thánh tông, ông liền quỳ xuống đập đầu vái lạy:

- Bệ hạ! Bệ hạ! Phải để bệ hạ chờ, thần thật đắc tội. Xin bệ hạ tha tội.

Vua Thánh tông vội chạy lại nâng Uy Minh vương dậy rồi mời vào ghế ngồi. Trông thấy vương người gày vồ, da sạm nắng, tóc râu đều bạc trắng, nhà vua rưng rưng cảm động:

- Quốc thúc, chú thủ lễ thái quá làm cháu tổn thọ mất. Cháu không ngờ vì cháu, vì nước mà chú phải sống lam lũ thế này. Chú tuổi cao rồi nên nghỉ để dưỡng nhàn thôi. Cháu ân hận cứ chất lên vai chú cả núi công việc mà triều đình đãi ngộ sơ sài quá.

- Ấy chết, sao bệ hạ lại nói vậy. Tình là chú cháu nhưng nghĩa là vua tôi. Tình phải để ở trong bụng, trong nhà còn nghĩa là bốn phận, thân đâu dám lơ là. Dù bệ hạ có thể tình gia tộc, thân cũng không dám bỏ lễ vua tôi.

- Quốc thúc nói làm cháu khó nghĩ quá. Thôi được, ở triều đình, ở nơi công quán tùy chú giữ lễ, còn khi ở trong gia tộc thời phải giữ lấy tôn ty, trên ra trên dưới ra dưới chớ không vì làm to mà con ở trên cha được, chú nhớ nhé.

- Bệ hạ nói thế chú xin cảm tạ. Đây là lần đầu tiên trong đời Uy Minh vương Lý Nhật Quang dám xưng "chú" với nhà vua. Tai nghe điều miệng mình vừa nói, vương cảm thấy hơi chột dạ.

Thăm hỏi qua loa rồi nhà vua hỏi tới chuyện dân tình, chuyện biên thù, chuyện cư dân miền duyên hải có còn bị quân Chiêm quấy nhiễu.

Lý Nhật Quang vuốt bộ râu cho sóng, mấy sợi rụng theo bàn tay chải vuốt, nấn lại chiếc khăn lượt quán trên đầu, ông râu báo rành từng việc nhà vua hỏi.

Lý Thánh tông rất hài lòng về sự cần mẫn, sâu sát của một vị biên quan. Nhà vua ngắm nhìn gương mặt già nua, bộ râu và mái tóc bạc của vị lão thần, bậc thúc phụ của mình được đưa đi trong trấn tại châu Nghệ An này từ hồi còn tiên đế. Nghe đâu khi nhận mệnh hoàng thúc ta mới có ba mươi tuổi. Chạnh lòng nhà vua hỏi:

- Chú cảm tình con gì mà nom chú còn tinh anh minh mẫn thế?

- Thần cảm tình con khuyến, Thái tổ sinh thần đúng vào năm Thuận Thiên nguyên niên tức năm Canh Tuất, sang năm là chẵn lục thập.

- Chú ra trấn ở ngoài này từ năm nào?

- Thần được tiên đế sai đi từ năm Tân Ty (1041).

- Thoắt đã gần ba mươi năm. Thôi được, hết năm nay triều đình sẽ thu xếp để chú nghỉ dưỡng già. Chú nên chọn một trong những người con của chú để triều đình cho thế tập. Chắc chú đã có chủ định.

- Tâu bệ hạ, người cha nào mà chẳng muốn gây dựng cho các con. Song bệ hạ chưa có chỉ dụ, thần đâu dám tự tiện. Lại xét Nghệ An là đất địa đầu, luôn phải canh chừng với người Chiêm, không thể cử một người bình thường, xin bệ hạ chọn các quan trong triều, ai có

đủ tài đức thì trao cho người ta. Nhà Lý đã đi vào đại định, gần sáu chục năm yên trị, không nhất thiết phải chọn người trong hoàng tộc nữa. Trước đây bệ hạ muốn cho thần nghỉ. Nhưng thần cảm thấy sức lực còn khá, lại quen thạo công việc, nên muốn cáng đáng thêm vài năm giúp bệ hạ. Nay trong triều cũng như trong dân nhiều người tài giỏi. Nghe đâu bệ hạ đang cho xây đền thờ Khổng Tử, mở trường cho các hoàng tử, hoàng tôn cùng con cái các đại thần vào học, lại sắp mở khoa thi tuyển người có học rộng tài cao dùng cho nước. Thần lấy làm mừng lắm. Đã đến lúc nghỉ là thỏa đáng. Vả lại sáu chục tuổi nếu có còn làm cũng thuận những thứ đã cùn nhụt, không còn khả năng cạnh tranh nữa. Xin bệ hạ đến đâu xuân cho thần được hồi hưu, ấy là lúc thần vào tuổi sáu mươi đó.

Nhà vua thật sự xúc động, vừa kính vừa thương chú tuổi cao, cuộc đời vất lộn tại mảnh đất địa đầu gian khó, để hết tâm lực vào việc nước, việc dân không thu vén cho mình, không giành giật cho con cái. Thế mà đã có lúc ta cũng đem lòng nghi kỵ. Với vẻ ân cần, nhà vua nói:

- Việc cho con của chú thế tập cháu đã quyết. Trong số các em, chọn ai là tùy chú. Nhưng thôi, chuyện đó sẽ bàn sau. Bây giờ chú cho cháu đi xem các kho lương thảo chuẩn bị cho cuộc nam chinh.

Lý Nhật Quang dẫn nhà vua vào các kho lúa quanh các làng nằm dọc triền sông tiện đường vận chuyển ra các cảng biển, nơi có quân thủy của ta đồn đóng. Ngoại trừ các kho cỏ dặt ở ngoài cánh đồng, còn kho lúa đều nằm trong nhà dân.

Thấy việc dặt các kho lúa trong nhà dân chứ không tập trung về một đầu mối trong các nhà kho như ở Thăng Long và các trấn, nhà vua liền hỏi:

- Sao chú lại dặt các kho lúa trong nhà dân, không sợ hao hụt à?

Lý Nhật Quang cười phô cả hai hàm răng vàng khè, nói năng xởi lởi như một lão nông:

- Tâu bệ hạ, không hao hụt, không mọt, mốc, không mối mọt. Vì rằng nhà nào cũng lấy làm vinh hạnh được nhà nước tin mới gửi hàng mấy trăm phương lúa nên họ bảo vệ chuốt bọ, che chắn gió mưa hết sức chu đáo. Gặp khi mưa nhiều chớm nắng lên, họ bỏ công sức tãi lúa ra phơi phóng cũng chẳng đòi hỏi công xá gì. Khi nhà nước cần gạo, chỉ cần báo cho xã trưởng, họ huy động cả làng xay giã chỉ mười ngày là dóc hết các kho. Khi đưa gạo lên xe hoặc xuống thuyền, dân chúng gánh gồng kìn kìn suốt ngày cũng không đòi tiền công xá. Tâu, làm thế tiện hơn lập kho riêng vừa tốn người canh giữ, vừa tốn sức bảo quản. Dạ, gửi trong nhà dân còn có lợi nữa là cứ sau một năm, dân lại đổi hạt cho

mình, thành thử quân không phải ăn loại gạo lâu năm không còn nhựa, cơm thổi lên cứ rời từng hạt như xôi vò nhưng ăn thì nhạt nhẽo lại chóng đói.

Lý Thánh tông thở dài:

- Chú mới thật là quan gần dân, quan của dân. Tiếc thay là từ hồi sinh thời Thái tổ đã bắt các con về miền quê mở phủ để cùng ăn ở với dân, thấu hiểu được tình cảm của người dân. Sau lại lập cung Long Đức ở phía tây kinh thành, lúc đầu ở giữa khu cư dân lam lũ, xa hoàng thành tới mấy chục dặm để hoàng thái tử cận dân. Nhưng càng về sau dân cư cứ chuyển dần đi, thành thử cung Long Đức bây giờ đứng trơ vơ giữa cánh đồng rộng mênh mông. Có nhẽ các quan cai quản phải học chú để người dân gắn bó với triều đình hơn là ở gần nhau mà vẫn như người xa lạ.

Thấy các kho lúa, kho củ đều đầy đủ, sẵn sàng cho năm vạn dân dùng tới cả năm, nhà vua không ngớt lời khen ngợi:

- Nói thật với chú, tướng trấn biên thù ai cũng được như chú, không một nước địch nào dám nhòm ngó núi sông ta.

- Bệ hạ quá khen, thế mà thần cứ thẹn vì tuổi cao, trí lực có hạn không làm được gì hơn nữa cho dân, cho nước để bệ hạ phải nhọc lòng đôn đốc khi mặt bắc, khi mặt nam.

Vua dừng ngựa ghé tai nói nhỏ với Uy Minh vương:

- Bây giờ về dinh của chú nghỉ tạm, đêm nay chú cháu mình ra cửa Hội rồi vào cửa Nam Giới xem Lý Thường Kiệt luyện quân thủy ở đó, sớm mai cháu phải về Thăng Long sớm.

Lý Thánh tông cố ghìm cương cho ngựa đi song song với ngựa của Lý Nhật Quang để còn tiện chuyện trò bàn bạc công việc, nhưng Uy Minh vương lại cố tình đi lui xuống một đầu ngựa để giữ lễ vua tôi.

Như chợt nhớ ra điều gì, Uy Minh vương dẫn lên nửa bước ngựa nói:

- Bệ hạ, nếu lần này bệ hạ lại quyết đánh Chiêm Thành nữa thời có sự trùng hợp kỳ lạ.

- Chú nói sao?

- Tâu, lần đầu tiên nhà Lý ta thảo phạt Chiêm Thành vào năm Canh Thân. Năm ấy Thái tổ sai tiên đế hồi đó còn là hoàng thái tử giữ ấn nam chinh mới có hai mươi tuổi vào thẳng trại Bố Chính dẹp người Chiêm hay đưa quân ra cướp phá vùng ven biển châu Nghệ An này. Tiên quân ta chỉ đánh một trận đã diệt tới quá nửa số quân Chiêm lại chém được tướng nó tại trận là Bồ Linh, xong ta rút quân về. Từ đấy Chiêm Thành thần phục, không quấy nhiễu mặt nam của ta nữa.

Ít năm sau người Chiêm lại ngựa quen đường cũ,

năm Giáp Thân, tiên quân ta lại đem đại binh vào đánh tan thành Phật Thệ, giết vua Chiêm là Sạ Đẩu, chém tới mấy vạn thủ cấp người Chiêm. Tới nay là Mậu Thân, bệ hạ lại sắp nam chinh. Thế là đều đặn, mỗi lần chinh phạt Chiêm Thành cách nhau đúng hai giáp. Và lần nào cũng thắng lớn.

Lý Thánh tông gật đầu cười vui vẻ:

- Lần này chú tiên đoán thế nào?
- Chắc chắn là quân mình lại thắng lớn. Vì rằng bệ hạ cầm quân từ thuở mười lăm mười sáu tuổi, nay đã già dặn chiến trường thuộc hàng trí dũng mưu lược như thần, lại được anh em Thường Kiệt, Thường Hiến dưới trướng để sai khiến thời quân Chiêm đâu phải là địch thủ. Hơn nữa Thường Kiệt cũng là một tướng mưu lược, kiên cường ngay cả Dịch Thanh nhà Tống cũng không thể so được với Thường Kiệt.

- Chú nói thế có quá tăng bốc Thường Kiệt không?

- Bệ hạ, thần với Thường Kiệt chỉ là chỗ sơ giao, lại không có đi lại cầu cạnh nhau gì cả. Nhưng đánh giá tài năng của một người phải dựa trên những gì người ấy có và cả những việc người ấy đã làm. Thần không chê Dịch Thanh, nhưng Dịch Thanh bất quá cũng chỉ là một dũng tướng, thậm chí dũng tướng vào hàng thượng thặng, còn Lý Thường Kiệt vừa là dũng tướng vừa là

trí tướng, đều có thể liệt hàng thượng thặng. Thường Kiệt đã từng dưới trướng bệ hạ bấy lâu chắc bệ hạ biết y hơn thân.

Càng nghe Uy Minh vương nói, nhà vua càng thấy một con người cương trực, nhân ái có tầm nhìn xa rộng, ân uy đức độ khó có ai bì kịp. Chợt nhà vua hỏi:

- Quốc thúc, việc làm của chú với triều đình, việc chần dặt dân chúng trong châu Nghệ An cháu cũng đã biết, bây giờ cháu muốn chú nói gọn lại về đối sách của chú trong suốt mấy chục năm trọng trấn miền biên viễn này là gì.

- Bệ hạ hỏi thế thần khó nói quá. Các việc thần làm đều xuất phát từ tâm cá. Lương tâm bảo cần phải làm thì làm. Nhưng trước khi làm, thần phải đem lý trí ra xét soi, cân nhắc sao cho thỏa đáng. Phải xem việc làm ấy có phạm điều gì mà triều đình cấm kỵ không, có phạm vào luật lệ mà triều đình đã ngăn ngừa không, nhất là luật hình năm Nhâm Ngọ mà tiên đế cho san định. Cân nhắc giây lâu, Uy Minh vương lại lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, thần nghĩ kỹ rồi, các việc thần làm ngẫm ra chỉ có mấy chữ.

- Mấy chữ gì vậy, chú nói thử xem.

- Tâu, đó là: Khoan - giảm - an - lạc.

XXI

Đêm cuối năm trời rét căm căm. Trong cung cửa đóng kín mít chỉ nghe thấy lửa than trong lò sưởi reo phẫn phật và tiếng trùng rên rĩ như một khúc nhạc buồn dai dẳng cứ cửa vào không gian và cửa cả vào tâm não những ai cùng thức với đêm khuya. Trong không khí tịch mịch ấy thỉnh thoảng lại có tiếng cú rúc văng vẳng từ xa cùng với tiếng trống cầm canh của quân tử sương đang canh giữ bốn cổng thành càng làm tăng vẻ u tịch của kinh thành.

Vua Thánh tông sau khi đi kiểm xét tại hai đầu biên ải bắc, nam của đất nước, lại tự mình đốc thúc việc quân lương, kiểm điểm quân số, khí giới, tàu thuyền cho việc nam chinh, tất cả đều như dự định khiến nhà vua rất đổi hài lòng. Điều yên tâm nhất là cả nhà Tống và Chiêm Thành đều không hề biết ý đồ nam chinh của Đại Việt. Sự thật thì các quan trong triều cũng rất ít người được biết.

Tương mọi việc đã thu xếp yên ổn thời đêm nay phải ngủ ngon, vậy mà nhà vua cứ trăn trở mãi giấc ngủ vẫn không tới. Không ngủ được thì công việc lo toan lại lớn vồn trong đầu óc. Nhà vua tự hỏi: - sang nam ta bận việc nam chinh, lưu thủ kinh sư trao cho ai đây? Đúng lý ra ta có thể trao cho Lý Nhật Trung, bởi sinh thời tiên đế đã chẳng trao cho Phụng Càn vương rồi đó sao. Ấy là lần cả ta và tiên đế cùng đi dẹp giặc. Tiên đế dẹp đạo Lâm Tây, còn ta dẹp tại các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên. Đám người Man này do nhà Tống xúi giục, nơi thì đem đất dâng cho nhà Tống, nơi thì ép dân chạy sang đất Tống, nơi thì cướp phá trong dân. Lại cũng có lần Nhật Trung lĩnh ấn đô thống nguyên soái đi dẹp loạn tại châu Văn, thu được nhiều ngựa. Lúc về Nhật Trung đem bốn con ngựa quý dâng tiên đế. Vua cha bằng lòng lắm, người đã đặt cho bốn con ngựa nòi này bốn cái tên thật hay. Đó là: Tái Thiên, Quảng Thắng, Trung Phong và Nhật Ngự.

Tài năng của Phụng Càn vương quả thực ta không nghi ngại. Nhưng ngại nhất là vương một khi đem lòng kia khác thì biết tính sao nhân lúc ta đi vắng. Trong khi Ý Lan vẫn chưa quen thạo với công việc triều chính mà các con ta đều còn thơ dại. Nhớ hồi Thái tổ băng, tam vương làm loạn toan soán ngôi của tiên đế, hồi đó ta mới sáu tuổi đang ở cung Long Thụy với mẫu hậu, khi quân vào báo có loạn ở trong cung, mẹ con cứ cuống

quýt lên. Mấy người nữ mầu đòi đưa ta đi trốn, mầu hậu không cho. Bà nói cứng: - Kẻ nào làm loạn sẽ bị trị tội, ta cấm không một người nào được ra khỏi cung. Buổi chiều quân về tâu báo: Ba vương làm loạn, một vương bị Phụng Hiếu giết chết. Hai vương kia bị bắt. Theo di chiếu, triều đình đang mời cha ta lên giữ ngôi tôn.

Lớn lên ta rất sợ cái cảnh nổi da xáo thịt ấy tái diễn. Tiên đế cũng thường răn: "Khi con đã ở ngôi, tự con phải nắm giữ binh quyền không được trao cho ai, không được chia sẻ với ai, dù người ấy có là hoàng đệ, hoàng tôn của con. Mấy anh em con, ta đều bắt học binh pháp, nhưng ta không cho lập phủ binh, tránh hậu họa". Lời tiên đế còn văng vẳng, phải tránh điều nguy họa từ khi nó chưa có mầm mống phôi thai.

Nhà vua đang tự cân nhắc xem xét nên trao quyền giám quốc cho ai, để ngộ có biến cố gì trong nước, người đó có đủ tài đức lèo lái cho đất nước được yên trị.

Sớm dậy nhà vua vào giá binh khí rút cây kích ra phía sân sau điện múa. Cây kích nặng tới hai mươi cân mà nhà vua cầm một tay cứ múa tít trên đầu. Cây kích trong tay nhà vua nhẹ nhàng uyển chuyển chẳng khác một chiếc gậy tre. Hai tay nhà vua múa kích che chắn bốn phía nom như hoa rơi tuyết rụng phủ quanh thân người. Thình thoảng lại hét lên một tiếng rồi nhảy xa

mấy bước chém bổ trên không, loáng đã quét rê sát mặt đất. Di xong mấy bài võ luyện cho cơ thể dẻo dai, nhà vua vào hậu tửng dùng trà sớm. Sắp đặt công việc cho một ngày xong, vua sang Lan cung thăm mẹ con thần phi Ý Lan.

Hoàng thái tử Càn Đức đã nói sõi, đã biết “chào cha” và sà vào lòng nhà vua nghịch dải mũ có những tua kim tuyến và những hạt ngọc dính óng ánh. Hoàng tử Minh Nhân cũng đã hai tuổi, bước đi đã vững và đang tập nói. Hai hoàng tử có mẹ kèm ngồi lên hai đầu gối vua cha, tranh nhau nghịch cái đai áo thêu rồng và có dính những hạt hồng ngọc, bích ngọc. Nhà vua vui đùa cùng các con một lát rồi sai nhũ mẫu dẫn về phòng riêng.

Hoàng thái tử Càn Đức đã được nhà vua chọn cho một ông sư phó. Hiện thời hoàng thái tử còn chưa đầy ba tuổi nên chưa học chữ được, vì vậy thầy phải bày cho hoàng thái tử các trò chơi gần với chữ nghĩa như chơi với các cuốn sách đẹp, vẽ các chữ đơn giản, kể các truyện tích... Đây là bước đầu thầy trò quen nhau, sao cho trò mến thầy rồi tiến tới yêu thích sự học, khi vào tuổi lên năm sẽ bắt đầu việc học.

Nhận được sự giáo dưỡng của vua cha vừa nghiêm khắc vừa công bằng và nhân ái, nay đến lượt mình, nhà vua cũng muốn dạy dỗ các hoàng tử theo cung cách của

tiên đế, chỉ tiếc cha già con cộc, không biết có làm được những gì đã dự liệu.

Được nhà vua giữ ở lại mà chưa thấy người ban mỹ ý, Ý Lan nhẹ nhàng thưa:

- Bệ hạ nên bảo trọng. Đạo này thiếp thấy bệ hạ di kinh dinh đất nước hơi nhiều, lại dẫn thân vào các miền biên địa, nguy họa luôn rình rập. Hơn nữa vóc dáng bệ hạ cũng hao gầy, sa sút. Bệ hạ nên nhớ tấm thân muôn quý của bệ hạ đâu còn là của riêng bệ hạ hoặc của lũ thân thiếp và các con, mà tấm thân đó đã thuộc về muôn dân, thuộc về thiên liêng sông núi.

- Sao ta không biết chuyện đó. Phàm là đấng nhân quân thời không thể nghe, nhìn, nghĩ, hiểu bằng tai mắt và đầu óc của người khác, dù người ấy có là các bậc thể thần đáng kính như thái sư Lý Đạo Thành. Bởi vì có thấy biết mới tự mình ra được quyết sách đúng đắn. Lại như việc gì cũng đòi nhúng tay vào thời đó là cách hành xử của mấy người thương lái. Hoặc đó lại là hành vi của đám người vô sỉ, vô trách nhiệm, lười nhác và chỉ ham hưởng lạc. Đúng là bấy lâu nay ta có vất vả thật. Nhưng chỉ một thân ta vất vả để cho nhân thế nước, sao ta không đáng đổi. Lại nữa Trời, Phật cùng tổ phụ thương mà cho ta những hai chàng hoàng tử, thử hỏi còn có sự tướng thưởng công trạng nào bằng.

Nhà vua nắm lấy hai bờ vai Ý Lan lắc nhẹ rồi âu

yếm ôm gọn thần phi vào lòng an ủi:

- Ta cứ bỏ hoàng cung đi suốt đê mình nàng vô võ, nàng có oán ta chăng?

- Hoàng thượng, thiếp đâu dám nghĩ thế, chỉ thương hoàng thượng phải xông pha sương nắng khi lên ngàn lúc xuống biển, sợ rằng ngọc thể bất an trong khi xa giá đường trường.

- Ta vẫn khỏe mạnh trở về như nàng đã thấy. Sắp tới, có nhẽ sang xuân ta khởi sự nam chinh, có một vài việc lớn nàng phải thay ta gánh vác.

- Bệ hạ, thiếp là phận đàn bà, vâng lời bệ hạ coi sóc Lan Cung cùng các hoàng nhi được yên ổn, tương thế đã là tốt lắm rồi, sao còn dám can dự vào các việc lớn quốc gia.

- Đúng là nàng chưa tỏ lộ được điều gì siêu việt để mọi người thừa nhận. Nhưng sao ta vẫn linh cảm nàng sẽ là người trợ thủ tin cậy của ta. Chuyến này ta phải mạnh dạn giao việc cho nàng, ta chắc nàng sẽ không phụ ta.

- Tạ ơn bệ hạ. Bệ hạ đã tin mà giao việc, khó như nhảy vào nước, nhảy vào lửa thiếp cũng không từ nan. Chỉ sợ tuổi đời còn quá trẻ, tri thức thì nông cạn lại làm hỏng việc lớn của bệ hạ thì thiếp sẽ phải ân hận suốt đời.

- Nàng khỏi lo. Nam chinh, quyền lưu thủ kinh sư

ta sẽ trao cho nàng.

Ý Lan giãy nảy lên:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ trị nước có kỹ cương, sao có thể để thiếp lãnh một việc quá lớn, địa vị ở trên cả chính cung hoàng hậu. Liệu như thế người trong nước có phục không?

Nhà vua cười độ lượng:

- Nàng đúng là người khiêm nhường. Ta không làm điều gì trái đạo lý, trái pháp điển để người đời đàm tiếu. Đúng ra khi ta đi khỏi kinh thành, quyền lưu thủ kinh sư phải trao cho hoàng thái tử. Hồi còn tiên đế, mỗi khi người xuất chinh đánh dẹp, thường trao quyền lưu thủ kinh sư cho ta. Hoặc khi cá tiên đế và ta cùng xuất chinh, lưu thủ kinh sư người trao cho hoàng đệ Phụng Càn vương. Thế nhưng hiện nay hoàng thái tử còn quá nhỏ, thời ta trao quyền ấy cho nàng. Nàng chẳng phải là mẹ sinh ra hoàng thái tử sao. Không những thế, ta cũng trao quyền giám quốc cho thái sư Lý Đạo Thành. Đề phòng khi nàng làm việc gì đó xét thấy không hợp lẽ, hoặc quá quyền hạn thì thái sư sẽ can ngăn. Ta tin rằng nàng vốn tính thận trọng lại được Đạo Thành là người chỉn chu giúp rập, công việc sẽ không có mấy trở ngại.

- Tạ ơn bệ hạ! Bệ hạ dạy thế thiếp cũng đỡ lo. Xin bệ hạ chỉ dẫn từng việc cho thiếp ngay từ bây giờ.

- Đúng vậy, các buổi thiết triều sắp tới ta sẽ cho

nàng ngồi vào chỗ kín mà nghe các quan nghị bàn, rồi xem cung cách ta hành xử: quyết hoặc bãi.

Hôm sau nhà vua đi thăm các đài, đô, sảnh, viện... lại ghé Trung thư sảnh thuộc Phủ Thái sư.

Lý Đạo Thành mũ áo lúc nào cũng uy nghi chững chạc. Mũ đội đầu của thái sư luôn cân xứng, các dây tua đính ngọc đều rủ đúng phương vị, không rối, không thiếu một viên ngọc nào, trên đỉnh mũ thường đính các con ong con bướm bằng vàng phân bố rất đều đặn.

Thấy nhà vua đến, Thái sư vội chạy ra hành lang vái lạy rồi mời vua vào trong dinh. An tọa xong, vua úy lạo mọi người rồi hỏi:

- Ta muốn biết việc xây Văn miếu, xây Trường quốc tử, Thái sư cho làm đến đâu rồi.

- Tâu hoàng thượng, mọi việc vẫn tiến hành đều đặn. Cuối sang năm được cất nóc, sau đó là sơn cột, lắp hoành phi câu đối, đắp tượng. Dạ tâu, tượng một pho do người mình vẽ mẫu, đang cho đắp thử, một pho họa nguyên mẫu từ Trung Hoa đưa về, thần đang chờ bệ hạ xem xét rồi chuẩn duyệt, sau đó thợ làm khuôn đúc. Tâu cả chữ nghĩa của hoành phi, câu đối thần và người trong nước đều có dự soạn cả, bệ hạ phê chuẩn xong sẽ cho thợ khắc và làm sơn. Dạ, theo thần có hoàn tất mọi việc cũng phải cuối hạ đầu thu năm Canh Tuất mới khánh thành được.

Áp tết, Lý Thường Kiệt từ Nghệ An ra khiến ai nấy đều nghĩ đất nước đang bình yên vô sự. Đêm, ông vào cung gặp nhà vua. Vua Thánh tông tươi cười vỗ về:

- Hẳn là khanh đem đến ta tin vui.

- Tâu bệ hạ đúng vậy. Người của ta từ thành Trà Bàn về nói sau tết Ka- tê¹ vừa rồi Chế Củ họp bàn sẽ gom quân đánh Đại Việt.

- Bao giờ họ khởi binh? Nhất định ta phải ra tay trước họ.

- Tâu, chắc là sang đầu xuân này họ mới gom quân. Họ dự định tới mùa thuận gió quân họ mới gióng buồm ra Thăng Long được.

- Tức là vào khoảng tháng năm, tháng sáu.

- Tâu, chắc cỡ đó.

- Vậy thời lúc đó, việc bình Chiêm của ta đã hoàn tất, quân ta chắc đã làm lễ hiến phù. Chợt nhà vua lại hỏi Thường Kiệt: - Vậy chớ khanh có biết người Tống dính líu vào chuyện này không?

- Tâu bệ hạ, năm trước Chế Củ sai người sang cống Tống Thần tông và xin mua binh khí, lửa ngựa. Thần tông vỗ về lại khuyên, nếu mua binh khí đánh An Nam thì không cấm. Và hứa sẽ thanh viện. Thần tông

¹ Ka- tê là tết lớn nhất của người Champa, tương đương Tết Nguyên đán của ta. Tết tổ chức theo lịch Chăm, khoảng tháng 10 dương lịch.

gửi tặng cho Chế Củ nhiều đồ trong đó có con Bạch mã nòi Hồ thuộc dòng ngựa quý. Mới đây sứ nhà Tống lại sang Trà Bàn hối thúc việc đánh An Nam.

- Vậy là từ trước tới nay người Tống luôn gây khó cho ta. Thôi được, nhân nào quả ấy, chắc họ phải trả nghiệp. Vậy chờ khanh định chuyển quân thế nào đây? Theo ta khi bắt đầu khởi sự là mọi việc phải hết sức nhanh chóng khiến người Chiêm trở tay không kịp. Còn bây giờ tất cả đều phải giữ cho kín nhem.

- Tàu bệ hạ, hiện nay ta đã có hai vạn quân nằm trong đó, chủ yếu là quân thủy, thần đã trao cho viên Hải binh đô tổng quản vừa luyện tập theo địa hình nước Chiêm, vừa cho quân nghỉ ngơi nuôi sức, nuôi chí. Từ nay tới sau tết, thần sẽ đưa rả rác vào đó hai vạn quân bộ nữa. Cho tới lúc xuất quân từ Thăng Long chỉ còn một vạn quân bộ xuống thuyền, quân ta vừa nhẹ nhàng vừa thuận gió giống buồm vào hợp binh tại Cửa Hội¹, Cửa Nam Giới² chắc là nhanh.

- Khanh trừ liệu thế là được. Tết nhớ cho quân ăn uống đầy đủ. Cho uống rượu nhưng không được uống say. Quân lính mà say sẽ làm rối kỷ cương quân pháp.

1 Cửa Hội thời Lý, Trần là cửa biển lớn, quân ta thường tập kết ở đó trước khi vào đánh Chiêm Thành. Cửa Hội nay vẫn thuộc Nghệ An, vẫn tên gọi cách đây một ngàn năm. Cửa Hội cách Cửa Lò chừng 6 km.

2 Cửa Nam Giới còn gọi Cửa Sốt là cửa biển cuối cùng của ta giáp với cửa bể của Chiêm Thành, nay ở vào quãng Kỳ La thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

- Thần xin lĩnh ý bệ hạ.

Sau lễ thượng nguyên (rằm tháng giêng) nhà vua cho khai hội triều quan, trước đó ngài có khẩu dụ, đầu năm thiết triều các quan phải vận triều phục. Ai mặc thường triều sẽ không cho vào chầu.

Phiên chầu đầu năm không thiếu một người nào. Vừa dứt một hồi ba tiếng trống, vua từ hành lang thượng điện đi vào, ngài bước thẳng lên ngai vàng. Các quan tung hô chúc tụng:

- Thánh thượng thiên tuế!
- Thánh thượng vạn tuế!
- Thánh thượng vạn an!

Vua cầm chiếc hốt vàng hươ hươ cho triều quan yên lặng. Nhìn khắp lượt thấy các quan ăn mặc đẹp, vua rất đỗi hài lòng, ngài nói:

- Y quan (mũ áo) là gương mặt của một nước, các khanh phải biết điều đó mà giữ lấy nền nếp. Nếu có canh cái phải làm cho nó đẹp hơn chứ không được phép làm xấu đi. Nếu triều đình đẹp cũng phải cho dân gian được đẹp, từ nay bãi bỏ lệnh cấm dân gian không được dùng các màu sắc mà quan lại triều đình đang dùng. Tuy nhiên, để phân biệt quan chức với thường dân, chỉ cấm dân thường không được may áo mũ theo kiểu áo mũ của các quan. Trung thư lệnh phải ban bố chỉ dụ này của ta đến tận nơi thôn cùng xóm vắng để mọi người

dân đều được biết.

Triều đình lại vang lên lời hô tán thưởng:

- Thánh thượng anh minh!

- Thánh thượng anh minh!

Nhìn các quan ai cũng cầm chiếc hốt ngà trong tay, vua lại phán:

- Ngày trước các quan chữ nghĩa ít, nên các triều đều ban hốt để ghi vấn tất đầu việc vào đó rồi các quan nhìn để nhớ mà tâu báo. Nay các quan chữ nghĩa đã giỏi giang, công việc đã quen thạo nên ta cho phép được mang theo sổ sách có ghi chép đầu mối công việc hoặc các sơ điệp thành văn để mỗi khi cần điều trần một việc gì hệ trọng phải viện dẫn chứng cứ thì không còn phải loay hoay nữa.

Các quan lại tung hô:

- Tạ ân hoàng thượng!

- Tạ ân hoàng thượng!

Trong không khí ấm cúng đầu xuân, vua truyền ban ngự tửu cho các quan.

Nhiều người cảm khái ứng tác thơ chúc mừng hoàng thượng sự nghiệp trường tồn. Các quan lần lượt đọc thơ khánh chúc đầu năm. Vua nói đôi lời đáp lễ, sau đó ngài truyền chỉ:

- Năm ngoái được mùa, dân no đủ, bốn bề đều an

định. Chỉ tiếc mặt nam Chiêm Thành tinh thoảng lại đem hải binh sang cướp phá dân ven biển châu Nghệ An khiến người dân đêm ngày lo sợ, nhiều vùng dân đã phải bỏ quê di lưu tán. Ngoài biển dân chài đánh cá bỗng đứng hải binh Chiêm Thành đến bắt đi. Khi được thả về thuyền bè lưới chài đều đã bị cướp hết, người thì bị đánh đập tàn nhẫn, có khi gãy chân tay, thương tích đầy mình, không còn đủ sức tiếp tục công việc. Có người tàn phế suốt đời, nhiều người bị chúng đâm chết ném xác xuống biển. Ta thật không an lòng khi những người dân vô tội của ta bị người Chiêm tàn sát. Vậy chớ ta hỏi chư khanh, nên làm thế nào đây để che chở được cho thân dân của ta.

Nghe nhà vua nói, trong lòng các quan đều thấy bức bối. Ai nấy đều cảm như mình bị xúc phạm, chẳng gì so với Chiêm Thành ta cũng là nước lớn, thế mà lại để họ lấn ta, họ bắt nạt dân ta. Đã tới nước này ắt phải chinh phạt Chiêm Thành thôi. Các quan bàn tán xôn xao bức xúc, nộ khí bốc tới mức khó kìm nén.

Bỗng viên ngoại lang Bùi Gia Hựu xuất ban xin nói:

- Tâu bệ hạ, Chiêm Thành không phải đến bây giờ họ mới quấy phá ta. Nhớ từ hồi Thái tổ họ đã làm cho dân ta ở vùng biên địa đến khốn đốn. Cảnh báo, răn đe mãi không được, sau Thái tổ phải cử tiên đế cùng thái

báo Đào Thạc Phụ vào dẹp yên, ấy là vào năm Canh Thân. Thái tổ băng, tiên đế lên ngôi suốt mười sáu năm liền Chiêm Thành không sang cống, sau lại đem quân đánh phá châu Nghệ An, sự chẳng dừng, năm Giáp Thân tiên đế phải thân chinh vào tới Phật Thệ đập đổ thành trì giết chúa Chiêm là Sạ Đầu lại giết tới mấy vạn quân Chiêm, nghe nói thủ cấp người Chiêm xếp cao như núi, máu chảy lụt mặt đất. Từ ấy người Chiêm khiếp sợ phải thần phục ta, và thường niên có đoàn cống sứ từ Trà Bàn sang Thăng Long đưa đồ lễ và dâng thư của vua Chiêm. Nhưng mấy năm nay thì khác, họ bỏ lệ tu cống, khiêu khích quân ta trên mặt biển; đổ quân thủy lên tàn phá xóm làng của dân ta quanh vùng biển đảo.

Bùi Gia Hựu ngừng lời, ông nhìn nét mặt nhà vua và các quan thấy ai cũng đầy vẻ giận dữ, ông nói tiếp: - Từ Canh Thân đến Giáp Thân đúng hai mươi lăm năm, lại từ Giáp Thân tới nay là Mậu Thân cũng vừa đúng hai mươi lăm năm. Chắc lần này Chiêm Thành đáo hạn. Xin bệ hạ ra oai.

Cả triều đình đồng thanh hô:

- Xin bệ hạ ra oai!
- Xin bệ hạ ra oai!

Vậy là Thánh tông đã đạt được sự mong muốn. Nhà vua chỉ khích vào lòng tự tôn dân tộc lập tức quy tụ được lòng người, khỏi phải bàn bạc ké nói ra người

nói vào.

Nhận thấy các quan đều biểu lộ ý chí chinh phạt Chiêm Thành, nhà vua nói:

- Vạn bất đắc dĩ ta mới phải đưa quân ra khỏi bờ cõi. Ta không muốn ai phá hoại cuộc sống yên bình của dân ta, nên ta cũng không muốn gieo tai họa cho dân nước khác. Thật ra người dân nước nào cũng đều lương thiện cả, chỉ có kẻ cầm quyền tham lam ngu tối mới cuốn người dân vào vòng binh lửa.

Nhìn khắp lượt triều quan, nhà vua nói dần từng tiếng: - Thề theo ý nguyện của các quan, cũng là ý nguyện của muôn dân, mùa xuân này ta thân chinh thảo phạt Chiêm Thành, quyết bắt vua tôi nước nó phải đền tội.

Các quan đồng thanh hô:

Hoàng thượng thiên tuế!

Hoàng thượng thiên tuế!

Một lát nhà vua lại nói:

- Năm nay ta bận nhiều việc, nên hội thề sẽ làm sớm hơn, không làm tại đền Đồng Cổ mà làm tại sân Long Trì vào ngày sóc tháng mạnh xuân, nhưng tới ngày hội, theo lệ cũ vẫn mở hội cho dân chúng vui chơi.

Ta truyền, ngày hội thề các quan phải có mặt đầy đủ vào đầu giờ Mão, ai thiếu vắng sẽ bị phạt đánh

trượng, ai tái phạm bị lột bỏ quan tước đầy viễn châu làm binh khao giáp. Các quan nào được ta cử đi kinh dinh trong nước thì được miễn lễ.

Nói xong nhà vua hươ cao cây hốt:

- Bãi châu!

Mấy bữa nay Ty thái chúc bận mãi việc lo cho ngày lễ trọng, ngày hội thề thiêng liêng hằng năm. Thật ra lễ này mới có từ đầu đời Lý Thái tông vào năm Mậu Thìn (1028). Chẳng là trước đó tám năm, hoàng thái tử Lý Phật Mã đi đánh Chiêm Thành có ghé lễ đền Đan Nê thờ thần Đông Cổ (trống đồng) ở Thanh Hóa. Đêm thần báo mộng sẽ phù hộ đi đánh thắng, lại dặn chớ có tàn sát bậy. Quả như nhời thần báo mộng, trận ấy quân ta thắng lớn. Lúc về, hoàng thái tử lại qua Đan Nê làm lễ tạ ơn thần và hứa, nếu được lên ngôi báu sẽ rước bài vị thần và lập đền thờ tại Thăng Long.

Thấm thoát đã đến ngày mừng một tháng hai, ngày lễ minh thệ. Phía nam sân Long Trì thiết lập một đài lễ cao năm trượng theo hình một quả núi. Trên nóc lễ đài treo một lá cờ lớn màu vàng, chính giữa viết hai chữ Đại Việt màu đen. Xung quanh sân Long Trì cắm cờ ngũ sắc. Cứ giữa hai lá cờ lại cắm một ngọn tre xanh còn rậm rạp cành lá và treo ở đó một dây pháo dài chừng một sải tay. Tính ra có tới cả trăm dây pháo như thế. Dưới chân lễ đài kê ba chiếc án thư sơn son thếp vàng. Chiếc ở giữa to hơn và cao hơn hai chiếc kia. Trên

chiếc án thư cao nhất đặt chiếc lư đồng mắt cua to, cao lừng lừng, trong lư đốt trầm, khói bay thơm nức. Phía sau lư đồng đặt một chiếc ngai. Trong ngai có thần vị thần Đồng Cổ.

Hai án thư hai bên tả hữu đặt hai chiếc thạch sành láng men ngọc, miệng thạch to như chiếc mâm đồng, trên miệng thạch phủ tám vóc màu huyết dụ. Từ chân dài lẽ, nơi kê ba chiếc án thư là một dải thảm đỏ chạy tới cuối sân Long Trì.

Cuối sân Long Trì, nơi tiếp giáp với bờ hồ Ngoạn Nguyệt là hàng liễu cao vút, cành lá rủ buông mềm mại. Nơi cây liễu ở góc sân phía tây có cột một con ngựa trắng. Trắng từ đầu đến cả móng guốc, chỉ có đôi mắt lơ lơ nửa trắng nửa ngả màu đồng thau.

Cuối giờ dần, các quan với phẩm phục uy nghi từ hai hướng đông tây tiến vào sân Long Trì xếp thành hai hàng sắp theo hai mép thảm đỏ.

Vừa sang giờ Mão, kiệu vua đã hạ trước thảm điều. Từ trong kiệu bước ra, nom nhà vua uy nghi đường bệ đúng là người có chân mệnh thiên tử. Bữa nay nhà vua đội mũ bình thiên, mặc áo long cổn màu đại hồng, đai ngọc, cổ áo đính là trắng, phương tâm¹ trước ngực thêu hai con rồng châu mặt trời loáng thoáng dăm vẩy mây

1 Tấm vải vuông che trước ngực đính vào áo long cổn có thêu hình rồng, phương, hổ hoặc cây cối tùy địa vị của từng người kể từ vua đến các hàng quan văn võ.

bạc, tay cầm ngọc khuê. Nhà vua bước lên đài thắm, hai hàng triều quan đều hướng về phía nhà vua. Vua đi tới đâu, các quan vái lạy tới đó. Vua vừa dừng trước án thư thì quay lại phía triều quan. Lập tức sân Long Trì lay động bởi tiếng hô:

- Hoàng thượng vạn an!
- Hoàng thượng vạn an!
- Hoàng thượng vạn vạn tuế!
- Hoàng thượng...!!!

Dứt lời chúc tụng, pháo nổ giòn từ bốn mặt sân, khói pháo phủ mờ cả sân Long Trì, xác pháo đỏ hồng tạo thành một tấm thảm viền xung quanh sân. Tiếp đó đại nhạc nổi tung bừng khiến người nghe như có gì thôi thúc từ tận sâu huyết quản.

Nhạc vừa dứt, Thái sư Lý Đạo Thành cùng quan Trung thư kiểm chính Lý Đăng Khuê tiến vào lễ đài. Hôm nay đại lễ, Thái sư đội mũ cứng thần đỉnh mũ dính bốn con ong, bốn con bướm bằng vàng, mặc kim tiêu tử phục (áo tía thêu kim tuyến), đai lưng bằng vàng, đi hia đỏ thêu chim phượng trắng. Trung thư kiểm chính đội mũ miện, chỏm mũ dính kim ngư (cá vàng), mặc áo cổn, đai lưng bằng da tê, đi hia đen, thêu chim trĩ trắng.

Thái sư Lý Đạo Thành và Trung thư kiểm chính Lý Đăng Khuê cúi lạy vua hai lạy rồi đứng sang hai bên tả hữu nhà vua.

Đoạn quan Trung thư kiểm chính vái nhà vua rồi đọc to lời thề:

“Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thần mình giết chết!”

Các quan hô theo:

- Xin thề!
- Xin thề!
- Xin thề!

Quan Trung thư đọc lời thề ba lần. Các quan giơ tay “xin thề” chín lần.

Thề xong, Thái sư cùng quan Trung thư kiểm chính đem sổ diêm danh đi kiểm diện từng người. lát sau dâng sổ đó lên nhà vua. Trừ những quan được vua cử đi công vụ, hội thề năm nay không có ai vắng mặt. Vua Thánh tông tỏ ra hài lòng, người buông lời khen: “Được!”

Một hồi ba tiếng trống báo việc kiểm diện đã xong. Ngoài kia người ta cũng vừa chọc tiết con ngựa trắng, huyết ngựa chia đều vào hai thập sành rồi đổ rượu hòa với huyết.

Thái sư múc một bát huyết tửu dâng lên hoàng thượng. Nhà vua uống một hớp rồi ban cho Thái sư; Thái sư uống rồi chuyển cho trung thư kiểm chính. Sau đó vua ban huyết tửu cho các quan. Lễ minh thệ hoàn

tất vào cuối giờ Thìn. Trời lất rắt mưa. Ai cũng bảo năm nay hội thê thời tiết đẹp vận nước mình chắc sẽ hanh thông.

Để bước vào cuộc nam chinh, nhà vua cho triệu Thái sư Lý Đạo Thành, thần phi Ý Lan vào điện Hội Tiên nhận chỉ.

Hai người vừa vào tới thềm điện, vua ra đón vào nội tẩm. Nội thị dâng trà xong vua đuổi hết ra ngoài.

Đô thái giám Đỗ Khánh Thập lấp ló ngoài cửa điện, ý muốn vào xem vua có sai bảo gì. Vua liền vẫy lại dụ rằng:

- Ta không có việc gì sai bảo. Ta cùng thần phi và Thái sư đang bàn việc nước, người ra khỏi cung, khi nào có việc ta khắc gọi.

Đỗ Khánh Thập đập đầu xuống đất đúng ba lần, giọng the thé:

- Tạ ơn bệ hạ, thần xin lui ạ. Nói xong y quay gót nguây nguẩy đi như một con vịt cái.

Quay lại nhà vua nói ngay:

- Việc chinh phạt Chiêm Thành gấp lắm rồi, bữa nay triệu Thái sư và thần phi đến, ta giao lại một số việc. Chắc là Thái sư và thần phi đều ngỗ ngàng, song ta đã cân nhắc kỹ rồi. Khi ta vào Chiêm, quyền giám quốc ta trao lại cho thái sư coi sóc. Quyền lưu thủ kinh sư ta trao cho thần phi. Thần phi chưa thể quen với công việc này

nên mọi việc trước khi dự quyết nàng phải hỏi thái sư, nếu Thái sư cho là trái với chức trách hoặc quá phận sự thời nàng phải dừng lại ngay. Ta mong thời gian ta đi vắng, mọi việc trong nước sẽ diễn ra êm thuận dưới sự coi sóc của hai người. Thần phi do chưa am tường việc triều chính, vì vậy Thái sư phải đôn đốc, giám sát giúp ta. Phiên châu tới ta sẽ tuyên cáo trước bá quan và trao ấn, phù để tiện việc điều hành.

Ý Lan có ý hơi lo lắng liền hỏi:

- Tâu, hoàng thượng phạt Chiêm độ bao lâu thì về ạ? - Vua ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Việc chinh chiến chưa biết thế nào mà hẹn trước. Chỉ riêng đường đi về cũng mất hơn hai tháng, đánh một vài trận thắng, mọi việc đều như ý cũng phải ba bốn tháng mới về được. Còn nếu như chiến cuộc cam go các dự liệu đặt ra chưa đạt thì chưa thể về ngay được.

Lý Đạo Thành lại hỏi:

- Tâu bệ hạ, nếu như trong lúc bệ hạ bình Chiêm mà bắc thù có biến thì làm thế nào?

- Đó là việc của Thái sư, vua đáp. - Bởi lúc ấy ta đang ở Chiêm. Giả dụ như việc đó xảy ra, ông định liệu ra sao? - Vua hỏi.

Từ người hỏi trở thành người bị hỏi, Thái sư Lý Đạo Thành có phần hơi lúng túng. Tuy là người học thức cao, thông tuệ, chần chu nhưng vào cái tuổi sáu

mười ông đã có phần hơi chậm chạp. Lát sau ông chậm rãi:

- Tâu bệ hạ, ấy là thần giả định điều xấu nhất có thể xảy ra chứ hiện thời nhà Tống chưa hội đủ các điều cần thiết để xâm lấn hoặc xâm lăng Đại Việt, bởi các nhẽ sau đây. Thứ nhất là sau cuộc đối đầu với chỉ riêng Nùng Trí Cao đã làm cho triều Tống Nhân tông chao đảo vào các năm Nhâm Thìn, Quý ty (1051- 1052). Rồi các năm Kỷ Hợi, Canh Tý (1059- 1060) quân Tống xúi giục người man Nùng bên ta làm loạn có quân Tống trợ sức vào cướp phá sâu trong đất ta, lại lấn đất ta, bị cha con Thân Thiệu Thái đánh đốc sang đất Tống, khiến nhà Tống bối rối phải mở hội nghị mời ta sang thương thảo tại Ung Châu. Từ đó tới nay trên biên thùi quân Tống chỉ gằm ghè chứ chưa dám gây hấn. Không những thế, Tống Nhân tông còn cấm các biên quan biên tướng của họ “không được gây sự với Giao Chỉ”. Mấy năm nay Tống Thần tông mới lên ngôi, sức trẻ đang muốn canh cải, may có tể tướng Vương An Thạch cũng là tay cự phách trong giới sĩ phu, còn tài kinh bang vẫn chưa hiển lộ. Thần chắc vua tôi nhà Tống đang lo cho một cuộc đại canh cải. Một trong những điều canh cải ấy là xâm lăng Đại Việt. Tuy nhiên mới có hai năm Vương An Thạch chưa trở tay kịp. Thần chắc là hoàng thượng chớp thời cơ này bình Chiêm để rồi rảnh tay phá Tống.

- Đúng thế! Đúng thế! Thái sư nói rất trúng ý ta.

Song vẫn có thể có những cuộc khiêu khích nhỏ của biên tướng Tống, Thái sư tính sao?

- Tâu, thần cũng đã tính tới điều đó. Nếu nó khiêu khích nhỏ thời ta cho nó nhỏ hẵn đi để không mắc mưu nó. Một là ta tránh không cho nó nổ ra. Hai là ta diệt ngay lập tức khiến nó phải dè chừng.

- Ta biết Thái sư là người chín chu, mưu lược, nên trao quyền giám quốc cho ông, ta yên tâm.

Hôm sau họp thường triều, Lý Thánh tông tuyên cáo việc ngài thân chinh Chiêm Thành, trao quyền lưu thủ kinh sư cho thần phi Ý Lan; trao quyền giám quốc cho Thái sư Lý Đạo Thành.

Nhà vua trao quyền giám quốc cho Thái sư Lý Đạo Thành, triều quan đều cho là phải. Nhưng lại trao quyền lưu thủ kinh sư cho thần phi thì thật là một sự trái khoáy. Các quan cụng cựa hích nhau, đưa mắt cho nhau nên can gián nhà vua.

Thật ra các quan đều nghĩ hiểu như nhau cả, thế nhưng ít ai dám thẳng thắn nói ra ý nghĩ của mình, ngay các gián quan cũng vậy thôi. Bất chợt án ngục lại Ngụy Trọng Hòa hích nhẹ vào vai Lý Đăng Khuê nói nhỏ: “- Ông là người trong quốc thích, sao không can hoàng thượng một lời”.

Cho lời nói của Ngụy Trọng Hòa là phải, Trung thư thị lang Lý Đăng Khuê bèn xuất ban xin nói:

- Tâu, hoàng thượng thân chinh Chiêm Thành trao quyền giám quốc cho Thái sư Lý Đạo Thành, chúng thần đều tâm phục khẩu phục. Nhưng còn việc lưu thủ kinh sư, nhẽ ra hoàng thái tử đã vào tuổi trưởng thành thì chẳng nói làm gì, ngặt vì người còn đang trứng nước mà bệ hạ lại trao quyền ấy cho thần phi, chúng thần chưa thực an tâm, xin bệ hạ xem xét lại. Nhân đây thần xin hặc các ông tá hữu gián nghị đã không làm tròn trách phận. Triều đình đặt các ông vào vị thế can gián vua mỗi khi nhà vua có quyết sách gì không hợp với lẽ thường hằng, hoặc trong điển lệ của tiền triều chưa có. Vậy mà khi hữu sự các ông lại cứ ngậm miệng.

Như bị giới nước lạnh giữa tiết trời giá buốt, tuy vậy Lý Thánh tông vẫn giữ vẻ bình thản. Nhà vua nói:

- Ta biết việc này sẽ làm các quan không vừa ý. Vậy có ai nói gì thì nói tiếp, ta đang muốn nghe. Bởi trước khi xuất chinh, ta muốn mọi việc nên được bàn bạc để vua tôi thuận lòng.

Bị Lý Dăng Khuê dàn hặc, hai ông tá hữu gián nghị cũng bật dậy xin nói, nhưng Bùi Gia Hựu đã xuất ban trước, nên hai ông lại ngồi xuống. Hựu nói:

- Tâu bệ hạ, quyết việc này chắc bệ hạ đã nghĩ suy cạn nhẽ, và chắc có tham bác ý kiến của thái sư, bởi việc quá mới mẻ này mà Thái sư vẫn bồm bẻm nhai trầu, chắc ngài đã có chủ kiến rồi. Thôi thì hoàng thượng đã

cho bàn, chúng thần xin được bàn. May mà thần phi không có mặt ở đây, sợ rằng bàn bạc sẽ có những nhời nhẽ trái tai.

Tâu bệ hạ, sở dĩ các quan có điều lo lắng là bởi từ xưa tới nay, việc lưu thủ kinh sư thường được trao cho hoàng thái tử. Nếu hoàng thái tử còn nhỏ thì chức đó tạm bỏ trống, mà việc nước thì tạm trao cho thái sư quyền giám quốc. Nay bệ hạ trao cho thần phi, nhưng triều quan chưa thấy thần phi tỏ lộ một điều gì về khiêu năng hình chính. Hơn nữa từ xưa tới nay quyền lực rơi vào tay dân bà thường có sự lộng hiềm. Ấy là sự quan ngại của chúng thần, xin bệ hạ soi xét.

Bùi Gia Hựu vừa ngừng lời, quan hữu gián nghị lập tức xin nói:

- Tâu bệ hạ, thưa các đồng liệt. Quan Trung thư Lý Dăng Khuê đàn hạch, chúng tôi xin nhận lỗi. Nhưng quả thực việc này chúng tôi không được biết trước, vì hoàng thượng giữ kín, mãi vừa đây ngài ban thánh ý thời mọi người mới được biết. Còn như thái sư có được hoàng thượng tham bác như sự phỏng đoán của quan văn minh đại học sĩ hay không thì tôi không rõ. Song việc trao quyền lưu thủ kinh sư cho thần phi thời quả là việc chưa từng nghe thấy. Hoàng thượng vốn là bậc thông tuệ, gặp việc đều xử sự có lý có tình. Đến như các năm trước trời rét giá băng đúng ngài thương những người tù mà sai

phát thêm chăn chiếu, cho ăn no lại nhất loạt giảm án cho mỗi loại án một bậc, dù biết lòng thương dân của nhà vua đã bao trùm khắp như một vị Bồ tát, một vị Phật. Tuy vậy, trong việc này chính thần cũng áy náy, chưa kịp tỏ lời đã bị các vị đồng liêu đàn hặc. Nay thần có mấy nhờ, xin được bệ hạ gia ân chỉ dẫn.

Thứ nhất, nếu giao việc lưu thủ kinh sư cho hậu cung nắm giữ, thì Hoàng hậu vừa là chánh cung vừa là mẹ đích của hoàng thái tử, sao không được giao mà lại giao cho mẹ sinh là thần phi.

Thứ hai, thần phi đã có tài năng đức độ gì đủ chứng tỏ có thể đảm trách xứng đáng công việc được giao?

Thứ ba, liệu việc này có đặt ra một tiền lệ cho hậu cung tham chính về sau không?

Nói cho cùng, sự lo ngại của chúng thần là nếu để hậu cung tham chính thì khó tránh khỏi sự rối loạn triều chính.

Chờ một lát không thấy có quan nào xin nói nữa, nhà vua chậm rãi phân tỏ:

- Sự lo ngại của các quan chứng tỏ tấm lòng trung quân của mọi người khiến ta cảm động. Đúng là thần phi chưa tỏ lộ được điều gì để các quan tin tưởng. Vì ở gần nên ta biết thần phi tiềm ẩn một tài năng mà chưa có cơ may bộc lộ. Nay thời cơ đã đến, ta sẽ bảo lãnh

việc này trước chư khanh. Nếu thần phi không làm được việc, lại nhân quyền bính rơi vào tay mà lộng hiểm, thời ta sẽ trị tội nặng. Vả lại đã có thái sư giám quốc, việc gì quá đà hoặc phạm luật, phạm các điều cấm kỵ đã có thái sư ngăn giữ. Còn tại sao ta không giao công việc này cho hoàng hậu, mặc dù hậu là mẹ đích của hoàng thái tử. Điều dễ hiểu là hoàng hậu chưa bao giờ bộc lộ khiếu năng là người đứng đầu và am tường các công việc hình chính như thần phi. Và đây có phải là một tiền lệ mở đầu cho hậu cung tham chính không. Ta chắc là không. Bởi việc này chỉ là tạm thời trong khi ta đi vắng, mà cũng là sự vạn bất đắc dĩ thôi. Vì sao ta phải nói điều này? Vì rằng ngôi Đông cung đã lập, ta không muốn bỏ trống ghế lưu thủ kinh sư.

Nhân đây ta cũng nói thêm để các khanh rõ. Rằng tại sao các khanh lại kỳ thị với đàn bà. Vậy họ là ai? Họ chính là mẹ ta, là chị ta, là em gái ta chứ còn ai nữa. Nhìn lại lịch sử dân tộc ta vào thời kỳ đen tối nhất, các trang nam nhi còn đang chìm đắm ở đâu đó, nếu không có hai chị em bà Trưng nổi lên tụ nghĩa đánh đuổi thái thú Tô Định, xóa bỏ chính quyền đô hộ nhà Đông Hán nhen nhóm lòng yêu nước cho dân chúng, chắc gì ta đã có được non nước ngày nay. Bởi thế, theo ta không nên kỳ thị đàn bà, mà là đặt họ vào nơi chốn nào cho tốt, cho không rối loạn kỷ cương phép nước là được.

Ta thấy nhà Phật đâu có phân chia nam nữ, phân

biệt đối đãi. Vì thế mới có Phật Mẫu Man Nương, Phật Bà Quán Thế Âm...

Nhà vua ngừng lời và nhìn khắp các triều quan, ngài lại chậm rãi: - Ta chắc các khanh đọc nhiều học thuyết của Khổng - Mạnh quá nên chưa tiêu hóa kịp. Ông Khổng Tử là bậc “Vạn thế sư biểu” ta rất kính trọng. Ta đang cho xây đền thờ ông ấy ngay giữa kinh thành của ta. Học thuyết của ông ấy chắc sẽ còn sống mãi với thế gian. Song có một điều ta không tâm phục, ấy là ông đã miệt thị đàn bà. Ông đánh giá đàn bà là “nữ nhân nan hóa” hoặc “nhất nam viết hữu thập nữ viết vô”. Thật là quá đáng. Các khanh thử ngẫm mà xem.

Nghe nhà vua nói “không muốn bỏ trống ghế lưu thủ kinh sư” với vẻ đau lòng, các quan đều cảm nhận được nỗi niềm. Bởi lẽ hoàng thái tử đang sờ sờ ra đấy mà bỏ trống ghế lưu thủ kinh sư sẽ là điềm gở. Mà một trong hai người mẹ đứng ra gánh vác thay hoàng thái tử thời mẹ sinh chẳng tốt hơn mẹ đích sao.

Nhà vua dừng lại một lát hơi lâu, thấy các triều quan vẫn im lặng, vua lại nói:

- Vừa rồi các quan có hặc: “việc này đời trước chưa có”; “việc này điển lệ chưa có”. Thử hỏi ở đời có điều gì là bất biến không? Không có gì là bất biến cả. Nếu đời trước chưa có cái mà đời sau cần thì đời sau phải tạo ra cái họ cần. Bởi đời trước có sống cái đời sống của người đời sau đâu mà tạo dựng được cho

người đời sau. Chẳng lẽ ta phải giữ lòng trung theo đạo chết à? Lại như điển lệ có phải từ trên trời rơi xuống đâu. Tất cả đều do con người làm ra, lâu thành nếp, nếp ấy đẹp được con người tôn thờ gọi là điển. Ngay cả những điển lệ cổ xưa không còn hợp với thời nay nữa cũng phải dẹp bỏ, tạo ra cái mới. Cái mới mà hay mà đẹp rồi lại trở thành điển lệ, lo gì. Nếu ta làm vua của một nước mà không biết nương vào điều tốt, điều đúng đắn của tiền nhân để lại mà hành hóa thời ta là kẻ bội bạc, kẻ bất hiếu; song ta cứ nhất nhất tuân theo các việc của đời trước, các chuẩn mực xưa cũ, nhắm mắt làm ngơ trước những bức xúc của thiên hạ, không dám canh cải một việc gì thời ta có khác chi một thằng hình nộm, một con bù nhìn; quốc dân đâu cần một người quyền uy tối thượng là một thằng hình nộm, một con bù nhìn. Có phải thế không chư khanh? - Vua buông lời hỏi với vẻ xúc động.

Triều quan dường như đã thấu tỏ tấm lòng của nhà vua nên đồng thanh hô lớn:

- Hoàng thượng anh minh!
- Hoàng thượng anh minh!
- Hoàng thượng anh minh!

XXII

Đầu tháng ba, hoa gạo nở tung bừng nom như những quang lửa thấp sáng cả kinh thành. Trong các vườn nhà cam, bưởi đã có trái non, chỉ có nhãn là đang khai hoa, những chùm hoa nhãn nâu li ti chấm trắng lấp ló vươn khỏi các vòm lá xanh đan kết khiến ong bướm đi về rộn rã. Đường phố kinh thành rộn sức xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc, khai hoa kết trái nom thật là vui mắt. Rặng muỗm chạy dài dưới tầm mắt, quả lúc liu như những trái trứng màu xanh, bóng mát trùm rợp con đường lát gạch chỉ dành riêng cho xa kiêu của vua chúa và quan cấp qua lại. Và kia đường hòe dài hun hút kéo suốt từ cửa Đông tới bến đò sông Cái. Hòe vừa thay lá. Lá non mỏng mỏng, những vẩy lá li ti như những vẩy ốc nằm so le hai bên cuống lá, tán cây xoe tròn như những chiếc tàn xanh chạy song song hai bên vệ đường y hệt một đoàn quân túc trực sẵn sàng hộ giá.

Đường hòe, đường muỗm và các con đường dẫn

tới bến sông sớm nay đều lộng lẫy cờ quạt, nghi trượng và dân kinh thành đứng ken kín hai bên vệ đường tiễn nhà vua và các tướng lĩnh xuống thuyền vào cuộc nam chinh. Trống, chiêng từ sớm đã khua vang động khắp kinh thành, khắp các phường phố.

Đầu giờ mào, kiệu vua vừa ra khỏi cổng thành, một phát pháo hiệu nổ vang. Và kiệu vua đi tới đâu thì pháo nổ đi cùng tới đó. Đò quân Tùy long đi trước dẹp đường. Đò quân Hồ bôn đi sau hộ giá. Gọi là dẹp nhưng thực ra dân chúng đứng rất trật tự hai bên đường chứ không có một ai chen lấn đẩy xô hoặc tràn xuống lòng đường ngó ngó nghiêng nghiêng. Kiệu vua đi tới đâu thì ở đó vang dội tiếng hô:

- Kính chúc thánh thượng vạn an!
- Kính chúc thánh thượng vạn an!

Sau kiệu vua là kiệu của Phụng Càn vương Lý Nhật Trung.

Tiếp đó là kiệu của Thái sư Lý Đạo Thành và kiệu của các quan đi tiễn hàng nối hàng kín rđầuTđường hòe.

Các con đường dồn về Bến Đông, dân kinh thành đổ xô đi tiễn nhà vua, tiễn đoàn quân chinh phạt. Người nôm chậ cứng như những dòng sông tắc nghẽn.

Tiết xuân ấm áp, mặt trời lên cao rọi những tia nắng trong như hổ phách, bầu trời xanh ngắt không

một gợn mây. Càng gần tới bến, tiếng trống càng rộn rã, tiếng hò reo càng vang dội. Ấy là trên bãi cát ngoài bến Đông, cả chục đám múa lân, múa rồng. Những con lân, con rồng cứ quần lấy các võ sĩ đánh song đao. Mỗi lần con lân hoặc con rồng nhảy trùm lên đầu võ sĩ, võ sĩ nhanh nhẹn thoát ra nhảy phắt lên đầu rồng, dân chúng hò reo tưởng rạn nứt cả mặt sông.

Khi kiệu vua vừa hạ xuống cuối đường hòe, nơi tiếp giáp với bến sông thì các đội long, lân lui ra ngoài xếp thành hình bán nguyệt. Một hiệu trống nhõ nổi lên, cả mười đầu long, lân vừa đi giật lùi vừa bái nhà vua cho tới khi ra khỏi bãi cát. Dân chúng vẫn đứng đông nghịt phía ngoài vừa chiêm ngưỡng vừa tiễn nhà vua.

Lúc này các đội Long đực, Hùng lược, Thần điện... là những cấm vệ quân hộ giá đã ken kín vòng trong vòng ngoài. Tả uy vệ Phạm Di, Hữu uy vệ Trần Cải luôn áp sát hai bên tả hữu Lý Thánh tông. Nhà vua hôm nay không mặc hồng bào, không đội mũ bình thiên. Ngài vận áo nguyên soái có hộ tâm, hai cổ tay chèn có lá chắn bằng đồng mạ vàng, đội mũ giáp trụ, đuôi mũ là những miếng giáp trùm kín gáy và nửa bờ vai. Chóp mũ nhọn bằng vàng cấn hồng ngọc lấp lánh. Chân đi hia màu trắng ngà thêu đôi rắn thần quấn quanh thân hia bằng kim tuyến, mắt rắn đính viên kim cương nhỏ xíu, rắn phun nọc như một vàng lửa được dát bằng những viên hồng ngọc li ti. Nguyên đôi hia này là do

quốc vương Chiêm Thành gửi biểu từ mấy năm trước. Nay nhân dịp chinh phạt Chiêm Thành, nhà vua dùng nó để tỏ cái uy thần vũ.

Các quan vừa quây quần quanh nhà vua lại thấy lóc cóc tiếng xe ngựa lăn bánh gấp rồi dừng lại phía vòng ngoài. Xống kiệu ta thấy có Dương hoàng hậu với khoảng non chục thị nữ mặt hoa da phấn, xiêm y rực rỡ như những tiên nữ vừa rớt xuống trần gian. Phải nói, Thượng Dương là người có nhan sắc vào loại chim sa cá lặn, vào tuổi bốn mươi rồi mà trên má chưa có một vết nhăn. Tạo hóa cho bà một gương mặt hoàn hảo, đôi mắt đẹp luôn ánh lên những tia sáng bình dị, làn da mỏng mịn hồng hào như da trẻ sơ sinh. Mỗi khi bà hé miệng đôi môi đỏ hồng để lộ hai hàm răng lóa sáng nom tươi tắn và rực rỡ như những cánh phù dung.

Hoàng hậu tiến sát về bên hữu nhà vua. Lát sau Thần phi cũng đem theo hoàng thái tử Càn Đức len vào bên tả nhà vua.

Thấy hoàng thái tử, nhà vua quay về phía mẹ con Ý Lan. Vua đưa tay ra đón lấy hoàng thái tử. Hoàng thái tử khẽ reo: “Cha!” Trống chiêng mỗi lúc một rộn ràng, vua tôi tề tựu đông đủ. Đã sắp tới lúc nhà vua nói lời tạm biệt. Chợt thấy kiệu của Tăng thống Lâm Huệ Sinh vừa tới. Thiên sư từ trên kiệu bước xuống, tay chống thiên trượng, đầu đội mũ hoa sen, áo cà sa màu vàng.

Bước tới trước nhà vua, thiên sư vái dài một vái. Vua sá đáp lễ. Lại hữu thanh đạo Vương Hành, tả thanh đạo Lưu Khánh đội khăn vàng mặc áo đạo sĩ cũng vừa dừng kiệu vào vái chào nhà vua.

Lúc này hơn một trăm chiến thuyền cùng quân sĩ đã đậu rợp tới cả chục dặm sông. Trên các thuyền cờ xí cắm la liệt nom bưng bưng khí thế.

Ba phát pháo hiệu nổ như những tiếng sấm, một võ tướng võ phục uy nghi cỡi trên lưng con Hắc Long từ dưới khoang một hạm thuyền nhảy vọt lên sạp thuyền và cứ thế phi qua cả dãy thuyền để vào bờ. Người ấy xuống ngựa vội chạy đến phủ phục trước nhà vua và nói:

- Tâu bệ hạ sắp đến giờ xuất quân; thần thiếu úy Lý Thường Kiệt xin nhận mệnh.

Vua nói:

- Miễn lễ.

Lý Thường Kiệt đứng thẳng người chờ vua huấn dụ.

Vua bước chéch sang tả ba bước rồi ngài cỡi thanh bảo kiếm giơ ra phía trước nhìn thẳng vào gương mặt quắc thước của viên đại tướng, ngài nói:

- Trước giờ xuất chinh, hoàng đế nước Đại Việt sai khanh làm tướng tiên phong kiêm nguyên soái. Từ nay tới lúc khải hoàn khanh được toàn quyền sai khiến ba quân, giữ nghiêm quân kỷ, thưởng phạt công minh.

Trong cuộc chiến đấu cam go, kẻ nào cố tình phạm quân luật, khanh cứ việc chém trước tâu sau. Đây là kiếm lệnh, khanh nhận lấy để thị uy.

Lý Thường Kiệt quì xuống giơ hai tay đỡ thanh bảo kiếm, vái nhà vua hai vái rồi đi giật lùi bảy bước thì dừng lại, ông đứng ngay cạnh tể tướng Lâm Huệ Sinh. Hai người nhìn nhau như là một sự thăm thăm hỏi và cùng vái nhau. Liền đó Tể tướng tiến lên ba bước vái nhà vua một vái rồi nói:

- Lão tể tướng đành phụ bệ hạ, không đi theo quân được vì kẻ tu hành phải tuân giới luật. Bệ hạ cứ yên tâm cõi sống đập gió vào trận, bản tể tướng cùng chư đạo hữu sẽ lập đàn chay cầu Phật tổ, cầu chư thiên và anh linh tiên tổ gia hộ cho bệ hạ và quân sĩ Đại Việt bình an, toàn thắng. Công cuộc chinh phạt Chiêm Thành lần này chắc chắn bệ hạ sẽ thu được thắng lợi ngoài mong muốn.

- Đa tạ đại lão tể tướng.

Sau khi nhà vua nói lời cảm tạ dân chúng Thăng Long, cảm tạ các vị tể tướng, đạo sĩ, cảm tạ bá quan thì Thần phi Ý Lan và hoàng thái tử Càn Đức tiến về phía nhà vua. Hoàng thái tử níu tay vua cha. Nhà vua bế Càn Đức lên cao như có ý một lần nữa đáp lễ, một lần nữa từ biệt. Ý Lan nói nhỏ vào tai vua: "Thiếp hứa sẽ làm hết sức mình quyết không phụ lòng tin yêu của bệ hạ. Mong bệ hạ sớm khải hoàn để che chở cho mẹ con thiếp".

Nhà vua trao hoàng thái tử cho Ý Lan rồi vẫy tay tạm biệt Thăng Long và đi thẳng xuống lầu thuyền Kim Phượng nơi cắm lá đại kỳ màu vàng sẫm thêu hai chữ ĐẠI VIỆT đỏ tươi. Tiếp theo Phụng Càn vương Lý Nhật Trung bước xuống lầu thuyền Kim Ngư và Lý Thường Kiệt bước xuống chiến thuyền Bạch Hổ có cắm lá cờ súy.

Dứt ba hồi chín tiếng trống đại lược bập bùng như tiếng sấm, đó là hiệu lệnh xuất quân. Đoàn thuyền chiến căng buồm nhỏ neo. Hơn hai vạn quân đồng thanh hô: “Tạm biệt Thăng Long!” “Tạm biệt Thăng Long!” Trên bờ vọng xuống: “Kính chúc hoàng thượng vạn an!” “Kính chúc hoàng thượng vạn an!” Gió nổi, buồm no gió lao đi vun vút nom như một đàn bướm khổng lồ giăng mắc giỡn đùa dằng dặc suốt mấy chục dặm sông.

Do một số thuyền cùng ba vạn quân đã chuyển vào Nghệ An từ đầu tháng chạp, lương thực và cả cỏ ngựa đều do dân Nghệ An cung ứng, nên quân từ Thăng Long ra đi thuyền bè khí giới rất nhẹ nhàng lại gặp đợt gió bắc thổi muộn, nên thuyền đi nhanh mà không cần đến mấy sức người.

Đoàn thuyền chiến ra khỏi cửa Đại An là đi vào vùng biển lớn theo luồng nước sâu không còn trông thấy đất liền nữa. Hơn một trăm chiến thuyền lẫn vào với biển trời mênh mông từ ngoài khơi tí tít. Vì vậy

từ lúc này cuộc thân chinh của hoàng đế nước Đại Việt vẫn còn giữ kín như bưng, cả nhà Tống và nước Chiêm Thành cứ bình chân như vại. Chiêm Thành vẫn đang nhả nha thu gom binh lực, huấn luyện quân sĩ để tới mùa gió nam là bắc phạt.

Lại nói khi thuyền qua hành cung Lý Nhân chỉ còn vài chục dặm nữa là tới cửa Đại An, vua cho đòi tướng tiên phong Lý Thường Kiệt cùng Phụng Càn vương Lý Nhật Trung sang thuyền ngự để nghị bàn.

Tả uy vệ Phạm Di vâng mệnh ra đầu mũi thuyền giơ cao lá cờ lệnh cho các thuyền đi sau chú ý. Sau đó ông lần lượt giương cờ hiệu Kim Ngưu và Bạch Hổ để cho hai vị đại quan biết mà tới chầu. Chừng nửa giờ sau các thuyền Kim Ngưu, Bạch Hổ đã bắt kịp thuyền Kim Phượng. Các ông Lý Nhật Trung, Lý Thường Kiệt lần lượt bước vào thuyền ngự cúi lạy nhà vua.

- Miễn lễ, miễn lễ! Vua Thánh tông nói nhanh. Đoạn nhà vua cười rồi tiếp - Vào trận mà cứ thủ lễ thái quá, ta sợ rằng như vậy là ngầm báo cho địch biết vua tôi đang ở chỗ nào để chúng dễ bề đánh vào đầu não quân viễn chinh.

Lý Nhật Trung vừa loay hoay tìm chỗ ngồi thích hợp (ông muốn ngồi gần song cửa để còn ngắm nhìn trời biển) vừa nói:

- Bệ hạ muốn gặn gùi chúng thần nên báo bỏ lễ.

Thử hỏi, nếu bỏ lễ thì ở đời chẳng còn gì thiêng nữa, thần với người, vua với bầy tôi không còn phân biệt dưới trên nữa sao.

- Sao lại không phân biệt. Ta nói cho đệ biết, nếu ta không làm vua, ta vẫn là anh đệ, thứ bậc, danh phận thật rõ ràng. Có điều rằng anh phải ra tư cách của anh, em phải đúng bổn phận em. Còn như anh không làm được trách nhiệm của anh, chắc em cũng không phục. Thứ bậc tuy không thay đổi nhưng tâm trạng thì thay đổi hẳn, vì trong lòng người em ấy không còn tôn trọng anh mình nữa. Đây là chuyện trong nhà. Suy rộng ra tới cả quốc gia chắc cũng không khác mấy. Ví như thời Lê Ngọa triều, cái vị thế của Lê Long Đĩnh đúng là một ông vua. Nhưng ông vua ấy đã chết ở trong lòng mỗi người dân nước rồi. Thành thử cái ông vua ấy người ta sợ mà theo chứ không phải yêu kính mà theo, tựa như các thứ tà thần, ác thần người ta vừa khinh ghét vừa phải theo, bởi người ta không muốn nó gieo tai giáng họa hơn nữa, thật khác xa với các bậc phúc thần, người dân yêu kính tự đáy lòng như yêu kính cha mẹ tổ tiên nhà mình vậy.

- Vương huynh nói thế có nghĩa rằng cái ông vua trên ngai vàng sao bằng cái ông vua trong lòng dân.

- Chính thế. Đó là điều ta mong muốn. Và ta nguyện sả thân ta vì lễ đó. Song ở đời không phải muốn

mà được mà nó còn phụ thuộc vào sự tận tâm của mình, tức là phải thành tâm vì hạnh phúc của muôn dân chứ không phải vì cái danh mình muốn lưu hậu thế. Lại nữa cũng còn thuộc về cái nhân mình đã gieo từ các kiếp trước là cái nhân gì chứ đâu phải chuyện ăn xối ở thì trước mắt - Vậy chớ theo ý Thường Kiệt thế nào? Vua hát hàm hỏi thiếu úy. Đoạn nhà vua quay ra gọi thị nữ dâng rượu.

Sửa lại chiếc mũ đội đầu và đặt đai áo cho ngay ngắn, Lý Thường Kiệt nói:

- Tâu bệ hạ, người cùng Phụng Càn vương mới sơ bàn mà đã làm bật ra được cái lõi của đạo, thần sao có đủ kiến văn mà tham góp. Lại nói đến vua ở trong lòng dân như một vị phúc thần mà bệ hạ và Phụng Càn vương vừa dạy. Vua như vậy đời thường nhắc đến chỉ có vua Nghiêu vua Thuấn. Nhưng Nghiêu, Thuấn thì xa quá, mơ hồ quá có ai thấy được. Thần đồ rằng người Trung Hoa gặp phải nhiều ác vương cỡ như Kiệt, Trụ nên họ mong muốn có được các bậc hiền vương cho dân chúng được nương nhờ nên tạo ra hai ông vua như hai bậc tiên thánh sừng sững ngàn đời chỉ có ban phát hy vọng cho con người. Với các bậc tiên thánh, thần chỉ kính nhi viễn chí, bởi thần là tướng võ chỉ tâm phục khẩu phục những cái gần gũi với mình, tự mình thấy được hoặc cảm thụ được.

- Ví như cái gì chẳng hạn. Vua hỏi xen vào.

- Tâu bệ hạ, ví như hai Bà Trưng. Hai bà Trưng nổi lên đánh đuổi bọn đô hộ nhà Hán, mới có ba năm, chắc bà ngồi ngai vàng chưa ấm chỗ. Hoặc giả cũng chẳng có ngai ý gì cho bà ngồi. Nhưng nếu không có chị em Bà khởi động ý chí quật cường cho dân tộc, chắc cũng chưa thể có chiến công lừng lẫy trên sông Bạch Đằng của Ngô vương Quyền mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ cho nước nhà tới tận ngày nay.

Ngô vương Quyền ở ngai cũng ngắn lắm, vèn vèn chỉ có sáu năm, tức là gấp đôi thời kỳ ở ngai của Hai Bà Trưng. Ngai của các vị ấy chắc mục nát từ lâu lắm rồi, nhưng các vị ấy vẫn cứ sống trong lòng mọi người xuyên suốt mọi thời đại. Dạ, tâu bệ hạ, đó mới là những chiếc ngai vĩnh cửu.

Thị nữ vừa mang mỹ tửu ra hầu. Nhà vua tự tay ban cho Nhật Trung và Thường Kiệt mỗi người một bát. Ngài cũng bê lên một bát và nói:

- Ta với các người là anh em, bè bạn thực ra chưa được sống thoải mái trong tình thân đó mà chỉ nặng về lễ nghĩa vua tôi, tình riêng thêm xa cách. Nay trên đường nam chinh mà lại ở giữa trùng khơi này chỉ có ba ta với nhau. Ta muốn khơi lại những kỷ niệm giữa ta và Nhật Trung từ thời thơ ấu, hoặc ta với Thường Kiệt từ ngày ta mới năm, sáu tuổi. Hình như Thường Kiệt hơn

ta bốn tuổi, ta lại hơn Nhật Trung hai tuổi. Hơn kém nhau như thế đâu phải là quá cách biệt. Vả lại bây giờ chúng ta đều đã lớn tuổi, đều phân biệt được phải quấy, nếu có quay về tuổi thơ cũng chỉ là vui chút đời thường thôi. Chắc cũng chỉ được vài bữa. Một khi thuyền đã tới Cửa Hội là phải tập hợp đi luôn vào cửa Nam Giới. Và thế là di thẳng vào vùng đất của người Chiêm, cũng tức là đi vào những dặm đường máu lửa cam go, sao còn có thể ôn cố được. Vậy chớ ý Nhật Trung, Thường Kiệt thế nào nói thử ta nghe. Nhưng thôi, trước hết ta hãy cạn chén, chúc các người vào trận lập được công lớn.

Thường Kiệt và Phụng Càn vương đều nói:

- Chúc bệ hạ toàn thắng trở về!

Vua tôi vui vẻ cạn chén. Vừa đặt chiếc bát xuống khay, nhà vua cười nói:

- Ta đố các chú biết, ở đời ai là người sướng nhất.

Lý Thường Kiệt với vẻ dăm dăm suy tư, trái lại Lý Nhật Trung thì cười phá lên:

- Vương huynh cứ giả vờ. Mà này huynh trưởng vừa nói bỏ lễ vua tôi trở về cái nguyên sơ của tình anh em, tình bạn thời thơ ấu, thế mà huynh trưởng lại gọi Lý thiếu úy bằng chú, trong khi huynh trưởng kém Lý thiếu úy những bốn tuổi.

Lý Thánh tông cười khà khà, tự tay rót rượu cho

tất cả.

- Nào uống đi! Uống đi rồi ta trả lời chú hai.

- Đa tạ huynh trưởng! Lý Nhật Trung nói xong bê bát rượu tu một hơi rồi ngồi nhìn hai người với ý tứ xem vương huynh trả lời thế nào.

Chờ Lý Thường Kiệt uống xong, nhà vua ung dung nói với tất cả sự cười mỉa:

- Sao ta không biết ta ít tuổi hơn Thường Kiệt. Ta cũng không quên Thường Kiệt chơi với ta từ nhỏ, yêu thương ta, chăm sóc ta, nhịn nhường ta, bảo vệ ta như tình cảm của một người anh.

Nghे tới đây, Lý Thường Kiệt biến sắc mặt sụp lạy:

- Xin bệ hạ đừng nói thế mà thần mắc tội.

- Tội tình gì, hai thằng con nít chơi với nhau, lúc ấy đã ai biết gì đến cái lễ vua tôi. Nhưng bây giờ dù muốn, ta cũng không thể nhận Thường Kiệt làm anh được. Nếu như ta có anh, thì chính anh ta cũng bị sự chi phối của các qui ước về lễ nghi. Vì thế, ta đã có ý định phong cho Lý Thường Kiệt là thiên tử nghĩa đệ, để đền đáp tấm lòng của Thường Kiệt đối với ta từ thời niên thiếu, lại vì ta mà cung hình. Việc sả thân trong chuyện cung hình của Thường Kiệt ta thật sự ăn năn vì tính nông nổi của tuổi thiếu niên. Bởi vì ta quá mến Thường Kiệt nên đã ngó ý với phụ vương để cho Thường Kiệt suốt đời

ở với mình trong nội cung. Thường Kiệt tỏ lòng trung nên tự cung hình để vào hậu cung với ta nhưng không bỏ cái chí đi xa ngàn dặm lập công, tức là làm tướng. Sự thực tới nay, Thường Kiệt đã là một bậc tướng giỏi. Thường Kiệt có vết thương lòng không bao giờ hàn gắn được khiến ta ân hận, ta mắc nợ; nhân quả này không biết gỡ bỏ sao đây, báo ứng sao đây.

Chuyện đang vui vẻ do nhà vua khơi mào, nay lại nhuốm vẻ thê lương cũng lại do nhà vua dẫn dắt. Lý Nhật Trung bèn khơi lại:

- Vừa đây huynh trưởng có hỏi: “Ở đời ai là người sướng nhất?” Vậy chớ huynh trưởng có muốn nghe lời đáp của lũ đệ nữa không?

- Nghe! Nghe chứ. Nào, đệ hoặc Thường Kiệt thử nói ta nghe.

- Nhưng đệ phải hỏi lại rằng trong lúc vương huynh cho vui, lũ đệ có được nói thẳng không, lỡ lời có bị trị tội không?

- Đã bảo không mà. Chúng ta trở lại cái thời thơ ấu yên nguyên kia mà, đệ cứ nói đi.

- Vậy thời theo ý đệ, ở đời chỉ có vua là sướng nhất. Vua muốn làm gì được nấy. Muốn hưởng lạc thế nào mặc lòng. Vua nói phải, nói điều hay cả nước soi vào đó mà noi theo. Vua hiền, vua thông sáng ấy là hạnh phúc của muôn dân. Vua hôn ám cả nước âm

thâm chịu đựng, mỗi người dân nước như phải mang một cái cùm nặng ngàn cân ở trong lòng, vẫn phải cam nín làm việc suốt ngày đêm như loài trâu ngựa. Trong khi đó vua cứ đắm mình trong bể dục lạc, cũng chẳng sao. Vua chỉ sợ có trời, nhưng trời lại thăm thẳm xa và luôn mê ngủ.

Lý Nhật Trung nhìn thẳng vào đôi mắt của nhà vua xem ông có nổi giận. Yên tâm, Nhật Trung lại tiếp - Vì vậy, theo đệ, ở đời chỉ có vua là sướng nhất. Đệ thiên cận nói năng thất thố xin huynh trưởng tha tội.

- Ta thừa nhận đệ nói đúng điều đệ nghĩ, tức là nói thẳng.

Ngật Trung quơ lấy bình rượu, chia bát ra vừa nói vừa cười:

- Huynh trưởng ban cho đệ thêm một bát nữa. Chỗ anh em trong nhà huynh trưởng cho nói thì nói cho vui mà vẫn sợ toát mồ hôi.

Được bát rượu đầy Lý Nhật Trung tu một hơi rồi đặt bát xuống khay cười lão đảo. Chẳng biết ông say thật hay khóa lấp những điều ông vừa nói.

Lý Thánh tông thản nhiên cười mỉm:

- Đệ và Lý Thường Kiệt phải trả lời cho ta một câu hỏi nữa, sau đó ta mới nhận xem việc trả lời của các người là đúng hay là sai.

- Vậy nếu sai, huynh có trị tội không?

- Đã bảo không. Đây chỉ là vui thôi. Đệ nên nhớ, trong đời ta chưa một lần nói hai lời.

- Vậy thời hinh hỏi đi.

- Vừa xong đệ đã trả lời rất thẳng thắn câu ta hỏi ở đời ai sướng nhất. Nay ta hỏi thêm: Vậy ở đời ai là người khổ nhất? Nghĩ kỹ đi rồi đáp cho ta.

- Trong hai câu huynh trưởng hỏi, câu khó nhất đệ đã trả lời rồi. Còn câu thứ hai dễ ợt, đệ nhường cho thiếu úy đó.

- Chú hai vẫn lém lỉnh như thời thơ ấu vậy. Đoạn nhà vua hướng mắt về phía Lý Thường Kiệt, ông giạt mình vì mái đầu Thường Kiệt đã chớm bạc, vàng trán đã hằn sâu ba vết nhăn như ba làn sóng.

Lý Thường Kiệt gương cười nhìn nhà vua lại nhìn Phụng Càn vương như thâm nói - Vương dòn ta vào thế không thể không trả lời. Theo thói quen, Thường Kiệt đưa tay lên sửa cổ áo, nấn lại vành mũ, ngồi ngay ngắn, mắt nhìn thẳng về phía nhà vua ông nói. Có điều hơi lạ là với các hoạn quan khác thì da mặt tái mét như màu gà thiếu, lông mày rậm chỉ còn thưa thưa loáng thoáng và giọng nói thì the the như giọng vịt đục. Trái lại, Thường Kiệt da chỉ hơi mai má, giọng nói hơi đục đục và không có râu. Nhìn bề ngoài chưa dễ nhận ra ông là người đã cung hình. Ông nói:

- Tâu, thật ra thì hoàng thượng muốn hỏi đệ từ

miệng lữ thần nói ra, chứ một người thông tuệ như hoàng thượng một khi nhìn đời bằng cái tâm nhân ái thì không việc nào không hiển lộ ra giữa thanh thiên bạch nhật. Trở lại câu hỏi ai khổ nhất trên đời. Thật ra trả lời rất dễ, song nó không thấu đáo. Người đang đói quặn lòng thì cho trên đời khổ nhất là sự đói. Người đang lạnh rét tê buốt đến tận xương tủy lại cho trên đời cái rét là khổ nhất. Lại nữa người bị giam cầm nơi tù ngục do nạn quan lại tham nhũng chèn ép, tước đoạt rồi đẩy người ta vào vòng lao lý. Với những người đó lại cho ở đời khổ nhất là phải sống trong một xã hội bất công. Tuy nhiên, người đói cho ăn, người rét cho mặc, người bị oan sai được trả lại sự công bằng thì cái nỗi khổ nhất của họ lúc trước lập tức được gỡ bỏ. Họ không còn là người khổ nhất thế gian nữa.

Lý Thường Kiệt ngừng lời, ông nhìn ra ngoài biển khơi thấy mênh mang bát ngát một màu xanh chỉ có sóng gió và đoàn quân của ông trong các chiến thuyền đang lướt sóng. Nơi chiến trường xa xôi sự hiểm nguy đang chờ đón, thế mà ở đây vua tôi đang nghị luận về những thứ hão huyền. Ấu nó cũng là cái quyền năng tối thượng của một đấng chơn dân. Lại nhìn nhà vua, nhìn Phụng Càn vương, Lý Thường Kiệt nói tiếp - Cho nên, tâu bệ hạ, người sướng nhất đời mới thực là người khổ nhất đời đó. Vì sao thần nói như vậy? Nói như vậy không có nghĩa thần là kẻ xu nịnh. Bởi rằng Trời không

cho không ai cái gì hết. Trời cho bệ hạ cái quyền ở trên muôn người, Trời lại khiến bệ hạ phải thay Trời mà chần dặt từng thân phận dưới quyền cai trị của bệ hạ như người mẹ hiền chần dặt đàn con vậy. Cho nên các thân dân của bệ hạ còn có người phải chịu đói, còn có người phải chịu rét, còn có người phải chịu cực hình vì sự bất công xã hội, chung qui trách nhiệm thuộc về bệ hạ. Nếu các việc đó còn xảy ra trong vương quốc của bệ hạ mà không được sớm cải đổi ắt Trời sẽ lên tiếng răn đe.

Tâu, một khi Trời đã lên tiếng thì tai họa khôn lường. Ví như lũ lụt, gió bão, mất mùa, đói khát, dịch bệnh rồi người chết như ngã rạ.

Lý Thường Kiệt ngừng lời lâu rồi mà nhà vua vẫn còn dăm chiêu suy nghĩ. Một lát sau vua nói:

- Đúng như Thường Kiệt nói đó. Ta chỉ hỏi chơi mọi người cho vui, ai dè ta được một bài học. Bài học ấy từ khi vâng di chiếu của tiên đế lên ngôi ta luôn đau đầu, nhưng chỉ ra được ngọn ngành thì tới lúc này chú hai cùng Thường Kiệt mới làm cho ta sáng rõ. Tai hại thay là quyền binh - nó làm cho ta mờ tối, nó che tai bịt mắt ta, lúc nào ta cũng chỉ nghe được các lời tâu báo ngon ngọt, hoặc có kẻ chê nhưng thực là khen nịnh. Nào bệ hạ phải nghĩ đến muôn dân mà giữ gìn ngọc thể. Bệ hạ dầm sương dãi nắng vất vả hơn cả chúng thần. Hóa

nên có lúc ta đã tưởng ta tài giỏi hơn mọi người thật, ta sáng suốt và thông tuệ hơn mọi người thật. Rõ là lão khoét. Vừa mới đây như ta đã nói đi nói lại là trò vui, thế mà Phụng Càn vương cứ phải rào đón mãi mới dám nói đôi điều về sự thật. Dù chức tước đứng hàng đầu triều lại là em ruột của vua, thế mà còn sợ toát mồ hôi hột, thử hỏi các quan khác sao còn dám mở miệng. Thử hỏi người dân làm gì có cơ hội nói được điều gì. Thành thử triều đình ở gần dân đấy mà lại hóa ra nghìn trùng cách trở. Vậy có cách gì đây để được cận dân, Thường Kiệt, Nhật Trung nói thử ta nghe.

Lý Thường Kiệt còn đang cân nhắc thì Lý Nhật Trung đã lên tiếng:

- Huynh trưởng, theo đệ cái ý muốn anh em ta trở về thời thơ trẻ bằng cách ôn lại các truyện cũ hoặc các trò chơi thuở ấu thơ, theo em khơi lại ký ức trong lúc này là không hợp. Bởi vì anh em ta đều để hết tâm trí vào cuộc chiến cam go với người Chiêm trong những ngày sắp tới. Hơn nữa anh em mình tuổi đã lớn. Đệ nhỏ tuổi nhất cũng đã bốn mươi lăm rồi. Lý thiếu úy đã vào tuổi năm mươi mốt, còn huynh trưởng đang ở tuổi bốn mươi bảy. Cho nên, hãy dành thời gian cho các việc lớn quốc gia. Ví như huynh trưởng hỏi làm thế nào để được cận dân. Đệ nghĩ, việc này đâu có khó. Người dân không hề cấm chúng ta gần họ. Điều quan yếu là ở chỗ ta phải làm việc gì đó để người dân tin ta, thay vì họ

luôn nghi ngờ ta.

Nếu muốn hỏi, muốn học thời chẳng phải tìm đâu xa, quốc thúc Uy Minh vương nhà ta sống chung lẩn với dân tựa như phụ vương ta hỏi trẻ di mở phủ ấy. Khi đệ vào Nghệ An thấy người dân ra vào phủ của quốc thúc hoặc lui tới nhà riêng của quốc thúc, như hàng xóm đến chơi nhà nhau vậy. Vì thế không có điều gì trong dân không đến tai quốc thúc. Nghệ An yêu kính quốc thúc như cha mẹ mình vậy. Cả một châu lớn như Nghệ An lại có chung biên thù với hai nước Lão Qua và Chiêm Thành biết bao phức tạp. Lão Qua nhỏ yếu không xâm lấn được thì trộm cướp, còn Chiêm Thành lại hay gây sự đôi khi là xâm lấn. Ấy thế mà quốc thúc giữ được cho dân yên, lo cho dân không bị đói rét, không trộm cướp; ban đêm nhiều vùng cửa ngõ cứ mở toang hoặc chỉ khép hờ chứ chẳng cần gài then khóa chốt. Đệ nghĩ, xã hội thế là tốt đẹp lắm rồi còn phải tìm Nghiêu - Thuấn ở đâu nữa. Đệ nói thật, quyền lực chỉ là nhất thời, vua chúa cũng chỉ nhất thời chỉ có dân nước là vĩnh cửu. Nếu lo cho hạnh phúc muôn dân được vẹn toàn thời việc sống chết của bản thân mình sẽ nhẹ như một hơi thở. Kỳ này khái hoàn về, huynh trưởng nên lấy gương của quốc thúc nêu lên cho các quan trong triều ngoài trấn noi theo. Quốc thúc chính là người hiền của thời nay. Trong xã hội có được một vài người hiền nêu gương đạo hạnh ấy là phúc cho xã tắc, sao huynh trưởng không nắm lấy

cơ may này làm trong sạch bộ máy cai trị.

Lý Nhật Trung vừa ngừng lời, Lý Thường Kiệt lại nói:

- Tâu, năm trước bệ hạ đã ban chế độ dương liêm, nay nhân cơ hội buộc quan lại các cấp phải gần dân, thấu hiểu điều dân mong mỗi cũng như điều dân sợ hãi xa lánh. Việc nào thuộc chức trách phải làm ngay, việc gì lớn ngoài trách phận phải lập tức tâu báo về triều. Khi các việc đã về triều, nếu đó là thỉnh nguyện chính đáng của dân thì sáu bộ, sáu khoa và ngự sử đài phải bàn bạc với nhau cùng làm. Nếu khó thời trình lên thái sư; thái sư thấy phê chuẩn được thì phê chuẩn, nếu thấy không được thời triều đình phải cử người về tận nơi giảng giải cho người dân được vỡ lẽ. Như thế thời cấp nào cũng phải có trách phận với dân chứ không thể dồn mọi việc lên trên được. Dân ta ít học, không hiểu luật lệ nên sợ quan như sợ cọp. Nhà nước đã ban hành bộ hình luật từ năm Nhâm ngọ, từ thời tiên đế, thế mà tới nay đã gần ba mươi năm, người dân vẫn mù luật. Xin bệ hạ bắt các trường học đã dạy chữ, dạy kinh sách đều phải dạy luật pháp nước nhà. Và nếu không trái với Phật pháp thì bệ hạ nên khuyến cáo với giáo hội để các sư tăng giảng giải cho các tín đồ, đại lược theo pháp luật thì dân được phép làm điều gì và những điều gì nhà nước ngăn cấm. Như thế chỉ trong vài ba năm sau, người dân khắc biết cách tự bảo vệ mình và họ chỉ sợ khi làm trái pháp luật

thôi chứ không còn sợ quan nha nữa.

- Hay lắm! Ý của chú hai của Thường Kiệt quả là hay. Nếu không có dịp gần gũi nhau thế này mà cứ lễ nghĩa cách biệt thời sao ta nghe được những nhời tâm huyết của các người.

Lý Nhật Trung lại tiếp:

- Huynh trưởng đã cho nói, đệ xin nói nốt.

- Còn chuyện gì nữa, chú hai cứ nói, sao còn phải e dè ướm đặt.

- Dạ, đệ lại nói việc gần dân. Chắc huynh trưởng biết thái tổ nhà Lý ta xuất thân bần hàn từ nơi cửa Phật. Nên khi ở ngôi cửu ngũ, người sợ con cháu sau này ham hưởng lạc mà quên gốc nguồn, cho nên các con của ngài khi đến tuổi, ngài cho về ở tại các miền quê, gọi là di mở phủ. Tức là phải dựng nhà mà ở, cấy ruộng mà ăn, rồi cũng phải đóng thuế như người nông phu vậy. Vì lẽ đó mà phụ vương chúng ta đã gặp mẫu hậu chỉ là cô gái hái dâu, chăn tằm, cho vào cung, lập làm hoàng hậu. Cũng về quê cho nên phụ vương ta biết mọi việc từ cày ruộng đến kéo tơ, dệt lụa. Chính phụ vương đã dạy cho các cung nữ dệt lụa, dệt gấm. Gấm nhiều lại đẹp nên khuyến khích dùng hàng nội hóa, không dùng gấm nhà Tống nữa. Vì vậy ngành dệt của nước ta phát đạt tới ngày nay.

Sau này cũng chính phụ vương thương các con

phải trải sương gió trong khi đi mở phủ như phụ vương, nên đã cho xây cung Long Đức để hoàng thái tử ở. Cung đó lúc đầu như một ngôi nhà ở trong làng, xung quanh thuần là nhà cửa của các nông phu. Nhưng tới nay, vương huynh thử xem nó như thế nào. Nó cũng tòa ngang dãy dọc chẳng kém các cung điện ở trong hoàng thành. Tuy cách Long thành tới gần hai chục dặm, nằm giữa một vùng nông thôn trù phú, thế nhưng bây giờ cung Long Đức tựa như một hòn đảo giữa biển khơi. Bởi lẽ dân không muốn ở gần với người nhà vua nữa. Dân bỏ đi rồi. Nếu vương huynh cho việc xưa Thái tổ khởi tạo vẫn còn cần để giáo hóa cho các hoàng tử hoàng tôn, gần dân mà thấu hiểu lòng dân, có lợi cho việc trị nước thời phải cấp kỳ tu chính.

- Cám ơn vương đệ đã nhắc ta điều này. Chính ta cũng đã nhận ra điều đó. Nhất thiết khi hoàng thái tử đến tuổi mở phủ phải tuân theo chế độ từ thời Thái tổ.

Trăm tư giây lát, nhà vua lại tiếp:

- Vừa nãy hoàng đệ bảo dân vào nhà Uy Minh vương như vào nhà hàng xóm. Đó quả thực là đức lớn của quốc thúc.

- Đệ nghĩ, đó còn là hồng phúc do tổ phụ để lại mà con cháu tiếp nối được.

- Vì vậy anh em ta phải nuôi dưỡng nguồn phúc hạnh đó.

- Huynh trưởng nói chí phải. Nhưng ở cương vị quốc gia, huynh trưởng giữ ngôi chủ tể, do vậy mỗi việc huynh trưởng làm là phải dựa trên lợi ích của muôn nhà, của cả quốc gia dân tộc chứ đâu phải là việc riêng của hoàng gia, hoàng tộc nhà mình.

- Đúng thế, cho nên sinh thời tiên đế thường răn: “Ngôi chủ tể đến tay, tức là việc lớn của cả một nước được trao cho mình nắm giữ. Bởi vậy phải toàn tâm toàn ý lo cho sự hưng vong, sự trường tồn của cả quốc gia dân tộc”. Xem thế đủ biết người nắm giữ quyền tối thượng quốc gia có nhiều quyền uy lắm, nhưng không được quyền làm theo ý riêng của mình. Hoàng đế thử xem các việc ta làm có điều gì ra ngoài sự răn dạy của tiên đế.

- Đế thừa nhận vương huynh làm được nhiều việc. Vương huynh có lòng ái nhân thật là bao la. Nhưng nhân quá cũng tức là nhu quá đấy. Chẳng hạn vương ban chế độ dưỡng liêm. Nhưng chế độ ấy không đủ để người liêm khiết giữ được đức thanh liêm. Ví như chú Nhật Quang tức Uy Minh vương chứ chẳng phải nói đâu xa. Để giữ được cuộc sống thanh liêm, các con chú phải làm việc cật lực. Đế đã từng ở trong phủ đệ của quốc thúc tới nửa tuần trăng và thi thoảng vẫn qua lại. Các con của chú ngoài việc tự mình cày cấy còn phải đánh cá; săn, bẫy thú không thiếu việc gì không làm mà tư phụng cũng sơ sài lắm. Quốc thúc còn thế, các hàng

quan khác chắc chẳng hơn gì. Lại nữa việc xử phạt các quan không được nhận lộc dưỡng liêm quá nhẹ, không đủ để răn đe. Người nào không được nhận dưỡng liêm ắt phải có tội vết thê mà triều đình vẫn cứ làm ngơ. Việc dưỡng liêm và việc trừng trị kẻ bất liêm vương huynh nên tu chính cấp kỳ. Một nước mạnh hay yếu đều ở như bộ máy công quyền. Năng lực của quan lại đã yếu lại tham bần nữa thì từ thượng cổ tới nay chưa có nước nào như thế mà trở nên nước mạnh cả. Cứ xem gương nhà Tống là đủ biết.

- Thôi được, việc này có khi ta phải trông cậy vào vương đệ.

- Vương huynh nói sai rồi. Các việc trên là của khu mật viện, của phủ Thái sư chứ đệ lấy tư cách gì mà coi sóc được.

- Thì ta ban chiếu cho vương đệ đủ cả chức tước, quyền hành để làm các việc triều đình cần không được sao.

- Vương huynh đặc cách cho đệ quyền cao chức trọng không sợ các quan và người dân trong nước dị nghị sao.

- Nếu ta vì tình riêng mà đưa vương đệ vào nơi quyền thế để hưởng lộc và để dục khoét như loài sâu mọt, chắc không thể tránh được tiếng xấu, kể cả lịch sử sẽ coi ta như một kẻ vị kỷ mù lòa. Song nếu vương đệ

được cử vào nơi then máy, mỗi việc làm đều chứng tỏ tấm lòng vì dân vì nước thử hỏi còn ai dám trách ta, trách đệ.

Được vời sang thuyền ngự, Lý Thường Kiệt được nhà vua cho tham dự đàm đạo, kỳ thực là chứng kiến anh em nhà vua trò chuyện. Phái nói Phụng Càn vương Lý Nhật Trung là người trực tính. Cũng bởi bấy lâu nay vương từng nản lòng vì có tài mà không được dùng vào việc gì, tuy ở hàng tước vương. Ông vẫn thường nói vui với bè bạn: “Ta đúng là vương giả chính hiệu”. Mặc dù vương và các em đều là những người văn võ kiêm thông, nhưng vẫn bị xếp xó. Vì sao lại có chuyện vô lý này. Ấy cũng bởi từ sau “loạn tam vương” năm Canh tuất. Khi Thái tổ vừa băng thì các hoàng đệ liên kết với nhau làm loạn, định soán đoạt ngôi tôn với hoàng thái tử Lý Phật Mã. Sau khi đã dẹp yên quân nổi loạn lên ngôi hoàng đế, vua Lý Thái tông cấm ngặt các hoàng đệ không được lập phủ binh, không được trao các thực chức ở các cơ quan then máy. Luật lệ ấy vì vậy vẫn còn được duy trì tới ngày nay. Việc nhà vua cho Phụng Càn vương đi theo quân lữ, biết đâu chẳng là kế đề phòng họa biến trong khi nhà vua đi xa. Đôi khi Lý Thường Kiệt cảm thấy tiếc những người tài giỏi như các hoàng tử Lý Nhật Trung, Lý Hiển Minh hoặc các con của các hoàng thân Khai Quốc vương, Dực Thánh vương như Hoàng Chân, Chiêu Văn... chỉ hướng nhân giao du với

các bậc nho sĩ, đạo sĩ hoặc thiền sư bàn bạc đạo lý hoặc xướng họa thi văn. Lý Thường Kiệt tự hện sau cuộc chinh phạt Chiêm Thành trở về sẽ xin nhà vua dùng các vị ấy vào việc quân cho mạnh sức quân.

Nghe nhà vua nói có lý, Phụng Càn vương chấp tay vái:

- Thần can dõ lẫm lời xin vương thượng tha tội chết.

- Đệ không có tội sao phải lo chết. Tuy vậy đệ hơi lẫm lời thật. Coi chừng họa từ cái lưỡi.

- Vậy từ nay đệ không nói nữa để tránh tai vạ.

Bầu trời thâm lại, mặt trời đã bị biển lôi xuống nước từ phía dương chân trời. Cái quầng lửa đỏ rực ấy lúc đầu còn dập dứ nhưng từ khi chớm đặt cái vành tròn đỏ lên mặt nước liền bị biển lôi thụp xuống như một kẻ bị chết đuối vậy. Mặt biển xám rồi đen dần. Trong thuyền đèn được thấp sáng. Sắp vào bữa ăn cuối ngày. Vua tời ra ngoài sạp thuyền hít thở khí trời. Một đợt gió mạnh ào tới thổi phồng căng mấy lá buồm, thuyền lướt nhẹ như bay trên mặt nước. Mấy người lèo, lái đang chờ đợi thay phiên để đi ăn tối.

Vào bữa, nhà vua nói:

- Hôm nay trò chuyện cởi mở, ta rất hài lòng vì vỡ ra được nhiều điều. Ta đâu phải người cố chấp, có điều gì ẩn ức chú hai cứ nói, kéo anh em ở gần mà hóa cách

xa. Nào bây giờ còn có gì cần nói thì nói nốt trong bữa ăn rồi ta phải quay qua việc chiến trường.

- Đã gọi là tâm sự thì khi nào có hứng khởi tựa như làm thơ ấy, có phải lúc nào nàng thơ cũng đến mời gọi ta đâu. Nếu huynh trưởng cho nói nữa hãy cứ để từ từ, Lý Nhật Trung nói tay bê bát rượu nâng lên:

- Kính chúc hoàng thượng vạn an!

Lý Thường Kiệt cũng nâng bát và hô theo Lý Nhật Trung.

Thường Kiệt lại nói:

- Kính chúc hoàng thượng sớm ca khúc khải hoàn!

Nhà vua vui lắm. Vua tôi chúc chén, chuyện trò thật là cởi mở. Trong lúc cao hứng, Phụng Càn vương lại hỏi:

- Vương huynh ạ, có một điều mà nhiều vị đại thần thường tỏ ra không hài lòng, đệ cũng không giải đáp được mà chỉ buông một câu: “Đó là ý của bậc quân thượng, chúng ta là người thường sao biết được”.

- Chuyện gì đó chú hai nói thử ta nghe.

- Vì cứ gì mà từ Thái tổ nhà Lý tới nay, triều đại nào cũng đem công chúa là loại lá ngọc cành vàng gả cho đám thú linh người man.

- Chắc chú hai không bằng lòng ta gả công chúa Ngọc Kiều cho châu mục châu Chân Đẳng chứ gì.

- Đệ không cần biết cái người họ Lê ấy. Còn như Ngọc Kiều khi là con đệ, cháu chỉ là quận chúa. Một khi huynh trưởng đã nhận nuôi nó, thì nó là con của huynh trưởng, nó là công chúa. Huynh trưởng gả cho ai là quyền của huynh trưởng, đệ không dám can dự. Nhưng điều đệ cũng như nhiều người trong nước muốn biết, có phải triều đình sợ mấy đứa thủ lĩnh người man ấy không mà phải đem công chúa gả cho nó để lấy lòng.

Vua Thánh tông đặt bát rượu xuống cười lớn. Cười ngất tới hai ba lần vẫn chưa dừng được. Lát sau dứt tiếng cười nhà vua mới nói:

- Ta tưởng các quan không hiểu được đã đành, chớ đệ mà cũng không hiểu được ý tứ của tổ phụ là có làm sao. Ta biết các quan không đồng tình là có ý miệt thị người man, coi người man là hạ tiện. Thứ hỏi từ tổ phụ tới chúng ta đều là đệ tử Phật cả không. Đã là đệ tử Phật sao không hiểu lời Phật dạy: Trước thượng đế, muôn loài đều bình đẳng. Thậm chí Phật còn dạy: Các loài hễ đã tiến hóa tới cửu khiếu đều có thể tu Phật. Vậy thời người man với ta có gì khác nhau mà phân biệt đối đãi. Đã không phân biệt đối đãi sao còn phải băn khoăn là người Kinh hay người Man. Ấy là chưa kể tới một ý đồ to lớn rằng, triều đình dùng việc cố kết hôn nhân làm việc cố kết cộng đồng. Vậy thời người man sẽ trở thành phen đậu chốn biên thùý bảo vệ đất nước. Sao mọi người không thấy họ Giáp, họ Thân ở Lạng Châu đã làm

rạng danh không chỉ cho người man Nùng mà còn rạng danh cả Đại Việt, đến nhà Tống còn phải kính trọng, e dè. Công chúa Bình Dương với Thân Thiệu Thái, đôi vợ chồng ấy vừa võ nghệ siêu quần vừa mưu lược xuất chúng, thử hỏi họ thua kém ta ở chỗ nào. Lại như Nùng Trí Cao trong tay chỉ có vài ngàn quân ô hợp mà khuấy động cả Trung Nguyên. Họ là người man cả đấy.

Dừng lại giây lâu như là một sự cân nhắc, cuối cùng nhà vua cũng nói - Còn một ý tứ sâu xa nữa dương thời và cả hậu thế khó có thể với tới tâm nghĩ hiểu của tiền nhân. Ấy là người man họ ở đâu tức là đất đai thuộc về họ, họ theo về bên nào, đất đai bên đó tự khắc nở ra. Đó cũng là cách mở mang bờ cõi mà không hao tổn máu xương. Chính vì thế mà nhà Tống ra sức mua chuộc, dụ dỗ người man. Có phải vì họ yêu quý người man không? Một trăm lần không phải vậy, họ chỉ yêu đất của người man thôi. Vậy chớ vương đệ đã hiểu chưa.

Nghe tới đây cả Lý Nhật Trung và Lý Thường Kiệt đều sụp lạy Lý Thánh tông:

- Thánh thượng quả là bậc thánh trí, chúng thần có mắt cũng như đui.

XXIII

Sau ba ngày đêm rong ruổi trên biển cả, đoàn thuyền chiến đã cập bến Cửa Hội vào đầu giờ Hợi. Cả trăm chiến thuyền vào bến đậu êm ru, quân sĩ được ở yên trên thuyền ngủ tiếp qua đêm. Chiếc Kim Phụng ghé bến, nhà vua vừa bước ra khỏi khoang thuyền đã nhìn thấy ánh đèn, ánh đuốc sáng rực một dãy dài ven bến cảng. Những cánh rừng xanh um chạy lan tới mép nước, người đi lại thoăn thoắt như những chiếc bóng sẫm màu.

Uy Minh vương Lý Nhật Quang, Tán kỵ vũ úy Lý Thường Hiến, Tiên quân hiệu úy Lý Kế Nguyên... đều tề tựu bên chiếc cầu vừa bắc lên thuyền ngự để đón nhà vua.

Lý Thánh tông vừa bước tới mạn thuyền, tiếng hô đồng thanh lập tức vang lên:

- Thánh thượng vạn tuế!
- Thánh thượng vạn tuế!

Nhà vua tươi cười đỡ lấy bàn tay Uy Minh vương

- Quốc thúc vẫn mạnh giỏi chứ!

- Tạ ơn hoàng thượng, thần vẫn như ngày đã gặp hoàng thượng.

Uy Minh vương mời nhà vua vào tạm nghỉ trong dịch quán và ngỏ ý mời vua về ngự trong dinh phủ. Nhà vua từ chối, ngài muốn ở lại dịch quán để sớm mai còn điếm quân. Tuy nhiên nhà vua cũng hỏi qua mấy điều cần biết.

- Quốc thúc cho biết quân sĩ lưu đóng tại đây có được khỏe không, hằng ngày có tập luyện không, tinh thần quân sĩ có hăng hái lập công.

Uy Minh vương từ tốn đáp:

- Tàu bệ hạ, những ngày mới vào do giao mùa, lác đác có ít người bị cảm. Sau đó quen dần. Và lại thổ ngơi ở đây với Thăng Long cũng không có gì khác biệt lắm. Dạ quân vẫn tập đánh thủy, đánh bộ riết róng lắm. Mấy ngày gần đây cho quân nghỉ tập để dưỡng sức. Tàu bệ hạ, sức quân lên lắm, ai cũng mong vào trận lập được công đầu dâng hoàng thượng.

- Tàu, về phần lương thảo đã đưa hết xuống thuyền từ hai hôm nay, nước ngọt cũng tích chứa đầy đủ chỉ chờ bệ hạ tới là khởi hành.

Vua úy lạo quốc thúc và hết lời khen hai tướng Lý Thường Hiến, Lý Kế Nguyên:

- Mọi việc quốc thúc và các tướng đã làm khiến ta hài lòng. Đêm đã khuya, các tướng về nghỉ để giữ sức, ngày mai điểm quân, nếu quân từ Thăng Long vào vẫn mạnh khỏe thì cho nghỉ lại một ngày. Ngày giờ xuất quân ta sẽ quyết sau buổi hội quân.

Hôm sau vua đi thăm các trại quân trên bộ. Trại đóng trong rừng, hàng vạn quân mà không để lộ hình tích. Đường sá đi lại vẫn giữ nguyên các lối mòn, không xéo nát cỏ trên đường, không phát quang cây cối nơi đóng quân, không có mùi xú uế bốc lên quanh khu vực quân đồn trú. Lại cũng không nghe thấy tiếng ồn ào huyền não do đông người thường phát ra. Ém quân như thế, kẻ đã là tướng giỏi. Vua đến từng quân doanh úy lạo hỏi han sức khỏe và thăm những người lính bị ốm. Hơn ba vạn quân đã vào Nghệ An từ hơn một tháng, tới nay không có người nào ốm nặng phải quay về, chỉ có hơn chục người lính bị cảm gió. Tất cả đều đã đánh cảm, đã xông nước lá và uống thuốc, nghỉ ngơi một hai ngày là bình phục. Vua rất hài lòng về việc nuôi quân. Vua cũng hỏi han những thầy thuốc xem đã dự trữ đủ số thuốc dùng trong quân chưa. Lại nhắc: “Chiêm Thành là xứ nóng, mùa viêm nhiệt sắp tới các bệnh thường mắc hàng loạt là tả, lỵ, thương hàn, nếu không phòng được quân sẽ mất sức chiến đấu”.

Vua truyền cho quân dưới thuyền lên bộ nghỉ ngơi, mỗi thuyền để lại một số quân vừa đủ đề phòng sự biến

bất thường.

Kiểm xét mọi mặt thấy không có điều gì sơ khoáng, vua cho triệu các tướng về hội tại dịch quán.

Mọi người tề tựu đầy đủ, vua hỏi:

- Nguyên soái có tin tức gì mới từ Trà Bàn không?

Lý Thường Kiệt vòng tay thưa:

- Tâu bệ hạ người của ta thường báo tin về cho trạm Nghệ An, tới nay Chiêm Thành vẫn chưa hay tin quân ta sắp chinh phạt, trái lại họ đang chuẩn bị đánh ta vào mùa gió nam này.

- Các khanh cho ta biết hiện nay quân Chiêm Thành tập trung chủ yếu ở đâu.

Lý Kế Nguyên xin nói:

- Tâu bệ hạ, quân Chiêm Thành đồn đóng chủ yếu tại kinh đô Trà Bàn.

- Vậy chớ theo như cách bố phòng quân cơ của họ như thủy binh, bộ binh, tượng binh theo sơ đồ các khanh tâu báo cách đây mấy tháng có gì thay đổi không.

- Tâu bệ hạ, cho tới cách đây nửa tuần trăng thì mọi sự vẫn y nguyên. Vả lại người Chiêm họ ít khi thay đổi những cái mà họ cho là đúng, là tốt.

- Ta chưa vào Chiêm lần nào nên chỉ thuộc hải trình trên bản đồ. Các khanh hãy treo bản đồ lên ta hỏi

đôi điều.

Lý Thường Hiến bèn mặc tấm bản đồ nước Chiêm Thành lên tường rồi đứng sang một bên chờ vua hỏi.

Lý Thánh tông cầm lấy chiếc que chỉ vào Cửa Hội lại chỉ vào cửa Nam Giới hỏi:

- Nếu quân ta khởi từ đây vào cửa Nam Giới mà đi theo đường sông thì hết bao lâu.

- Tâu, nếu cứ gió như mấy ngày vừa qua mà thuyền nhẹ thì từ đây vào cửa Nam Giới mất đúng một ngày đêm. Nhưng nay ta đi tới mấy trăm chiến thuyền lại chở nặng mà lòng sông thì hẹp, nếu thuận cũng phải mất hai ngày, nhưng gió thổi yếu vì đi trong sông bị núi non che khuất chứ không như thuyền đi ngoài biển lớn, thần nghĩ có khi phải mất tới ba ngày.

Nhà vua nhìn kỹ cửa Nam Giới rồi hỏi:

- Ta thấy cửa Nam Giới có một vị thế tối quan trọng. Nếu ta vào Chiêm xuất phát từ cửa này là thuận nhất, bởi nó có một hệ thống núi non bao bọc, thoát dã lên bờ, ở đó ta lại có dân cư, có quân trên bộ yểm trợ. Nhưng cũng thoát một cái dã sang đất Chiêm. Qua Nam Giới¹ là ta vào ngay vùng biển Chiêm Thành rồi

¹ Cửa Nam Giới tức cửa Sốt ngày nay nằm về phía nam núi Hồng Lĩnh huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh, xưa là phần biển cuối cùng của Đại Việt.

tới cửa Di Luân¹, cửa Bố Chánh², cửa Nhật Lệ. Trong ba cửa tiền đồn này của người Chiêm thì cửa nào có quân đồn trú đông nhất, cửa nào quan yếu nhất, từ cửa Nam Giới tới các cửa đó của Chiêm Thành hải trình mất mấy ngày.

Đại tướng tiên phong Lý Thường Kiệt bèn nói:

- Tàu bệ hạ, cửa Nam Giới không chỉ trọng yếu đối với ta mà còn với cả Chiêm Thành. Quân Chiêm xâm nhập vùng Nghệ An thường qua cửa Nam Giới. Vượt qua cửa này là họ đi thẳng vào đất liền của ta. Và phía sau là cả một hậu phương bao la của họ. Nếu ta chặn được họ từ cửa Nam Giới này coi như việc quấy phá xứ Nghệ An sẽ bớt hẳn. Tàu, họ cũng có thể đi vòng ngoài biển để xâm nhập Cửa Hội. Nếu vào Cửa Hội phải có lực lượng lớn và không thể đánh chớp nhoáng mang tính quấy rối được. Tàu bệ hạ, cửa Di Luân, cửa Bố Chánh nhỏ mọn nước nông, thuyền lớn không vào được, người Chiêm chỉ đồn đóng ít quân bộ chứ không đặt trạm thủy binh. Tuy nhiên, cửa Nhật Lệ mới là tiền đồn trọng yếu của quân Chiêm, tại đây thường xuyên có một đội thuyền chiến túc trực. Ta đi từ cửa Nam Giới đến cửa Nhật Lệ cũng mất đúng ba ngày.

Vua lại trở vào bản đồ hỏi:

1 Cửa Di Luân nay là Cửa Ròn.

2 Cửa Bố Chánh nay là Cửa Giang.

- Vậy từ Nhật Lệ vào Tư Dung mất mấy ngày, lại từ cửa Tư Dung vào cửa Thị Nại mất bao lâu?

Lý Thường Kiệt đáp:

- Tâu, từ cửa Nhật Lệ vào cửa Tư Dung đi mất ba ngày. Từ cửa Tư Dung vào tới cửa Thị Nại nơi có kinh đô của nước Chiêm Thành phải đi tới bảy ngày. Dạ, giữa Tư Dung và Thị Nại còn một cửa nữa nằm ở quãng này. Cửa này gọi là cửa Châu Ổ, từ Tư Dung vào đây đường đi mất bốn ngày, và từ Châu Ổ vào Thị Nại đi mất ba ngày nữa, nhưng người Chiêm lại không coi trọng lắm, nên lực lượng đồn đóng ở đây rất sơ sài. Tâu, gần như toàn bộ lực lượng quân thủy quân bộ của Chiêm Thành đều đồn đóng tại thành Đồ Bàn và vùng lân cận. Tâu bệ hạ, hải trình thân nói đây là khi gió vẫn thổi ở mức độ như ta vừa từ Thăng Long vào, còn nếu như gió yếu hoặc có những cơn lốc bất thường, và nữa lại có sự cản trở của quân Chiêm thì chưa thể nói trước được.

Quan sát bản đồ hình thể nước Chiêm Thành xem ngắm các cửa biển của người Chiêm, cân nhắc so sánh, đột nhiên nhà vua nói:

- Theo ta, quân thủy của người Chiêm phần lớn tập trung tại cửa Thị Nại, sao ta không đem quân chiếm lấy cửa Châu Ổ rồi từ đó đánh sang Thị Nại có hơn không. Các tướng thử nói kế ấy liệu có nên dùng.

Các tướng người khen nhà vua cao kiến. Người nói

nên, người nói không nên. Cuối cùng Thường Kiệt nói:

- Tâu bệ hạ, việc binh quý ở thần tốc. Ta phải mau chóng kéo đại quân vào Thị Nại để áp đảo kinh thành Phật Thệ¹ khiến kẻ kia trở tay không kịp. Nếu như ta đánh vào Châu Ổ tất quân kia sẽ từ cửa Thị Nại trở ra đánh ta ở mặt trước còn mặt sau quân Châu Ổ tuy ít nhưng vì có trợ lực nên chúng sẽ tập hậu quân ta ở mặt sau. Nhược bằng, đại binh ta kéo thẳng qua Châu Ổ, thời số quân ít ỏi bị uy hiếp tinh thần, chúng sẽ không dám kháng cự hoặc hoảng sợ mà bỏ chạy. Một khi đại quân ta tiến thẳng vào Thị Nại, quân thủy của ta sẽ nhanh chóng khai triển thế bao vây Phật Thệ, thế giặc sẽ trở nên chung chiêng.

Nghe thiếu úy đại tướng tiên phong tâu báo, nhà vua suy ngẫm một lát rồi phán:

- Thường Kiệt nói có lý, kế ấy có thể dùng được.

Đoạn nhà vua chỉ vào cửa Thị Nại hỏi:

- Từ đây vào Phật Thệ bao xa. Đầm lớn này tâu thuyền cỡ nào có thể vào được. Có còn sông ngòi nào làm thành luỹ che chắn cho thành Phật Thệ nữa không. Kinh đô của họ địa thế ra sao, khanh nói rõ ta nghe. Ấy là ta muốn hỏi, ngoài những ghi chép của các tướng lĩnh

¹ Phật Thệ còn có tên là Trà Bàn, kinh đô của nước Champa, nay là Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

để lại từ cuộc thảo phạt Chiêm Thành năm Giáp thân¹ của tiên đế tới nay, Phật Thệ đã có những thay đổi gì đáng kể về mặt địa thế và phòng thủ.

- Tàu bệ hạ, những gì quân ta ghi chép được tại kinh đô Trà Bàn từ năm Giáp thân tới nay vẫn còn dùng được. Người của ta vào Trà Bàn dò la có bổ xung các phần chi tiết như kinh thành đóng trên một miền đồng bằng rộng lớn, mỗi chiều chừng năm chục dặm. Ba mặt bắc, tây, nam đều có núi cao che chắn. Chỉ có phía đông là tiếp giáp với vụng biển có cửa Thị Nại án ngữ, cửa hẹp nhưng môn nước rất sâu, muốn vào thành Phật Thệ phải qua cửa này rồi lại phải vượt một nhánh sông nữa. Sông này nước nông, thuyền chiến không vào được mà người Chiêm lại dùng nó như một ải lũy bảo vệ kinh thành.

Nhìn ngắm bản đồ trong giấy lát, nhà vua bèn phán:

- Vậy thời đại quân của ta vào thẳng cửa Thị Nại sẽ phải kịch chiến với hải binh của Chiêm. Đây là cửa ải sinh tử của thành Trà Bàn, đại binh của Chiêm ắt phải chốt giữ tại đó.

Mục tiêu của ta là đánh chiếm Trà Bàn, bắt sống vua Chiêm nên buộc ta phải đánh thẳng thủy binh Chiêm Thành ngay tại cửa Thị Nại này. Sau đó quân

¹ Giáp thân: 1044 Lý Thánh tông dẫn đầu cuộc thảo phạt Chiêm Thành giết được vua nước ấy là Sa Đầu, phá nát kinh thành Phật Thệ rồi rút quân về.

bộ cửa ta tỏa về hai phía để vào thành Phật Thệ. Nếu ta đã đánh tan quân thủy của họ mà vượt được sông vào thành, còn lại chỉ có tượng binh của họ là đáng kể. Ta nghe nói tượng binh của họ khá hùng hậu, tới ba bốn trăm thớt voi không thể coi thường. Quân lính của ta nhiều người còn chưa nhìn thấy con voi. Vậy mà cùng một lúc cả đàn hàng mấy trăm con voi hung hãn xông thẳng vào quân ta, trong khi đó quân Chiêm từ trên mình voi vãi tên độc và hóa hổ vào quân ta, thật khó tránh khỏi cảnh hoảng sợ mà bỏ chạy, lúc đó quân Chiêm sẽ thúc voi lồng lên giẫm chết một đối phương đang rối loạn tháo chạy. Các khanh nên nghĩ kế phá đội tượng binh này; nếu không, quân ta khó mà đoạt được thành Phật Thệ.

- Chúng thần xin tuân chỉ, Lý Thường Kiệt đáp lời Lý Thánh tông liền phán:

- Các tướng phải sớm trình ta kế mưu phá đội tượng binh Chiêm Thành. Ngày mai cho quân nghỉ ngơi chơi bồi, tắm giặt đêm mai giờ tí khởi hành.

- Tuân chỉ! Các tướng đồng thanh nói rồi ai về thuyền nấy.

Đúng như dự báo của Lý Thường Hiến, qua ba ngày quân mới tới hết cửa Nam Giới. Tại đây, vua lại cho quân nghỉ thêm một ngày nữa, ngài ân cần dụ báo binh sĩ trước khi tiến vào đất địch.

Đại quân ta từ cửa Nam Giới vào cửa Di Luân mất đúng một ngày, không gặp sự kháng cự nào của quân Chiêm, quân ta thẳng tiến vào cửa Bố Chánh cũng mất một ngày, người Chiêm vẫn im lặng không kháng cự, quân ta thẳng tiến vào cửa Nhật Lệ, gần tới Nhật Lệ thì tiền quân ta gặp hải binh Chiêm Thành cho một đội khinh thuyền ra khiêu chiến.

Lý Thành tông sai tướng đại liêu ban Hoàng Kiện đem ba hải đội vọt lên nghênh địch. Quân ta tỏa về hai cánh tả hữu thành thế bao vây thuyền giặc. Chừng nửa canh giờ thuyền ta đã thít chặt vòng vây cánh quân Chiêm Thành. Hai bên còn cách nhau chừng vài dặm biển. Quân ta khép dần vòng vây hẹp hơn, quân Chiêm vẫn chưa khai hỏa. Bỗng vang lên chói gắt những tiếng kèn Saranai nghe như cả ngàn chiếc kèn cùng tấu lên một khúc nhạc khiến mặt biển xôn xao. Gió nâng tiếng kèn quét rê trên mặt sóng rồi ném thẳng vào quân ta những sóng âm sắc nhọn tựa như trăm ngàn mũi kim cùng lúc quần lấy da thịt mọi người. Quân ta lập tức nổi trống dường như có cả ngàn chiếc trống cùng lúc tấu lên, sóng âm lan xa tựa như tiếng sấm rền át hẳn tiếng kèn.

Bên kèn, bên trống đấu âm thanh, thuyền tẩu cờ xí rợp trời, bên ta cờ nền vàng giữa thêu hai chữ Đại Việt đỏ thắm, bên địch sắc cờ nền trắng, hai chữ tên nước Champa uốn lượn màu đen.

Đại liêu ban Hoàng Kiện vừa cho nổ ba phát pháo hiệu cũng tức là tướng quân phát lệnh tiến công.

Lệnh vừa ban, các tàu thuyền của quân ta nhất tề lao thẳng vào thuyền địch. Thuyền địch co cụm lại với nhau từng tốp năm bảy thuyền một tạo thành thế liên hoàn che chắn cho nhau.

Bỗng một tiếng nổ thât kinh như tiếng sét đánh giữa bầu trời quang đãng. Trời trong xanh, lơ đãng soi bóng xuống mặt biển, thẳng một vài gợn mây trắng lãng đãng trôi. Âm vang tiếng nổ chưa dứt thì từ hai phía cửa sông hai đoàn thuyền chiến treo cờ Champa lao về hai phía tạo thành vòng cung khép chặt lấy đoàn thuyền Đại Việt khiến quân Đại Việt nằm giữa hai vòng vây của hải binh Champa. Trong khi đó đại quân của Đại Việt ở phía sau được lệnh dừng lại để phòng bất trắc.

Lúc này hải binh Champa trong đánh ra, ngoài đánh vào kẹp quân Đại Việt nằm giữa. Hai bên hỗn chiến, quân Đại Việt đông, thuyền cụm lại thành từng mảng lớn. Quân Champa thiện chiến nhưng vì thuyền nhỏ, quân ít không dễ đánh chiếm được thuyền của Đại Việt. Thế trận giằng co mỗi lúc một cam go. Quân Đại Việt tuy đông nhưng thuyền tàu lớn công kênh cũng không dễ bề săn đuổi hoặc nhảy sang thuyền Champa mà đánh sập lá cà. Quân Đại Việt liền dùng nổ cứng liên châu bắn như vãi tên vào các chiến thuyền của

Champa, chỉ chờ quân Champa xông vào là các chiến binh của ta sẽ ném thòng lọng sang bắt sống quân họ hoặc ném lao sát thương. Việc đó cũng không dễ, bởi hải binh Champa rất quen thạo việc đánh nhau trên biển như trên bộ nên không mắc mưu quân Đại Việt; họ cho một số thuyền nhỏ dấp dứ gần tầm quăng thòng lọng của quân Đại Việt. Và để chống lại mưa tên của quân Đại Việt, bốn mặt thuyền của họ đều có những lá đồng chắn tên nhẵn bóng, nhưng trên mỗi lá đồng đều có đục lỗ để quan sát. Bởi vậy thuyền của hải binh Champa cứ len lách trước mũi thuyền Đại Việt như đi vào chỗ không người, như là một sự thách đấu ngang tàng trước cả trăm chiến thuyền lớn như chiến hạm của quân Đại Việt.

Tự nhiên một nhịp kèn thét vang át cả tiếng trống của quân Đại Việt, các chiến thuyền Champa tán nhanh ra khỏi khu vực chiến thuyền Đại Việt.

Thấy hiện tượng lạ đại liêu ban Hoàng Kiện lập tức ra lệnh cho quân ta đề phòng địch bắn tên lửa đốt thuyền ta. Đúng lúc đó, các thuyền địch nhất tề bắn hỏa tiễn về phía thuyền ta. Những mũi tên lửa bay vun vút trên mặt biển như một trời sao sa ập về phía các chiến thuyền Đại Việt. Quân ta giơ lá chắn đồng làm hàng rào che tên lửa khiến chúng rơi xuống nước lá tả rồi tắt ngấm, loáng thoáng có một vài mũi tên trúng sập thuyền, liền bị những hải binh Đại Việt dùng khăn vải

ướt chụp lấy rồi ném ngay xuống biển.

Trời ngả về chiều, cuộc chiến đang bất phân thắng bại thì Phụng Càn vương Lý Nhật Trung xin lĩnh một hải đoàn đi tiếp chiến. Nhà vua ưng thuận.

Phụng Càn vương dẫn đầu bảy mươi hai chiến thuyền nhỏ, sức di chuyển cao, lao như bay trên mặt nước, thuyền nào cũng cắm một lá cờ dò đuôi neho với hai chữ Đại Việt. Ba quân khí thế hùng dũng quyết lập công đầu dâng lên hoàng thượng. Một loáng đoàn thuyền đã tản ra thành thế bao vây khóa chặt hải binh Champa.

Bên ta thuyền lớn, quân đông bẻ gãy mọi mưu mô tinh quái của người Chiêm như tập kích, đột kích, bắn hóa tiễn... phía sau quân ta vẫn đang ùn ùn tiến tới khiến hàng ngũ quân địch trở nên rối loạn.

Tướng tiên phong của hải binh Champa là Rami bị vây chặt trong trùng điệp tàu thuyền của quân Đại Việt, đã dùng nhiều kế để thoát thân nhưng vẫn không phá nổi vòng vây. Lực lượng của ông ta về người cũng như tàu thuyền sau mấy giờ giao tranh vừa bị đánh chìm vừa bị bắt sống gần như quá nửa. Rami ngửa mặt lên trời than: “Chính thần Shira đã hại ta, hại quốc vương ta”. Nói xong, ông sai binh lính kéo cờ trắng, hạ cờ Champa.

Quân trong vòng vây kéo cờ trắng. Quân ngoài

vòng vây hoang mang, đội hình trở nên rối loạn. Thừa cơ quân Đại Việt đánh càng hăng, tới lúc này quân Chiêm không còn đủ tinh thần kháng cự nữa, họ nhất loạt xin hàng.

Vậy là sau gần một ngày giao tranh, quân ta bị chết gần một đô quân, ba chiến thuyền bị bắn cháy, trong khi đó quân Chiêm bị chết hơn hai đô, mười ba chiến thuyền bị chìm vỡ, toàn bộ số hải binh Champa tham chiến tại cửa Nhật Lệ ngoài số tử thương, các binh sĩ còn lại đều bị bắt làm tù binh trong đó có tướng tiên phong Rami.

Đại quân của Đại Việt sau khi đánh tan hải đoàn tiên tiêu phía bắc của Champa đã tiến vào chiếm giữ cửa Nhật Lệ, quân bộ của Chiêm Thành dồn đóng tại đây rất sơ sài nên đã trốn chạy. Quân Đại Việt lên bờ chôn cất các tử sĩ, chữa trị cho các chiến binh bị thương, lấy thêm lương thực, nước ngọt tích chứa vào các tàu thuyền vừa chiếm được của hải binh Champa. Nhà vua dụ các tướng cho binh sĩ nghỉ lại hai ngày để lấy sức vào trận mới.

Vua lại cho tuyên triệu các tướng vào trướng hồ bàn việc. Các tướng tề tựu đông đủ vua liền phán báo:

- Trận ra quân đầu tiên này ta toàn thắng. Số thương vong của ta là rất ít so với tổn thất của quân địch. Tuy vậy cũng là tổn thất không phải nhỏ. Dẫn quân đi,

đề mất dù chỉ là một sinh mạng, lòng ta cũng áy náy hưởng chi mấy chục mạng con người. Vậy các tướng truyền cho ba quân biết, triều đình sẽ tri ân các chiến sĩ đã bỏ mình vì nước, nếu ai còn cha mẹ già yếu sẽ được nuôi dưỡng trọn đời, con nhỏ thơ dại sẽ nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Những chiến binh bị thương tật sẽ được cấp dưỡng tùy mức độ nặng nhẹ để giảm bớt khó khăn trong cuộc sống. Ta cũng lưu ý các tướng trong khi đối trận, hai bên tranh chiến, bắt buộc phải chém giết nhau để tranh phần thắng. Đó là điều bất khả kháng. Nhưng khi đối phương đã hàng hoặc ta đã giành được phần thắng tuyệt nhiên không được lạm sát nữa, nhất là đối với những binh sĩ đối phương bị thương phải nằm lại chiến trường và những người dân tay không có vũ khí, nếu không giúp đỡ được họ thì cũng không được phép đụng đến sự an toàn tính mạng của họ. Các tướng nên răn dạy binh sĩ rằng luật nhân quả không trừ một ai. Nếu nay ta giết họ thời mai sẽ đến lượt họ giết ta, hoặc con cháu ta phải thương mạng đó.

Nghe nhà vua nói, các tướng đều động lòng trắc ẩn và tự nghĩ: Tháo nào, hôm qua đứng trước một dãy dài hơn bảy chục ngôi mả mới, gương mặt nhà vua ủ ê bởi tâm tư trĩu nặng. Thật khó phân biệt con người Lý Thánh tông vừa là bậc quân chủ của một nước, vừa là vị tướng, vị chúa tể tối cao của đoàn quân viễn chinh lại vừa là vị Bồ tát.

Giây lâu nhà vua lại hỏi:

- Các tướng đã lấy được thêm tin tức gì từ viên bại tướng Rami chưa?

Lý Thường Kiệt xin nói:

- Tàu hoàng thượng theo Rami khai báo thì y là đô đốc phó tổng quản lực lượng hải binh Champa. Y chỉ huy hai ngàn quân tinh nhuệ đặc trấn các vùng biển phía bắc từ cửa Tư Dung đến cửa Ròn. Tàu bè hạ, nếu số quân Chiêm bị quân ta giết và bắt sống thì lời khai của tướng Rami là thành thật. Y cũng cho biết trước đây Chiêm Thành hoàn toàn không được biết có sự động binh ở Thăng Long, chỉ từ khi quân ta vào tới cửa Nam Giới thì hải binh Chiêm Thành đang chốt tại cửa Tư Dung mới hay tin. Vì vậy người Chiêm Thành bèn chuyển toàn bộ số quân thủy trọng trấn từ phía bắc đèo Hải Vân trở lại đồn đóng tại cửa Nhật Lệ nhằm chặn quân Đại Việt từ xa.

Tàu hoàng thượng, đây là đội quân thiện chiến nhất trong hải binh Champa. Họ đã từng làm mưa làm gió trên vùng biển giao thương của các nước và đã từng bắt giữ nhiều thương thuyền của các nước Tây dương¹

¹ Tây dương: chỉ các nước phương Tây. Về hải quân Chiêm Thành họ nổi tiếng thiên chiến từ thế kỷ thứ 9 thứ 10. Châu Âu gọi họ là Pirate de mer (cướp biển).

như Hà Lan¹, Y- Pha- Nho², Bồ- đào- nha³... bắt các nước này phải nộp nhiều tiền chuộc.

- Đó đều là những nước có đội hải binh hùng mạnh, cố sao họ lại chịu lép vế với người Chiêm? Thế nhưng tại sao hải binh Champa lại chịu thua hải binh Đại Việt một cách nhanh chóng như vậy? Có phải hải binh Đại Việt quá mạnh? Nhà vua hỏi lại các tướng với niềm kiêu hãnh.

Đại liêu ban Hoàng Kiện xin nói:

- Tâu bệ hạ, hải binh Champa dưới sự chỉ huy của đô đốc phó đô tổng quản hải binh Rami là một tướng tài kiệt xuất của người Champa, ông ta chưa một lần thua trận. Với ông ta, mặt biển như mặt ao làng và dưới con mắt của ông ta, hải binh các nước trong vùng chẳng khác nào một lũ vịt con mới xuống nước. Bệ hạ hỏi tại sao hải đoàn của Rami lại chịu thua quân Đại Việt một cách nhanh chóng.

Tâu bệ hạ, ông ta cùng hải đoàn của mình phải đầu hàng quân Đại Việt có nhiều nhẽ lắm. Nhẽ thứ nhất là Đại Việt tiến quân vào hải phận Champa một cách bất ngờ. Ông ta chỉ biết có quân Đại Việt tràn sang nhưng lại không biết tổng lực lượng của quân ta là bao

1 Hollande: nước Hà Lan.

2 Espagne nước Tây- ban- nha (cũ phiên là Y- pha- nho).

3 Portugal nước Bồ- đào- nha.

nhieu người. Vì vậy ông ta vừa cho quân đánh trả vừa thăm dò. Khi ông ta đã tung hết lực lượng của mình vào trận, đều bị lọt thỏm giữa trùng vây của quân ta khiến hải đoàn của Rami hoang mang không còn sức chiến đấu nữa, buộc ông ta phải đầu hàng. Tàu bệ hạ, nhẽ thứ hai là người Chiêm Thành có thói quen đánh trận như đánh bạc, nếu thua là cháy túi. Cho nên đánh nhau với người Chiêm, nếu gặp một đối phương kiên cường thắng không kiêu, bại không nản nhất định họ sẽ là người bỏ cuộc sớm, hoặc kết cục thảm bại.

Tàu bệ hạ, theo cách nuôi quân và dạy quân của bệ hạ, binh sĩ Đại Việt có được đức tính kiên cường và nhẫn nại. Vì vậy quân ta chiến thắng cũng là nhẽ đương nhiên.

Nghe các tướng tàu báo, nhà vua tỏ ra hài lòng, ngài nói tiếp:

- Mới dụng độ sơ sơ ta đã thu được chiến thắng lớn để làm vốn tiền sâu vào đất địch. Chiến thắng này có được, công lao thuộc về các tướng và tất cả binh sĩ. Ngay cả những binh sĩ chưa được tham chiến mà chỉ thanh viện thôi cũng có công cả đấy. Bởi chính thanh thế đó làm quân địch thêm hoảng loạn. Nhưng công đầu trong trận này ta ghi nhận cho đại liêu ban tướng Hoàng Kiện và Phụng Càn vương Lý Nhật Trung, ta mong chư tướng cùng toàn thể sĩ tốt gắng lập công trong cuộc

chiến còn đang ở phía trước, mà sự cam go ta tin là sẽ khốc liệt hơn nhiều. Nhân đây ta nhắc các tướng về việc đối đãi với tù binh địch. Những người lính địch đã bị thương dù nặng, nhẹ mà ta bắt được đều phải chữa trị như binh sĩ của ta. Khi ta rút đi, nghiêm cấm việc sát hại hoặc hành hạ họ. Ta tha họ với tinh thần tôn trọng và nếu lương thực, thuốc men của ta không ở vào tình trạng cấp bách thì phải để lại cho họ đủ dùng ít nhất từ ba đến năm ngày, tới khi người dân của họ trở về họ sẽ tự cứu nhau.

Ngừng lời nhìn mọi người, một lát nhà vua lại nói:

- Với các tù binh bị bắt, phải đối xử tử tế, cho họ ăn uống no đủ, không được đánh đập, hành hạ hoặc nhục mạ họ. Nhưng phải chia nhỏ họ ra cho mỗi đô quản vài ba tên để sai bảo các việc nặng. Trước hết phải dò hỏi những người lính xem có kẻ chỉ huy nào cải trang làm lính. Đề phòng chúng có thể gây hỏa hoạn cho các trại quân khi ta đóng trên bộ. Nhất là khu vực các thuyền lương thảo của ta, tuyệt nhiên không được cho bất cứ một tên tù binh nào lai vãng tới. Các tù binh này là lực lượng tinh túy của người Chiêm, sẽ đưa tất cả về Đại Việt, ta khắc có kế sách dùng họ. Các tướng hãy nhớ nhờ ta - nhà Tống trước sau sẽ xâm lược nước ta, họ không thể để cho ta được yên trị. Vạn bất đắc dĩ ta phải đánh Chiêm Thành, chính là để chống lại các mưu

toan hợp tung của nhà Tống đó.

Nhìn các tướng với vẻ hài lòng, vua dụ:

- Các khanh về cho quân làm ngay các việc ta vừa nói. Chờ lấy xong cung của các tướng Chiêm, đêm nay ta sẽ bàn kế đánh cửa Thị Nại, đánh thành Phật Thệ.

XXIV

Được nhà vua trao quyền lưu thủ kinh sư có nghĩa là phải thay mặt ngài trị vì đất nước, điều đó cũng có nghĩa rằng nhất thời ta làm vua của cả nước. Từ sau bữa nhà vua xuất chinh thân phi Ý Lan thực sự bàng hoàng về những gì mới năm, sáu năm trước đây Lê Thị Khiết một cô gái hái dâu mồ côi nơi hương Thổ Lỗi đến trong mơ cũng không dám nghĩ tới, vậy mà bây giờ quyền cao nhất nước. Đành rằng chỉ trong thời gian nhà vua rong ruổi viễn chinh. Loay hoay Ý Lan chưa biết bắt đầu công việc từ đâu. Nhà vua đã căn dặn nhiều lần: “Mọi việc đã có Thái sư lo liệu. Muốn làm việc gì Thân phi nên hỏi Thái sư”. Vậy tại sao ta phải hỏi ông ấy. Nhẽ ra nhà vua đi xa quyền bính đã trao lại cho ta, ông ấy làm việc gì phải hỏi ta mới đúng chứ. Nghĩ đi thì thế chớ nghĩ lại Ý Lan cũng thấy gờn gợn. Nàng tự nhủ: thực ra ta cũng không biết công việc phải bắt đầu từ đâu và làm những việc gì mới được chứ. Sau nàng

lại nghĩ: Việc nước bất quá cũng như việc làng chứ có gì khác đâu. Nước chẳng qua là cái làng cực lớn. Còn làng là một nước thu lại thật nhỏ. Rồi nàng nhẩm tính xem ở cái làng Thổ Lỗi hàng năm người ta làm những việc gì.

Ý Lan nhớ lại những ngày thơ ấu với những đêm hội làng. Chẳng riêng gì Thổ Lỗi mở hội làng, mà từ sau tết Nguyên đán làng quê nào cũng mở hội. Như vùng Kinh Bắc này hội mở suốt ba tháng mùa xuân. Mở đầu là hội pháo làng Đông Kỵ vào ngày mùng bốn tháng giêng, kết thúc mùa hội là hội Gióng làng Phù Đổng thờ Phù Đổng Thiên Vương vào ngày mười tháng tư. Đúng là bây giờ đang độ cuối xuân, hội hè đã vãn dần. Ta không thể khởi đầu công việc của một nước bằng đạo dụ bắt dân phải mở hội, bởi việc đó chẳng cần triều đình ra thánh chỉ, dân cũng tự làm.

Thế còn mùa hè? Mùa hè khi vụ chiêm, rơm đã lên đống, thóc đã vào bồ thì các chức dịch thu thuế. Nay lúa mới đang thì con gái, còn phải nhổ cỏ, bón phân, tát nước cho lúa trưởng thành. Còn những hai tháng nữa mới đến mùa vụ, sao đã nói đến chuyện thu tô, thu thuế được.

Suy nghĩ giây lâu, Ý Lan tự nhủ: Ta mới tạm quyền, ắt phải làm một việc gì đó để thu phục lòng người. Ví như Thái tổ khi được nước từ nhà Lê đã ngay lập tức xá thuế, tha tô cho toàn dân ba năm liền. Tuy vậy, ta

không lấy tư cách gì mà tha tô thuế cho dân được. Chắc hẳn ta phải làm một việc gì đấy để gây dấu ấn trong lúc này chứ không thể ở đưng, không thể bỏ qua cơ hội có một không hai này. Ta chắc, nhân việc nhà vua trao quyền binh cho ta, thái hậu Thượng Dương căm ghét ta lắm, hẳn là sẽ lập mưu hại ta. Vây cánh của bà đầy triều, còn ta vẫn thân cô, thế cô; ngoài hoàng thượng ra ta chẳng còn biết tựa vào ai.

Lại nữa, ta nghe đôi lần tên đô thái giám Đổ Khánh Thập nói bóng nói gió rằng Thái hoàng thái hậu cùng Dương hoàng hậu gắn bó với nhau khăng khít lắm. Nếu quá đúng như vậy thời họ làm khó cho ta nhiều đấy.

Đang loay hoay chưa biết phải làm việc gì, phải bầu vùi vào ai, kết bè kết cánh cùng ai thì có tiếng trẻ líu ríu ở phía ngoài. Nhìn ra thấy lũ a hoàn đang súm sít đưa rước anh em hoàng thái tử Càn Đức đi dạo quanh hồ Bích Trì, lại có mấy chục đứa trong đội vũ vệ lảng vảng canh chừng, phòng các điều bất trắc. Ý Lan thật sự yên tâm khi đích thân hoàng thượng đã trao việc bảo vệ Lan Cung, bảo trọng các hoàng tử cho viên Kim ngô đô lãnh binh sứ là kẻ tâm phúc đặc trách. Và để y thật sự thỏa mãn, nhà vua còn cho y kiêm chức tả phúc tâm¹. Trong khi Ý Lan hết sức mãn nguyện về sự sung

1 Tả, hữu phúc tâm là những hư chức. Ai được sung vào các chức này đều yên tâm rằng mình được nhà vua tin cậy nhất. Đây là thuật cổ kết lòng người

ái của nhà vua, và có phần hoang mang về những điều phúc hạnh đưa đến dồn dập và quá phần mong đợi thì Mai thái hậu cho triệu thái sư Lý Đạo Thành vào điện Diên Phúc.

Lý Đạo Thành mũ áo chỉnh tề lên kiệu vào điện Diên Phúc chầu hoàng thái hậu. Ông phải chờ hơi lâu ngoài đại sảnh.

Hoàng thái hậu từ trong hậu cung đi ra dáng vẻ hơi nặng nề, hai thị nữ đỡ hai bên. Thái hậu phục sức sơ sài, khăn đội đầu bằng tơ tằm chuội màu vàng rơm, áo thụng gấm mầu huyết dụ, vẫn là loại gấm mà sinh thời Thái tông và bà đã dạy cho cung nữ dệt, nay trở thành một ngành không những sản một số lượng đủ dùng cho người trong nước mà còn dư dả để bán cho khách thương nước ngoài. Có điều mầu sắc bắt mắt hơn.

Thoáng thấy hoàng thái hậu bước ra, thái sư Lý Đạo Thành vội đưa tay lên nấn lại chiếc mũ phác đầu, xốc lại cổ chiếc áo thụng tía và chỉnh hai bàn chân cho ngay ngắn lại trong đôi hia hơi rộng, đoạn ông bước đĩnh đạc về phía thái hậu rồi phục quỳ xuống thăm điện vái hai vái, miệng nói:

- Kính chúc thái hoàng thái hậu vạn an, thần chưa kịp tới chầu để thái hoàng phái cho triệu, xin được tha tội.

- Miễn lễ, miễn lễ! Thái hậu xua tay - ngồi vào ghế đi, ông thái sư đa lễ quá. Ông là quan đầu triều, tuổi đã cao lại là người trong hoàng tộc, đồng trang lứa thứ bậc với tiên đế, ta đã nói miễn lễ cho ông từ lâu rồi kia mà, từ nay ông nhớ, gặp ta ông chỉ vái là đủ, không phải quỳ, nhớ chưa?

- Tạ ơn thái hậu, thần xin ghi nhớ, nhưng phận bầy tôi mà bỏ lễ, thần cứ áy náy thế nào ấy.

Thái hậu ngồi vào ghế, bà thở hển hển lấy lại sức một lát rồi hỏi:

- Vậy chớ ông thái sư vẫn mạnh giỏi chứ. Từ ngày xa giá viễn chinh trong nước có điều gì bất thường không?

- Tâu, nhờ hồng phúc thái hoàng thái hậu, thần vẫn đủ sức làm việc ạ. Dạ, muôn tâu từ ngày hoàng thượng viễn chinh, trong nước vẫn được bình an vô sự. Tâu, thái hoàng thái hậu cho triệu thần chắc có điều gì dạy bảo, thần đã sửa mình, xin được nghe thánh ý.

- Ông biết đấy, ta là đàn bà, từ trước tới nay ta không bao giờ can dự vào công việc triều chính. Điều này đã được cha ta và mấy người anh răn dạy, từ khi hoàng thái tử Lý Phật Mã để mất tới. Chính ta cũng cho điều đó là một đạo lý nên không bao giờ phạm phải. Thế nhưng ông, ta nghe nói ông là người nhiều chữ nhất nước, nắm giữ rường mối kỷ cương sao ông lại để cho

cương thường rối loạn. Thái hậu mệt mỏi dừng lại thở, bà nhìn thẳng vào mái đầu bạc của Lý Đạo Thành và đôi mắt ông như gương nên không dám ngược nhìn thái hậu - Ta hỏi ông - Thái hậu nói tiếp, từ xưa đã có triều đại nào, có nước nào khi vua đi vắng lại trao quyền lưu thủ kinh sư cho thứ phi không. Cái chuyện gà mái gáy gờ này có phải là dấu hiệu chẳng lành báo trước sự suy vong của nhà Lý ta chăng? Ông nói thử ta nghe, tại sao lại có việc này?

Hoàng thái hậu với vẻ giận uất, gương mặt bà từ đỏ bầm chuyển sang tái nhợt khiến thái sư lo lắng. Bà hỏi dồn dập rồi ngồi thở không kịp. Đám thị nữ xúm lại xoa xoa đám đám cho thái hậu. Một lát, sắc diện bà trở lại bình thường. Thị nữ dâng nước cốt sâm, thái hậu chiêu một hụm, lại hỏi:

- Ta đang nghe ông nói đây, thái sư.

Lý Đạo Thành vòng tay đáp lời:

- Tâu thái hậu, việc trao quyền lưu thủ kinh sư cho thứ phi như thái hậu hỏi quả là trong lịch sử nước ta chưa hề có.

- Vậy bên Trung Hoa có sự này không?

- Tâu, lịch sử các triều đại Trung Hoa cũng không có điển lệ này.

- Biết thế sao ông không can ngăn hoàng thượng một lời. Tả hữu gián quan đi đâu mà không có ai hé

miệng.

- Tâu, chúng thần có can gián nhưng hoàng thượng viện rằng: “Quyền lưu thủ kinh sư phải trao cho hoàng thái tử, ấy là điển lệ đặt ra từ đời Thái tổ. Nay ta vẫn trao cho Càn Đức, hiếm vì Càn Đức mới có ba tuổi chưa thể điều hành công việc được thì Thần phi chẳng là mẹ của Càn Đức sao. Mẹ giúp con, ấy là đạo lý. Việc này xét ra vừa đúng phép tắc từ các đời trước, vừa hợp đạo lý, các ông chỉ biết một mà không biết hai, ta đã quyết, thôi không bàn cãi nữa”. Tâu, ý hoàng thượng đã như vậy, chúng thần không thể nói gì hơn. Vả lại hoàng thượng có căn dặn Thần phi: “Việc điều hành triều chính ta đã trao cả cho thái sư, nếu có muốn làm việc gì phải hỏi qua phủ thái sư”.

- Nếu thế thì ta an tâm. Nhưng dù sao ta cũng có cảm nhận đây là dấu hiệu của sự không bình thường. Ta chắc ông thừa biết, nếu trao cho mẹ của Càn Đức việc này thì phải trao cho mẹ đích¹ của hoàng thái tử chứ không phải là mẹ sinh của nó được nhận.

- Tâu, phép tắc thì đúng như thái hậu dạy, nhưng hoàng thượng đã quyết, thần xin thái hậu rộng tình bỏ qua không nên dằn hặc thần phi trong lúc hoàng thượng đang đi đánh dẹp phương xa chưa về.

¹ Ý thái hậu muốn nói phải trao quyền cho Thượng Dương vì bà là chánh cung.

- Việc nước là phải theo đúng pháp độ, nếu đã có ý tư riêng ắt sẽ có sự tà vạy kéo theo, đó là mầm mống nảy sinh nguy họa không biết đâu mà lường được. Ta thực bụng noi theo phép tắc của tiên đế chớ ta chẳng có ý nghiêng lệch về cung nào. Sao ta chẳng biết Ý Lan đã có công sinh dựng hoàng nam, nối dòng đại thống. Chức phận của người vợ, người mẹ thế là đầy đủ, là người có đức. Vì thế khen tặng bao nhiêu tước hiệu, cung ứng bao nhiêu nữ tì, xây bao nhiêu cung thất, sắm bao nhiêu đồ sang quý mặc lòng, nhưng lại để can dự vào việc triều chính thời ta không cho việc đó là phải. Nhìn thẳng vào mặt thái sư, bà thái hậu gắng hỏi - Ta là đàn bà, học hành ít, suốt đời giam mình trong cung thất chẳng hiểu sự đời ra sao, liệu những nhời ta nói có gần đở, lạc lõng không ông thái sư?

- Tâu, thái hậu khiêm nhường quá chứ thực những thánh ý ban ra hết sức anh minh tựa như hồn thiêng tiên tổ hiện về cảnh báo, thần sẽ lựa lời tâu lại với hoàng thượng khi người ca khúc khải hoàn sau công cuộc bình Chiêm.

Gương mặt thái hậu trở nên nghiêm trang, dường như bà đang cân nhắc một việc gì gay gắt nơi tâm khảm trước khi nói ra.

Quay về phía thái sư, giọng thái hậu vẻ như thì thầm:

- Đạo Thành là người trong nội tộc, hoàng thượng rất kính nể, người trong nước kính nể, ta cũng kính nể, vậy ông cho ta hỏi thực một điều.

- Tâu, thái hậu cứ dạy.

- Ông là người từng trải, hiểu biết rộng lại có con mắt tinh đời, ông thử nói ta nghe giữa cô bé hái dâu này (trở Ý Lan) với hoàng đế nhà đại Đường Võ Tắc Thiên vốn là một bé gái hạ tiện được tuyển vào làm cung nhân của Đường Thái tôn từ năm mười hai tuổi, hai người này có chỗ nào giống nhau không. Sao ta cứ thấy một cái gì đó ghê ghê rờn rợn. Đó là linh giác của người mẹ hay ta đã già quá rồi, sức nghĩ hiểu trở nên luẩn quẩn, tối tăm, ù lì.

Nghe thái hậu hỏi, Lý Đạo Thành lạnh buốt xương sống. Không có chứng cứ gì để nói một người hiền lành, chất phác như Ý Lan lại trở thành kẻ tàn bạo như Võ Tắc Thiên. Võ Tắc Thiên đã có biểu hiện là một bạo chúa từ khi còn là một tài nhân¹ của Đường Thái tôn. Chuyện kể rằng trong chuồng ngựa của nhà vua có một con ngựa hay nhưng hung dữ không ai cưỡi được. Bữa nọ, Đường Thái tôn dẫn đám cung phi đi dạo nhân ghé qua tàu ngựa, nhà vua chỉ vào con ngựa dữ đó và hỏi: "Trong số các người có ai trị được con ngựa đó không?".

¹ Một cấp bậc thấp trong hàng phi tần.

Mọi người im lặng lắng đầu, riêng một cung nhân gầy gò nhỏ nhắn nói: “Tâu bệ hạ, thiếp có thể trị được nó”. Nhà vua tỏ vẻ kinh ngạc hỏi: “Người trị nó bằng cách nào?” - “Chỉ cần bệ hạ ban cho ba vật: một chiếc roi sắt, một chiếc búa sắt và một con dao nhọn” - “Người dùng ba vật đó để làm gì?” Vua hỏi - “Roi để đánh cho nó chừa tính ương bướng kiêu ngạo. Nếu nó không nghe thì lấy búa nện vào đầu nó. Vẫn không trị được bằng roi và búa thì dùng dao cứa cổ nó đi”. Lời nói đó là của tài nhân Võ Tắc Thiên, khi ấy nàng mới mười bốn tuổi.

Lý Đạo Thành suy ngẫm khá lâu, ông tự hỏi trong năm sáu năm vào cung, Ý Lan đã có một dấu hiệu gì để trở thành kẻ tàn bạo không. Quả nhiên thái sư chỉ thấy nơi Ý Lan một con người khiêm nhường, ham học hỏi, một người có chí tiến thủ muốn bứt mình ra khỏi sự yếu kém của trí tuệ. Thế nhưng còn sự linh giác của thái hậu thì sao. Có thể là thái hậu quá lo xa. Lo cho sự trường cửu của đế nghiệp nhà Lý. Tuy nhiên, thái sư cũng không một mảy may nghi ngờ về lòng nhân hậu và tính trung thực của thái hậu. Bà vốn sinh trưởng trong một gia đình có học thức, có giáo dục, bản tính nhu hòa, giản dị, cần cù vì vậy suốt mấy chục năm bà giữ cho hậu cung của Lý Thái tông được yên ổn. Nay bỗng dưng bà trở nên cương cường một cách khác lạ. Hay là có sự cảnh báo của cung Thượng Dương. Cũng không phải, vì hoàng hậu Thượng Dương là người không có

khiếu năng chính trị. Và quyền chính cung là hiển nhiên không ai tranh đoạt nổi của bà. Hay là có sự tâu báo cạnh khố của đám nội hầu, của lũ hoạn quan. Việc này ông sẽ cho điều xét lại.

Để giải tỏa suy tư cho thái hậu, Lý Đạo Thành điềm đạm giải bày:

- Tâu thái hậu, có thể người quá lo xa chứ theo chỗ hạ thần biết thời Thần phi là người có bốn tâm thiện đức. Người không thiện đức, không dầy công tu từ các kiếp trước sao có thể sinh được các hoàng tử mặt sáng như gương cho dòng họ Lý nhà ta nối dài đế nghiệp. Trộm nghĩ, giữa Thần phi triều ta với Võ Tắc Thiên nhà Đường không có chỗ nào giống nhau cả. Võ Tắc Thiên bốn tính là một người tàn bạo, quyết liệt lại gặp Đường Cao tông là một người vô luân, nhu nhược. Vô luân ở chỗ lấy cung phi Võ Tắc Thiên của Đường Thái tông là cha đẻ của mình làm cung phi của mình, lại lập làm hoàng hậu. Nhu nhược ở chỗ quyền bính cứ chuyển dần vào tay Võ Tắc Thiên, tới mức ông ta chỉ còn là một con bù nhìn, một tên tù không mang gông của Võ Thị. Trái lại hoàng thượng của triều ta là một bậc Bô tát, vừa có tài trị nước, vừa sáng suốt, hiếu đễ công bằng và thương dân như con, yêu nước hơn cả yêu nhà. Một bậc minh quân như vậy là phúc hạnh cho muôn nhà, thái hậu phải tự hào vì đã sinh ra được người con như thế, há còn phải băn khoăn nổi gì cho nhọc mệt lúc tuổi già.

- Giã ơn ông đã gỡ bỏ cho ta được những lo toan mắc vướng trong lúc này, nhưng về lâu về dài ông nên nhớ nhờ ta. Nói xong thái hậu vẫy các tì nữ lại đỡ cho bà vào hậu cung.

Lý Đạo Thành đứng lên vái theo:

- Chúc hoàng thái hậu vạn an.

Lời dặn cuối cùng của thái hậu như một chiếc gai găm vào lòng ông.

Thái hậu chỉ nói với thái sư những điều mình lo ngại, đã đuổi hết lũ tì nữ, dám nội hầu, dám trung quan ra ngoài, thế mà chuyện vẫn đến tai đô thái giám Đỗ Khánh Thập.

Nghe mấy đứa tay chân thưa báo lại, Đỗ Khánh Thập không tin vào tai mình nữa. Y bắt chúng từng đứa phải thuật lại riêng cho y nghe từng ly từng tí một, những là thái hậu nói làm sao, thái sư nói lại như thế nào, lúc khờp lại biết đúng là chúng không thêm bớt và y thuộc lòng như chính y chứng kiến các sự việc mới cho từng đứa về và dặn: "Nếu đứa nào hở môi ra nói với ai thời ta sẽ cắt lưỡi". Đám a hoàn, thị nữ, cung nữ thấy đều sợ Đỗ Khánh Thập, bởi chân tay, tai mắt y có khắp cả mọi nơi, việc gì xảy ra ở đâu y cũng biết, cho nên ai làm trái ý bọn này là mất mạng như chơi. Giết người xong rồi đem xác trôi sông hoặc vùi chôn nơi nào đó. Có ai phát giác hoặc quan cấp nào hỏi đến, đô thái

giám Đỗ Khánh Thập chỉ nói mỗi một câu: “Nó tự vẫn!” - “Nó chết bất đắc kỳ tử!” - “Nó trộm cắp hoặc nó gian dân nên bị xử” thế là xong mạng một con người.

Nhà vua nhân từ thương từ người nghèo khổ nơi thôn cùng xóm vắng đến những người tù chưa biết có đúng là họ phạm tội hay không nên đều có chẩn phát, có khoan giảm hình án thế mà sự bất công, sự trà đạp lên công lý coi mạng người như cỏ rác lại xảy ra ngay trong cung cấm, nơi nhà vua thường ngày có mặt mà ngài vẫn không hay biết.

Đỗ Khánh Thập biết cái giá của câu chuyện này lớn đến dường nào. Song phải làm thế nào để cho Ý Lan tin mà không hoang mang sợ sệt. Tin mà âm thầm câu kết bè cánh, ngấm ngấm gây thế lực, che tai bịt mắt hoàng thượng. Nếu nhà vua biết mà làm tóe loe thời chẳng ai có lỗi. Thái sư vẫn là người trung chính, thái hậu là người mẹ lo xa cảnh báo, thần phi là do vua sai khiến, nhà vua thấy việc nên hành xử như thế thì làm như thế. Bởi thế Đỗ Khánh Thập quyết giữ câu chuyện trong bóng tối. Và chỉ có trong bóng tối thì loại bất tài vô hạnh như y mới có cơ may thao túng.

Vào một buổi chiều nhạt nắng, Ý Lan ngồi một mình trong Lan Cung (vì Lê Thị Khiết được nhà vua đặt tên Ý Lan, nay lại ở cung điện có cây lan cổ thụ, nên nhà vua đã cải cung “Long Thụy” thành “Lan Cung”), nơi góc

hành lang có kê một bộ kỷ bằng tre ngà. Phía góc ấy có cây ngọc lan to tới một người ôm không xuể, cành lá phủ trên nóc điện, hoa thơm ngào ngạt. Sát góc tường có một kệ sách nhỏ, dăm ba quyển kinh Phật, vài quyển thánh thư như Luận ngữ¹, Xuân Thu², Mạnh Tử³, Kinh Dịch⁴... và giấy, bút

Ý Lan nhớ đây là nơi nhà vua và nàng hay ngồi đàm đạo. Giờ đây nàng nhớ lại dáng quân vương, người đã đưa nàng từ gốc dâu về làm cung phi. Rồi từ đó con đường cứ thênh thang rộng mở, mỗi bước đi đều có nhà vua đi đầu. Tính đốt ngón tay, lần ngày tính tháng vương phu xa giá viễn chinh đã hơn ba chục ngày. Chẳng biết bây giờ hoàng thượng đã thu phục được bao nhiêu thành trì của Chiêm quốc. Bắt được bao nhiêu nhạc nữ, ca công, vũ nữ. Ta thường thấy nhà vua đặt lời rồi chế nhạc theo lối hát Tây Thiên của người Chiêm. Và ao ước, khi vào Chiêm sẽ lần tìm đến sào huyệt của kho báu.

Trong khi thần phi đang thả hồn vào ký ức mộng mơ thì đô thái giám Đỗ Khánh Thập sộc vào. Ý rất tự tin đi thẳng tới nơi Ý Lan đang một mình tư lự như một con

1 Trước tác của Khổng Tử.

2 Khổng tử dựa vào các sử sách có trước rồi soạn lại.

3 Trước tác của Mạnh tử.

Đây là sách trọng yếu của đạo nho.

chó đã quen chủ. Thật ra thì tất cả các thái giám đều có chung một tính cách là trung thành, thân mật đến suông sã với chủ. Vì rằng họ hầu hạ các bậc vua chúa, hoàng hậu, hoàng phi, thái tử, công chúa hết sức tận tình và không một mặt sinh hoạt nào từ ăn, ở, đi lại, chơi bời đến cả chuyện kín đáo chốn buồng the họ đều phải ra tay sắp đặt. Họ hiểu tính nết và cá ham muốn của từng người, thậm chí họ thuộc từng hơi thở, nhớ đến các nốt ruồi hoặc chiếc lông mọc ngược nơi kín đáo của từng cô chủ, cậu chủ, ông chủ, bà chủ mà họ hầu hạ.

Các vị chủ nhân của họ thực tình cũng coi họ gần gũi quen thuộc như những con chó, con ngựa trong cung, trong điện của mình thôi. Thân phận của họ quả không hơn gì những con vật đó nhưng quyền lợi của họ khá hậu hĩ và họ cũng thừa khôn ngoan để tạo ra một thứ siêu quyền lực mà bất cứ một vị đại thần nào cũng mơ ước. Ở vào thời thịnh, vua sáng, tôi hiền thời thân phận của các thái giám chỉ có yên bề hầu hạ để mong hưởng chút lộc và làm vinh danh cho gia đình, gia tộc. Tuy nhiên, địa vị của họ trong triều đình rất thấp kém, thế nhưng vào thời suy thì chính các thái giám mới là kẻ cầm quyền, họ có tai mắt ở khắp mọi nơi, ngay cả khu mật viện cũng không bằng họ, và họ thao túng tất cả, khống chế tất cả, kể cả nhà vua. Tới lúc đó thì họ không còn là con chó, con ngựa trung thành nữa mà họ đã biến thành con rắn độc lúc nào cũng ngóng cao đầu

thè chiếc lưới đỏ hỏn ra và luôn quay đảo về mọi phía, sẵn sàng mổ vào bất kỳ ai có vẻ hơi nhúc nhích, tức là những người có ý định chống lại họ.

Thấy bước chân nhè nhẹ êm êm rón rén như bước chân mèo, Ý Lan quay lại bắt gặp cái cười nhản nhở của đô thái giám. Hấn cất lên cái giọng the thé:

- Tàu, thần đến vấn an lệnh bà

Nghe cái giọng thều thào như ma quái với khuôn mặt mầu chì mỏng dính, cặp môi thâm thâm và chiếc đầu lưới cứ luôn thò ra thụt vào liếm môi như con rắn mỗi khiến Ý Lan có cảm giác tởm lợm mặc dù y luôn lui tới Lan Cung để tỏ lộ sự mẫn cán, đành rằng những công việc y làm đâu cần đến một đô thái giám. Trong lòng thì khó chịu, nhưng Ý Lan cũng cố nén dẹp, bởi vì nàng quá biết thế lực của các thái giám, ấy là biết một cách mơ hồ qua các lời đồn đại chứ thực quả từ khi vào cung cấm tới nay nay Ý Lan chưa từng được chứng kiến một vụ nào có quan hệ đến đám nội nhân, thái giám.

Nén lòng, thần phi đáp lời:

- Đa tạ ông tới vấn an. Nhưng sao lại vấn an vào lúc này. Ý Lan vẫn ngồi trên kỹ ngoài hành lang của Lan Cung, Đỗ Khánh Thập vẫn đứng dưới bậc thềm ngược mắt lên nói nhỏ:

- Thần đến tàu báo việc cơ mật có liên can đến sự an nguy của thần phi. Việc không thể nán lại được, xin

lệnh bà cho vào đại sảnh để thần dược mật tâu.

Dù đô thái giám nói việc nghiêm trọng nhưng trong lòng Ý Lan vẫn bình thản. Thực tình nàng rất sợ các chuyện làm quà để chúng lôi kéo vào bè đảng. Đây không chỉ là lời răn của thái sư Lý Đạo Thành mà ngay cả tăng thống Lâm Huệ Sinh cũng có đôi lần răn dạy, ý tứ đều như thế cả. Ngần ngừ một lát, thần phi nhìn đô thái giám với vẻ cảm thông rồi nói:

- Hay ông chờ ít ngày nữa để hoàng thượng từ Chiêm về, ta sẽ cùng nhà vua nghe một thể.

Không tỏ ra năn nỉ, cũng không tỏ ra bất cần, Đỗ Khánh Thập dịu giọng:

- Trước sau thần phi vẫn là một người trong sáng đến khờ khạo. Thần chỉ tiếc là lệnh bà không có thân quyền là những người quyền thế nên không hiểu được sự rối rắm cùng các góc tăm tối nơi miếu đường, nên nhìn mọi vật vẫn trong trẻo và cái gì cũng đẹp xinh, cũng hiền hòa như trong truyện cổ tích, có ngờ đâu lệnh bà chỉ như một thỏ non lạc giữa rừng rậm, xung quanh thuần những cáo, cây, chó sói đang ẩn rình. Thần chỉ thương lệnh bà cô đơn trong nguy họa mà vẫn cứ tưởng mình đang ở chốn thiên đàng. Thử hỏi, từ ngày vào cung tới nay, ngoài hoàng thượng là người ân cần săn sóc và bảo vệ lệnh bà ra thì còn ai là người gan ruột của lệnh bà, ngay cả lũ thị nữ, a hoàn hầu hạ cận kề cũng

dâu phải là người tâm phúc của lệnh bà. Thực ra còn có thái sư Lý Đạo Thành và tăng thống Lâm Huệ Sinh là những người vừa khai trí vừa khai thị cho lệnh bà, họ là những người đại trí, đại đức và quyền uy chỉ có đứng sau hoàng thượng. Chính địa vị của họ bảo vệ cho họ. Và lại họ là các bậc quân tử đã chính danh phận không ai dám đụng tới họ. Bởi họ không tranh giành với ai, và cả nước không còn ai đủ tài đủ đức mà tranh giành với họ. Nhưng với lệnh bà thì lại khác. Chỉ riêng các cung không cung nào sinh được hoàng nam cho hoàng thượng thời Lan Cung sẽ là cái gai cho tất cả. Lại nữa từ xưa chưa hề có chuyện hậu cung nắm quyền lưu thủ kinh sư mà nay quyền ấy về tay lệnh bà. Vậy thời dưới mắt các hoàng thúc, hoàng đệ, lệnh bà sẽ là người như thế nào?

Ngừng một lát, nhìn gương mặt của Ý Lan tái dần trong cảnh hoàng hôn tím sẫm, Đỗ Khánh Thập biết thần phi bắt đầu biết sợ. Ý không nói gì thêm nữa.

Ý Lan cảm thấy như có giông gió ở trong lòng, nổi hãi sợ cứ lớn dần trong lồng ngực khiến nàng như nghẹt thở, nửa tin Đỗ Khánh Thập nửa ngờ đô thái giám, không biết đây là tin dữ hay tin lành, đây là lời nói chân thực hay là cạm bẫy ngọt ngào. Gân như bất lực, Ý Lan buông một câu hỏi lửng:

- Vậy chớ ông định nói với ta điều gì?

- Nếu thần phi muốn nghe, xin mời vào đại sảnh. Nói xong y lút cút leo lên bậc tam cấp rồi đi vào đại sảnh. Ý Lan thần thờ theo y như một người bị thôi miên ám thị.

Ý Lan buông mình xuống chiếu kỷ trong cảnh tranh sáng tranh tối. Bà hốt hoảng gọi thị nữ thấp đèn. Chín ngọn bạch lập được thấp sáng choang gian đại sảnh. Ánh nến chập chờn vẽ hình đô thái giám trên vách tường nom như một bóng ma đang hù giỡn lũ trẻ thơ.

Đô thái giám lữ mắt đuổi đám thị nữ ra ngoài. Ông ta bắt đầu kể lại chuyện thái hậu triệu thái sư đến đàn hạch về việc nhà vua trao quyền lưu thủ kinh sư cho thần phi là trái điển lệ. Tất nhiên Đỗ Khánh Thập phải lấy câu chuyện này làm vốn để liên kết với Ý Lan, cho nên y biết cách pha chế cho câu chuyện ở những mức độ đậm nhạt khác nhau. Những gì cần nói hết, những gì chỉ nói một phần, những gì phải găm lại để mặc cả.

Nghe đô thái giám kể, Ý Lan rung mình kinh hãi, không ngờ ngoài nhà vua ra còn những thế lực khác mà sự nguy hại của nó không thể xem thường, nàng cảm thấy mình không thể lực, không chốn nơi nương cậy đành rằng có nhà vua làm điểm tựa nhưng có phải lúc nào vua cũng yêu tin đâu. Lỡ có kẻ gièm pha đặt điều thì nay còn sủng ái mai đã vô võ biệt giam nơi lãnh cung hoặc mất mạng như chơi. Xem trong lịch sử

xưa nay thì việc chơi với vua chẳng khác gì chơi với lửa, chẳng khác gì chơi với hổ. Ý Lan cảm thấy thèm nhớ một hơi ấm chỗ che, yên bình như hồi còn cha. Ngay cả khi cha mẹ đã khuất núi, ở với dì, dù có vất vả bản thân nhưng không có nỗi lo nơm nớp về những kế quỉ mưu ma.

Sự hoang mang đau khổ choán hết cả đầu óc, Ý Lan than vãn:

- Thử hỏi trong việc này ta có tội tình gì. Ta chỉ như một con bù nhìn, hoàng thượng bảo sao ta biết nghe vậy. Ngược mắt nhìn Đỗ Khánh Thập, thần phi hỏi - Đô thái giám ông bảo ta phải làm gì đây?

Với vẻ trầm tư sâu lắng, đô thái giám làm ra vẻ nghiêm trọng, ông lúc lắc mái đầu sợi đen chen nhiều sợi bạc, đoạn ông nói:

- Hơn lúc nào hết lệnh bà phải bình tâm, coi như không biết có chuyện gì vừa xảy ra. Lệnh bà lại hỏi mình có tội gì ư? Xưa nay, ai có công lớn nhất, người ấy chính là kẻ có tội tày trời lệnh bà còn chưa biết điều ấy sao? Lệnh bà lại hỏi phải làm gì ư? Trong lúc này chớ có làm gì, nhất là những việc động đến quyền uy.

- Vậy ta phải buông tay chịu chết ư?

- Sự nguy hại đeo bám rình rập lệnh bà cả cuộc đời, muốn tránh nó hoặc chống nó phải có bản lĩnh cao cường, phải đầy mưu, cao trí, phải kết liên với những

người trung hậu thẳng ngay, quyền uy tốt vời.

- Quyền uy tốt vời chỉ có thái sư, mà thái sư đã ngập ngừng chẳng chút bênh che, sao ta còn có thể cậy nhờ.

- Lệnh bà nói chí phải. Thái sư quyền chỉ đứng sau có một người thôi, nhưng lực chẳng có gì đâu, sức lại trói gà không nổi, lỡ xảy ra biến cố thời thái sư cũng phải bó tay. Chỉ có một người, nếu lệnh bà thu được cảm tình của người ấy thời núi Thái Sơn kia cũng chưa thể vững bằng.

- Người đó là ai vậy? Ý Lan dướn người về phía đô thái giám hỏi.

- Tàu, người này kết thân với hoàng thượng từ thời thơ ấu, ông ta tự tình thân để vào châu hầu nhưng xin với hoàng thượng được theo dõi nghiệp tướng chứ không nhận việc cai quản hậu cung. Dạ chính hoàng thượng từng nói sẽ tấn phong cho ông ta là “Thiên tử nghĩa đệ” tức là nhận vào hàng em nuôi của hoàng thượng như Phụng Càn vương Lý Nhật Trung là em ruột của nhà vua đó.

- Người đó phải chẳng là Ngô Tuấn - Lý Thường Kiệt?

- Tàu, chính người đó. Chính là Ngô Tuấn, dòng dõi Ngô vương Quyền đấy, người ấy được ban quốc tính liền đổi cả tên, nhân được đổi họ thành ra Lý Thường

Kiệt.

- Ta xem ông này lúc nào cũng nghiêm lạnh như một khối đồng, khối sắt làm sao mà gần được.

- Lệnh bà lại nhảm rồi. Thiếu úy có nhiều tâm trạng khổ đau, cái tâm không được nhàn thành thử sắc mặt lúc nào cũng dăm chiêu như người đang làm giờ một công việc gì khá quan trọng, kỳ dư ông ta là một người tốt, một người quyết đoán đến lạnh lùng. Ông ta cũng là một người sùng Phật ưa thiện, ghét ái. Nếu lệnh bà kết thân được với người này thời đêm đêm cứ kê cao gối mà ngủ thôi chớ chẳng còn có việc gì mà phải trăn trở, âu lo.

Tất nhiên trong thời gian hoàng thượng viễn chinh, lệnh bà cũng nên làm một vài việc nào đấy để lấy lòng dân chúng, nhưng trong vài ba ngày tới, lệnh bà chưa nên đi đâu và chớ có hở chuyện này ra với ai. Để nghĩ xem lệnh bà nên đi đâu, nên làm gì, song phải hoàn toàn bình tâm, nếu không việc lớn khó thành. Thần nhắc lại một điều lệnh bà nên nhớ nằm lòng, tức là trong việc các phe phái bè đảng tranh giành nhau, bên nào nắm được binh sĩ trong tay, bên đó thắng. Ví như nhà Lý ta được nước từ nhà Lê, nói rằng cái đức của Thái tổ ta lớn nên được triều quan tôn vinh, dân chúng theo về. Cái đó chỉ đúng một phần thôi. Thử hỏi nếu lúc đó, đức Lý Thái tổ ta không làm phó đô chỉ huy sứ coi

giữ quân cấm vệ, còn Nguyễn Đê làm đô chỉ huy sứ đã được sư Vạn Hạnh giáo hóa để hướng về giúp rập cho người phò của mình thì cơ đồ chưa chắc đã về tay nhà Lý. Cũng phải biết thêm Nguyễn Đê là ai? Chính là con của tướng quân Nguyễn Bặc bị chết về tay Lê Hoàn đó. Vì sao Lê Hoàn không giết con của kẻ thù mà còn thu dụng cho coi quân cấm vệ. Sự hóa giải kỳ thú này nếu không có các bậc thiên sư đạo cao đức trọng như Đỗ Pháp Thuận, Khuông Việt, Vạn Hạnh giáo hóa sao Lê Hoàn chịu nghe và Nguyễn Đê chịu qui phục. Cho nên kết liên được với một người có đủ quân quyền trong tay đó là thượng sách bảo toàn ngôi vị của lệnh bà và cả hoàng thái tử sau này.

Là một phụ nữ có đầu óc mẫn cảm lại được các bậc đạo cao đức trọng trí tuệ hơn đời như đô tăng thống Lâm Huệ Sinh, thái sư Lý Đạo Thành truyền dạy cho từ mấy năm nay dường như đã biến Ý Lan thành một con người khác xa so với cô gái hái dâu Lê Thị Khiết hươu nào. Phải nói, các vị đã khai mở cho bà cái tâm tuệ, cái đạo của người quân tử về con đường dung hợp giữa Phật - Nho - Lão. Đạo lớn này có nhẽ chỉ các bậc thượng trí mới theo được. Hẳn nhiên các vị muốn khai đường mở lối dẫn dắt cho thần phi Ý Lan đi vào chánh đạo. Đây là con đường thênh thang không có ai ngăn lấp cản trở, nhưng sao khách qua lại vẫn thưa vắng. Nay đến lượt đô thái giám Đỗ Khánh Thập khai thị cho

Ý Lan theo một hướng khác. Đây là con đường mờ tối, chật hẹp, khuất khúc nhưng nghe ra có vẻ đông đúc, như có tiếng ồn ào chen đầy trong một thứ ánh sáng ma quái chẳng ai nhìn rõ mặt ai.

Nghe đô thái giám nói, lúc đầu Ý Lan thấy hoang mang, bà tự hèn rằng mình không thể dây dính với bọn này, họ chẳng khác gì lũ tà giáo bên cạnh các bậc chính giáo bà thường theo học. Nhưng lại nghĩ tới cuộc tranh cạnh đã diễn ra âm thầm và sự nguy hại thực cũng khó lường.

Suy đi nghĩ lại Ý Lan tự thấy cuộc đời là phức tạp, thiện ác đan xen, không làm gì có thuần thiện hay thuần ác. Xem như cái hình vẽ biểu trưng cho sự hoán chuyển của âm dương trong dịch lý cũng đủ biết. Rõ ràng là trong âm có dương, trong dương có âm. Cái nhân bé tí tẹo đó cứ lớn dần, tức là âm trưởng dương tiêu, và dương trưởng âm tiêu, tới lúc đó là phản cực, âm dương hoán cải. Vũ trụ đã thế, con người thì cũng thế thôi. Nghĩ vậy, Ý Lan thấy đô thái giám Đỗ Khánh Thập bớt tầm lợm hơn và bà cũng lại thấy bớt trọng, bớt kính thái sư Lý Đạo Thành và Mai thái hậu. Vì vậy bà không hẳn nghe nhưng cũng không hẳn coi thường những người như Đỗ Khánh Thập.

Cơ hội đã mở ra, Đỗ Khánh Thập không bao giờ chịu bỏ qua. Đi một nước cờ táo bạo, chẳng khác nào đã

chen được bánh xe, bịt được nòng pháo của đôi phương. Đô thái giám còn dang dò tìm việc này là do bột phát của thái hậu hay là có sự liên thông câu kết giữa Thượng Dương hoàng hậu với cung Diên Phúc¹.

Đỗ Khánh Thập nhớ lại mấy năm trước khi Ý Lan sinh Càn Đức thì việc y lui tới cung Thượng Dương có phần lơ là. Có lần Dương hoàng hậu đã đe cắt tiền thưởng hàng tháng, Khánh Thập tỏ ra bất cần nên hoàng hậu sai cắt hẳn khoản tiền lợi đó. Cũng từ đấy Dương hoàng hậu ghét Đỗ thái giám ra mặt. Còn đô thái giám vẫn mưu toan rình rập, nếu cơ hội đến sẽ không ngần ngại trả thù bà. Đây mới là khúc dạo đầu của cuộc chơi, chưa có gì nguy hiểm. Chỉ có điều là đô thái giám đã nhen mưu mẹo còn Dương hoàng hậu đâu có để ý đến đám tiểu nhân tức là đám nội nhân, thái giám hầu hạ kia đang rình rập bà.

Mấy bữa nay tâm trí đã lại bình thường, thần phi Ý Lan thấy cộm lên trong lòng nỗi nhớ nhà, nhớ quê. Tính ra tới sáu năm đằng đẵng thần phi chưa một lần trở lại thăm quê. Nhưng nhớ quê là nhớ về cái gì thì quả Ý Lan cũng chưa hình dung ra được. Chạ mẹ thì đã khuất núi từ lâu. Nếu về quê cũng chỉ là thăm hai nắm mồ giữa đồng không mông quạnh. Họ hàng gần gũi cũng chẳng có ai thân thiết. Họ chẳng còn người đi

¹ Nơi ở của hoàng thái hậu.

- người mẹ kế. Người mẹ kế không ác độc nhưng cũng chẳng có tình thương. Dù sao bà vẫn là người tốt, người bất hạnh đáng thương. Chợt Ý Lan nhớ đến Sĩ Thoại một người học trò tốt nết của cha, sống có đạo nghĩa. Anh ấy đã đem lòng yêu mình nhưng vì nhà mình có tang mà anh đến tuổi đại hoàng nam nếu không lấy vợ làng bất khoán. Chuyện chẳng thành, Sĩ Thoại lấy vợ rồi đi dạy học. Ông đồ Gủ tức ông đồ Đông Cứu, bạn của cha đã già yếu không còn đủ sức dạy học nữa mà thỉnh thoảng cụ chỉ giảng kinh nghi¹ cho các học trò có sức học cao. Nghe đâu Lê Văn Thịnh ở nhà làm ruộng nuôi cha và đọc sách. Lại nghe nói Thịnh cũng đã mở trường dạy học. Lê Văn Thịnh và Sĩ Thoại chơi với nhau thân thiết như tình anh em. Về hai người bạn này Ý Lan mỗi khi nhớ về họ lại dấy lên trong lòng biết bao kỷ niệm. Hai người cùng vạm vỡ, khả ái, học giỏi, hay chữ. Lê Văn Thịnh thuộc hàng xuất chúng, có lần cha đã kể cậu ấy nằm gọn trong chiếc nong vạch bụng ra phơi nắng. Bố gọi vào chào bạn thì cậu ấy báo: "Con nhân lúc nắng phải phơi ngay bộ Mạnh Tử không thì mốc hết". Bố cậu tưởng cậu nói ngông nghênh hỗn xược, suýt bị ăn đòn. Khi kiểm xét từng chương không phân biệt đầu cuối, cậu ta vừa đọc vừa cắt nghĩa chẳng sót một chữ nào. Tới

1 Những chỗ người học còn nghi ngờ chưa thấu hiểu trong Tứ thư, Ngũ kinh.

lúc ấy ông bố mới biết con mình là bậc thần đồng, vì rằng cậu ta còn nhỏ, đầu đã được học sách Mạnh Tử. Kể cũng là tay quái kiệt hơn đời. Dừng lại giây lâu Ý Lan tự hỏi chẳng lẽ quê hương lại chỉ có ngần ấy người thôi ư? Miên man Ý Lan nghĩ về ngôi nhà cửa mình hồi thơ ấu khi cha mẹ còn đang tại thế. Cha thì dạy học, mẹ vừa nội trợ vừa đọc sách và truyền dạy cho con những điều tâm đắc lấy ra từ sách. Khi mẹ mất đã là một hụt hẫng không gì bù đắp tựa như một vết thương càng ngày càng mưng mủ, lại tiếp khi cha ra đi nữa thì mọi sự đều trở nên tăm tối vô vọng. Không chỉ mình vô vọng mà dì cũng khổ đau. Đời người con gái quá lứa lỡ thì phải đem thân đi làm vợ kế lại chẳng sinh nở được, lúc chồng chết không còn biết bầu vú vào đâu. Thương dì còn ở chỗ dì là người hiếu đễ, cha mẹ mất sớm, dì phải nuôi dạy cả một đàn em, dựng vợ gả chồng cho tới người em út thì dì hết cả tuổi xuân. Khi dì về ở với cha được mấy năm, đến lúc cha mất lại phải hứng lấy cái giang san bèo dùm của nhà chồng. Thôi thì dì chẳng thể yêu thương được như mẹ mình, nhưng dì cũng không hành hạ, không xử tệ với mình thế cũng đã là tốt lắm rồi mình chẳng trách chi. Đáng tiếc là suốt sáu năm qua mình chẳng trở lại thăm dì, thăm quê. Tuy vậy mình biết triều đình đã ban bổng, lộc hàng năm. Các quan xã, quan quận trong các ngày lễ, tết hội hè đều có qua lại thăm hỏi, biểu tặng quà cáp. Tuy nhiên, tất cả những sự

chăm sóc đó cũng không thể bằng sự cố gắng của mình để cho đi được hạnh diện với dân làng, và đi cũng được cởi bỏ nỗi ám ảnh rằng hội năm ấy đi đã không may sắm áo quần cho mình, không cho mình đi dự hội, rằng mình vẫn còn hạn đi. Có biết đâu rằng vì không có áo hội, không đi dự hội mới có cơ may lọt vào mắt xanh thiên tử. Thì có cả trăm cô gái làng, áo quần lộng lẫy, mớ bảy mớ ba, nhà vua có thềm để mắt đến ai đâu. Quái ra điều ngăn trở đó, âu cũng là một sự trợ duyên, ta phải ơn đi chớ đâu có oán đi. Thật lòng, khi không có váy áo mới, không được nhập hội mà phải chạy dâu cho mấy lá tầm ăn rồi ta cũng thăm oán đi. Giả dụ ngày ấy được may sắm, được đi hội thời cũng chỉ là sự đua đòi thôi chớ đâu dám nghĩ tới việc vào cung. Đúng như đi đã răn:

“Chuông khánh còn chẳng ăn ai

Hướng hồ mảnh chĩnh ở ngoài bờ tre”

Miền man nghĩ tới những lúc đầu óc căng thẳng tưởng sắp vỡ tung, ta đã vào chùa làng xin Phật tổ độ trì, xin thiên sư cho thi thoát ghé chùa làm công quả. May được đại lão thiên sư là người đạo cao đức trọng đã chỉ dẫn cho con đường giải thoát, không những người đã khai thị mà còn khai tâm, khai trí và chỉ cho ta vượt thoát khỏi mọi u mê trì bế. Nghĩ về ngôi chùa làng, về vị thiên sư mà Ý Lan cứ đinh ninh đó là hóa thân

của đại Bồ tát Quán Thế Âm đang thị hiện để diu dắt chúng sinh. Và niềm thôi thúc trở lại thăm quê hương như choán hết cả đầu óc bà.

Không biết nghĩ suy của mình là đúng hoặc sai, và một khi đã ở vào địa vị này thời có quyền được đi lại thăm viếng quê hương nữa hay không, Ý Lan liền lên kiệu đến thẳng chùa Vạn Tuế xin yết kiến đô tăng thống Lâm Huệ Sinh.

Sau vài lời thăm hỏi, sư liền gợi ý:

- Chẳng hay thần phi tới viếng chùa vãng cảnh hay có điều gì chỉ giáo, bản tăng đã dọn mình xin được lắng nghe.

Ý Lan bèn đứng dậy chấp tay vái thiền sư hai vái rồi nói:

- Đệ tử có việc xin cầu kiến, mong sư phụ bố thí.

- Phỉ thui! Phỉ thui! A- di- đà- phật! Thần phi không nên gọi ta như vậy. Dù ta có giảng pháp, dạy kinh cho bất kỳ ai thời đó chính là bốn phận phải hoàng pháp của một người tu hành thôi, sao giám nhận bừa thần phi làm đệ tử.

- Kính bạch đại lão thiền sư, sách đã chẳng nói: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Lại nữa bữa mới đến học, đệ tử chẳng đã làm lễ bái sư đó sao.

- Đành rằng vậy nhưng thần phi là bậc mẫu nghi thiên hạ, bản tăng chỉ là kẻ ăn mày thí chúng.

- Kính bạch, việc của đệ tử là việc thế tục, những thứ đó không thể đem đến thiên môn khoe mẽ mà dắc tội, xin sư phụ mở lòng.

- Thôi được, thần phi đã nói vậy thời ta biết vậy. Bây giờ có việc gì "cầu kiến" như thần phi ngỏ ý lúc tới chùa xin cứ nói tự nhiên.

Ý Lan bèn chấp tay, miệng thâm niệm Phật, sau đó kể lại tất cả những suy nghĩ của mình đối với quê hương, đối với người thân và hỏi:

- Đệ tử khát khao về thăm quê đến cháy lòng, chẳng biết việc ấy có được không, có phạm vào lễ luật triều chính không, xin sư phụ chỉ bảo.

Tăng thống nở một nụ cười độ lượng:

- A- di- đà- phật! Thần phi vào cung chứ có xuất gia đâu mà nói chuyện đoạn duyên. Còn việc nhớ đến quê hương, nhớ đến người thân, nhớ đến phần mộ tổ tiên thời đó là chuyện của hiếu, của đức. Hiếu và đức cũng là đạo đức của người tu hành nói chi thế gian. Sinh thời đức Thích Ca Mâu Ni thường cố gắng cho đức tính này. Nay trong nhiều loại kinh còn có kinh hiếu. Vậy còn điều gì phải lo ngại nữa. Có điều thần phi được hoàng thượng sai giữ chức lưu thủ kinh sư, nay muốn ra khỏi kinh sư nên bàn bạc với thái sư rồi thu xếp lên đường vào lúc thuận tiện.

- Nếu đi thì đệ tử nên làm việc gì xin sư phụ chỉ

báo.

- Mình là con đẻ của quê hương, nay trở lại quê hương sau khi ra đi đã thành đạt thì việc đầu tiên là phải trả nghĩa quê hương, báo hiếu cha mẹ tổ tiên. Còn thân phi di về đâu trong khắp Đại Việt này thì cứ việc thiện mà làm. Thấy việc cần làm phải làm ngay. Việc thiện lớn mấy cũng làm, khó mấy cũng làm. Việc bất thiện nhỏ mấy cũng phải tránh, dễ mấy cũng không màng. Cứ thế mà hành hóa thì dân nào chẳng kính chẳng yêu.

Vài lời ngắn ngủi của thiền sư khiến Ý Lan cảm niệm như vừa được khai tâm. Đã toan cảm tạ ra về, Ý Lan chợt nhớ cuộc viễn chinh của nhà vua. Nghe đâu nhà vua có lời mời tăng thống cùng đi nhưng thiền sư từ chối. Chắc hẳn thiền sư có để tâm theo dõi nên Ý Lan muốn hỏi:

- Bạch đại lão thiền sư, con rất nóng lòng về cuộc viễn chinh của hoàng thượng, chẳng hay sư phụ có cảm nhận được điều gì từ phương xa xin cho đệ tử được chia sẻ.

Tăng thống không đáp lời, ông nhắm mắt ngồi kiết già, gương mặt ông thanh thản siêu thoát, tựa như ông xuất hồn phiêu du đi cõi giới khác. Chừng nhai tàn miếng trầu, da mặt ông bỗng ửng hồng rồi ông từ từ mở mắt. Thiền sư xoa nhẹ hai bàn tay vào nhau, sau đó áp

lên hai má và vuốt ngược vài ba lần, đoạn sư nói:

- Công cuộc bình Chiêm của hoàng thượng đang thắng như chẻ tre. Tới nay đã ba lần có rồng hiện nơi thuyền ngự. Chặng thứ nhất khi thuyền vừa tới Nghê An bỗng có rồng vàng hiện lên ở thuyền Kim Phượng; khi thuyền vào cửa Nam Giới rồng vàng lại hiện nơi thuyền Kim Phượng một lần nữa. Cả hai lần này đều vào ban ngày. Lần thứ ba rồng hiện ở thuyền Cảnh Thắng về ban đêm sau khi thuyền quân vừa ra khỏi cửa Tư Dung.

Đây là điềm báo cho biết, hai trận đầu quân ta thắng dễ dàng, trận thứ ba cũng sẽ thắng nhưng rất gian nan. Vậy là không có gì phải lo lắng, thần phi cứ yên tâm làm những việc cần phải làm.

Ý Lan cúi đầu vái thiên sư ba vái rồi lên kiệu hồi cung.

Qua cuộc gặp gỡ với tăng thống Lâm Huệ Sinh, Ý Lan thấy tâm thức trở nên an hoà, lòng thù hận đối với thái sư tuy mới nhen nhóm nhưng đã có phần lui dẹp. Vì rằng viên đô thái giám lúc này mới chỉ chĩa mũi nhọn vào hoàng hậu Thượng Dương là chính. Mai thái hậu hoặc thái sư Lý Đạo Thành tuy có dây vướng vào việc là bởi lòng chính trực chứ thực không phải do Thượng Dương lôi kéo. Tuy vậy, nhân cơ hội viên đô thái giám liên kết hai người này lại, sàm tấu để lập công

với Ý Lan, kéo thần phi về phía mình cũng nhân tiện ngầm trả thù Thượng Dương hoàng hậu đã vô cớ cắt tiền bổng của cung Thượng Dương mà y cho rằng y có quyền được hưởng. Và lại trong tính toán sâu thẳm, đô thái giám Đỗ Khánh Thập thừa biết trong số các hậu, các phi, tần ai được nhà vua sủng ái, quyền hành sẽ thuộc về người đó. Nay Ý Lan không những được nhà vua sủng ái trao quyền, mà bà còn là mẹ sinh của hoàng thái tử, người sẽ nối ngôi tôn. Vậy thời ngoài nhà vua ra, quyền bính ắt thuộc về Lan Cung, thuộc về thần phi Ý Lan chứ còn về ai nữa.

Sở dĩ Ý Lan không cảm thấy thù hận thái sư là bởi Đỗ Khánh Thập thuật lại vai trò của ông trong vụ này mới chỉ ở mức nhẹ nhàng thôi, ông cũng là người bị đàn hặc. Đã bảo đô thái giám là bậc thầy về lời kéo, xúc xiểm, y chỉ chờ cơ hội chứ chẳng chịu buông tha ai đâu.

Đã cho hẹn trước, sớm nay thần phi Ý Lan người được trao quyền lưu thủ kinh sư lên kiệu sang phủ thái sư làm việc. Ý Lan phục sức thật là nghiêm chỉnh nhưng không kém phần rực rỡ. Đầu đội mũ thần phi có đính viên bích ngọc to bằng đầu ngón tay cái nơi giữa vành trán, xung quanh điểm chín viên kim cương nhỏ bằng hạt đậu đen. Mũ màu xanh thêu chỉ kim tuyến, các đường viền và cả chín bông cúc với chiếc lá đề nơi đính viên bích ngọc cũng thêu bằng kim tuyến. Toàn bộ gương mặt Ý Lan được thoa nhẹ một lớp phấn hồng,

cặp mày ngài được tô đậm hơn một chút phản chiếu với các màu sắc phát ra từ kim cương, từ ngọc bích càng tôn thêm sắc đẹp của một người đàn bà mới hai mươi sáu hai mươi bảy tuổi. Kỳ lạ, tất cả những sắc màu rực rỡ tới huyền ảo kia lại khiến người ta cảm thấy như nó phát ra từ cặp mắt của thần phi. Ý Lan mặc áo thụng màu tím thêu chim phượng trắng. Hai con phượng ở hai bên tà áo đang múa một cách sống động, ta có cảm giác nếu đụng tay vào nó sẽ vụt bay đi mất. Gấu áo thêu hai hàng lá đề nhỏ xíu bằng chỉ kim tuyến nom thật là bắt mắt. Nơi cổ cao trắng ngần, thần phi đeo chuỗi ngọc trai đen, hai tai để trần không đeo móc đồ trang sức. Thần phi vận chiếc váy gấm màu lục nhạt, chân đi hài cườm, mỗi viên cườm đều được chuốt từ hồng ngọc, bích ngọc, huyền ngọc và kim cương. Tay cầm chiếc hốt vàng, thần phi đĩnh đạc bước lên kiệu bốn đòn khiêng bởi tám tên lính được chọn từ đô tùy long. Chiếc kiệu sơn màu anh vũ cần ọc ngọc một đôi phượng đang vờn múa trong những đám mây bay.

Kiệu vừa hạ xuống trước cổng phủ, thái sư Lý Đạo Thành đã lật đật ra đón. Ông bản tính ôn hòa chín chu lại là người có học vấn tinh thuần, nên từ y phục tới ngôn ngữ và cách thức giao tiếp bao giờ ông cũng dùng lễ mà xử và trong công việc bao giờ ông cũng lấy chữ hòa làm trọng. Rõ ràng là thái sư đã vận dụng một cách khá nhuần nhuyễn giữa sách vở và đời thường. Cách

ứng xử này là do Lý Đạo Thành thu nhận được trong sách Luận ngữ của Khổng Tử, nơi chương “Học nhi” bàn đến nhẽ sống và cách sống ở đời có viết: “Lễ chi dụng, hòa vi quý” nghĩa là vận dụng lễ phải lấy sự hòa hợp làm trọng. Với cách ứng xử phải đạo này, Lý Đạo Thành được trên từ vua quan dưới đến thứ dân đều quý trọng, kính nể và yêu tin. Vì vậy trong nước có ai đó chê ghét ông, nói xấu ông chắc chẳng có ai tin.

Các quan trong phủ thái sư, trong trung thư sảnh nghênh đón Thần phi thật là long trọng. Đây là cuộc tiếp đón với nghi thức trọng thể do một vị quan đầu triều làm chủ lễ khiến Ý Lan xúc động và từ sâu thẳm trong lòng dấy lên niềm kiêu hãnh. Bà thăm biết ơn đức kim thượng đã tạo cho bà một địa vị mà cả cuộc đời không bao giờ dám mơ tới còn nói gì dám nghĩ tới.

Thái sư mời Thần phi ngồi vào chiếc ghế cao nhất có phủ gấm điều, còn hai chiếc ghế thấp hơn dành cho ông và một vị thái phó.

Ý Lan lúc mới rời cung là chỉ muốn gặp riêng thái sư để hỏi thêm về việc bà muốn về thăm quê và đi thăm thú một vài nơi, liệu việc đó có nên hoặc có phạm gì vào qui chế triều đình không. Thế nhưng lâm vào tình thế này không lẽ lại đuổi mọi người đi để hỏi riêng thái sư thì còn ra thể thống gì nữa.

Vậy là ở ghế cao quyền lực cũng tựa như người

cưỡi hổ, không thể tùy ý mà đời lưng hổ được. Nhưng phải làm gì bây giờ thì quả là Ý Lan chưa nghĩ tới. Loay hoay một lát hỏi thăm sức khỏe, hỏi thăm gia cảnh từng người, thấy các quan đều có điều đáng mến và ai cũng tỏ lòng tôn quý mình, Ý Lan đã vững dạ. Chợt lóe lên trong đầu các buổi thiết triều do nhà vua điều hành, còn Ý Lan ngồi sau vách tường khán thính trước khi nhà vua vào cuộc viễn chinh và trao quyền lưu thủ. Ý Lan tự nhủ: "Ta thử bắt chước công việc của nhà vua xem sao". Thế rồi bà ngồi lại ngay ngắn, nghiêm trang tay giờ chiếc hốt vàng ra phía trước nói đồng dục:

- Hoàng thượng đi đánh dẹp phương nam, vậy chớ hơn một tháng từ khi xa giá viễn chinh trong nước có việc gì hệ trọng thái sư cho nghe.

Câu hỏi bất ngờ của thần phi mang tầm bao quát không chỉ khiến các quan giật mình mà ngay cả thái sư cũng có phần nể trọng.

Thái sư sai các quan ai giữ chức trách gì thì tâu báo phần đó. Ý Lan chăm chú lắng nghe, thực tình bà nghe để mà nghe chứ không thể phân biệt được đúng sai, tốt xấu. Nghe xong bà phán:

- Trong khi hoàng thượng viễn chinh, các quan vẫn miễn cán với công việc thế là tốt, khi hoàng thượng khải hoàn ta sẽ tâu lại để người khen thưởng các ông. Vậy các ông phải tận tâm gắng sức làm cho mọi việc tốt

hơn. Rồi quay về phía thái sư Ý Lan lặp lại câu hỏi xưa Lý Thánh tông thường hỏi:

- Việc biên cương có ổn không, phía bên kia nhà Tống có rục rịch việc động binh không thái sư.

Thái sư Lý Đạo Thành giật thót mình tự như: “Người này quả là lợi hại, không thể xem thường, nếu quyền bính vào tay bà ta thật sự chẳng biết là phúc hay là họa cho nước đây!” thái sư nói với giọng trầm tĩnh:

- Tâu Thần phi, bắc thù ta đã có đề phòng, quân Tống không dễ gì xâm nhập. Hiện nay hai bên đều án binh bất động, không bên nào quấy rối bên nào. Còn về triều Tống, chắc về lâu về dài họ không dễ ta yên, nhưng hiện nay họ chưa thể làm gì được. Tống Thần tông lên ngôi lại với Vương An Thạch về triều cho làm tể tướng. Nội tình họ rối nát lắm, chắc còn phải gỡ rối, còn phải chấn chỉnh trong vài ba năm.

Dừng lại một lát, dường như không biết nói gì hơn nữa nhưng Ý Lan lại buột miệng:

- Sắp tới ta sẽ đi thăm viếng một số nơi kể cả chẩn phát cho người nghèo khó, người già cả cô đơn hoặc cúng dâng cho một vài chùa cần phải tu bổ, vậy phủ thái sư sức cho ty ngân khố xuất ba vạn lạng bạc, một trăm đĩnh vàng.

Lý Đạo Thành chấp tay:

- Tuân chỉ.

Ỗ Lan lại nói:

- Việc nước các ông cứ làm bình thường như mọi khi.

Nói xong Ỗ Lan cầm cây hốt vàng hươ lên kiểu như Lý Thánh tông vẫn ra hiệu cho bãi triều, xong dẫu đó bà rời khỏi ghế và ra thẳng kiệu. Ỗ Lan lên kiệu trong tiếng hô lác đác:

- Kính chúc thần phi...

Lên kiệu, buông rèm Ỗ Lan tự cười thầm về cái vai mà bà vừa diễn và chột hiệu ra một chân lý đơn giản. Điều hành đất nước vị tất đã phải là người tài giỏi đảm lược, bí quyết chính là cái ghế quyền lực nó dẫn dắt, từ cái ghế ấy nó qui định và quyết định tất cả. Như ta, một cô gái hái dâu nơi thôn dã, nói hay đến mấy họ cũng bảo ta nói nhảm. Nhưng khi ta đã đội mũ thần phi, giữ quyền lưu thú kinh sư, cầm hốt vàng của hoàng thượng, ngồi ghế trên cả thái sư thì dù ta có ngu tối những lời ta nói ra cũng đều có sức mạnh hơn cả những đạo quân hùng mạnh. Hơn thế, ta còn nói ra cả bạc cả vàng nữa ai dám chống lại ta. Thật ra ta hạ lệnh lấy ba vạn lạng bạc và một trăm đĩnh vàng, số vàng bạc ấy ta cũng chưa biết sẽ tiêu dùng như thế nào, và sự thực trong đời ta chưa bao giờ nhìn thấy số bạc vàng lớn đến như vậy.

Soạn sửa cho một chuyến thăm quê nhưng trước hết Ỗ Lan đi thăm một số danh lam trong kinh thành.

Mở đầu là hai nơi đầu não của hai dòng đạo, đó là chùa Vạn Tuế và quán Thái Thanh, một bên Phật một bên Lão.

Tới chùa Vạn Tuế lần này Ý Lan với tư cách là vị lưu thủ kinh sư ghé thăm. Tăng thống Lâm Huệ Sinh tiếp bà như một vị thượng khách của triều đình rồi dẫn thần phi đi thăm lại các ban thờ Phật, nhà tàng thư, tăng thất và cả cây cối vườn tược.

Khi trở lại trai đường Ý Lan ngỏ ý: “Nhà chùa có cần tu bổ hoặc mở mang xây cất, triều đình sẽ chu cấp”.

Lâm Huệ Sinh nhiệt thành cảm tạ và khéo léo khước từ:

- Thiền lão tôi vô cùng biết ơn về sự quan tâm của thần phi tới việc Phật. Thực tình ngôi chùa này cũng như đạo quán Thái Thanh được Thái tổ triều ta cho khởi dựng cùng với việc xây cất kinh thành Thăng Long từ năm Canh tuất, và cứ sau vài chục năm triều đình lại cho tu bổ. Còn thường niên hổng đâu đều được tu sửa ngay, tất cả đều là tiền của của triều đình chi ra. Bởi vậy thiền lão tôi cùng các đạo hữu chỉ lo việc tu tập và hoằng pháp. Nếu thần phi có lòng mộ Phật thì xin phát tâm đi về các chùa làng hoặc những làng quê nghèo, dù có gom góp dựng được ngôi chùa đất nhưng lại thiếu tiền tạc tượng. Thần phi về các nơi đó bố thí ắt công quá

viên thành. A- di- đà- phật!

- Tăng thống đã dậy thế, đệ tử xin vâng lời.

Ý Lan một mặt muốn thi uy quyền lực vừa được trao, mặt khác lại chưa quen với ngôi vị mới. Và lại đối với các bậc đạo cao đức trọng uy danh tốt vời như tăng thống Lâm Huệ Sinh, thái sư Lý Đạo Thành mà thời gian theo học Ý Lan nhất tâm làm lễ bái sư, chưa hề gì đã sớm thay bậc đổi ngôi được; vì thế cách xưng hô của Ý Lan xem ra chưa nhất quán.

Sau buổi tới chùa Vạn Tuế, thần phi Ý Lan lại tới quán Thái Thanh. Tả thanh đạo là đạo sĩ Lưu Khánh vận áo đạo sĩ, mũ trùm đầu màu vàng, tay cầm chiếc quạt lông, theo sau tới cả chục đạo sĩ ra ngoài cổng nghênh đón thần phi. Ý Lan nhanh nhẹn hoạt bát khác thường, bà vẫn phục sức lộng lẫy có phần diêm dúa, vì bữa nay choàng thêm tấm khăn thêu nhiều màu sắc sỡ, và cặp vòng tai tròn bằng miếng ngọc chén nhỏ có đính các hạt hồng ngọc, bích ngọc, kim cương đeo toong teng hai bên tai cùng với các loại ngọc trên mũ thi nhau tỏa sáng. Theo hầu có tới hai mươi bốn thị nữ và một đô quân tùy long hộ giá đứng cảnh giới xa xa phía ngoài. Đạo sĩ tự tay pha trà, ông mở tới cả chục chiếc lọ, mỗi lọ một màu, mỗi lọ đựng một thứ viên tròn tròn như những viên thuốc kích cỡ khác nhau. Có viên to bằng hạt sen, viên vừa bằng hạt đậu đen, nhỏ nữa như hạt vừng, hạt

kê. Tất cả đều cho vào trong một chiếc bát uống nước có nắp đậy. Khi đã cho đầy đủ các loại mà đạo sư gọi là trà (còn Ý Lan vẫn cứ nghĩ đó là thuốc) vào trong bát, đạo sư liền rót một thứ nước tinh khiết đựng trong bình hình thù cổ quái có tới vài ba vôi. Lúc thì đạo sư rót bằng một vôi, lúc lại rót cả ba vôi. Tuy ba vôi nhưng nước chảy nhỏ giọt chứ không chảy ào ạt. Khi nước vừa đầy tới ngăn vạch, lập tức đạo sư ngừng rót và đậy luôn nắp lại. Một loáng nghe thoáng có tiếng “ục” rất nhẹ như là nước sôi. Và một làn khói mảnh từ vành bát bốc lên kéo theo một mùi hương lạ ngất ngây.

Đạo sư nâng chén trà mời thần phi.

Ý Lan mở nắp thấy mùi thơm ngất và nước có màu chu sa liền hỏi:

- Chẳng hay đại lão cho uống thứ nước gì đây, liệu có phải tiên trà hay tiên dược.

Tả thanh đạo vượt bộ râu trắng như cước dài tới ngực nở nụ cười sáng khoái khen:

- Thần phi quả là bậc thông tuệ. Nước này gọi là tiên trà cũng được mà gọi là tiên dược cũng không sai. Nó hòa hợp từ mười hai vị thảo dược lấy trong rừng đại ngàn kết từ tinh nhựa của các loài cây đã có dư ngàn năm tuổi. Trong tất cả các chất dị thảo ở đây thì chất nào cũng có vị thơm. Nhưng thơm ngào ngạt như thần phi đã thấy, đó là mùi của bạch kỳ nam. Còn màu đỏ

kia chính là ngọc tùng, tức là một thứ nhựa kết tinh thành ngọc đỏ như máu đọng dưới gốc cây tùng trên ngàn tuổi.

- Vậy chứ uống thứ trà này có ích lợi gì.

- Đây là trường sinh trà. Lão nạp nhờ có nó mà suốt đời không bệnh tật, da dẻ hồng hào như da trẻ sơ sinh. Thần phi nếu cứ bảy ngày uống một chén trà tiên, thì sắc da sẽ giữ mãi được thế này cho tới tuổi vạn niên.

Nghe đạo sĩ nói về công dụng của loại trà này, thần phi bèn nếm thử thấy mùi thơm mát mà có đủ các vị ngọt, chua, cay, chát, đắng. Uống hết cả chén trà lâu rồi mà cái dư vị đậm mát vẫn cứ còn đọng nơi cổ họng, đáng nói hơn cả là mắt như sáng hẳn lên, máu trong người cứ rần rật như có một mạch nước li ti đang vận chuyển và sâu trong gân cốt các kinh lạc như bùng thúc làm cho khí, huyết liên thông, tâm thần sáng khoái.

Ỗ Lan cảm thấy thứ trà này đúng là một loại tiên dược. Vào cung đã hơn sáu năm nay, nhà vua cho ta hưởng không biết bao của ngon vật lạ trên đời, nhưng thực quả chưa có một thức ăn bổ dưỡng nào, một thứ thần dược nào đem lại cho ta niềm sáng khoái cao thượng như loại nước thơm tinh khiết này. Nghe nói bên Đạo giáo họ tu hành khác lạ lắm. Chẳng biết sự khác lạ ấy như thế nào, tốt hơn hết nên hỏi vị đạo trưởng này.

Nghĩ vậy, Ý Lan bèn lên tiếng:

- Thưa đại lão có nhiều điều chưa được tỏ tường lắm, mỗi tôi mạo muội xin trưởng lão chỉ bảo và đừng chê tôi là kẻ thô lậu.

- Được, thần phi hỏi là phúc hạnh của kẻ tu hành này, xin đừng khách khí, lão đang lắng nghe.

- Dạ, xin được hỏi, mục tiêu cao cả mà các tín đồ Đạo giáo liền năm tu tập để đạt tới là cái gì.

Đạo sĩ vừa trầm ngâm suy tưởng vừa ve vuốt bộ râu dài một lát rồi nói. Ông có giọng nói trầm sâu, từng âm thanh như rót vào tai người ta một thứ mật ngọt: - Tu tập để đạt tới cái gì ư? Người tín đồ Đạo giáo tu tập nhằm đạt tới sự bất tử của thân thể. Thân thể ta chính là một thực thể vật chất, nó là nơi trú ngụ của linh hồn ta. Vì thế nó cần phải được giữ cho linh hồn chứ không thể để cho nó bị hoại diệt. Đạo của chúng tôi nhằm hoàn thiện sự bất diệt cả thể xác lẫn linh hồn. Linh hồn vốn đã là thứ bất hoại bất diệt rồi, vậy chúng tôi phải hoàn thiện cái phần kia nữa, ấy là thể xác.

Ý Lan hết sức ngạc nhiên vì ở trên đời có cái gì sinh ra mà không bị hoại diệt. Các bậc thiên sư, nho sĩ thường nói như vậy và thực tế cũng là như vậy. Ý Lan đã từng chứng kiến biết bao cái chết của bao loài. Cụ Mốc làng Sủi sống hơn một trăm tuổi rồi cũng chết. Cây da giữa làng năm, sáu người ôm, cành lá lòe xòa,

rễ chùm, rễ phụ, rễ nổi, rễ chìm phủ khắp một khoảng đất rộng tới bốn, năm sào nghe các cụ nói cây này đã sống tới mấy trăm năm thế mà cũng chết. Lại như các loài cầm thú, có loài nào đã sinh ra lại không chết đi. Thế mà những người Đạo giáo lại nói tu cho cái thân bất diệt. Lại quá, liền hỏi:

- Đạo sư là bậc đạo cao đức trọng, đứng đầu một dòng đạo mà triều đình hoan hỷ tôn vinh, tôi thật lòng kính ngưỡng nhưng sao trong cái uyên nguyên của kinh truyện mà Lão Tử trước tác, tôi chưa từng đọc và nghe thấy có chỗ nào nói về sự trường sinh bất lão của con người.

- Quả đúng như vậy! Quả đúng như thần phi nói đó. Tổ sư của chúng ta là Thái thượng Lão quân tức Lão Tử có để lại cho đời mấy ngàn chữ gọi là Đạo Đức kinh. Đó là phần thể, tức phần kinh, còn cái mà chúng ta tu chính là phần dụng, tức là các pháp môn tu, tựa như bên Phật các vị cũng phân ra Tam Tạng, tức là Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Kinh tạng chính là phần thể của quý vị đó. Vì thế các vị có tới cả mấy vạn pháp môn tu kia mà. Lại như về bên Nho, họ cũng có phần Hình nhi thượng và Hình nhi hạ. Hình nhi thượng là phần bất biến, Hình nhi hạ là phần khả biến vì thế nho học mới nảy nở ra trăm nhà trăm phái mà người Tàu gọi là Bách gia chư tử.

Đạo sư chợt ngừng lời nhìn thẳng vào Thần phi hỏi:

- Chẳng hay ta nói thế Thần phi có hiểu không?

- Dạ hiểu, mà cũng chưa hiểu ạ, Ý Lan đáp và nở một nụ cười thân mật.

Đạo sư gật gật mái đầu phơ bạc lại thư thả ve vuốt chòm râu rồi hỏi:

- Hiểu mà vẫn chưa hiểu, thế là hiểu rồi đó. Như bên Phật quý vị cho đây là một công án, một sự “ngộ” đạo. Ta không thừa nhận, ta cho đây là một sự vướng mắc.

- Quả đúng là ta hiểu như đại lão dạy, rằng mỗi đạo đều có hai phần như thế và dụng bên quý Đạo. Nhưng còn cái phần mà đại lão nói phải tu cho thân thể trở nên bất tử thì bằng cách nào các vị thực hiện được. Và xin hỏi như đại lão đây liệu có trở thành bất tử không?

Ý Lan vừa dứt lời, đạo sư buông ra một chuỗi cười vô cùng sáng khoái. Sau đó ông điềm đạm nói:

- Biết thế nào mà nói trước được. Tu tập là một sự trải nghiệm và kiếm tìm, tuy nhiên phải có niềm xác tín chân thực chứ không thể vừa tụng niệm vừa hoài nghi. Về trường thọ hoặc đoản thọ của ta, thần phi hãy cứ chờ xem. Chỉ biết tuổi của ta hiện nay đã gấp bốn lần tuổi của Thần phi, ta vô bệnh tật, sức ta có thể leo núi

cả ngày không ăn uống gì cũng được.

- Đại lão nói sao, Ý Lan tròn xoe mắt đầy vẻ nghi ngờ - Cụ đã một trăm lẻ bốn tuổi ư?

Tả nhai đạo lục cười xởi lởi:

- Thần phi còn không tin lời ta hãy sang chùa Vạn Tuế mà hỏi thánh tăng Lâm Huệ Sinh, ông ấy hơn bảy mươi tuổi rồi đấy, nhưng ta lại là chỗ bằng hữu với ông thân sinh của Huệ Sinh đấy, ta hơn ông thân sinh của Huệ Sinh chừng bốn, năm tuổi gì đó.

- Xin đại lão đại xá, kẻ hậu sinh chỉ tò mò thôi chứ không dám không tin đâu ạ.

- Ta biết thần phi có ý đó. Vậy ta nói thêm pháp môn của ta tu tiên bằng cách nào. Trước hết phải thay đổi nguồn thức ăn đã nuôi dưỡng ta từ ngàn đời. Tức là phải đoạn diệt với ngũ cốc, vì ngũ cốc nuôi sống nhiều loài trong đó có loài người, nhưng nó chỉ đem lại cho ta một thân thể nặng nề, trọc trược. Thay ngũ cốc bằng một loại thức ăn khác nhẹ hơn như thuốc và phép thờ dưỡng sinh, và chỉ thu vào cơ thể loại nguyên khí tinh khiết và thải ra các uế khí tích tụ trong lục phủ ngũ tạng. Lâu dần khí trong người được thay hoàn toàn, cơ thể trở nên nhẹ nhõm, con người ta sẽ tiến dần vào cõi bất tử. Nên nhớ luyện đan cũng là một pháp môn không thể thay thế. Khi người ta nuốt thần sa tinh khiết như một thứ thức ăn thường nhật, cơ thể sẽ chuyển hóa

kỳ lạ khiến cho xương cốt biến thành vàng, thịt thành ngọc khi ấy thân thể không có gì hủy hoại được.

Nghe đạo sĩ nói, Ý Lan như bị thối miên bởi thuật trường sinh, nhưng tinh trí lại bà thấy khó tin. Vì rằng đạo sĩ nói, sao bằng Phật nói: “Hết thấy cái có sinh đều có diệt, thọ mệnh cuối cùng cũng phải hết”.

Thật vậy, dù trên cao, dù dưới mặt đất, dù trong rừng rậm, núi cao, hang sâu, vực thẳm cho tới cả đáy đại dương không một nơi chốn nào tránh được cái chết. Ngay đến cả chư Phật, chư Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, còn phải bỏ cái thân vô thường hướng chi là xác phàm. Nghĩ vậy nhưng Ý Lan không phản bác.

Sau quán Thái Thanh, liền mấy ngày tiếp nối thần phi Ý Lan lần lượt đi thăm các danh lam trong kinh thành, trong đó có chùa Diên Hựu, chùa Báo Thiên. Tới đâu thần phi cũng để lại bạc, vàng cúng dâng hậu hi để các thiền sư tùy nghi sử dụng vào việc hoằng dương chính pháp.

Cuộc viếng thăm các thiền sư, đạo sĩ đạo cao đức trọng trong kinh thành Thăng Long, thần phi Ý Lan không chỉ gây được thiện cảm nơi các chức sắc tông giáo mà uy danh của bà còn nổi lên lừng lẫy.

Đúng là Đại Việt ta chưa từng có chuyện hậu cung được trao quyền khi nhà vua còn đang tại thế. Ấy vậy mà mọi việc vẫn cứ êm xuôi. Không những thế còn

được các bậc trưởng thượng tán dương.

Chuyện đồn âm ĩ khắp kinh thành, khắp nước rằng thần phi là người tài năng, đảm lược, nhất là buổi bà điều hành việc nước và sai khiến các quan trong phủ thái sư. Những chuyện không có chân, không có cánh mà vẫn di nhanh như gió nào thần phi Ý Lan là người có tình, hiếu đạo, thương dân, mặc dù bà chưa làm được việc gì cho dân. Còn trong dân chúng kinh kỳ thì kháo nhau về sắc đẹp của Ý Lan, về mũ áo lộng lẫy, trang sức xa hoa, xe kiệu cùng đám nữ tì xinh xắn, quân tùy long người nào cũng trẻ đẹp, oai vệ...

Sau vài ngày nghỉ ngơi, Ý Lan lại lên đường thăm quê hương Thổ Lỗi mà mới năm xưa hoàng thượng gia ân cho đổi là hương Siêu Loại¹.

Hương Siêu Loại có tới hơn mười trang ấp suốt từ Ghênh tới gần bến đò Đông Cứu. Sau bữa nhận được tin đồn từ Thăng Long rằng thần phi Ý Lan (tức cô Khiết, Lê Thị Khiết con gái ông đồ Lê Trung Lương) sẽ xa giá về thăm quê, dân trong các trang ấp thì thầm bàn tán hết chuyện nọ sang chuyện kia. Dân nghèo đói thì mong thần phi trở về thế nào cũng có cuộc đại phát chẩn, may ra kiếm được dăm bảy bữa no. Các nhà có đôi ba sào, dăm bảy mẫu ruộng lại mong thần phi sẽ đại xá tô thuế

1 Năm Đinh mùi (1067) Lý Thánh tông sai đổi tên hương Thổ Lỗi thành hương Siêu Loại. Hương thời Lý gồm nhiều làng (trang ấp).

dài dài. Đám chức dịch mong được thần phi ban thưởng cát nhắc chứ không muốn được tha tô thuế cho mọi nhà. Nếu nhất loạt tha tô thuế thì sao thu được tiền hoành đầu¹, xà xẻo vào đầu.

Đám chức dịch cứ chạy hoảng lên xem có chiếu, chỉ, dụ từ triều đình ban xuống để còn lo trừ bị cho cuộc tiếp rước này. Tin tức vẫn lặng ắng. Tuy vậy họ vẫn tụ hội để bàn bạc sửa sang đường sá, tu bổ ngôi nhà cho bà kế mẫu của thần phi. Mặc dù ngôi nhà đó được làm cách đây mới năm năm thuần bằng gỗ lim, lợp ngói lá đề, xem ra vẫn còn mới. Chỉ có điều là tường chình bằng đất chứ không phải tường gạch.

Cuối cùng vẫn phải có một cuộc họp gồm các bậc cao niên, các trưởng trang ấp, các tộc biểu, các bậc thức giả, các nho sinh trong hương và hòa thượng chùa Siêu Loại đã thu xếp cho ngôi cả năm gian nhà trai đường.

Buổi họp mặt đông đủ này, chức dịch có mời bà góa phụ Lê Trung Lương tới dự.

Nơi hàng chiếu giữa bắt đầu là hòa thượng, thủ tự, tiếp đến là ông hương trưởng, ba cụ ông là người cao tuổi nhất trong hương, bà kế mẫu của thần phi, một cụ đồ già, dăm bảy nho sinh.

¹ Chức dịch địa phương được giữ lại 1/10 số tô thuế để chi cho việc làm sổ sách và thù lao cho bộ máy.

Bắt đầu vào cuộc họp, ông hương trưởng kể lễ khúc nhôi rằng nghe đồn thần phi sẽ ghé thăm quê, nhưng vẫn chưa thấy chỉ dụ của triều đình. Rằng ta có nên chuẩn bị đón tiếp những gì. Ông lại bảo: - Nhờ có thần phi mà hương ta đã được tha tô thuế ba năm liền, miễn sưu dịch ba năm liền. Triều đình lại cấp tiền bạc làm đường sá, cầu cống, tu bổ chùa tháp, cho mở trường để dạy các nho sinh học lên cao. Cấp ba mẫu quốc điền cho kẻ mẫu của thần phi, dân làng phải cấy gặt cho bà nữa. Tước cho bà đồ chưa thấy phong, nhưng lộc thế là đầy đủ. Nay hương ấp muốn sửa sang nhà cửa cho bà đồ, nhưng không biết sửa cái gì, bởi gỗ lim còn chắc chắn lắm. Lại nữa trong hương ấp phải làm những cái gì tôi rồi ruột quá, chẳng biết bắt đầu từ đâu, xin chư vị dạy bảo.

Mọi người không khỏi bật cười vì ông chánh hương trưởng cứ bần cả lên, khăn thì xộc xệch, quần ống thấp ống cao. Quả tình ông không biết bắt đầu công việc như thế nào thật. Lại còn vì đây mới chỉ là tin đồn, chẳng biết Thần phi có về hay không.

Mỗi người mỗi ý thật là sôi nổi, thật là vui vẻ. Ai ai cũng cảm thấy tự hào vì hương mình có người là bậc mẫu nghi thiên hạ.

Kết gút lại cụ đồ nói:

- Thần phi có địa vị cực lớn trong xã hội, nhưng

với Siêu Loại bà vẫn là người con của quê hương. Vì đức khiêm nhường chắc hẳn Thần phi không muốn dân trong hương áp phải vất vả vì cuộc trở về thăm quê của bà. Bởi thế bà ngăn không cho trung thư sảnh báo về. Cho nên dân trong hương áp chỉ nên quét dọn đường làng ngõ xóm cho sạch sẽ không để trâu bò ỉa đái rong đường. Trong các nhà thì chuồng trâu bò, chuồng lợn gà cùng các thứ hôi thối phải dọn sạch, phải tẩy uế. Các bờ rào đậu cây cỏ mọc lan ra lối đi phải phát quang, dọn sạch ấy là cách tiếp đón vừa thân kính gần gũi, vừa không gây tốn kém cho mọi người. Tôi nghĩ làm cách đó Thần phi sẽ vui hơn là bày vẽ ra tốn kém cho dân ắt bà chẳng muốn, vì bà xuất thân cũng gian nan nên bà biết thương người.

- Phải đó! Phải đó! A- di- dà Phật đại lão thiên sư nói xen vào.

Mọi người đều cho lời nói của cụ đồ là chí lý. Nhân thế bà đồ góa Lê Trung Lương cũng lên tiếng:

- Tôi biết ơn dân làng. Biết ơn nhà vua. Biết ơn cô Khiết, nên đời tôi bây giờ sung sướng an nhàn. Ông chánh hương trưởng cùng các cụ muốn sửa sang nhà cửa cho tôi nhưng nó có làm sao đâu mà phải sửa. Lắm lúc tôi cứ nghĩ, nói đại chứ nếu tôi chết mục xương rồi thì cái nhà các cụ làm cho đó cũng chưa hề hấn gì đâu. Các cụ định xây tường gạch cho, tôi xin kiểu thôi.

Tường đất mát hơn chữ!

Mọi người cười ồ vì bà lão quê mùa chất phác. Ra về ai nấy đều thấy nhẹ nhàng. Và ai ai cũng mong sớm được trông thấy Thần phi xem bà có gì khác trước, có gì đổi thay.

Vào một ngày đầu hạ, khi mặt trời vừa lên tới ngọn tre thì ở phía bờ sông làng Ghênh một chiếc thuyền rồng dang ghé bến. Đổ lên bến là một đô quân tùy long, vài chục thị nữ xiêm y rực rỡ, tiếp đó là thần phi Ý Lan, bữa nay bà phục sức thật giản dị. Trên đầu đội chiếc mũ thần phi, đó là phẩm cấp khi ra ngoài phải đội, nhưng hôm nay bà đội mũ mộc không có cài đất các loại hồng ngọc, bích ngọc hoặc kim cương, mã não. Áo gấm trơn màu cánh sen để lộ chiếc cổ cao trắng nõn chỉ đeo mỗi một vòng hạt mã não trong suốt tỏa ánh hồng lên gương mặt hồng nhiên mà tới nay có phần hơi từng trải. Tuy nhiên, mới ở vào lứa tuổi hai mươi sáu hai mươi bảy, nhan sắc của Thần phi được khí lực của tuổi trẻ xốc lên hừng hực sức xuân.

Chiếc kiệu bốn đòn khiêng buồng rèm kín mít chạy theo mời Thần phi ngự tọa. Ý Lan xua tay:

- Các người để ta đi bộ cho ta xem lại đồng đất quê nhà.

Cuối tháng tư, lúa đã vào mẩy, cánh đồng trải một màu xanh cốm, hương lúa thơm ám khác thường, loáng

thoáng có thừa cây sớm đã ối lá gừng. Cánh đồng bị các chòm xóm hoặc các cánh rừng nổi lên như những hòn đảo xanh sẫm chiếm chỗ khiến nó trở nên sinh động như một bức tranh thủy mặc. Đâu đó từ trong xóm, vài nhà thổi cơm sớm thoát ra những làn khói trắng ẻo lả bơi trên các mái tranh ẩn hiện sau những khóm tre xanh, những hàng cau cao vút. Cũng từ những khóm tre xanh rậm rịt kia vẳng ra tiếng gáy chim cu cườm, khiến Ý Lan nao nao lòng dạ nhớ đến thú chơi chim gáy của cha mình thuở trước. Và hình ảnh người cha thân thương hiện ra với biết bao kỷ niệm vui buồn.

Từ trong thôn áp rộn ràng tiếng trống, tiếng hò reo rồi một đoàn người ào ra đường cái quan. Họ chạy về phía những người sang trọng từ bến đò Ghênh đổ lên. Đám quân tùy long vội nhảy lên phía trước toan cản đường.

Thần phi truyền lệnh: “Quân lính không được làm kinh động, dân làng ra đón ta đây!”

Máy viên quan nội hầu cuống lên:

- Xin mời Thần phi lên kiệu!
- Chúng thần xin mời Thần phi lên kiệu!
- Không, ta phải đi bộ để đáp lễ dân làng.

Một loáng những người nông phu mặc áo vải từ các cụ ông râu bạc, tay chống gậy trúc đến các cụ bà lưng còng, các tráng niên, các nam nữ thanh niên đến

các cháu bé đều hồ hởi chào đón người con gái đã làm rạng danh quê hương nay trở lại với quê hương.

Các cụ các bà tay nắm tay Thần phi nhìn ngắm một lát rồi òa khóc vì sung sướng, các trẻ em cố len lách kiếng nhón để nhìn thấy mặt Thần phi. Những người ở phía sau thì cất tiếng hô to: “Kính chào Thần phi! Dân hương Siêu Loại kính chào Thần phi!”

Mấy vị chức dịch chạy mãi miết không đuổi kịp dân làng. Mãi lúc sau ông hương trưởng vừa thở hào hển vừa gỡ tấm khăn đã tụt hết xuống cổ, vội sửa sang đầu tóc ra mắt Thần phi. Ông chấp tay vái:

- Bẩm bà, dân hương ấp không biết lễ nghĩa triều đình, lại cũng chẳng biết lúc nào bà về nên không tập hợp được đông đủ, lại chẳng dựng được cổng chào, không kịp bày hương án cung nghinh, kính mong bà thương tình đại xá.

- Không sao đâu ông hương trưởng, Ý Lan xua tay và nở nụ cười thân thiện nhìn mọi người - Chào bà con, tôi là con cái của hương ấp, nay về thăm quê hương vẫn cứ là con cái như xưa thôi.

Một cụ bà lưng còng chống gậy cố leo vào ngược nhìn Ý Lan, cụ nói:

- Quý hóa, quý hóa quá! Xin Trời Phật độ cho bà sung sướng trọn đời. Cụ nhà miếng bã trầu ra cầm trên tay, miếng tróm trém đầy những vụn trầu cau ra khỏi

môi.

Ý Lan cúi xuống nắm tay cụ già, giọng cảm động:

- Cụ ơi, đúng là Trời, Phật độ cho cháu đấy. Nếu không có trời soi xét, Phật dẫn đường thì cháu vẫn chỉ là đứa con gái hái dâu chăn tằm thôi, tích sự gì đâu.

- Đào ơi, cụ già nói - người ta cứ bảo làng ta đất phát về đấng ông bà đồ. Sinh con gái như các cụ nhà ta thế mới là sinh chứ!

Dân làng ùa đến mỗi lúc một đông, đoàn người cứ nhích dần từng bước, Ý Lan vẫn không chịu lên kiệu cứ nắm tay người này chào hỏi người kia, riu ran như như cô Tấm đi hội.

Cuối cùng rồi mọi người cũng đến sân chùa. Dân trong hương áp đứng chật ních vòng trong vòng ngoài. Ý Lan vừa tới, mọi người hô vang dội:

- Kính chào Thần phi!
- Kính chúc Thần phi vạn an!

Ý Lan xúc động vẫy chào mọi người. Chợt trông thấy đại lão hòa thượng từ trong nhà tổ bước ra sân, Thần phi liền đi về phía đó chấp tay cúi đầu vái hai vái, miệng nói:

- Đại lão hòa thượng còn nhớ con không ạ.
- A- di- đà Phật! Sao ta chẳng nhớ cái cô gái héo

hơn lòng dạ lúc nào tới chùa làm công quả cũng lên lên tam bảo cầu xin Phật tổ, Bồ tát Quán Thế Âm được giải thoát.

- Ôi từ ngày đó, bạch đại lão hòa thượng tâm con đã dễ trợn nơi cửa Phật. Con nghĩ, nếu không có đại lão bố thí làm cầu nối để Phật độ cho, con chắc không sống nổi tới ngày nay. Từ đó, con cứ dinh ninh đại lão chính là hậu thân của đại Bồ tát Quán Thế Âm có con mắt nhìn suốt tám cõi và tầm lòng hiểu thấu ngàn đời.

- Đâu dám, đâu dám hòa thượng xua tay, Thần phi đừng nói nữa khiến ta mang tội bất kính đối với chư Phật, chư Bồ Tát và cả chư Thiên.

Ý Lan xin được lên chánh điện hành lễ. Nội thị đem dâng ba mâm hoa quả, trà oản và một mâm có hai chục lạng bạc cùng năm đĩnh vàng ròng.

Lễ Phật xong, thần phi ra tiếp kiến với chức dịch và dân làng, nói vài lời thăm hỏi và khuyến dụ các việc phải làm. Lại biểu làng ba chục lạng bạc, năm đĩnh vàng để làng dùng vào các việc công ích. Sau đó thần phi cáo từ mọi người để về thăm nhà, lễ gia tiên.

Ý Lan nhận thấy thời gian thay đổi nhưng dân trong trang ấp dường như chưa có gì thay đổi. Nhà cửa, đường ngõ vẫn như xưa. Có điều rằng biết ta về nên dân làng dọn dẹp, quét tước sạch sẽ tựa như ngày nào nhà vua về đây mở hội cầu hôn. Ta đi thăm bữa nửa

tháng chắc đâu lại vào đấy thôi. Đúng là ta thì thay đổi một trời một vực, còn người nông phu thì vẫn cứ thế thôi. Năm tháng qua đi, đời người qua đi nhưng cuộc sống của lê dân vẫn cứ côi cằn thê lương.

Vừa bước chân vào đầu ngô, Ý Lan cảm thấy gai rợn cả sống lưng, nàng cảm thấy như mẹ đã đứng đón mình còn cha vừa vê môi thuốc Lào vẫn còn cầm trên hai đầu ngón tay tròn vo như hạt ngô thì dừng lại và hai mắt cha đau đáu nhìn thấu lòng ta. Ôi mẹ, ôi cha những ngày lặn lội, lao đao. Tự nhiên nước mắt cứ ứa ra từ hai khóe mi. Đầu hè con chó vàng vừa hực lên một tiếng rồi chạy ra đầu sân vẫy đuôi mừng tựa như nó đón người chủ cũ, kỳ thực con chó mới nuôi được hai năm. Không hiểu con chó này tinh khôn hay nó cũng nhiễm thói tật của con người thấy người sang nhận quà nhận quấy.

Bà mẹ kế đang nấu cám lợn trong bếp thấy có khách vào vội dập tắt môi lửa chạy túa ra sân. Bà có biết chuyện cô Khiết sẽ về thăm hương ấp, nhưng chưa biết cô ấy sẽ về vào lúc nào. Chẳng biết có phải người này không, vừa từ trong bếp ra, khói lóa cả mắt, bà nhìn chỉ rõ người chứ không rõ mặt.

Bỗng Ý Lan ôm chòng lấy hai vai bà mẹ kế kêu như thét: “Dì! Dì ơi con về đây!”

Bà đồ, bà kế mẫu, bà góa phụ ôm chặt lấy ngang

thất lung Ý Lan, kêu không thành tiếng:

- Con! Khiết đấy à con! Rồi òa khóc. Cả hai dì cháu cùng khóc nước nỡ. Họ vui mừng vì lâu ngày, quá lâu ngày rồi mới được gặp lại, không nén được xúc động, nên cũng không cầm được nước mắt. Đúng vậy không, hay là họ cùng hối hận vì trước đây họ đều có những việc hành xử hơi thái quá với nhau và đây là những giọt nước mắt ân hận, những giọt nước mắt vui vầy và cả hóa giải. Ôi đảng nào thì hiện nay cả hai đều là những người sung sướng nhất. Có điều rằng phần họ được thụ hưởng không giống nhau. Tuy nhiên đối với bà kế mẫu của cô Khiết, thì cảm nhận của bà tựa như đang sống tận trên thiên đàng. Còn cô Khiết tức thần phi Ý Lan, mẹ của hoàng thái tử, sẽ là vua nối mai này, danh vọng địa vị của bà là tột đỉnh của ước mơ.

Sau phút đôi hồi ngoảnh ra, họ hàng, xóm giềng, bà con đã kéo đến đầy nhà, chật sân. Nắm tay người nọ, hỏi han người kia, Ý Lan không bỏ sót một ai, không quên một ai. Có vài đứa trẻ mới lớn, thần phi không nhận ra chúng liền hỏi kế mẫu:

- Dì ơi, mấy cháu này con nhà ai vậy nom quen quá đi thôi.

Bà dì nở từng khúc ruột, vì như thế có nghĩa là nó không giận mình nữa, nó không chấp mình nữa. Với vẻ xởi lởi bà nói:

- Cậu bé đóng khố kia là con ông Chanh mà con bảo nom mặt quen quen đấy. Cái đứa mà con đang nắm tay đấy là con nhà ông Bưởi chứ con ai. Con bé có cái môi đỏ chót da dẻ hồng hào ngày cô về triều nhà Lành đã đẻ nó đâu... Sau khi nghe bà kể mẩu kể một chuỗi những con nhà... con nhà... Ý Lan cười tươi nói:

- Giời ơi thuận con cháu các ông các bà trong xóm trong làng cả, hồi con vào triều chúng nó còn bé quá, có đứa còn chưa đẻ, thảo nào con không nhận ra.

Làng xóm đến thăm hỏi còn chưa kịp uống nước đã vội vã cáo lui, vì rằng bà con người họ Lê ở các chi đang đem lễ vật, cỗ bàn đến để làm lễ tạ ơn tiên tổ đã độ trì giúp rập nên họ Lê mới có được vinh hiển như ngày hôm nay. Mùi hương xạ thơm lừng, mùi hoa trái phảng phất hương thơm. Tiếng khấn lẩm rẩm của ông trưởng tộc, tiếng trò chuyện ào ào của mấy cụ bà miệng móm xệu vì rụng hết răng. Dù chuyện gì, dù nói to, nói nhỏ đều xoay quanh có một Ý Lan. Chỉ có khen, khen hết lời cái thời oanh liệt của ông bà đồ Lê Trung Lương. Ông đồ hay chữ, nhiều học trò. Ông đồ bốc thuốc hèo tay, thương người bệnh, xả thân cứu người đến bỏ cả thân mình. Bà đồ nhan sắc, đoan trang, đức hạnh, đảm đang, chữ nghĩa giỏi giang đúng là một gia đình gia giáo.

Họ hàng, bà con càng đông đức gằn gũi thân tình

với thần phi bao nhiêu thì càng khó cho các nữ tì, các lính vũ vệ bấy nhiêu. Vì rằng với quê hương, thần phi có tác lòng báo đáp, nhưng không thể xem thường những điều bất trắc. Giờ đây hoàng thượng đang xa giá viễn chinh, thần phi được trao quyền lưu thủ, cũng tức là đang tạm thời nắm giữ ngôi nước, thế thì việc bảo trọng lại càng thêm quan trọng. Mặc dù Ý Lan đã nhiều lần làm nghiêm với những người hộ giá rằng hãy để cho bà được sống chan hòa với quê hương trong những giây phút hiếm hoi này.

Không thể không tuân mệnh, nhưng cũng không vì thế mà lơ là trách phận, viên tả uy vệ đành phải cho quân cải sắc phục, giả làm những người dân trà trộn vào với đám đông đang xán lại chỗ thần phi. Cúng lễ xong, tiệc tùng xong thần phi bèn trao cho ông tộc trưởng một trăm lạng bạc với năm đĩnh vàng và dặn phải xây ngôi nhà thờ họ: “Phúc đức là ở việc tu dưỡng và thi ân bố thí, thờ cúng là tỏ tấm lòng hiếu kính với tổ tông. Tu dưỡng là việc của mỗi người, thờ cúng là việc của cả dòng họ. Việc của mỗi người thì mỗi người phải tự lo, ai dầy công tu dưỡng theo nghiệp thiện, người ấy tạo được nghiệp thiện và được hưởng quả phúc tròn đầy. Còn như việc thờ cúng tổ tông dòng tộc tuy là việc của cả họ, kỳ thực cũng là việc của từng người, ông tộc trưởng gắng làm gương tốt cho con cháu trong họ, để vun đắp cây đức cho sum xuê, cho con cháu mai sau

chắc sẽ nên người mà dòng họ Lê ta cũng vì thế mà được trường tồn. Tôi tuy là con gái nhưng quyết không xem mình là ngoài tộc đâu”.

Ông tộc trưởng đỡ lấy khay kim ngân đặt lên bàn thờ tổ vái ba vái rồi quay ra vái Ý Lan hai vái, trước đông đảo bà con trong họ, ông nói lời hứa hẹn.

Hôm sau, thần phi xa giá sang Đông Cứu. Bà vào chùa, tại đây dân hương ấp đã có mặt đông đủ từ sáng sớm để đón, nói cho đúng là để chiêm ngưỡng thần phi. Vì rằng mọi người đều biết bà là người Lỗi hương, con cụ đồ Lê Trung Lương. Cụ đồ Lê Trung Lương đối với cụ đồ Lê Minh Quang bên Đông Cứu lại là chỗ bằng hữu thâm giao nhiều người còn nhớ đã từng gặp bà theo cha sang thăm nhà cụ đồ Lê Minh Quang. Bởi thế, những người đến đây chào đón thần phi ngoài cái sự kính quý ra thì nhiều hơn là sự hiếu kỳ. Sau khi đã có vài mời úy lạo dân làng, cúng dâng Tam Bảo hai chục lạng bạc cùng hai đỉnh vàng, đốt ngột thần phi sai rẽ kiệu vào lối nhà cụ đồ Lê Minh Quang. Đúng dịp bữa nay học trò các khóa kéo nhau về Đông Cứu chúc thọ nhân thầy tròn thất thập.

Nghe tin thần phi tới, cụ đồ cảm động chỉ kịp quơ tấm áo dài quàng vào cổ, học trò vội chụp cho cụ cái khăn lên đầu, xô chân vào đôi guốc gộc tre đi được ba bước trượt chân lại bỏ guốc đi chân đất, tay chống chiếc

gậy Trúc Phật Bà, bước đi loạng choạng giữa hai hàng học trò, anh đỡ bên tả, anh nâng bên hữu, mắt cụ mở to, nhưng trắng như cùi nhân nên mọi vật với cụ đều mờ mờ nhân ảnh.

Nom thấy cụ đồ, Ý Lan xúc động chạy ào lên nắm lấy tay cụ và luôn miệng kêu:

- Lão bá! Lão bá! Con về đây, con là Khiết, Lê Thị Khiết, con cụ đồ Sủi về thăm lão bá đây. Rồi nàng bật khóc: - “Lão bá ơi lão bá. Lão bá đây, cha con đâu lão bá!”

- Khiết đấy ư con! Già mừng cho con, nhưng không bao giờ dám mong con lại về thăm. Đúng là con của bạn ta rồi. Gia đạo! Ôi gia đạo nhà họ Lê mới sáng rõ làm sao, hèn chi mà con được hưởng phúc ấm tổ tông.

Bất chợt cụ đồ làng Gủ lùi lại vái Ý Lan hai vái và nói líu ríu vì cơn xúc động chưa qua:

- Thần phi! Xin thần phi tha tội chết cho lão già đầu óc ngu ngơ. Cụ toan sụp lạy.

Ý Lan vội chạy lại đỡ cụ đồ, mắt đang lóa vừa kịp lau, nói lời chân thực:

- Lão bá ơi, lão bá nữ đoạn tình với cha con con hay sao mà lão bá coi con như người đứng thế.

- Thần phi, lẽ quân thần không thể xem thường, tội khi quân mất mạng như chơi.

- Lão bá, đây là gia đình chứ không phải triều đình. Đoạn Ý Lan quay lại phẩy tay ra hiệu cho đám quan Củng thánh đang theo hộ giá:

- Các người lui ra ngoài khuôn viên nhà lão bá để ta bái kiến tiên sinh cùng các nho sinh.

Lập tức đám quân tùy long và cả lũ nữ tì đều ra hết phía ngoài rào.

Ý Lan đi theo ông đồ vào trong nhà, nhác thấy các nho sinh nhìn mình với con mắt thiện cảm và cả sự dè dặt.

Từ lúc bước vào ngõ, Ý Lan đã để mắt kiếm tìm hai người quen cũ, ấy là Nguyễn Sĩ Thoại và Lê Văn Thịnh mà vẫn chưa thấy, hay là họ thay đổi tới mức mình không thể nhận ra.

Vừa ngồi vào bàn trà đối diện với cụ đồ, Ý Lan đưa mắt thấy khắp các cột trong nhà, cột nào cũng treo kín câu đối liền cửa học trò mừng thọ thầy. Trên bàn thờ tổ tiên chất đầy những bao trà, bánh, trái và cả một mâm xôi và hai bên cột có hai người đang đứng trên ghế cao treo bức đại tự sơn son thiếp vàng, chắc là của các học trò dâng thầy. Treo xong hai người liền thông thả đi về phía Ý Lan và cùng sụp xuống lễ thầy đồ ba lễ, đoạn quay sang vái Ý Lan hai vái.

Cụ đồ mắt tuy kém nhưng cũng biết ai đang lễ sống mình, còn Ý Lan sau khi nhận ra hai người vừa vái

mình kia chính là Sĩ Thoại, là Lê Văn Thịnh liền đứng dậy vái lại mỗi người đúng hai vái rồi nói:

- Sao hai anh lại vái tôi, giới ơi hay là không nhận ra người quen cũ. Tôi vẫn nhớ ơn anh Sĩ Thoại, sau khi cha tôi mất thỉnh thoảng anh còn ghé thăm dì cháu tôi, cho tôi mượn sách; lại nhìn vào gương mặt tuấn tú của Lê Văn Thịnh nói tiếp - Còn anh Thịnh sau khi phơi bộ Mạnh Tử còn tiếp tục phơi những bộ sách nào nữa. Các anh thật sự là những bậc nho quân tử, bậc kỳ tài sao vẫn chưa chịu ra giúp nước, giúp đời.

Ý Lan nhận thấy Sĩ Thoại không thay đổi mấy vẫn gương mặt phúc hậu, cử chỉ từ tốn, nhã thiệp. Anh ấy hơn ta hai tuổi, năm nay vào tuổi hai mươi tám. Lại nhìn Lê Văn Thịnh, quả là Thịnh có thay đổi nhiều, người cao, săn chắc đã vào tuổi trưởng thành nên gương mặt như được khai minh nom khôi ngô, tuấn tú khác xa gần chục năm về trước. Hồi ta gặp trước, Thịnh mới mười hai, mười ba tuổi, Thịnh kém ta hai tuổi, năm nay cậu ấy hai mươi bốn tuổi, chẳng chác là phải rồi.

Nghe Ý Lan hỏi, Sĩ Thoại mỉm cười, Lê Văn Thịnh đỏ mặt. Sĩ Thoại đáp:

- Thần phi trách chúng tôi “sao lại vái”. Ấy là cái lễ vua tôi không dám không giữ. Thực ra ngoài tình quê hương, tình đồng hương tôi còn là học trò được thầy dạy dỗ chẳng khác đáng sinh thành, ơn ấy còn chưa

kip báo nên sống để dạ, thác ất sẽ di ngôn lại cho con cháu há lại dám quên sao. Còn như việc đi lại thăm hỏi gia đình sau khi thầy tạ thế, hoặc đôi khi đem một hai cuốn sách cho mượn đó là cái nghĩa của người học trò đối với người thân của thầy, sao dám ngộ nhận là công lao được.

Tiếp đó Lê Văn Thịnh cũng nói:

- Thần phi hỏi khiến Thịnh tôi thêm xấu hổ. Chuyện phoir bộ Mạnh Tử chẳng qua là tính hiếu thắng của một đứa trẻ nít. Thuộc nhiều sách mà không biết sách nói gì, không làm được việc gì có ích cho đời thời có khác chi một con vẹt. Thuộc nhiều sách sao bằng làm ra sách giúp vua giáo hóa nhân quần, kinh bang tế thế khiến nước thịnh dân giàu, mở mang bờ cõi, bắc nam không một nước nào dám nhòm ngó. Tiếc thay Thịnh tôi lại không có được cái tài đó. Hóa nên khi thần phi bảo lữ anh em chúng tôi là “nhỏ quân tử”, là “bạc kỳ tài” làm tôi ngượng chín người thiếu nước phải độn thổ.

Ông đồ ngồi nghe mấy anh em trò chuyện mà thấy ấm lòng. Ông thầm khen Ý Lan giàu sang quyền thế mà không quên bạn cũ của cha lúc hàn vi, thế là người có nhân.

Tới lúc này dám các học trò của cụ đồ, nhất là các người trong độ tuổi thanh niên, tuổi tráng niên đã lặng lẽ kéo đến nghe thần phi ngồi hầu chuyện thầy và đôi

đáp với mấy anh mà thần phi vốn quen biết.

Nghe hai người nói xong Ý Lan cười thân mật rồi nắm lấy tay cụ đồ nói:

- Kia lão bá, lão bá có nghe hai người về một bè cự nự lại cháu không. Lại quay nói to như để mọi người cùng nghe - Hiện nay số nho sinh đã học lên bậc cao, nhiều nhất vẫn là ở kinh thành, vùng ta đây tuy có ít hơn trên Thăng Long, nhưng lại có nhiều người giỏi hơn. Nhân ghé thăm lão bá là bậc sư phụ đã rèn dạy không biết bao nhiêu người có tài có đức đã ra giúp đời, may mắn lại được diện kiến cả một nho lâm trước cửa Khổng, xin hỏi các vị có ý nguyện gì muốn tỏ bày với hoàng thượng xin cứ tự nhiên, tôi sẽ tâu lại với nhà vua một cách trung thực sau cuộc bình Chiêm trở về.

Có ai đó nói nhỏ: “Thần phi nói giúp thêm vào”. Ý Lan cười rất tươi - Đương nhiên tôi sẽ nói thêm vào nữa chứ.

Cuộc trò chuyện thật là cởi mở, dường như sự cách ngăn, sự e dè lúc đầu không còn nữa.

Thấy thần phi nghe được câu nói nhỏ của ai đó và trả lời với một tình - cảm gần gũi thân thiết, khiến mọi người cười ồ lên một cách vui vẻ. Và thế là đua nhau nói, không khí trở nên sôi nổi, có phần ồn ào nữa, làm mấy người trong đám quân hộ giá cứ chạy qua chạy lại xem xét, dò thăm.

Cuối cùng thần phi kết gút lại:

- Sở nguyện của các nho sinh qui hợp lại là mong triều đình sớm mở khoa thi, có đúng vậy không nào?

- Đúng ạ! Đúng ạ!

- “Mong triều đình sớm mở khoa thi”, chỉ có bấy chữ thôi nhưng trong đó chứa đựng sở nguyện không chỉ của các vị mà còn là sở nguyện của cả nước, cũng là sở vọng của triều đình. Tôi tin chắc các vị sẽ sớm được toại nguyện. Tuy nhiên phải bắt tay vào khổ học, khổ luyện để rèn đức, rèn tài ngay từ bây giờ đi, kéo muộn đấy, kéo đuối tiếc đấy, kéo ân hận đấy! Nói xong thần phi đứng dậy vái cụ đồ hai vái, giơ tay vẫy chào mọi người rồi cáo lui.

Đám nho sinh hồ hởi hô vang:

- Chúc thần phi thượng lộ bình an!

Giã từ quê hương, thần phi còn rong ruổi kinh dinh về các lộ, tới những nơi thôn cùng xóm vắng thăm hỏi và chẩn phát gạo muối cho những người thiếu đói, lại bàn bạc cùng các vị thiền sư nơi các danh lam xem làng xã nào trong vùng dân nghèo quá, không có sức dựng chùa, dù là chùa tranh tre, tượng đất thì các vị cứ đứng ra trừ liệu, triều đình sẽ chu cấp phần vật liệu, còn công sức do dân sở tại tự lo.

Không ngờ cuộc du ngoạn của Ý Lan lại trở thành cuộc kinh dinh vô tiền khoáng hậu của một bậc vào hàng

phi. Hương danh của bà vang dội khắp nước, từ các bậc quan cao chốn triều trung đến các bậc tôn trưởng trong hàng giáo phẩm đều thừa nhận bà là người có tâm, có đức kể cả có tài nữa. Từ các bậc nho sĩ đến nho sinh đều tôn bà là người biết nhìn xa thấy rộng. Người dân nghèo từ kinh sư đến các trấn, lộ kể cả nhiều nơi bà chưa đặt chân tới đều tôn bà là Phật Quán Thế Âm sống.

XXV

Các quan dã có mặt đông đủ trong thuyền ngự. Vua sai đại tướng tiên phong nguyên soái Lý Thường Kiệt tâu báo về việc lấy lời cung của viên phó đô tổng quản hải binh Champa.

Lý Kế Nguyên lại treo tấm bản đồ nước Champa lên vách thuyền. Thuyền ngự buông rèm che kín bốn mặt không để lọt một tia sáng ra ngoài. Đêm hạ tuần không trăng, không sao, trời biển đều đen kịt. Để giữ kín mọi điều cơ mật, xung quanh thuyền ngự vài chục trượng không một thuyền nào được neo đậu. Các thuyền hộ giá làm thành một vòng tròn bao lấy chiếc Kim Phượng.

Lý Thường Kiệt lấy cây roi chỉ vào cái vòng cong cong chạy ven bờ biển, chỉ vào từng địa danh, nơi thường ngày có hải binh Champa đồn đóng. Đoạn ông nói:

- Tâu bệ hạ, thưa các đồng liêu tên Rami khai rằng, tại nơi quân ta vừa giao tranh tức cửa biển Nhật Lệ này, nếu tính từ cửa Nam Giới tới kinh đô Trà Bàn,

quân Đại Việt mới đi được một phần ba hải trình. Tức là từ đây vào tới cửa Thị Nại ta phải đi một hải trình gấp đôi hải trình ta vừa đi. Y cũng cho biết từ đây vào cửa Tư Dung nếu gió không đổi chiều, mà mùa này thường không đổi chiều vì chưa tới mùa gió chướng, hải trình phải mất đúng ba ngày đêm. Y cam đoan rằng quân Đại Việt sẽ không gặp cản trở ở cửa Tư Dung, vì lực lượng do y nắm giữ đồn đóng ở Tư Dung đã đem hết ra Nhật Lệ làm việc ngăn chặn quân Đại Việt từ xa. Hiện nay dù Trà Bàn có biết Nhật Lệ thất thủ cũng không có cách gì kịp đưa quân ra Tư Dung trước quân Đại Việt được. Vì rằng từ cửa Châu Ổ là điểm gần nhất, thuận mùa gió nam cũng phải đi mất bốn ngày, trong khi ấy từ Nhật Lệ quân ta vào Tư Dung chỉ mất có ba ngày lại thuận gió. Rami cũng khuyên ta nếu ta đánh tiếp vào Trà Bàn thì nên tiến binh gấp, tạo được thế bất ngờ sẽ chắc thắng. Bằng không, quân thủy, quân bộ Champa đi ần hết, quân Đại Việt có đóng lại cũng không lấy được nước Champa mà rút về chắc là khó toàn vẹn.

- Vì sao y là tướng Chiêm, y lại có thể gà cho quân thù điều tâm phúc ấy.

- Muôn tâu, thần cũng có hỏi y điều bệ hạ vừa nói. Y đáp rằng đó là điều hiển nhiên, đã là tướng cầm quân ai cũng biết điều đó. Nhưng không phải vị tướng nào cũng làm được điều đó. Ấy là thần tốc và bất ngờ.

Tâu bệ hạ, Rami là một viên tướng rất đáng trọng về nhân cách. Thần hỏi y có biết vì sao thua không. Y mỉm cười:

- Thua vì bất ngờ, vì tính không giỏi bằng đối phương.

- Chẳng phải ông thua vì lực lượng của ông ít hơn sao.

- Cái đó chỉ là một phần, trong giao tranh quân đông chưa hẳn là quân mạnh. Quân tinh, tướng giỏi không cần đông lắm đâu. Nói xong y lại cười thản nhiên. Thần hỏi tiếp:

- Ta nghe ông nói thì ông là một viên tướng có tài, một viên tướng dũng cảm, tại sao ông lại đầu hàng quân Đại Việt. Khi bị bắt ông có sợ chết không. Y lắc đầu quây quây đáp:

- Không đâu. Không giỏi đâu. Giỏi đã không thua trận. Còn đầu hàng á. Không phải sợ chết mà đầu hàng. Đầu hàng là để cứu sinh mạng cho những người lính vô tội. Và lại họ còn gánh nặng gia đình. Nhắc lại nhé, tôi không sợ chết đâu. Thử hỏi trong đời ai chẳng phải một lần chết. Thế thì chết vì bảo vệ đất nước chẳng hơn chết già sao. Chỉ tiếc quốc vương tôi ngu tối nghe người Tống xúi giục gây hấn với Đại Việt nên mắc mưu Tống, mắc họa với Đại Việt các ông. Tiếc thay!

Thần lại hỏi:

- Đó là điều một viên tướng Champa không thể làm được.

- Ông không sợ chúng ta sẽ dùng cực hình buộc ông phải cung khai sao.

- Dùng cực hình với một đối phương bị bắt thì bất kỳ đội quân xâm lược tàn bạo nào cũng có thể làm được. Nhưng từ đó dễ lấy được bí mật quốc gia đối với một viên tướng Champa chắc không dễ.

- Vậy làm thế nào ta có thể biết điều ta muốn biết, được nói ra từ miệng của viên tướng đối phương.

- Ông có thể biết điều đó với hai điều kiện.

- Điều kiện gì vậy?

- Các ông phải hứa nếu vào được thành Vijaya thì không được giết bậy dân tôi. Nếu vào được kinh thành Vijaya tức thành Phật Thệ hoặc Trà Bàn và bắt được quốc vương Rudravarman III của chúng tôi thì không được phép làm nhục ông ấy.

- Ông không muốn được tha mạng sao.

- Không, bởi không bao giờ các ông chịu làm điều đó. Cho dù tôi có nói đầy đủ các điều bí mật của Champa, các ông vẫn không tin. Tuy vậy, các ông vẫn cần tôi nói ra để các ông so sánh điều mà người của các ông thu thập được có thể tin cậy đến mức nào. Đó là một sự khôn ngoan khi đem quân vào đất lạ. Cũng là việc tiết kiệm máu xương sĩ tốt.

Tâu bệ hạ, Rami là một viên tướng khảng khái, kiêu dũng và yêu nước Chiêm Thành hơn cả sinh mạng ông ta. Cuối cùng ông ta nhắc lại các điều kiện ông ta đòi hỏi và nói ra tất cả những điều ta cần biết. Đối chiếu với những gì người của ta thu lượm được từ Trà Bàn là hết sức yên tâm.

Tâu, sau rốt ông ta nói thêm:

- Trong chiến tranh người ta có quyền lừa dối phương bằng mọi giá. Nhưng vì để cứu lương dân và danh dự ít ỏi của bên thua trận, nên những điều tôi nói là thành thật. Còn về phía các ông, kẻ thắng trận, các ông có quyền bội ước. Nếu việc đó xảy ra thì tôi phải chịu hai lần thất bại, nhưng lịch sử sẽ coi các ông như những kẻ xâm lược tàn bạo và xảo trá.

Nhà vua chau vừng trán, không khí lặng phắc giây lâu. Đoạn Lý Thánh tông nói:

- Chỉ nghe Thường Kiệt thuật lại, ta cũng cảm phục nhân cách của tướng Rami. Thế mới biết nước mất chưa hẳn vì nước nhỏ, quân ít, mà nước mất chính là kẻ cầm quyền ngu tối, bạo ngược. Các khanh nên nhớ lấy điều này. Nếu kẻ cầm quyền tránh được điều ngu tối và bạo ngược thời đó chính là vật báu để giữ nước.

Vua Thánh tông nhìn khắp các tướng lĩnh rồi dẫn lòng nói:

- Ta từng chinh chiến nhiều phen, nhưng chưa

bao giờ gặp một việc khó xử như thế này. Giết Rami ư? Ta thật không nỡ. Chắc các ông cũng nghĩ như ta. Thả Rami ư? Trong lúc này ta không được phép. Thôi được, hãy cứ đưa ông ta theo quân và phải đối xử tử tế, rồi sẽ tính sau. Ngay bây giờ các ông về lại chiến thuyền, cho quân soạn sửa, giờ sửa khởi hành. Nhớ phải luôn cảnh giới không để rơi vào các ổ phục của quân Chiêm. Có cho quân nghỉ lại cửa Tư Dung hay không ta sẽ quyết sau. Điều này phụ thuộc vào sóng gió và sức quân. Dem đại quân đi xa, mọi việc đều phải thận trọng, chu đáo.

Bốn ngày sau đại quân mới tới cửa Tư Dung vì hải trình bị một ngày tắt gió, quân phải thay nhau chèo, thuyền đi chậm, sức quân mệt mỏi.

Cửa Tư Dung bỏ ngõ, đúng như lời tướng Rami nói. Nhà vua cho quân nghỉ lại hai ngày để lấy thêm lương thảo và nước ngọt.

Đời cửa Tư Dung bốn ngày sau đoàn thuyền lại sắp tới cửa Châu Ổ, Lý Thánh tông muốn tiếp tục hành trình nhưng Lý Thường Kiệt xin vua cho quân ghé bến nghỉ lại một ngày để cho lại sức trước khi vào trận đấu cam go.

Lý Thường Kiệt còn xin nhà vua cho phép các tướng xuống từng chiến thuyền, từng đô quân úy lạo quân sĩ. Tại đây vua còn giao trách vụ cho từng đô tướng và ngài tuyên dụ:

- Càng đi sâu vào đất giặc càng gặp nhiều hiểm nguy, cho nên ta càng phải mưu trí, thận trọng. Việc quân ta đánh thắng hải binh Chiêm Thành trên cửa Nhật Lệ là việc khởi đầu cực tốt. Song điều đó chưa phải là mục đích của công cuộc bình Chiêm. Chúng ta phải chiếm được quốc đô của họ, bắt được quốc vương họ, gây cho nước họ nỗi kinh hoàng sâu xa, phải triệt bỏ tận gốc mưu toan của người Tống dùng người Chiêm chọc vào sườn phía nam của ta. Cuộc thảo phạt này sẽ làm chậm lại đáng kể mưu toan xâm lăng nước ta của triều Tống.

Ta lưu ý các tướng, việc quân ta vào nước Chiêm tới nay như vào chỗ không người. Điều đó khiến ta suy nghĩ nhiều hơn là vui mừng. Các tướng chớ nảy sinh lòng kiêu ngạo, răn bảo sĩ tốt chớ có coi thường người Chiêm. Hãy xem viên đại tướng Rami thiện chiến và mưu trí lợi hại tới mức nào, kiên trung khí phách tới mức nào. Một quốc gia có những con người như vậy khiến chúng ta không thể xem thường họ được. Biết đâu chúng ta đang đi vào một cái bẫy lớn. Phía trước chúng ta còn biết bao gian khó. Chặng đường chúng ta đang dẫn tới là chặng đường máu lửa. Nếu quân ta vào cửa Thị Nại không đè bẹp được hải binh Chiêm Thành thì quân ta sẽ bị hất tung xuống biển. Tiếp đó quân ta

không vượt được nhánh sông chật ních loài thủy quái¹ hung dữ hơn cả hổ lang, chúng có thể làm đắm cả một đoàn thuyền và cùng lúc nuốt chửng cả vạn xác người và lừa ngựa.

Vua Thánh tông đột ngột ngừng lời, tựa như nhà vua vừa chợt thấy giống thủy quái kia hiện ra và chúng đang sẵn đuổi quân ta. Đoạn vua lại nói:

- Nếu vượt được nhánh sông này, coi như quân ta đã vượt qua chiếc cầu vòng bằng khói bắc qua sông để tiến vào kinh thành của nước họ. Thế nhưng ngay lập tức ta phải đối trận với đội tượng binh hùng hậu của họ với sức mạnh kinh hoàng như sóng thần, như động đất.

Chiêu một hùm nước rồi nhà vua nhấn giọng - Tất cả những hiểm nguy trên đường chinh chiến, các tướng phải nói lại cặn kẽ cho từng chiến binh hiểu thấu. Không phải làm họ sợ hãi, mà chính là rèn cho họ phải nung nấu ý chí vượt qua và phải thắng. Ta đã có kế phá giặc, nhưng có thắng được giặc hay không lại ở nơi các tướng và mỗi chiến binh. Ta phải đau lòng nói với các ông điều này. Nếu chúng ta trắng tay sau những ngày dài chinh phạt người Chiêm thời phải tính ngay tới chuyện làm nô lệ cho người Tàu một phen nữa.

Lời dụ bảo của nhà vua đã thổi bùng ý chí Đại

¹ Lý Thánh Tông muốn nói đến loài cá sấu, song lúc đó chưa biết tên gọi.

Việt trong lòng từng viên tướng. Và họ sẽ truyền chất men khí phách này cho mỗi chiến binh.

Quân Đại Việt nghỉ lại Châu Ổ thêm hai ngày nữa. Tại đây không hề thấy một bóng quân Chiêm.

Lý Thường Kiệt đi tới từng đô quân để kiểm xét về sức khỏe, về tinh thần binh sĩ, kiểm xét cả vũ khí lương thảo. Tới đâu ông cũng nhắc lại lời dụ bảo của nhà vua rằng chặng đường sắp tới là chặng đường máu lửa cam go, phải nuôi dưỡng ý chí kiên cường để chiến đấu, tuyệt nhiên không được coi thường người Chiêm mà sinh lòng kiêu ngạo. Xem ra tinh thần binh sĩ đang lên cao, ai cũng sẵn sàng xả thân vì nước.

Trong mấy ngày nghỉ tại Châu Ổ, vua sai viên tư thiên giám¹ tính con nước để chọn giờ xuất quân sao cho khi chu sư vào cửa Thị Nai² đúng lúc triều cường, lại sai viên bốc phệ³ bói một quẻ Dịch để biết cát hung mà liệu đường hành xử.

Tư thiên giám đệ trình giờ nước cường, giờ nước rặc. Vua cho các tướng xem và cùng bàn giờ xuất quân.

Quan bốc phệ lại viết tên quẻ Dịch vừa bói được

1 Quan coi về việc xem tinh tượng, thời tiết (tương đương với khí tượng thủy văn ngày nay.)

2 Thị Nai xưa là một cửa biển nước sâu, thuyền phải vào cửa này neo đậu mới dùng thuyền nhỏ mà vào thành Phát Thê qua vài con sông chắn ngang trước thành.

3 Quan chuyên coi về việc bói toán. ở đây là bói dịch.

và chú thêm: “động hào năm” rồi gấp tờ giấy làm tư bỏ trong hộp ngà niêm phong kín để dâng vua ngự lãm.

Vua mở hộp ngà ra coi quẻ dịch đã bốc sẵn thấy động hào năm thì mừng lắm.

Hào năm là ngoại quái. Hào năm cũng chỉ ngôi thiên tử, ở đây trở Chế Củ.

Xem tượng của quẻ thì cuộc chiến sẽ cam go, nhưng kết thúc thắng lợi. Có điều rằng ta công lao khó nhọc vào đây cốt để bắt vua nước nó nhằm răn đe, vậy mà nó lại sống khỏi tay ta chạy đi đằng nào. Nhà vua chợt buồn, rồi lại nghĩ, cũng còn tùy vào cái phúc và cái nghiệp của Chế Củ. Thật ra nghiệp báo này, cái họa này do chính y đã gieo hạt ươm mầm từ các cuộc gây sự cướp bóc, đánh phá không để cho dân ta yên. Bây giờ y phải hứng chịu cái nạn này cũng tức là y phải trả nghiệp. Tạo nghiệp binh đao ắt cũng phải trả nghiệp bằng đao thương.

Thuyền quân đi rợp cả một vùng biển lớn, khí thế ngút trời, gió thuận buồm căng nhà vua lấy làm đẹp ý đã suýt đòi viên tì tướng đem giấy bút ra làm thơ, nếu như không có cặp hải âu cứ bay thông dong theo thuyền ngự, khiến nhà vua chú ý dõi theo đôi cánh trắng ngần của chúng cứ dập dờn lúc thì là là sát mũi thuyền, lúc lại bay trước mũi thuyền cứ như là chúng đem hỷ tín đến cho ta, cứ như là chúng dẫn đường cho ta. Một lát

sau cả hai đều đông lên cao rồi mất dạng.

Nửa đêm thứ ba kể từ khi ra khỏi Châu Ổ thì chu sư bắt đầu vào cửa Thị Nại. Lý Thánh tông cho quân neo thuyền đổ hết người lên bộ rồi nhanh chóng chiếm lấy những đỉnh cao, những bãi đất bằng làm nơi bày trận và đồn trú.

Kỳ lạ, từ sau trận quân ta giao tranh với hải binh Chiêm Thành tại cửa Nhật Lệ tới nay chưa hề gặp lại hải binh của họ. Lý Thường Kiệt nghi họ có thể đã lườn về phía sau quân ta. Và ông hình dung quân mình đang ở vào vị thế bị bao vây. Phía trước là thành Phật Thệ, là đất liền với vô vàn binh lính của họ, phía sau là lực lượng hải binh hùng hậu của họ. Nếu vậy thì quân ta đang ở vào thế bất lợi.

Sau khi hạ trại xong, quân thám về báo, phía bờ sông cách đây hơn hai mươi dặm quân Chiêm đông như kiến, trận thế bày san sát.

Lý Thường Kiệt liền đem mọi điều tâu báo với nhà vua. Sau một thoáng, Thánh tông hỏi lại:

- Quân phía trước thì đã rõ, còn quân phía sau là do Khanh phỏng đoán hay đã nhìn thấy nó.

- Tâu, ấy là thần phỏng đoán.

- Thôi được, cho dù tiền, hậu, tả, hữu tứ phương đều thụ địch, ta cũng đánh. Khanh nên nhớ, đây mới chỉ là thế hiểm nhỏ, với một quân địch bằng cái mắt

muối, ta đem các khanh vào đây là để tập dượt, mai đây còn phải kinh chống với một kẻ địch khổng lồ. Khanh cho bày đối trận tức thì, cũng cho quân thổi cơm tức thì. Nếu quân kia chưa đánh thì cho quân ăn no rồi hãy đánh. Nếu có dấu hiệu quân kia sắp đánh, lập tức cho quân ăn lương khô rồi xông trận. Khanh nhớ để đủ quân tiếp ứng, quân trấn giữ thuyền bè, lương thảo và phòng hải binh Chiêm Thành đánh tập hậu.

Khoảng cuối giờ thìn quân ta cơm nước đã xong, thế trận cũng bày xong chỉ chờ quân Chiêm đưa thư thách đánh hoặc cho quân khiêu chiến.

Quả nhiên một lúc sau từ trận địa quân Chiêm có một kỵ sĩ cỡi con ngựa bạch vút từ trong cánh rừng ra, chạy thẳng về phía trận địa quân ta. Chàng kỵ sĩ một tay nắm cương ngựa, một tay cầm lá cờ nhỏ màu vàng cứ huơ lên không trung.

Ai cũng biết đó là sứ giả của quân Chiêm nên dẫn y vào hấn trung quân. Y quì xuống dâng thư.

Trong số tướng lĩnh của ta có tiền quân hiệu úy Lý Kế Nguyên là thông thạo cả tiếng Chiêm và chữ Chiêm nên được Lý Thường Kiệt sai dịch. Nhắm đọc thấy lời thư bất kính, trước mặt nhà vua Kế Nguyên hơi ngần ngại.

Biết ý, vua giục:

- Khanh cứ đọc to cho mọi người cùng nghe. Trong

chiến tranh lời lẽ ôn hòa hay ngạo mạn cũng đều nhằm mục tiêu khích nhau cả, bầy nhau cả thôi, không chấp nê các tiểu tiết đó làm gì.

Vâng mệnh, Kế Nguyên liền đọc.

“Chiến thư

Gửi quốc vương nước Đại Việt.

Biết thiên tử nước Đại Việt thân chinh nên quốc chủ tôi sai tôi ra đây nghênh đón.

Bố- bì- dà- la tôi chờ đại nhân đã khá lâu mà vẫn chưa thấy tới. Nóng lòng, tôi đã toan đem binh vào Thăng Long nghênh rước đại nhân, vừa lúc đại nhân tới, thật là duyên kỳ ngộ.

Champa tôi tuy là nước nhỏ nhưng biết giữ lễ. Vậy xin thưa vài điều trước khi lâm chiến để đại nhân dự liệu:

- Một là đại nhân đường xa mệt nhọc chưa đủ sức giao tranh thì xin cứ nghỉ vài ba ngày cho lại sức, chúng tôi hứa không động binh trước.

- Hai là thấy binh uy Champa hùng dũng không dám giao tranh thì liệu sớm qui hàng, vua tôi đại nhân sẽ được an toàn tính mạng trở về.

- Ba là vẫn còn dám đánh để vớt vát thể diện trước khi bó giáo lai hàng thì xin ký vào chiến thư này.

Thư bất tận ngôn hẹn gặp nhau trong giây lát.

Đại tướng phó đô nguyên súy Bô- bì- dà- la kính bái”.

Nghे lời thư hỗn hào, xúc phạm các tướng đã có người để tay vào đốc kiếm.

Lý Thánh tông giơ tay ngăn lại:

- Trong khi còn chưa giao chiến không được chém sủ. Ta đã bảo đừng chấp vào các tiểu tiết, các Khanh hãy để lửa giận ấy thiêu đốt quân Chiêm. Đoạn nhà vua cầm lấy chiến thư trao cho Lý Thường Kiệt:

- Khanh phê vào thư này rồi lập tức khai chiến.

Lý Thường Kiệt dỡ lấy tờ chiến thư trải xuống đất rồi lấy bút son viết một chữ “CHIẾN” thật to trùm suốt trang giấy. Tại một góc ông viết lạc khoản:

“Đại tướng tiên phong nguyên soái Lý Thường Kiệt”

Ký xong, tướng quân ném tờ giấy cho viên sứ Chiêm. Y còn đang ngơ ngác nhìn mọi người như là một sự dò thăm thì Lý Thường Kiệt đã nhảy phắt lên lưng con ngựa bạch của y ra roi phi thẳng lên quả đồi gần nhất quan sát trận địa địch.

Bàng hoàng vì sự việc diễn ra chỉ trong chớp mắt, cầm tờ giấy trong tay, viên sứ Chiêm mặt méo xệch vì mất ngựa không biết trở về bằng cách nào đây.

Lý Kế Nguyên vừa đẩy hấn về phía trận địa của

người Chiêm vừa quát:

- Cút! Về bảo chủ mày sang đây mà đòi ngựa. Y cấm cố chạy trong tiếng cười nhạo báng của binh lính Việt.

Quay về quân doanh Lý Thường Kiệt nói:

- Xin hoàng thượng vào nghỉ trong trường hổ, chờ lữ thần phá trận giặc xong sẽ quay lại rước xa giá vào thành Trà Bàn, rồi ông sai khiến:

- Đại liêu ban Hoàng Kiệt lĩnh năm ngàn quân, tiền quân hiệu úy Lý Kế Nguyên lĩnh năm ngàn quân cùng đánh thẳng vào trung quân của Bó- bì- dà- la.

Các vị phải trông nhau mà tiến sao cho ăn ý và tỏ được cái uy của một đạo quân lớn. Hai đạo quân này phải hỗ tương nhau mà đánh. Đánh thật dũng mãnh như sấm sét khiến quân kia trở tay không kịp.

Bó- bì- dà- la lập trận địa trải dài hơn hai chục dặm, số quân ước tính khoảng trên dưới hai vạn tên vì trại quân dày như bát úp nằm dọc theo triền sông. Tên con sông này người mình gọi là Tu- mao, tiếng Chiêm trúc trắc khó nhớ¹ nhưng có một điều các tướng quân và toàn quân phải nhớ rằng đoạn sông án ngữ thành Trà Bàn này có rất nhiều loài sư tử nước. Loại này lên cạn bò bằng chân rất chậm chạp, nhưng ở dưới nước nhất là

¹ Tiếng Champa gọi là sông Kron Biyuh có nghĩa là "sông cá sấu".

khi nó vô môi thì nhanh hơn cả rái cá. Nó có hàm răng sắc chỉ chớp một miếng đã đứt ngang thân con ngựa, các loài tê, tượng lội qua sông còn bị nó ăn thịt.

Bố- bì- dà- la bầy trận quay lưng lại sông Tu- mao đây giống sư tử nước này là quyết tử chiến với quân ta. Một là quân Chiêm hất quân ta xuống biển, hai là quân ta hất quân Chiêm xuống sông. Vì danh dự của nước Đại Việt, vì lòng trung với chúa thượng, ta mong các ông cùng ba quân sẽ đánh tan tác quân Chiêm, bắt chúa Chiêm về dâng hoàng thượng.

- Các tướng nghe đây! Lý Thường Kiệt nói tiếp
- Tán kỵ vũ úy Lý Thường Hiến lĩnh năm ngàn quân đánh vào sườn phía tả của quân Chiêm, ta cũng dẫn năm ngàn quân đánh vào sườn phải hữu của Bố- bì- dà- la. Các tướng phải khóa chặt quân Chiêm lại mà đánh, không cho chúng chạy về hai phía thượng lưu, hạ lưu sông này.

Các tướng điểm quân xong, tất cả đều ào sang trận địa quân Chiêm. Người Chiêm bèn nổi kèn Saranai và trống Paranung. Hai loại kèn và trống này đều có một thanh âm êm dịu, hài hòa thật ra nó chỉ phù hợp với những buổi trình tấu nơi triều đường hoặc miếu đường, nó không phải là nhạc khí dùng trong chiến trận.

Khi quân Chiêm nổi kèn trống, quân Đại Việt liền đáp lại bằng trống đại lược, tù và và cả tiếng chiêng.

Ba loại nhạc khí này một khi cùng tấu lên hết cung bậc thì nó át được cả tiếng sấm sét. Sóng âm của nó lan ra khiến người nghe lẫn đầu tướng như đó là sấm vọng từ trời cao rót xuống, chính vì vậy mà quân Chiêm khi nghe được dàn nhạc khí của Đại Việt xung trận khiến lồng ngực họ đập hỗn loạn, dường như không còn làm chủ được tay cung, tay kiếm nữa.

Quân Việt đánh thốc vào trung quân của quân Chiêm ào ạt như một cơn lốc xoáy khiến quân Chiêm quay cuồng dạt sang hai bên tả, hữu.

Quân Chiêm dạt sang hai bên tả, hữu lại gặp hai cánh quân hùng sỏi của hai anh em Lý Thường Kiệt, Lý Thường Hiến tung ra những đòn trời giáng.

Quân Chiêm Thành thiện xảo nghề đánh thủy. Quân Đại Việt thủy bộ kiêm thông nhưng sở trường vẫn là đánh bộ. Xa thì cung nỏ, gần thì giáo, kích, sát nách thì mã tấu, đoản đao, sát nữa thì túm tóc, lôi chân quật ngã cứ thoăn thoắt, thoăn thoắt khiến quân Chiêm hoa mắt, tối mắt. Hai bên giao tranh từ giờ ngọ đến giờ thân bất phân thắng bại. Quân Chiêm có lúc đã nung, Bó- bì- dà- la bèn hô lớn:

- Hỡi anh em binh sĩ Champa, quân Đại Việt sắp thua rồi, chúng ta đánh dấn lên để hất nó xuống biển hoặc dồn nó vào lòng sông Kron Biyuh!

Nghe chủ tướng kêu gọi, binh sĩ Chiêm Thành biết

rằng nếu họ không hát được quân thù xuống biển thì họ sẽ bị chúng dồn vào dòng sông cá sấu, dồn vào hàm cá sấu. Vì vậy sức quân như bật dậy, như có một sức mạnh thần thánh khiến họ thắng cả sợ hãi lao vào tử chiến.

Trên đài cao, Lý Thánh tông thấy trận địa Chiêm Thành bùng lên sinh khí, nhà vua bèn tung quân thánh dực vào tiếp ứng, sai tả uy vệ Phạm Di, hữu uy vệ Trần Cải mỗi người lĩnh hai ngàn quân tinh nhuệ cùng đánh thẳng vào trung tâm trận địa của Bô- bì- dà- la.

Phụng Càn vương Lý Nhật Trung thấy trận địa quân Chiêm có vẻ khởi sắc bèn xin với nhà vua:

- Sao huynh trưởng không để cho đệ đi tiếp ứng
- Vương đệ cứ nuôi sức đi, ta sắp cần đến em.
- Lúc này mà không được dùng còn chờ đến lúc nào nữa vương huynh, sắc mặt Phụng Càn vương sụ xuống không vui.

- Ta đem vương đệ đi đánh giặc chứ không phải đem em đi du hí, đã bảo ta mới chỉ dùng đến pháo mã chứ chưa phải dùng đến đại xa.

Được nhà vua đánh giá cao, Lý Nhật Trung cười hì hì.

Lại nói về quốc vương Rudravarman đệ tam mãi gần đây ngài mới được biết hải đoàn trấn giữ ở Cửa Hội do phó đô tổng quản phó đô đốc hải binh Rami thống lĩnh đã bị quân Đại Việt đánh tan tại vùng biển Nhật

Lệ. Nhà vua bàng hoàng đứng ngó không yên bèn gọi quan Bố đề¹ đến hỏi.

Quan Bố- đề hấp tấp vào triều kiến.

Nhà vua vặn hỏi về hải đoàn của Rami và hiện tình quân Đại Việt tiến đánh đến đâu, quân ta giao chiến những ở đâu.

Sau khi lấy tấm khăn vải bạch bố lau vầng trán đầm mồ hôi, quan Bố- đề nói:

- Tàu bệ hạ, đất nước ta trải dài theo mép biển kể có cả ngàn dặm, làm sao mà có đủ quân rải khắp nơi được, cho nên quân Đại Việt dẫu có đến, bất quá như khách vắng lai, cho trú tạm đêm bữa rồi họ lại đi, lo gì.

Hải đoàn của Rami làm sao lại có thể bị thua quân Đại Việt được. Bệ hạ chẳng từng nói: “Rami là con cá kinh ngoài biển cá” sao.

Thần đoán là sau khi đánh quân Đại Việt một trận kinh hoàng ngoài Nhật Lệ, Rami đã đưa hải đoàn của mình vào trú tại một hòn đảo nào đấy (thì bệ hạ bảo thiếu gì đảo, biển của ta có cả ngàn đảo), chờ cơ hội thế nào phó đô đốc cũng cho quân quay về đánh tập hậu, nhấn chìm quân Đại Việt xuống đáy biển.

- Phải, khanh nói rất hợp ý trẫm, Rami làm sao mà chết được. Chắc Rami sẽ trở về đánh tan quân Đại Việt,

¹ Chức quan cao nhất triều đình, tựa như tể tướng của Đại Việt.

giữ yên bờ cõi cho trẫm. Nhưng ta hỏi khanh hiện nay quân Đại Việt đang ở đâu.

- Tâu bệ hạ, thần làm sao biết quân Đại Việt lúc này đang ở đâu, bao giờ chúng đến khắc biết.

- Chờ nó đến thì làm sao mà chạy kịp.

- Chạy đi đâu, kinh thành nước Champa ở đây, bệ hạ định chạy đi đâu.

- Lỡ nó đến quân mình có đánh nổi không.

- Trời ơi, bệ hạ còn không tin vào quân mình nữa sao. Thử hỏi dưới gầm trời này có kinh thành nào được phòng thủ mạnh như kinh thành Vijaya (Phật Thệ) này. Từ cửa Vri Bonei (Thị Nại) vào đã có tướng Bó- bì- dà- la cùng hai vạn quân trấn giữ ngay trên bờ sông Kron Biyuh.

Bó- bì- dà- la là một viên dũng tướng bất khả chiến bại. Cho dù thần Shiva nổi giận trừng phạt mà quân ta thất bại thì sông Kron Biyuh sẽ là mồ chôn quân Đại Việt. Bệ hạ chẳng từng thấy chạt một sông cá sấu sao. Lại chẳng thấy vụ một con voi sa chân xuống Kron Biyuh chỉ một loáng đàn cá sấu đã biến con voi thành bộ xương trắng hếu đó sao. Thử hỏi binh lính Đại Việt có to khỏe bằng voi rừng không. Bệ hạ nên nhớ sông Kron Biyuh là một chiến lũy quân thù bất khả vượt qua. Sau Kron Biyuh còn hai con sông nữa, quân Đại Việt dễ gì vượt được. Lại còn đội tượng binh hùng hậu của bệ

hạ nữa chứ.

- Phải! Phải, ta có biết những thứ đó. Ta biết thần Shiva đã ban cho vương quốc của ta những thứ đó để giữ nước Champa mà.

- Thế thì bệ hạ còn phải lo nỗi gì nữa, cứ tiệc yến linh đình rồi xem vũ công, ca công múa hát. Đánh giặc giữ nước đã có binh sĩ và thần Shiva lo giúp. Ôi vương quốc của bệ hạ thật là xứ sở của thần tiên và bệ hạ chính là một vị trich tiên giáng trần.

- Có thật vậy không Bố- đề, khanh nói hay lắm, hợp ý lắm lắm lắm. Nhà vua lúc lắc cái đầu, chiếc vương miện lấp lánh ánh vàng và chói sáng kim cương khiến gương mặt nhà vua thêm rạng rỡ. Chợt vua lại hỏi:

- Nay Bố- đề, nhưng quân Đại Việt hiện giờ ở đâu, ta lo lắm, linh tính mách bảo cho ta hình như quân thù đang chém giết. Ta nghe thoảng trong gió như có mùi máu lợm tanh.

- Bệ hạ đúng là bậc chí thánh. Quân ta với quân địch đang đánh nhau trên bờ sông Kron Biyuh.

Rudravarman đệ tam hốt hoảng vùng lên, chiếc mũ miện rơi xuống thềm điện. Vua hét:

- Thật vậy sao! Quân Đại Việt đã vào sâu đất ta vậy sao. Trời ơi, sao bây giờ khanh mới nói ta hay.

- Tâu, thần vào nhiều lần nhưng quân cấm vệ đều

ngăn lại.

- Sao lại thế, quân hỗn láo.
- Chính bệ hạ đã ban lệnh này. Lệnh rằng khi nhà vua đang ngự yến, đang khán thính ca vũ, cấm vệ quân để cho ai vào quấy phá cuộc vui sẽ mất đầu.
- Chẳng lẽ lúc nào ta cũng yến tiệc sao.
- Không yến tiệc thì bệ hạ ái ân cùng cung nữ, vũ nữ, kẻ nào quấy rối lúc này tội còn nặng hơn.
- Làm gì có chuyện lúc nào ta cũng ái ân.
- Tâu, đúng vậy. Sau các cuộc ái ân thì bệ hạ lăn ra ngủ. Bệ hạ đã từng dụ đám quan nội hầu rằng kẻ nào quấy rối giấc ngủ của bệ hạ thời cứ việc chém trước tâu sau. Quan Bô- đề lấy tay sờ lên gáy rồi rụt cổ lại như để tránh một lưỡi dao vô hình.
- Có những chuyện như khanh nói thật sao? Vua lấy làm ngạc nhiên hỏi lại.
- Tâu, thần chỉ có một cái đầu, rơi là không thể mọc lại, nên không dám dối bệ hạ.
- Ta lú lẫn quá rồi, nhà vua có vẻ ân hận. Vậy chớ lữ gián quan đâu chúng không can ta được một lời.
- Muôn tâu, ở đất nước này không ai dám trái ý bệ hạ, không một ai đủ can đảm đứng ra can gián bệ hạ.
- Kể cả khanh nữa.

- Đúng thế! Không trừ một ai, không có ngoại lệ.
- Thế thì hỏng rồi.
- Tàu bệ hạ đúng vậy, hỏng to rồi, hỏng đến nơi rồi.

Về thất vọng, Rudravarman III giơ hai tay lên trời toan nói một điều gì đấy, chợt nghe thấy tiếng ồn từ đâu đó dội lại, ông lắng tai và lặng lẽ buông xuôi hai cánh tay tựa như một con rối vừa bị tháo chốt vai. Giọng uest oải vua hỏi:

- Ta nghe như có tiếng người ồn ào từ ngoài phố.
- Tàu bệ hạ đó chính là dân chúng trong kinh thành của bệ hạ hết thảy đổ ra đường phố, và họ đang tiến về phía cung điện của bệ hạ.
- Sao, họ định đến chiêm ngưỡng long nhan ta hay cầu xin ta điều gì đấy.
- Tàu, hình như không phải vậy. Họ đang hô cái gì vang vọng đấy, xin bệ hạ hãy hé cửa để nghe rõ hơn. Quan BỐ- đề tự tay mở toang cửa sổ, lời hô của đám đông lọt vào nghe rõ mồn một.

- Xin nhà vua ra cầm quân cản giặc!
- Xin nhà vua ra cầm quân cản giặc!
- Quân Đại Việt sắp tới rồi, nhà vua ra cản giặc!

Rudravarman mặt tái mét, ông nắm lấy tay quan BỐ- đề, giọng lạc hẳn đi, hỏi:

- Khanh bảo ta phải làm gì bây giờ...

Lại nói về trận địa bên bờ sông. Sinh khí quân Chiêm vừa được thống tướng Bó- bì- dà- la thổi vào chưa kịp phát tán, đã bị hai cánh quân thánh dục của Lý Thánh tông tung vào thổi bùng sĩ khí Đại Việt lên.

Quân Đại Việt xốc tới đánh sập lá cờ chém giết quân Chiêm tới bờ. Quân Chiêm gần như kiệt sức, Bó- bì- dà- la mở đường máu toan chọc thủng cánh tả của quân Đại Việt để tiến lên phía thượng lưu sông Tu- mao rồi vượt sông để về hợp sức với phòng tuyến hai căn giặc.

Trong khi đó thì bốn cánh quân Đại Việt từ hai phía tả hữu và trung quân đã chia cắt quân địch thành bốn cụm và họ đang chém quân Chiêm như chém chuối. Từ đỉnh cao trên phía cánh tả Lý Thường Hiến thấy có dấu hiệu phá vây, ông bèn cho quân mai phục bên mép rừng, quả nhiên Bó- bì- dà- la dẫn quân chạy đúng vào hướng đó.

Trời chạng vạng tối, chiến trường yên tĩnh, Bó- bì- dà- la thấy trong người thấm mệt, ông cho quân đi chậm lại. Chẳng bao lâu ông đã lọt vào trong ổ phục. Lý Thường Hiến cho đốt một quả pháo hiệu, quân bốn mặt ào lên xông thẳng tới quân Chiêm chém không sót một người nào.

Quân Đại Việt biết trong toán quân vừa bị tiêu diệt kia có một vị tướng, bởi nằm trong ổ phục họ thấy có

một người oai vệ có nhiều người che chắn. Lý Thường Hiến sai chặt lấy đầu người ấy và sai quân giương cao lên và chạy ngược lại trận địa, quân Chiêm Thành trông thấy chủ tướng bị hại liền buông khí giới xin hàng.

Trận đánh đẫm máu diễn ra trên bờ sông Kron Biyuh từ giờ ngọ đến gần cuối giờ tuất mới kết thúc sau cái chết của viên dũng tướng Bô- bi- dà- la.

Quân Đại Việt vừa dũng cảm vừa có bài bản lớp lang không mắc một sai lầm đáng kể nào, nhưng không phải họ giành được chiến thắng một cách dễ dàng. Về phía người Chiêm tuy thua trận nhưng họ đã chứng tỏ cho đối phương thấy họ chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc Champa của họ đến giọt máu cuối cùng. Họ thua chẳng phải vì họ thiếu khí giới sắc bén hoặc thiếu chí khí quật cường, mà họ thua bởi dân tộc họ thiếu ý chí kiên cường, nên những người cầm đầu đất nước họ có thói quen đánh trận như đánh bạc và chỉ ham nước bạc lớn nên thường bị thua cháy túi.

Quân Đại Việt đốt đuốc thu dọn chiến trường. Đuốc thấp sáng cả một vùng trời đau thương. Ánh lửa rọi nhìn rõ những vùng máu đen ngòm lội ngập ngang bàn chân. Những thân người chết dẫu một nơi thân một nẻo, nằm la liệt xác Chiêm chen xác Việt.

Chiến trường im ắng không còn tiếng gào thét, không còn tiếng hô chém giết, nhưng âm âm một thứ

tiếng rên rĩ của những người lính bị thương chưa hết hẳn, cũng không phân biệt đâu là tiếng rên của quân Chiêm, đâu là tiếng rên của quân Việt, bởi ta chỉ nghe được tiếng âm âm i i hòa vào với tiếng trùng rên rĩ rĩ... như là một thứ ngôn ngữ chung của thân chết.

Sớm ra nhà vua đi thị sát bãi chiến trường, một mùi tanh lợm bao trùm, không khí ắng lặng không một tiếng chim kêu, không một tiếng trùng ran, không một động tĩnh nhỏ. Trải dọc triền sông Tu-mao tới hai chục dặm nơi chiến trận diễn ra mới từ trưa ngày hôm qua biết bao là sôi động là sinh khí, thế mà mới sáng hôm nay nó đã trở thành vùng đất chết. Nhà vua cứ đi qua, từng đồng đầu lâu không xác và từng đồng xác chết không đầu. Cái khó cho những người thu dọn chiến trường lúc này là phân loại xác Chiêm, xác Việt, phân loại đầu Chiêm, đầu Việt. Việc này có thể bắt cả tù binh người Chiêm cùng làm, nhưng trời hỡi làm sao mà lấp được đúng đầu nào vào xác ấy.

Nhà vua lặng lẽ đi, đầu nặng trĩu, lòng quặn thắt. Việc không muốn làm mà vẫn cứ phải làm, ước sao thế gian thôi thù hận để con người được sống với con người trong tình hòa ái. Đoàn tùy tùng lẻo đẻo bước theo sau nhà vua cũng chìm trong không khí nặng nề, u uất.

Nắng lên! Mới sớm mà nắng đã gắt. Nắng nóng làm cho máu oai, cho xác chết đổi màu. Ruồi nặng từ

dâu kéo về bỗng chốc bu đen cả những đồng dâu lâu, xác chết nom như vừa mới được phủ một loạt những tấm vải đen. Và quạ cũng từ đâu kéo về bay rợp trời, chúng thả ra những tiếng kêu réo đình tai nhức óc, chúng sà xuống mặt đất nơi những vũng máu đọng đen sì tanh khẳn, chúng lăn sả vào đám xác chết kiếm ăn. Bây giờ lại thêm một trận chiến cam go giữa quạ và người để tranh giành xác chết.

Vua cho triệu các tướng vào trong trường hổ nghị bàn.

Lý Thường Kiệt tâu báo về trận thắng lớn thứ hai mà quân ta vừa đạt được, nhưng ông lưu ý về việc binh lính đã tỏ ra uể oải bởi cái nắng nơi xứ Chiêm gay gắt.

Nhà vua tuyên dương công trạng tướng lĩnh và binh sĩ. Đoạn ngài nói:

- Trước hết các tướng phải bắt tù binh Chiêm, những người còn khỏe mạnh chôn cất nhanh các tử sĩ, lập riêng làm hai khu Chiêm, Việt cách biệt và tẩy uế chiến trường, nếu không quân ta còn đồn đóng tại khu vực này chỉ ba ngày nữa là ốm hết. Ta lo nhất lại xảy ra nạn dịch. Vì vậy các khanh phải tìm kế vượt con sông đầy thủy quái này, mau chóng tiến vào kinh thành Trà Bàn bắt sống Chế Củ¹. Nếu không mau chóng áp sát Trà

¹ Chính là Rudravarman III, ta phiên theo âm Hán - Việt là Chế Củ người Trung Hoa gọi là Đệ Củ.

Bàn, người Chiêm hỏi sức là ta khó đánh hơn.

Chỉ vào tấm bản đồ, vua Thánh tông nói:

- Từ đây vào thành Trà Bàn phải vượt ba con sông nữa. Bắt buộc ta phải vượt chứ không thể chuyển cả đại quân lên thượng lưu rồi vượt thì thuyền bè, lương thảo, khí giới, thương bệnh binh bỏ lại phía sau quá xa. Vào Trà Bàn quân ta gặp hai trở ngại lớn. Trước hết là dòng sông Tu-mao đầy chát loài thủy quái hung dữ. Thứ hai là đội tượng binh hùng hậu của người Chiêm. Nhà vua ngừng lời nhìn khắp lượt các tướng, lại hỏi - Ai có kế gì đưa quân vượt sông Tu-mao an toàn, ai có kế gì đánh bại đội tượng binh Chiêm?

Lý Thường Kiệt xin nói:

- Để bệ hạ phải lo mọi việc, lữ thần thật dắc tội. Hiện nay thần chưa nghĩ ra kế diệt loài thủy quái, đưa binh qua sông an toàn. Nhưng thần xin bệ hạ cho thư lại chút ít, nội trong ba ngày nữa quân ta sẽ vào thành Trà Bàn.

Dại liêu ban Hoàng Kiện xin tâu:

- Bệ hạ cho lữ thần sáng nay đi thám sát sông Tu Mao để tìm kế vượt qua.

- Sau đây các khanh nên đi ngay, việc binh quý ở thần tốc.

- Tâu bệ hạ - Phụng Càn vương Lý Nhật Trung nói - thần đã có kế phá đội tượng binh Chiêm Thành,

thần chỉ xin bệ hạ cho hai ngàn quân để thần huấn hõ từ chiều nay, bảo đảm qua sông là giao chiến được ngay, thần hứa sẽ dùng toàn bộ số voi đó đánh lại quân Chiêm tức thì.

- Vương đệ nói thử kế phá tướng binh ta nghe.

- Nếu bệ hạ ân chuẩn cho thần tự mình cầm quân thì thần mới nói kế phá giặc.

Nhà vua cười độ lượng:

- Vương đệ chắc lép với ta quá đấy.

- Thần theo bệ hạ đi đánh giặc. Trận Nhật Lệ mới chỉ được ngó vào khúc cuối. Trận Tu-mao lớn thế mà chỉ được ngồi xem các tướng ra quân. Nay không được đánh trận Trà Bàn nữa thì đúng thần chỉ là khách lãng du.

- Thôi được, ta chấp nhận cho vương đệ nhận hai ngàn quân từ chiều nay. Nhưng trước hết đệ phải tường trình kế phá giặc cho chư tướng cùng nghe.

Ngay lập tức Phụng Càn vương mở tráp lấy ra tám bản đồ, ông treo lên vách trường rồi lần lượt trình bày cách phá bày voi trận lão luyện của Chiêm Thành.

Vương trình bày đến đâu các tướng đều gật gù tâm đắc.

Cuối cùng nhà vua nói:

- Ta y chuẩn kế sách của vương đệ.

Lý Thường Kiệt vái vương một vái rồi nói:

- Quả vương là bậc trí tướng, ngồi tại Thăng Long mà dự liệu việc ngoài xa ngàn dặm.

- Quá khen! Quá khen! Lý Nhật Trung đáp lời.

Như chợt nhớ ra điều gì, nhà vua chau vầng trán ngẫm nghĩ, đoạn ngài “à” lên một tiếng.

- Ta nhớ ra rồi! Ta nhớ ra rồi! Tại sao các khanh không đem tên tù nhân phó đô tổng quản, phó đô đốc hải binh Chiêm Thành mà hỏi y về con sông Tu Mao cùng loài thủy quái.

Đúng là mọi người đã quên khuấy người tù binh đặc biệt.

Lý Thường Kiệt sai Lý Kế Nguyên đi tra xét xem người tù binh đó được giam ở đô quân nào, và cho dẫn y về trung quân để bề trên xét hỏi.

Lý Kế Nguyên đi một hồi rồi quay về cùng với viên quan quản lương.

Y tường thuật lại việc hiện không biết mất tích từ bao giờ chiếc thuyền nhỏ có giam viên tướng Rami trong đó cùng với mười người lính Đại Việt. Y nhớ rõ khi ra khỏi cửa Tư Dung chiếc thuyền đó vẫn đi giữa đoàn thuyền lương. Và khi về tới cửa Thị Nại thì chiếc thuyền đó được tách ra khỏi khu vực thuyền lương, đề phòng có biến cố gì chẳng. Như vậy Rami chỉ có thể trốn trong đêm đầu tiên khi vào Thị Nại. Nhưng làm

sao một mình y có thể cưỡng bức được mười người lính mạnh khỏe của ta, trong khi tay y còn đang bị trói.

Lý Thường Kiệt làm nghiêm:

- Rami là một tù binh lợi hại. Ta chưa bàn đến chuyện trị tội các người. Bây giờ tất cả các đô quân đều phải xem xét thật kỹ trong các thuyền lương, thuyền cỏ, thuyền ngựa, bất cứ chỗ nào nghi ngờ y có thể ẩn trốn đều phải lục soát trở đi trở lại nhiều lần. Ta cảnh báo các người rằng, chỉ cần y náu mình vào đâu đó, kể cả ngâm mình dưới nước, ẩn sau các bánh lái thuyền cũng rất khó tìm. Khi đêm về, trại quân yên nghỉ, ra khỏi chỗ ẩn nấp và y chỉ cho một mối lửa vào thuyền cỏ khô thì vụ cháy sẽ khó bề mà dập tắt được vào lúc nửa đêm, thiệt hại sẽ không biết đâu mà lường. Tính mệnh của cả mấy vạn người sẽ trở nên nguy hiểm.

Để trấn an, Lý Thánh tông nói:

- Đúng như đại tướng tiên phong, nguyên soái Lý Thường Kiệt nói, các người phải sục tìm Rami cho bằng được, từ đêm nay trở đi phải canh phòng nghiêm cẩn cho tới khi nào biết chính xác Rami đang ở đâu hoặc y đã chết. Lại nữa cũng không có gì khó hiểu khi các tay võ nghệ siêu quần trốn thoát trong vòng canh phòng nghiêm cẩn. Rami là một tướng có tài, và xem cách y ứng xử đối đáp mà các khanh đã tâu báo, ta nghĩ y là một người quân tử đáng trọng, ta chưa muốn thả y đang

trong lúc hai bên còn lâm chiến, lại càng không thể giết những người như thế. Để cho y trốn, âu cũng là lưu một chút tình với kẻ thù tri kỷ.

Lý Kế Nguyên đem theo một vài thuộc hạ cùng ba đô quân đi về phía sông Tu-mao để xem xét việc có thể bằng cách nào vượt được dòng sông này. Nghe nói trên sông có rất nhiều “sư tử” hung dữ, chỉ cần nó quẫy đuôi cũng đủ đắm thuyền bè. Loài thủy quái này đến voi còn phải sợ. Vì chưa có hiểu biết gì về địa hình núi sông khu vực này một cách cặn kẽ ngoài những gì người của mình thu thập được, nên tướng quân đã chọn một vài người trong đám tù binh mà ông đã kịp tra vấn từ đêm qua. Những người này xem ra có hiểu biết và chịu trả lời những điều mà tướng quân cần biết. Tuy nhiên họ vẫn sợ ta giết nên không dám khai nhận mình là quan cấp gì cả. Biết vậy, tướng quân tỏ ra tôn trọng, hậu đãi, chỉ mong họ giúp mình được cái việc mà mình đang bí.

Đoàn người lạng lẽ đi trong một không gian chết chóc. Những người lính bại trận đang nhẫn nại làm các việc do bên chiến thắng sai bảo. Đó là việc lượm xác chết, chôn lấp các đầu vào cho từng người sao cho những hồn ma sau trận này không cãi cọ, người đòi đổi đầu, người đòi đổi thân. Và quạ vẫn ùn ùn kéo về bay rợp bầu trời, bu kín mặt đất. Chúng không còn biết sợ người nữa, tranh nhau xác chết với người chôn cất. Nhiều khi

có những con quạ đói cứ sán lăn trước mũi mai, cuốc và chúng bị chôn sống cùng xác chết khá nhiều.

Mặt trời đổ lửa xuống bãi chiến trường làm bầu không khí thêm oi nồng bức bối và mùi tanh hôi bốc lên khiến nhiều người nôn mửa, mặt mày xanh xám.

Ba người lính bại trận vẫn đi sát tướng Lý Kế Nguyên và sẵn sàng trả lời những điều ông hỏi. Họ rất ngạc nhiên tại sao ông thạo tiếng Champa của họ và biết nhiều về phong tục của họ đến thế.

Gần trưa mà vẫn chưa tới bờ sông, mọi người đã thấm mệt, Lý Kế Nguyên hỏi mấy người tù binh.

- Còn bao xa nữa thì đến bờ sông có loài "sư tử".

Họ cười hồn nhiên đáp:

- Không có sư tử, sư tử không ở dưới nước, cá sấu đấy.

Lại đến lượt Lý Kế Nguyên không hiểu cá sấu là cái gì, là con gì. Ông không thể hình dung có một loài cá vừa to lớn vừa hung dữ làm vậy.

Cho mọi người nghỉ và dừng lại ăn trưa. Lý Kế Nguyên mời cả ba người tù binh cùng ăn với ông và ngồi riêng ở một góc hơi xa. Họ không uống rượu. Ông hỏi.

- Vì theo tôn giáo hay ngại không uống với ta.

- Tôn giáo. Một người nói nhỏ.

- Các người theo Phật giáo hay Bà- la- môn giáo.

Họ ngạc nhiên nhìn tướng quân và e sợ đáp:

- Ngài biết dễ làm gì, nếu chúng tôi khác tôn giáo các ngài có giết không.

Lý Kế Nguyên lắc đầu:

- Đại Việt đánh Champa vì vua Champa luôn sai quân đến cướp bóc và giết dân Đại Việt. Người Đại Việt không có thù với người Champa. Khi ta bắt được vua của các ông, ta sẽ tha tất cả các ông về với gia đình, vợ con.

- Thật chứ! Họ tròn xoe mắt hỏi. Thế mà chúng tôi chỉ sợ các ông giết.

- Thề có Phật Thích ca, thề có thần Shiva, ta không bao giờ giết một người Champa nào tay không có vũ khí.

Họ đã bớt sợ, mạnh dạn một người hỏi:

- Vậy chứ tướng quân theo đạo của Thích- ca- mâu- ni hay theo đạo của Shiva.

- Thì các ông đã chẳng nói Thích- ca- mâu- ni là hậu thân của Shiva đó sao.

Cả ba người cùng ngạc nhiên sụp lạy:

- Ngài đúng là bậc chí tôn. Chúng tôi rất sợ oai lực của ngài.

- Vậy thời mấy người anh em nghe ta hỏi đây. Ta biết các ông có cách xua đuổi được loài thủy quái trên sông này, vậy các ông có thể mách cho ta được chăng.

Tướng quân quan sát thấy ba người đưa mắt nhìn nhau với vẻ e dè. Và cả ba người đều lắc đầu:

- Không. Không biết đâu. Rồi họ cúi gằm mặt xuống như là giấu di vẻ xấu hổ vì đã nói dối.

Đoán biết trong họ có điều gì mắc mớ, Lý Kế Nguyên liền bắt nọn:

- Ta đối đãi với các ông như đối đãi với người anh em cùng tôn giáo, thế mà các người lại dối ta.

- Không nói dối đâu. Nhưng mà sợ lắm. Cả ba người cùng nói. Lý Kế Nguyên biết có thể họ sợ một cái gì đó hoặc là thần linh, hoặc là đồng bào của họ. Ông tìm cách gợi mở.

- Không phải ta không biết cách đuổi loài thủy quái. Nhưng ta ngại rằng nếu làm theo cách của chúng ta thì người dân sống quanh nơi chúng ta cầu cúng trong vòng năm chục dặm sẽ bị thần linh hại mất.

- Thật vậy ư ông tướng? Họ kinh ngạc hỏi lại với ánh mắt cầu khẩn.

- Gia đình cha mẹ vợ con các người có cư ngụ gần đây không mà sợ. Ta rất tiếc không có cách nào khác để đuổi loài thủy quái hầu mong cứu được dân chúng quanh vùng.

- Gia đình chúng tôi đều ở trong thành Trà Bàn, ở cả ngoài thành Trà Bàn nữa, ông tướng đừng hại họ, chúng tôi khắc có cách đuổi loài cá sấu hung dữ này,

nhưng không được lâu đâu, chỉ mười ngày sau chúng sẽ trở lại đây.

Lý Kế Nguyên như nở ra từng khúc ruột, chẳng cần đến mười ngày đâu, ông tự nghĩ - chỉ một ngày không có giống "sư tử nước" là đại quân có thể vượt hết sang sông.

- Vậy bao giờ các người có thể đuổi được nó?

- Phải đào củ cây ở trong rừng, già nhỏ rồi rắc xuống nguồn nước, bắt đầu từ thượng lưu, từ chỗ không có cá sấu, lùi dần về gần tới chỗ nó ở, nước rút đem theo thuốc đuổi đến đâu, chúng tự khắc phải chạy đến đó. Loại củ cây này không làm cho cá sấu chết được, nhưng nó kỵ cái mùi. Khoảng mười ngày sau nước sạch hết mùi, cá lại về trú ngụ tại nơi nó ra đi.

- Đào củ đó ở đâu, Lý Kế Nguyên hỏi.

- Những cánh rừng quanh đây nhiều lắm. Ông tướng cho quân đi, chúng tôi chỉ cho cách đào.

- Ta muốn biết từ khi rắc loại củ của các người xuống nước, sau bao lâu đám "sư tử" này bỏ đi.

- Nhanh thôi mà, chỉ bằng từ lúc mặt trời mọc tới lúc mặt trời ở trên đỉnh đầu ta.

- Tức là mất một nửa ngày.

- Đúng đấy ông tướng, một nửa ngày hoặc một nửa đêm cũng được mà.

Lý Kế Nguyên bắt những tù binh Chiêm dẫn ông

ra bờ sông xem địa thế, xem loài thủy quái hung dữ.

Gần tới bờ sông, những người tù binh níu tay Lý Kế Nguyên lại:

- Ông tướng, đứng đây mà nhìn thôi, đừng đi ra mép nước, chúng sẽ lao lên đớp đứt đôi người ra đấy. Trâu, bò ăn gần mép nước, cá sấu leo lên đớp chân kéo xuống sông ăn thịt nhiều lắm.

Đứng một lúc lâu, Lý Kế Nguyên thấy cả một đàn “sư tử nước” nổi lên, nom nó mới đáng sợ làm sao. Đầu nhọn, hàm răng dài với những chiếc răng to và nhọn như răng bừa, da nó sần sùi cóc cáy, thân dài tới cả chục sải tay, mình tròn lẳn như cây gỗ lim to tới mấy người ôm. Người Chiêm Thành có cả một dòng sông đầy thủy quái này làm chiến lũy, quả là lợi hại.

Ngay lập tức Lý Kế Nguyên sai ba đô quân chia làm ba nhóm, mỗi nhóm có một tù binh Chiêm dẫn đi đào củ rừng về đuổi loài thủy quái. Lại cho riêng các vệ binh đi giám sát chặt chẽ, căn dặn họ phải cảnh giới kỹ càng kéo mắc lừa vì người Chiêm dễ tráo trở. Sau đó tướng quân về ra mắt chủ tướng Lý Thường Kiệt, trình lại các việc ông đã làm.

Suy ngẫm giây lát, Lý Thường Kiệt gật gù tán thưởng:

- Kế ấy dùng được, không sợ bị lừa, vì ta phải thử trước chứ! Ta phải đem loại củ rừng đó giã nhỏ rồi ném

vào chỗ dầm thủy quái này tụ hội, nếu chúng bỏ đi, ta sẽ nhất loạt đổ xuống sông, quăng mà đại quân ta cần vượt. Tướng quân áp sát những người tù binh này và cho thử ngay đêm nay. Bây giờ ta cho quân đốn hạ tre gỗ để bắc cầu phao ngay sau khi loài thủy quái vừa đi khỏi.

Mọi việc diễn ra đúng như đại tướng tiên phong nguyên soái Lý Thường Kiệt dự liệu. Ông tâu lại với nhà vua. Vua mừng lắm và cho phép cứ tùy tiện điều hành. Biết người Chiêm thường tin sợ các điều dị đoan quyền phép, Lý Thường Kiệt sai lập một đàn tế ngay cạnh bờ sông. Trưa hôm sau, đúng giờ Ngọ chiêm trống nổi lên rộn rã Lý Thường Kiệt mình mặc áo vàng, đầu đội mũ pháp sư, tay trái cầm cành phướn có ghi chữ "PHẬT", tay phải cầm cây thiền trượng treo lên dài cao bảy thước. Ông đọc to những lời chú, nghe như ông đang hô gọi âm binh thần tướng. Đoạn ông quay về phía bờ sông giơ tay bắt quyết rồi giữ ấn khá lâu. Bất chợt có mấy đàn cá sấu nổi lên. Lý Thường Kiệt vừa nhác trông thấy, cho là sự lạ ông dừng tay ấn lấy bút son viết theo lối triện thảo bốn chữ "THUẬN LAM THẦN BẢ" phủ kín cả tờ giấy có nền mây ngũ sắc. Đó chính là đạo sắc phong cho loài thủy quái mà người Đại Việt vẫn gọi là giống sư tử nước.

Vị chủ đàn tràng sai quân đem tờ sắc đó thả xuống dòng sông. Lạ thay, những đoàn thủy quái này cứ từ từ bơi về hạ lưu trước sự kinh ngạc của đám tù binh

Chiêm Thành.

Đêm ấy quân Đại Việt đã bắc xong cầu phao qua con sông người Chiêm Thành gọi là Kron Biyuh. Và ngày hôm sau họ vượt cả ba dòng sông tiến thẳng vào thành Phật Thệ đã bỏ ngõ.

Dân chúng trong thành bỗng bế dất diu nhau ra đường phố xin hàng quân Đại Việt, cầu mong thoát khỏi sự thám sát.

Quân Đại Việt xộc vào cung điện tìm bắt vua Chiêm. Tra hỏi những cung nữ, những thái giám họ nói, khi nghe tin Tu-mao thất thủ, tướng Bô-bi-dà-la bị giết, cả vạn quân Champa bị chém đầu, nhà vua đã đem cả hoàng gia trốn chạy ngay từ đêm đó, còn chạy về đâu họ không biết.

Quân Đại Việt rải đóng khắp các nơi hiểm yếu trong kinh thành, vợ vét không biết bao nhiêu cải, bạc vàng, bắt cả vũ nữ, ca công, bắt cả các nhạc sư, vũ sư, các thợ tạc tượng, thợ xây cất cung điện, chùa, tháp. Vì rằng vua Thánh tông rất ưa chuộng nền ca vũ nhạc và kiến trúc của người Chiêm.

Chiếm được kinh thành Phật Thệ, vua Thánh tông vào ngự trong cung điện của Chế Củ. Nhà vua bắt người Chiêm phải tái lập ngay đoàn ca vũ để ngài thưởng thức. Tuy có hơi buồn vì Chế Củ đã chạy thoát, nhưng nhà vua rất bằng lòng về binh sĩ của ngài và những gì quân

chiến thắng đã giành được. Lý Thường Kiệt xin vua cho lĩnh một vạn quân để truy bắt Chế Củ. Vua bằng lòng và căn dặn trước khi Lý Thường Kiệt lên đường:

- Hiện nay người Chiêm rất hoang mang, khanh truy đuổi nhanh sớm bắt được Chế Củ trở ra vừa kịp mùa gió nam. Vả lại ta đem quân đi đã lâu, nếu phương bắc động binh, tình thế sẽ rơi vào nan giải.

Lý Thường Kiệt nhận mệnh lên đường nhằm phía thành Panduranga¹ truy đuổi. Ông biết trong cuộc bình Chiêm này nhà vua đã phải thân chinh là điều tối quan trọng. Vậy mà không bắt được vua Chiêm thì sự thành công coi như mới đạt được một nửa, và cái họa phía nam vẫn là điều canh cánh. Nếu không dứt được cái họa người Chiêm thì không thể rảnh tay đối phó với nhà Tống ở mặt bắc. Vì vậy ông cho quân truy đuổi suốt đêm ngày. Lý Thường Kiệt và thuộc hạ đều phỏng đoán Chế Củ không dám chạy sang nương náu đế chế Angkor. Vì rằng ông ta luôn gây hấn với người Chân Lạp, bước qua biên ải coi như tự mình đi nộp mạng cho kẻ cự thù.

Lý Thường Kiệt cho người đi dò tìm mọi ngã, tung tiền bạc mua chuộc người Chiêm. Trên đường truy đuổi vua Chiêm, ông không gặp một cản trở nào của quân

¹ Panduranga tức thành phố Phan Rang ngày nay.

Chiêm. Cũng không hiểu quân họ trốn chạy đi đường nào. Họ đưa binh đi ẩn lánh, hay quân kia đã tan tác.

Sau hơn mười ngày truy đuổi, ông đã suýt bắt được vua Chiêm. Số là người chỉ điểm nhận tiền nhưng không dám lộ mặt. Họ vẽ cho ông con đường đi tới. Vì là người ngoại quốc nên việc tìm đường không dễ. Khi đến nơi được biết Chế Củ mới đi khỏi đây nửa ngày, ông ta còn bỏ lại khá nhiều đồ ngự dụng.

Quen nếp sống xa xỉ nơi cung điện, vua Chiêm và hoàng hậu để lại khá nhiều dấu vết trên đường trốn chạy. Khi thì một chiếc trâm quý gài đầu, lúc lại viên ngọc nằm lấp lánh trong cỏ, và hơn hết là lẫn khuất mùi thơm hương phấn.

Vào một đêm cuối tháng, bầu trời lơ mờ những đốm sao. Dưới đất những dải rừng đen như mực kéo dài tương như vô tận. Không gian yên tĩnh đến rợn người. Đâu đó vài tiếng cú điem rời rạc. Nghe tiếng cú khả nghi, quân canh lặng lẽ cánh giơ. Chừng một khắc canh giờ có hai bóng người đột nhập vào quân doanh. Lĩnh canh phòng bắt được đem trình chủ tướng.

Nom thấy họ, Lý Thường Kiệt mừng lắm. Bởi đọc trong mắt họ, ông thấy ánh lên niềm vui chứ không phải là sự sợ hãi của quân gian tế.

Hỏi ra mới biết họ là những thổ dân tại vùng này. Họ muốn báo cho quan quân biết chỗ ẩn trốn của mấy

người sang trọng, nhưng họ muốn biết tiền thưởng cho mỗi người là bao nhiêu.

Lý Thường Kiệt mỉm cười thân thiện và hỏi:

- Tốt lắm, các người muốn lấy thưởng bao nhiêu. Vải bạch bố, tiền, vàng, bạc muốn lấy thứ gì cũng được.

Hai người nhìn nhau, họ như thầm nói với nhau điều gì đó qua ánh mắt rồi cả hai cùng gật đầu hỏi lại:

- Bao giờ được lấy các thứ đó.

- Lấy ngay bây giờ rồi dẫn chúng ta đi bắt những người đó cũng được, hoặc đi bắt rồi trở lại lấy cũng được.

Họ lắc đầu:

- Lấy ngay bây giờ rồi mới dẫn đi.

- Nhưng các người lấy những gì, mỗi thứ lấy bao nhiêu: Vải, tiền, vàng, bạc?

- Lấy tất cả! Hai người kia cùng đáp.

Lý Thường Kiệt hiểu ngay đây là những người man, họ chưa hiểu biết gì nhiều về các thứ mà ông hứa cho họ, ngoài vải bạch bố mà họ thường dùng. Ông sai đem đủ các thứ đó ra cho họ chọn lấy không hạn chế.

Họ chỉ nhặt mỗi người một vốc các đồng tiền vàng. Bạc nén, vàng nén họ xem rồi bỏ qua. Nhưng vải thì mỗi người chọn lấy cả chục tấm, sau thấy nặng quá, họ bỏ bớt lại.

Họ dẫn quân đi cắt ngang rừng, trời tối mịt mù, người nọ nắm đuôi áo người kia lần mò dò dẫm. Dây leo gai góc như níu chân mọi người lại. Nhiều chỗ phải dừng lại cắt dây, phát gai. Chừng hai canh giờ sau tới cửa một chiếc hang. Trong hang le lói ánh đèn, họ chỉ tay vào trong hang nói nhỏ: “Nó đấy!”

Quân ta đốt đuốc sáng rực cả một góc rừng rồi xộc vào hang bắt được Chế Củ và vợ con ông cùng những người đi theo hầu hạ, tất thấy gần ba chục người. Lúc quay ra cửa hang, những người chỉ điểm đã biến mất.

Tất cả những người bị bắt bị trói vào một dây dài. Chế Củ trói riêng. Ông bị trói cứng hai tay bó sát vào người và ông ta được đặt vào võng cho quân cáng. Không thuộc đường ra, cả đoàn quân phải dừng trước cửa hang chờ trời sáng.

Bắt được Chế Củ, Lý Thường Kiệt mừng khôn xiết. Ông sai cởi trói cho vua Chiêm, cho ăn uống xong sai trói lại cho quân cáng ông ta trên đường trở lại Trà Bàn.

Về tới Trà Bàn thấy dân chúng vẫn làm ăn buôn bán như thường, chưa có dấu hiệu tàn phá, cướp bóc của quân Đại Việt.

Lý Thường Kiệt đem Chế Củ vào cung điện. Vua Thánh tông đang ngự trên chánh điện xem các vũ nữ Chiêm múa hát. Ông đứng dưới đại sảnh hét to:

- Muốn tâu bệ hạ, thần là đại tướng tiên phong nguyên soái Lý Thường Kiệt, vâng mệnh đi truy bắt vua Chiêm. Nay đã bắt được Chế Củ đem về nộp, xin bệ hạ khán tù!

Nghe lời tâu quen thuộc, vua Lý Thánh tông nhìn xuống thấy Lý Thường Kiệt và một người bị trói còn mặc kim bào, biết ngay là vị chúa Chiêm, nhà vua chạy vội xuống thềm điện hét nhìn Lý Thường Kiệt lại nhìn Chế Củ, lòng vui đến rối rã. Một lúc lâu sau sức nhớ ra bèn vỗ hai vai Lý Thường Kiệt khen:

- Khanh là chân tay của ta! Khanh là đầu óc của ta! Khanh là anh em của ta! Những việc khanh làm từ trước tới nay hơn cả ta mong đợi. Đoạn nhà vua quay ra chỉ tay vào mặt Chế Củ mắng:

- Vì người mà nguyên soái của ta phải vất vả, lại còn không chịu quỳ xuống sao.

Chế Củ vốn kiêu ngạo nhìn người bằng nửa con mắt, ông coi nước Chiêm Thành là tài sản của riêng ông, quần thần là tôi tớ của ông, dân chúng là nô lệ của ông. Nay ông là kẻ thua trận, sức mạnh quyền lực bị tước bỏ, sinh mệnh ông nằm trong tay kẻ chiến thắng. Ông không hiểu tiếng nói của quân thù, nhưng ông cảm được nội dung nó nói. Biết thân phận là một tên tù binh, hai gối ông tự nhiên bủn rủn và ông quì xuống mặt úp sát đất vái lạy.

Quân lính lột bỏ mảnh kim bào tươi tắn trên mình Chế Củ và mặc cho ông ta bộ quần áo nâu, ngang lưng thắt cho chiếc bao xanh.

Hôm sau vua sai bày yến tiệc trong đại điện của vua Chiêm để thết đãi các tướng lĩnh tông chính, lại sai các vũ nữ Chiêm múa dưới thềm điện. Và ban nhạc Chiêm trình tấu ngoài hành lang đại điện.

Vua Chiêm cùng các quan đại thần bị bắt đều bị trói và cho ngồi ở một góc thềm điện có quân canh nghiêm ngặt. Quan Bố dễ nhìn đức vua của mình mặt mày hốc hác, xanh xám, tinh thần khiếm nhược lòng ông dấy lên sự khinh ghét và tủi hổ. Khinh ghét một đứa vua ngu khiến cho cả nước đeo họa. Tủi hổ vì dân nước Champa của ông ươn hèn mãi cam tâm làm nô lệ cho một kẻ bạo tàn. Một trong những kẻ ươn hèn vĩ đại nhất lại chính là ta, quan Bố dễ thảm nguyện rửa mình như vậy.

Nhờ ra trong đại yến mừng thắng trận, ban nhạc phải tấu “Khúc hoan ca” hoặc nhạc thiều. Thế nhưng với nỗi buồn mất nước, vua quan bị hạ nhục, nơi thiết triều biến thành nơi thết yến nên các nhạc công đã tấu “Khúc ai ca” là một thứ nhạc tang để khóc cho nỗi buồn quốc hận. Những người Chiêm có mặt thấy đều rơi lệ. Các vũ nữ nhịp chân loạng choạng, cánh tay rã rời như những cánh chim vừa bị trúng tên độc.

Trong khi đó những người chiến thắng mặt đỏ phừng phừng vì chiếm được cả hầm rượu quý của vua Chiêm, và mắt họ sáng long lanh bởi sắc đẹp và cơ thể gợi dục của cả bầy Chiêm nữ.

Vua Thánh tông lòng đầy hưng phấn bèn sai lấy cây trùy sắt cho ngài múa thị uy. Ngài sử cây trùy sắt nặng ba chục cân mà như người cầm cây gậy tre rỗng.

Giơ cây trùy lên cao, nhà vua búng khê một cái cho nó xoay trên đầu rồi nhẹ nhàng bắt lấy. Ngài đi những đường quyền nom cứ hoa cả mắt, chỉ nghe thấy tiếng vút gió ào ào và một vòng tròn như xoáy nước bao kín toàn thân.

Hôm sau vua ngầm sai quân đi xem xét kê biên nhà cửa, dinh thự, cung điện trong và ngoài thành Trà Bàn cả thấy có hai ngàn năm trăm sáu chục khu. Lại sai bắt vũ nữ, ca công, nhạc công cùng các thợ tinh xảo và những người con gái, con trai khỏe mạnh xinh xắn, loáng thoáng có cả người đứng tuổi, người già cộng lại tới hơn năm ngàn người. Cho họ đem theo nhạc cụ, hạt giống cây trồng, các đồ đan lát, các tượng thần, tượng Phật, tượng vũ nữ. Tất cả số họ người ấy và các thứ đem theo đó sẽ đưa hết xuống thuyền, chở họ về Đại Việt, cho họ lập thành làng Chiêm trên đất Đại Việt để họ truyền lại các nghề khác lạ cho dân ta.

Vua cũng ngầm sai lấy đi các đồ trân bảo trong cung điện, trong kho tàng của hoàng gia Chiêm quốc.

Nửa đêm hôm sau hết thấy quân Đại Việt lạng lẽ rút khỏi kinh thành Trà Bàn. Trước khi rút, vua cho lệnh phóng hỏa đốt hết hơn hai ngàn năm trăm khu nhà trong ngoài thành.

Ngọn lửa cháy bốc cao ngút từng trời, có cảm giác như bầu trời Chiêm Thành bốc cháy.

Ngồi trong hầm thuyền, nhìn qua những chấn song thưa thấy kinh thành bốc cháy. Vua Chiêm lòng đau như cắt phát ra lời nguyện:

“Hỡi thần Shiva thần thông uy lực! Hỡi đức Thích Ca Mâu Ni công bằng ái thiện! Nếu như trong cõi ta bà này nghiệp nhân quả còn hiện hữu thì xin trả lại nạn hỏa thiêu này cho con cháu kẻ đã gieo tai họa cho người Champa”.

Lạ thay lời cầu xin của vua Chiêm hơn ba trăm năm sau được ứng nghiệm. Chế Bồng Nga đã đốt cháy trụ thành Thăng Long không chỉ một lần và làm nhục Lê Giác¹ là quan đại an phủ sứ của kinh sư.

Chế Bồng Nga rút đi, Trần Nghệ tông phải cho dựng nhà tranh vách đất làm nơi coi châu.

Cuộc nam chinh đại thắng lợi trở về lại đúng dịp

1 Mâu ngộ 1378 Chế Bồng Nga đánh vào Thăng Long. Đại an phủ sứ kinh sư là Lê Giác, con của cố nhập nội hành khiển Lê Quát bị bắt.

Khi bị quân Chiêm bắt, Lê Giác còn chửi giặc thâm tộ. chúng đã giết ông. Sau việc này Trần Nghệ tông truy phong cho Lê Giác mỹ danh: “Ma tặc trung vũ hầu”.

mùa gió nam thổi mạnh, sức quân dã nhân lại càng nhân hơn. Trên đường trở lại Thăng Long binh lính hát hò, uống rượu, kể chuyện vui như ngày hội. Tuy nhiên cuộc vui thỉnh thoảng lại chùng xuống, nếu có ai đó bất chợt nhớ đến mẹ già ngày ra đi còn đang ốm, nay không biết mẹ có còn sống, anh ta oà khóc khiến mọi người cũng nhớ lây nỗi nhớ quê hương. Cuộc nam chinh đâu phải chỉ dăm bảy ngày mà kéo suốt từ đầu tháng ba nay đã gần hết tháng sáu. Hơn một trăm ngày ròng rã hụp lặn trong khói lửa chiến tranh, cái chết luôn luôn rình rập. Quãng đường càng gần tới Thăng Long, nỗi nhớ quê trong lòng người lính càng cồn cào, da diết.

Thuyền quân về tới bến Triều Đông, vua truyền tất cả neo đậu lại, và xuống chiếu sai Hữu ty đem binh lính, xe kiệu dàn bày thành hai hàng đứng dọc đường để đón đoàn quân chiến thắng trở về. Nhà vua ngồi trên cỗ xe báu bốn ngựa kéo, xe được trang hoàng lộng lẫy. Theo sau xe là những con ngựa Hồ to cao bộ lông mượt sắc đỏ thắm như màu cờ. Con nào cũng được phủ yên cương bạc, nạm vàng và châu báu. Bầy ngựa này dành cho các danh tướng với những chiến công chói lọi làm rạng ngời tên tuổi Đại Việt trong sử xanh. Đó là hoàng đệ Phụng Càn vương Lý Nhật Trung tuổi ngoài bốn mươi, uy nghi trên mình ngựa, đầu đội mũ tước vương, vai khoác chiến bào màu đỏ rực, bên sườn đeo thanh bảo kiếm bằng vàng là chiến lợi phẩm thu được trong cung điện của Chế Củ do đích thân hoàng thượng ban

tặng. Tiếp theo là đại tướng tiên phong, nguyên soái Lý Thường Kiệt, đầu đội mũ đầu mâu có mảnh giáp che gáy, mặc áo giáp chèn tay nơi hộ tâm trước ngực đính tấm thêu hình hổ phù. Năm nay Lý Thường Kiệt vào tuổi năm mươi, phong thái uy nghi, đỉnh đạc, gương mặt nghiêm lạnh nhưng vẫn giữ được nét khôi ngô tuấn tú thuở nào. Tay phải ông cầm lá cờ lệnh, tay trái đón lấy cương ngựa từ viên giám mã, ông liền từ nhẹ cán cờ xuống đất thoát đã ngồi lên mình ngựa ra roi.

Theo đó là đại liêu ban Hoàng Kiện, tán kỵ vũ úy Lý Thường Hiến; tiền quân hiệu úy Lý Kế Nguyên, tá uy vệ tướng quân Phạm Di, hữu uy vệ tướng quân Trần Cải... Theo sau là chiếc xe tù một ngựa kéo, trong đó chở người tù số một - ngài Chế Củ quốc vương nước Chiêm Thành vừa bại trận. Xe tù thứ hai chở năm vị đại thần của triều Chế Củ.

Cách một quãng hơi xa là năm ngàn binh sĩ tiêu biểu lấy từ các đô quân và sắc quân khác nhau, đi đầu là một chiến binh to khỏe vác lá đại kỳ màu vàng thắm giữa nổi lên hai chữ Đại Việt màu son đỏ. Hai bên tả hữu là hai chiến binh mỗi người vác một lá cờ ngũ hành.

Đoàn quân chiến thắng càng đi gần vào kinh thành tiếng hò reo của dân chúng càng náo nhiệt. Dân trong thành đổ ra đông nghịt các đường phố, họ hân hoan đón những người thân đem vinh quang cho Tổ quốc trở về. Niềm kiêu hãnh bộc lộ trên các gương mặt

trẻ chiến binh.

Tiếng reo vang của hàng vạn người đứng kín hai bên lề và lòng đường, chỉ chừa lại một lối đi vừa đủ cho đoàn quân. Pháo đốt liên hồi, tiếng nổ không dứt, xác pháo phủ kín mặt đường, khói pháo trùm kín con đường từ bến Triều Đông đến Đường Hộc, Đường Muồm vào tới sân Long Trì.

Nhà vua, các tướng lĩnh, các chiến binh đều cảm nhận chiến công của đoàn quân viễn chinh được bắt nguồn từ đâu. Từ mảnh đất thân thương và những người dân chung sức chung lòng. Họ đóng góp từ hạt lúa, củ khoai đến cả máu xương của con em mình cho đất nước.

Vua Thánh tông chợt ngộ ra một điều: lòng tốt của dân, sức lực của dân, của cái của dân và cả sinh mạng của họ nữa đóng góp cho vương triều kể có hàng hà sa số như cát sa mạc, nhưng ta đã làm được gì để đền đáp cho họ đây.

Vua lại tự trách lời - từ Thái tổ, Thái tông các tiên đế nhà Lý và cả ta nữa kể ra cũng làm được khá nhiều việc cho dân cho nước, nhưng quả thực chưa thấm thía gì so với cái mà ta lấy từ họ. Vua tự hứa: từ nay ta phải làm nhiều hơn nữa, nhiều hơn nữa cho những người dân chất phác đôn hậu kia. Khốn khổ, thế mà mỗi khi ta tha giám tô thuế, ta lấy của kho chẵn bản thì họ cúi cung vái lạy: “Tạ ân hoàng thương cứu khổ, cứu nạn”. Họ

biết đâu rằng ta chỉ cho họ cái mà ta không mất, hoặc ta chỉ cho họ cái mà ta lấy từ họ. Và cũng có nhiều nhận gì cho cam. Sự chần chập của triều đình cho những nơi lụt bão mất mùa, nơi đói kém, mỗi người bất quá được vài bữa cháo cầm hơi, ấy là chưa kể đến bọn xã quan còn ăn chặn của họ nữa. Thế mới biết cái tình của người dân đối với triều đình là chân, còn cái lộc của triều đình ban cho họ là xảo.

Các quan đã tề tựu trước sân Long Trì. Dân chúng cũng ùa vào đứng cả xung quanh mỗi lúc một đông. Xe vua vừa dừng trước thềm, tiếng hô vang vọng tưởng đến vỡ cả Long Thành:

- Hoàng thượng vạn tuế!
- Hoàng thượng anh minh!
- Đại Việt vạn tuế!
- Đại Việt vạn tuế!

Vua Thánh tông bước lên đài cao trong vòng hào quang sáng chói. Nhà vua nói lời cảm tạ các quan và dân chúng kính thành, lại hẹn sẽ chọn ngày tốt làm lễ hiến phù tại nhà Thái miếu.

Sau đó các quan về nghỉ, binh lính về nhà.

XXVI

Về tới kinh thành nhà vua vội vã sang cung Diên Phúc vấn an hoàng thái hậu.

Thái hậu nói lời an ủi và kể lại cho nhà vua nghe các việc bà đã làm khi nhà vua vào Chiêm.

Nhả miếng bā trầu, tém sạch vành môi, thái hậu cười cười mở:

- Rằng ta cứ nghĩ việc con giao cho thần phi làm lưu thủ kinh sư là trái với điển lệ của tổ tông, ta sợ sái nên triệu thái sư sang hỏi, được ông nói cho nghe cặn kẽ, thấy có lý, ta cũng yên tâm. Ấy là mẹ chỉ sợ đàn bà tham gia vào việc triều chính dễ rối nát lắm, ai ngờ Ý Lan lại là người đức độ, tài cán. Thấy các quan khen lắm, các vị thiền sư, đạo sư bên tăng thống, bên đạo lục đều ngợi ca lắm. Lại nghe nói dân chúng còn kêu thần phi chẳng khác Quán Thế Âm Bồ Tát. Mẹ mừng đấy. Mừng vì hoàng gia ta vượng phúc.

Thái hậu nhìn nhà vua với vẻ hài lòng, lại hỏi - con đã sang Lan Cung chưa? Chưa à? Thôi con sang Lan Cung thăm mẹ con hoàng thái tử kéo nó lại mong. Cho mẹ gửi lời vấn an bên Lan Cung nhé.

Nhà vua lạy mẹ rồi lui gót. Thánh tông rất hài lòng về các việc Ý Lan đã làm khi nhà vua đi chinh chiến. Vua được nghe không biết bao nhiêu là chuyện ca ngợi thần phi. Hóa ra nàng ngầm ẩn tài vương bá mà ta không biết. May thay, nếu ta không mạnh dạn trao quyền lưu thủ kinh sư cho nàng thì cái đức kia biết đến bao giờ mới hiển lộ. Đúng là thạch trung ẩn ngọc¹. Ý Lan là vậy đó.

Đầu tháng bảy nhân chọn được ngày hoàng đạo, vua sai mở cửa nhà thái miếu làm lễ hiến phù² tế cáo tổ tiên.

Sáng sớm ty thái chúc³ đã bày xong lễ vật gồm hương, hoa, trầu, rượu, xôi trắng cùng các lễ chín. Ngoài ra còn có một lễ sống gọi là tam sinh ba con vật sống là bò, dê, lợn.

Các quan đến đầy đủ. Giờ lành đã chọn. Một hồi

1 Ngọc ẩn trong đá.

2 Lễ hiến phù là lễ tế các tổ tiên nhà vua báo mừng thắng trận. Theo lệ cổ trong lễ đó có chém một tên tù binh gian ác nhất lấy máu rửa kiếm. Sau này thay bằng chém tam sinh (dê, bò, lợn) lấy máu hoà với rượu cho người chiến thắng uống mừng.

3 Ty thái chúc là nơi chuyên lo về việc lễ bạp.

ba tiếng trống báo cho mọi người trong ban tế sửa soạn. Các đại thần tham dự hội tế mặc triều phục đúng như cấp bậc của mình. Nhà vua làm tế chú.

Các đỉnh trầm đốt, hương xạ xông, khói thơm bay khắp ba gian nhà thờ tổ tông, khói thơm tỏa ngát bảy gian nhà tiên tế.

Trong ba gian hậu đường của toà thái miếu các đồ thờ như long ngai, khám thờ, cửa võng đều làm bằng gỗ vàng tâm, trạm, soi long, ly, qui phương thật là tinh tế. Các đồ thờ đều được sơn son thiếp vàng lá nom thật là lộng lẫy.

Các ban thờ viển tổ chỉ có khám thờ, trước mỗi khám có một đài rượu, đài trà, đài nước bằng gốm men ngọc và một đỉnh trầm bằng đồng đen.

Hai cỗ long ngai trước có bài vị của Lý Thái tổ, Lý Thái tông. Trước mỗi long ngai đều có một bộ đài giống như đài thờ bên các khám viển tổ và thủy tổ. Riêng trước long ngai Thái tổ, Thái tông đều có một đỉnh trầm bằng mã não¹ cực quý. Cả ba gian đều có hoành phi câu đối sơn mạ vàng son rực rỡ. Gian giữa treo bức đại tự viết theo lối chân phương bốn chữ: THẾ ĐẠI TRƯỜNG TỒN ngụ ý mong muốn các đời được tiếp nối (trị vì) dài lâu.

1 Một loại đá ngọc trông giống như ốc ngựa, màu trắng đục có vân những đường nhỏ li ti đỏ như máu.

Ba tiếng trống đánh thông báo cho các quan tể chuẩn bị. Các quan ra hàng chầu thau làm việc “quán tẩy” (rửa tay bằng nước lá thơm). Lại ba hồi chín tiếng trống, chiêng vừa dứt, cuộc tế bắt đầu. Các quan đứng ra hai hàng, chiếu giữa chỉ có nhà vua đứng.

Quan chấp sự hô: Cúc cung!

Nhà vua vòng hai tay.

Quan chấp sự lại hô: Bái!

Nhà vua liền cúi lạy tổ tiên năm lạy.

Quan chấp sự hô: Lễ tất.

Thế là xong cuộc đứng chủ tế tượng trưng, nhà vua lui ra. Quan thái sử Lý Đạo Thành được phép thay vua vào làm chủ tế.

Sau một tuần tế là lễ dẫn tù. Tù chỉ được đi qua hành lang tiếp giáp giữa nhà tiền tế với nhà hậu đường, nơi đặt ban thờ tổ tiên nhà vua.

Tên tù đầu tiên đi diễu qua là Chế Củ, vua nước Chiêm Thành bại trận. Chế Củ được mặc theo lối dân thường của người Chiêm. Áo vải bạch bố¹ dài gần chấm gối, quần là tấm thô ty cũng là thứ vải như vải áo, quần quanh thân như váy của đàn bà Đại Việt, ngang lưng thắt giải lụa bạch tượng trưng cho dây trời, vì chiếu cố ông ta là vua của một nước. Chế Củ phải cúi mặt, hai

¹ Một loại vải trắng thô, dân Chiêm Thành ưa dùng.

tay dề thông như kiêu bò bốn chân. Tiếp theo là bốn vị đại thần, thuộc hạ của Chế Củ. Những người này phải mặc áo tù của Đại Việt tức là mặc áo nâu, đóng khố nâu, hai tay bị trói và họ phải đi bằng hai đầu gối, mặt cúi gằm lết qua hành lang. Đi bên cạnh họ là các thuộc viên trong đội võ đô, mỗi người cầm một chiếc bông lau dứ dứ trên lưng họ tượng trưng cho cuộc đánh tù.

Dâng tù xong đến lượt tế tam sinh. Ba con vật được tắm rửa sạch, trói bốn chân, mỗi con đặt trên một chiếc phản nhỏ. Lễ tế vừa dứt, ba con vật được khiêng ra ngoài do một tay đồ tế thiện xảo chọc tiết.

Đồ tế đeo mặt nạ dữ tợn vén hai tay áo để lộ bắp thịt săn chắc như đồng hun, y cầm lấy con dao nhọn đưa ba đầu ngón tay thử lưỡi dao xem đã đủ bén chưa rồi huơ lên như người múa, y vừa hạ dao xuống thì máu trong tim con bò đã chảy phụt dưới cánh tay y. Y nhẹ nhàng hứng chiếc gáo dĩa. Tiết vừa đầy gáo y liền rút dao, chuyển gáo tiết cho người phụ việc đem đổ vào vò rượu để giữa nhà tiền tế có miếng vải điều phủ trên nắp vò. Loáng cái y đã chuyển sang con dê rồi con lợn. Con vật nào y cũng đâm một nhát trúng tim ngay và chúng chết không kịp kêu, không kịp giãy giụa.

Vò rượu được đảo cho máu của ba con vật hòa đều. Quan đô thống lấy chén ngọc múc đầy rượu huyết đem dâng vua. Lại múc một chén khác đem vẩy vào giá

binh khí trong nhà hậu đường. Nhà vua uống một ngụm rồi chuyển cho các quan văn võ, hết lại mức để ai cũng được uống rượu mừng thắng trận. Số còn lại được san làm nhiều vò chế đầy rượu chia về cho các quân mở tiệc khao thưởng.

Sau tuần rượu mừng chiến thắng, vua truyền tất cả bá quan về điện Thiên An thiết triều.

Nhà vua vừa bước tới long ngai, trăm quan hô lời chúc tụng vua vừa thắng trận trở về. Không khí triều hội tưng bừng hiếm thấy. Nhân vua vừa lập võ công hiển hách, trăm quân dâng tôn hiệu là THẦN VŨ.

Vua lấy làm đẹp ý. Tiếp vua nói lời khen các đài, đô, sảnh, viện cùng các quan ở nhà đã cùng nhau làm việc tốt, cả nước không xảy ra việc gì đáng tiếc.

- Việc mọi người, mọi cơ quan triều chính đều một lòng vì nước thật đáng khen. Đáng khen! Vua nhân mạnh. Trẫm rất cảm kích trước việc các quan, các vị đô tăng thống, đô đạo lục hết lòng giúp rập cho thần phi giám quốc trong thời gian trẫm rong duỗi viễn chinh.

Các quan bật hô:

- Thánh thượng vạn tuế!

- Thánh thượng vạn tuế!

Như vậy đủ biết Ý Lan được lòng trăm quan, được lòng các bậc đại lão trong hàng giáo phẩm.

Đoạn vua tuyên cáo công trạng các tướng tử Chiêm Thành trở về, thưởng tước, tăng chức và nhất loạt ban gấm cho mỗi người. Vua dặn các tướng về khao thưởng quân sỹ.

Nhà vua nhấn mạnh:

- Không được bỏ sót người nào có công mà không được khen thưởng. Còn những người mắc lỗi. Nếu lỗi nặng thì xử nhẹ, lỗi nhẹ thì tha. Với kẻ có tội phải xét cho tường tận rồi hãy xử, không để cho ai phải hàm oan. Các khanh nên nhớ, với nước ta việc chinh chiến không phải chỉ diễn ra một lần đâu. Phải làm thế nào để người dân tin mà theo, người lính tin mà dám hiến dâng cả máu xương, thậm chí hiến dâng cả sinh mạng mình cho việc bảo toàn sinh mệnh quốc gia.

Nhìn khắp lượt bá quan văn võ, vua cảm động nói tiếp - Trong cuộc bình Chiêm vừa qua, nhiều người lập được công trạng lớn lao, ta sẽ khen tặng công bằng và không bỏ sót một ai. Riêng thiếu úy Lý Thường Kiệt từ lâu đã gánh công việc của một thái úy, trước khi vào Chiêm ta phong Lý Thường Kiệt làm Đại tướng tiên phong kiêm Nguyên soái. Thường Kiệt quả không phụ lòng ta nêu gương dũng cảm trước ba quân, lại lập công đầu, tự mình truy đuổi bắt sống Chế Củ và liêu thuộc của ông ta. Chiến công này lớn chưa thể đánh giá hết được đâu, dù ta có khen thưởng cũng chỉ là khuyến khích, là úy lạo

thôi. Vậy nay ta phong Lý Thường Kiệt chức tước như sau: *Phụ quốc Thái phó, Phụ quốc thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Khai quốc công, Thiên tử nghĩa đệ*¹.

Lý Thường Kiệt liền ra trước ban khấu đầu tạ ân.

Bãi triều, vua thết yến bá quan ngoài hành lang điện Thiên An, sai vũ nữ Chiêm Thành ra múa hát.

Hôm sau vua cho triệu thái sư Lý Đạo Thành, thái úy Lý Thường Kiệt vào điện Thiên Khánh nghị bàn.

Vào việc, vua hỏi:

- Chuyện Chế Củ và liêu thuộc của y nên xử thế nào các khanh nói thử ta nghe.

Lý Đạo Thành tự biết mình là quan chấp chính đầu triều, việc xử tù binh là vua của nước địch sẽ có hậu quả ngay đến bang giao, ông nói:

- Tâu bệ hạ trước hết ta phải xét Chiêm Thành chỉ là nước phụ thuộc ta, nước thần phục ta chứ không phải là nước ta thống trị. Bởi Chiêm Thành nghịch mệnh, bệ hạ phải thân chinh bắt được quốc vương nước họ đưa về trị tội.

Tội của Chế Củ đã rõ, nhưng trị thế nào thì phải

¹ Phụ quốc thái phó là chức đứng thứ ba trong hàng tể chấp.

Thượng tướng quân chức đứng thứ hai trong hàng võ.

Thượng trụ quốc, Khai quốc công là mỹ tự nhằm tôn vinh người có công lớn, người giữ vai trò trụ cột vào hàng khai quốc công thần.

Thiên tử nghĩa đệ là em nuôi vua.

bàn. Theo thần, không thể giết ông ta được. Giả dụ ở chiến trường tên bay đạn lạc hoặc quân sĩ không biết mà giết nhầm ông ta lại là một nhẽ.

- Thái sư cho biết cái lý không thể giết ông ta? Lý Thường Kiệt hỏi luôn.

- Tàu bệ hạ, thưa thái úy. Cái nhẽ thứ nhất, nếu giết Chế Củ người Chiêm biết tin lập vua mới. Vua mới kích động lòng tự tôn dân tộc. Dân sẽ theo vua mới mà chống lại ta. Thế là sự nghiệp bình Chiêm của ta trắng tay. Ta phải làm lại từ đầu.

Cái nhẽ thứ hai nhân cơ hội này nhà Tống sẽ dễ dàng liên kết với Chiêm Thành chống lại ta và Tống Thần tông có cơ để làm phiền ta, thậm chí còn là cái cơ để trách phạt ta.

- Vậy thời ta phải ép Chế Củ nhanh chóng đi tới một thỏa ước rồi thả y về trước khi người Chiêm lập vua mới. Ý các khanh thế nào? - Vua hỏi.

- Tàu bệ hạ năm Giáp thân (1044) tiên đế đã có cuộc đại thảo phạt gây tổn thất cho Chiêm Thành khá lớn rồi rút về. Quân ta giết vua họ là Sạ Đẩu, chém mấy vạn thủ cấp quân Chiêm, bắt về năm ngàn người, ba chục thớt voi, ít đồ châu báu nhưng lại không ràng buộc trách nhiệm với họ bằng một thỏa ước, cho nên cuộc thảo phạt ấy chỉ mang tính răn đe, thị uy, các vua nối của họ lại ngựa theo đường cũ - Lý Đạo Thành nói

và ông dừng lại suy nghĩ.

Nhà vua cảm nhận điều Lý Đạo Thành nói là hữu lý, bèn hỏi:

- Đúng là phải trói họ lại bằng một cái gì đấy mà Đạo Thành nói là sự ràng buộc. Một sự cam kết. Một thỏa ước, nên chăng?

- Tâu bệ hạ đại loại là như vậy.

Lý Thường Kiệt xen vào:

- Nếu thế ta phải thương thảo với họ. Phải thả họ ra và cho họ ở một vị thế nào đấy chứ không phải là thân phận của người tù. Mọi thỏa ước, mọi hiệp ước ký với tù đều không có giá trị, bởi đó là sự ép buộc. Về phía ta đã thấy chuế, còn người Chiêm chắc họ không chịu thừa nhận.

- Dạ đúng thế! Đúng như Lý thái úy nói đó.

Lý Đạo Thành xác nhận - Bệ hạ nên xem xét lại chỗ này.

- Theo khanh nên như thế nào? - Vua hỏi

- Tâu, thần cứ phác tính để bệ hạ cùng thái úy thẩm định.

- Được! Được khanh cứ nói. Đã bảo bàn, ta đang bàn chứ đã quyết đâu.

- Tâu, theo ý thần bây giờ bệ hạ nên tuyên thả họ ra. Trả lại họ cái địa vị như ở nước họ có. Tại đây có

vua của họ, có năm vị đại thần giữ các phần chủ chốt trong triều đình Chiêm Thành. Ta cho họ cái địa vị được thương thảo, được tranh biện, song sự tranh biện đó cuối cùng phải thỏa mãn sự đòi hỏi của ta.

- Hay! Hay lắm! Thái sư quả là bậc thông tuệ.

- Tâu bệ hạ nhưng ta đòi họ, hoặc ta cho họ thương thảo về cái gì mới được chứ - Lý Thường Kiệt hỏi.

- Tất nhiên là thế, ta phải đặt ra một cái gì thật sự hiện hữu để vừa mang tính răn đe họ, vừa gây thiệt hại cho họ để họ nhớ đời. Các khanh thử nghĩ xem.

Lý Đạo Thành chau vừng trán với nhiều nếp như sóng gợn, ông lắc mái đầu khiến chòm râu bạc đung đưa. Thái sư chậm rãi:

- Tâu bệ hạ, qua những cao ý của bệ hạ và Lý Thái úy, thần trộm đưa ra một ý như sau:

Thứ nhất ta đòi Chiêm Thành phải cắt nộp một phần quốc thổ cho Đại Việt. Cái phần cắt ấy đến đâu ta cũng phải bàn. Nếu nhỏ quá, ta chẳng nhận làm gì. Nếu lớn quá thì người Chiêm không chịu, dù Chế Củ và các đại thần của ông ta có ký người Chiêm cũng không chấp thuận, bởi nước Chiêm Thành vốn đã quá nhỏ hẹp.

Điều thứ hai phải ràng buộc họ chặt chẽ, nếu họ bội ước sẽ phải chịu những hình phạt nào đó.

Điều thứ ba, họ không được tự tiện liên kết với

một nước nào nếu không được Đại Việt chấp thuận.

- Hay! Ta thấy ý này được lắm, Lý Thường Kiệt nghĩ sao?

Vua hỏi:

- Tâu, những điều thái sư nói đều là những điều ước mang tính ràng buộc, thần cho đó là thượng sách. Nhưng ta thử thăm dò người Chiêm trước xem sao.

- Đúng đấy, phải thăm dò. Thái sư đã nắm chắc công việc từ đầu. Ta muốn trao cho Lý công tử đi thăm dò Chế Củ, vì rằng Kế Nguyên rất thạo tiếng Chiêm. Vừa rồi vào Chiêm, ta cho công tử làm tiền quân hiệu úy, lập được nhiều công trạng. Còn một việc nữa thái sư lo giùm ta. Ta đưa từ Chiêm Thành về năm ngàn người, trong đó có nhiều thợ khéo, nghề lạ, thái sư phân họ ra làm vài ba làng để họ chung sống với nhau, cho họ giữ riêng văn hóa phong tục của họ. Nhớ phải để họ sống gần người mình còn học lấy nghề của họ. Cũng không nên cho họ ở vào vùng đất khắc nghiệt, họ không sống nổi đâu. Ta thấy đầu óc của người Chiêm hay lắm! Họ là một dân tộc có khiếu năng nghệ thuật cao. Ta đã xem kỹ các cung điện, chùa, tháp đền đài của họ xây cất mỹ lệ lắm. Các tượng thần tượng Phật của họ đường nét uyển chuyển mà sống động chứ không như tượng của ta đơn điệu quá. Các vũ nữ của họ như các khanh đã biết, người mình không múa được thế đâu. Còn âm nhạc của

họ mới thật là một thứ bùa mê. Ta nghĩ, những cái đó dân ta phải học nơi họ, phải lấy nghề từ họ. Cho nên với cư dân mới này nhà nước phải biệt đãi họ chứ không được ngược đãi và phải coi họ như dân của ta.

Thôi được, tạm dừng ở đây. Ta chờ việc công tử đi thăm dò người Chiêm.

Lý Kế Nguyên nhận mệnh đi thăm dò người Chiêm. Trước khi đi cha dặn:

- Con nhớ đây là đi thương thuyết, nhưng thương thuyết trên thế mạnh. Đúng là Chế Củ và đảng thuộc của ông ta không còn gì để mặc cả. Nhưng nếu ta đòi cái giá cao quá thì khi Chế Củ về nước không những người trong nước không chấp nhận mà có khi ông ta còn bị treo cổ. Ta nghe viên tướng Rami bị quân Đại Việt bắt mà tỏ khí phách can trường không hề run sợ. Lại quan Bố đề thà cắn lưỡi tự tử chứ không chịu sống quì. Nước người ta còn có những người hào kiệt, trung dũng như thế ắt không thể chịu nhục một cách thái quá đâu. Và lại một khi lòng tự tôn dân tộc của mỗi người dân được thức dậy thì không dễ gì bắt nạt được họ.

Tuy nhiên bao nhiêu cuộc quấy nhiễu của người Chiêm tàn sát người mình gây biết bao đau thương khiến người dân vùng Nghệ An luôn sống trong khắc khoải lo âu, lại cả cuộc viễn chinh vừa qua tổn máu xương không phải để thu về vài thước đất chó ăn đá gà ăn sỏi.

Lý Đạo Thành nhìn con rồi thông thả nhẩn vào từng tiếng - Làm thế nào có một kết quả mà về phía ta thấy cũng tạm được, về phía Chiêm Thành thì cả nước họ cũng chịu đựng được dù rất khó khăn. Nhớ không đẩy cả nước người ta vào bước đường cùng, cũng không được đem về cho ta một giá quá rẻ.

Lý Kế Nguyên cúi đầu:

- Con xin tuân lĩnh ý cha.

Tướng quân đi thẳng vào nơi giam nhốt Chế Củ và thuộc hạ, ông niềm nở chào hỏi, sai xe đưa tất cả về nhà công quán. Ở đây họ được tôn trọng như sứ đoàn của một nước. Phát quần áo, nơi ăn ở sang trọng, có người hầu hạ, có thông dịch để thông tin tức.

Xong các việc đó, Lý Kế Nguyên hơi hé lộ sẽ có cuộc thương thuyết và những yêu sách của Đại Việt, chắc chắn là dặt dai, lãnh thổ. Nói xong ông về nhiệm sở để vua tôi họ bàn bạc với nhau.

Ngày hôm sau ông không tới, không có ai dǎ động gì việc mà Lý Kế Nguyên đã nói với vua tôi Chế Củ hôm trước.

Đến lượt người Chiêm sốt ruột, họ xin gặp Lý Kế Nguyên. Họ nói: “Quốc vương tôi và chúng tôi đã bàn bạc, xin cắt đất nộp cho Đại Việt một châu nằm kề với biên thù hai nước. Đó là châu Bố Chánh”.

Lý Kế Nguyên nghiêm mặt:

- Đến nước này mà các ông còn xem thường chúng tôi quá. Thử hỏi cái châu Bố Chánh bé bằng bàn tay, luôn là bãi chiến trường xơ xác. Của quý ấy các ông cứ giữ lấy rồi tất cả đều chết già ở Đại Việt. Thật các ông muốn vậy không? Lý Kế Nguyên hơi cao giọng.

Một người kêu là quan tư khấu của triều đình Chiêm quốc bình thản nói:

- Lý tướng quân, các ông là người thắng trận, các ông nói thế nào chúng tôi chẳng phải nghe, ngay cả các ông giết chết chúng tôi cũng phải chịu. Tôi chỉ ngại một điều rằng quốc vương tôi vì bị bức phải chấp thuận, coi như bán đất nước tôi để cứu lấy sinh mạng mình. Việc đó ở đây coi như xong. Nhưng người trong nước tôi họ không chấp thuận. Có thể họ giết chúng tôi, cũng có thể họ đẩy chúng tôi trả cho Đại Việt. Đến nước ấy chắc các ông cũng khó thu được cái gì. Điều mong muốn lớn nhất theo tôi là để cho dân hai nước được sống hòa hiếu với nhau. Chúng tôi tôn Đại Việt là nước lớn, Chiêm Thành là nước phen dậu, không vượt quyền Đại Việt để liên kết với nhà Tống, không nghe họ xúi giục nữa. Tôi nghĩ, thế là tốt cho cả hai nước.

Lý Kế Nguyên hơi lặng người về cách thương thuyết có lý có tình, trong khi thân phận là tù binh cũng không tự hạ mình. Đúng như cha dặn. Nước họ chưa thể mất được.

Lý Kế Nguyên ôn tồn đáp lời:

- Mỗi bên đều có cái lý của mình. Đúng như ông nói, Đại Việt chúng tôi cũng không mong gì hơn là từ nay chấm dứt nạn can qua để người dân của mỗi nước được an cư lạc nghiệp. Vậy thì tốt nhất phải có một cái gì cách ngăn như là thành lũy khó vượt. Cái đó chính là đèo Hải Vân mà các ông gọi là đèo Mây Bạc. Ta nên chia đôi cái đèo làm ranh giới. Từ nửa đèo Hải Vân ra phía bắc thuộc về Đại Việt, từ nửa đèo Hải Vân kéo tuốt về phía nam là của nước Champa các ông.

- Trời ơi ông còn trẻ người mà sao ông tham lam quá vậy. Đến người Trung Quốc cũng không tham lam bằng ông. Đây là lời của quan tư tế nước Chiêm. Ông ta nói thêm - Nước Champa chúng tôi nhỏ lắm, mới thua một trận mà ông đòi cắt đất cầu hòa mất một phần ba, thua trận nữa, chắc dân Champa phải nhảy hết xuống biển mà sống chăng? Tôi nói điều này, các ông thử suy nghĩ. Giả dụ các ông đòi cái giá vừa phải, chúng tôi còn có thể thuyết phục được người Champa. Vả lại trí tuệ của dân tộc Champa đâu chỉ dồn vào mấy thân tù như chúng tôi.

Ngừng lại giây lát, như để tìm thêm sự khôn ngoan, sự mềm dẻo kể cả sự cương cứng nữa, người tù binh - quan tư tế của nước Champa nhìn thẳng vào Lý Kế Nguyên nói - Thưa công tử, nếu quý quốc bức bách

tới mức đẩy cả một dân tộc biến thành một đội quân khi ấy thành tan nát vỡ, quý quốc chẳng những không thu được gì thêm, chưa biết chừng lại còn mất đi nữa. Bởi thế, tôi khuyên quý quốc, dù đó là lời khuyên của kẻ thù, nhưng tiếc thay nó lại là sự thật, rằng đừng đẩy cả một quốc gia vào cái thế không còn gì để mất. Khi ấy họ mang trong mình một sức mạnh thần thánh. Và thử hỏi, ai có thể chống lại được thần thánh.

Trong bụng Lý Kế Nguyên không khỏi thán phục mấy người tù binh Champa. Tuy nhiên công tử rất tự tin đáp lời:

- Ta xem các ông chỉ là lũ người bẻm mép huyênh hoang. Vua thì chơi bởi đàn điếm mặc cho chính sự rối nát. Tướng thì chưa đánh đã hàng, đã thua. Quan tư tế thì như một gã phù thủy. Thực tình các ông chẳng còn gì để mặc cả. Điều mà ta đòi, tức Đại Việt đòi là đòi cả dân tộc Champa các ông phải trả giá về lỗi lầm do kẻ thống trị nước họ gây nên. Các ông cứ suy nghĩ đi rồi trả lời để ta thưa lại với quốc vương ta. Các ông nên nhớ, qua mười ngày nữa Đại Việt sẽ cử người sang Trà Bàn lập vua mới. Tới lúc đó, lũ các ông chẳng còn một xu giá trị.

Nói xong Lý Kế Nguyên quay gót đi liền.

Ngay đêm ấy, vua tôi họ bàn bạc rất kỹ. Sáng sớm hôm sau họ nhờ nhà công quán chuyển vào triều

đình bức diệp văn bằng tiếng Champa. Lập tức vua Lý Thánh tông cho thiết triều. Lý Kế Nguyên được triệu tới. Trước trăm quan, vua sai Lý Kế Nguyên khẩu dịch. Lời lẽ như sau:

“Champa là nước bại trận. Để cứu văn tinh thế và lập nên hòa hiếu lâu dài giữa hai quốc gia Đại Việt và Champa. Cam kết từ nay Champa thừa nhận Đại Việt là nước lớn, Champa là nước phụ thuộc, hằng năm Champa phải cử sứ đoàn sang tu cống. Để bồi thường thiệt hại trong cuộc chiến vừa qua, nước Champa xin cắt đất ba châu: Bố Chánh¹, Địa Lý², Ma Linh³ trả cho Đại Việt để chuộc lỗi và xin Đại Việt trả lại Champa tất cả những người Champa bị bắt về Đại Việt trong cuộc chiến vừa qua...”.

Lý Kế Nguyên vừa đọc xong, nhà vua tóm tắt vài ý qua cuộc thương thảo giữa Lý Kế Nguyên với những người đại diện cho triều đình Champa với tư cách là tù binh của Đại Việt. Ai cũng khen Lý Kế Nguyên giỏi tung hứng, tuổi còn trẻ nhưng đã sớm bộc lộ tài năng của những bậc thuyết khách lỗi lạc. Tuy nhiên, về phía Chiêm Thành, ngoại trừ Chế Củ là một ông vua bất tài, bạc nhược thì những người khác đều là người chân

1 Bố Chánh là huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình ngày nay.

2 Địa Lý là huyện Quảng Ninh tỉnh Quảng Bình ngày nay.

3 Ma Linh là huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị ngày nay.

tài, khí phách, mưu lược, biết tiến, biết lui chứ không phải loại ngu ngơ ôm cây đợi thỏ¹ hoặc khắc ván tìm gương².

Cho các quan bàn thảo, một lúc lâu sau vua hỏi:

- Chế Củ và triều đình Chiêm Thành chấp thuận việc sai lầm tội lỗi và bồi thường chiến tranh với cái giá như vậy, theo ý các khanh ta có nên nhận hay nên đòi thêm. Bây giờ ta cứ nên bàn rộng rồi hãy quyết.

Trung thư thị lang Mai Cảnh Tiến xin nói:

- Muôn tâu bệ hạ, theo thần người Chiêm phải chấp nhận cái giá ấy là quá đắt. Đó là bài học cho sự ngông ngạo chỉ biết mình không biết người, thua là phải. May mà mới chỉ mất đất chứ chưa mất nước. Về phía ta cũng không nên gò ép hơn nữa. Phương ngôn có câu - "Già néo đứt dây". Giả dụ ở đây họ cứ ký bừa trả cho ta

1 Xưa có một người nông phu đi cấy về, bất chợt gặp một con thỏ giữa đường. Con thỏ sợ quá chạy thục mạng đâm vào cái cây bị chết. Anh ta bắt thỏ và vứt cây cạnh đường ngồi chờ. Người đi đường hỏi: - Anh ngồi làm gì đấy? Đáp: - Tôi ngồi đợi thỏ chạy qua đây để bắt. Rồi anh kể sự việc vừa diễn ra như thế nào. Người đi đường cười khẩy rồi bỏ đi.

2 Xưa có một người khách đi đò dọc, tới một đoạn sông nọ sóng đánh làm thuyền dập dềnh. Chiếc gương anh ta đeo bên sườn tuột dây nên rơi trượt qua mạn thuyền lăn xuống sông. Anh ta bèn rút dao khắc đánh dấu chỗ thanh gương vừa rơi nơi mạn thuyền. Khách đi đò hỏi: - Anh khắc vào đây làm gì vậy? Đáp - Tôi đánh dấu chỗ thanh gương vừa rơi, lát tới bến, thuyền đậu lại còn biết dấu vết mà tìm lại gương

Cả hai truyền ngữ ngôn này đều có ý chê trách loại người thiếu năng trí tuệ, không biết xét đoán sự việc.

nhiều đất đai hơn nữa, nhưng người trong nước và dân chúng không chấp nhận, họ lập vua mới thì sao. Tới lúc ấy ta có muốn trở lại cái giá như hiện nay cũng khó. Vậy xin bệ hạ mau mau chấp thuận rồi trả họ về nước.

Đại loại các quan bàn đi tính lại cũng không ngoài lời lẽ của quan trung thư thị lang Mai Cảnh Tiến.

Cuối cùng nhà vua nói:

- Ý ta cũng không ngoài ý các khanh. Vậy phủ thái sư lo cho những người này hồi hương càng sớm càng tốt. Nên cho họ đi ngựa, tới Cửa Hội (Nghệ An) tìm thuyền tốt đưa họ về. Phải thật nhanh trước khi các phái đảng chống đối Chế Củ đứng ra lập vua mới.

Về tới Trà Bàn nhắc họ phải đóng quốc ấn của Chế Củ vào tờ minh thệ vừa lập ở Thăng Long. Tiếp đó nhà vua phải bố cáo trước triều đình, lại phải tuyên cáo cho toàn nước Champa được biết địa giới mới xác lập, tránh mọi sự lật lọng hoặc tranh chấp nhau sau khi hai nước đã ký kết thỏa ước.

Việc căn cốt làm sao biến được cái đất trên giấy kia thành đất của ta. Các khanh phải bàn bạc với họ thật thấu đáo, đặt hạn kỳ cho từng việc. Ví dụ số dân của họ di về Chiêm Thành tất thấy hoặc số dân nào được ở lại. Ở lại là mấy phần thì được, quá cái phần ấy là vi phạm. Với thời hạn từ nay tới khi hoàn tất di dân ra khỏi ba châu đó là bao lâu. Hai bên phải thương thảo

không để người dân ra di trắng tay. Việc bồi hoàn cho mỗi loại tài sản là bao nhiêu, ta phải cùng họ bàn bạc. Tất cả các phí tổn ấy lấy trong quốc khố của Chiêm Thành. Về phía ta cũng phải tính tới việc di dân mình vào trong đó. Sự thực bây giờ chẳng ai muốn đi. Người Chiêm không muốn đi, vì họ cư trú lâu đời biết bao gắn bó. Còn dân mình cũng không muốn đến. Bởi đến miền đất lạ, khó làm ăn. Từ đây nhà nước phải coi việc định cư tại các miền đất mới này không chỉ là nghĩa cử mà còn là nghĩa vụ của mỗi người dân đối với đất nước. Tuy vậy nhà nước phải có hỗ trợ về việc di dời, phải lo chỗ ăn chỗ ở, phải tha tô thuế trong vòng mười năm để người dân yên cư với nơi ở mới. Việc trọng đại này các Khanh phải cử người có am hiểu để lập ra các cam kết đến từng chi tiết, đi từ bước nhỏ đến hoàn tất. Lại phải ràng buộc trách nhiệm, nếu không người Chiêm sẽ thoái thác từng phần tiến tới thoái thác toàn bộ.

Nhà vua mỉm cười như là một sự tự bằng lòng và với vẻ khoái hoạt, vua nói:

- Thôi được, trước khi đưa Chế Củ về nước, ta sẽ có cuộc hội kiến với ông ta để cột lại các điều ước.

Việc đánh Chiêm Thành đã trù liệu từ mấy năm trước. Khởi sự từ đầu tháng ba, kết thúc ở điều ước Chiêm Thành phải nộp cho Đại Việt ba châu và sau đó là việc đưa Chế Củ về nước vào cuối tháng bảy. Thời

gian kéo dài suốt năm tháng nhọc nhằn căng thẳng, nhưng mọi việc đều được như ý, vua Thánh tông rất hài lòng. Tới nay coi như tạm thư thái thì cái mệt nhọc ở đâu ùa ra làm nhà vua bải hoải toàn thân. Vua về ở Lan Cung với thân phi Ý Lan để còn được gần gũi các con.

Nhà vua nằm võng nhìn các con chơi đùa trong nền diện với đám a hoàn. Hoàng thái tử Càn Đức đã bốn tuổi, chạy di chạy lại thoăn thoắt, nói cười tươi tắn, mặt mũi khôi ngô tựa một đóa hoa rực rỡ. Hoàng thứ tử mới được hai tuổi, ngày nhà vua vào Chiêm, hoàng tử còn chưa biết đi, thế mà bây giờ bước đi đã vững, lại bập bẹ nói những tiếng ngô nghê mới đáng yêu làm sao. Con mèo thì gọi con “mào”, con chó gọi là con “gâu gâu”, con vịt thì kêu con “các các”...

Ngắm các con thơ ngây như mầm non mới nhú, nhà vua thấy trạnh lòng vì tuổi đã cao, bốn mươi bảy, bốn mươi tám tuổi rồi. Chờ đến bao giờ cho con khôn lớn mà dạy dỗ, mà truyền lại cho con phép chăn dân, trị nước. Ôi gánh nặng sơn hà lại đặt lên tấm vai bé nhỏ như con chim chích mới ra ràng kia ư. Tự nhiên nhà vua thấy thương chính cái thân mình, từ mười hai tuổi đã theo vua cha đi đánh dẹp. Và liên miên suốt từ đó tới nay không lúc nào được ngơi nghỉ. Lo cho dân được cái ăn cái mặc, lo cho nước được yên trị, đó là việc thường hằng của bất cứ triều đại nào, nhưng làm được tốt để dân không đói, xóm thôn trong cả nước mùa xuân đều

rộn vui bởi tiếng trống hội hè. Nhà nhà đều có tiếng trẻ học bài, chùa chiền âm vang tiếng chuông chiều mộ khi chiều xuống; chỉ những mong ước giản đơn đó thôi cũng đâu có phải là việc dễ, muốn làm mà được. Nghĩ tới con đường xa tít tắp đó với mấy chàng hoàng tử tí hon, nhà vua vừa thấy thương mình vừa thấy xót con vừa lo cho đất nước. Vừa yên đẹp được mặt nam thì mặt bắc có nhiều tin tức chẳng lành. Người của mình đặt ở Quảng Châu, ở Hàng Châu và cả Khai Phong và nhiều nơi trên đất Tống đều nói Vương An Thạch đang thi hành tân pháp, ra sức dẹp lui cựu phái lại được Tống Thần tông hậu thuẫn, tân phái đang lên như điều gặp gió. Vương An Thạch đã nhiều lần xướng xuất việc đánh Giao Chỉ. Nhà vua băn khoăn tự hỏi: - Ta thật không hiểu được các nước lân bang. Phía nam Chiêm Thành là nước nhỏ nhưng cứ luôn quấy rối ta, chọc giận ta. Còn phía bắc, nhà Tống dân đông, đất đai mênh mông không giới hạn, ta đã chịu lép, đã thờ họ là nước lớn, đã triều cống mà họ vẫn không để ta yên, mặc dù non sông bờ cõi đã riêng, dòng giống phong tục cũng khác - có lẽ đối sách của ta phải đổi khác chăng? Vì rằng các tiên đế từ Thái tổ, Thái tông đều nhún mình tôn phương Bắc theo cái đạo của nước nhỏ đối với nước lớn nên chỉ xưng thần, tự coi mình là nước phen dậu và chịu triều cống. Thế nhưng họ vẫn kỳ thị ta, xem thường ta, lăm le thôn tính ta, trong khi đó họ lại cúi đầu hèn nhát cắt đất và

tuế cống cho nước Liêu nước Hạ. Mỗi khi nghĩ đến nông nổi nước mình cứ luôn luôn bị chèn ép, bị bắt nạt lòng nhà vua lại sôi sục chí khí, muốn thoát ra khỏi sự kiểm tỏa đó. Thoát ra bằng cách nào? Câu hỏi ấy nhiều phen nhà vua đã đặt ra với thái sư Lý Đạo Thành, thái úy Lý Thường Kiệt.

Đạo Thành chủ trương khuyến khích nghề nông, mở mang nghề công, phát triển nghề thương, mở thêm bậc dịch trường, mở rộng thông thương với các nước chứ không chỉ bó hẹp mối quan hệ với người Tống.

Muốn làm được các việc trên đây theo Lý Đạo Thành trước hết phải khai mở dân trí. Bằng cách nhà nước phải mở mang việc học, phải đặt khoa thi, qua thi tuyển để chọn người tài. Chỉ có người tài có đức mới gánh vác được trọng trách quốc gia.

Còn Lý Thường Kiệt lại thiên về đường sức mạnh. Tức là phải kê biên hộ tịch ba năm một lần. Nhà nước phải quản chặt, không để một hoàng nam nào đến tuổi năm ngoài hộ tịch. Phải trị tội bất kỳ ai dám che giấu hoàng nam để làm người hầu hạ trong nhà. Phải giữ nghiêm chế độ luân phiên tập tành của đám nông phu. Phải lập nhiều sắc quân tinh nhuệ như hải binh, tượng binh, kỵ binh... Tất cả các sắc quân phải sử dụng thành thạo các loại binh khí mới ưu trội hơn binh khí của các nước. Ngoài sắc lính đại đôn theo chế độ ngũ binh ư

nông, phải tăng thêm số binh thường hằng chuyên tập cho thật thiện xảo và quen thạo mọi cách đánh: sông nước, đầm lầy, rừng rậm, đồng bằng... Nếu ta có đội quân như vậy thì không một kẻ thù nào dám nhòm ngó núi sông ta.

Nhà vua thở dài, nuốt một hơi thở vào trong, như để tiêu đi một khát vọng chưa thực hiện được trong một sớm một chiều.

Lý Thánh tông rất hài lòng với hai bậc tể thần lương đồng một văn một võ như hai cây thiết trụ làm chỗ dựa vững chắc cho vương triều. Đúng là Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt chủ trương rất hợp ý ta. Việc còn lại phải thực hiện cho bằng được điều mong mỏi đó. Chao ôi, con đường xa vời với vợ, giốc dựng cheo leo như đường lên trời, nhưng không thể không gắng sức vượt qua, nhược bằng nản chí thối lui thì cửa địa ngục đã toang hoang rộng mở. Đây chính là bước thử thách nghiệt ngã quyết định sự sống còn của cả một dân tộc, không chịu sống quì.

Ngẫm nghĩ lần ngày tính tháng nhà vua giật mình - Ta, người trẻ nhất trong cái kiềng ba chân này đã ở tuổi bốn mươi tám, Lý Thường Kiệt cũng năm mươi hai tuổi rồi, còn Lý Đạo Thành lại những sáu mươi mốt tuổi. Ngặt vì hoàng nhi còn nhỏ dại quá, giả như bây giờ ta có mệnh hệ nào thì sự thế sẽ ra sao. Ôi quá thật

ta không dám nghĩ đến điều bất hạnh này.

Nhà vua cứ triền miên trong suy tưởng với những viên tượng mai này của non sông đất nước và thiếp đi trên cánh võng điều. Đám a hoàn đã ý tứ đưa các hoàng nhi ra chơi ngoài Nghênh phong đình trên bờ hồ bán nguyệt. Các hoàng tử rất thích thú trò ném các viên sỏi, các mảnh sành xuống hồ. Máy a hoàn dạy cho Càn Đức cách chọn những mảnh sành cong để ném thia lia trên mặt nước. Có a ném mảnh sành cứ nhảy hoai tới năm sáu bước tạo thành xao động liên hoàn trên mặt nước rồi mới chìm và để lại trên mặt nước một vòng tròn cứ mở rộng dần ra cho tới khi tắt hẳn. Càn Đức tuy chọn được mảnh sành cong nhưng cậu không thia lia được, cứ ném khỏi tay là viên sành rơi “tôm” một tiếng. Vài lần không ném được cậu bé ăn vạ, ngồi bệt xuống đất mặt vùng vàng hai chân giẫy đạp.

Đêm ấy nhà vua mệt, thiếp lịm đi từ lúc sẩm chiều rồi vùi mình trong giấc ngủ sâu. Nửa đêm tỉnh giấc nghe văng vẳng đâu đây như là tiếng khóc thầm. Vua nghĩ, ta lại mơ những cảnh đau thương trong trận chiến vừa qua mà dân chúng Chiêm Thành phải gánh chịu, ngài kéo tấm mền trùm kín đầu để ngủ lại. Một lúc sau trở mình vẫn nghe tiếng nỉ non tức tưởi đó. Nhà vua cấu mạnh vào đùi xem mình đã tỉnh giấc hay vẫn còn mơ, thấy đau ngài liền nhóm dậy đưa mắt nhìn quanh thì ra phòng bên kia thân phi vẫn còn chong bạch lạp và tiếng

khóc đó chắc chắn là của Ý Lan.

Nhà vua vội khoác lên thân thể trần trụi của mình tấm áo choàng. Vì từ nhỏ các nữ mẫu thường cho ông ngủ trần trong chăn ấm nệm êm và suốt đêm các bà ngồi canh cho giấc ngủ của các hoàng nhi mà các bà cứ ngỡ là con mình. Thói quen ấy theo nhà vua vào cả trong trường hồ nơi trận mạc chiến trường.

Nhìn Ý Lan gục mặt vào chồng gối xếp để giấu đi tiếng khóc, đầu bù rối, nhà vua vội nâng cằm Ý Lan lên hỏi:

- Có chuyện gì nàng không nói với ta được sao mà phải ôm gối khóc thế này?

Ý Lan cố ghìm tiếng nấc. Nhà vua lấy vạt áo choàng lau nước mắt rồi ôm nàng vào lòng, vỗ nhẹ hai bờ vai và nựng dỗ:

- Ta biết thời gian ta chinh chiến xa nhà nàng phải thay ta xiết bao vất vả. Vừa nuôi con vừa lo liệu việc nước. Ta biết công của nàng lớn lắm, cả triều đình ngợi ca. Các vị đứng đầu tăng, đạo, các cao tăng trong hàng giáo phẩm đều ngợi khen nàng không dứt. Ta lại nghe cả dân chúng ca tụng nàng như Bồ Tát Quán Thế Âm. Ta sung sướng có một người vợ như nàng. Mẫu hậu còn bảo “hoàng gia ta vượng phúc nên lấy được nàng”.

Nghe nhắc đến mẫu hậu tức Mai thái hậu, Ý Lan lại càng nức nở, đôi dòng nước mắt của thần phi rơi

xuống dùi nhà vua nóng bỏng.

Vua ghì ôm nàng chặt hơn và ghé hôn tới tấp lên má, lên môi và lên đôi mắt ướt:

- Nín đi! Nàng nín đi. Có điều gì cứ nói thật ra. Ta yêu nàng hơn cả bản thân ta, nàng còn nghi ngờ điều đó sao.

Ý Lan hậm hụi, vùng vằng.

- Ta là vua của một nước lại không đủ sức giải tỏa được những ẩn ức cho nàng sao?

Trong thời gian nhà vua đi vắng, đám thái giám đã gài gủi được với thần phi qua việc đồ thái giám Đỗ Khánh Thập mách cho các việc ở điện Diên Phúc, điện Nguyệt Minh do hoàng thái hậu và hoàng hậu Thượng Dương câu kết đàn hặc qua thái sư Lý Đạo Thành. Việc ấy khiến Ý Lan căm hận và luôn thấp thỏm lo cho thân phận của mẹ con mình. Vì vậy Ý Lan đã vô tình bị đám hoạn quan lung lạc và mặc nhiên thần phi không khinh ghét họ như trước nữa, không thấy họ thâm độc xúc xiểm như trước đây nàng thâm nghĩ và đương nhiên nàng đứng về phía họ. Cũng vì vậy họ truyền cho nàng cái nghệ thuật lôi cuốn đàn ông khi thì nũng nịu yêu thương, khi thì vuốt ve ân ái, đôi khi phải dùng cả nước mắt để lung lạc. Song tất cả đều phải lựa chiều tâm trạng từng lúc của nhà vua, chớ có làm quá sức chịu đựng. Vì rằng chơi với vua tự như chơi với hổ, không

dè chừng là mất mạng, dù người ấy đang là ái phi. Biết vậy, Ý Lan vội lau nước mắt, vén lại mái tóc bù rối rồi ôm choàng lấy cổ nhà vua, đầu ngả vào ngực, hai tay ghì chặt tám lưng dầy đà của nhà vua.

Thánh tông gỡ nhẹ xiêm y, ngoài thối phù ngọn bạch lạp và cuộc mây mưa đổ xuống như cánh đồng khô nẻ được tưới bằng trận mưa rào chợt đến sấm sét ùng ùng.

Sáng ra nàng kể lại tất cả những điều mà Đỗ Khánh Thập thuật lại và cả những điều được nối thêm hàng ngày do lữ thái giám dò la bên cung Thượng Dương, cung Thái hậu rồi bịa tạc thêm vào.

Lý Thánh tông bần khoản day dứt. Nhà vua tự hỏi: “Có sự rạn nứt đó sao?” Ngài lại tự trả lời: “Có thể lắm, vì rằng Thượng Dương không sinh được hoàng nam nên nảy lòng thù tức ghen tuông, vì vậy nàng đã cầu đến mẹ ta. Mẫu hậu vốn là người nhân ái cả tin nên đứng ra đàn hặc, may có Đạo Thành giải tỏa”.

Trong vụ này dám thái giám còn chữa thái sư ra bởi không dễ gì có thể khiến nhà vua nghi ngờ ông được. Đó là sự tính toán khôn ngoan đến tuyệt đỉnh.

Cuối cùng Ý Lan lại xựt xựt tự trách mình:

- Bệ hạ, thần thiếp thật là nông nổi hồ đồ. Giá như thiếp biết nhìn xa một chút, thiếp không nhận quyền lưu thủ kinh sư thì đâu đến nỗi. Đúng là thiếp khờ dại quá.

Nghe Ý Lan nói những lời gan ruột, nhà vua càng yêu tin nàng đến vô cùng. Đúng là nàng thơ ngây chân thật. Thánh tông liền an ủi:

- Nàng hãy yên tâm, các chuyện đó ta sẽ dẹp ngay tức khắc. Thượng Dương nếu không biết phận mình còn dám chọc giận ta, sẽ phải ân hận.

Với vẻ bối rối gần như là hốt hoảng Ý Lan vội quì lạy:

- Thiếp căn cứ van xin hoàng thượng, nếu hoàng thượng thật lòng yêu thương mẹ con thiếp thì chớ động đến chánh cung. Bởi như thế thần sẽ mắc tội cậy mình sinh được hoàng nam mà ton hót khiến hoàng thượng chia lòng. Trước sau thiếp vẫn là thân cô thế cô, nghĩ tới mai này thật là muôn dặm đường xa với vô vàn trắc trở, mẹ con thiếp chỉ còn biết trông cậy vào sự che chở của hoàng thượng mà thôi.

Gương mặt nhà vua trở nên nặng nề khó tả, một mũi tên vô hình đã găm lại trong lòng ngài.

Nhà vua cúi đờ Ý Lan:

- Nàng đừng sợ, vị thế của mẹ con nàng ta đã xác lập.

XXVII

Sau ba năm xây cất, trang hoàng và đắp tượng, vẽ tranh, tới nay Văn Miếu thờ Khổng Tử đã hoàn tất, Lý Đạo Thành dâng sớ trình nhà vua về công việc xây cất, sắp đặt nơi thờ tự như ông đã dự liệu, xin nhà vua thị duyệt, nếu ngài cho phép sẽ chọn ngày đại cát để làm lễ khánh thành.

Nhận được sớ tấu, nhà vua vui lắm. Ngài cho đây là việc hệ trọng bởi nó là điều cốt lõi để xây dựng nền giáo dục, nền văn hiến của nước nhà đi vào chuẩn mực. Vua cho triệu thỉnh các quan văn võ các lộ từ hàng ngũ, tứ phẩm cấp chánh được về dự thiết triều vào ngày sóc¹ tháng mạnh thu¹.

Đã lâu lắm mới có một buổi lễ thiết triều gồm đủ

¹ Sóc: Ngày 1 đầu tháng. Mạnh thu là tháng 8.

các quan trong ngoài triều như lần này. Đúng là một sự hy hữu.

Các quan tề tựu đông đủ, tới giờ thiết triều quan trung thư môn hạ sánh vào tiền điện ¹ thỉnh nhà vua ra thị triều.

Lý Thánh tông vừa bước ra khỏi tiền điện đã được các quan đứng đón chặt ních cả đường đi. Nhà vua đi giữa tiếng hô vang của bá quan:

Hoàng thượng anh minh!

Hoàng thượng chí kính!

Hoàng thượng thiên tuế!

Hoàng thượng vạn tuế!

Nhà vua như trẻ ra, miệng tươi cười, tay giơ cao chiếc hốt vàng vẫy vẫy các quan rồi ngài ngồi xuống long ngai.

Trong số các quan dự thiết triều ta thấy đứng đầu hữu ban là thái sư Lý Đạo Thành uy nghi trong bộ triều phục, trong số các quan đương nhiệm ông là người cao tuổi nhất. Về phía bên kia, người đứng đầu tả ban là Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc Lý Thường Kiệt. Ông vận võ phục, đội mũ đầu mâu, nom ông oai phong lẫm liệt.

¹ Nhà làm lễ vua ngồi tam trước khi coi châu hoặc nghỉ giữa phiên châu kéo dài.

Ngoài hai vị đứng đầu tả hữu ban được ngồi ghế châu ta còn thấy hai vị đứng đầu giáo hội cũng được ngồi ghế châu đó là đô tểng thống Lâm Huệ Sinh, tả thanh đạo Lưu Khánh. Các bậc lão thần đã hồi hưu cũng loáng thoáng có một số vị được mời như thái úy Quách Thịnh Dật, hải binh đô tổng quản Lý Văn Trung... Các vị thuộc hàng cố lão nên được phép chống gậy, ngồi ghế châu.

Trong các hàng quan văn võ ta còn thấy viên ngoại lang Phí Gia Hựu, từng nổi tiếng trong cuộc thương thảo với sứ đoàn nhà Tống tại Ung Châu về sự lộn xộn chốn biên thủy hai nước đã đem thắng lợi trở về. Ông còn đem về trình vua cả những quà cáp do chánh sứ đoàn Trung Hoa lại bộ thị lang Dư Tĩnh biếu tặng nhằm lôi kéo thoả hiệp. Các quan thanh liêm nổi tiếng như các đô hộ sĩ sư Ngụy Trọng Hoà, Đặng Thế Tư. Các tướng lĩnh từng nổi danh trong cuộc bình Chiêm như Phụng Càn vương hoàng đệ Lý Nhật Trung, tán kỵ vũ úy Lý Thường Hiến, đại liêu ban Hoàng Kiện, tiền quân hiệu úy Lý Kế Nguyên, tả hữu uy vệ Phạm Di, Trần Cải... Lại cũng thấy phò mã Thân Thiệu Thái là chồng của công chúa Bình Dương đang tươi cười chào hỏi tả kiêu vệ tướng quân Trần Năm.

Nhà vua giơ cao cây kim hốt, triều thần im phăng phắc. Vua nói:

- Thái sư vừa đệ trình bản tấu nói về việc xây dựng toà Miếu Văn thờ tổ của đạo nho là Chu Công và Khổng Tử, mọi việc đã hoàn tất, xin được thị duyệt và chọn ngày khánh thành. Ta cũng đã đi xem vài lần thấy ứng ý, nhưng chưa quyết. Đây là phần văn hiến của một nước, dù ta ở ngôi chủ tể cũng không thể hồ đồ được. Vậy thái sư hãy nói những điều căn cốt nhất của đạo nho và tiện ích của việc lập Văn Miếu, việc mở trường, mở khoa thi cho các quan trong ngoài đều được nghe. Chính nó có quan hệ đến việc khai trí, quan hệ đến việc thịnh suy của một nước nên ta triệu đầy đủ các quan trong ngoài triều về dự cho rộng đường bàn thảo.

Thái sư Lý Đạo Thành đưa hai tay lên nấn lại vành mũ, ông rờ rờ xem hai cánh chuồn có cân đối về hai bên, lấy các ngón tay chải cho bộ râu bạc thật sóng rồi từ từ bước ra khỏi ban hướng về nhà vua, vòng tay áo thụng rồi quì xuống:

- Muôn tâu bệ hạ, thần xin được nói.

Nhà vua gật đầu:

- Miễn lễ! Miễn lễ, thái sư cứ ngồi trên ghế mà nói.

Thái sư liền đứng dậy cúi đầu vái nhà vua hai vái:

- Thần tạ ơn bệ hạ. Đoạn ông quay về phía các triều quan vái một vái-

Thưa các đồng liêu. Việc đưa tam giáo ¹ vào làm rường cột cho các chính sách trị bình đã được minh định từ ngày lập quốc do đức Thái tổ cao hoàng đế nhà Lý ta cùng các bậc thượng trí trong các dòng đạo khai thông. Các kỹ cương của nho giáo đã được vận dụng đưa vào hệ thống then máy của triều đình từ hương thôn tới thành thị và cả kinh sư. Tất thấy bộ máy từ hương thôn tới triều đình hiện nay đều do những người biết chữ, những người có học ở mức độ cao thấp khác nhau nắm giữ, tuyệt nhiên không có một quan chức hoặc lại viên nào lập sổ sách chi thu bằng các cuộn dây thừng với các nút thắt như hồi quốc sơ nữa.

Việc học ở trong nước hiện nay phải nói là khả thủ, nhiều người học hành thông tuệ ở trình độ cao mà không có cửa tiến thân. Các trường mở trong các nội tự do các sư tăng kiêm dạy tuy có khai thông được sự trì bế nơi hương thôn vì không có chữ nghĩa, nhưng lại chưa đủ trình độ để thu nạp vào làm việc tại các cơ quan công quyền.

Ngày nay sự học lan toả khắp nơi, người dân hễ có bát ăn là nghĩ đến việc cho con đi học. Cho nên trường tư mở khắp các nơi. Nhiều thầy có học vấn tinh thuần dạy dỗ nhiều lớp học trò đủ học vấn ra giúp đời. Song thực là đáng tiếc, cũng có không ít người chữ nghĩa

1 Tam giáo gồm ba nền đạo: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo.

chưa thông cũng đứng ra mở trường dạy học. Những kẻ dốt nát háms lợi này sẽ làm hỏng những đầu óc nhẽ ra rất thông tuệ của con em nông phu.

Bởi vậy đã đến lúc nhà nước phải coi sự học của người dân là sinh mệnh của quốc gia. Nhà nước phải chăm lo sự học cho lớp trẻ vì chính chúng là lớp người mai đây sẽ gánh vác hầu khắp công việc của xã hội. Dân gian có câu nói rất hay rằng: “Một người biết lo bằng một kho người biết làm”. Người biết lo là người có học vấn đấy.

Thánh nhân cũng dạy với các ý tương tự: “Phàm xoay cái thế thiên hạ do trí chứ không do sức, thu tấm lòng thiên hạ ở nhân chứ không ở bạo”.

Mới đây vua nước Chiêm Thành là Chế Củ toan dùng sức và dùng bạo để xoay cái thế của thiên hạ liên tiếp gây hấn với Đại Việt, bỏ giao hảo, mưu toan kết liên với nhà Tống để thôn tính nước ta. Thánh triều ta do đức kim thượng dùng cái trí trong cuộc thân chinh thảo phạt khiến Chế Củ phải thân bại danh liệt. Nước Chiêm Thành tan nát, dân Chiêm Thành oán hận Chế Củ vô cùng, vì vừa làm cho cả quốc gia suy kiệt vừa phải cắt đất cầu hoà.

Suy cho cùng thì trí và nhân đều xuất phát từ học vấn mà ra cả. Cho nên từ nay nhà nước sẽ lập một hệ thống trường từ hương, châu, lộ đến kinh sư. Lại đặt các

chế độ thi cử theo từng cấp học. Trường từ lộ trở xuống cho con em các nhà có khiêu năng đến học. Trường mở tại kinh sư gọi là trường quốc tử chỉ giành cho các hoàng tử, hoàng tôn đến học. Nếu hoàng thượng cho phép có thể lấy thêm các công tử con các vị đại thần vào học. Trường này đặt ngay sau Miếu Văn để các quốc tử sinh noi gương các bậc thánh hiền mà tu chí, rèn đức.

Về thi cử theo chế độ tam trường. Trường nhất thi tại các hương, châu, quận. Phải có từ hai trăm sĩ tử trở lên mới được mở trường thi, dưới số đó phải gom nhiều hương, châu, quận thành một trường thi. Loại này cứ hai năm thi một kỳ.

Trường nhị thi tại các lộ, cứ ba năm một kỳ.

Trường tam thi tại kinh sư cứ năm năm một kỳ. Dương nhiên phải đỗ chính báng ở trường nhất mới được dự thi tại trường nhị.

Đỗ trường thứ ba gọi là Minh kinh bác sĩ và nho học tam trường. Sau khi đỗ đạt sẽ được tuyển bổ.

Dứt lời, thái sư Lý Đạo Thành lại hướng về phía nhà vua, chấp tay vái:

- Tạ ơn thánh thượng, thần đã tấu xong. Rồi ông lui về chỗ ngồi.

Nhà vua thấy chiếc kim hốt:

- Khá khen thái sư là người văn hay, thuyết giỏi, ta y tấu. Nhìn khắp lượt triều quan vua hỏi:

- Đây là cơ hội, các khanh có điều gì cần nói cứ nói. Ta cũng nói thêm để các khanh rộng đường bàn thảo. Trong lời tấu, thái sư nói rất kỹ về sự tiện ích của nho học cùng việc mở trường. Còn như việc sắp xếp thờ tự cũng như chữ nghĩa dùng trong các hoành phi câu đối đã chỉnh chưa, đã sáng nghĩa chưa, có lẽ phải lập ra một nhóm gồm những người thông kim bác vật để cùng nhau xem xét. Bởi đây là lâu đài học vấn của cả nước, nếu dùng sai, sứ đoàn các nước họ biết, họ cười cho. Ta vốn tin vào sức học rộng nghĩ sâu của Lý Đạo Thành, nhưng trong việc này cẩn thận đến mấy cũng không thừa. Ý các khanh thế nào- vua gặng hỏi.

Lão thái úy Quách Thịnh Dật bực huân lão trải thờ ba triều vua chống gậy đứng lên xin nói.

Nhà vua phẩy chiếc kim hốt:

- Miễn lễ. Lão thái úy cứ ngồi tại ghế mà nói.

- Tạ ân hoàng thượng - Quách Thịnh Dật nói - Thần vốn theo ngạch võ, tuy bệ hạ thương tuổi già mà cho hồi hưu, nhưng trong lòng từ lâu vẫn có ý ngưỡng mộ cái sự văn. Người có văn chất là người trí. Người có văn chất là người có đức. Có trí, có đức ấy là bậc nhân giả. Thánh triều ta từ khi mới thiên đô từ Hoa Lư về Thăng Long, Thái tổ cao hoàng đế cho xây nhiều cung điện, trong đó có điện Giảng Võ. Điện Giảng Võ chính là cái lò, cái trường rèn đúc các tài năng về hàng võ.

Về đường tông giáo một bên cho dựng chùa Vạn Tuế, một bên cho dựng quán Thái Thanh, thế là Phật – Lão song hành. Còn Nho giáo nay bệ hạ cho dựng Miếu Văn thờ Khổng Tử, lại mở trường học các cấp, mở khoa thi tuyển chọn người tài dùng cho nước. Thế là trọn cả tam giáo. Kể cũng là hơi chậm, vì rằng nhà Lý ta mở nước tới nay vừa tròn sáu chục năm. Nhưng mà muện còn hơn không. Tạ ân bệ hạ! Ông lão lại chống gậy đứng lên vái nhà vua hai vái.

Nghe lão thái úy nói, cả triều quan đều kinh ngạc về lời nói mộc mạc mà hàm ý sâu xa của một ông già trên tám mươi tuổi.

Quan thái sử nghe mà mát lòng mát dạ. Bởi việc này ông trừ liệu từ mấy chục năm nay, từ khi còn sinh thời vua Thái tông. Và ngày ấy ông còn trẻ, còn tràn trề sinh lực. Vua Thái tông không bác bỏ, nhưng ngài cũng chưa có dịp xét đến.

Cả chục năm nay tình thế bức bách do kẻ sĩ trong nước đòi hỏi lại được nhà vua cho ở ngôi tể tướng nên Lý Đạo Thành luôn đưa ra lời thỉnh nguyện và cả thúc ép nữa nên mới có được kết quả như ông hằng trông đợi. Ông chỉ cần sau một khoa thi, mọi sự đi vào nền nếp, đâu có chết cũng toại nguyện.

Phụng Càn vương hoàng đệ Lý Nhật Trung giờ tay muốn nói. Nhật Trung là người văn võ kiêm thông,

mười ba tuổi đã theo vua cha đi đánh giặc, mười lăm tuổi được vua cha uỷ cho làm lưu thủ kinh sư. Làm tướng thì mưu trí, táo bạo thường giáng cho kẻ địch những đòn bất ngờ và cứ ra quân là thủ thắng. Lý Nhật Trung cũng là người quảng giao, bạn xướng họa thi văn với ông thường là các thiền sư, đạo sư, các vị chức sắc trong hàng giáo phẩm. Ông thường lui tới chùa Vạn Tuế kiểm cơ hỏi kinh mượn sách để được tiếp kiến với đô tể thống Lâm Huệ Sinh, đôi khi còn cả xướng họa nữa. Biết Lâm Huệ Sinh là người vừa có đạo lực vừa có phách lực, coi công danh như cỏ rác, Lý Nhật Trung càng phục lắm. Sinh thời tiên đế rất mến mộ sư, cho người vào chốn tùng lâm mời về triều; sư ngoảnh mặt đi không nghe lời sứ cầu kiến. Sứ cứ năn nỉ mãi, sư bèn gọi sứ đến bên mình bảo: *"Ông không thấy con vật cúng sinh sao? Người ta mặc cho nó lụa là, đem cỏ tươi đến tận miệng cho nó nhai. Đến khi dốt nó vào thái miếu thì dẫu muốn làm một con vật hèn mọn, muốn sống thêm ít ngày nữa cũng không thể được. Vật tế còn như vậy, các vật khác có khác gì."* Nói xong rũ áo đứng dậy không tiếp sứ nữa.

Tuy vậy lòng phụ vương ta mến mộ sư vẫn không hề giảm, sai sứ đi mời bằng được. Nể cái tình tri kỷ của phụ vương ta, sư mới chịu xuống núi, và khó nhọc lắm mới ép được sư nhận cái chức đô tể thống. Kịp đến khi phụ vương viên tịch sư đã toan về lại chốn tùng lâm, nhưng vương huynh ta phải hai ba lần nài giữ sư

mới miễn cưỡng nghe theo.

Sực nhớ vừa xin nói, Lý Nhật Trung liền khai khẩu:

- Tâu hoàng thượng, về việc hoàng thượng dụ bảo phải lập một nhóm để xem xét sự thờ cúng tế tự ở Miếu Văn cũng như xét định phần chữ nghĩa trong các hoành phi câu đối... thần tuy bất tài cũng xin đứng ra lập cái nhóm đó. Nếu bệ hạ rộng lòng y chuẩn, thần xin bắt tay vào việc ngay sau buổi chiều này.

- Được lắm! Được lắm, nếu hoàng đệ nhận, ta thật an tâm.

Sau đó vua quay ra hỏi các triều quan:

- Các khanh có còn điều gì cần tâu báo, có còn điều gì cần hỏi cứ hỏi, ta đang muốn nghe. Nhất là từ sau khi dựng xong Miếu Văn, dựng xong nhà quốc tử viện, sự học ở nước ta sẽ là khởi sắc.

Viên ngoại lang Đào Tông Nguyên xuất ban xin nói:

- Tâu bệ hạ, lúc trước quan thái sư có ý thỉnh cầu hoàng thượng về nhà quốc tử viện. Lập ngôi trường này là để các hoàng tử hoàng tôn đến học. Thái sư nói, nếu hoàng thượng ân chuẩn, sẽ xin cho các công tử con các đại thần vào học. Chúng thần đang nóng lòng chờ hoàng thượng dụ bảo.

Thần trộm nghĩ, hoàng tử, hoàng tôn có được mấy

người mà ngôi trường thì quá rộng. Nếu bệ hạ gia ân cho con cái lũ thân được vào học cùng thì thật là đại hạnh. Ông vái nhà vua hai vái rồi lui về chỗ cũ.

Đào Tông Nguyên nói rất trúng ý các quan, mọi người im phăng phắc lắng nghe ý tứ bề trên.

Vua Thánh tông mặt mày rạng rỡ đứng hẳn xuống thêm rồng, người cầm cây kim hốt khoát một vòng rồi phán:

- Đào Tông Nguyên dự triều hội mà không lắng nghe lời vua nói, tội gì đây?

Không khí đang vui vẻ chợt lạnh băng, các quan đều kinh ngạc không hiểu Đào Tông Nguyên mắc phải tội gì. Có người đã nghi ngại.

Vua lại chỉ cây kim hốt về phía viên ngoại lang Đào Tông Nguyên hỏi:

- Vậy chớ khanh đã biết mắc tội gì chưa?

Đào Tông Nguyên vốn là người lý sự, tự tin, ông đứng dậy vòng tay vái vua hai vái rồi nói:

- Muôn tâu thánh thượng! Thánh thượng anh minh, thần vô tội ạ.

- Vừa đây khanh có nghe bản tấu của thái sư không?

- Tâu, thần nghe không sót một chữ nên thần mới nài xin hoàng thượng gia ân.

- Vậy chớ sau khi nghe thái sư tấu xong, khanh có

nghe ta nói gì không?

- Tâu, hoàng thượng phán rằng: _ “Khá khen thái sư là người văn hay, thuyết giỏi, ta y tấu.”

- Khanh có trí nhớ tốt mà sao không hiểu lời ta. Ta nói “y tấu”, tức là ta bằng lòng hết thấy.

Vua vừa dứt lời, cả triều quan rầm rầm tiếng hô:

Tạ ân hoàng thượng!

Tạ ân hoàng thượng!

Hoàng thượng anh minh!

Vua Thánh tông lui gót ngồi xuống long ngai, ngài vẫy vẫy kim hốt cho mọi người trật tự. Đoạn nhà vua nói:

- Làm gì có chuyện mở cả một ngôi trường lớn giữa kinh thành mà lại chỉ giành cho có dăm mười người học. Ta y chuẩn cho các công tử con các vị vào học cùng các hoàng tử, hoàng tôn. Nhưng ta phải phạt Đào Tông Nguyên, riêng con của Khanh năm đầu không được nhập học.

Đào Tông Nguyên liền bước ra khỏi ban, vái nhà vua hai vái:

- Thần xin tuân mệnh. Nhân đây xin bệ hạ tha tội, vì các con thần đã lớn cả. Chúng đã yên bề gia thất nên không còn tuổi đi học nữa ạ.

Cả triều quan ô lên vì cảm động. Chính nhà vua cũng cảm động, ngài phán.

- Này viên ngoại lang Đào Tông Nguyên, khanh thật đáng khen. Vì quyền lợi của người khác mà khanh dám đương đầu với cả trẫm. Trẫm lấy làm hài lòng có được những bầy tôi như khanh. Phải coi đây là một hành vi cao thượng, vì nó trẫm thưởng khanh tước hai tư.

Cả triều quan lại vang lên tiếng hô:

Hoàng thượng anh minh!

Hoàng thượng anh minh!

Phò mã Thân Thiệu Thái đầu mục người man Nùng xứ Lạng Châu xuất ban vái nhà vua rồi nói:

- Tâu bệ hạ, thần xin hỏi ngoài con các vị đại thần ở kinh sư được học tại quốc tử viện ra thì con cái các quan ngoài các lộ và vùng biên viễn có được về học tại quốc tử viện không.

- Ta phải nói rõ để các khanh hiểu, tức là các công tử được nhận vào học tại quốc tử viện phải đỗ qua trường nhất, trường nhị. Tại đây chỉ dạy để thi tam trường thôi. Bây giờ mọi sự đều mới bắt đầu, nay mai vào nền nếp, quốc tử viện không chỉ nhận con các đại quan, mà con dân thường học giỏi vẫn được chọn vào học. Dân thường còn được chọn, huống hồ con các quan ngoài tứ trấn và các vùng biên tái. Vì rằng nhân tài không chỉ xuất hiện nơi con cái các nhà quan, các nhà giàu. Ta nói trước, quốc tử viện không có chỗ cho kẻ dốt nát, kẻ lười biếng dù chúng xuất thân từ cửa nào.

Các quan thẩm phục nhà vua công bằng, sáng suốt và mọi sự đều minh bạch. Đại liêu ban Hoàng Kiện xuất ban xin nói:

- Tâu thánh thượng, thần xin hỏi, nếu các công tử con các quan ở ngạch võ, lại có khiếu năng văn chương, học hành các môn đều giỏi giang cả, liệu có được thu nhận vào quốc tử viện không ạ?

Nhà vua xua tay:

- Khanh tham lam quá đấy. Con nhà võ đã có trường võ từ lâu rồi. Suốt sáu mươi năm các quan văn mới có nơi chốn gửi con tu học lần đầu, Khanh còn tí chãng?

Các quan thấy đều cười ô lên, đại liêu ban hơi ngượng.

Vua gặng hỏi không còn ai tâu báo gì liền gọi Phụng Càn vương lên sát long ngai vua dặn:

- Vương đệ chọn lấy vài ba người có kiến văn sâu rộng cùng đi với thái sư để kiểm xét, chỗ nào ngờ cứ hỏi thẳng ông ta. Xem ra về nho học nước mình chưa ai vượt nổi Lý Đạo Thành đâu. Vương đệ thường giao du với đô tăng thống Lâm Huệ Sinh, nếu mời được người ấy nữa thì ta yên tâm.

- Chủ kiến của đệ rất hợp với điều vương huynh dạy đó.

- Ta muốn mọi việc sẽ xong trong vài ba ngày tới để có thể khánh thành từ mừng mười trở ra.

- Thần nghĩ mọi việc sẽ khuôn theo ý vương thượng.

Sau đó vua cho bãi triều, các quan đều hồ hởi phấn chấn mong ngày khánh thành Văn Miếu.

Đêm ấy vua cho triệu Lý Thường Kiệt vào điện Thiên Khánh, ngôi điện xây theo kiểu bát giác rất tinh tế, mặt trước mặt sau đều bắc cầu Phượng Hoàng, có hồ nước bao quanh, có liễu biếc, trúc xanh lung linh soi bóng xuống mặt hồ.

Tiết thu trời mát, vua sai kê bộ tràng kỷ tre hóp ra ngoài hành lang ngôi hóng gió, đón trăng. Lại sai hâm một bầu rượu với vài thứ đồ ăn mà thuở nhỏ vua và Ngô Tuấn đều thích.

Nhìn thấy đĩa cà cuốn nướng, đĩa muôm muôm chiên giòn thơm phức Lý Thường Kiệt cảm động đến ứa nước mắt. Lập tức những ký ức tuổi thơ giữa ông và vua sống lại. Thường Kiệt trầm nghĩ, chắc có chuyện gì nghiêm trọng đây, không đứng ai lại gợi chuyện thiêng liêng này.

Trước khi vào chuyện, vua sai đuổi hết đám thị nữ, thái giám ra khỏi cung, quân túc vệ cũng chỉ được ở phía ngoài hồ.

Nhìn sâu vào đáy mắt Lý Thường Kiệt, vua hỏi:

- Khanh có biết ta triệu khanh đến có việc gì không. Trước hết để cho tự nhiên, và lại chỉ có hai ta, tạm bỏ

lễ vua tòi mà coi như chỉ có tình bạn, tình anh em. Nào Thường Kiệt trả lời ta đi.

Là một vị tướng dạn dày trận mạc, dù đứng trước hiểm nguy cũng không làm ông nao núng, mặt không đổi sắc, thế mà chỉ nhìn vào mấy con muỗi muỗi, mấy con cà cuống Lý Thường Kiệt phải nén xúc động để đáp lời vua, giọng ông nhẹ nhàng:

- Theo thần, bệ hạ có hai việc đang cần được chia sẻ. Thứ nhất và việc nhà Tống, thứ nhì là việc hậu cung.

Vua cảm động nắm lấy tay Lý Thường Kiệt kêu lên:

- Tiên đế đã đem Ngô Tuấn đến cho ta. Nhưng trời lại đem Thường Kiệt đến cho ta. Sao khanh lại biết ta nói hai việc đó.

Lý Thường Kiệt lặng lẽ chỉ vào mấy đĩa đồ nhắm bên hồ rượu.

Khá khen con người nhạy cảm tinh tế. Quả là ta đang lo về hai việc đó.

- Trước hết ta nói đến chuyện nhà Tống. Rõ ràng là tới cả chục năm nay biên sự yên ổn, nhà Tống không có động tĩnh gì suốt mấy tỉnh vùng biên, nhưng sao ta linh cảm biên sự sẽ trở nên rắc rối to. Chính vì thế ta mới khởi sự chinh phạt Chiêm Thành để rảnh tay đối phó mặt bắc. Gần đây ta xem rất kỹ những điều ngoại gián từ Quảng Châu, Hàng Châu, Khai Phong cùng nhiều nơi

khác nhau về chưa có dấu hiệu nào nguy hiểm. Chưa có dấu hiệu nhà Tống động binh, thế mà ta vẫn cứ không yên tâm. Lại thật. Khanh thử nói điều ta lo là có lý hay vô lý.

- Tâu, những điều bệ hạ lo là có lý. Nhưng bao vẫn còn xa. Thần theo dõi rất chặt chẽ chính sách tân pháp của Vương An Thạch. Phải nói ông là người có tài ư cạnh cải lại được Tống Thần tông là vị vua trẻ có chí tiến thủ muốn đưa nước Trung Hoa vượt lên sự trì trệ. Vua tôi một lòng, thế là thuận lắm. Nhưng Vương An Thạch bị hai sức cản rất lớn, đó là cự phái và dân chúng. Vì rằng tân pháp của Vương An Thạch trước hết đánh vào tầng lớp có của và cả dân nghèo. Cả dân và cự phái đều chống lại chưa chắc An Thạch đã thi thố được. Tuy vậy vẫn phải thừa nhận nếu tân pháp thắng thế thì nước Trung Hoa sẽ có cơ may vượt lên và dân chúng cũng sẽ có lợi quyền trong đó. Nếu tân pháp thắng thế nhất định Vương An Thạch sẽ đánh Đại Việt để ngăn chặn sự hớ sườn phía nam rồi còn tiến lên mặt bắc, mặt tây để đòi đất nhà Liêu, nhà Hạ.

- Khanh có nhớ trước đây tiên đế rồi cả ta làm rất căng chuyện biên thuỳ, nhà Tống nhiều phen mất mặt. Nhất là vụ Thân Thiệu Thái với công chúa Bình Dương giết Tống Sĩ Nghiêu, sau lại bắt cả Dương Bảo Tài, nhà Tống cứ đòi mãi, Khanh chẳng bảo không thả được vì y là một đầu mối phản gián lợi hại. Thế rồi họ cũng ngậm

tăm. Ta nghĩ nếu có nổ ra chiến tranh thì biên sự lúc đó luôn là những ngòi nổ, vậy mà họ vẫn lờ đi. Thế mà bây giờ đã mười năm yên ổn, ta lại lo. Lạ quá.

- Tâu, ngày đó có nhiều kẻ hiếu chiến muốn đánh ta nhưng các vua Tống như Chân tông, Nhân tông, Anh tông đều là những ông vua chủ hoà, cầu an. Nay thì lại khác, vua tôi Tống Thần tông đang say mùi tân pháp, bệ hạ linh cảm thế là chính xác. Ta còn đủ thì giờ đối phó. Nếu được chuẩn bị kỹ, nội tình yên ổn, người Tống không làm gì nổi ta đâu.

- Ta cũng không mong gì hơn thế.

Nói ra được những điều canh cánh với một người hiếu mình, chia sẻ với mình đến từng chân tơ kẽ tóc, nhà vua thấy nhẹ nhõm được một phần. Song còn một điều nữa nhà vua vẫn cứ băn khoăn.

Lý Thường Kiệt đang chờ nghe vua nói tiếp, vô tình tay ông chạm vào đĩa muỗm muỗm, ông lơ đãng nhón một con bỏ vào miệng. Muỗm bột chiên giòn, hai hàm răng đập khê đã tan ra thành bột vừa béo vừa ngọt ngậy. Mùi muỗm đã thức dậy những kỷ niệm thời thơ ấu giữa ông với nhà vua và người em là Lý Thường Hiến bây giờ. Tuy vậy tuổi thơ của ông bị vua Thái tông chiếm trọn cho con trai ngài là hoàng thái tử Lý Nhật Tôn tức vua Thánh tông đương triều.

Cuối cùng rồi nhà vua cũng vẫn phải nói:

- Trong thời gian ta và Thường Kiệt vào Chiêm, ở nhà xảy ra một việc, thôi ta cứ kể lại đúng như lời Thần phi để khanh nghe đầy đủ, sau đó khanh sẽ nhận định xem ý ta, ý khanh có hợp nhau không.

Vua Thánh tông kể đúng như lời của Ý Lan thuật lại về chuyện nàng được nhà vua giao trọng trách lưu thủ kinh sư. Ở nhà có ai đó mách với hoàng thái hậu. Hoàng thái hậu cho triệu thái sư đến hỏi.

Nhà vua vừa dứt lời, Lý Thường Kiệt hỏi xen vào:

- Tâu, Thần phi tận mắt chứng kiến hay do ai thưa lại.

- Có một người khác tâu lại với nàng, theo nàng đó là một người chân thật, tốt bụng, đáng tin cậy. Ta vặn hỏi người đó là ai, nhất định nàng không chịu nói.

- Tâu, bệ hạ có thể hỏi lại Thần phi xem. Nếu lời nói này từ bọn thái giám, từ đám ti nữ, cung nhân thời chớ có tin. Lũ này hay đưa tin làm quà rồi kéo bè kết cánh.

- Ngay hôm ta mới từ Chiêm Thành về có tới vấn an mẫu hậu, người cũng thuật lại việc triệu Lý Đạo Thành đến hỏi về việc ta trao quyền lưu thủ kinh sư cho Thần phi có trái điển lệ của các tiên đế không. Sau khi nghe thái sư phân giải, người còn khen Ý Lan giỏi giang, hoàng gia vượng phúc. Như thế, theo ta thì thái

hậu và thái sư là người ngay thẳng. Nhưng Thần phi lại cứ bắt bẻ cho rằng có sự xúi bẩy của Thượng Dương, nàng làm mình làm mẩy mệt quá. Không ra cái ý chê thái sư, song không còn quý kính như xưa nữa.

-- Tâu, thần cũng đồng suy nghĩ với bệ hạ. Hoàng thái hậu là người đức độ, thẳng ngay, thấy việc gì cho là phải thì làm ngay, yêu thương mọi người như một vị Bồ Tát. Còn thái sư Lý Đạo Thành vừa là rường cột của triều đình, vừa là người hiền của nước, không thể có chuyện ông ấy làm điều gì khuất tất. Theo thần, chẳng qua đây là chuyện ghen ngược của Thần phi, bệ hạ nên an ủi, dù sao thì Thần phi cũng còn ít tuổi. Tuy vậy phải kể đến công lao của Thần phi trong việc sinh cho bệ hạ hai hoàng nam, không phải là người tu tập từ các kiếp trước sao được như vậy. Lại còn chuyện lưu thủ kinh sư khắp kinh thành, khắp cả nước đều nức tiếng khen.

- Chính ta còn băn khoăn là ở chỗ đó. Ta nói điều này không hiểu Lý Thường Kiệt có chia sẻ với ta và việc Ý Lan nhất thiết xin, ta có nên làm.

- Bệ hạ với thần vừa có nghĩa quân thần vừa có tình huynh đệ, thần đã hiến trọn cuộc đời mình cho bệ hạ, cho nhà Lý há chưa đủ sao mà bệ hạ còn phải đắn đo. Việc của bệ hạ là việc của thần, việc riêng trong nhà bệ hạ tương là việc riêng, kỳ dư nó lại là việc chung, việc nước đó. Việc chốn hậu cung nếu có gì mới phát

khởi phải thu xếp ổn thoả cho xong sớm, chớ để lâu ngày dây kén, như đám cháy ngầm, lúc ngọn lửa bùng lên mọi người nhìn thấy thì toàn bộ cơ nghiệp đã thành tro cả rồi. Thánh nhân đã dạy: “Tiên trị kỳ gia, hậu trị kỳ quốc”. Cho nên việc trong hậu cung chớ để âm ỉ kéo dài. Có điều gì thấy có thể làm bệ hạ cứ sai, xông vào lửa hoặc vào hang ổ giặc thần đâu có ngại.

- Thì ta cũng chinh chiến từ năm mười hai mười ba tuổi tới giờ cùng với khanh đó. Chúng ta chẳng cùng nằm gai nếm mật đẹp giặc đến cùng đó sao. Nay Đổ Kim, mai dã Cừ Long, lên bắc, sang tây lại vào nam đánh Chiêm Thành ta đâu có ngại. Song đó là loại giặc hữu hình, nó trá nguy thế nào ta cũng nhận ra. Còn loại “giặc trong hậu cung” nó vô hình, nó tàng ẩn như quỷ như ma, có lúc lại như thánh như thần, nó day dứt ta, nó xé vụn ta ra mà đâu đã thấy được hình hài của nó.

- Tâu, vậy chớ Thần phi đòi bệ hạ điều gì.

- Nàng xin ta phải có cái gì đấy bảo lãnh cho địa vị của mẹ con nàng.

- Vậy chức thái tử đã lập cho hoàng tử Càn Đức chỉ sau một ngày sinh ra còn chưa đủ sao.

- Chưa. Nàng bảo nàng không có một vây cánh nào để tựa ngoài ta. Lỡ ta có mệnh hệ nào thì mẹ con nàng sớm muộn cũng bị truất.

- Tâu, thế ai trong triều này có vây cánh, Bệ hạ,

vây cánh là mầm loạn đó. Có vây cánh ắt có bè đảng. Có bè đảng ắt có lời kéo người này người khác về phe mình. Vây cánh khiến nước Tần chia thành tam quốc, đánh nhau loạn xạ cả trăm năm. Vây cánh chia nước ta thành Thập nhị sứ quân. Bệ hạ phải dẹp ngay cái ý đồ vây cánh, dù ý đó là của Thần phi.

- Không đâu Thường Kiệt, Ý Lan không hẳn có ý đó đâu. Nàng chỉ muốn ta có lời uy thác với khanh để dù hoàn cảnh nào mẹ con nàng cũng không bị hất hủi.

- Giời ơi bệ hạ, ai lại làm thế. Nước đang yên bình thịnh trị, bệ hạ còn đang tuổi tráng niên sung sức lại đi làm cái việc thác cô ấu chúa.

Nhà vua cười mà như méo cả miệng:

- Khanh chẳng vừa khuyên ta có chuyện gì trong hậu cung phải dẹp bỏ ngay, chớ để nó âm ỉ như đám cháy ngầm đó sao. May mà nàng còn nói với ta, chỉ xin ta có lời ký thác mẹ con nàng trước khanh, đương nhiên phải có mặt của nàng. Ta cho đó là may lắm rồi, nếu không nàng ngấm ngầm câu kết với đám giám quan, đám nội hầu, cung nhân thì vừa nguy hiểm vừa ghê tởm biết chừng nào. Vậy nếu khanh chấp nhận như ta vừa nói đó thì bữa nào cũng tại cung này, ta cho triệu cả cả khanh và Thần phi cùng tới.

Cân nhắc giây lâu Lý Thường Kiệt nói:

- Ý bệ hạ đã thế, thần xin tuân chỉ. Theo ý thần

việc này nên giữ kín kéo thiên hạ đàm tiếu. Vả cũng không nên làm tờ bảo chứng làm gì để sứ sanh đời sau họ có cứ để chê bai. Vì rằng nước đang yên thịnh, pháp luật đang được thi hành ở khắp mọi nơi mà bản thân người làm ra pháp luật lại không tin vào nó.

- Phải! Khanh tình táo, kín kẽ. Có nhẽ bữa gặp dó ta chỉ khẩu dụ là đủ.

- Tâu, đúng như vậy, bệ hạ chỉ nên khẩu dụ.

Lại nói về Văn Miếu, mọi sự trừ liệu đã xong, ngày lành đã chọn.

Đúng giờ thì các quan đã tề tựu đông đủ. Kiệu rước vua cũng vừa tới. Các quan đứng chật hai hàng từ cổng tới sân Văn Miếu để nghênh đón nhà vua. Một tràng pháo nổ báo hiệu ngày đại lễ. Các quan tung hô:
- Thánh thượng vạn tuế!

Dân chúng kinh thành đứng chật các đường xung quanh Văn Miếu. Lễ trọng giành cho vua và các quan xong sẽ mở cửa Văn Miếu bảy ngày liền cho dân chúng kinh kỳ vào xem thoả thích. Vua và các quan vừa bước vào tới sân thì ban nhạc nổi trống chào. Dứt hồi trống lại cử nhã nhạc. Dứt ba bản nhạc thì hội thả chim Thăng Long xin được góp vui. Ghế kê quay thành vòng tròn cho các quan ngồi, chỗ vua ngự kê chiếc ghế có tay vịn phủ vải điều, có đệm lót, hai bên có hai cây lọng, phu lọng đứng che nắng cho vua. Một vòng tròn giữa sân để

làm sân khấu.

Hai ông Hội trưởng Hội thả chim của phường Hà Khẩu và phường Thái Hoà tuổi trạc năm mươi, tóc râu bạc như cước, y phục may bằng vải thanh cát, lưng thắt dải lụa đỏ, đầu quấn khăn vành dây bằng gấm lam, chân đi dép mo nang đến trước nhà vua qui lễ ba lễ, lại đứng lên lạy năm lạy rồi nói:

- Muôn tâu thánh thượng, chúng thần xin được phép thả chim cầu, kính mời bệ hạ ngự lãm.

Vua Thánh tông gật đầu với vẻ hài lòng.

Hai ông lão đi về hai xới chim của mình.

Một hồi ba tiếng trống báo cho các xới chim chuẩn bị sẵn sàng.

Từ hai bên tả hữu hai ông lão đi vào giữa sân, theo sau mỗi ông có bốn gã thiếu niên mặt mày sáng sủa, thân hình nở nang đều ở trần, đóng khố điều, mỗi thiếu niên bê một lồng chim, trên mỗi lồng đều phủ kín bằng tấm vải màu đen.

Lại ba tiếng trống đánh ghìm dùi, báo hiệu cho các trưởng xới vào bốc thăm lấy thứ tự thả trước thả sau.

Hai ông lão lại quay vào phòng tân khách, người quản thủ cuộc chơi đưa ra một cái đài gỗ sơn đỏ thếp vàng và nói: "Trong đài này có hai tờ giấy đều gấp làm tám buộc chỉ đỏ, trong mỗi tờ đều viết chữ "nhất" hoặc chữ "nhị", mở ra trong tay vị nào có chữ nhất thì được

thả chim trước, còn chữ nhị thì thả chim sau.

Ông lão phường Thái Hoà bốc được chữ “nhất”. Ông lão phường Hà Khẩu bốc được chữ “nhị”.

Trống thúc gấp. Bên phường Thái Hoà các gã thiếu niên bắt đầu cởi nút lồng chim. Ông lão đã đứng sát cạnh lồng thứ nhất.

Vừa dứt một hồi chín tiếng trống, ông lão liền hé nghiêng lồng cho chim bay vút lên trời. Khi những con chim đạt tới độ cao vừa đủ, ông lão lại thả tiếp lồng thứ hai, thứ ba, thứ tư. Số chim ở mỗi lồng tụ thành một khối tròn rồi chúng nhanh chóng biến mỗi khối thành một chữ. Bỗng nhiên có ai đó đọc thật to bốn chữ trên bầu trời: THÁNH THƯỢNG VẠN TUẾ.

Mọi người cùng nhìn lên trời và cùng hô: Thánh thượng vạn tuế!. Tiếng reo hò từ trong Văn Miếu hoà với tiếng reo ngoài phường phố tưởng lay động cả kinh thành.

Vua Thánh tông lòng tràn xúc động. Nhà vua thâm biết ơn nhân dân mình.

Bầy chim vẫn giữ nguyên đội hình hàng ngang với bốn chữ “Thánh thượng vạn tuế” giăng ngang trời, khi bay lên cao, khi sà xuống ngang ngọn cây. Đúng bảy lần như vậy chúng hộn dàn lại rồi chia thành bốn cụm với

bốn chữ: “THẦN VŨ NHỊ NIÊN”¹.

Lại rầm rập tiếng hô: “Thần vũ nhị niên!”

Sau lần biểu diễn cuối cùng, đàn chim sà xuống ngang nóc điện Văn Miếu rồi vút thẳng lên trời xanh tìm đường về nhà.

Khi sự thán phục, sự kinh ngạc về tài huấn luyện chim câu của ông chủ xới chim phường Thái Hoà chưa dứt thì có chín tiếng trống điểm đỉnh đặc.

Ông chủ xới chim phường Hà Khẩu bắt đầu mở lồng thứ nhất, lần lượt tới lồng thứ tư. Những con chim này cũng kết đàn và chia đàn như những con chim trong đàn của phường Thái Hoà, một loáng cũng đã có người xướng “VẠN THẾ SƯ BIỂU”². Mọi người lại xướng theo: “Vạn thế sư biểu”. Tuy nhiên, nó không gây được khí thế hào hứng như hai lần trước nữa.

Nhà vua sai gọi hai ông chủ xới chim của hai phường Thái Hoà và Hà Khẩu vào, vua khen:

- Ta có lời khen ngợi hai người đã dạy chim thật là tài. Đây là một thú chơi tao nhã, thú chơi nghệ thuật. Các người phải truyền lại cho con cháu và dạy cho nhiều người biết cách nuôi chim, dạy chim và giữ lấy

1 Sau khi đánh thắng Chiêm Thành, Lý Thánh tông cải niên hiệu là Thần Vũ. Đây là lần cải niên hiệu thứ tư và cũng là lần cuối cùng của triều vua này. Thần Vũ thứ nhất là năm Kỷ dậu (1069).

2 Tôn vinh Khổng Tử là người thầy của muôn đời.

dễ truyền đời như một thứ tài sản của nước. Liệu các người có dạy được loài chim này đưa thư đi xa rồi lấy thư từ xa về không.

- Tâu bệ hạ được ạ. Chúng thần vẫn thường thông tin tức cho nhau như thế đấy ạ.

Vua gật đầu vẻ bằng lòng lắm. Một thoáng vua lại hỏi:

- Chúng có thể đi về được bao xa

Ông lão phường Hà Khẩu tranh trả lời:

- Tâu bệ hạ, thực thì chúng thần chưa thử, nhưng cứ như sách cổ nói thì loài chim này có thể bay trong khoảng một ngàn dặm không lạc đường.

Vua gật đầu:

- Vậy chờ các người thử đi rồi thông báo lại, ta có thưởng lớn đấy. Vua lại tiếp: - Các người quản thủ cuộc thi này chấm giải, trao giải thế nào thì ta chưa biết, nhưng ta chấm cho chim phường Thái Hoà giải nhất, chim phường Hà Khẩu giải nhì. Nhưng tiền thưởng hai giải ngang nhau. Giải nhất một trăm lạng bạc, giải nhì cũng một trăm lạng bạc.

Mọi người đều thấy nhà vua thật là gần gũi dễ thương, nhà vua thật là cao thượng. Hai ông lão khẩu đầu vái lạy: - Tạ ân hoàng thượng!

Vừa xong trò thả chim đến màn múa của mười

sáu vũ nữ Champa. Đây là những vũ nữ và những điệu múa trong cung đình Chiêm Thành của Chế Củ do vua ta thấy vũ nữ thì đẹp, điệu múa thì vừa lạ vừa hay nên vua sai đưa về Đại Việt để cho mọi người cùng thưởng thức. Vua là người rất rành về âm luật nên thường đặt lời rồi chế nhạc cho cả nhạc công và ca công người Việt, người Chiêm cùng hát. Vua thường gọi các nhạc công người Chiêm lại để hỏi họ về các khúc điệu Tây Thiên¹ mà mỗi khi họ trình tấu làm nhà vua đắm say mê mẩn.

Sau điệu vũ dù các quan còn rất muốn xem vũ nữ Champa múa nhưng đã cận giờ, quan thái sư liền mời nhà vua cùng các quan đi thăm Văn Miếu. Qua nhà đại bái chín gian gỗ lim đỏ au, mái lợp ngói lá đề màu nâu đỏ, các đầu đao cong cong mềm mại.

Nhà Đại bái chỉ xây bít hai đầu còn mặt trước mặt sau đều để trống. Song song với nhà Đại bái là điện Đại Thành kiến trúc theo hình chữ nhật (=) được nối với nhau bằng một tiểu đình. Khoảng trống đó là để lấy ánh sáng trời. Điện Đại Thành bảy gian, ba mặt xây bít kín, phía trước là năm gian cửa bức bàn, hai gian đầu hồi là cửa liệt có chấn song con tiện.

¹ Thời đó các học giả nước ta thường gọi nhạc Chiêm Thành là nhạc Tây Thiên. Tây Thiên chỉ Ấn Độ. Thực ra nền văn hóa Champa dường như được thoát ra từ văn hoá tôn giáo Ấn Độ.

Điện Đại Thành là nơi thờ Khổng Tử và Tứ phối. Trong điện các đồ thờ đều bằng đồng sáng loáng, các khám thờ và hoành phi câu đối bằng gỗ vàng tâm, gỗ đàn hương, gỗ trắc, gỗ mun cùng hoành phi, câu đối sơn mạ vàng son chói lọi. Gian giữa tượng Khổng Tử đặt trong khám thờ, sau khám đặt bài vị có dòng chữ: “Đại thành chí thánh tiên sư Khổng Tử bài vị”.

Tượng Khổng Tử có dáng trầm tư mặc tưởng, thế ngồi vững chãi, đôi mắt mở to, hai tay để trong lòng, bàn tay trái để ngửa, tay phải úp sấp theo thế âm dương quân bình. Hai gian kế đặt bốn bức tượng tứ phối. Bên đông là hai tượng Nhan Hôi, Tử Tư; bên tây là hai tượng Tăng Tử và Mạnh Tử. Cả bốn tượng thờ phối đều đặt trong khám và nhìn về phía tượng Khổng Tử. Khổng Tử nhìn về hướng nam. Hai gian đầu hồi là mười bia đá bài vị thờ thập triết, tức là mười nhà hiền triết tiêu biểu cho bốn khoa: ngôn ngữ, đức hạnh, chính trị, văn chương gồm: Mẫn Tồn, Nhiễm Canh, Nhiễm Ung, Tế Dư, Đoan Mộc Tử, Nhiễm Cầu, Trọng Do, Ngôn Yểu, Bốc Thương, Chuyên Tôn Sư.

Nhà vua sửa mũ, sóc lại áo, đứng trước ban thờ vái ba vái. Vua tôi dạo quanh điện Đại thành xem lại cách bài trí đồ thờ, đọc các hoành phi câu đối.

Bức đại tự treo ngang trước tượng Khổng Tử với

bốn chữ ĐẠO QUÁN CỔ KIM¹ dát bằng vàng ròng nom thật là rục rờ, thật là mỹ lệ. Vua nói:

- Thái sư chọn bốn chữ này suy tôn Khổng Tử thật đắc địa. Ta còn được biết người Trung Hoa tôn sùng Khổng Tử tới mức như một thứ mặt trời khai sáng. Họ nói: *"Thiên bất sinh Trọng Ni vạn cổ trường như dạ"*.² Nhưng các khanh nên nhớ đây là chuyện của người Trung Hoa. Ta chỉ mượn học thuyết này như một phương tiện văn hoá, như chiếc bè chở người qua sông theo lời đức Phật dạy. Chớ có coi nó như một thứ dây trói buộc mình, như một chiếc thòng lọng tròng vào cổ mình, tự mình biến thành kẻ nô lệ cho người.

Vua và quần thần lại đi tiếp sang thăm hai nhà tá vu, hữu vu nơi trung bày bảy mươi hai bức chân dung học trò nổi tiếng của Khổng Tử.

Thật ra trong bảy mươi hai vị cao đồ này không phải tất cả đều trực tiếp học Khổng Tử. Ngay trong tứ phối có tượng thờ Mạnh Tử. Nhưng Mạnh Tử sinh sau Khổng Tử tới gần hai trăm năm³. Vậy sao đời sau lại ghép ông vào nhóm cao đồ của Khổng Tử.

1 Đạo nho đứng đầu xưa nay.

2 Nghĩa là: Nếu trời không sinh ra Trọng Ni (tức Khổng Tử) hẳn (người Trung Hoa) sẽ mãi sống trong đêm trường tăm tối (ý nói thiếu ánh sáng trí tuệ).

3 Khổng Tử 551 – 497 (Tr Cn).

Mạnh Tử 373 – 289 (Tr Cn).

Có lẽ vì học thuyết của Mạnh Tử vừa đi đúng mạch nguồn của Khổng Tử vừa bổ sung xuất sắc phần luận lý thực hành thật là căn bản khiến nho học trở nên hoàn thiện. Chính vì sự làm sáng giá này nên đời mới gọi học thuyết nho giáo là học thuyết Khổng - Mạnh, và coi Mạnh Tử là học trò xa của Khổng Tử.

Trước khi bước vào cuộc tế lúc giờ Mùi, vua Thánh tông cho triệu các quan vào nhà đại bái rồi dụ bảo:

- Triều Lý ta từ khi mới lập nước đã lấy tam giáo làm ý tưởng xây đắp nền văn hiến nước nhà, trong đó Phật giáo là nền tảng được tôn thành quốc giáo. Đó là sự lựa chọn khó khăn nhưng sáng suốt vì nó hợp lẽ nhân quần, hợp chánh đạo, đúng chánh pháp. Bởi vậy những ý tưởng cao đẹp của mỗi học thuyết đều được các bậc minh sư, minh triết trong các dòng đạo hợp với triều đình nâng nó thành lẽ sống của đời người.

Vì vậy ta mới có được xã hội tiến hoá như ngày nay. Việc lập Miếu Văn thờ Khổng Tử cùng với việc mở trường học ở các bậc cao cũng như trường quốc tử là nhằm đào luyện nhân tài có học vấn tinh thuần qua thi cử. Rồi đây các khoa thi Minh Kinh sẽ đi vào hạn kỳ đều đặn năm năm hoặc bảy năm một lần. Đồ khoa Minh Kinh mới chỉ là đồ về phần nho học. Vẫn phải thi tiếp phần Phật - Lão nữa mới là hoàn bị, mới đủ tri thức ra làm quan. Vì rằng trong dân chúng có người theo đạo

này, có người theo đạo khác, nhà nước không cưỡng chế dân phải theo về đạo nào cả. Một xã hội cởi mở như thế mà quan cai trị lại chỉ rành có một dòng đạo sẽ gây thiên vị trong đời sống tâm linh mọi người. Ta cũng lưu ý các Khanh rằng nhân tài không chỉ xuất hiện qua cái khung cửa hẹp này đâu. Nó có nhiều cửa khác, nhiều nguồn khác để nảy nở tài năng. Do vậy không được quyền kỳ thị người không có bằng cấp. Xét tài năng phải xét xem người ấy có thể làm được việc gì, đã làm được việc gì có ích hay không có ích cho nhân quần, chứ không thể chỉ tin vào cái mảnh giấy văn bằng.

Nhà vua nhìn các quan rồi lại nhìn xéo vào phía trong điện Đại Thành nơi có bức tượng của tổ đạo Nho rồi ngài sửa giọng nói tiếp: - Nếu nhà nước quá thiên trọng về thi cử, quá thiên trọng về văn bằng thì người ta sẽ đổ xô vào thi cử, đổ xô vào việc kiếm một mảnh bằng, vì danh vọng nằm trong cái mảnh giấy đó. Tới khi ấy thì xã hội nhan nhản người có bằng cấp nhưng lại không có người tài đích thực. Như thế tức là: “Cử học thịnh, thánh học vong”¹. Tất yếu rằng ta đã làm hư bại cái chân mỹ của các bậc thánh nho mà ta tôn thờ.

Dừng lại giây lâu, vua lại nói:

- Bây giờ nước ta mới bước vào thời thịnh học,

¹ Nghĩa là quá thiên trọng về văn bằng thi cử thì sẽ bỏ mất phần học thuật chân chính.

song phải lưỡng trước được lúc suy của nó để mà chặn ngăn. Từ nay việc tế tự tại Văn Miếu ta giao cho ty Thái chúc. Việc mở trường dạy học, việc thi cử tuyển bổ người có học có tài vào bộ máy công quyền, phủ Thái sư lo liệu, ta chỉ kiểm xét lại bằng các cuộc khảo khoá thôi. Nếu các người đã thi đỗ, đã được tuyển bổ mà không xứng chức thì người đó phải trở về làm dân, còn người tuyển bổ họ phải chịu biếm hoặc bãi chức. Nhân đây ta cũng nói để các ông rõ, việc tiếp nhận học phái Khổng giáo, không phải người mình ngu ngơ như một đứa trẻ ba tuổi, trái lại ta cũng đã có nền văn hiến khá cao. Cho nên ta chỉ tiếp nhận cái tinh hoa cốt tuỷ của nó mà ta cần. Bởi vậy muốn thấu nhận được phần minh triết của Khổng học, ta phải có các bậc minh sư. Ý ta muốn nói đến đội ngũ các bậc thầy siêu việt để đưa vào giảng dạy trong quốc học viện.

Đoạn nhà vua quay ra nói với Lý Đạo Thành:

- Lễ tế văn miếu năm nay, ta uỷ cho Thái sư làm tế chủ. Từ sang năm, việc này giao hẳn cho viên Quốc tử giám Tế tửu¹ làm chủ tế. Nói xong vua lên kiệu về cung.

1 Tương đương chức Hiệu trưởng hoặc giám đốc đại học quốc gia ngày nay.

XXVIII

Đô thái giám Đỗ Khánh Thập bề ngoài có cái vẻ lù đù ngoan ngoãn, gặp khi bị bề trên giận mắng ông thu mình lại tựa như một con chó bị chủ mắng đuổi cúp xuống, đầu cúi gằm, bò ra một góc khuất nằm. Vậy là con chó kia biết hối lỗi, còn ông, ông găm sự bực tức kia vào lòng chờ cơ hội sẽ bất ngờ nhảy lên cắn một miếng hiểm nơi yết hầu chủ.

Thần phi Ý Lan một người hồn nhiên, nhân hậu vốn ghét sự điêu xảo, ghét sự ton hót, nịnh bợ và có phần xa lánh đám giám quan. Bởi từ nhỏ đã nghe những chuyện ghê tởm về lũ người này. Và các triều đại đi vào suy thoái đều từ chốn hậu cung, từ đám thái giám.

Vì đám giám quan kém tài không thể đến gần Ý Lan được dù lấy cơ hầu hạ khiến đô thái giám phải ra tay, tức là ty thái giám phải xuất tướng.

Chỉ bằng vào một chuyện nghiêm minh, chính trực của hoàng thái hậu, thế mà với nghệ thuật báo tin lấp

lững theo cách của y đã khiến Ý Lan tức tối ghen ngược và lấy làm điều dễ dãi. Ý Lan không thể không lo lắng cho thân phận mẹ con mình nếu như hoàng hậu Thượng Dương liên kết được với Mai Thái hậu. Chính Đỗ Khánh Thập đã gieo vào lòng Thần phi cái điều mơ hồ đó, còn nàng cứ nuôi cho nó lớn thành một sự đe dọa.

Đỗ Khánh Thập cũng biết chỗ yếu của nhà vua là rất thương yêu Ý Lan, nhất là từ khi sinh được Càn Đức, niềm khát khao bao năm của nhà vua được toại nguyện. Cho nên nhà vua khó có thể từ chối Thần phi ở những việc xét ra nó chẳng có hại gì, thậm chí chỉ là sự lo xa, sự nũng nịu kiểu đàn bà, hoá nên y bày cho Ý Lan có sự liên kết vô hình với Lý Thường Kiệt.

Y cũng lại biết rằng Lý Thường Kiệt cũng là người tự yếm đẽ vào cung, thời cái sự xuất thân ấy có khác gì các thái giám khác, mặc nhiên sẽ có một chút ít, dù là rất ít thôi sự cảm thông với bọn y. Mặt khác Lý Thường Kiệt không hề có một tí gì gọi là giống các giám quan ngoài việc không hành lạc được. Ông là một đấng trượng phu, một bậc chính nhân quân tử, một bậc nhân tướng văn võ song toàn. Chính vì thế mà ông trọng lời hứa. Và một khi ông đã hứa thì dù có mòn non cạn biển ông cũng không thay đổi. Cái người đứng ra nhờ cậy ấy lại là nhà vua ắt Lý Thường Kiệt không nỡ từ chối. Và lại có hứa hẹn một cái gì to tát lắm đâu, nó đúng là một sự mơ hồ ông chẳng bà buộc.

Đỗ Khánh Thập chỉ cần thế. Và những gì y cần y đều thông qua Ý Lan để đạt được. Ngay bản thân Ý Lan cũng coi đó là những chuyện vu vơ. Riêng Đỗ Khánh Thập lại cho đây là một cái vốn lớn để làm ăn. Chẳng biết y sẽ xoay xoả thế nào với cái đồng vốn mông lung này.

Đã lâu Đỗ Khánh Thập không vào châu cung Thượng Dương, lấy cơ hoàng hậu không cho triệu, chắc không có việc gì cần đến y nên y không đến. Về phía hoàng hậu Thượng Dương có nhẽ bà cũng quên cái mặt đáng ghét ấy từ lâu rồi. Cái con người lúc nào cũng nhăn nhó hoặc cau có vì tiền ấy, địa vị chẳng bằng cái lông chân của bà thì việc gì bà phải quan hoài tới. Thế nhưng Đỗ Khánh Thập đâu có quên ai. Chân tay của y rải đầy các cung, cứ gọi là một con ruồi lạ bay vào cung Thượng Dương lập tức đến tai y trong giây lát. Ngay hoàng thái hậu là mẹ đẻ của vua, một bà già thẳng ngay, tốt bụng, y cũng cho người "hầu hạ" hết sức chu đáo. Đàng nào thì cái lý cũng thuộc về y, bởi trách phận của ty thái giám sinh ra là để hầu hạ bề trên, giám sát người dưới. Cho nên việc đưa các thái giám vào mỗi cung để săn sóc các bà hoàng hoặc răn dạy các cung nữ về phép tắc và cả cách vuốt ve hầu hạ hoàng thượng trong những cuộc ái ân cho thêm phần sướng khoái. Ngược lại, cung nữ nào vào cuộc mây mưa mà cứ trơ lì như khúc gỗ khiến hoàng thượng mất hứng thú trong

cuộc tình ái thì không những cung nữ đó lập tức bị giải cung mà bọn thái giám cũng bị phạt trượng.

Lại nói tiếng tăm của Ý Lan nổi rộ lên làm xôn xao mọi chốn mọi nơi cứ như là trời lốc bão đem gạo đổ đầy thêm chùa Vạn Tuế năm nào. Phải nói khắp trong các giới tăng, đạo, khắp các nhà quan cho tới cả nơi chợ búa phố phường, cả nơi thôn ố nữa hết người nọ đồn thổi đến người kia kín kín hở hở rằng “thần phi tài như thế này”, “thần phi giỏi như thế kia”, “thần phi nhân ái như Phật quán Thế Âm”... Các chuyện như thế đến tai đủ hạng người mà thực Ý Lan có làm gì đâu, có nói gì đâu ngoài mấy cuộc viếng thăm khi giữ quyền lưu thủ kinh sư.

Khi thấy nhiều người nói tốt cho Ý Lan nhà vua lại thấy vui. Vui vì ngài đã không lầm người. Về phía Ý Lan nhiều khi chuyện đến tai chính bà cũng ngộp choáng, nhưng bình tĩnh lại bà nghĩ hình như mình tài thật, hình như mình giỏi thật, mình tốt thật. Vả lại những lời nói ấy từ miệng các bậc trí huệ, các bậc quyền thế, họ có cầu cạnh gì mình đâu, mình có quyền biến gì đâu mà bảo họ phải chiều phải nịnh; suy từ đó Ý Lan thêm tự tin và thậm trách chính ta không nhận ra ta đó thôi.

Sự thật cái cơn gió hồng ấy đâu phải gió trời mà từ do thái giám Đỗ Khánh Thập hé mở hồ lô. Ông cho người đi rỉ tai khắp nơi, mà ở đời không chuyện gì có

sức lan toả nhanh hơn là chuyện rỉ tai kín kín hử hử. Khốn nỗi nó không phải là chuyện nguy họa, thuần chuyện tốt về ái phi của đương kim hoàng thượng. Mà hoàng thượng từ lâu đã nức tiếng là bạc vua hiền.

Bởi vậy qua mỗi người lại thêm lên tí chút cho câu chuyện có phần hấp dẫn hơn. Thật ra thì vua tốt, ái phi của vua tốt đẹp tài đảm thì dân nước được nhờ chứ có hại gì ai, chết gì ai mà sợ.

Nhiều người tinh ý cho đây là chuyện hơi quá, chuyện nịnh nhưng chẳng muốn nói ra vì nó không phải là chuyện xấu. Những câu chuyện lấy lòng ấy cứ sang tai người ta mãi, đồn thổi mãi tới mức lộng giả thành chân. Và bỗng nhiên nó trở thành một thứ vốn liếng, một thứ vật báu trời cho. Nhưng cho ai mới được chứ? Cho ai và ai được vật báu còn là bí ẩn dài dài, nó vận hành theo vận nước, theo cơ trời, người thường sao biết được.

Lại nói về cái điều Ý Lan năn nỉ xin nhà vua nói với Lý Thường Kiệt như lúc trước ta đã biết. Việc đó đã được thực hiện tại lầu bát giác cung Thiên Khánh.

Cuộc gặp như là một sự tình cờ, nhà vua cùng thần phi Ý Lan và hai hoàng tử đang chơi trong hành lang đại điện. Hoàng tử bé mới hơn hai tuổi cứ cậy cậy những ngón tay của mẹ buông ra để bé chạy. Bé chạy lon ton như một thiên thần khiến cả nhà vua và thần phi

đều vui cười thoải mái và cùng đuổi theo con.

Dù phải đuổi theo Minh Nhân vương nhưng nhà vua không quên ãm theo hoàng thái tử Càn Đức. Càn Đức lúc này đã năm tuổi, đáng vẻ khôi ngô tuấn tú, biết nghe lời người lớn. Nhà vua đã chọn tới cả chục ông thầy cho làm quen với hoàng thái tử. Nếu thầy nào dạy giỏi, dõ khéo, hợp với Càn Đức sẽ được chọn làm sư phó.

Giữa lúc mọi người đang vui chơi cùng hai trẻ, chợt thần phi Ý Lan nhìn thấy một chiếc xe tứ mã đi qua, bà vội níu tay nhà vua: “Bệ hạ, ai như xe của Lý Thái phó”. Thánh tông ngó nhìn: - Đúng rồi! Đúng rồi! Ngài bèn chỉ tay bảo đám quân tùy long đang đi lại phía ngoài cổng: - Các người chạy theo xe nói quan Thái phó tới chầu.

Viên đô trưởng bèn nhảy lên ngựa ra roi đuổi kịp chiếc xe bốn ngựa. Y nhìn vào trong xe gọi: - Bấm quan thái phó, bệ hạ triệu!

Lý Thường Kiệt vỗ vai tên xà ích: - Dừng lại.

Ngựa dừng, ông ló đầu ra hỏi:

- Người vừa nói điều gì.

- Bấm quan thái phó, bệ hạ đang ở cung Thiên Khánh, thấy xe của ngài đi qua, bệ hạ sai tiểu tướng đi triệu ngài.

Lý Thường Kiệt gật đầu. Ông khoát tay cho xà ích

quay đầu ngựa. Lý Thường Kiệt thông thả leo lên lầu. Vừa trông thấy nhà vua, Ý Lan và hai hoàng tử, ông tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi: - Tâu hoàng thượng, bữa nay có việc gì mà tiểu hoàng gia ta ngựa cả ở đây.

Vua cười thân mật đáp: - Đám trẻ đòi đi chơi. Ta bảo lũ a hoàn để ta dẫn chúng sang điện Thiên Khánh có nhiều chỗ chơi, cảnh đẹp, lên lầu nhìn được khắp kinh thành. Thấy nói ta đi, thần phi cũng muốn đi cùng, thế là cả nhà cùng đi.

Ý Lan nghe danh Lý Thường Kiệt từ hồi còn nhỏ. Nghe nói ông người khôi ngô tuấn tú được hoàng thái tử (nay là Thánh tông) rất mến đời vua cha đem vào cung cho cùng chơi. Tới năm Thường Kiệt (ngày đó là Ngô Tuấn) hai mươi tuổi, vừa cưới vợ được ít tháng thì vua dụ vào cung cho làm hoàng môn chi hậu. Thế là Ngô Tuấn tự yếm. Về nhà vợ đã bỏ đi. Vào triều, vua cho chức lại ban quốc tính bèn đổi sang họ Lý lấy tên mới là Thường Kiệt. Thường Kiệt nuôi chí làm tướng đi xa vạn dặm lập công. Tới nay ước nguyện của ông đã đạt. Ông thuộc loại tướng hễ đã ra trận là thủ thắng. Trong đời, ông chưa từng thua một trận nào.

Từ ngày về triều, đã đôi lần Ý Lan có được trông thấy Lý Thường Kiệt, nhưng chỉ loáng thoáng, chưa một lần nào được ngồi gần hoặc nhìn tường tận gương mặt ông, nghe giọng ông nói. Đành rằng nhà vua thường nói

về vị thần tử của mình với cả sự trân trọng.

Trong lúc nhà vua và Thường Kiệt đang hỏi han trò chuyện, Ý Lan nhìn nhanh thấy ông là người có tướng mạo khôi vĩ. Mặt vuông chữ điền, trán rộng khi ông ngược nhìn lên có tới năm vết nhăn chạy song song với khoảng cách đều đặn tựa như những con sóng nối nhau xô bờ. Mắt to, lông mày rậm, đuôi mày xéch lên như một nét mác. Mỗi bên lông mày có năm, sáu chiếc lông thật dài vắt cong qua hố mắt. Tròng mắt sáng, con ngươi lấp lánh nom đôi mắt ông linh lợi khiến gương mặt thêm sinh khí.

Có một điều hơi lạ là đàn ông nếu đã yếm rồi thì da mặt nám đen, lông mày rụng chỉ còn thưa thưa, môi thâm, tiếng nói khàn khàn như giọng vịt đực. Với Lý Thường Kiệt lại không như thế, lông mày rậm đã dành, tiếng nói tuy không thật trong nhưng giọng vẫn trong, vẫn tròn giọng, nước da hơi mai mái chứ không tái xám hoặc nám đen như các thái giám khác. Ông đi đứng vẫn đường hoàng đĩnh đạc, bước đi dài và chắc nịch thật không giống một chút nào với các thái giám khác, bước đi ngắn ngắn, dáng đi lạch bạch như vịt bầu, tay vẫy ngúng nguẩy, dáng đi vắn vẹo uốn éo như rắn trườn.

Chỉ riêng các điều nhìn tận mắt khiến Ý Lan thấy ông là người khác thường.

Một lát sau nhà vua và Lý Thường Kiệt đi vào

một biệt phòng. Vừa ngồi xuống ghế, Lý Thường Kiệt đã nói nhỏ:

- Bệ hạ thật tài tình, dàn bày xếp đặt mà cứ như chuyện tình cờ.

Thánh tông đưa hai ngón tay lên bịt miệng Thường Kiệt:

- Im không bị lộ đây này, để ta đi gọi nàng vào.

- Vẫn như hôm trước đã bàn chứ bệ hạ.

- Vẫn như thế thôi, không giấy tờ cam kết gì hết.

Ỗ Lan vào dắt theo hai chàng hoàng tử.

Chuyện vẫn một hồi nhà vua làm ra vẻ như là sự ngẫu nhiên. Chợt vua nói:

- Nay Thường Kiệt, bữa nọ ta tuyên phong khanh là thiên tử nghĩa đệ, các quan có ai nói gì không, có ai đến dinh khanh chúc mừng không.

- Tâu, chuyện lớn thế sao lại không có bàn tán. Thì cũng chỉ xoay quanh việc bệ hạ ưu ái thần. Cũng nhiều người nói tiên đế đã ban quốc tính cho thần, lại được vào hầu hạ bệ hạ từ tuổi niên thiếu, sống như thế có khác chi tình anh em. Dạ, hầu như các quan đến mừng đủ cả. Ai không đến hoặc bận việc chưa đến được, thần đều tự đến thăm viếng họ cho mọi chuyện nó bình thường, kéo họ lại bảo mình chấp nê.

- Nhân Thường Kiệt nói đến tình anh em, hôm nay

ta cũng vì cái tình đó muốn nhờ Thường Kiệt một việc.

Lý Thường Kiệt làm ra vẻ hết hoảng vội qui xuống:

- Kia bệ hạ, có chuyện gì thế.

- Đứng dậy đi, đây là tình anh em, miễn lễ vua tôi. Ta đã bảo tình anh em trong nhà. Số là ta tuy chưa già nhưng tuổi đã cao, các con lại thơ ấu, thần phi cũng mới vào triều tới nay là tám năm, mọi sự tuy thế vẫn cứ là bỡ ngỡ. Đất nước hiện nay đang thanh bình, nhưng ở đời hoạ phúc chẳng biết đâu mà lường, lỡ nay mai Vương An Thạch đưa binh sang xâm chiếm, ắt ta và khanh cùng ra trận. Trong chiến trận chẳng biết thế nào mà nói trước. Ngay bình thường, tai hoạ vẫn cứ xảy ra, đời là sự vô thường cả thôi. Ta nói thế để lỡ chẳng may có điều gì thời khanh vì ta mà che chở cho các hoàng nhi và thần phi của ta.

Lời nói đóng kịch nhưng được thốt ra từ cái tâm thành khiến Thường Kiệt xúc động. Ông nhỏ nước mắt nắm lấy tay Lý Thánh tông và nói:

- Bệ hạ sao lại nói ra điều gỡ này. Bệ hạ còn trẻ, các hoàng nhi rồi sẽ lớn. Thần phi là bậc nữ lưu tài đảm, cả triều thần, cả kinh sư đều mến đức. Dù bệ hạ có nói hoặc không nói lời uỷ thác thời tấm thân của Thường Kiệt này đã hiến trọn cho sự nghiệp của nhà Lý rồi. Khi thường cũng như khi biến, thần hứa sẽ bảo vệ hoàng

gia, bảo vệ các hoàng nhi cũng như bảo vệ đất nước đến hơi thở cuối cùng.

- Ta vô cùng biết ơn hoàng đệ.

- Kìa lạ chú đi các con, tự nhiên Ý Lan bật ra lời nói ruột thịt chân thành khiến Thường Kiệt xúc động.

Nghe lời mẹ, hoàng thái tử Càn Đức cúi đầu: “Lạ chú ạ”. Ý Lan lại bắt tay cho tiểu hoàng nhi lạ Thường Kiệt.

Cuộc gặp gỡ tuy ngắn ngủi nhưng cảm động, chân tình. Lý Thường Kiệt xin được đi làm công việc.

Vua Thánh tông ra tới gần cổng thì Lý Thường Kiệt nói: - Bệ hạ, thần muốn cho Lý Kế Nguyên sang Khai Phong có việc gấp.

- Mọi lần cử người đi khanh vẫn được toàn quyền kia mà.

- Thần muốn Lý Kế Nguyên sang đó với danh phận sứ thần để may có thể có cơ hội được vào bệ kiến Tống Thần tông nhằm thăm dò xem Vương An Thạch với tân pháp của ông ta thế nào, nhà Tống hiện nay có mưu toan gì với Đại Việt không. Hơn nữa còn móc nối mấy nơi hiện đang hoạt động biệt lập tránh sự soi mói của người Tống.

- Vậy khanh muốn ta cử Lý Kế Nguyên đi với danh nghĩa gì.

- Sứ đi báo tin đánh thắng Chiêm Thành.

- Thế thì bẽ cho thiên tử quá.

- Bệ hạ, đây là việc thăm dò. Nếu họ im re với ta, tức là họ đang gặp khó về nội bộ hoặc chốn biên thuỳ quân Liêu đang lấn át. Nếu họ làm căng với ta ắt sắp có chuyện với ta.

Bệ hạ sai thái sử thảo biểu, rồi đem ít quà chiến lợi phẩm thu được của người Chiêm biểu Tống Thần tông. Mọi việc Lý Kế Nguyên tự xoay xoả được. Nguyên tuy còn trẻ nhưng kiến văn rộng, có dũng khí, biết cương nhu tùy lúc lại thông thạo tới bốn năm thứ ngữ của các nước.

Nhà vua ngẫm nghĩ bỗng bật cười:

- Quà chiến thắng có như thuở trước Thái tổ ta gửi sang biểu một trăm con ngựa nòi hồ đi đến đâu cuốn bụi mịt mờ khiến dân Tàu hoảng hốt, Tống Chân tông rụng rời, ngậm miệng. Nhà vua chép miệng: - Thế cũng hay đấy, ta mới đánh Chiêm Thành năm ngoái, năm nay báo thắng trận là hợp lẽ, để ta nói thái sử lo liệu việc này, khanh cứ căn dặn Lý Kế Nguyên kỹ đi, nếu cần phải đi gấp thì khanh chọn ngày trước rồi tâu báo.

- Tạ ân bệ hạ. Nói xong Lý Thường Kiệt vái nhà vua ba vái rồi lên xe.

Có một chuyện đang đồn khắp kinh thành như là một sự lạ rằng khi hoàng thượng đi đánh Chiêm Thành

có bắt về một số tù, trong đó có đủ các hạng người, đủ loại tuổi tác khác nhau, nghề nghiệp khác nhau. Vua đã dụ lập làng mới cho họ sinh sống. Việc ấy không có gì đáng nói lại, duy có tăng lục Hoàng Hương Thụy xin thái sư cho một người giúp việc, chuyện đồn cũng từ người này mà ra cả.

Tăng lục Hoàng Hương Thụy là bậc túc thiên cũng là bậc túc nho, trong các phòng làm việc của ông, phòng nào cũng chứa đầy sách, không có người quét dọn lau chùi nên nhà cửa bừa bộn mà ngài lại bộn bề công việc, sức thì mảnh mai.

Nhìn trong đám tù nhân thấy một người đã luống tuổi, mắt sáng, tai to, mũi thẳng vóc hạc hao hao vóc dáng tăng lục Hoàng Hương Thụy. Tuy là tù nhân nhưng người này không tỏ vẻ sợ sệt, trái lại rất tự tin, dường như ông ta chẳng quan tâm tới những gì diễn ra trước mắt, cũng như không cần biết ai đã bắt ông và ông sẽ bị đối xử như thế nào. Cứ xem cung cách thì ngay cả bản thân ông, ông cũng chẳng quan tâm đến nữa. Nhận thấy người này có vẻ ung dung tự tại lúc nào cũng như trong trạng thái thiền quán, thái sư Lý Đạo Thành thăm lượng định: “Con người này có niềm tin tôn giáo, có đạo lực, nếu ta không nhầm”. Nghĩ vậy ông liền sai dẫn người đó về hầu hạ tăng lục Hoàng Hương Thụy.

Tăng lục nhận được người hầu lầy làm đắc ý. Ông

dắt tay người hầu đi thăm thú nhà cửa, phòng ốc, chỉ cho ông ta các việc phải làm. Cái khó là bất đồng ngôn ngữ. Ông ta không nói một lời nào sau mỗi lời sai bảo và gặng hỏi của tăng lục, ông ta chỉ đưa mắt tựa như muốn nói: "tôi hiểu", đôi khi ông khẽ gật đầu.

Hằng ngày, Hoàng Hương Thụy vẫn theo dõi xem các việc ông sai, người hầu có biết mà làm đúng theo ý ông không.

Lạ thay, người này không hề bỏ một việc nào ông đã sai làm từ hôm trước. Tăng lục Hoàng Hương Thụy ngỡ rằng ông ta biết tiếng nói của người mình nhưng giả vờ như không biết. Nhưng không phải vậy. Người tù chỉ nhận ra được các điều sai bảo khi nhìn vào mắt vào miệng chủ cùng với âm thanh của tiếng nói.

Có một lần ông gọi người tù vào căn phòng ngổn ngang sách do ông làm việc lâu ngày bày ra. Nào sách về kinh Phật, nào sách về nho giáo, nào sách thuốc... Có cuốn ông đọc, có cuốn ông tra cứu, lúc đầu chỉ dăm ba quyển, lâu dần giá, tủ, tọng thì rộng tuếch mà từ nền nhà đến găm bàn, chân giường, góc xó nào cũng có sách. Tăng lục chỉ vào những đống sách bừa bãi đó ra hiệu cho người tù xếp gọn lại rồi quét nhà. Chiều về ông ló vào phòng thấy căn phòng sạch sẽ tưởng không còn lấy một hạt bụi. Sách đã đưa hết vào giá, vào tủ, vào tọng. Ông mở tủ xem thấy một sự lạ. Người tù này

xếp đặt sách cứ như ông ta mới là người làm chủ của cả một viện sách quý như thế này. Tức là sách đã được xếp bộ nào vào bộ ấy, từng học phái xếp riêng, tác gia xếp riêng. Từ đó trong lòng vị tăng lục có phần nể trọng người tù mà bây giờ chính thức là người hầu, là nô bộc của ông, đương nhiên ông có quyền sở hữu và sai bảo bất cứ việc gì, thế nhưng phần tuệ giác lại mách bảo ông hãy giành cho người kia một sự tôn trọng. Tăng lục biết chắc là người nô bộc kia thông hiểu chữ nghĩa, kinh sách nhưng không biết ông theo về dòng đạo nào. Ông đã thử bút đàm, người nô bộc vẫn thản nhiên coi như không nghe thấy và không nhìn thấy gì hết. Đã hai tháng ở gần nhau, người nô bộc không hé miệng nói nửa lời, dù là lời than hay lời chửi bằng bất cứ ngôn ngữ nào. Trên danh chính ngôn thuận, người nô bộc này là tù binh bắt từ Chiêm Thành, đương nhiên y ta là người Chiêm, thế nhưng đưa người biết tiếng Chiêm đến thông dịch, cũng không chịu hé miệng. Điều đó khiến tăng lục Hoàng Hương Thụy hơi bức mình và khó hiểu. Tuy nhiên những gì người nô bộc này biểu hiện trong việc hầu hạ lại tỏ là người tự trọng, người có nhân cách riêng nên ông vẫn cố lưu lại để xem xét.

Cho đến một bữa nọ tăng lục Hoàng Hương Thụy có việc phải vào triều mai chiều tối ông mới trở về nhà. Cơm nước xong ông thấp bạch lập viết một bài thuyết giảng về phần cuối bộ kinh Kim Cương cho đạo

tràng Vạn Hạnh. Đây là một đạo tràng lớn mới lập vào khoảng năm Nhâm ngọ (1042) đời Lý Thái tông. Khi nhìn vào bản văn đang viết dở, tăng lục Hoàng Hương Thụy hết sức ngạc nhiên thấy có nét chữ lạ viết tiếp vào bài giảng thuyết của mình.

Nguyên là bài kệ kết thúc kinh Kim Cương:

Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán¹

Lời giảng tăng lục Hoàng Hương Thụy viết:

Pháp hữu vi là gì? Tất cả những gì có hình tướng, có thể nhìn thấy đều thuộc pháp hữu vi. Nó giống như chiêm bao, như bọt nước, như sấm chớp, như sương mù. Nói những thứ này là không ư, là ảo ư, sao ta lại thấy có hình tướng trong mơ khi ta ngủ; bọt nước, bong bóng nước, ánh chớp, sấm sét và sương mù đều cho ta thấy hình tướng cả. Nhưng khi ta vừa tỉnh thức hình tướng trong mơ đều biến mất, bọt nước hoặc bong bóng nước chỉ một loáng vừa hình thành đã tan vỡ, ánh chớp, sấm sét vừa loé lên đã vụt tắt, sương mù giăng mắc khi mặt

¹ Hết thấy pháp hữu vi,
Như chiêm bao, bóng nước,
Như điện chớp mù sương,
Đây quán cho thật đúng

trời vừa ló đã tan ngay. Vậy thời những thứ đó đâu phải là thực.

Tăng lục mới chỉ viết tới đây phải bỏ giờ công việc để vào châu. Khi về thấy có nét chữ khác viết thêm nơi các trang tiếp nối: ...Nếu nói bong bóng nước là giả tạm. Ừ nó là giả tạm vì nó chỉ là cái bóng rồi vỡ tan ngay. Vậy nước phải là thật chứ. Nhưng nếu nói nước là thật sao khi trời nắng nước cứ bốc hơi cạn dần rồi mất hết. Vậy nước cũng là giả tạm.

Cho nên tất thấy những gì thuộc về hữu vi Phật dạy ta phải: “Ứng tác quán như thị”. Tức là phải quán cho thật đúng. Quán cho thật đúng thì mọi thứ đều là hư ảo, là giả tạm.

Vua chúa giả tạm. Thần dân cũng giả tạm. Thế giới bên ngoài tất thấy đều giả tạm...

Sở dĩ người ta còn thấy thế giới hữu vi là do cái tâm vọng động, tâm nhị nguyên nên còn phân biệt hữu với vô. Suy cho cùng đó là do nguồn tâm vọng động. Muốn không vọng động nữa phải cột nguồn tâm lại, tức tâm không...

Nét chữ rần rời, lời lẽ quang minh sâu sắc khiến tăng lục Hoàng Hương Thụy hết sức kinh ngạc. Ông bèn cầm mấy tờ giấy có đoạn mới được viết thêm vào đem sang phòng người nô bộc hỏi với một sự niềm nở có pha phần kính trọng.

- Có phải chữ này là do ông viết?

Ông già kia gật đầu.

Đây là lần đầu tiên sau hơn hai tháng về hầu, người tù binh mới chịu đối thoại bằng một cái gật đầu.

Hôm sau tăng lục Hoàng Hương Thuy đem cái việc vừa xảy ra tâu lên vua Thánh tông.

Thấy sự lạ, vua liền vời đô tăng thống Lâm Huệ Sinh và một vài người trong giáo hội đến nhà tăng lục Hoàng Hương Thuy xem xét. Trước hết là xem bản diễn pháp của tăng lục và đoạn viết thêm của người tù binh.

Ai cũng lấy làm kinh ngạc. Nhà vua thân dẫn mọi người sang phòng ở của người nô bộc. Vừa chợt trông thấy nhà vua, ông ta đã cung kính vái chào.

Sau một hồi trò chuyện mới biết ông là một nhà sư từ Bắc quốc sang truyền pháp ở Chiêm Thành mới được vài năm. Ông có pháp danh Thảo Đường thuộc tông phái của Tuyết Đậu Minh giác. Ông bị bắt cùng với những người dân thường Chiêm Thành và bị đưa về Đại Việt. Ông không chống đối cũng không bị ngược đãi cho tới khi về hầu hạ tăng lục Hoàng Hương Thuy. Qua đối đáp vua thấy ông là người có đạo lực và có đức độ của một bậc chân tu nên đưa ông về trụ tại chùa Khai Quốc. Dường như đây cũng là một nhân duyên nên sau này vua và Thảo Đường có nhiều mối liên hệ gắn bó.

Về chùa Khai Quốc được ít lâu vừa xem xét việc tu tập của các thiền sư Đại Việt, các mối quan hệ giữa các dòng đạo, sự quan tâm của triều đình với công việc khai trí, khai tâm nhất là phần tâm linh tiến hoá của dân chúng và sau rốt là ông phải xem xét các tập quán, các phong tục của nền văn hoá bản địa, lại nữa ông cũng phải học cho thông thạo tiếng nói của người Đại Việt nếu như ông muốn lưu lại lập thiền phái và truyền bá trên đất này. Ông phát hiện ra một điều khá lý thú rằng ở Đại Việt ngôn ngữ, văn tự không đồng nhất. Tuy nhiên ông lại có thể tìm hiểu các mặt của bản xứ qua bút đàm với các đồng tu người Đại Việt.

Một điều khác nữa cũng là điều kỳ lạ khi ông xem các kinh sách, các thi văn do người Đại Việt lập ngôn trước tác đều thể hiện cái tinh thần ở xứ này người ta chỉ mượn nho học để chuyển tải nội dung Phật học vào nền văn hoá của họ. Đành rằng nho học cũng gây được chút ảnh hưởng trong giới cao tăng và đạo sĩ nhưng Phật học luôn nắm giữ vai trò chi phối.

Thiền sư Tháo Đường là một bậc thông tuệ khác thường, sau bốn tháng ở chùa Khai Quốc ông đã dăng đàn thuyết pháp bằng tiếng nói của người Đại Việt.

Buổi sơ ngộ ông chỉ nói pháp cho các vị đồng tu. Ông dùng Tuyết Đậu Ngữ Lục để thuyết giảng. Lời giảng của ông vừa giản dị mạch lạc vừa ẩn chứa những

chân lý siêu việt khiến người nghe chứng ngộ được cũng như khai ngộ được nhiều điều từ lâu còn mắc vướng. Tiếng tăm của sư ngày một nổi. Bữa nọ vua Thánh tông vân du tới chùa gặp sư đàm đạo. Vua lấy làm tâm đắc về môn phái của Thảo Đường hẹn ngày pháp thoại.

Qua nhiều lần pháp thoại, sư thuận đem Tuyết Đậu Ngũ Lục ra thuyết pháp. Tuyết Đậu Ngũ Lục là một dòng thiên thiên về trí tuệ và thi ca nên có sức thu hút mạnh mẽ các tầng lớp thiền sư học rộng đọc nhiều của hai thiên phái Vô Ngôn Thông và Tì Ni Đa Lưu Chi.

Chùa Khai Quốc thuộc dòng Vô Ngôn Thông do thiền sư Vân Phong trụ trì cách nay đã hơn một trăm năm, vậy mà các đệ tử của phái Vô Ngôn Thông ngay tại chùa này cũng đã có người qui theo dòng của thiền sư Thảo Đường.

Vua Lý Thánh tông là người học rộng, từng trải, bốn tâm nhân ái lại có khiếu năng âm nhạc và thi ca nên khó cưỡng lại được chất trí tuệ và cả sự thăng hoa nghệ thuật nhằm chuyển tải Phật đạo trong Tuyết Đậu Ngũ Lục và nhà vua đã mặc nhiên theo về thiên phái Thảo Đường, tuy ngài luôn nhớ lời phụ vương thường răn khi người còn tại thế rằng: *“Đức Thái tổ nhà Lý ta trước khi lâm chung ít ngày trong cuộc du ngoạn trên hồ Dâm Đàm, người dạy: - “Nhà Lý ta gốc ở Phật. Cho nên trách phận của*

con sau này vừa phải giữ nước vừa phải giữ đạo.

Điều căn cốt là phải làm thế nào cho đạo hoà được vào đời. Nhưng không được đời quá, không được thế tục quá. Thế tục quá thì đạo suy.

Tuy nhiên cũng không được siêu việt quá. Siêu việt quá thì đạo nhạt, vì số đông dân chúng không theo được". Lời di ngôn ấy ta cũng để lại cho con. Còn phần ta, ta đã suốt đời nghiêm giữ". Trong thâm tâm không bao giờ nhà vua dám nhạt phai lời nghiêm huấn của tổ tông. Sở dĩ nhà vua nhập dòng Thảo Đường nhằm lôi kéo số đông kẻ sĩ vừa trưởng thành từ cửa Nho. Hơn nữa nhà nước vừa chính thức tôn vinh nho học bằng việc lập Văn Miếu thờ Khổng Tử, thiết lập cả một hệ thống học đường, mai đây lại mở các khoa thi tất kẻ sĩ sẽ xuất hiện ngày một nhiều. Và vì vậy phải có một dòng thiền phù hợp với trí thức bậc cao của họ.

Từ khi mở thêm được dòng thiền Thảo Đường nhằm thu hút giới nho sĩ vào Phật đạo nhà vua thật sự hài lòng, ngài thường đem các việc đàm đạo với thiền sư Thảo Đường về thuật lại cho Ý Lan nghe. Ngay cả những chỗ mà ngài tâm đắc nhất Ý Lan cũng không mấy rung cảm. Nhà vua không nghi ngờ gì về tấm lòng sùng kính của Ý Lan đối với đạo Phật. Song trí tuệ nàng chưa vươn tới chỗ vi diệu nên nàng không lĩnh hội được và vì thế cũng không có sự sẻ chia. Lý Thánh tông

không lấy đó làm buồn mà nhà vua chỉ thấy thêm kính trọng lời nghiêm huấn của đức Thái tổ cao hoàng đế rằng: “Không được siêu việt quá. Siêu việt quá thì đạo nhạt, vì số đông dân chúng không theo được”. Ý Lan là người có học thức, lại được gần gũi và có sự chỉ bảo của các bậc đại trí còn như vậy, huống chi đám nông phu lam lũ nơi ruộng đồng hoặc đám binh lính chỉ biết có tập luyện và đánh giặc.

Bữa nọ nhà vua cho triệu thần phi Ý Lan sang cung Tuyên Đức, lại cũng triệu cả thái sư Lý Đạo Thành và đô hộ phủ sĩ sư viên ngoại lang Ngụy Trọng Hoà cùng có mặt.

Thoạt đầu vua hỏi Ngụy Trọng Hoà:

- Việc hình án bấy lâu nay thế nào, có còn người vô tội bị hàm oan nữa không?

Ngụy Trọng Hoà sửa lại mũ áo rồi thưa:

- Tâu bệ hạ, kể từ năm Đinh mùi tới nay đã được bốn năm, bệ hạ cho thần cùng Đặng Thế Tư sang coi sóc việc hình án, lại cho thêm bổng lữ thần cùng đám ngục lại để giữ thanh liêm, và việc hình án phải xét xử theo đúng pháp luật. Tức là các vụ án đều phải tuân theo đúng trình tự tố tụng, không được sơ sài, đại khái. Toà án và các cấp châu, quận chỉ được phép xử án tù cao nhất là sáu tháng. Và chỉ được coi là phạm tội khi đã qua xét xử tại một phiên toà. Tuy nhiên bản án chỉ

được thi hành khi toà án cấp trên xem xét lại án tích và chuẩn y.

Tâu bệ hạ, dù đã làm thân trọng như vậy nhưng thần không dám cam kết rằng bất cứ người nào ở tù cũng đều có tội cả. Vì rằng trong dân chúng hiếm có người am hiểu về pháp luật để có thể tự bảo vệ mình. Lại cũng không phải ai bị oan ức cũng dám đứng ra cáo giác, vì họ sợ bị trả thù. Lại nữa không phải những người trong bộ máy công quyền của bệ hạ đều tận tâm với bệ hạ, tận tâm với công việc mà còn nhiều kẻ ma giáo, chúng thông đồng với nhau từ cấp dưới lên cấp trên nhằm che bịt những điều tội lỗi. Bởi thế, sự gắng gỏi của lũ thần là nhằm cho pháp độ của bệ hạ được nghiêm giữ và dân chúng phần nào bớt được nỗi đau khổ vì hàm oan, chứ thần không dám dối lừa bệ hạ mà nói rằng người dân hết thấy đều được hưởng một nền pháp luật công bằng.

- Thôi được, nếu mỗi người đều làm hết trách phận của mình với lương tâm trong sạch thì người dân khốn khó cũng được vui nhẹ nỗi khổ đau. Điều làm ta luôn day dứt là đã trên sáu chục năm nhà Lý trị vì, triều đình đã tận lực lo cho dân mà vẫn còn nhiều người nghèo đói. Ta thừa nhận trong mấy chục năm qua không có người chết đói, nhưng người đói vào những năm hạn hán, bão lụt vì mất mùa thì vẫn còn. Ta mong các khanh hãy vì ta mà làm hết trách phận sao cho pháp luật được

nghiêm giữ để mỗi người dân có thể được hưởng những gì mà họ có quyền được hưởng. Hơn hết phải làm sao cho người dân hiểu được rằng những điều đơn giản nhất mà họ được pháp luật bảo hộ để đảm bảo quan cấp và bọn người có của không thể hà hiếp họ.

Nhìn thẳng vào mắt viên đô hộ phủ sĩ sư vua hỏi:

- Liệu khanh và cả khu mật viện có làm được các điều ta đòi hỏi không?

- Tâu bệ hạ, thần xin tuân mệnh, nhưng xin bệ hạ dụ bảo cho các cơ quan then máy cũng phải giữ nghiêm pháp luật, bởi một nước thịnh hay suy là ở chỗ người cầm cân nảy mực, người làm ra pháp luật có sự tôn trọng pháp luật hay đứng ngoài pháp luật, đứng trên pháp luật mà không chịu sự ràng buộc nào cả.

Nhà vua gật đầu rồi quay sang phía Lý Đạo Thành:

- Những điều đô hộ phủ sĩ sư vừa nói là chí phải, ta nghĩ phủ thái sư phải khởi thảo ra một số điều luật nữa bổ cứu vào Bộ hình luật năm Nhâm ngọc (1042), trong đó ràng buộc tất cả mọi người trong bộ máy công quyền các cấp phải là những người mẫu mực cho dân trong việc thực thi luật pháp. Nếu người trong bộ máy công quyền phạm pháp bất kể giữ trọng trách gì, từ xã trưởng, hương trưởng đến tể tướng đều phải cách hết

quan cấp rồi trị tội nặng gấp đôi người thường. Ta sẽ phê chuẩn và ban hành cấp kỳ, phải ngăn chặn ngay không để cho nó ăn sâu bén rễ vào các cơ quan then máy của ta. Ý thái sư thế nào? Vua gạn hỏi.

- Tâu bệ hạ, đó cũng là điều bấy lâu nay thần lấy làm nhức nhối, song lại sợ nó đụng chạm đến lợi ích của những người quyền cao chức trọng thân thế lẫy lừng, hoặc những người giàu nứt đố đổ vách như Vương Khải Thạch Sùng. Nay bệ hạ đã dụ, đó là chỗ dựa vững chắc cho thần tu chính và bổ sung một số điều cho Bộ hình thư năm Nhâm ngọ. Thần hứa sẽ sớm trình để bệ hạ châu phê.

- Thái sư có biết vì sao bữa nay ta triệu ông cùng với đô hộ phủ sĩ sư và cả Thần phi vào cung Tuyên Đức để làm việc không.

- Dạ, chúng thần đang nghe bệ hạ dụ bảo.

- Sở dĩ ta phải mời các khanh đến để hỏi bàn về việc thi hành luật pháp là vì luật pháp có can hệ đến nhân nghĩa. Mà nhân nghĩa lại là đức lớn trong phép chăn dân trị nước. Hơn nữa ta cũng muốn Thần phi nghe để còn răn dạy các hoàng tử. Đành rằng đã có nhũ mẫu, có a hoàn săn sóc, nay mai đến tuổi đi học có các ông sư phó rèn cặp. Nhưng nói cho cùng không một giáo dưỡng nào tốt bằng sự giáo dưỡng của người mẹ. Chỉ có tình thương của người mẹ mới bao trùm hết

thấy. Do đó ta muốn các khanh sẽ giúp rập thêm cùng với Thần phi bàn bạc đổi trao để thông qua Thần phi mà con ta sau này nối dòng đại thống sẽ có được các đức tính cần thiết của một bậc minh quân.

Muốn làm một đấng minh quân trước hết phải là người trí. Muốn làm một đấng minh quân trước hết phải là người nhân. Nếu không là người trí xét đoán công việc sẽ rơi vào lầm lạc, vô minh. Nếu không là người nhân sẽ thiếu đức khoan dung, thiếu lòng nhân ái. Nếu không ái nhân thì sao có thể ái dân được. Nếu không khoan dung đại độ sẽ hẹp lượng dẫn tới so bì tranh công cả với quần thần. Nếu không trí, không nhân sao có thể nghe được những lời can gián trái tai. Nếu không có đức khoan dung thì cũng không thể kiềm cần liêm chính. Người làm vua mà không liêm, không chính sẽ dẫn đến pháp luật không nghiêm. Pháp luật không nghiêm là đầu mối của mọi sự rối nát. Một khi có đủ các đức tính đó rồi lại phải có đức dũng nữa. Nếu bậc quân trưởng nhút nhát, gặp việc khó, việc hiểm nguy việc chinh chiến thì đẩy cho người khác, còn mình kiếm cơ lùi lại phía sau thì sao có thể sai bảo được ba quân khi cần có thể hiến dâng cả máu xương, cả sinh mạng mình cho non sông đất nước. Cho nên đã gọi là đấng minh quân phải biết đem mình ra mà thân giáo.

Vua Thánh tông dừng lại khá lâu, nhà vua nhìn mọi người như muốn ký thác điều gì đó. Đoạn ngài lại

nói: - Mấy lời ta vừa bộc bạch tâm tư cũng có nghĩa là ta muốn gửi gắm nơi các khanh một việc cực lớn. Vì tuổi ta đã cao, con ta lại đang còn thơ ấu, đành rằng sức ta còn khoẻ nhưng đời là vô thường, sống chết chỉ là một hơi thở.

Cho nên có một bậc vua sáng như ta nói, có được bộ máy công quyền như ta mong muốn lại còn phải biết hợp quần. Hợp quần giữa vua tôi, hợp quần giữa triều đình với dân chúng, chỉ có hợp quần mới tạo thành sức mạnh. Cũng có thể nói hợp quần chính là lẽ sống còn của một quốc gia.

Một lần nữa nhà vua nhìn mọi người với cái nhìn thiện cảm rồi ngài nói:

- Tất cả chỉ có thế! Những gì cần nói, ta đã nói hết với các khanh. Mong các khanh ghi nhớ và truyền dạy lại cho con ta. Lại nhìn mọi người nhà vua mỉm cười thân thiện: - Đừng nghĩ điều ta nói là một điềm triệu gì mà lo lắng. Nên nhớ ở đời không gì hệ trọng bằng sự tử, sự sinh, nhưng sinh, tử cũng là lẽ thường hằng như ngày với đêm thôi, muốn cũng không được, tránh cũng không được, vậy còn gì nữa mà phải lo.

Lý Đạo Thành tiếp lời vua:

- Tâu bệ hạ, người trí huệ là người thấy được điều mà người thường không thể thấy. Người quân tử là người biết phòng bị từ xa.

Bệ hạ vừa là người trí vừa là bậc quân tử nên những điều bệ hạ răn dạy lữ thần là những điều thuộc về đạo lý, chúng thần xin ghi nhớ và làm theo.

Sau khi mọi người đã ra về nhà vua còn căn dặn Thần phi Ý Lan:

- Mai này các hoàng nhi đến tuổi, nàng phải răn dạy cho các con học hành các điều như ta đã nhiều lần nói với nàng và với các cận thần tâm phúc. Duy nhất có điều này ta chỉ nói riêng để nàng biết mà răn dạy các hoàng nhi. Tức là phải cho các con học kỹ về binh pháp, về võ nghệ. Khi lên trị vì phải tự mình nắm lấy việc binh. Chớ để việc điều hành binh bị vào tay một cường thần. Nếu để lọt việc điều hành binh bị vào tay cường thần, chợt nó có manh tâm ắt xā tắc chao đảo. Bậc quân trưởng khi đã nắm việc binh rồi thì ra trận tự mình phải làm tướng, phải giữ quyền tổng quản, nhưng cũng phải biết lắng nghe các tướng đã dầy dặn gió sương, tung hoành trận mạc.

Từ khi nắm quyền lưu thủ kinh sư tuy chỉ có mấy tháng nhưng Ý Lan thấy được nhiều điều. Rằng quyền lực tự thân nó có sức mạnh kỳ lạ. Và muốn bảo vệ mình một cách hữu hiệu nhất không gì chắc chắn bằng quyền lực. Các mối quan hệ có được do làm lưu thủ kinh sư đã nâng tầm vóc của Thần phi vào hàng thế lực. Cũng phải nói chính đô thái giám Đỗ Khánh Thập là người

khai mở nhân giới cho Thần phi về sức mạnh của quyền lực, lại khéo léo liên kết một cách kín đáo và tế vi giữa Ý Lan với những người quyền thế đầu triều. Ý cũng tạo cho Thần phi những kẻ thù chưa lộ diện. Mặc nhiên Ý Lan không còn là một cô gái quê khờ dại nữa. Nàng đang mon men ở vòng ngoài của chính trường và biết nhìn đời một cách sâu sắc vừa cảnh giới vừa giấu nanh vuốt, đó là những gì mà Đỗ Khánh Thập đã khéo léo truyền dạy cho Ý Lan.

Nhận mệnh của hoàng thượng, Lý Thường Kiệt đang ráo riết chuẩn bị cho từng sắc quân tập trận. Ông lĩnh ý nhà vua rằng đây là sự cần thiết phải lo từ thời bình, từ khi đất nước còn bình yên vô sự, có như thế tới lúc có hoạ biến mới không bất ngờ, không rơi vào lúng túng.

Nhà vua còn căn dặn thời gian tập trận giữa các sắc quân nên cách quãng và ở những nơi nước địch ít dòm ngó đến. Và khi tập lớn có sự phối hợp giữa các sắc quân với nhau như quân bộ, quân thủy, quân kỵ thì đem vào mạn trong phía Thanh Hoá, Nghệ An nhưng phải chọn các nơi có địa hình giống với các tỉnh biên thủy phía bắc. Vua sẽ thân đến duyệt từng trận của mỗi sắc quân.

Lý Thánh tông theo suốt từng trận của mỗi sắc quân và ngài thật hài lòng với tài thao lược của Lý

Thường Kiệt, ngài cũng có lời khen ngợi tới binh sĩ bởi họ thực sự là người lính khi họ ở nơi quân ngũ, họ cũng thực sự là người nông phu khi họ ở trên đồng ruộng.

Binh là việc hiểm và tốn kém, nhưng tổ chức theo lối ngụ binh ư nông, là gửi việc hiểm nguy vào nơi ruộng đồng vừa nhàn nhã lại đỡ tốn kém, khi nhà nước cần huy động thì mỗi hoàng nam tức là mỗi nông phu sẽ là một người lính.

Cho các sắc quân tập trận xong, vua hỏi thái úy Lý Thường Kiệt:

- Khanh đo sức quân ta sau kỳ tập diễn này thế nào?

- Tâu bệ hạ, sức quân ta đang mạnh. Mặt nam Chiêm Thành có giỏi cũng phải dăm bảy năm sau mới gượng dậy được. Còn mặt bắc tuy họ là nước lớn nhưng không phải họ muốn làm gì ta cũng được. Đánh ta, họ thường lấy quân lương Quảng và một số ít quân Kinh Hồ làm nòng cốt. Quân Kinh Hồ thì sợ quân Liêu như sợ báo sợ cọp, còn quân lương Quảng địch với quân man Nùng của Nùng Trí Cao đã bại hoại rồi. Mấy năm trước phò mã Thân Thiệu Thái và công chúa Bình Dương đánh sâu vào đất Tống, bắt tướng Tống như đi vào chỗ không người.

- Ấy vậy mà ta vẫn cứ bán khoãn cái mặt bắc. Thái tổ và tiên đế đều di ngôn: "*Hiểm họa đối với nước ta từ*

nay về sau đều xuất phát từ mặt bắc”.

- Tâu bệ hạ về lâu về dài thì đúng là như vậy. Hiện thời nước Tàu chẳng khác chi một con hổ già chỉ còn giữ được bộ lông vẫn chừ thực nanh vuốt đã lung lay mồm mòm rồi. Nó có thể dọa dẫm bằng cách vươn vai khoe mẽ hoặc lượn ra lượn vào khoe oai, chừ nếu ra đòn chắc nó sẽ tự gục ngã. Thần không dám tự phụ, nhưng lúc này thế quân ta đang lớn, ta đang ở thế thượng phong, bệ hạ nên giành thời gian cho việc mở mang nghề nông, phát triển nghề công, mở rộng giao thương nhiều hơn nữa. Từ ngày ta mở bạc dịch trường tại Vân Đồn hàng hoá bán ra mua vào khiến thuế thu được cũng nhiều thêm. Bệ hạ nên xem xét, ta có thể mở thêm vài ba bạc dịch trường nữa để phá cái thế độc tôn của người Tống.

- Phải! Chuyện này ta cũng đang tính. Phi thương bất phú, hơn ngàn năm trước Quán Trọng đã tính tới chuyện này rồi. Tuy nhiên vẫn cứ phải canh chừng Vương An Thạch. Một khi họ có đường lối đúng, họ vực thế nước lên nhanh lắm. Theo ta, lúc nào cũng phải coi kẻ địch là địch mạnh thì việc phòng bị mới tốt được.

Vừa ăn tết xong sang xuân trời nắng giòn ngắt. Suốt cả mùa xuân qua mùa hạ bầu trời trong vắt không một gợn mây, không một trận mưa, lúa bó gốc không để được, héo quắt rồi khô dần trên mặt ruộng nề toác.

Cây cối trong các vườn nhà không kết trái, lá mỏng teo. Trâu bò gầy guộc da bọc xương vì đói vì khát bởi đồng khô, cỏ cháy ao hồ ngòi lạch đều cạn kiệt. Khắp bốn phương dân tình ngao ngán sợ trời gieo tai giáng họa.

Vua ngỡ ý với đô tăng thống Lâm Huệ Sinh:

- Phải chăng trăm thất đức nên trời trách phạt. Nay trăm muốn trai giới và chỉ ăn ngày một bữa cơm chay, bỏ hết rượu chè, thịt cá, tiệc yến. Trăm cũng muốn lập trai đàn cầu đảo và sám hối, đô tăng thống cùng giáo hội giúp trăm được chăng?

Suy nghĩ giây lâu, đô tăng thống đáp:

- Bệ hạ vốn biết thì tiết vận hành không phải lúc nào cũng theo ý người muốn. Gió mưa, bão lụt, hạn hán, nóng lạnh đều theo về cái luật tuần hoàn của nó, bệ hạ không nên xem sự bất thường của thì tiết là bởi có sự bất tương nơi con người. Vả lại bệ hạ là người lúc nào cũng kính Trời - Phật, ái nhân, ái vật thế thì Trời phải thương, Trời phải thưởng cho bệ hạ mới là sự công bằng thiên lý chứ.

Theo thiển ý của lão tăng, bệ hạ không nên bỏ cái thế nhân chủ của một bậc vua hiền để ăn chay sám hối như một sa môn bình thường. Làm như vậy có nghĩa là bệ hạ đã bỏ mất điều nhân lớn mà đi làm một việc nghĩa nhỏ. Chi bằng hãy đợi vài bữa nữa thì tiết chuyển mùa, mưa sẽ trút xuống chan hoà đồng ruộng. Sợ rằng

lúc đó bệ hạ lại muốn cầu tạnh.

Thấy lời nói của đô tăng thống thật là hữu lý, vua không thể nài gì hơn, ngài liền đáp:

- Thôi được, trẫm tạm nghe lời khuyên của đại lão nán chờ thêm vài bữa nữa.

Quả như nhời đô tăng thống, chỉ mấy ngày sau thời tiết chuyển mùa. Mây đen phủ kín bầu trời. Gió thổi loạn tứ tung. Cả một khung trời mênh mông bị khuấy đảo như trong một hồ lô cực lớn. Có lúc cả bầu trời tối đen lại, gió xoáy vù vù như bão lốc, nghe như tiếng quỷ, tiếng ma thét gào.

Suốt một ngày đêm trong cảnh hãi hùng đó, nhà vua cảm thấy run sợ. Ngài nhớ lại những trận giao tranh từ thuở mười lăm tuổi tới nay, đã gây bao cảnh chết chóc nơi chiến trường. Gần nhất là cuộc bình Chiêm năm Kỷ Dậu mới cách đây có ba năm. Ta nhớ trận đánh bên bờ sông Tu-mao, ta đã giết tướng Chiêm là Bô-bì-dà-la và chém hàng vạn thủ cấp quân Chiêm. Vua rùng mình kinh sợ, nghe như trong tiếng gió thét gào vùn vù kia chính là tiếng quỷ ma đòi mạng.

Trong cung điện vắng lặng, ánh nến bập bùng cơ hồ như muốn tắt, vua ngửa mặt lên trời khẩn: "Trời trao cho tôi ngôi vua của một nước. Trách phận của tôi phải giữ yên bờ cõi, bảo vệ cuộc sống của hàng triệu lương dân. Thế mà trời lại để cho nước lớn phía bắc chèn ép

tôi, nước nhỏ phía nam quấy phá lương dân tôi. Trong lúc ra tay có thể có người vô tội bị thác oan, lòng tôi luôn day dứt. Vì thế sau mỗi trận chiến tôi đều có làm lễ cầu siêu xin Phật tổ từ bi hoá độ.

Nay trời ra oai trách phạt, lòng tôi run sợ sám hối. Xin trời hãy dẹp cơn thịnh nộ. Và nếu thiên lý chí công thì xin hãy trách phạt kẻ đã chèn ép nước tôi, kẻ đã quấy rối dân tôi...”

Lạ thay, nhà vua vừa khấn xong gió liền lặng phắc và mưa trút nước ào ào. Suốt ba ngày đêm mưa không ngớt hạt, nước ngập trắng trời, sức nhớ lời khuyên của đô tăng thống Lâm Huệ Sinh: “Sợ rằng lúc đó bệ hạ lại muốn cầu tạnh”.

Nhà vua giật mình kinh hãi và tự nhủ - Lâm Huệ Sinh quả là bậc thánh tăng. Vậy mà ta cứ nhìn ngài bằng con mắt tục.

Trong mấy ngày mưa nhà vua vừa lo lắng thương dân chưa hết nạn hạn hán lại tiếp đến nạn lụt. Vừa thương dân vừa nhiễm lạnh, nhà vua đổ bệnh.

Các thái y đã nhiều lần chẩn vẫn không tìm ra bệnh. Lúc thì chân tay bủn rủn người lạnh toát như băng. Lúc hâm hấp sốt, về đêm mồ hôi toát ra như tắm. Vừa thay áo xong đã ướt đẫm. Có khi trống ngực đánh loạn xạ, lồng ngực nở phập phồng như sắp vỡ tung, toàn thân đau quằn quại.

Băng đi ít ngày lại tưởng như khoẻ mạnh không có bệnh tật gì nhưng miệng thì đắng nghét chẳng muốn ăn.

Nằm mãi ở cung Tuyên Đức bệnh vẫn không thuyên giảm, vua đòi về nằm tại điện Hội Tiên.

Điện Hội Tiên gần với cung Đông Tiên là nơi hoàng thái tử Càn Đức ra đời. Vua muốn về ở Hội Tiên để được gần gũi các hoàng nhi. Trong khi đó lại có chiếu cho hữu ty rằng ai vào lầm hành lang tả hữu của quan chức đó¹ thì bị đánh tám mươi trượng. Điều đó cũng có nghĩa là cấm không cho ai được qua lại thăm viếng nhà vua.

Từ ngày lâm bệnh đầu óc nhà vua lúc nào cũng ong ong nhức nhức như có một luồng khí nặng đóng băng tại đó. Bởi vậy đôi lúc chân tay dù có nhức nhắc được nhưng đầu óc vẫn cứ trĩu nặng. Vì vậy từ khi lâm bệnh nhà vua dường như bỏ hẳn việc triều chính. Hai ban văn võ do thái sư Lý Đạo Thành và thái úy Lý Thường Kiệt điều hành, việc nước chưa có gì cản ngại.

Cho tới một ngày cuối tháng chạp Lý Thánh tông đột ngột qua đời, hưởng thọ năm mươi tuổi, nhà vua băng nhưng không kịp khẩu dụ, cũng không kịp lập di chiếu.

Vụ mùa năm ấy bội thu. Vua đi xa mà vẫn đem theo nỗi lo mất mùa, nỗi lo dân đói.

¹ Sĩ quan phụ trách quân cấm vệ

BÌNH BẮC ĐẸP NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI QUỲNH GIAO

Biên tập: **HOA PHƯỢNG**

Bìa: **VĂN SÁNG**

Sửa bản in: **Tác giả**

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối – Hà Nội

ĐT: 04.39710717 – 39717979 – 39717980 – 39716727 – 39712832

Fax: 04.39712830

Email: nxbphunu@vnn.vn

Chi nhánh: 16 Alexandre De Rhodes – Quận 1 – TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38234806

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

Chi nhánh **Công ty CP Xây dựng & DVTM Vạn Niên** tại Hà Nội

34 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 04.37566647

Email: nhasachvannien@gmail.com

In 3000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Công ty CP in SAVINA.
Số đăng ký KHXB: 648-2010/CXB/47-36/PN, ký ngày 02/07/2010.
QĐXB số: 140/QĐ-PN. In xong và nộp lưu chuyên quý IV năm 2010.



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á
NORTH ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

TRỤ SỞ CHÍNH: SỐ 117 QUANG TRUNG - P. QUANG TRUNG - TP. VINH - NGHỆ AN
TEL: 0383 844277 FAX: 0383 8410757 - Website: www.nasbank.com.vn



TÁM TRIỀU VUA LÝ cho ta biết vì sao

Lý Công Uân đã quyết định dời đô và biến nước Đại Việt từ nghèo nàn, thô phác trở thành một nước phú cường, văn thịnh, võ trị.

Một nước văn hiến vào loại sớm so với trình độ chung của nhân loại.

TÁM TRIỀU VUA LÝ còn cho ta biết lễ nghi, phong tục, hội hè từ làng xã đến cung đình.

TÁM TRIỀU VUA LÝ cũng cho ta biết võ công oanh liệt trong công cuộc phá Tống, bình Chiêm để bảo vệ nền độc lập, mở mang bờ cõi...



NGÂN HÀNG BẮC Á
BAC A BANK

TRỌN BỘ TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ TÁM TRIỀU VUA LÝ

**THIÊN SỬ DỤNG NƯỚC
CON NGỰA NHÀ PHẬT
BÌNH BẮC ĐẸP NAM
CON ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH**



NHÀ SÁCH VẠN NIÊN

ĐỊA CHỈ: 34 HOÀNG QUỐC VIỆT, NGHĨA ĐỒ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐT: 04.39927062 - FAX: 04.37566647

Bình Bắc đẹp Nam (Tập 3)



9 783506 911559

Giá: 175.000đ